

Roman
Karmen



Ánh sáng trong rừng thẳm

*Bút ký của nhà làm phim tài liệu
hàng đầu thế kỷ XX về Việt Nam*

Roman Karmen

(16/11/1906 – 28/4/1978) là nhà quay phim và đạo diễn phim Xô Viết. Ông được coi là một trong những nhà làm phim tài liệu vĩ đại nhất thế kỷ XX. Cuộc đời nghệ thuật của ông rất đa dạng trong các vai trò: Đạo diễn, biên kịch, quay phim, nhà báo, nhà sư phạm điện ảnh. Những thước phim tư liệu mà Karmen để lại thật sự là những thiên anh hùng ca huyền thoại. Ông từng có mặt và làm phim tại những điểm nóng của thế kỷ XX như Stalingrad trong Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô, nội chiến Tây Ban Nha, cuộc cách mạng Cuba... Ông cũng chính là người thực hiện bộ phim tài liệu nghệ thuật màu nổi tiếng Việt Nam. Trước năm 2004, khán giả Việt Nam đã biết đến bộ phim này (bản đen trắng) với tựa đề Việt Nam trên đường thắng lợi.

“Cuốn sách *Ánh sáng trong rừng thẳm* vừa ấn hành, tôi rất hạnh phúc và cảm động gửi cuốn sách này đến các bạn Việt Nam của tôi.

Cuốn sách này là kết quả hoạt động khiêm tốn của tôi – một nhà báo, nhà điện ảnh Liên Xô, hết lòng yêu mến đất nước Việt Nam và nhân dân Việt Nam. Tôi xin dành cuốn sách này cho những người Việt Nam hào hiệp và cao quý, những chiến sỹ vì tự do, những người lao động.

Tôi tin chắc tôi sẽ trở lại Việt Nam và viết thêm những trang mới về những thắng lợi mới của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì hạnh phúc, hòa bình và thống nhất đất nước.”

(Trích thư của Roman Karmen gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Mục lục

Tác giả

LỜI ĐẦU SÁCH

Ở VIỆT NAM, MỌI NGƯỜI RẤT MONG ĐỢI CÁC ĐỒNG CHÍ!

CÁC “THỦ TỤC” BIÊN PHÒNG

ĐỒNG CHÍ HỒ CHÍ MINH

“COI CHỪNG VẮT”

MÁY BAY NÉM BOM XUỐNG CÁC THUNG LŨNG ĐANG NGỦ SAY CỦA VIỆT NAM

ĐỒNG CHÍ KHOA LO LẮNG, CHÚNG TÔI ĐÃ VI PHẠM MẬT LỆNH

CHÚNG TA SẼ GẶP NHAU BÊN BỜ HỒ HOÀN KIẾM, HÀ NỘI

THIỆU TÁ JAKEN – CON NGƯỜI NHẢ NHẪN

NHỮNG BÀI HÁT VÙNG CHÂU THỎ ĐẦY NĂNG

THÁI NGUYÊN ĐÃ HOÀN TOÀN ĐỔI KHÁC

BỘ CHỈ HUY PHÁP CHO PHÉP CÁC NHÀ ĐIÊN ẢNH XÔ VIẾT VÀO HÀ NỘI

LỜI ĐẦU SÁCH

Năm 2004, nhân dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, nhân dân cả nước ta náo nức đón xem bộ phim màu *Việt Nam* của đạo diễn điện ảnh Liên Xô Roman Karmen (1906 - 1978), xây dựng từ nửa thế kỷ trước, ngay trong những ngày cuối của chiến dịch lịch sử và những ngày đầu hòa bình, sau Hiệp định Genève.

Có thể nói Roman Karmen là một trong những nghệ sĩ lỗi lạc của thế kỷ XX, một nhà đạo diễn điện ảnh tài ba bậc thầy. Ông đã trải qua một cuộc đời kỳ thú, sôi nổi, ông có mặt ở hầu như các điểm nóng nhất trên thế giới mang ý nghĩa thời đại: Tây Ban Nha, Trung Quốc, các nẻo đường chiến tranh vệ quốc Liên Xô vĩ đại, Việt Nam, Cuba, Chile, Indonesia..., gặp gỡ và sát cánh bên những nhân vật huyền thoại của nhân loại, từ Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Fidel Castro, Luis Corvalán đến John Reed, Louis Aragon, Ernest Hemingway, Ilya Grigoryevich Ehrenburg, Jean-Paul Sartre ... trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít cũng như giải phóng giành độc lập dân tộc. Những bộ phim do ông xây dựng được coi là các tác phẩm kinh điển được đưa vào kho báu của nền điện ảnh Xô Viết và thế giới: *Ngày của thế giới mới, Bản anh hùng ca về những người khai thác dầu mỏ Caxpien, Những người chinh phục biển, Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, Tòa án của các dân tộc, Việt Nam, Hòn đảo bốc cháy, Grenade, Grenade, Grenade của tôi!, Đồng chí Berlin, Lược địa bốc cháy, Corvalán...*

Là một trong những nghệ sĩ Xô Viết đầu tiên được tặng thưởng huân chương chiến đấu Sao đỏ, Roman Karmen còn nhận được nhiều huân và huy chương khác, giải thưởng nhà nước và giải thưởng Lenin về văn học, nghệ thuật, danh hiệu Anh hùng Lao động xã hội chủ nghĩa Liên Xô. Ông còn là một người thầy để lại nhiều thế hệ học trò nổi tiếp đẩy tài năng phát triển nền nghệ thuật điện ảnh giàu bản sắc ở Nga cũng như ở nhiều nước khác, trong đó có các nghệ sĩ điện ảnh Việt Nam.

Cùng với mọi người, trong dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, năm 2004 ấy, tôi cũng hồi hộp và náo nức chờ đón buổi công bố bộ phim màu *Việt Nam* của R. Karmen trên Đài Truyền hình Việt Nam và rồi cùng mọi người xúc động ngồi theo dõi từng hình ảnh một trong suốt buổi chiếu. Các buổi chiếu lại tôi cũng cố không bỏ sót.

Tôi nhớ ngay cuối những năm 1950, đang là lưu học sinh ở Moskva, chúng tôi đã được xem bộ phim *Việt Nam trên đường thắng lợi* của Roman Karmen, được hoàn thành sau chuyến đi Việt Nam vào năm 1954. Sau đó ít lâu, tôi lại mua được cuốn sách *Ánh sáng trong rừng thẳm*, bút ký của chính Roman Karmen, xuất bản ở Moskva năm 1957, ghi lại chuyến đi đầy gian khổ nhưng đầy ắp những kỷ niệm đẹp của đoàn làm phim của ông đến Việt Nam khi ấy. Đọc những trang sách của ông, tôi nhận thấy rõ một tình cảm gắn bó thân thiết của ông đối với đất nước cũng như con người Việt Nam, nhất là các văn nghệ sĩ Việt Nam – những người gắn bó rất chặt chẽ với đoàn làm phim của ông trong thời gian đó. Chia tay với Việt Nam khi ấy, Roman Karmen viết trong phần kết cuốn sách của mình:

Bây tháng ở Việt Nam! Thời gian trôi nhanh đến mức tôi không kịp nhận ra những ngày cuối cùng của cuộc chiến đã qua, những ngày hòa bình đầu tiên đang đến. Trong tôi không thể nào phai mờ được kỷ niệm về các cuộc gặp gỡ với nhân dân Việt Nam, những trẻ em, bộ đội, du kích, những bộ trưởng, thầy giáo, công nhân, nông dân...

Lần đầu tiên trong đời, tôi đến đất nước này và tôi sẽ yêu mến nó đến trọn đời. Trong giờ phút chia tay, tôi muốn tin rằng mình sẽ trở lại, sẽ thấy một Việt Nam hạnh phúc, thống nhất, không bị chia cắt bởi bất kỳ vĩ tuyến nào.

Tôi bắt tay rồi ôm hôn những con người tôi yêu quý lần cuối. Và khi máy bay lượn một vòng già biệt trên bầu trời Hà Nội, phía trên hình bầu dục xanh lam của hồ Hoàn Kiếm, trái tim tôi như đang muốn nói:

“Tôi sẽ không nói lời vĩnh biệt với Người, Việt Nam thân yêu!”

Trong sách, tác giả cũng cho biết đoàn làm phim của ông khi ấy đã dùng phim màu để quay. Bản thân Roman Karmen còn hướng dẫn nhà quay phim Việt Nam Mai Lộc quay bằng phim màu. Về cuối chuyến đi ông còn giao ba hộp phim màu cho Mai Lộc tự xử lý...

Đạo diễn nổi tiếng Trần Văn Thủy vốn là một trong những học trò cưng của Roman Karmen trong bài viết của nhà báo Hữu Giai⁽⁴⁾ có nói một câu: “Nếu thầy tôi còn sống, chắc chắn ông sẽ rất buồn khi biết rằng Việt Nam đã phải mua bản quyền bộ phim đó”. Tiếp theo Trần Văn Thủy còn nhắc lại câu trả lời của Roman Karmen với một nhà báo: “Nếu có điều kiện thăm lại chiến trường xưa, ông sẽ thăm lại Tây Ban Nha, mặc dù trái tim ông để ở Việt Nam...”

Đến đây tôi giật mình. Tự nhìn lại bản thân mình. Mặc dù tôi chỉ là một người dân Việt Nam bình thường, không có chức trách, quyền uy gì, nhưng yêu quý biết ơn Roman Karmen về bộ phim *Việt Nam*, tôi lại có trong tay cuốn sách của ông. Tôi đã trích dịch đôi phần giới thiệu với bạn đọc Việt Nam. Nhưng rồi tôi lại bỏ lửng đó không dồn tâm sức khi còn trẻ giới thiệu trọn vẹn tác phẩm ấy với bạn đọc Việt Nam, để bày tỏ lòng yêu mến, kính trọng và biết ơn của mình...

Mãi gần đây nhân dịp gặp gỡ với một bạn trẻ công tác ở Nhà xuất bản Công an nhân dân, biết tôi có bản dịch dở dang tác phẩm của Roman Karmen đã khuyến khích tôi hoàn thành, mong có cơ hội giới thiệu rộng rãi với bạn đọc.

Tuổi đã cao, thời giờ có hạn, nhưng được sự cộng tác của nhóm bạn trẻ công tác ở Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, đến hôm nay bản thảo đã tạm hoàn chỉnh. Do hoàn cảnh khách quan, một số chi tiết trong sách không thật chính xác, nhưng vì tôn trọng tác giả nên chúng tôi vẫn giữ nguyên và thêm chú thích. Qua NXB Công an nhân dân và Công ty Cổ phần Sách Thái Hà, tôi xin gửi tới bạn đọc gần xa, mong góp chút kỷ niệm về người bạn thân thiết của nhân dân ta trong suốt hơn một nửa thế kỷ nay.

Mùa xuân Ất Mùi 2015

Thúy Toàn



Ở VIỆT NAM, MỌI NGƯỜI RẤT MONG ĐỢI CÁC ĐỒNG CHÍ!

Tôi bắt đầu ghi chép này ở Moskva trong lúc chuẩn bị cho chuyến đi tới đất nước xa xôi, không giống với những đất nước mà tôi đã tới trong cuộc đời quay phim lâu năm của mình. Tôi sẽ hoàn thành những ghi chép này cũng ở Moskva, lúc từ Việt Nam trở về sau khi bộ phim được quay xong. Ít nhất cũng phải mất một năm, không thể sớm hơn.

Tôi suy nghĩ rất nhiều về bộ phim sắp làm. Chúng tôi biết quá ít về đất nước mà chúng tôi sẽ giới thiệu cho hàng triệu khán giả. Tôi đọc tất cả các tài liệu về Việt Nam. Các bài báo và các cuốn sách mỏng chỉ cung cấp những thông tin sơ lược về kinh tế và địa lý của đất nước này. Khí hậu nhiệt đới, nhiều rừng rậm. Dân số 23 triệu người (1954). Nhiệt độ trung bình ở Sài Gòn là 25°C. Động vật có khi, hổ, voi rừng. Sông Mê Kông có cá sấu.

Thật thú vị và hấp dẫn! Tuy nhiên, đó không phải là mối quan tâm của hàng triệu trái tim đầy yêu thương và lo lắng, đang hướng tới Việt Nam khói lửa.

Máu của những người lính dũng cảm đã nhuộm đỏ dòng Mê Kông và sông Hồng. Những khu rừng trở thành lò lửa của cuộc chiến đấu không khoan nhượng với bọn thực dân. Những thành phố biến thành đồng đổ nát. Sự sách cổ của một dân tộc yêu chuộng tự do bị đốt thành tro bay trên mặt đất cháy xém vì bom napalm.

Với một niềm xúc động biết ơn, tôi đã đọc kỹ cuốn sách của Léopold Figuères⁽²⁾ – một nhà báo Pháp tài năng kể cho thế giới sự thật về cuộc chiến tranh của dân tộc Việt Nam chống lại những kẻ thực dân. Khi từ Việt Nam trở về, Léopold Figuères, người cộng sản ái quốc dũng cảm phải lần trốn sự truy lùng của cảnh sát vì chính quyền Pháp đã ra lệnh bắt giam ông. Ông bị tuyên án tử hình vì những bài phóng sự trung thực đăng trên các báo *Nhân đạo* (L'Humanité) và *Tối nay* (Ce Soir), khi đại diện cho nhân dân Pháp tố cáo chính sách thực dân tàn bạo của những thế lực phản động đang nắm giữ chính quyền ở nước này.

Tôi đọc và trước mắt tôi hiện ra hình ảnh cao đẹp của nhân dân Việt Nam đang chiến đấu vì độc lập, vì quyền được sống và lao động trên chính quê hương mình. Liệu chúng tôi có kể về Việt Nam sống động như Léopold Figuères đã kể trong cuốn sách của ông không?

Khó khăn lớn nhất của chúng tôi không phải là việc phải vượt qua những gian khổ của thời chiến. Chúng tôi phải vừa làm phim vừa khám phá đất nước này – tìm hiểu về kinh tế, văn hóa, chiến lược và chiến thuật chiến tranh nhân dân.

Hai thành viên của đoàn khảo sát, nhà quay phim Evgenhi Mukhin và Vladimir Eshurin cũng chia sẻ lo lắng này với tôi.

Chúng tôi được gặp gỡ với Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Liên Xô, đồng chí Nguyễn Lương Bằng⁽³⁾, và có cuộc nói chuyện khá dài với ông.

- Ở Việt Nam, mọi người đang rất mong đợi các đồng chí - đồng chí Nguyễn Lương Bằng nói - công việc của các đồng chí rất nặng nề, nhưng Chính phủ và các tổ chức đoàn thể của chúng tôi sẽ giúp đỡ các đồng chí hết mức có thể trong điều kiện chiến tranh khó khăn. Tôi nghĩ các đồng chí sẽ phải chịu đựng khí hậu của Việt Nam...

Đồng chí Nguyễn Lương Bằng đã cho chúng tôi rất nhiều lời khuyên bổ ích liên quan đến công tác chuẩn bị cho chuyến đi, bảo quản phim, đóng gói thiết bị. Rồi cả về áo khoác, dép quai hậu, mũ, thuốc kí ninh...

- Các đồng chí đi đúng vào mùa mưa nhiệt đới. Điều này sẽ gây khó khăn cho công việc và việc đi lại của các đồng chí. Nhưng mọi người sẽ giúp đỡ các đồng chí.

Sau khi chúc chúng tôi lên đường bình an, Đại sứ nói:

- Các đồng chí sẽ là những người Xô Viết đầu tiên đặt chân đến Việt Nam. Những người đầu tiên! Mọi người sẽ coi các đồng chí là những người anh em. Các đồng chí sẽ thấy nhân dân chúng tôi yêu quý Liên Xô như thế nào.

DỪA NHIỆT ĐỚI VÀ BĂNG BẮC CỰC

Phim là mối quan tâm hàng đầu của chúng tôi. Những thước phim màu dễ hỏng của chúng tôi liệu có chịu đựng được cái oi bức và ẩm ướt khủng khiếp của vùng nhiệt đới? Mọi người nói: “Các anh đừng có lo. Các anh hãy đem theo phim đen trắng, chúng chắc chắn hơn, bền hơn và tốt hơn!”

Không, khán giả sẽ không cảm ơn chúng tôi nếu họ không được nhìn thấy những hình ảnh thật về phong cảnh Việt Nam, sông núi, đồng bằng, những gương mặt người...

Chúng tôi đựng phim trong những hộp sắt hàn kín. Tám hộp sắt như vậy được đặt trong thùng gỗ bọc một lớp phốt cách nhiệt dày. Chúng tôi mang theo 40.000 thước phim màu. 40 kilômét phim!

Mỗi người chúng tôi đem theo ba máy quay. Đó là những chiếc máy quay phóng sự tự động, nhẹ, với bộ ống kính chất lượng tuyệt hảo. Làm sao để bảo vệ máy quay không bị ẩm và gì? Chúng tôi nghe nói ở Việt Nam máy chữ phải cất trên lò than hồng...

- Phải bôi dầu hàng ngày! - Các chuyên gia giàu kinh nghiệm của phòng kỹ thuật quay phim, đồng chí Vopotnikov và Kolmogorov, những người cung cấp thiết bị cho chúng tôi, cứ nhắc đi nhắc lại như vậy.

Chúng tôi được cung cấp máy ghi âm dùng ác quy, loại hiện đại nhất. Ở phòng âm thanh, chúng tôi được học cách sử dụng nó, ghi âm thử. Đáng tiếc là nó quá cồng kềnh.

Đồng chí Ivan Dmitriev Papanin cung cấp cho chúng tôi những chiếc lều rất tốt làm bằng vải chống thấm nhẹ, màn chống muỗi. Lần gần đây nhất tôi phải dùng đến chúng là trong chuyến thám hiểm vùng Cực cùng với đồng chí trên tàu phá băng mang tên Stalin ở biển Greenland, khi cấp cứu tàu “Sedov” đang bị trôi dạt. Hiện nay đồng chí Ivan Dmitriev đang làm việc tại Viện Hàn lâm Liên Xô. Và những chiếc lều của chúng tôi là được trích từ Quỹ Thám hiểm của Viện Hàn lâm.

Ngày một thêm nhiều đồ đạc. Phải đến gần một tấn. Mà chẳng có gì là thừa hết!

Nhà quay phim Hà Lan Joris Ivens⁽⁴⁾ đang ở thăm Moskva. Tại xưởng phim của chúng tôi, anh đang hoàn thiện bộ phim tài liệu mới nhất của mình *Khúc ca của những dòng sông vĩ đại* – một thiên phóng sự dài về phong trào công nhân quốc tế, về những người dân nô lệ của các nước thuộc địa bị bóc lột dã man, về phong trào của quần chúng nhân dân khắp thế giới đấu tranh vì quyền lợi của mình. Hàng chục nhà quay phim ở mọi nơi trên hành tinh đã quay phim này cho Ivens.

Tôi và anh là bạn đã nhiều năm. Lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau là vào năm 1936 ở Tây Ban Nha, trong những ngày chiến trận ác liệt tại Jarama, tại sở chỉ huy của tướng Máté Zalka⁽⁵⁾, vị chỉ huy tài ba của Lữ đoàn quốc tế số 12. Khi đó Ivens cùng với nhà văn Hemingway đang làm bộ phim tài liệu *Mảnh đất Tây Ban Nha*, còn tôi suốt năm đó đang làm phóng sự.

Chúng tôi trở thành bạn bè không chỉ vì có thiện cảm và cùng chung công việc. Tình yêu với nhân dân Tây Ban Nha, mong muốn kể cho loài người sự thật về cuộc đấu tranh chính nghĩa vĩ đại và những khổ đau của dân tộc này đã điều xích chúng tôi lại gần nhau. Những năm sau này, chúng tôi luôn theo dõi từng bước đi của nhau. Năm 1938, suýt nữa thì chúng tôi được gặp nhau ở Trung Quốc. Cuộc đời của chúng tôi, những nhà làm phim tài liệu nay đây mai đó khắp thế giới, có gì đó giống nhau.

Thời gian này tôi và Ivens nói nhiều về công việc sắp tới của tôi ở Việt Nam. Chúng tôi lại phải chia tay sau thời gian gặp mặt ngắn ngủi, và lần này là rất lâu...

- Tớ là “người Hà Lan bay”⁽⁶⁾ - anh ấy nói - còn cậu?

Chuyến bay Moskva - Bắc Kinh cất cánh vào nửa đêm. Hành lý của chúng tôi nhiều đến mức chỉ có thể chở thêm đúng ba người, tức là Mukhin, Eshurin và tôi. Thành ra chúng tôi chiếm cả một chuyến bay.

Chiếc máy bay lấp đầy ánh đèn báo hiệu này thật tuyệt vời. Thân máy bay màu bạc, ánh hồng của đèn néon làm nổi chữ “Moskva” trên nền mi nhà sân bay. Những phút cuối cùng của bạn bè đến tiễn chúng tôi trước chuyến đi xa. Không biết đây là lần thứ mấy, tôi, một người làm phim thời sự Xô Viết, chia tay với bạn bè – hình như sắp quen mặt rồi... Nhưng hôm nay, ánh mắt bạn bè tôi như nồng ấm hơn.

Trong số người đến tiền có nhà quay phim Mark Troyanovsky. Máy ngày nữa anh sẽ bay lên Bắc Cực. Có ai đó nói đùa về đũa nhiệt đới và băng Bắc Cực. Có cả Ilia Mazuruc, người sẽ “đưa” Mark lên Bắc Cực và Joris Ivens nhắc tôi: “Cậu đừng quên kể về phụ nữ Việt Nam nhé!”. Đó là anh ấy đặt hàng cho bộ phim sắp tới của mình về phong trào phụ nữ quốc tế đấu tranh vì hòa bình...

Máy bay thường bay cách xa thủ đô. Lần này, chiếc IL-12 của chúng tôi bay ngay phía trên đường Kaluzsky, ngang qua trường Tổng hợp, thẳng về phía Moskva.

Chúng tôi nhìn thấy thành phố lấp lánh với hàng triệu ánh đèn. Lần đầu tiên trong đời tôi có dịp ngắm nhìn thành phố trong bộ cánh rực rỡ như vậy. Bao nhiêu là ánh đèn! Chúng tôi vừa kịp chia sẻ với nhau niềm phấn khích thì điện Kremli đã trôi qua dưới cánh máy bay. Moskva cũng biến mất. Trong bóng tối chỉ còn thấy những ánh đèn hiệu màu xanh, tiếng rầm rì của động cơ và cả ba chúng tôi cùng chìm trong những suy tưởng đang bay còn nhanh hơn cả chiếc máy bay chở chúng tôi.

Lại một biển ánh đèn nữa – thành phố Kazan. Rồi ngoài cửa sổ lại chỉ còn ánh đèn hiệu màu xanh trên cánh máy bay. Không nhìn thấy mặt đất nữa. Như thể chúng tôi đang thực hiện một chuyến bay vũ trụ trong cỗ máy kim loại đưa chúng tôi xuyên qua màn đêm.

TRÊN SA MẠC GOBI

Sân bay cuối cùng trên đất Liên Xô – Irkutsk. Khi chúng tôi tới, chiều đã muộn. Những đám mây đen bay qua mặt trăng nhợt nhạt chiếu sáng một vùng rừng taiga của Siberia rộng lớn. Chúng tôi nghỉ ngắn tại Irkutsk. Ở đây, mặt trời lên vào lúc một giờ, theo giờ Moskva⁽⁷⁾. Người công an biên phòng trẻ tuổi bước vào máy bay đưa hộ chiếu cho chúng tôi. Thang xe, mối liên hệ cuối cùng với Tổ quốc, cũng rời khỏi máy bay. Cô ngã rạp dưới những động cơ đang gầm rít. Chúng tôi lại bay về hướng Đông, về phía mặt trời đang lên...

Sương mù trắng bạc che phủ những đồi trọc. Phía dưới cánh máy bay bên phải là hồ Baikal. Phi công phụ chỉ cho chúng tôi lũng sâu nơi bắt nguồn con sông Angara vĩ đại – con sông cả của mọi dòng sông ở Siberia. Bờ hồ Baikal trơn trượt và khắc khổ. Một làn khói trắng đơn độc bay thẳng lên giữa những ngọn thông bên bờ hồ. Họ là ai, những con người đang ở bên bờ của biển hồ vĩ đại? Nhà địa chất? Thợ xẻ gỗ? Có thể đó là một người Siberia râu rậm hay một thiếu nữ bước ra khỏi lều, đưa mắt tiền đưa chúng tôi trong cái lạnh run người buổi sáng?...

Còn phía cửa sổ bên trái không nhìn thấy bờ hồ Baikal, lúc này đã khuất sau làn sương vàng lấp lánh. Đã có lẽ là nếu bay qua hồ Baikal phải thả xuống đó một đồng xu bạc. Mọi người chỉ nhớ ra nghi lễ này khi dưới cánh máy bay lại hiện ra rừng taiga, đồi trọc, còn phía đường chân trời là những đỉnh núi trắng hồng của dãy Sayasky.

Vào lúc ba giờ chiều, chúng tôi bay qua Ulan Bator. Phía dưới máy bay hiện lên một thành phố trải rộng – thủ đô của nước Cộng hòa Mông Cổ. Máy bay chuyển hướng và thành phố biến mất. Lại những ngọn núi màu hung, dưới chân núi đây đó vẫn còn những đám tuyết chưa tan.

Chúng tôi bay trên sa mạc Gobi. Thình thoảng lại thấy những trại dừng chân của những người chăn gia súc. Quanh những chiếc lều rắc đầy hạt cườm – những đàn gia súc đông đúc chắn thả trên các ngọn đồi.

Chúng tôi được cảnh báo rằng đây chính là nơi bất ổn nhất của hành trình này – sa mạc Gobi. Quả đúng là như vậy. Máy bay lắc dừ dội và liên tục gặp những luồng khí ngược chiều. Lên cao, xuống thấp rồi lại từ từ lấy lại độ cao, cả thân máy bay rung chuyển.

Sau cái lạnh tê người ở sân bay Ulan Bator, chúng tôi thấy nhiệt độ tăng lên nhanh chóng. Chúng tôi lần lượt cởi áo khoác, áo vét. Phi công từ buồng lái bước ra nói với chúng tôi: Họ vừa nhận được thông báo thời tiết từ Bắc Kinh, ở đó đang rất nóng, 35°C.

Chúng tôi bay trên Vạn Lý Trường Thành. Từ trên rất cao có thể nhìn thấy một đường chỉ xám mảnh, lượn ngoằn ngoèo qua đồi núi và sa mạc, qua những dãy núi cao thấp. Mười sáu năm trước đây tôi đã bay qua Vạn Lý Trường Thành, nhưng là trên đường đi từ Almaty đến Hàng Châu (Hán Khẩu). Vạn Lý Trường Thành trải dài hàng chục nghìn cây số, được xây dựng trong hàng chục thế kỷ. Đồi chỗ gió cao nguyên và thời gian đã phá hủy những bức tường răng cưa, bào mòn chiến lũy, phải khó khăn lắm mới nhận ra đó đã từng là một con lũy...

Sa mạc đã lùi lại phía sau. Giữa mênh mông đá hung đỏ, đây đó xuất hiện những khoảng xanh nhỏ, rồi nhiều dần lên thành một tấm gương ruộng lúa.

Chúng tôi có cảm tưởng đoạn này của cuộc hành trình sẽ rất mệt mỏi và dài lê thê. Nhưng người phi công đã mở cửa phòng lái bước ra và nói:

- Chúng ta chuẩn bị hạ cánh, đã đến Bắc Kinh, thưa các đồng chí!

Máy bay lượn quanh một cái hồ đẹp uốn khúc, bên bờ hồ là một ngôi chùa với cây cối xanh rì bao bọc xung quanh. Những khu vườn vuông vắn trải qua phía dưới. Máy bay chạm đất, nảy lên mấy cái rồi bắt đầu chạy chậm chậm trên đường bê tông. Chuyến bay Moskva - Bắc Kinh đã kết thúc.

“LỆ CHI”⁽⁸⁾

Một nhóm người đi về phía máy bay lúc này đang chạy vào sân bay. Đó là các nhà quay phim - làm phim thời sự của xưởng phim Bắc Kinh, đại diện hãng phim xuất khẩu Xô Viết Sergeev và Grebnev. Chúng tôi làm quen với đoàn Việt Nam, trong đó có đại biện của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Trung Quốc, đồng chí Châu Lượng.

Trong khi các cán bộ lịch thiệp Trung Quốc làm thủ tục biên phòng và hải quan, chúng tôi nói chuyện với các bạn trong gian phòng mát mẻ của sân bay. Hóa ra đang có một chiếc máy bay thuê sẵn chờ chúng tôi, ngày mai sẽ bay tới biên giới Việt Nam. Sau khi bàn bạc, chúng tôi quyết định lùi chuyến bay lại một ngày. Cần phải hoàn thành việc chuẩn bị cho chuyến đi, có rất nhiều việc phải làm. Giờ đã là cuối ngày, chúng tôi cũng mệt vì chuyến bay, mười tám tiếng trên máy bay chứ có ít đâu! Một hành trình bay khó khăn dài gần 10.000 cây số!

Xe chờ chúng tôi lao về Bắc Kinh. Hai bên đường là cánh đồng, những khu vườn đặc trưng của Trung Quốc. Hàng lối thẳng tắp, không hề có cỏ dại, minh chứng cho tinh thần cần cù lao động của những người làm vườn. Đây đó trên cánh đồng chúng tôi thấy những người nông dân với dáng người cúi gập. Chúng tôi vượt qua hàng dài những chiếc xe thô hai bánh chất đầy rau do những con ngựa lùn lông lá kéo. Giao thông ngày một nhiều và tấp nập. Xe chúng tôi chạy qua bức tường rực sáng của thành phố và lao đi trên những đường phố Bắc Kinh.

Đã 16 năm trôi qua kể từ lần đầu tiên tôi tới Bắc Kinh. Thật ra khi đó tôi không ở Bắc Kinh, thành phố khi ấy đang bị quân Nhật chiếm đóng, nhưng tôi đã đến nhiều thành phố Trung Quốc khác. Giờ trước mắt tôi là một Bắc Kinh mới mẻ. Mới mẻ và không có gì giống với đất nước mà tôi đã tới trong cuộc chiến tranh chống Nhật – đất nước sống dưới gót giày của Quốc dân đảng và đế quốc ngoại bang.

Trung Quốc mới mẻ trong mọi thứ và trước hết là ở những gương mặt người. Những gương mặt tự tin, hiểu rõ giá trị của bản thân. Không có người nghèo, người bị khinh rẻ. Thế mà sự nghèo đói và đau khổ đã từng đập vào mắt tôi ở nước Trung Quốc cũ! Trên đường phố tấp nập học sinh, các chàng trai, cô gái cấp sách, đi, chạy, lao trên những chiếc xe đạp. Những dòng xe đạp vút qua các ngõ nhỏ của thành phố. Hầu như ai cũng đeo khẩu trang bằng vải xô để ngăn bụi bay khắp nơi ở Bắc Kinh. Cảnh sát trong những bộ sắc phục vàng với cầu vai trắng, say sưa phấn khởi điều khiển hoạt động giao thông nhộn nhịp trên đường phố. Họ đứng trên những bục bê tông cao tại những ngã ba, ngã tư, xoay người dứt khoát, dang rộng tay thông đường cho những hàng ô tô, xe điện kêu

leng keng, xe buýt, xe chở rau quả.

Từ trong mê cung những con phố nhỏ, chúng tôi thoát ra đại lộ rộng lớn chạy ngang qua Hoàng cung, được nối bằng những chiếc cầu đá. Ở cổng chính có đôi sư tử với khuôn mặt xấu xí, những chiếc răng nanh đáng sợ bằng đá hoa cương.

Trong căn phòng rộng của khách sạn “Bắc Kinh”, chúng tôi không có thời gian nghỉ ngơi. Chúng tôi tổ chức họp bàn ngay, có Bí thư Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc, đồng chí Trần Văn Thực và phiên dịch viên Văn Chiến tham dự. Anh phiên dịch trông như một cậu bé. Trông cậu ta chỉ khoảng 17, 18 tuổi, thực ra đã 25. Một con người thông minh, năng động. Anh nói tiếng Nga rất chậm và cẩn thận, cố gắng không để mắc một lỗi ngữ pháp nào.

Chúng tôi kiểm tra lại danh mục những việc cần thiết, những thứ phải mua sắm. Ở Moskva, chúng tôi chủ yếu lo máy móc, phim ảnh. Giờ chúng tôi phải sắm một số thứ như bì đông, phích nước, giày vải thể thao, áo khoác. Chúng tôi quyết định để lại Bắc Kinh một phần phim, chúng sẽ được bảo quản trong kho lạnh của đại diện hãng phim xuất khẩu Xô Viết. Chúng tôi mang theo khoảng 20.000 thước phim, khi nào hết, mọi người sẽ gửi tiếp cho chúng tôi.

Đại biện nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng chí Châu Lượng, đợi chúng tôi lúc 6 giờ 30 phút tại Câu lạc bộ quốc tế để ăn tối. Câu lạc bộ nằm trong khu vực rất yên tĩnh, hầu như không có người ở. Những người phục vụ mặc đồ trắng lặng lẽ đi lại trên thảm mềm, chỉ có tiếng quạt quay khe khẽ. Chúng tôi bắt đầu cuộc trò chuyện trong phòng khách, rồi chuyển sang ngồi trong phòng ăn hình tròn.

Câu lạc bộ quốc tế Bắc Kinh là địa chỉ truyền thống của các cuộc gặp gỡ ngoại giao, các buổi tiệc chính thức. Cuộc gặp gỡ của chúng tôi không có các thủ tục ngoại giao. Đồng chí Châu Lượng là một người hoạt bát, lịch thiệp. Đồng chí hỏi về kế hoạch làm việc của chúng tôi. Hóa ra các thông dịch viên và Trưởng Ban Điện ảnh - Nhiếp ảnh Việt Nam, đồng chí Phạm Văn Khoa⁽⁹⁾, từ Việt Nam sang, đã đợi chúng tôi mấy ngày nay ở thành phố Nam Ninh của Trung Quốc, chúng tôi sẽ tới đó bằng máy bay riêng. Bữa ăn kiểu Trung Quốc rất ngon miệng gồm 25 món – rau củ, cá, thịt, hoa quả. Tất cả được trình bày theo những chủ đề khác nhau. Có rất nhiều loại nước chấm. Chúng tôi chú ý tới mấy món ăn đặc biệt – vây cá sấu, măng, hạt sen và cả một loại quả đặc biệt. Dưới lớp vỏ mỏng khô màu nâu sẫm là lớp cùi trắng xanh, vị hơi chua ngọt, tan trong miệng, bên trong cùng có hạt nhỏ đen bóng như thể được tráng một lớp sơn bóng. Loại quả này mọc ở miền Nam Trung Quốc. Một trăm năm trước, khi chưa có đường sắt và hàng không, người ta phải chạy tiếp sức để kịp dâng “lệ chi” lên hoàng đế. Họ thường phải chạy đến hết hơi, kiệt sức, để kịp chuyển món quà quý cho người chạy tiếp theo. Có lẽ vì thế mà nó có cái tên buồn “lệ chi”.

Trong bữa ăn thân mật, chúng tôi tiếp tục thu thập thông tin về đất nước xa xôi, nơi mọi người đang đợi chúng tôi. Chúng tôi hỏi rất nhiều điều.

Trong khách sạn chúng tôi gặp lại chàng phiên dịch Văn Chiến. Cậu ta đợi chúng tôi trong phòng cùng với thợ may. Người này nhanh chóng lấy số đo của chúng tôi để sáng mai kịp giao cho chúng tôi những bộ quần áo mỏng mặc mùa hè. Mỗi chúng tôi đều tự nghĩ ra một hệ thống túi đặc biệt để đựng máy, sô tay và giấy tờ.

Giờ là lúc đi ngủ!

NGƯỜI MẶC ÁO KHOÁC XANH

Chúng tôi thức giấc lúc 6 giờ. Hôm nay, nửa ngày chúng tôi dành để gặp gỡ các nhà làm phim tài liệu Trung Quốc. Họ tiếp đón chúng tôi nồng hậu tại xưởng, tặng hoa chúng tôi. Chúng tôi ngồi trong một gian phòng rộng rãi với quạt máy bốn phía xung quanh. Chúng tôi nói chuyện rất sôi nổi và bổ ích về những hướng đi sáng tạo của phim tài liệu Xô Viết, về những nhiệm vụ đặt ra cho các nhà làm phim tài liệu Trung Quốc.

Những đôi mắt chăm chú, thông minh của các đạo diễn, quay phim, biên tập viên nhìn tôi. Họ đã trải qua rất nhiều sự kiện. Họ đã dũng cảm ghi lại những chiến công của Hồng quân – những người chiến đấu vì tự do và độc lập của dân tộc Trung Quốc. Những bạn trẻ ngồi trước mặt tôi đã từng tấn công thành phố, cùng với các nhà quay phim đối diện với xe tăng, bị vùi dưới đất trong những cuộc ném bom ác liệt. Giờ đây, trong những bộ phim của mình, họ kể về cuộc sống mới đang hình thành trên đất nước, về các công trình, trường học, về chủ nghĩa anh hùng của những người xây dựng công trình thủy lợi. Phim của họ thật giống với những bộ phim của các nhà làm phim Xô Viết trong giai đoạn của những kế hoạch năm năm đầu tiên! Họ cố gắng học tập kinh nghiệm của chúng tôi, làm việc với lòng hăng say nhiệt tình, hết mình vì nghệ thuật.

Chúng tôi trò chuyện rôm rả suốt mấy tiếng. Thời gian còn lại của ngày, chúng tôi đi dạo phố. Chúng tôi muốn được ngắm Bắc Kinh, thủ đô cổ kính của Trung Quốc, dù chỉ là cưỡi ngựa xem hoa. Trước mắt là một đêm không ngủ, có quá nhiều việc cần hoàn thành trong những giờ cuối cùng.

6 giờ sáng, chúng tôi đã có mặt ở sân bay. Cùng bay với chúng tôi có mấy đồng chí Việt Nam. Trong số họ có một người mặc áo khoác xanh, đang chậm rãi lật sách, dùng bút chì đánh dấu bên lề trang giấy. Khuôn mặt cương nghị, rắn rỏi với đôi mắt nhân hậu. Ông ấy rất lịch thiệp, khiêm nhường, thậm chí hơi rụt rè. Không hiểu sao tôi không thể rời mắt khỏi ông ấy. Đại biện giới thiệu ông là một cán bộ chính trị của quân đội. Sau này, khi chúng tôi đã ngồi trong máy bay, đại biện thì thào vào tai tôi rằng đó là Ủy viên Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, một nhà cách mạng lão thành Việt Nam mới đi chữa bệnh ở Trung Quốc trở về. Trong hoàn cảnh chiến tranh ở Việt Nam, khó có điều kiện y tế để chữa bệnh cho ông ấy... Được các đồng chí đưa vào khoang máy bay, người đàn ông ngồi vào chỗ của mình rồi lại tiếp tục đọc sách.

Người bạn đồng hành thứ hai của chúng tôi là một người cao cao gầy, rất bất thiệp. Ông ấy nói tiếng Anh, tiếng Pháp với khẩu âm Việt Nam rõ rệt, những ngón tay mảnh và dài, nhanh nhẹn phụ họa cho câu chuyện. Khoang máy bay chật đầy hòm xiềng của chúng tôi, được cẩn thận phủ kín bằng vải bạt.

Cất cánh khỏi đường băng và vượt qua mây lớp mây dày đặc, máy bay nhanh chóng lên đến độ cao ba nghìn mét và thoát ra khỏi bề mặt lạnh lẽo của biên mây bông. Phía trên chúng tôi là vòm trời xanh, là mặt trời. Máy bay do các phi công Trung Quốc điều khiển – những người điềm đạm, quan tâm tới hành khách, tin tưởng ở chuyên môn của mình. Phi công thứ hai nói với chúng tôi rằng chúng tôi sẽ hạ cánh tại Hàng Châu và có lẽ sẽ không bay tiếp trong hôm nay: Thời tiết trên đường băng chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp.

Mười sáu năm trước tôi đã bay tới Hàng Châu – thủ đô tạm thời của Quốc dân đảng. Quân đội Nhật Bản đã tiến đến vùng ven thành phố. Ngày nào thành phố cũng phải hứng chịu những trận ném bom ác liệt.

Tôi nhận ra bờ biển dài Hàng Châu với những ngôi nhà cao tầng xinh đẹp. Năm 1938, trên những tòa nhà này có treo quốc kỳ của tất cả các nước đế quốc. Tại trung tâm thành phố là khu vực tô giới quốc tế, bao quanh là những hàng rào thép gai dày đặc. Chỉ có thể lọt vào khu vực này nếu trình thẻ ra vào ở cổng, nơi có trang bị súng máy. Theo một hiệp ước nô dịch trước đó, vùng đất bao vây thép gai không thuộc lãnh thổ của Trung Quốc.

Thật là mọi rợ và phi lý: Ngay giữa trung tâm một thành phố lớn của Trung Quốc, sau hàng rào dây thép gai lại không phải là lãnh thổ Trung Quốc, mà là của Anh, Pháp, Mỹ. Nơi đó có pháp luật riêng, cảnh sát riêng và tòa án riêng. Khắp nơi là các tụ điểm ăn chơi nhẩy múa, rạp chiếu phim, nhà hát. Khi còi báo hiệu vang lên trên bầu trời Hàng Châu, dân chúng từ mọi góc ngách của thành phố chạy tới khu tô giới quốc tế. Họ biết rằng bom sẽ không rơi xuống lãnh thổ của tô giới quốc tế. Cảnh tượng thật khủng khiếp. Cảnh sát dùng roi đánh đuổi người dân ra khỏi cổng. Những người phụ nữ bế con trên tay cố gắng vượt qua hàng rào. Người ta không cho họ qua và trong lúc sợ hãi, họ nép cả thân mình vào lớp dây thép gai, cầm lặng ngồi hàng giờ, dõi nhìn bầu trời cho đến khi có còi báo yên.

Thành phố tản cư. Tôi còn nhớ một buổi sáng tôi chụp ảnh trên bờ sông Trường Giang. Người người vai đeo tay nải, tay bế con, tay dắt người già run rẩy, xuống những chiếc ghe bầu, thuyền. Căng những chiếc buồm xám vá vúi, con thuyền rời bến, trôi ra giữa dòng, uể oải xuôi lên trên theo dòng nước.

Thành phố thay đổi đến không nhận ra. Vùng ngoại ô với những ngôi nhà mới mọc lên dành cho công nhân, những nhà máy công nghiệp mới. Thời chiếm đóng, sự khác biệt đáng sợ giữa vùng ngoại ô và trung tâm thành phố đã lùi xa vào quá khứ. Đó không còn là Hàng Châu mà tôi đã từng sống những ngày bất an mùa thu năm 1938 và rời xa nó trong tiếng đạn pháo, khi quân phát xít Nhật tràn vào vùng ngoại ô phía Tây...

VỮ ĐIỀU HOA SEN

Sau Hàng Châu, chỉ có hai tiếng đầu tiên là chúng tôi bay tương đối ổn, sau đó chúng tôi lại lạc vào lớp mây mù màu xám.

Những đám bông xám đón đầu, thỉnh thoảng mưa rào che kín cửa sổ, máy bay rung chuyển, lao xuống dưới, đột ngột vút lên và lại lật nhào mạnh đến mức đẩy văng chúng tôi ra khỏi ghế. Một chuyến bay nặng nề! Phi công phụ nhiều lần bước ra khỏi buồng lái và chăm chú quan sát hành khách. Lặng lẽ mỉm cười như thể muốn truyền cho chúng tôi sự bình tĩnh, rồi lại nhẹ nhàng đóng cửa buồng lái. Bên ngoài cửa sổ là những cuộn mây bị xuyên thủng bởi những vết sét.

Vùng nhiệt đới đã chào đón chúng tôi như vậy đấy.

Sau bốn tiếng bay, mũi tên siêu tốc từ từ hạ thấp, và bỗng nhiên mây biến mất, phía dưới hiện lên con sông như dải lụa thành phố. Bay qua những bụi cây, những nóc nhà, vườn tược và những cánh đồng lúa, chúng tôi hạ cánh an toàn trên đường băng xanh của sân bay. Và người phi công lại bước ra, mỉm cười nhìn quanh số hành khách, như thể thông báo: “Qua rồi. Chắc các đồng chí sợ lắm?”

Chúng tôi bước xuống thang, đặt chân lên nền cỏ xanh của sân bay, và ở đây trên mặt đất vững chãi mà chúng tôi vẫn cảm thấy như đang nghiêng ngả. Bất giác, chúng tôi nhìn lên những đám mây xám treo trên trời, nơi chúng tôi vừa mới thoát ra. Các đồng chí Việt Nam vây quanh chúng tôi, họ đã đợi khá lâu. Trưởng Ban Điện ảnh - Nhiếp ảnh Việt Nam, đồng chí Phạm Văn Khoa muốn nói mấy lời chào đón long trọng nhưng chúng tôi chỉ ôm hôn nhau. Đồng chí giới thiệu chúng tôi với hai chàng phiên dịch trẻ. Chúng tôi sẽ làm việc với họ trong thời gian nửa năm. Rạng sáng mai, chúng tôi sẽ đi tàu tới biên giới Việt Nam. Giờ thì đến khách sạn.

Một Trung Quốc mới, hoàn toàn mới! Đường như tất cả vẫn như cách đây 16 năm trước. Cửa hàng trên đường phố đầy những tấm biển với chữ tượng hình đỏ và vàng trên nền đen, những gánh đầy rau quả, cảnh sát điều khiển giao thông. Không, không như trước! Những gương mặt người đã khác – vui sướng, tất bật. Sao mà nhiều các bạn trẻ cấp sách chạy trên phố thế! Các cô gái tóc bím, mặc quân phục, cười nói, hát lảnh lót, đi từng đoàn bên những chàng trai mặc đồ thể thao. Nhìn qua cửa sổ – mọi người đang học. Học sinh là những người lớn. Bảo Minh, một cô gái nhiệt tình, làm phục vụ trong khách sạn chúng tôi, sau giờ làm lại đi xe đạp với chồng sách buộc sau yên, lao tới lớp học.

Ở Nam Ninh, thành phố nhỏ bé ở miền Nam Trung Quốc, khí hậu đã rất Việt Nam – ẩm và nóng ngọt ngào. Bầu trời hầu như lúc nào cũng có mây đen bao phủ. Và hay mưa, cơn mưa nhiệt đới ẩm áp, chuyển thành mưa dầm dai dẳng.

Buổi chiều, chúng tôi đi dạo phố. Chúng tôi vừa bước ra khỏi xe đã bị đám đông trẻ con người lớn vây quanh. Các bạn nhỏ đeo khăn quàng đỏ. Người phiên dịch giải thích cho chúng tôi rằng lần đầu tiên họ nhìn thấy công dân Xô Viết. Một chàng trai dạn dĩ hơn, bằng giọng khàn khàn yêu cầu mọi người nói với nhau bằng tiếng Nga. Chúng tôi đáp ứng yêu cầu này của chàng trai, nói với nhau vài câu tiếng Nga. Những khuôn mặt người lớn, trẻ con giãn ra với nụ cười hồn hậu. Một cụ

già yêu cầu chúng tôi nói to: “Mao Trạch Đông, Lenin, Moskva”.

Những người bạn đồng hành dẫn chúng tôi tới xưởng để mua mũ cát⁽¹⁰⁾. Đội mũ lên đầu, chúng tôi nhìn nhau lạ lẫm. Gienhia Mukhin to béo trông giống một nhân vật trong bộ phim cổ tích của thiếu nhi của Marsak *Ngài Twiste*⁽¹¹⁾. Chúng tôi không dám đội mũ đi trên phố. Khoảng mười phần trăm người dân đội những chiếc mũ như thế, nhưng chúng tôi nghĩ mình sẽ làm mọi người chú ý.

Chúng tôi được mời tới thăm câu lạc bộ của một đơn vị bộ đội. Tôi đó có đoàn nghệ thuật Phòng không Không quân thuộc Quân đội Nhân dân Trung Hoa biểu diễn. Buổi biểu diễn trên sân khấu ngoài trời. Hàng trăm chiến sĩ ngồi trên ghế băng, phe phẩy cây quạt cọ. Màn được kéo lên, trên sân khấu là dàn đồng ca gồm mấy chục chàng trai cô gái trẻ đẹp mặc quân phục. Họ hát về Mao Trạch Đông, về Hồ Chí Minh. Tiết mục tiếp theo là một điệu múa của Uzbekistan. Sau đó dàn đồng ca phi công ca vang bài ca “*Ta nghiêng cánh bạc chào em...*”⁽¹²⁾ Khán giả nhất quyết yêu cầu hát lại bài này.

Chúng tôi đang ở đâu đây? Mối thân tình giữa đất nước chúng ta và đất nước Trung Quốc vĩ đại lan xa hàng nghìn cây số. Thật bồi hồi khi được nghe những bài hát thân thuộc vang lên trên một đất nước xa xôi, dưới bầu trời nhiệt đới.

Rồi đến tiết mục biểu diễn của một chàng trai. Anh ta kể một câu chuyện hài trong tiếng gõ nhịp sôi nổi của cây tam thập lục nhỏ. Khán trường bật lên những tiếng cười sáng khoải. Chúng tôi không hiểu một từ nào nhưng cũng cười theo vì bị lôi cuốn bởi sự hoạt bát của người nghệ sĩ, khả năng nhập vai của anh khi thể hiện một cuộc đối thoại liên thoắt giữa hai người một nam, một nữ. Loại hình nghệ thuật này xuất phát từ nghệ thuật cổ xưa của những người kể chuyện tiểu lâm dân gian, thường thu hút rất đông người nghe tại quán chợ, trên đường phố Trung Quốc, tại các bến phà, bến đò.

Tiết mục cuối cùng là điệu múa hoa sen.

Điệu múa tuyệt vời của những cô gái mảnh mai xinh đẹp như những bông hoa lướt trên sân khấu trong tiếng nhạc thiết tha vang lên sau cánh gà đã nhận được những tiếng vỗ tay cổ vũ nồng nhiệt của hàng nghìn người tại Liên hoan thanh niên quốc tế ở Bucarest. Điệu múa của những bông hoa sen dập dềnh thể hiện tâm hồn trong sáng của một dân tộc có truyền thống thi ca, hàng thế kỷ nay mơ ước về cái đẹp và hạnh phúc, một dân tộc bị kìm kẹp, bị đẩy xuống bùn đen, giờ vươn dậy xứng ngang tầm vĩ đại của mình. Tôi bất giác đưa mắt nhìn khán giả. Trong gian phòng yên lặng, hàng trăm cặp mắt hân hoan và hạnh phúc hướng lên sân khấu không chớp.

Tôi đã từng có dịp tới trại lính của Quốc dân đảng. Trong sân rộng, các thanh niên nông dân trẻ măng cứng đờ trong bộ quân phục Quốc dân đảng đang tập xếp hàng. Ở một góc sân hàng trăm nông dân ngồi bệt dưới đất. Cô mỗi người đeo một chiếc còng sắt, buộc nối với nhau bằng một sợi dây dài. Tôi hỏi viên sĩ quan Quốc dân đảng những người này là ai. Ông ta trả lời cộc lốc, mắt không hề chớp:

- Những người tình nguyện.
- Vậy tại sao họ lại bị xích? - Tôi nén cảm tức, nhã nhặn hỏi.
- Chúng tôi vẫn chưa kịp tuyên truyền cho bọn họ...

Còn ở một góc khác có một người lính đang quỳ. Anh ta bị đánh vào gót chân bằng gậy tre. Anh ta kêu những tiếng kêu xé ruột, quần quai, đầu gục xuống nền đất bụi.

Lúc này, tôi bỗng nhớ tới tất cả những chuyện đó khi nhìn những cặp mắt thông minh, hân hoan của những người lính nước Trung Hoa mới đang hướng lên sân khấu, nơi vang lên những âm thanh tuyệt diệu, trữ tình và những bông hoa sen đẹp đẽ đang lướt đi như trong cổ tích...

NƠI ĐÓ LÀ VIỆT NAM!

Buổi sáng, khi chúng tôi chuẩn bị ra ga tàu, người ta nói với tôi rằng người bạn đồng hành đã đi cùng chuyến bay Bắc Kinh - Nam Ninh với chúng tôi muốn nói lời tạm biệt. Người đàn ông mặc áo khoác xanh. Chúng tôi gặp ông trong hành lang khách sạn. Ông đi đôi giày vải mềm, cười thân thiện bắt tay chúng tôi.

Tôi được nghe kể sơ lược tiểu sử của đồng chí Trần Đăng Ninh⁽¹³⁾, một chiến sĩ cách mạng ưu tú của Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Căn bệnh hiểm nghèo của đồng chí là kết quả của những tháng ngày hoạt động cách mạng kiên cường, những năm tháng tù đầy, chiến đấu và hoạt động bí mật. Từ một công nhân bình thường của xưởng in Hà Nội, một thanh niên mù chữ, ông đã tham gia con đường đấu tranh cách mạng. Năm 1936, ông lãnh đạo phong trào công nhân tại nhà máy mình, tổ chức bãi công. Phong trào bị đàn áp, Trần Đăng Ninh bị bắt và bị đày lên nhà tù Sơn La. Ông bị tra tấn rất dã man. Trong các cuộc hỏi cung khủng khiếp đó, ông đã không khai nửa lời, ông vượt ngục và lại tiếp tục hoạt động bí mật trong thời kỳ Nhật chiếm đóng. Cuốn *Hai lần vượt ngục* của ông được in tại xưởng in bí mật và được truyền đi rộng rãi trong dân chúng. Từ đầu kháng chiến, ông là Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần và chỉ có căn bệnh hiểm nghèo mới đẩy mới dứt được ông ra khỏi công tác cách mạng.

- Các đồng chí có thể tái hiện những trang sử anh hùng của dân tộc chúng tôi. – Ông nói với chúng tôi. – Bộ phim của các đồng chí sẽ được chiếu cho cả thế giới. Tinh thần Bôn-sê-vích và kỹ thuật quay phim hiện đại sẽ giúp các đồng chí hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang là thực hiện một bộ phim về nhân dân Việt Nam trong chiến đấu.

- Xin các đồng chí thông cảm, tôi không thể tiễn các đồng chí tới tận ga, các bác sĩ bắt tôi phải nghỉ ngơi tuyệt đối. – Ông nói, siết chặt tay chúng tôi từ biệt. Tôi chúc các đồng chí sớm được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ở Việt Nam, mọi người rất mong đợi các đồng chí...

Chúng tôi lại được chở đi trong thành phố Nam Ninh, lướt qua những ngôi nhà đẹp đẽ mới được xây dựng lại. Chúng tôi đi trên đại lộ trải nhựa thênh thang dẫn tới nhà ga mới và ngòi vào một toa tàu rộng và sạch sẽ.

Con tàu lao đi qua đồng bằng tỉnh Quảng Tây. Một lần nữa, lại như nhiều năm về trước, tôi được ngắm nhìn những ngọn núi Quảng Tây, không giống với bất cứ dãy núi nào khác trên thế giới: Vô số những đỉnh núi nhọn hoắt chìa lên trời như những cột đá mọc từ đồng bằng, trải dài đến tận chân trời. Hình dáng sắc nét của núi lẫn trong mây xanh phía xa xa. Hình ảnh kỳ lạ đó gợi đến những bức tranh của các họa sĩ muốn thể hiện hình ảnh không tưởng của Nam Cực bí ẩn. Những người Quảng Tây khẳng định rằng xưa kia tỉnh Quảng Tây của họ đã từng là đất đai dương và những dãy núi này là do dòng chảy của nước bào mòn. Có hang động trong nhiều ngọn núi. Tôi còn nhớ năm 1936 tôi đã từng đi hàng cây số trong một trong những hang động đó. Những ngọn đèn pha sáng rực dẫn đường cho chúng tôi. Chúng tôi trầm trồ ngắm nhìn những tòa lâu đài dưới đất, những hàng cột, vòm và vực sâu nơi thác nước chảy âm ầm.

Con tàu của chúng tôi thường dừng ở những ga xếp sạch sẽ. Những khẩu hiệu chữ tượng hình làm bằng hoa. Nhân viên tàu cứ nửa tiếng lại đi dọc các toa tàu, dùng giẻ ướt lau bụi trên những chiếc ghế giả da sạch bóng. Bên cạnh chúng tôi, một nhóm chiến sĩ trẻ đang chơi trò “tung hứng” cười đùa và kể chuyện tiếu lâm. Bên cửa sổ khác có người lính đang mơ màng nhìn ra ngoài và thổi ácmônica một điệu nhạc buồn. Tàu chạy đều đều. Những cánh đồng lúa và ruộng ngô trôi bên ngoài cửa sổ. Không thấy một mảnh đất bỏ hoang nào. Có rất nhiều kênh tưới tiêu lớn nhỏ chạy ngang dọc cánh đồng, bên ngoài ô cửa, những tán lá chuối, lá cọ xòe rộng vẫy chào chúng tôi. Nhân viên tàu đãi hành khách trà tàu thơm từ những chiếc phích màu sắc sặc sỡ.

Buổi chiều chúng tôi tới thành phố Bằng Tường. Đó vẫn chưa phải là biên giới, sáng sớm mai chúng tôi sẽ đến biên giới. Tôi nay chúng tôi sẽ ngủ lại thành phố vùng biên này.

Cán bộ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, đồng chí Nguyễn Văn Tòng,

đón chúng tôi tại đây. Đồng chí giới thiệu chi tiết với chúng tôi kế hoạch của chuyến đi sắp tới, báo trước những khó khăn chúng tôi sẽ gặp phải.

Đích của chúng tôi là căn cứ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Từ biên giới đó, chúng tôi sẽ phải đi ba đêm.

- Đường Việt Nam không thể đi ban ngày được. – Nguyễn Văn Tòng thông báo. – Máy bay địch quần đảo từ sáng sớm đến chiều tối.

Chúng tôi ăn bữa cơm trưa thân mật với các chiến sĩ biên phòng Trung Quốc.

- Đây là một trong những điểm biên giới quan trọng. – Chỉ huy đồn biên phòng nói với chúng tôi. - Kẻ thù ra sức tuyên truyền để chứng minh rằng chúng tôi, những người Trung Quốc đang chiến đấu ở Việt Nam, rằng ở Điện Biên Phủ có các binh đoàn Trung Quốc và Liên Xô đang tham chiến. Kẻ thù gài rất nhiều thám báo. Đồng chí Mao Trạch Đông đã dạy chúng tôi phải cảnh giác. Tôi tin chắc rằng – đồng chí mỉm cười nói thêm – hôm nay sẽ có một bức điện mật: “Ba tướng Liên Xô và một xe tải chở đầy vũ khí đã vượt qua biên giới Việt Nam vào ban đêm...”

Câu chuyện của chúng tôi kéo dài đến tận đêm khuya. Những đỉnh núi nhọn hoắt hiện lên phía chân trời trong ánh chiều chậm chạp xuống dần. Chớp giạt phía trên các ngọn núi.

Nơi đó là Việt Nam.

2



CÁC “THỦ TỤC” BIÊN PHÒNG

Sáng sớm, chúng tôi khởi hành lên biên giới trên ba chiếc ô tô. Chúng tôi đi qua huyện Long Châu. Ở đây, chúng tôi vượt qua sông Kỳ Cùng. Con sông này chảy từ Trung Quốc vào Việt Nam, sau đó chảy ngược trở lại Trung Quốc, rồi lại chảy qua biên giới và ở Việt Nam, nó chảy vào sông Hồng.

Chúng tôi dừng lại bên cửa khẩu, đồng chí Phùng, đồn trưởng biên phòng Việt Nam, ra đón. Chiều đến, chúng tôi vượt cầu, chiếc cầu chỉ hoạt động về đêm. Ban ngày, người ta phải ngủ trang giảu nó đi. Từ nơi này, qua cửa sổ chốt biên phòng, chúng tôi nhìn thấy bờ Việt Nam.

Ngày 24 tháng 5, lúc 8 giờ 15 phút tối, chúng tôi vượt qua biên giới Việt - Trung.

Tôi đã nhiều lần vượt qua biên giới các nước, các thủ tục biên phòng khác nhau, tình cảm khác nhau, ý nghĩa cũng khác... Đi tới cây cầu biên giới bắc qua con sông Kỳ Cùng, chúng tôi nhìn thấy các chiến sĩ bộ đội Việt Nam đứng trên bờ kia. Những chàng trai đeo súng tiêu liên ngang trước ngực, đội mũ cối bọc lưới ngủ trang và vải dù rằn ri. Họ nhìn về phía chúng tôi với vẻ mừng vui không giấu giếm. Lần đầu tiên trong đời họ tiếp đón các vị khách Xô Viết...

Chúng tôi cũng hồi hộp không kém. Cái bắt tay lúc đầu chuyển thành những cái ôm hôn thăm thiết. Nước mắt trên khóe mắt những người lính – họ ôm hôn những người Xô Viết, những công dân Liên Xô đầu tiên đặt chân lên đất Việt Nam. Những cuốn hộ chiếu màu đỏ của chúng tôi được họ nâng trên tay như sách thánh, họ ngắm mãi hình quốc huy Liên Xô màu vàng đập nổi.

Đồng chí Phùng, đồn trưởng đồn biên phòng, nói với chúng tôi:

- Tôi rất vui mừng vì chuyến đi của các đồng chí. Thật buồn là chúng tôi không thể dành cho các đồng chí những điều kiện tốt, không thể gạt đi những khó khăn của thời chiến. Tôi đã có chỉ thị phải bảo đảm an toàn cho suốt chuyến đi. Các chiến sĩ của chúng tôi sẽ bảo vệ các đồng chí.

Chúng tôi lên đường. Đoàn xe của chúng tôi gồm ba chiếc xe Jeep chiến lợi phẩm của Mỹ và hai chiếc xe tải. Chúng tôi đi theo đường mòn. Những ngọn núi cao sẫm lại trên nền trời đêm. Hàng triệu con đom đóm, giống như những ngôi sao nhỏ rơi từ trên trời, nhấp nháy, tràn ngập trong không gian đầy vị ẩm ướt ngọt ngào của đêm nhiệt đới xung quanh chúng tôi.

Được 20 cây số, chúng tôi dừng lại. Người chiến sĩ đeo súng tiểu liên ngồi ngoài trên chiếc Jeep nhảy xuống đất, đến bên cạnh tôi. Ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên tôi đã chú ý tới cậu ta. Cậu tên là Lèn Văn Chi. Mới 24 tuổi, nhưng đã vào bộ đội được sáu năm, là tiểu đội trưởng. Cậu ta có cặp mắt to, thông minh, một mái tóc đen thẳng thò ra dưới chiếc mũ cối nguy trang, khuôn mặt ngăm ngăm với đôi môi rõ nét, vàng trán dô buống binh. Cậu ta nhìn tôi, mỉm cười, chỉ tay về phía những ngọn núi, rừng cọ, những con đom đóm, lấy hơi thật sâu rồi nói:

- Việt Nam đây!

Người đồng hành khác là phiên dịch Vân⁽¹⁴⁾, một chàng trai nhỏ bé, gầy gò. Chiếc mũ rộng vành trên đầu cậu ta chạm cả xuống vai như chiếc mũ nấm. Cậu ta nói tiếng Nga rất sôi, vui vẻ, có nụ cười rất lôi cuốn. Ngay lập tức, tôi quyết định đề nghị cậu ta làm người đồng hành với chúng tôi trong suốt chuyến đi. Tôi và Vân không hề rời nhau cho đến khi khuôn mặt buồn bã của người bạn Việt Nam yêu quý nhòa dần qua ô cửa chiếc máy bay chở tôi rời Việt Nam.

Chúng tôi đi thêm 56 kilômét nữa. Liên đề nghị dừng xe.

- Gió đã giảm. - Cậu ta nói - Mà khi gió giảm thì sẽ có mưa.

Chúng tôi vừa kéo vải bạt che chiếc Jeep xong thì trời đổ mưa xối xả – cơn mưa rào nhiệt đới ầm ập mà người ta đã cảnh báo với chúng tôi trước khi rời Moskva.

- Từ tháng Năm đến tháng Chín là mùa mưa - Vân nói. - Tôi sợ nó sẽ cản trở công việc của chúng ta. Và đi lại cũng khó khăn, phải đi bộ nhiều mà.

NHỮNG NỎ ĐƯỜNG ĐÊM VIỆT NAM

Đường đi phải vượt qua núi. Chúng tôi thường vượt qua những đoàn xe thò nối đuôi nhau dài lê thê. Một chiếc đèn nhỏ treo phía đầu xe chỉ đủ soi đường lờ mờ. Những chiếc xe ngựa chờ hàng hóa từ Trung Quốc. Ở những đoạn dốc, người xà ích phải cùng ngựa đẩy xe lên. Dòng người chỉ đi chuyển vào ban đêm.

Tôi nghĩ, thực ra con đường hầu như không nguy hiểm. Con đường ngoằn ngoèo với những khúc gấp giữa vùng núi cao. Máy bay siêu tốc hiện đại nếu muốn bỏ nhào chắc chắn sẽ đâm vào một trong những triền núi dốc đứng. Còn ban ngày, con đường cũng khó mà bị phát hiện – nó được che phủ bởi những chiếc mũ được nguy trang bằng lá tre, lá cọ.

Thật là bực! Chúng tôi đi trong đêm tối, không được ngắm đất nước mà chúng tôi cần được thấy, được tìm hiểu, nghiên cứu! Tôi biết rằng sau màn đêm là những phong cảnh rừng núi tuyệt

đẹp, những thung lũng, cánh đồng, rừng cây. Điều đầu tiên chúng tôi sẽ khẩn khoản yêu cầu lãnh đạo Việt Nam là cho phép chúng tôi đi vào ban ngày.

Trên đường đi, chúng tôi gặp rất nhiều vết tích của những trận ném bom. Những quả bom hạng nặng làm bạt cả một mảng đường lớn đúng ở chỗ khó khắc phục nhất, thường là ngay bên bờ vực.

Một tốp người cả đàn ông, trai tráng, thiếu nữ đang đi ngược lại. Đuốc tre soi đường, họ vừa từ nơi khắc phục sự cố con đường trở về.

Thình thoảng chúng tôi lại gặp những đoàn tuần tra. Họ đi thành hàng, súng tiểu liên đeo trước ngực. Đêm đó, chúng tôi bị những đội tuần tra ngăn lại hai lần. Sau khi trao đổi vài câu với Văn và kiểm tra giấy tờ, họ giơ tay ngang mũ chào mừng chúng tôi.

Vân kể, kẻ thù thường thả thám báo nhảy dù xuống để phá hoại con đường, cắt đường dây liên lạc, tuyên truyền phá hoại trong nhân dân. Các đội tuần tra với sự giúp đỡ nhiệt tình của người dân có nhiệm vụ chống lại thám báo.

Một con hươu chạy vụt ngang đường. Chúng tôi chỉ kịp nhìn thấy đôi mắt lấp lánh với cái dáng cân đối của chú hươu trong bước nhảy vọt vẫ. Vân nói luôn mồm. Cậu ta cẩn thận phát âm những động tính từ, động từ phản thân khó của tiếng Nga, biết nhiều câu tục ngữ Nga. Cậu ta biết tất cả những câu tục ngữ liên quan đến vóc người thấp bé của mình: “Nhỏ mà quý”, “Bé hạt tiêu”. Tôi thích thú lắng nghe cậu ta. Cậu rất am hiểu đất nước mình, phong tục, tập quán, truyền thuyết của dân tộc. Đôi khi tôi thấy tiếc vì dọc đường đi ngồi trên xe trong bóng tối, tôi không thể ghi lại được hết những gì cậu ta kể và thường van nài cậu ta trước khi đi ngủ nhắc lại để tôi ghi lại những truyền thuyết dân gian, giai thoại về người phụ nữ Việt Nam anh hùng, truyện cổ tích về lão phú ông tham lam và con chim sáo tốt bụng.

Vân kể, một lần cậu ta gặp hổ trong rừng. Đêm đó, khi đang thực hiện một nhiệm vụ quan trọng được giao phó, đang đi trên đường mòn, cậu ta đứng khựng lại như trời trồng: Phía trước cậu ta chỉ vài bước chân, một con hổ đang trong tư thế chuẩn bị lao tới. Con hổ lao... sang bên cạnh. Vân chết lặng đi vì sợ, mãi về sau vẫn không quên được cảnh con hổ hốt hoảng bỏ chạy, đập gãy những cây trúc.

- Tôi không nhớ mình đã chạy ngược trở lại làng như thế nào. Cả đêm, người tôi run bắn như bị sốt rét. - Vân vừa kể vừa cười ngất. - Nếu con hổ biết được tôi nhỏ bé và yếu đuối thế nào, có lẽ nó không bỏ chạy mà ăn thịt tôi mất rồi.

Đến hai giờ sáng, đoàn xe chúng tôi dừng lại bên phà bên một con sông rộng. Ánh đèn pin nhấp nháy, Phạm Văn Khoa, Trương Ban Điện ảnh - Nhiếp ảnh Việt Nam, đi tới phía tôi.

- Chúng ta sẽ nghỉ lại bên con sông này. - Đồng chí nói và đi về phía bờ sông.

Hàng trăm chiếc xe thò xếp hàng đợi phà. Năm giờ sáng, trời bắt đầu hửng. Lúc bốn giờ sáng, người ta đã đặt đá nặng đầy phà và chìm phà cả ngày dưới nước để đến đêm lại cho nổi lên hoạt động. Những ai không kịp sang sông trước lúc trời sáng phải đem xe thò giấu kín trong những lùm cây và đợi đến đêm đến mới tiếp tục đi được.

Đoàn xe của chúng tôi phải sang sông làm hai chuyến. Hai bờ được nối bằng sợi dây thừng mềm, giống như dây chảo, kéo kẹt trượt qua thanh gỗ buộc vào phà. Những người chèo phà cùng nắm lấy sợi dây thừng, chống sào tre dài xuống lòng sông, đẩy con phà đi sang bên kia.

Qua sông, đi chừng hai cây số, đoàn xe lại dừng lại.

- Giờ chúng ta sẽ nghỉ ngơi - Phạm Văn Khoa nói. - Xe sẽ được đem đi giấu, còn chúng ta sẽ đi tới chỗ ngủ qua đêm. Các đồng chí chỉ mang theo người những thứ thật cần thiết.

Theo con đường mòn được chiếu sáng bằng những chiếc đèn pin, chúng tôi đi bộ chùng một cây số nữa. Chúng tôi nghe thấy tiếng chó sủa, tiếng người nói. Qua bậc cửa cao, băng qua một cái sân gạch, chúng tôi bước vào một căn phòng rộng. Giữa phòng là chiếc bàn tròn lớn, một góc có mười chiếc chõng tre. Chúng tôi chỉ muốn được nằm ngay lên chõng, nhắm mắt nhớ lại những gì đã thấy trong ngày hôm nay và ngủ. Nhưng Phạm Văn Khoa dứt khoát bắt chúng tôi phải ăn tối cái đã. Còn Vân, trong khi dọn bàn ăn, đã kịp kể chuyện du kích dùng voi kéo những khẩu pháo nặng và một con voi có công trong việc giúp du kích chống lại bọn thực dân đã được tặng cho Chủ tịch Mao Trạch Đông.

“HÃY CHUYỂN LỜI CỦA TÔI TỚI HỒ CHỦ TỊCH!...”

Chúng tôi thức dậy sớm. Sau khi ăn sáng, chúng tôi quyết định đi loanh quanh trong làng. Ở phía Bắc Việt Nam, vùng Việt Bắc, người nông dân không sống co cụm một chỗ. Hiếm khi bắt gặp ở nơi đây những ngôi làng với con đường ngả đi các nhà. Những ngôi nhà nằm rải rác bên bờ rừng, trên sườn núi, cách xa nhau.

Tới một căn nhà, chúng tôi gặp và chào hỏi một bác nông dân. Khi biết trước mặt mình là những người Xô Viết, bác mỉm cười, chấp hai tay trước ngực, cúi chào rất thấp. Vân dịch lời của bác:

- Bác ấy rất hạnh phúc được gặp những người Xô Viết, những người anh cả yêu quý. Bác mời các đồng chí vào nhà chơi.

Nhà của người nông dân vùng Việt Bắc được dựng trên những trụ chõng làm bằng cột gỗ lớn. Nhà nằm cách mặt đất chừng hai mét, có cầu thang dẫn lên. Mọi thứ còn lại – tường, sàn nhà – tất cả đều làm bằng tre. Mái lợp lá cọ. Người ta không cần một cái đỉnh nào để dựng lên những ngôi nhà như thế này. Những cột tre được buộc lại bằng dây thừng hoặc được ghép bằng những chiếc mộng gỗ nhỏ. Nhà không có tường ngăn, chỉ có tấm liếp che cao ngang ngực người.

Chúng tôi bước lên cầu thang và để giày ngoài bậu cửa, chân tất bước lên sàn nhà đan bằng nứa được quét sạch sẽ. Giữa nhà có một bếp lửa, nơi bà chủ nhà đang chuẩn bị bữa trưa trong một cái chảo đen. Bà đứng lên, thân thiện và khẽ gật đầu chào, bước ra đón chúng tôi. Chúng tôi ngồi thành vòng tròn trên sàn nhà. Bác nông dân tên là Nông Nguyễn Đào, 57 tuổi. Gia đình bác có năm người: Vợ, con gái, con rể và cháu ngoại. Cả đời Nông Nguyễn Đào làm việc cho địa chủ Bằng, lý trưởng của làng và là người tuyển mộ binh lính, công nhân cho chính quyền thực dân. Ông Đào thu hoạch được 56 thúng thóc, tương đương 480 kilôgam. Trong đó, 240 kilôgam ông phải nộp cho địa chủ, và 40 kilôgam để đóng thuế. Còn lại 200 kilôgam để nuôi cả gia đình. Số thóc này may lắm cũng chỉ đủ ăn được sáu tháng.

- Vậy những tháng còn lại nhà bác ăn gì?

- Chúng tôi phát được một mảnh rẫy nhỏ trong rừng. Ngô và rau trồng trên rẫy giúp chúng tôi ăn thêm ba tháng nữa.

- Vậy ba tháng còn lại?

- Ba tháng còn lại chúng tôi ăn củ đào được trong rừng. Mọi việc cứ thế cho đến khi Cách mạng tháng Tám nổ ra.

- Còn bây giờ thì sao?

- Giờ với ruộng mà chính quyền nhân dân giao cho, chúng tôi thu hoạch được 1.500 kilôgam thóc, trong đó 500 kilôgam chúng tôi nộp cho nhà nước, 500 kilôgam chúng tôi tự nguyện ủng hộ bộ đội, số còn lại cũng đủ cho gia đình. Con rể tôi, Lộc Văn Cai, là một cán bộ đoàn tích cực. Nó và mọi người sửa chữa những đoạn đường bị máy bay địch bắn phá. Nó mới về nhà mấy bữa trước. Nó tự nguyện tham gia dân công hỏa tuyến cho bộ đội suốt 25 ngày liền. Nó học được cái chữ trong

bình dân học vụ của đoàn thanh niên. - Bác nông dân cười và chỉ tay sang người vợ nói: - Bà ấy cũng biết đọc, biết viết sau cách mạng, trong lớp học của làng. Giờ chúng tôi được phát báo và tự đọc mà không cần nhờ người đọc hộ.

Một cô gái trẻ dễ thương bước lên cầu thang, chân trần nhẹ nhàng tới chỗ chúng tôi.

- Đây là con gái tôi, Nông Thị Lạc. Nó 19 tuổi. - Bác nông dân giới thiệu.

Chúng tôi chào nhau. Cô gái mỉm cười bắt tay chúng tôi không hề lúng túng.

Hàng chục năm nay, hình ảnh người châu Âu đối với người nông dân Việt Nam gắn liền với ách thực dân tàn bạo. Người nước ngoài tới Việt Nam như những kẻ áp bức tàn ác, những kẻ bảo trợ cho chế độ phong kiến. Sau Cách mạng tháng Tám, Đảng Lao động Việt Nam giáo dục người dân tinh thần quốc tế cao cả, giải thích rằng không phải tất cả người châu Âu đều là kẻ thù, có hàng triệu người trung thực trên thế giới đang đấu tranh chống lại thực dân, đế quốc. Đảng kể về nhân dân Xô Viết, người bạn của mọi dân tộc bị áp bức. Đó là lý do tại sao tôi không hề thấy bất cứ biểu hiện gì của sự nghi ngờ, cảnh giác trong thái độ của những người nông dân này với tôi, một người nước ngoài, một người châu Âu tới ngôi nhà của họ.

- Tôi không biết các đồng chí có việc gì ở đất nước chúng tôi. - Bác nông dân nói. - Nhưng tôi thấy các đồng chí là bạn của Việt Nam. Cảm ơn các đồng chí! Các đồng chí biết không, chúng tôi sẽ chiến đấu và lao động không tiếc sức vì chiến thắng. Chúng tôi nhất định sẽ thắng lợi. Tôi đã già rồi, nhưng vẫn tình nguyện đi dân công hỏa tuyến ba tháng liền. Tôi đã từng bị thương. Cần phải làm ra nhiều lúa gạo hơn. Chúng tôi phải lao động cật lực trên con đường để bảo đảm liên lạc thông suốt giữa tiền tuyến và hậu phương. Nếu có lệnh đi bộ đội, chúng tôi sẽ chiến đấu. Các đồng chí với tư cách là những người bạn đến đất nước chúng tôi và có lẽ sẽ được gặp Hồ Chủ tịch. Hãy chuyển lời của tôi tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, hãy ghi tên tôi vào sổ, hãy nhắn tin với Bác Hồ rằng lão nông Nông Nguyễn Đào và gia đình sẽ cống hiến tất cả sức lực cho chiến thắng.

Vợ và con gái bác nông dân chăm chú lắng nghe ông nói và xúc động gật đầu đồng tình khi ông vừa dứt lời.

Nông Thị Lạc, cô gái nhỏ nhắn, cân đối, đứng dậy đi về góc nhà. Đứa con trai cô đang ngủ trên chiếc chiếu cói sáng màu. Cô lấy quạt khê phe phẩy cho con.

Những người mẹ Việt Nam! Trong hai ngày đầu có mặt trên đất nước Việt Nam, tôi đã gặp nhiều phụ nữ của đất nước này. Chúng tôi đi trên những con đường Việt Nam vào thời điểm tiếng súng chiến thắng Điện Biên Phủ mới dứt. Nụ cười hạnh phúc làm rạng ngời những đôi mắt của nông dân, thanh niên, phụ nữ khi nhắc đến chiến thắng của bộ đội. Làm sao người mẹ Việt Nam đang âu yếm ngắm đứa con trai có thể biết được những tiếng sấm Điện Biên Phủ đã có hiệu ứng thế nào tại thị trường chứng khoán thế giới, làm sao biết được cỗ máy chiến tranh đã bị rung động ra sao.

Cô phiếu các nhà máy phục vụ chiến tranh sụt giảm chắc không làm cô lo lắng. Cô chỉ muốn một điều, đó là cuộc sống cho đứa con bé bỏng của mình. Thiên thần bé nhỏ của cô nằm trên chiếu, hai cánh tay bé xíu dang ra, đôi môi mấp máy trong mơ. Khẽ phe phẩy quạt, nụ cười hiền dịu, cô đang canh giữ giấc mơ ngọt ngào của cậu con trai. Xa xa, có tiếng bom rền. Con đường bị ném bom. Buối tối, cô sẽ mang đuốc tre, vác cuốc xẻng trên vai đi sửa đường cho ô tô, xe thô chở súng đạn, gạo ra mặt trận.

Hành trình của chúng tôi đã sang giai đoạn thứ hai. Đêm thứ hai khó khăn hơn. Con đường mấy lần bị đứt đoạn và chúng tôi phải bỏ xe, bê đồ lội qua sông.

CẦU SẼ XONG TRƯỚC KHI TRỜI SÁNG

Chúng tôi dừng lại trước một cây cầu bị phá hủy. Thoáng nhìn cũng đủ thấy sẽ phải chờ ở đây

mấy ngày để sửa lại cầu. Thực ra là phải xây mới lại.

Có hàng trăm người đang làm việc tại đây, trong số đó có cả phụ nữ, trẻ em, người già, những nông dân ở các làng lân cận. Cả ngày nay mưa không ngớt. Nước mưa dội xối xả trên người họ. Nước sông dâng lên đe dọa cuốn phăng mọi thành quả lao động của con người.

- Khi nào thì chúng ta khởi hành? - Tôi hỏi Phạm Văn Khoa. - Có con đường nào đi vòng qua cây cầu này không?

Người Việt Nam này không bao giờ trả lời câu hỏi nếu anh ta không biết câu trả lời chính xác và chắc chắn.

- Tôi sẽ hỏi mọi người xem sao. - Đồng chí nói và biến vào đám đông.

Thậm chí trong đêm tối, qua ánh đuốc cũng có thể thấy công việc được tổ chức rành mạch và chuẩn bị chu đáo. Máy dầy người gánh đá, cát đổ vào chỗ cần thiết. Số khác chặt cây và khênh tới những thân cây to đã phạt sạch cành. Một số ngấp nửa người trong nước đang gia cố trụ cầu. Bên bờ bên kia, mọi người cũng đang khẩn trương làm việc.

Chưa tới mười phút, người bạn đồng hành của tôi đã từ bóng đêm nhô ra.

- Cầu sẽ xong lúc tám giờ. - Đồng chí nói. - Trời chưa sáng chúng ta đã có thể lên đường và đến sáng có thể đi được chừng 15, 20 cây số.

- Chẳng có lẽ...? - Tôi hỏi, đưa mắt nhìn dòng nước sôi bọt, cuộn cuộn chảy.

- Tất nhiên là được! Chỉ huy việc khôi phục cầu là Nguyễn Văn Tường – một người đáng tin cậy. Nếu đồng chí ấy đã nói là nhất định sẽ thực hiện được. Đồng chí ấy kia rồi, các đồng chí hãy làm quen đi.

Một người thấp lùn tiến về phía chúng tôi. Bộ quần áo ướt dính bết vào vai, ngực. Đầu đội nón lá cọ, nước rỏ xuống thành dòng. Tường mỉm cười chào chúng tôi, đôi mắt đen lấp lánh ánh đuốc chập chờn. Đồng chí bắt tay tôi thật chặt và nói:

- Đồng chí Liên Xô!

Nguyễn Văn Tường xác nhận – cầu sẽ hoàn thành vào 8 giờ.

Trời vừa hừng sáng xe đã chạy qua cầu. Trên cầu lố nhố người. Những con người bằng sức lao động quả cảm đã sửa xong cầu trong thời gian kỷ lục. Khi biết qua cầu đầu tiên là những vị khách từ Liên Xô xa xôi, những người Việt Nam phấn khởi hô to “Hoan hô” để chào mừng đất nước Xô Viết. Có ai đó hát một bài hát Xô Viết, những giọng nam và nữ lãnh lót cùng hòa theo.

- Hòa bình muôn năm! Chiến thắng muôn năm! Bác Hồ muôn năm!

Khi đoàn xe sang đến bờ bên kia, chúng tôi mới biết người chỉ huy việc khôi phục cây cầu cũng đi cùng chúng tôi. Tôi và đồng chí Tường ngồi lên ca bin chiếc xe tải, bên cạnh lái xe. Chúng tôi không thể nói chuyện bởi không hiểu tiếng của nhau. Nhưng khi trời sáng hẳn và đoàn xe rời con đường, đến nấp trong những bụi cây của ngôi làng nhỏ trong rừng cọ thì Vân tới ứng cứu. Giờ thì chúng tôi đã có thể nói chuyện. Nằm trên tấm liếp tre rộng, tôi ghi trong cuốn sổ đi đường cuộc phỏng vấn đầu tiên của mình tại Việt Nam, cuộc phỏng vấn người thợ cầu nổi tiếng Việt Nam Nguyễn Văn Tường.

- Đồng chí là kỹ sư? Đồng chí học ở đâu?

Anh bật cười và lắc đầu.

- Học ở đâu đâu! Tôi mới biết chữ cách đây vài năm. Tôi không phải là kỹ sư...

Tiểu sử của anh cũng giống như của hàng triệu người Việt Nam nghèo, từ nhỏ đã phải còng lưng làm cho quan lại cường hào. Sớm mồ côi, anh rời làng quê ra Hà Nội kiếm sống. Có nơi nào mà anh chưa từng làm việc? Trong nhà hàng trên phố Hàng Bạc, phu khuân vác, công nhân. Anh bị bắt đi xây đường trên núi sang Lào. Lên đó, anh hiểu rằng không thể trụ được lâu với công việc khổ sai ấy. Tường bỏ trốn nhưng không thể quay về Hà Nội vì không có tiền. Bảy năm anh làm việc trên vườn chuối, làm thuê trên ruộng lúa mà không được trả công. “Lương” của anh là một vốc cơm với một bát nước canh. Sau đó, anh bắt đầu tham gia xây cầu và nhanh chóng nắm được kỹ thuật của thợ bê tông. Anh xây cầu, xây những ngôi nhà lớn. Công việc sáng tạo lôi cuốn anh, nhưng anh làm việc như một cái máy, không mơ ước, mù chữ, chỉ mong kiếm đủ ăn, không tham gia vào phong trào đấu tranh chính trị của công nhân. Cách mạng tháng Tám nổ ra khi anh đang ở tuyến đường sắt Hà Nội - Sài Gòn.

- Cách mạng đã thức tỉnh trong tôi niềm vui cuộc sống, ý thức về phẩm giá con người. Tôi hiểu rằng sức lao động và tay nghề của tôi cần cho một dân tộc tự do. Nhưng trước tiên phải học đã! Trước hết là để có thể đọc được báo...

Cuốn sách đầu tiên anh đọc là cuốn sách nhỏ của đồng chí Trường Chinh *Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*. Đó là thời điểm khi nước Cộng hòa non trẻ phải gồng mình để khôi phục lại đất nước bị quân chiếm đóng Nhật Bản tàn phá và cướp bóc. Tường làm ở mỏ than, đặt đường ray, sửa chữa cầu.

Đầu năm 1951 anh được điều động lên xây dựng đường sắt Yên Bái - Lào Cai. Anh trở thành đội trưởng đội công nhân. Khó khăn chồng chất. Thiếu vật liệu, công cụ. Nhưng đất nước cần những cây cầu và anh đã sử dụng tất cả những mẫu sắt tìm được trên đường.

Sau chiến thắng lịch sử của Quân đội Nhân dân Việt Nam, giải phóng toàn bộ lãnh thổ sát biên giới Việt - Trung khỏi gót quân thù, Chính phủ quyết định xây đường sắt lên nơi đây. Cần phải thiết lập con đường nối với các nước anh em. Bộ Giao thông cử Nguyễn Văn Tường lên công trường này. Ở đây, anh phải khôi phục cây cầu dài 54 mét. Mỏ cầu bằng đá cao 20 mét giữa lòng sông đã bị phá hủy, chỉ còn chừng một mét, nằm chìm sâu dưới nước. Các kỹ sư từ Cao Bằng tuyên bố: Để khôi phục lại cây cầu cần chờ tới đây 1.300 súc gỗ, 4.600 thanh tà vẹt và cần rất nhiều nhân công. Theo tính toán của các kỹ sư, để khôi phục cây cầu cần sáu tháng.

Chính phủ không thể chấp thuận tiến độ này. Cầu cần phải được khôi phục trong vòng hai tháng, bởi cần phải chuyển vũ khí và chuyên quân. Khi ấy, Chính phủ đã đề nghị Nguyễn Văn Tường tới đó. Tới nơi, anh thấy rằng rừng lấy gỗ ở xa và trong tay anh chỉ có vền vện hơn 30 con người mà không có một thứ vật liệu hay dụng cụ nào hết.

Anh đưa ra phương án của mình. Theo đó, chỉ cần khôi phục lại mỏ cầu đá ở giữa sông, cầu xây trên bờ, sau đó kéo công trình đã hoàn chỉnh từ bờ bên này qua bờ bên kia bằng con lăn. Các kỹ sư tuyên bố chuyện này chưa từng có trong lịch sử Việt Nam. Nguyễn Văn Tường phải rất khó khăn để thuyết phục, bảo vệ phương án của mình. Anh đã tính toán tất cả, tin tưởng vào thành công và chỉ có thể nói rằng anh sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước đất nước, chính phủ và nhân dân. Bộ trưởng Bộ Giao thông đã tin tưởng con người sáng tạo dũng cảm ấy và tuyên bố sẽ cùng chịu trách nhiệm với anh.

Cây cầu đã hoàn thành trong vòng 48 ngày, trước một ngày so với kế hoạch của Tường. Giờ đã có thể kéo nó qua bờ bên kia.

- Đồng chí có lo lắng không? - Tôi hỏi. - Đồng chí không nghĩ rằng có thể xảy ra tai nạn và cầu sẽ gãy?

- Tôi rất bình tĩnh, hoàn toàn tin tưởng rằng hệ thống đó sẽ vững chắc. Trong vòng ba tiếng rưỡi, hơn 30 người đã kéo cây cầu và lắp xong nó...

CUỘC GẶP TRONG ĐÊM

- Đồng chí có ý định đi học? - Tôi hỏi Nguyễn Văn Tường.

- Đó là ước mơ của tôi! Bởi tôi không biết các công thức tính toán, tất cả đều dựa vào cái đầu mình, thêm vào đó là linh cảm. Khi nào chiến tranh kết thúc, tôi sẽ đi học.

- Đồng chí đã dựng bao nhiêu cây cầu trong cuộc đời mình? - Tôi hỏi.

Anh mỉm cười trả lời:

- Hình như là hơn 100. Nhưng đó không phải công lao của tôi. Nhân dân là người xây dựng. Nông dân, bộ đội, phụ nữ, trẻ em.

Anh ngừng lại rồi nói thêm:

- Tôi muốn kể cho đồng chí nghe một câu chuyện trong cuộc đời mình.

- Đồng chí kể đi!

Chúng tôi ngồi trên cỏ, trong bóng mát của bụi chuối.

- Một lần chúng tôi bắc cầu qua một thung lũng trong núi rừng Việt Bắc. - Anh bắt đầu câu chuyện. - Chúng tôi làm việc hăng như không ngơi nghỉ. Cây cầu có ảnh hưởng tới kết quả của một kế hoạch quân sự quan trọng. Chúng tôi làm việc trong ánh đuốc, ngập tạt cỏ trong làn nước giá lạnh. Khi đó là tháng Mười một.

Một ông nông dân đi ngang qua theo con đường mòn. Ông cụ dừng lại, chống gậy quan sát chúng tôi rất lâu. Khi chúng tôi từ dưới nước lội lên tạm nghỉ, ông nông dân trò chuyện với tôi, hỏi tên tôi.

“Nếu các cháu lao động không tiếc sức mình, có nghĩa là con đường này rất quan trọng đối với sự nghiệp chung của chúng ta. - Ông nhìn bộ quần áo ướt sũng của tôi và hỏi: - Cháu có quần áo thay không?”

Tôi trả lời không có. Lúc đó, ông mở bị và đưa cho tôi chiếc áo cánh.

“Cháu hãy cầm lấy.” - Ông nói.

Tôi không thể từ chối, ôm hôn ông. Chúng tôi chia tay và ông đi trên con đường mòn trong đêm tối, tay chống gậy. Sau này, tôi thường giận mình sao không hỏi tên ông. Tôi nhìn thấy ở người nông dân già ấy tâm hồn lớn của dân tộc tôi.

Sau đó ít lâu, tôi được tham dự đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc và nghe lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người nói về sự đoàn kết dân tộc, về sức mạnh vĩ đại chống lại kẻ thù, về chiến thắng tất yếu của chúng tôi. Đến lượt tôi phát biểu, tôi đã kể cho mọi người có mặt tại đại hội về ông lão nông dân đã tặng cho tôi chiếc áo cuối cùng của mình trong đêm lạnh giá... Tôi và nhiều người khác có mặt tại đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc được tặng thưởng huân chương. Khi trao nó cho tôi, Chủ tịch Hồ Chí Minh mỉm cười hỏi tôi:

“Cháu không nhớ ông lão nông dân mà cháu kể cho mọi người sao?”

“Cháu rất tiếc về chuyện này. - Tôi trả lời. - Nhưng cháu hy vọng khi nào đó được gặp lại và cảm ơn con người tốt bụng ấy.”

“Vậy thì chúng ta đã gặp nhau rồi.” - Chủ tịch Hồ Chí Minh cười, nắm chặt tay tôi...

TIẾNG RỪNG ĐÊM

Đêm thứ ba chúng tôi đi trong cơn mưa dầm. Chúng tôi thường xuyên phải ra khỏi xe. Những chiếc xe chậm chạp bò qua những đoạn đường ban ngày vừa bị bom tàn phá. Lúc này đang có hàng chục người làm việc – họ vận chuyển đất, đá, thân cây.

Ba giờ đêm, chúng tôi dừng lại. Con đường mòn dẫn chúng tôi tới căn nhà tranh. Chúng tôi khó nhọc lê tới chỗ nằm và lăn ra ngủ như chết.

Sáng dậy, chúng tôi thấy toàn bộ hành lý của mình đã được xếp gọn dưới những tán cọ.

- Đề nghị các đồng chí xem xét kỹ các hòm xiềng. - Phạm Văn Khoa nói. - Chúng ta sẽ gửi chúng tới căn cứ của Ban Điện ảnh - Nhiếp ảnh cách đây 20 cây số. Còn chúng ta sẽ đi người không tới Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tôi khuyên các đồng chí chỉ mang theo những thứ tôi cần thiết, một ít phim dự trữ. Từ Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chúng ta sẽ quay lại căn cứ Ban Điện ảnh - Nhiếp ảnh và bắt đầu cuộc hành trình Việt Nam.

Chúng tôi xem xét hành lý cẩn thận, kiểm tra lại máy móc. Mát gần nửa ngày trời. Mọi thứ đều được bảo quản tốt. Xong việc, chúng tôi quan sát xung quanh. Căn lều mà chúng tôi ngủ lại nằm dưới tán rừng cây rậm rạp. Eshurin nói cậu ta sẽ đi tham quan khu rừng. Một lúc sau, cậu ta quay lại, vẻ thất vọng.

- Không có riu và cửa thì chẳng thể đi nổi. - Cậu ta thông báo. - Không chỉ người mà ngay đến con gà cũng chẳng lọt qua được những bụi cây đó.

Tôi thấy buồn vì vắng Vân. Hôm qua, rất lâu trước khi chúng tôi lên xe, cậu ta đã lúi từ trong lều ra chiếc xe đạp và lao đi, vẫy vẫy tay với chúng tôi ở chỗ ngoặt gần đó. Khoa giải thích, Vân đi trước, tới Ban Chấp hành Trung ương Đảng để thông báo chúng tôi sắp tới.

Tối đó, chúng tôi lại lội qua một con suối nữa. Chúng tôi đi, nước ngập đến thắt lưng, chân thận trọng dò dẫm trên những tảng đá trơn trong dòng nước chảy xiết. Khi sang đến được bờ bên kia, tôi thấy trong ánh đèn pin khuôn mặt tươi cười của Vân, lọn tóc tinh nghịch của cậu ta lộ ra dưới vành mũ cối. Cậu ta đã kịp có mặt ở Ban Chấp hành Trung ương Đảng, quay về đón chúng tôi và ngồi vào chỗ của mình ở hàng ghế phía sau.

Lần này chúng tôi chỉ đi bằng hai chiếc Jeep dã chiến. Phải đi một đoạn đường không dài, chỉ 10 cây số đường núi. Nhưng con đường thật khủng khiếp. Công việc xây dựng vẫn chưa hoàn tất, đôi chỗ đường nằm cheo leo ngay bên vực. Khi chiếc Jeep trượt bánh trong bùn nhão bên bờ vực, bác tài ép chiếc xe vào vách đá để chờ vài milimét cho bánh phải thoát ra khỏi hố sâu. Phải công nhận là sợ thật!

- Hôm qua, trên con đường này, - Vân nói - chiếc xe đầu tiên đã đi qua. Xe chở Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam Võ Nguyên Giáp từ Điện Biên Phủ về Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Xe chúng ta là chiếc thứ hai.

Lại dừng bên suối.

- Chuyến du lịch bằng ô tô đến là đây kết thúc. - Vân thông báo. - Chúng ta sẽ qua suối và tiếp theo sẽ đi bộ. Cũng không còn xa nữa.

Ban ngày, trên những con đường mòn trong rừng luôn ngự trị thứ ánh sáng nhờ nhờ ẩm ướt, những tia nắng mặt trời khó nhọc xuyên qua đám lá dày. Điều này khiến chúng tôi thấy lo lắng. Chúng tôi đo ánh sáng bằng quang kế mấy lần. Rất thất vọng, mũi tên quang kế di chuyển rất chậm

trên bảng hiển thị, ánh sáng rõ ràng là không đủ để quay phim. Làm sao để vượt qua tình huống khó khăn này?

Bóng tối nhanh chóng trở nên dày đặc. Mấy anh bạn đi cùng đốt đuốc nứa. Họ lấy mấy khúc nứa khô, dùng dao chẻ chúng ra. Thật khó khăn khi phải đi trên con đường đất sét nhỏ trơn nhẫy vì mưa, khó khăn lắm mới thấy đường mà đi. Những bậc thang xấp bằng đất sét trơn tuột khi lên cao, khi xuống thấp. Bên phải và bên trái là rừng rậm không thể lọt qua. Tre nứa mọc dày đặc, to tướng, cao bằng hai thân người, cụm dương xỉ to bằng mấy vòng tay, những thân cây với cành chằng chịt dây leo. Đám dây leo mọc quanh thân cây, trông giống như mỗi nút buộc siết, được tết từ những sợi thừng to. Từ những cành dây đâm xuống đất, đám dây leo tạo thành một dãy cột xung quanh thân cây. Những cây to, ngọn vươn cao lên bầu trời. Những bắp chuối rừng lộ ra trong đám lá, trông giống như mái chèo của chân vịt.

Dưới những tán rừng nhiệt đới này hàng nghìn, hàng nghìn người lính của đội quân viễn chinh Pháp đã bỏ xác. Họ chết vì sốt rét rừng, vì bệnh đường ruột, vì sự thờ ơ của những người chỉ huy. Trong những cánh rừng này, họ đã dẫm phải bẫy chông làm bằng tre sắc nhọn, bằng đinh sắt gỉ, vấp phải mìn. Trên bến phà họ bị súng máy du kích bắn. Những người sống sót, những người may mắn trở về Pháp, về nhà, sẽ suốt đời không quên được những cuộc hành quân đêm, nỗi sợ hãi thường trực bóp nghẹt trái tim người lính, đeo đuổi họ theo mỗi bước chân trên con đường mòn trong rừng, nơi luôn ngự trị thứ mùi mốc ẩm ướt, ngọt ngào, mê mẩn, nơi bóng mát ban ngày không làm dịu đi cái nóng và đêm không được nghỉ ngơi. Ban đêm bức tường rừng rậm dường như càng siết chặt con đường từ hai phía.

Vọng đến tai chúng tôi những âm thanh bí hiểm của rừng đêm. Tiếng hú chói tai của khi, tiếng kêu của chú chim đêm, tiếng gầm gừ của con thú vô hình, tiếng rít của loài côn trùng nào đó, tiếng kéo kẹt của những thân vầu. Chúng tôi đặc biệt sợ hãi bởi một âm thanh nổi bật so với các âm thanh khác của rừng, một tiếng rít to chói tai, giống âm thanh của chiếc cửa điện đang nghiêng vào thân cây.

- Con thú gì vậy?

Sau này, chúng tôi được thấy “con thú” đó – một loài côn trùng không lớn, da sừng giống như vậy. Những chiếc vây chuyển động chính là nguyên nhân của âm thanh kỳ lạ, làm tê liệt hệ thống thần kinh, bao trùm lên mọi âm thanh khác của rừng.

Cậu Liên đang đi cạnh tôi bỗng dừng lại, nắm chặt tay tôi. Một tiếng gầm trầm vắng tới từ xa. Vân trượt lên đi cùng, mỉm cười nói:

- Vậy là các đồng chí đã nghe thấy giọng của chúa sơn lâm rồi. Có một con hổ đang lang thang gần đây.

Những hạt mưa to gõ trên thân và lá rừng. Một phút sau, dòng nước ấm từ trên trời trút xuống. Con mưa rừng! Đôi khi mưa kéo dài cả ngày và lâu hơn. Bùn ngập đến mắt cá chân, lép nhép, bết và khó đi.

Một con suối rộng cản đường chúng tôi. Trong ánh đuốc, chúng tôi nhìn thấy một chiếc bè nhẹ bồng bênh trên nước, được làm từ những cây vầu to dài buộc lại với nhau. Chúng tôi sẽ phải vượt qua suối cùng với toàn bộ máy móc trên chiếc bè này. Người đầu tiên quyết định bước xuống bè là Volodia Eshurin. Nhìn thân hình lực lưỡng ấy, nhớ đến trọng lượng 95 kilôgam của cậu ta, tôi chờ đợi một kết cục xấu. Chiếc bè chao đảo một cách đáng ngại. Eshurin, vẻ mặt căng thẳng, cố gắng không động đậy, từ từ rời bờ. Một sợi dây thừng to vắt qua suối. Chàng trai ngồi xồm trên bè dùng tay kéo bè về phía bờ bên kia, nơi có những ngọn đuốc nứa đang cháy, làm rơi những tàn than cháy bồng như những hạt vàng xuống mặt nước đen ngòm như mực.

Tôi là người thứ hai vượt sông. Đứng trên bờ sông cao chúng tôi theo dõi người ta chuyển máy móc của mình. Những bó đuốc, những cành cây to cháy rực hắt ánh vàng lên khu rừng lồng lộng

soi bóng trên con sông đen – mọi thứ thật thơ mộng. Đang mải mê ngắm nhìn cảnh tượng đó, tôi bỗng rơi tõm xuống con hào sâu hai mét. Sau này, Eshurin kể lại rằng cú ngã của tôi bất ngờ đến nỗi rất phù hợp với khung cảnh đặc biệt xung quanh chúng tôi lúc đó.

- Cậu đột nhiên biến mất. Chưa kịp nói hết câu, bỗng nhiên cậu biến đi đâu mất...

Nhanh chóng leo lên khỏi con hào, tôi xoa đầu gối bị trầy và nghĩ, may mà không sao.

Từ trong bóng đêm, xuất hiện mấy chú ngựa lùn lông lá. Chúng tôi tiếp tục chuyến hành trình trên lưng ngựa.

ÁNH SÁNG TRONG RỪNG THẳM

Lại con đường mòn nhỏ hẹp, đi sâu giữa những cánh rừng già. Đi trước là một người lính khoác súng tiểu liên sau lưng, tay cầm đuốc dẫn đường. Khi con đường mòn mở rộng ra và anh lính đi hơi né về một bên đường, thì bóng khổng lồ của con ngựa chở người cưỡi bò lên trên bức tường cây cối khổng lồ, những bụi rậm, những tán lá to giống như hình lá phong, nhưng khuếch đại đến độ như những cánh buồm của con thuyền lá.

Đây đã là chặng cuối cùng con đường chúng tôi phải đi. Đầu đó sau bức tường chắc chắn của những cây bụi mọc um tùm này, ở một điểm không nhìn thấy được giữa những cánh rừng già Việt Bắc, tọa lạc một xóm nhà. Ở đó là Hội đồng bộ trưởng của nước Cộng hòa, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Nhân dân thành kính bảo vệ bí mật của địa điểm này. Quân thù hẳn sẵn sàng trả một cái giá rất đắt để có thể biết địa điểm này và trút xuống đó tất cả sức mạnh bom đạn của chúng, triệt hạ, xóa sạch mọi dấu vết trên mặt đất.

Mấy lần trong ánh sáng ngọn đuốc, tôi nhìn thấy những múi dây điện thoại chằng chịt chạy dọc theo đường chúng tôi đi, những tấm cách điện trắng gắn trên thân cây cối. Điều đó nói cho biết, chúng tôi đang đến gần địa điểm xác định. Đến khi từ trong vòm tối của cây lá đột nhiên hiện ra trong ánh sáng đuốc một người lính gác lên tiếng hỏi, thì tôi biết lộ trình của chúng tôi đã kết thúc, chúng tôi đã đến địa điểm xác định rồi.

Đi thêm vài trăm mét nữa, chúng tôi nhìn thấy ánh sáng điện trong rừng cây, nghe thấy tiếng máy nổ lịch lịch của trạm phát điện. Chúng tôi đi ngang qua bên mấy căn nhà tranh tre. Từ trong một căn nhà như vậy vang ra tiếng máy phát tín hiệu lịch lịch và tiếng máy đánh tin lách cách.

Cuối cùng chúng tôi đã ở dưới một mái nhà! Cho dù trên đầu trần mưa nhiệt đới đang đổ xuống rào rào, ở đây sáng sủa, khô ráo, những chiếc giường tre nửa thật hấp dẫn. Vươn thẳng người, duỗi rộng chân tay, xả hơi cho một lần nghỉ ngơi đã bấy nay trông đợi. Con đau nhức nhối ở chỗ đầu gối bị thương mỗi lúc một tăng. Chỉ khi từ yên ngựa xuống, tôi mới cảm thấy mình không thể co chân lại, thế là phải cần môi vì con đau nhức nhối.

Chúng tôi chỉ vừa kịp thay xong quần áo ướt thì có hai người bước vào căn nhà tranh tre. Hai ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động. Đồng chí Tố Hữu – Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền, nhà thơ cách mạng xuất sắc của Việt Nam – và đồng chí Hoàng Tùng – Tổng biên tập tờ báo *Nhân dân*, cơ quan của Trung ương Đảng – chúc mừng chúng tôi đến nơi an toàn. Chúng tôi ôm nhau nồng nhiệt, nhìn vào mắt nhau rất lâu, không rời tay nhau. Đêm ấy, đối với họ, chúng tôi là những người thân cận và ruột thịt đến từ Moskva xa xôi giữa tháng năm khó khăn của những thử thách lớn. Đối với chúng tôi, cuộc gặp gỡ này cũng không kém phần xúc động.

Quanh chiếc bàn có phủ khăn được chiếu sáng bằng ngọn đèn dầu, lập tức sôi nổi một cuộc trò chuyện thú vị tưởng chừng cứ kéo dài bất tận. Câu hỏi tới tấp được đưa ra từ cả hai phía. Cần phải nói với nhau điều quan trọng nhất, biết được của nhau điều cần thiết nhất...

Tố Hữu – người nhỏ nhắn, thân hình như một cậu bé. Anh đã 34 tuổi. Năm 15 tuổi, anh đã ra đi tham gia phong trào cách mạng, đến năm 19 tuổi, anh bị kết án tù khổ sai. Anh bị đi đày tại một

nhà tù khắc nghiệt nhất nằm ở biên giới giữa Lào và miền Trung Việt Nam.

Năm năm sau, anh vượt ngục thành công. Thơ Tố Hữu viết trong tù được gửi ra truyền bá khắp cả nước bằng các bản chép tay. Anh trở thành thi sĩ yêu quý của nhân dân, đấu tranh vì tự do.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, anh lãnh đạo Ủy ban khởi nghĩa ở Huế.

Trong những năm chiến tranh, anh không đủ thời giờ để làm thơ và viết trường ca, nhưng anh đã dịch mấy bài thơ của các nhà thơ Xô Viết. Anh kể:

- Năm 1947, giặc Pháp ném quân nhảy dù xuống chiếm thành phố Bắc Cạn. Bộ đội và dân quân chúng tôi bấy giờ đã chiến đấu quyết liệt trên sông Lô và các đường đèo núi, người ta rời bỏ làng xóm và phố phường thân yêu bị biến thành vành đai trắng. Một lần, vào buổi tối, tìm thấy cuốn sách *Các cô gái Xô Viết* và tôi thấy bài thơ *Đợi anh về* của Konstantin do P. Luquet dịch ra tiếng Pháp. Bài thơ làm trái tim tôi xúc động vô cùng. Tôi đã nhìn thấy những chị em gái tôi phải chịu đựng những đau khổ khôn cùng. Tôi muốn gửi đến những người chị em Việt Nam anh hùng của tôi những lời an ủi và hy vọng. Tôi dịch bài thơ suốt đêm, cho tới sáng sớm mai. Nếu các bạn muốn, tôi xin đọc cho nghe.

Người Việt Nam đọc thơ ngâm nga như hát. Tố Hữu hát se se và tiếng thơ đầy nhạc điệu, ngâm nga giống như tiếng kêu của loài chim đại bàng. Sau đó anh đọc cho nghe bài thơ “*Aliosa, nhớ chẳng còn đường Smolensk...*” cũng do anh dịch.

- Tôi tìm thấy bài thơ này ở một cuốn sách khác, tên gọi tôi không nhớ. -Anh nói. - Đó là vào mùa thu năm 1949. Khi ấy, tôi vừa trở về sau chiến dịch Sông Lô. Vẫn còn nhớ như in những hình ảnh các làng xóm bị thiêu đốt, những hình ảnh các bà mẹ và trẻ em, chạy vào rừng, chạy đến các đồn giặc, nơi các chiến sĩ của chúng tôi đang chiến đấu. Họ mang nước uống tiếp tế cho các anh bộ đội. Bấy giờ tôi dịch bài thơ này và gửi vào bản dịch tình yêu của tôi đối với mảnh đất Việt Nam quê hương bị quân giặc thiêu đốt.

Anh lại đọc. Những từ Nga “*Aliosa*”, “*Xmolesina*” được phát âm nhẹ nhàng nghe thật xúc động trong ngôn ngữ Việt Nam giàu nhạc tính.

- Thôi phải đi ngủ, các đồng chí, phải ngủ ngay thôi!

Nhưng con buồn ngủ không đến. Đã mấy lần thỏa thuận với nhau: “Thêm 20 phút nữa – khi ấy thì...” 20 phút đã qua –và cuộc trò chuyện lại còn sôi nổi hơn nữa...

TRONG XÓM Ở CỬA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Cơn đau nhức ở chân đánh thức tôi dậy. Tôi thử đứng lên, nhưng, than ôi! Tôi không thể nhúc nhích đưa bước được. Tập tễnh, tôi ra khỏi nhà, ngồi xuống chiếc ghế băng. Vâng đi đến chỗ tôi.

- Chân anh làm sao thế? Anh đi như lê vậy...

Tôi bảo rằng quả thực chân tôi đau tấy và điều này làm cho tôi lo lắng. Trước mắt còn phải đi rất nhiều. Thế mà ngay mở đầu công việc đã gặp phải chuyện khó chịu như thế này. Chàng trai gật đầu thông cảm và chạy vù đi sau đó chỉ mười phút quay trở lại với một cô gái thật dễ thương, tay xách chiếc va li nhỏ.

- Bác sĩ của chúng tôi. Anh cho chị ấy xem đầu gối của anh.

Cô gái chăm chú xem xét chỗ bị thương.

- Có lẽ không chỗ nào gãy cả, - bác sĩ nói - đồng chí đừng cử động chân.

Cô gái băng chân cho tôi rồi đi, hứa sau mấy tiếng nữa sẽ quay lại thăm.

Tôi đưa mắt nhìn xung quanh. Xóm ở của Trung ương – gồm hai chục căn nhà tranh tre – hiện ra trước mắt tôi sáng lên trong những tia nắng mặt trời đang lên chiếu xuyên qua tán rừng cây rậm rạp. Một ngày làm việc đã bắt đầu trong xóm. Nghe thấy tiếng lách tách của những cỗ máy chữ, tiếng chuông điện thoại loáng thoáng reo đây đó. Tiếng con suối chảy gần đầu đây đó ào ào vang tới. Một số cán bộ Trung ương đi tắm về khăn mặt vắt vai. Người ta mang theo những ca bát ăn cơm và những đôi đũa đi đến nhà ăn. Một số khác đã ngồi ở các vị trí công tác của mình, căn cứ bắt đầu làm việc.

Ngôi nhà nhỏ hay cái lán tranh tre của Việt Nam như thế này, như các căn nhà trong xóm của Trung ương, nói đúng ra, khó có thể gọi là nhà. Đúng hơn đó là cái lán nền đất, bốn bề được chắn bằng những tấm phen đan bằng tre nứa. Mái đều lợp lá gồi. Chẳng có cửa sổ, cửa ra vào. Trong cái “buồng” được ngăn ra có hai ba cái giường, hai cái bàn tre, tất cả có vậy. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các bộ của Chính phủ, các cơ quan nhà nước đều ở trong những ngôi nhà tranh tre như thế. Nhân viên các bộ phận ở ngay tại các ngôi nhà trụ sở. Họ đều ăn mặc giống nhau: quần áo nông dân – áo cánh vải nâu xê ở ngực, cài bằng hàng khuy màu trắng, quần ống rộng cùng thứ vải ấy. Chân đi những đôi dép làm bằng lốp xe ô tô. Loại dép này có thể coi là một trong những sáng chế vĩ đại bậc nhất của nhân dân Việt Nam đang chiến đấu. Những đôi dép xăng đan vừa tiện, vừa bền. Nếu như ta nhớ là bề dày của chiếc lốp người ta tính chịu đựng sức nặng của cỗ xe ô tô năm tấn, thì loại giày dép này thực tế có thể coi là vĩnh cửu. Đi những đôi dép cao su ấy có thể dễ dàng lội qua suối. Khi tới bờ bên kia chỉ cần lác chân để giữ những hòn sỏi mắc phải và lại tiếp tục lên đường. Những đôi dép cao su là giày dép của hàng triệu người Việt Nam trong những năm chiến tranh. Chúng bảo vệ những đôi chân của các anh lính, những người nông dân chuyên chờ, các cán bộ Đảng, các bộ trưởng, các tướng lĩnh Quân đội Nhân dân, Chủ tịch nước Cộng hòa. Ngay những ngày đầu tiên của chuyến đi khắp Việt Nam, chúng tôi – những cán bộ điện ảnh Xô Viết – cũng đã sử dụng những đôi xăng đan cao su, tin tưởng rằng ở đây trong điều kiện nhiệt đới, không có loại giày dép nào tiện lợi và thực tế hơn.

Nhìn cái xóm sầm uất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, những cái bụi dây điện thoại đi sâu vào trong rừng già, nối liền địa điểm này – trái tim và bộ óc của Việt Nam đang chiến đấu – với cả đất nước, tôi lại nhớ đến những nhan đề giễu cợt trên một tờ tạp chí phản động Pháp, in trên cả mấy trang bài tường thuật về Hội nghị Genève. Dưới bức chân dung Phạm Văn Đồng có dòng chữ ghi chú *Bộ trưởng Bộ Ngoại giao cái chính phủ của rừng rú*. Kẻ thù chế giễu. Phải, Chính phủ của Việt Nam đã ở giữa những cánh rừng rậm rạp. Nhưng sau đó, nhiều lần chúng tôi đã có cơ hội khẳng định một điều rằng, Chính phủ của nước Cộng hòa được gắn bó với nhân dân, với đất nước bằng những mối dây chặt chẽ đến nhường nào.

Sáng ra, chúng tôi được thông báo – Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng chí Hồ Chí Minh, mời chúng tôi đến gặp gỡ. Nơi ở của Chủ tịch ở cách xóm Trung ương Đảng chừng nửa cây số. Với cái chân đau, làm sao tôi vượt được một khoảng cách như thế. Nhưng các đồng chí ở Trung ương Đảng đã dự tính trước tất cả và đưa đến trước cửa căn nhà của chúng tôi một chú ngựa bạch nhỏ nhắn.

Với một tâm trạng hồi hộp dễ hiểu, chúng tôi đi đến cuộc gặp gỡ với con người mà tên tuổi quý giá vô cùng đối với mỗi người dân Việt Nam, với tất cả mọi người tiến bộ trên thế giới. Trong những ngày này, nhiều lần chúng tôi được nghe từ miệng những cháu thiếu niên và người đứng tuổi, những người lính, những người phụ nữ và các em nhi đồng thốt lên một cách triu mến: “Bác Hồ”. Tên tuổi của vị lãnh tụ nhân dân được nhắc đến một cách thân thiết, đôi khi biểu lộ cả sự nhiệt thành. Tên tuổi ấy vang lên trong những bài hát, được viết lên trên những tấm phen đan bằng tre nứa. Trong đêm, dưới trận mưa nhiệt đới xối xả, những người nông dân, sau khi hoàn thành công việc sửa chữa cây cầu bị phá hoại, tiễn đưa chiếc xe đầu tiên lăn bánh qua bằng lời chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh.



ĐỒNG CHÍ HỒ CHÍ MINH

Có những cuộc gặp gỡ, được ghi nhớ suốt cả đời, để lại trong tiềm thức và trái tim dấu ấn sâu sắc, không có lần thứ hai. Cuộc gặp gỡ của chúng tôi với đồng chí Hồ Chí Minh là cuộc gặp gỡ như thế.

Chúng tôi đi theo lối mòn nhỏ, men theo bờ vực chênh vênh, phía dưới con suối chảy ào ào. Sau đó đi sâu vào vùng cây cối tỏa hương ngào ngạt của tre nứa, cọ, chuối rừng và chẳng bao lâu sau nhìn thấy một căn nhà tre nứa. Từ hiên nhà, một người ăn mặc quần áo nông dân đi ra đón chúng tôi!

Già dặn trước đây vài ba ngày chúng tôi có gặp trên đường, giữa đồng lúa, hẳn chúng tôi sẽ cho đây là một bác nông dân bình thường.

Giương mặt thanh tú quen thuộc trên các bức chân dung, chòm râu thưa thưa nổi tiếng, nụ cười hiền hậu, xởi lởi.

- Xin chào các đồng chí! Các đồng chí có khoẻ không? - Người nói, thân ái dang cả hai tay ra

chào đón và mời chúng tôi vào nhà mình.

Và ngay từ giây phút đầu tiên, khi chúng tôi yên tọa quanh chiếc bàn mộc, phe phẩy những chiếc quạt lá cọ, ngay từ lời đầu tiên của cuộc trò chuyện thân tình đã không còn chút gì của cảm giác căng thẳng và hồi hộp mà chúng tôi đã mang theo trên đường tới đây và chờ đợi cuộc gặp gỡ đáng ghi nhớ với nhà cách mạng huyền thoại của Đông Dương – Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chủ tịch đã trải qua tám năm – tất cả những năm tháng khó nhất của chiến tranh, chính tại đây, trong những cánh rừng già Việt Bắc, trong những cuộc vi hành, trong lao động căng thẳng. Chẳng có khó khăn và gian truân nào, hiểm nguy và thiếu thốn nào bẻ gãy được con người không còn trẻ và đã cống hiến cuộc đời cho cuộc đấu tranh vì tự do của dân tộc mình. Vào năm thứ tám của cuộc chiến tranh, Người đã 64 tuổi. Nhưng ngồi trước mặt chúng tôi là một con người tràn đầy nghị lực trẻ trung. Trên gương mặt gầy gò sạm nắng gió và vàng trán cao của Người không nhìn thấy một nếp nhăn nào. Và trong suốt thời gian cuộc diện kiến, chúng tôi luôn bị hấp dẫn bởi đôi mắt nâu sẫm với những tia lửa ánh vàng tươi tắn. Đôi khi, đôi mắt hiền hậu, mệt mỏi ấy cũng thoáng một nét buồn. Đó là khi Người nói về những nỗi thống khổ cùng cực của nhân dân mình, về những hy sinh, về sự độc ác khủng khiếp của kẻ thù.

Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt cả cuộc đời mình mang theo niềm tin cháy bỏng vào một điều là nhân dân Việt Nam nhất định sẽ giành được tự do và độc lập trong cuộc đấu tranh với bọn thực dân. Người đã cống hiến 45 năm cuộc đời mình cho cuộc đấu tranh này.

Hồ Chí Minh sinh tại Bắc Trung Bộ Việt Nam, trong gia đình khoa bảng, người mà vì lòng căm thù không khoan nhượng đối với bọn thực dân được đồng bào gọi là nhà “ái quốc” – người yêu nước. Cái tên này người cha đã truyền lại cho con trai. Ngay từ thuở thiếu thời, Nguyễn Ái Quốc đã bước vào con đường đấu tranh giải phóng dân tộc chống thực dân áp bức đô hộ Tổ quốc mình.

20 tuổi, mong muốn nhìn thấy thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã xin làm thủy thủ trên một tàu chở hàng của Pháp⁽⁴⁵⁾. Trong vòng mấy năm trời, anh đã đi khắp thế gian, trải qua lao động cực nhọc và thiếu thốn. Anh nhìn thấy cuộc đấu tranh của nhân dân bị áp bức trên thế giới vì quyền lợi của mình. Lưu lại Paris, anh đã làm bất cứ công việc gì, thay đổi nhiều nghề. Anh đã bắt liên lạc được với các tổ chức cách mạng vô sản Pháp. Vào cuối cuộc chiến tranh, anh đã tham gia tổ chức Hội quốc tế các dân tộc da màu và bắt đầu ra tờ báo chiến đấu *Người cùng khổ* (Le Paria).

Năm 1919, Hồ Chí Minh đã gửi “Bản yêu sách” tới Hội nghị Versailles. Anh đòi độc lập phải được trao lại cho Việt Nam, đồng thời lên tiếng bảo vệ tất cả các dân tộc thuộc địa bị áp bức.

Suốt năm tháng hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn không ngừng cố gắng thắt chặt những mối quan hệ của nhân dân Việt Nam với công nhân cách mạng Pháp vì cuộc đấu tranh chung chống bọn bóc lột, chống bọn đế quốc. Tháng 12 năm 1920, Người tham gia Đại hội Tours, nơi đa số của Đảng Xã hội Pháp đã liên kết với Quốc tế cộng sản.

Chàng thanh niên Nguyễn Ái Quốc đã hân hoan với Cách mạng tháng Mười, cảm nhận sâu sắc rằng giai cấp công nhân nước Nga đã báo hiệu cho thế giới một kỷ nguyên mới trong đời sống của tất cả mọi dân tộc bị áp bức. Học thuyết Lenin đã mở ra trước các dân tộc châu Á tham gia phong trào cách mạng. Bọn đế quốc cảm thấy con người này là một kẻ thù tiềm ẩn nguy hiểm, đã theo dõi Người ở khắp mọi đất nước trên lục địa châu Á. Đầu người cách mạng dũng cảm được treo thưởng một cái giá cao không tương tượng được, nhưng Người không dễ bị bắt được, Người trốn thoát bọn cảnh sát ở Trung Quốc, ở Đông Dương, ở Mã Lai, tiến hành công tác đấu tranh, động viên quần chúng đứng dậy chống bọn đế quốc. Chính quyền thực dân Anh ở Hong Kong bắt được Người, nhưng Người lại chạy thoát khỏi nhà tù, tiếp tục công tác cách mạng bí mật...

Những năm tháng này, Người đặt nền móng cho đảng Mác-xít, cho công việc liên kết tất cả các tầng lớp cách mạng của dân chúng Đông Dương vào một mặt trận dân tộc chống đế quốc. Năm 1930, Hồ Chí Minh thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thắng lợi của Mặt trận dân tộc ở Pháp, tiếp theo là thời kỳ phản động nặng nề, Nhật chiếm đóng, Thế chiến thứ hai bùng nổ – tất cả những năm tháng đó Nguyễn Ái Quốc làm việc không mệt mỏi, đoàn kết mọi lực lượng cách mạng của nhân dân các nước Đông Dương. Dưới cái tên mới Hồ Chí Minh – sự sáng suốt – Người kết thúc hoạt động của mình về mặt tổ chức của nhân dân Việt Nam bằng việc sáng lập ra Mặt trận Dân chủ đấu tranh cho nền độc lập Việt Nam, gọi tắt là Việt Minh.

Ngày 23 tháng 8 năm 1945, Đại hội đại biểu quốc dân họp tại Việt Bắc thông qua quyết định thành lập Chính phủ lâm thời của Việt Nam đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã đi bộ về đây, vượt qua con đường dài núi non hiểm trở từ Trung Quốc, nơi mấy tháng trời Người bị giam cầm trong ngục thất riêng biệt của nhà tù Tưởng Giới Thạch.

Trong những ngày đó, các lực lượng vũ trang Xô Viết bắt đầu cuộc tấn công chống quân đội Nhật ở Mãn Châu.

- Giờ tổng khởi nghĩa đã đánh! - Hồ Chí Minh nói, hiệu triệu nhân dân tổng khởi nghĩa chống bọn đế quốc Nhật đang tràn ngập Việt Nam.

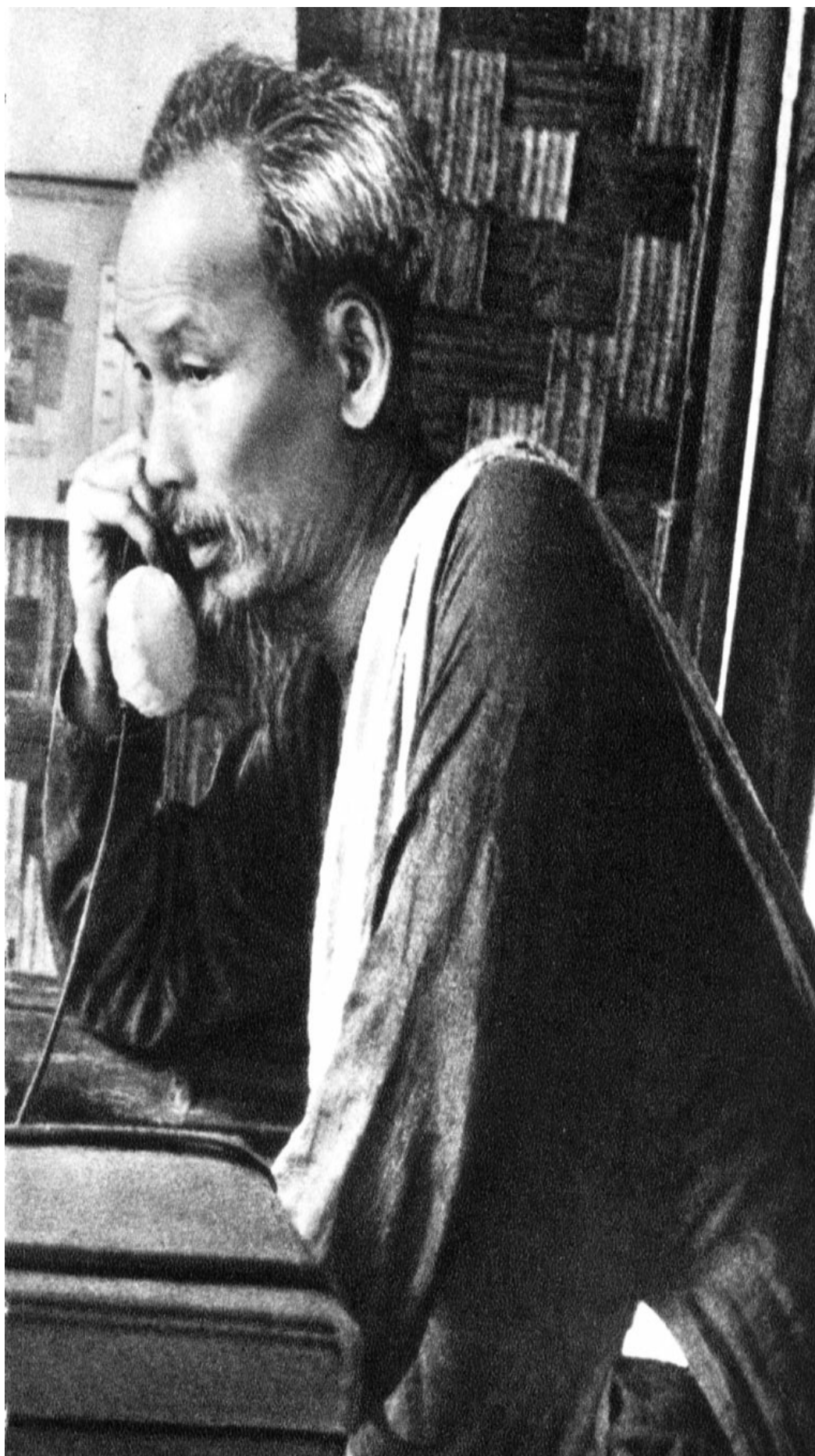
Ngày 2 tháng 9 năm 1945, ở Hà Nội, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được tuyên bố thành lập. Hồ Chí Minh được bầu là Chủ tịch nước Cộng hòa. Nhân dân Việt Nam nhiệt liệt chào đón con người yêu quý đã cống hiến cả cuộc đời mình phụng sự cho đất nước, phụng sự những quyền lợi của đất nước, con người mang một tâm hồn ngời sáng và lương tâm thanh khiết, được sự kính trọng của cả bọn thực dân và bọn tay chân bù nhìn của chúng, không một lần nào trong các phát biểu công khai của mình chúng lại dám động đến sự trong sạch của tên tuổi Người.

Tráo trở, khiêu khích vi phạm hiệp ước về việc thừa nhận nước Cộng hòa dân chủ, thế lực phản động Pháp phát động cuộc chiến tranh đẫm máu chống lại nhân dân Việt Nam. Tận dụng mọi khả năng ngăn chặn cuộc chiến tranh, giữ gìn hòa bình, Hồ Chí Minh kêu gọi toàn dân kháng chiến chống quân lính đạo binh thâm dò của Pháp đã xâm phạm vào các quyền thiêng liêng giành được nhờ cuộc Cách mạng tháng Tám của nhân dân.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, tại Hà Nội, các lực lượng vũ trang đế quốc Pháp tấn công trung đoàn anh hùng của nước Cộng hòa. Không vũ khí, nhưng tin tưởng vào chiến thắng phía trước, nhân dân Việt Nam đã đứng dậy làm cuộc chiến tranh thần thánh giành độc lập.

Trong những ngày tháng căng thẳng đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi hết bức điện này đến bức điện khác cho Léon Blum⁽¹⁶⁾, người đứng đầu chính phủ “xã hội chủ nghĩa” lúc đó, kêu gọi chấm dứt cuộc đổ máu, mở các cuộc đàm phán.

Léon Blum không phản hồi...



Chủ tịch Hồ Chí Minh



Đồng chí Tôn Đức Thắng



Trên bờ ruộng lúa ở đồng bằng sông Hồng



- Gia đình tôi đã thu hoạch được 1,5 tấn lúa trên cánh đồng này, nhờ đó chúng tôi có thể góp phần vào sức mạnh của đất nước...



Chúng tôi thường gặp những đoàn người thồ hàng bằng xe đạp.



Cô gái Việt Nam



Cô y tá trên mặt trận



Đây là ý tưởng về việc thử vận chuyển phim của chúng tôi trong những chiếc thùng làm bằng tre.



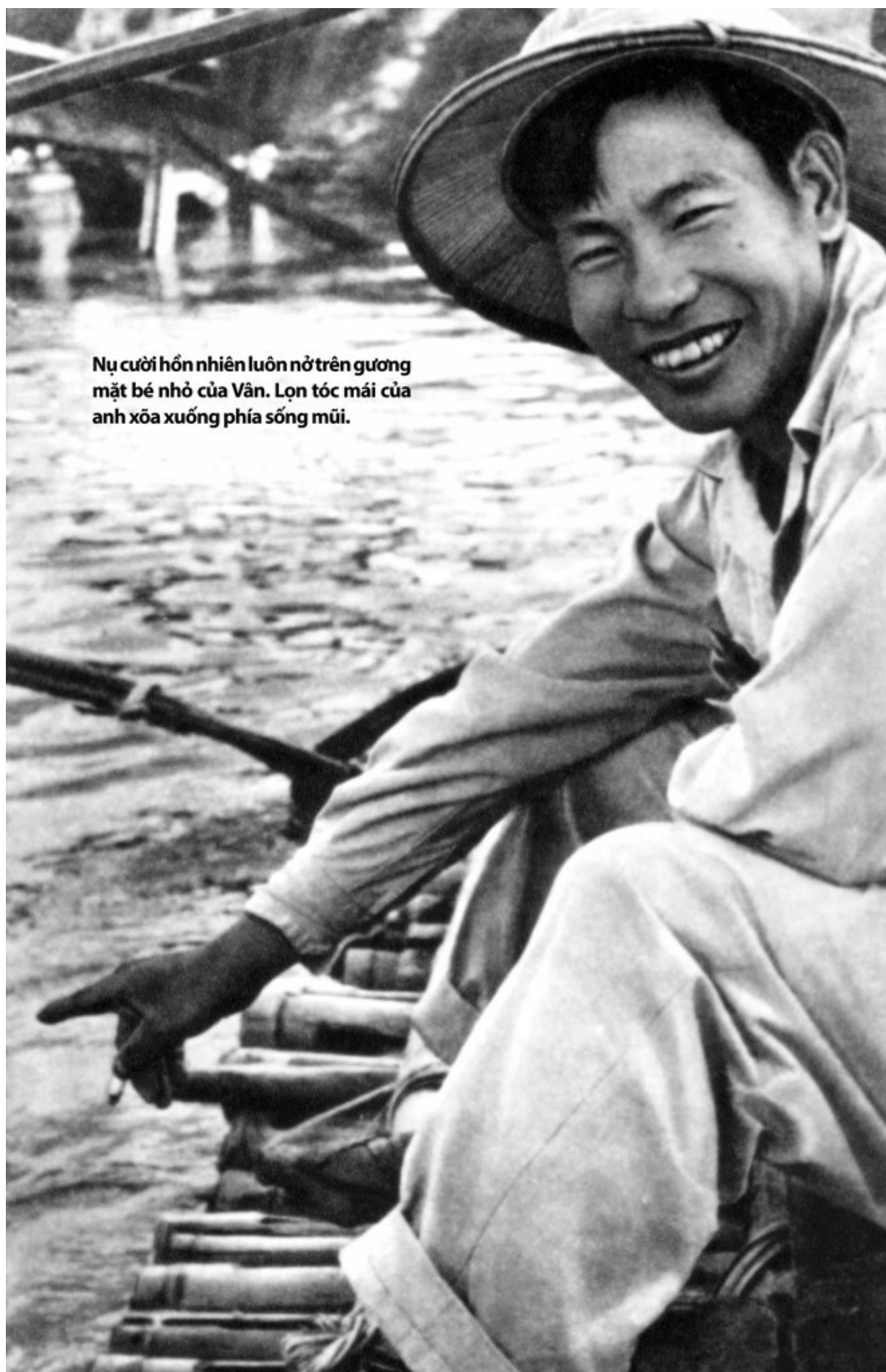
Ở Việt Nam, vũ khí được vận chuyển bằng tay...



Một vài người lập kỷ lục chở đến 300 kilôgam hàng trên một chiếc xe đạp.



Ở những vùng đồng bằng dễ dàng bắt gặp những chiếc bè làm từ tre trên những con sông thuộc miền Bắc Việt Nam.



Nụ cười hồn nhiên luôn nở trên gương
mặt bé nhỏ của Vân. Lọn tóc mái của
anh xõa xuống phía sống mũi.

Một địa chủ phong kiến,
người sở hữu 10 héc ta ruộng.



Người nông dân Việt Nam





Đồng chí Hồ Viết Thắng, người được Trung ương Đảng giao cho nhiệm vụ tiến hành cải cách ruộng đất.



**Tổng Tư lệnh Quân đội
Nhân dân Việt Nam Võ Nguyên Giáp**

Những năm tháng chiến tranh, những thử thách gian khó, những hy sinh không đếm xuể không khuất phục nổi nhân dân Việt Nam dũng cảm. Với những khẩu súng săn hai nòng, những quả bom ba càng tự tạo, các trung đoàn đầu tiên của nước Cộng hòa và những người du kích đã chiến đấu với kẻ thù, mà bên cạnh nó là tất cả sức mạnh chiến tranh của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Sau mỗi năm, Quân đội Nhân dân Việt Nam lại mạnh mẽ thêm, cuộc kháng chiến của nhân dân thêm mở rộng, họ biết bên cạnh họ là hàng triệu các chiến sĩ vì hòa bình ở khắp nơi trên thế giới, hàng triệu những người Pháp chân chính. Cuộc đấu tranh nhân dân do Chính phủ nước Cộng hòa đứng đầu, dựa vào sức mạnh của Mặt trận Dân tộc thống nhất của cả nước, cuộc kháng chiến do Đảng Lao động Việt Nam trải qua bao đấu tranh lãnh đạo, được sự yêu quý vô hạn và sự tin tưởng của quần chúng nhân dân ủng hộ.

Và ở mọi giai đoạn khó khăn nhất của cuộc đấu tranh, ngọn cờ của hàng triệu người Việt Nam luôn là tên tuổi sáng ngời Hồ Chí Minh, với tất cả sự khiêm tốn của mình, là biểu tượng cho sự vĩ đại của cả dân tộc đấu tranh cho tự do, độc lập.

BỨC THƯ CỦA GENEVIÉVE GALLARD

Chỗ ở bằng tranh tre của đồng chí Hồ Chí Minh chẳng có gì khác hàng nghìn căn nhà tranh tre khác, nơi sinh sống của những người nông dân Việt Nam. Có khác chăng là trong căn nhà của Người, căn nhà mà Người giới thiệu với một nụ cười là “dinh Chủ tịch”, có hai tầng: Tầng dưới là phòng làm việc, tầng trên là chỗ nghỉ ngơi. Trên bàn làm việc có những chồng báo mới, chiếc máy chữ lừng danh nhiều phóng viên đến thăm Người đã nói tới – chiếc máy chữ nhỏ xách tay hiệu “Bebi”, mà Người tự đánh các bài báo của mình, các tài liệu, những lời hiệu triệu gửi nhân dân và bộ đội. Nhiều sách. Trên tầng gác, một chiếc chiếu trải trên mặt sàn và một chiếc va li trông dạn dày, xây xát. Tôi nhận ra một con mèo hung hung với ba chú mèo con ở góc nhà. Khắp ba phía quanh nhà là những cây cọ và những bụi tre nứa, trong đó luôn thấp thoáng những chú chim rục rờ nhảy nhót, thánh thót cất tiếng hót, âm thanh tràn ngập khắp không gian.

Mặt thứ tư nhìn ra khung cảnh một thung lũng thoáng đãng, từ đó vọng đến tiếng suối chảy ồn ào.

Chúng tôi không thể không ngạc nhiên thốt lên trước nơi ở xuềnh xoàng của Người.

- Còn tôi đã quen với cuộc sống như thế này. - Người nói. - Các bạn nhìn thấy đấy, tôi có thể lên đường bất cứ lúc nào. Những năm tháng hoạt động bí mật đã dạy cho tôi nếp sống này. Thỉnh thoảng như một người du kích. Chỉ năm phút thu xếp là đã sẵn sàng lên đường.

Người hỏi han tỉ mỉ chúng tôi về chuyện đi đường, hành trình chúng tôi đã đi qua.

- Chúng tôi đã quan tâm - Người nói - về đường bay đặc biệt của máy bay để có thể đưa các đồng chí đến Việt Nam thật nhanh, nếu không thì các đồng chí chắc phải đi lâu hơn, qua Thượng Hải, Quảng Đông. Các đồng chí đã phải nán lại Bắc Kinh không lâu. Hình như, không phải lần đầu tiên đồng chí đến Trung Quốc? Đồng chí đã ở đó nhiều năm trước từ khi còn Tưởng Giới Thạch. Nếu đã nhận thấy những thay đổi diễn ra ở đó thì đồng chí sẽ nhìn thấy một nước Trung Hoa mới.

Tôi kể lại về những ấn tượng của mình.

- Các đồng chí thấy khí hậu ở đây thế nào? Đồng chí có nóng quá không?

- Chúng tôi cũng đã quen với thời tiết rồi, thưa đồng chí Hồ Chí Minh. - Gienhia Mukhin nói, ra sức đưa tay quạt phành phạch, lau mồ hôi đổ r ròng ròng từ trán xuống và chảy thành dòng xuống cổ áo.

Câu chuyện chuyển sang các vấn đề liên quan đến công việc của chúng tôi.

- Theo tôi, cần phải lên kế hoạch quay của các bạn. - Đồng chí Hồ Chí Minh nói. - Trong việc này, các đồng chí ở Trung ương Đảng sẽ giúp đỡ các bạn. Các bạn đã gặp đồng chí Trường Chinh chưa? Các bạn thế nào cũng phải gặp, chuyện trò với đồng chí ấy. Các bạn hãy làm quen với các cán bộ văn học nghệ thuật của chúng tôi. Các nhà văn của chúng tôi, đáng tiếc là, đang còn viết ít. Chúng tôi đã đọc Boris Polevoy⁽¹⁷⁾, những truyện ngắn của ông về những con người bình thường. Tại sao các nhà văn chúng tôi còn chưa viết được như vậy. Chúng tôi chẳng đã có nhiều anh hùng bộ đội và nông dân. Cần phải cho thấy hết tầm vóc của họ. Việc đó tất nhiên cũng sẽ là nhiệm vụ của các bạn trong quá trình xây dựng bộ phim. Tiện thể tôi muốn mời các bạn đến dự cuộc gặp mặt với các anh hùng Điện Biên Phủ. Chúng tôi sẽ trao thưởng cho họ vì những chiến công họ đã lập được.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kể cho chúng tôi về chiến dịch ở Điện Biên Phủ vừa mới kết thúc. - Trận đánh lịch sử trong đó các chiến sĩ Quân đội Nhân dân đã giành được một thắng lợi to lớn. Bắt tới 17.000 binh lính và sĩ quan địch làm tù binh. Báo chí tư sản Pháp trong những ngày này đã phải viết: “Quân đội viễn chinh Pháp đã bị chặt mất đầu.”

Chủ tịch cho chúng tôi xem bức thư của nữ y tá Pháp Geneviève Gallard – người phụ nữ duy nhất từng có mặt trong quân đồn trú Điện Biên Phủ và bị bắt làm tù binh. Trong thư, cô ta đề nghị Chủ tịch Hồ Chí Minh thả mình. Cô ta hứa nếu Chính phủ Việt Nam tỏ rõ sự khoan hồng mà thả cô ta ra, cô ta sẽ cống hiến hết sức lực của mình cho cuộc đấu tranh vì hòa bình ở Việt Nam.

- Tôi đã viết thư cho cô ấy - đồng chí Hồ Chí Minh mỉm cười hiền hậu nói - cho cô ấy biết rằng thư của cô ấy đến tôi chậm hơn mấy ngày khi tôi đã ra chỉ thị tha cho cô ấy. Trước đó, Hội Phụ nữ Việt Nam cũng đã đề nghị tôi về việc đó. Mà, các bạn thử nghĩ mà xem, chúng tôi bắt cô ấy làm tù binh để làm gì kia chứ? Một phụ nữ yếu đuối, cô ấy hẳn rất vất vả. Mới đây, người ta đã tha cho cô ấy và có người đưa cho chúng tôi xem báo Pháp vừa mới ra, đăng bài trả lời phỏng vấn đầu tiên của cô ấy tại Hà Nội. Cô ấy tận tâm kể lại thái độ đối xử nhân đạo của Quân đội Nhân dân Việt Nam đối với những tù binh người Pháp, cô ấy nói về sự chăm lo chu đáo mà các chiến sĩ, các sĩ quan và thầy thuốc của chúng tôi thể hiện đối với các sĩ quan và binh lính Pháp bị thương. Ở Pháp, cô ấy đã được tôn là nữ anh hùng nhân dân và, hình như thậm chí còn được liệt vào hàng thánh. Tôi sẵn sàng tin rằng cô ấy thực sự muốn trở thành chiến sĩ tích cực đấu tranh cho hòa bình ở Việt Nam. Cô ấy đã tận mắt mình nhìn thấy tất cả sự khùng khiếp và những cảnh tàn bạo của cuộc chiến tranh thực dân.

CHÚNG TÔI KHÔNG ĐƠN ĐỘC

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về tướng De Castries⁽¹⁸⁾ cùng với đội quân đồn trú của ông ta đầu hàng làm tù binh ở Điện Biên Phủ.

- De Castries cũng đang phát ngôn ủng hộ hòa bình. Đó là bây giờ, khi ông ta đang là tù binh. Trước đây, ông ta đâu có nói về hòa bình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không giấu sự tức giận khi nói về viên tướng - tiểu phạt tàn bạo, hiện đã bị vô hiệu hóa, đang nằm trong trại tù binh.

Trong lời lẽ của vị Chủ tịch đã đứng tuổi không hề có một thoáng hoan hỉ của người chiến thắng. Người chỉ lắc đầu kể về những hành động tàn bạo của De Castries. Trên bàn, trước mặt Người là trang bìa tờ tạp chí Pháp *Paris match* với chân dung một người cao gầy có cái mũi to khoằm, giống như mỏ một con ác điểu.

- Một con người rất tàn bạo. - Chủ tịch Hồ Chí Minh lắc đầu nói...

Những người phụ nữ lao động tỉnh Hà Đông⁽¹⁹⁾, những bà mẹ, khóc cạn nước mắt về những đứa trẻ bị giết, về những cô con gái bị binh lính, lê dương Pháp giày vò ô nhục sẽ còn nhớ mãi viên

đại tá - tiểu phạ De Castries. Đó chính là ông ta, De Castries, đã chỉ huy chiến dịch tiểu phạ ở vùng châu thổ Sông Hồng vào tháng sáu năm 1951. Theo lệnh ông ta, hàng nghìn tấn thóc lúa tước đoạt của nông dân bị tưới xăng đốt cháy rụi, đem rải xuống bãi lầy và vung vãi trên đường. Theo các mệnh lệnh của ông ta, xe tăng quân nát ruộng lúa vừa chín, 300 nếp nhà nông dân bị đốt thành tro than, rồi hàng trăm người bị tình nghi tham gia đấu tranh du kích bị bắn chết. Giờ đây, ở trong trại tù binh, De Castries phủ nhận việc đó. Phủ nhận tất cả, chỉ thỉnh thoảng tuyên bố:

- Tôi là người lính, tôi chỉ thi hành nghĩa vụ.

Những luận điệu quen thuộc một cách đau đớn! Chúng tôi, những người Xô Viết, đã từng nghe câu đó “tôi là người lính...” trong suốt bốn năm ở Smolensk, ở Stalingrad, trong những làng xóm Ukraina tắm máu, vùng phụ cận Volokolam. “Tôi là người lính” – Thống chế Keitel⁽²⁰⁾ tựa bên tường trong phòng tòa án Nürnberg cũng lại nói vậy.

Đại tá De Castries đã được thăng lên cấp tướng ở Việt Nam. Lon vai cấp tướng được thả dù xuống Điện Biên Phủ cho ông ta. Ông ta đã đầu hàng làm tù binh, không kịp đeo cặp lon ấy. Bây giờ trong trại tù binh ông ta lại nói: “Tôi là người lính...”

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về Genève. Hiện nay còn khó tiên đoán kết cục của Hội nghị Genève. Nhưng nó không thể là một cuộc hội nghị không có kết quả. Các lực lượng hòa bình trên khắp thế giới đang đấu tranh. Người đưa ra cho chúng tôi một bức thư.

- Các bạn hãy xem, đây là bức thư gửi về từ Genève. Một trong các thành viên đoàn đại biểu của chúng tôi đã viết gửi cho bạn mình: “Bọn mình thấy nhẹ cả người. Chúng ta không đơn độc. Bên cạnh chúng ta có đồng chí Chu Ân Lai⁽²¹⁾, đồng chí Molotov⁽²²⁾. Bọn mình đã quá cảnh qua đất nước Trung Hoa vĩ đại. Bọn mình đã ở trên Quảng trường Đỏ trong ngày mừng Một tháng Năm. Ở đây bọn mình đã nhận được tin về chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ. Bọn mình nhẹ cả người và bọn mình can đảm nhìn đến tương lai...”

- Tôi nhận được hàng nghìn thư - Chủ tịch Hồ Chí Minh nói - từ mọi miền đất nước gửi tới: thư của các chiến sĩ Quân đội Nhân dân, của nông dân, nhiều thư gửi từ các vùng bị địch chiếm đóng. Tất cả những lá thư này mọi người Việt Nam nhờ gửi tới đoàn đại biểu của chúng tôi ở Genève... Trong các lá thư này là niềm tin vào sức mạnh của mình, niềm tin vào thắng lợi của lực lượng hòa bình. Lúc này thậm chí cả những người mà trước đây chúng tôi gọi là “những kẻ trùm chăn” – nói đơn giản là những kẻ tiểu thị dân, đứng lách sang một bên, đứng dưng nhìn thời cuộc trong chiến tranh – cũng đã bắt đầu động cựa. Họ ở Hà Nội, họ đã ký vào bức thư trong đó bày tỏ sự đồng tình ủng hộ bài phát biểu cuối cùng của đồng chí Phạm Văn Đồng tại Genève. Còn đây, một bác nông dân viết gửi đến Genève: “Chúng tôi cày ruộng, các con chúng tôi đang chiến đấu ở Điện Biên Phủ, các đồng chí chiến đấu tại Genève, tất cả chúng ta cùng trong một đội ngũ chiến đấu cho hòa bình.”

Đồng chí Hồ Chí Minh bình dị và khiêm nhường. Từ chối các thư ký, tự đồng chí đọc hết khối lượng lớn thư từ, công văn, tự trả lời, tự đánh máy các bài viết của mình. Người đi bộ, cưỡi ngựa, vượt các chặng đường dài, nhiều ngày, chuyện trò một cách giản dị với nông dân tại các làng xóm, trên ruộng đồng. Vừa cười, Người vừa kể cho chúng tôi nghe cuộc chạm trán trong đêm của mình với hổ. Sự ánh sáng đèn pha ô tô nên hổ đã bỏ chạy. Chủ tịch nói:

- Con thú đáng sợ nhất đó là bọn đế quốc thực dân. Bởi vì hổ chỉ tấn công khi đói, còn bọn chúng làm cho nhân loại phải đổ máu chỉ để kiếm lời. Nhưng sự nghiệp của chúng cũng vô vọng thôi. Từ lâu, những con thú ấy đã có thể nhận ra là không thể bắt nhân dân làm nô lệ và không thể tiêu diệt nhân dân đấu tranh cho tự do. Đó là chuyện ngu ngốc của những kẻ không thoát khỏi diệt vong.

“Các bạn sẽ phải làm việc vất vả đấy. - Người nói. - Chúng tôi sẽ làm hết khả năng của mình để tạo mọi điều kiện cho các bạn, nhưng, đáng tiếc là những khó khăn thời chiến lại quá lớn.”

Chủ tịch Hồ Chí Minh nồng nhiệt nói về tình cảm của người Việt Nam đối với Liên Xô:

- Các bạn, những người Xô Viết đầu tiên đến đất nước chúng tôi, các bạn sẽ cảm nhận được tình cảm này trên mỗi bước đường.

Người xúc động đưa những ngón tay thanh mảnh nắn điều thuốc và đôi mắt Người ngấn lệ, khi chúng tôi kể về những biểu hiện của tình hữu nghị, những sự thông cảm và ủng hộ nhân dân Việt Nam đang chiến đấu, kể cho Người nghe chuyện tại liên hoan thể giới lần thứ tư của thanh niên ở Bucharest, các đại biểu đã công kênh những người anh hùng trẻ tuổi Việt Nam đi khắp sân vận động.

Chúng tôi trò chuyện bằng tiếng Nga. Chúng tôi hỏi:

- Đồng chí học tiếng Nga có vất vả lắm không?

Người trả lời:

- Người cách mạng phải biết được tiếng nói của Lenin.

- Một ngày đồng chí làm việc bao nhiêu tiếng?

- Chim chóc đánh thức tôi - Người nói - còn tôi đi nằm, khi những vì sao xuất hiện trên trời.

Về sau này chúng tôi mới biết thêm rằng không hẳn hoàn toàn như vậy. Không ít lần chúng tôi nhìn thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh chống gậy đi trong đêm dưới ánh cây đuốc nửa mà người bảo vệ đồng hành cầm soi đường trên lối mòn nhỏ hẹp trong các cánh rừng già. Chủ tịch trở về hoặc từ một chuyến vi hành xa, hoặc từ cuộc họp Chính phủ, hoặc sau cuộc chuyện trò kéo dài với những người từ xa đến thăm Người.

Chúng tôi ở bên đồng chí Hồ Chí Minh gần trọn cả một ngày. Một vài lần Người xin lỗi, đi lại bên bàn làm việc của mình để xem một bưu kiện khẩn, nói chuyện điện thoại. Trong những trường hợp ấy, Người đưa cho chúng tôi tập báo mới và các tạp chí ảnh của Pháp hay đề nghị chúng tôi đi dạo ngắm cảnh xung quanh “dinh” của Người.

Tham gia cuộc đàm thoại có nhà thơ Tố Hữu và đồng chí Hoàng Tùng, những người bạn hôm qua của chúng tôi – những người đầu tiên chúng tôi được gặp khi đến Trung ương Đảng. Chia tay, đồng chí Hồ Chí Minh nói:

- Chúng tôi và các bạn sẽ thường xuyên gặp nhau. Các bạn cần gì để bảo đảm công việc của mình, xin cứ mạnh dạn đề xuất.

- Chúng tôi chỉ có một đề nghị duy nhất đối với đồng chí, thưa đồng chí Hồ Chí Minh. - Tôi nói. - Đầu tiên và chủ yếu, đó là chúng tôi nhất thiết phải được thấy đất nước đồng chí. Di chuyển trong đêm tối không cho chúng tôi cơ hội đó. Hết sức xin phép đồng chí cho chúng tôi đi xe ban ngày. Xin hứa với đồng chí, cả ba chúng tôi đều có đủ kinh nghiệm quân sự, chúng tôi luôn luôn có thể kịp thời tránh được sự tiến công từ trên không.

Chủ tịch im lặng một lát.

- Không bao giờ, các đồng chí ạ! Chúng tôi đã mất nhiều những con người ưu tú của Đảng vì những trận bom, những trận oanh tạc từ trên không. Tôi hiểu rất rõ những khó khăn của các đồng chí, nhưng chúng tôi không thể để các đồng chí mạo hiểm, đành phải làm việc đó bằng cách đi bộ, đi ngựa hoặc xe đạp vậy. Cầm vận chuyển bằng xe ô tô vào ban ngày – đó là luật pháp ở đất nước chúng tôi.

Nhìn những bộ mặt thất vọng của chúng tôi, Người cười vui vẻ bắt tay từng người và nói.

- Vậy là ta đã thỏa thuận, tất cả đều rõ ràng!

ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH

Suốt ngày tôi bận bịu công việc lên kế hoạch quay. Nói cho đúng, đó chưa phải là kế hoạch, mà mới chỉ là thống kê các địa điểm và sự kiện mà nhất thiết phải được phản ánh trong phim.

Đến nửa buổi, đồng chí Trường Chinh – Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, bước nhanh nhẹn vào căn nhà chúng tôi. Ông mặc chiếc áo bộ đội màu da lươn, dắt trong quần cùng màu, trên đầu đội mũ cối, chân đi ủng cao su. Ông vừa trở về từ một vùng nông thôn xa và chưa kịp về nhà, đã đến thăm chúng tôi.

“Thế nào cũng phải đến thăm, chuyện trò với đồng chí Trường Chinh” – tôi chợt nhớ đến những lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó chúng tôi đã cảm nhận được sự trân trọng và tình cảm đối với người bạn và cộng sự gần gũi trong cuộc đấu tranh cách mạng.

Đồng chí Trường Chinh là nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc của Việt Nam, một trong những nhà lãnh đạo yêu quý của nhân dân Việt Nam, xuất thân từ bộ phận giác ngộ nhất và tiên tiến nhất – giai cấp công nhân.

Đồng chí Trường Chinh bắt đầu hoạt động cách mạng khi còn trai trẻ, từ năm 1928. Đồng chí đã từng là Bí thư chi bộ “Hội thanh niên cách mạng”, sau đó trở thành chủ bút tờ báo *Búa liềm, Công hội đỏ*.

Năm 1931, đồng chí đã qua “trường học cách mạng đầu tiên – năm năm ở nhà tù Hỏa Lò và Sơn La”. Ra tù khi Mặt trận Bình dân ở Pháp lên nắm chính quyền, đồng chí Trường Chinh trở thành một trong những nhà lãnh đạo Mặt trận Dân chủ miền Bắc Việt Nam, đồng thời là đại diện công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Trong hàng ngũ Mặt trận Dân chủ, đồng chí hăng hái đấu tranh cho sự thống nhất giữa Đảng Cộng sản Đông Dương và Đảng Xã hội Pháp, chống chế độ thực dân phản động, vì những cải cách dân chủ ở Đông Dương. Những lời kêu gọi và những bài viết đầy tính chiến đấu của đồng chí Trường Chinh luôn xuất hiện trên các báo *Lao động, Thời mới, Tiên phong*.

Cùng với đồng chí Võ Nguyên Giáp, năm 1938, đồng chí viết cuốn sách *Vấn đề dân cày*, lên tiếng đả phá kịch liệt phong kiến và chế độ thực dân, phơi bày mọi cội rễ sâu xa của sự bóc lột nhiều thế kỷ đối với nông dân và nêu rõ con đường đấu tranh với phong kiến.

Khi chiến tranh đế quốc bắt đầu vào năm 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương chuyển sang hoạt động bí mật. Năm 1940, nước Pháp bị quân Hitler xâm chiếm. Bọn Nhật ào vào Đông Dương. Nhân dân Việt Nam đứng dậy đấu tranh. Bùng nổ cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ khởi nghĩa. Bọn chiếm đóng đàn áp dã man. Hàng nghìn đảng viên Cộng sản bị giết, hàng chục nghìn người Việt Nam bị bắt. Nhiều ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng bị bỏ tù, bị xử bắn. Đảng cần thiết phải thành lập lại một ban lãnh đạo kiên định phục hồi phong trào nhân dân bị bọn thực dân triệt hạ. Đồng chí Trường Chinh khi đó mới 34 tuổi. Trong những ngày gian khó ấy, đồng chí đã gặp gỡ đồng chí Hồ Chí Minh. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ VIII của Đảng, vạch ra đường lối mới cho cuộc đấu tranh, nhất trí bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng bí thư của Đảng.

Cùng với Ban Chấp hành Trung ương bí mật, đồng chí Trường Chinh phục hồi các cơ sở cách mạng, tổ chức quần chúng nhân dân tham gia cuộc đấu tranh rộng lớn chưa từng thấy. Khi đó, Mặt trận Dân tộc Việt Minh đã ra đời.

Đồng chí Trường Chinh kêu gọi nhân dân Việt Nam đoàn kết để đấu tranh đánh đổ bọn xâm lược Nhật và Pháp. Suốt bốn năm gian khó, đồng chí đã tiến hành công tác bí mật, lãnh đạo phong trào cách mạng của nhân dân Việt Nam. Tên tuổi của đồng chí làm cho bọn đế quốc khiếp sợ và căm tức. Bọn chúng đã trao giải với số tiền lớn để lấy đầu đồng chí!

Tất cả lực lượng cảnh sát thực dân được tung ra để phát hiện Ban Chấp hành Trung ương bí mật, tiêu diệt đồng chí Trường Chinh. Nhưng khủng bố càng tàn bạo, phong trào cách mạng càng phát triển rộng khắp đất nước. Đảng đã nhìn thấy ở đồng chí Trường Chinh một nhà lãnh đạo quả cảm, một thủ lĩnh thực sự của quần chúng nhân dân, biết đánh giá hoàn cảnh, tìm ra lối thoát trong những điều kiện phức tạp nhất của cuộc đấu tranh.

Trong chỉ thị *Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, đồng chí Trường Chinh đã nói về thất bại không thể tránh khỏi của bọn phát xít Nhật, vạch ra đường lối đấu tranh giải phóng của các dân tộc Đông Dương. Mỗi lời nói của Đảng vang lên từ những trang cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng, tờ báo *Cờ giải phóng*, đều được công nhân, nông dân, trí thức và thậm chí cả những phần tử tiến bộ tư sản và địa chủ, đón nhận nhiệt liệt.

Tháng ba năm 1945, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở một nơi gần Hà Nội, kêu gọi chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Đó là khởi đầu của cuộc Cách mạng tháng Tám, chẳng bao lâu sau đã giành được thắng lợi khắp cả nước.

Tác phẩm *Cách mạng tháng Tám* của đồng chí Trường Chinh phản ánh niềm tin sâu sắc của những người cộng sản vào thắng lợi sắp tới.

Tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của đồng chí Trường Chinh đã trở thành cuốn sách gối đầu giường cho tất cả cán bộ cốt cán của Đảng, tất cả những ai tham gia kháng chiến. Trong tác phẩm này, đường lối của Đảng về chính trị, chiến lược, quân sự, về kinh tế và văn hóa được phản ánh đầy đủ.

Đồng chí Trường Chinh dáng người không cao, trông rất trẻ, trán cao, đôi mắt sinh động, tươi vui. Đồng chí để lại cái nhìn hiếu kỳ lâu ở người đối thoại, đầu hơi cúi, chăm chú nghe, cất tiếng cười dễ lấy.

- Ngày mai tôi cố gắng dành cả ngày để chuyện trò với các bạn. - Đồng chí nói. - Tôi muốn kể tỉ mỉ về bối cảnh chính trị trong nước, về các nhiệm vụ quan trọng bậc nhất đặt ra trước nhân dân chúng tôi sau chiến thắng Điện Biên Phủ. Tôi nghĩ rằng - đồng chí nói thêm một cách khiêm tốn - cuộc trò chuyện của chúng ta sẽ giúp các bạn hiểu ra được nhiều điều, tôi sẽ cố gắng giải đáp các câu hỏi nảy sinh ở các bạn. Về tình hình quân sự, tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam sẽ nói chuyện với các bạn. Hôm nay, chúng ta còn gặp lại nhau, nếu như các bạn không phản đối, chúng ta sẽ cùng nhau ăn trưa.

ĐỒNG CHÍ TÔN ĐỨC THẮNG

Căn nhà của đồng chí Trường Chinh cách không xa nhà chúng tôi. Nó nằm ở rìa bãi cỏ. Mái nhà che được phủ bởi những tán lá cọ xanh rờn, làm như vậy để ngụ ý trang tránh máy bay địch.

Người ta mời chúng tôi đến nhà đồng chí sau một giờ đồng hồ. Ở chỗ đồng chí, chúng tôi thấy một người đứng tuổi mặc bộ bà ba màu cỏ úa.

- Mời các bạn làm quen với đồng chí Tôn Đức Thắng. - Đồng chí Trường Chinh nói.

Chúng tôi bắt chặt tay hồi lâu người đàn ông đứng tuổi, vị lãnh đạo cao tuổi nhất của Việt Nam, có một tiểu sử lạ kỳ, mà tôi đã được quen biết ngay ở Liên Xô.

Anh công nhân trẻ người Sài Gòn Tôn Đức Thắng trước đại chiến thế giới lần thứ nhất khá lâu đã bị bắt vào lính hải quân hạm đội Pháp. Năm 1920, anh trở thành một trong những người khởi xướng cuộc khởi nghĩa của thủy thủ trên chiến hạm Valdek Russo bỏ neo ở cảng Odessa, sau đó đã phải sống mười mấy năm trời tại Côn Đảo, nơi tù khổ sai thực dân khủng khiếp nhất⁽²³⁾. Bây giờ ông đã 74 tuổi. Ông là Trưởng ban thường trực Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Mặt trận Liên Việt và Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam - Liên Xô.

Những năm tháng đấu tranh không đánh quỵ nhà cách mạng lớn tuổi, ông tràn đầy sáng khoái, tràn đầy sức sống. Như ở mọi ông già hiền hậu với một hàng ria bạc, mái tóc thưa, cắt ngắn gọn.

Bên bàn, câu chuyện trở nên sôi nổi. Mọi chuyện đang diễn ra ở Liên Xô đều làm các bạn Việt Nam của chúng tôi quan tâm.

Đồng chí Trường Chinh hỏi về công việc của những người thám hiểm vùng cực ở trạm “Bắc Cực”, về những công trình xây dựng mới của Moskva, về đất vỡ hoang, về duyệt binh ngày Một tháng Năm trên quảng trường Đỏ. Đồng chí Tôn Đức Thắng cũng đưa ra nhiều câu hỏi, chăm chú lắng nghe, đầu cúi, hơi cau mày, dường như đang bận tâm về điều gì đó.

Đột nhiên, ông đứng thẳng dậy cảm lấy ly rượu, lên tiếng giữa lúc mọi người im lặng.

- Cho phép tôi nói vài lời. Chính là vào hôm nay, tôi muốn nói chính vào lúc này.

Nén niềm xúc động trong lòng, cau mày lại, nhăn trán, cặp mắt gần như nhắm lại, ông im lặng.

- Tôi từng là một người thợ ở Sài Gòn. Hồi trẻ, trước thế chiến thứ nhất, tôi xin làm thủy thủ và bơi khắp các biển cả và đại dương. Khi tôi trở thành thợ máy, tôi bị bắt vào hạm đội hải quân Pháp. Vào lúc đó, ở nước Nga nổ ra cuộc cách mạng. Tôi đã nhìn thấy những hành động man rợ của bọn thực dân, bắt đất nước tôi làm nô lệ. Tôi đã thấy bộ mặt của chủ nghĩa tư bản. Và khi ở nước Nga nổ ra cuộc cách mạng, khi những người công nhân và nông dân Nga lật đổ bọn địa chủ và tư bản, tôi đã hiểu ra rằng, nhân dân Nga đã làm được cuộc cách mạng mở đầu cho công cuộc giải phóng cả quê hương tôi.

Có một lần nào đó, tôi đã nhìn thấy trên một tạp chí tư bản chân dung Lenin. Lenin được vẽ, miệng ngậm dao găm. Nhưng tôi đã biết nếu như Lenin là kẻ thù của chúng, thì Người là bạn của chúng tôi! Và tôi đã giương lá cờ đỏ khởi nghĩa trên chiến hạm mà bọn đế quốc Pháp phải tới chống lại Lenin, chống lại những người công nhân và nông dân Nga.

Tôi bị chúng ném vào hết nhà tù này sang nhà tù khác, nhưng tôi tin rằng mình đang đấu tranh cho sự nghiệp chính nghĩa và chúng không khuất phục được tôi.

Tôi bị nhốt vào nhà tù khổ sai khủng khiếp Côn Đảo. Những thành công từ đất nước vĩ đại của chủ nghĩa xã hội đã đem nhuệ khí, sức mạnh và niềm tin vào thắng lợi tương lai trong suốt bao năm tháng cho những trái tim của những người tù. Chúng tôi đã tin rằng tự do của chúng tôi sẽ từ nước Nga tới.

Khi chúng tôi nghe tin Hitler đã tấn công Liên Xô, tim chúng tôi không run sợ. Chẳng bao lâu tin chiến thắng mừng vui ở trước cửa Moskva vượt cả tường ngục đến với chúng tôi. Rồi chúng tôi lại biết tin về Stalingrad! Chúng tôi đã được Hồng quân Liên Xô đánh tan bọn đế quốc Nhật, giải phóng ra khỏi tù ngục và trong cuộc đấu tranh giải phóng, hợp lẽ phải của chúng tôi từng giờ, từng ngày được ánh sáng chói lọi của đất nước chủ nghĩa xã hội soi rọi bởi sự sáng suốt, bởi sức mạnh và ý chí dẫn đến thắng lợi. Tình hữu nghị vĩ đại liên kết nhân dân hai nước chúng ta. Thật vui sướng khi thấy những người Xô Viết đang ở giữa chúng tôi. Được biết tin các bạn ở đây, tôi vội đến với các bạn, bắt tay các bạn, nhìn vào mắt các bạn.

Những lời của nhà cách mạng lão thành làm tất cả chúng tôi vô cùng xúc động. Đi đến trước ông, cúi thấp đầu trước ông, chúng tôi nắm chặt tay ông.

Hóa ra, nhân dân Việt Nam và nhân dân Liên Xô đã gắn bó với nhau bằng những sợi dây hữu nghị thân ái đã lâu đời làm sao! 35 năm trước, một người con của giai cấp công nhân Việt Nam, vô sản Sài Gòn, đã kéo lá cờ đỏ ở nước Nga tranh đấu chống lại bọn đế quốc mơ tưởng bóp chết nước Cộng hòa Xô Viết non trẻ.

- Tôi muốn giới thiệu với các bạn bản đồ của Việt Nam. Trên đó, các bạn có thể nhìn thấy cụ thể bối cảnh chiến sự ở khắp nước. - Sau bữa cơm trưa, đồng chí Trường Chinh nói. - Các bạn hãy xem: Bây giờ, sau thất bại ở Điện Biên Phủ, bọn chúng muốn “thu hẹp” mặt trận, loại bỏ một số cứ điểm với mục đích co cụm lực lượng. - Ông nói, đưa tay chỉ vào vùng châu thổ sông Hồng trên bản đồ. Chúng tôi nhìn thấy Hà Nội, được vây quanh, bởi những vệt đỏ hồng – các vùng hoạt động du kích và quân địa phương.

- Ở Hà Nội lúc này, sau Điện Biên Phủ, tràn ngập không khí hoảng loạn. - Đồng chí Trường Chinh nói tiếp. - Các bạn hãy nhìn: Du kích của chúng tôi ở khắp nơi. Họ hoạt động ngay sát Hà Nội, không để cho kẻ địch yên. Theo các nguồn tin của chúng tôi, hiện nay ở Hà Nội thiếu nhất là vé tàu hỏa. Hàng trăm quan lại bù nhìn đang tháo chạy.

ĐÊM CŨNG KHÔNG MÁT MỀ NHƯ MONG ĐỢI

Đang lúc câu chuyện của chúng tôi sôi nổi thì đồng chí Hồ Chí Minh bước vào nhà. Người dựng cây gậy bên bàn, cái mũ đội nâng lên cái móc bằng tre và lấy chiếc khăn mặt bông còn vắt vai lau trán đầm mồ hôi.

- Hóa ra, các đồng chí ở cả đây? Xin chào! - Người nói, đưa tay ra cho chúng tôi, và ngay sau đó rút từ xác cốt ra tấm bản đồ trải ra mặt bàn. - Đây là cuộc cải cách ruộng đất đang được tiến hành ở một địa phương. Các bạn xem, bằng những khoanh tròn màu đỏ đánh dấu các làng nơi đã hoàn thành xong cải cách, còn những dấu hiệu này đánh dấu các địa điểm mới tiến hành giai đoạn đầu của cuộc cải cách – đấu tranh giảm tô giảm tức. Tôi đã nhận được nhiều thư từ bà con nông dân. Họ cho biết cuộc cải cách đã mang lại cho họ nhiều điều. Họ viết rất hay. Đồng chí Hồ Viết Thắng, đại diện Trung ương Đảng về cải cách ruộng đất, sẽ chuyện trò kỹ với các bạn, nói cho các bạn nghe về bước đi của cuộc cải cách diễn ra trong nước. Tôi nghĩ rằng, đề tài này cần được thể hiện một cách rộng rãi và rõ ràng trong bộ phim của chúng ta.

Người lấy từ xác cốt ra một tập tài liệu và trao đổi vài lời với đồng chí Trường Chinh.

- Còn ở Genève đã có dấu hiệu tiến triển! - Người nói. - Mà, nhân thể, một lần nữa về đề nghị duy nhất, khiêm tốn, tôi muốn nói vậy, của các bạn. Chúng tôi không thể cho phép các bạn đi xe ô tô ban ngày. Tôi biết là điều này có thể thay đổi thời hạn công việc của các bạn, và khiến nó khó khăn hơn, nhưng tình hình không cho phép chúng tôi thỏa mãn đề nghị của các bạn. Ngay mấy ngày sau mở đầu cuộc tổng phản công, điều luật cấm cơ giới vận hành ban ngày đã có hiệu lực. Vì thế, các cơ quan quân sự địa phương, các cơ quan Đảng và chính quyền không được vi phạm. Chỉ khi Hội đồng Bộ trưởng công bố điều luật mới thì điều này mới có thể thay đổi. Đó là một trong những khó khăn nghiêm trọng nhất trong cuộc kháng chiến của chúng tôi, chắc hẳn nó sẽ là khó khăn chủ yếu trong công việc của các bạn. Nhưng dù sao tôi vẫn tin rằng các bạn sẽ tổ chức công việc của mình sao cho khắc phục được cả khó khăn này.

Chúng tôi chia tay ra về.

Ba giờ sau, Người đi ngang qua căn nhà của chúng tôi, tay chống cây gậy tre, đầu đội mũ che nắng, chiếc khăn mặt vắt vai. Theo sau Người là người cần vụ và người bảo vệ mang theo phích nước và khẩu tiêu liên. Còn đi sau họ là đồng chí Tôn Đức Thắng đội nón nông dân bằng lá cọ. Thật giống như đức hai lão nông dân Việt Nam đi giải quyết công việc làm ăn của mình.

- Ngày mai các bạn sẽ gặp đồng chí Võ Nguyên Giáp. - Đi ngang qua cửa nhà chúng tôi, đồng chí Hồ Chí Minh nói vọng vào. - Các bạn nhất thiết phải gặp đồng chí ấy.

Buổi chiều xuống. Trạm phát điện khởi động, cái bóng đèn nhỏ trên bàn tôi đỏ dần, rồi bùng sáng – và lập tức xuất hiện hàng nghìn con bướm đêm với những bộ cánh nhỏ dài màu xám. Va vào bóng đèn, chú bướm cháy mất cánh, chúng rơi lả tả như tuyết, phủ một lớp dày trên mặt bàn, lên các quyển vở và giấy má. Cùng với những con bướm đêm bay đến ánh sáng là hàng triệu con muỗi. Ngoài ngưỡng cửa căn nhà tranh tre rừng già với những tiếng ầm ào của nó là những con bọ,

mà chúng tôi đã cho chúng cái tên là “xe cấp cứu” bởi tiếng rên của chúng giống như tiếng cưa điện, gọi nhớ đến tiếng còi ô tô cấp cứu lao trên phố xa Moskva, cất lên mức nờ.

Đêm không mát mẻ như mong đợi. Bầu không khí ẩm ướt, ngột ngạt làm chúng tôi khó thở. Thân thể nhóp nhép mồ hôi. Phải luôn tay cầm lấy quạt để mà tạo được một chút gió trong giậu lát, như cái mát mẻ mà chúng tôi đã để lại nơi xa, cách đây hàng nghìn cây số, ở Moskva thân thương.

Tôi soạn kịch bản phim. Những cuộc đàm thoại, những cuộc gặp gỡ với các nhân vật, việc làm quen với thực tế làm cho kế hoạch của chúng tôi sáng ra nhiều. Tôi phác thảo các phần chủ yếu của phim. Trước mắt – giới thiệu Quân đội Nhân dân Việt Nam, sức mạnh đang lên của họ, những khó khăn không tưởng tượng nổi mà họ đã vượt qua trong cuộc chiến đấu chống bọn thực dân. Đây có lẽ là nhiệm vụ phức tạp nhất lúc này. Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, quân đội đang phiên chế lại, hình thành lại hàng ngũ của mình, chuẩn bị cho những cú đấm mới. Không có chiến tuyến rõ ràng. Các trận chiến lớn và nhỏ, có ý nghĩa địa phương, diễn ra ở các vùng khác nhau. Trong vùng châu thổ, nhiều cứ điểm của Pháp du kích và các đơn vị nhỏ quân chính quy bao vây. Chẳng hạn, mới hôm qua đơn vị đồn trú ở bốt Văn Tân của địch bị du kích vây hãm, đã đầu hàng. Một thời gian dài cái bốt này được tiếp tế khí tài và lương thực bằng thả dù. Hơn một trăm binh lính và sĩ quan địch đã đầu hàng. Một bốt địch khác, ở cách Hưng Yên bảy cây số, cũng đã đầu hàng mấy ngày trước đây. Bốt này bị vây hãm, bọn chiếm đóng cử một đơn vị lớn vượt được vòng vây đến với những kẻ bên trong. Nhưng khi quân đồn trú được bổ sung định chọc thủng vòng vây bỏ chạy lại bị quân du kích tiêu diệt hơn 300 tên lính và sĩ quan lê dương.

Trong bối cảnh cuộc đấu tranh du kích tàn mạt như vậy sẽ rất khó khăn việc quay phim, tuy nhiên chúng tôi nhất định phải quay bằng được các hoạt động quân sự của quân đội nhân dân và du kích.

Phần tối quan trọng nữa của bộ phim phải là chủ đề cuộc cải cách ruộng đất giải phóng hàng triệu nông dân nghèo khó khỏi ách nô lệ, phong kiến. Giáo dục nhân dân, văn hóa, các di tích lịch sử, địa lý đất nước, thế giới thực vật và động vật của đất nước, phong cảnh tuyệt đẹp của Việt Nam đều phải đưa vào trong phim. Chúng tôi phải phản ánh tất cả các hình thái và phương pháp đấu tranh của nhân dân, đấu tranh với bọn thực dân. Một trong những biểu hiện của cuộc đấu tranh này là việc tạo dựng các nhà máy quân sự trong rừng sâu. Khi kẻ thù phản trắc tấn công thủ đô, công nhân các nhà máy Hà Nội đã khuân những cỗ máy nặng trên vai và mang chúng qua hàng trăm cây số – vượt qua sông suối, núi đồi, những cánh rừng nhiệt đới. Trong những cánh rừng già, họ lắp ráp các cỗ máy ấy lại. Chúng tôi phải cho thấy trong bộ phim của chúng tôi những nhà máy, mà thế giới đã gọi là “điều kỳ diệu trong những cánh rừng già”.

Chúng tôi quyết định chia ra ba nhóm quay làm việc độc lập. Mỗi người nhận một phần lớn công việc. Thời hạn chiến dịch của chúng tôi được xác định là sáu tháng. Liệu chúng tôi có thể bao quát hết được những việc ấy không?

ANH ẤY “ĐÃ BẮT ĐƯỢC TƯỚNG DE CASTRIES LÀM TÙ BINH”

Vị Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Võ Nguyên Giáp ghé đến thăm nhà tranh tre của chúng tôi vào buổi sáng. Trông ông rất trẻ, trẻ hơn nhiều so với tuổi 43 của ông. Ông mặc áo đại cán màu cỏ úa không mang lon và các phù hiệu cấp bậc. Chân đi ủng cao su, đầu đội mũ cối gắn ngôi sao đỏ. Ông lập tức phát âm các từ tiếng Nga mà ông biết: “Xin chào các đồng chí! Sức khỏe các đồng chí ra sao?”. Qua phiên dịch, ông bảo ông rất vui nhận được báo cáo về đề nghị của chúng tôi được ông tiếp để chuyển trò và sẽ tiếp chúng tôi ở Bộ Tổng tham mưu, ở đó ông sẽ sẵn sàng giới thiệu với chúng tôi về tình hình quân sự, kể cho chúng tôi về mọi điều cần biết liên quan đến Quân đội Nhân dân và quân du kích.

- Chúng tôi rất hoan nghênh các bạn đã đến. - Ông nói - Đồng chí Trường Chinh cho biết cả ba đồng chí đều đã trải qua cuộc chiến tranh vệ quốc, đã tham gia các trận đánh ở Stalingrad, ngoại vi Moskva, ở Berlin. Quân đội chúng tôi còn rất trẻ, còn chưa làm nên những chiến thắng vĩ đại, nhưng tâm hồn nó gắn gũi thân thuộc với tâm hồn Quân đội Xô Viết. Bởi vì quân đội chúng tôi là

quân đội của nhân dân. Tôi rất mừng được thấy các bạn ở đây. Các bạn đã trải qua một chặng đường dài để đến Việt Nam, đi qua Stalingrad và Berlin.

- Chúng tôi muốn thể hiện trên phim các chiến công, lòng dũng cảm của các chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam. - Mukhin nói.

- Quân đội sẽ giúp đỡ các bạn bất cứ việc gì. Khi các trận chiến đấu diễn ra ở Điện Biên Phủ, tôi đã biết rằng các bạn đang bay đến với chúng tôi và cho đến ngày cuối cùng của chiến dịch tôi vẫn hy vọng gặp các bạn ở đây.

- Chúng tôi rất lấy làm tiếc vì đã không thể đến trước khi kết thúc các trận đánh ở Điện Biên Phủ. Nhưng đã có các nhà quay phim Việt Nam quay ở đó và chúng tôi hy vọng được sử dụng tài liệu của họ trong phim của mình. - Tôi nói.

- Xin các bạn đừng buồn! Nhân dân chúng tôi đang giành được những thắng lợi trong lao động không thua kém, các bạn có thể ghi lại những thắng lợi đó. Những thắng lợi như cuộc cải cách ruộng đất chẳng hạn.

- Tuy nhiên chúng tôi hy vọng được là những người chứng kiến không phải một thắng lợi lớn nữa của Quân đội Nhân dân.

- Các bạn đã cho thấy vẻ đẹp và sức mạnh của quân đội Xô Viết. Không nghi ngờ gì rằng Quân đội Việt Nam của chúng tôi cũng được các bạn thể hiện như vậy trên màn ảnh.

Trong đôi mắt nâu sinh động của ông luôn luôn hiện ra những tia lửa của một nụ cười sẵn sàng nở bung ra. Sự tự tin, nghị lực, sức mạnh nội tâm và bầu nhiệt huyết trong các cử chỉ cương nghị và dứt khoát. Ông luôn cười tươi vui, trong lời lẽ của ông có nhiều nét hóm hỉnh dân dã.

- Các bạn ngay lập tức phải mặc áo sơ mi dài tay vào - ông nhấn mạnh bằng một giọng nghiêm chỉnh - muối tép, muối rừng đấy! Tôi biết các bạn đang cảm thấy nóng bức, nhưng đành phải tuân theo kỷ luật quân sự của chúng tôi. Cần phải giữ gìn tránh muối. Các cán bộ chính trị và chỉ huy của chúng tôi theo dõi việc này và sẽ kỷ luật nghiêm khắc người lính nào ngu không mặc màn hay, giống như các bạn, không mặc áo dài tay.

Tôi nhanh nhẹn mặc thêm chiếc áo sơ mi dài tay ra ngoài áo may ô. Đồng chí Võ Nguyên Giáp vui vẻ cười to và ngay tức khắc, chuyển sang nói giọng nói nghiêm chỉnh.

- Tôi muốn thông báo đầy đủ cho các bạn về chiến lược, chiến thuật của Quân đội Nhân dân. Về chiến lược, chiến thuật tôi có thông thạo đôi chút. Còn điều liên quan đến nghệ thuật, đến vấn đề thể hiện cái đó trên màn ảnh - cái đó là tài nghệ của các bạn. Tôi rất vui khi được phục vụ các bạn. Bây giờ tôi chia tay với các bạn, còn đến chiều tối, tôi hy vọng, chúng ta sẽ gặp lại. Hôm nay, chúng tôi tặng thưởng cho các anh hùng Điện Biên Phủ.

Việc tặng thưởng cho các anh hùng diễn ra ở cách không xa nhà chúng tôi. Năm chiến sĩ trẻ đứng nghiêm, mắt không rời Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ở đây còn có mặt các đồng chí Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Lê Liêm.

Đồng chí Chủ tịch nước gắn Huân chương Kháng chiến hạng Nhất lên ngực mỗi chiến sĩ. Các nhà lãnh đạo Đảng và Quân đội Nhân dân bắt tay những người được tặng thưởng.

- Đây, chàng trai này - đồng chí Hồ Chí Minh nói, đặt tay lên vai anh chiến sĩ trẻ nhất trong đám năm người vừa được tặng thưởng - đã bắt được tướng De Castries làm tù binh.

Anh chiến sĩ nhỏ bé trong giây phút này trông hệt như một chú bé con. Ánh mặt trời nhuộm vàng sợi lông tơ trên đôi má ửng hồng nhẵn nhụi. Đôi mắt to dưới hàng lông mày rậm e thẹn và

sung sướng nhìn Chủ tịch.

Cùng với đơn vị của mình vượt qua hai tuyến phòng ngự cuối cùng của địch, Vũng⁽²⁴⁾ là người đầu tiên vào cứ điểm chỉ huy dưới hầm của tướng De Castries và bắt ông ta đầu hàng.

Ngay sau khi được tặng thưởng, Vũng sẽ trở về trung đoàn của mình. Từ đây, từ xóm ở của Ban Chấp hành Trung ương, tôi sẽ đi lên phía Bắc – chúng tôi cùng đi một đường. Chúng tôi liền thỏa thuận với anh chiến sĩ nhỏ bé rằng chúng tôi sẽ cùng đi.

Trên đường tôi sẽ hỏi kỹ chi tiết về chiến công của anh, về cuộc đời, về người thân.

- Còn bây giờ chúng ta đi ăn trưa. - Chủ tịch Hồ Chí Minh lên tiếng và đưa hai tay quàng vai hai chiến sĩ, cất bước đi theo con đường mòn.

NGỌN ĐUỐC HÒA BÌNH – MOSKVA

Chừng 50 người ngồi vào bàn, những dãy bàn phủ khăn ngày hội ở phòng đọc nhà thư viện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tại đây, lần đầu tiên tôi được làm quen với anh bé Juulie vui tính, xởi lởi, đáng yêu. Một công nhân Pháp, đảng viên cộng sản, cán bộ Cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam, anh đã gắn bó suốt đời số phận riêng của mình với nhân dân Việt Nam. Anh lấy người vợ Việt Nam, đã có cậu con trai năm tuổi.

Phía tay phải bên bàn ngồi cạnh tôi là Khatgi, người Maroc, một con người lạnh lợi, vui tươi. Giữa hai đợt cười phá lên, anh đắm đắm nhìn người đối thoại bằng đôi mắt to, buồn buồn. Anh kể cho tôi nghe về cuộc đời của mình đầy những thử thách gian nan của mình, cuộc đời của một nhà cách mạng người Maroc, không biết sợ, trung thành với dân tộc mình, khi chúng tôi gặp nhau ở các trại tù binh phía Bắc Việt Nam, nơi anh tiến hành công tác chính trị giữa đám tù binh người Maroc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng lên nói:

- Hôm nay, chúng ta chúc mừng các chiến sĩ trẻ của Điện Biên Phủ bởi vì Quân đội Việt Nam được Chính phủ nhân dân và Đảng Lao động tôi luyện dày dạn trong chiến đấu lãnh đạo. Chúng ta đã chiến thắng bởi vì hàng triệu bạn bè của chúng ta ở nước ngoài, bằng cảm tình với cuộc đấu tranh của chúng ta, đã và đang cổ vũ nhân dân lập những thắng lợi lớn, bởi vì hàng triệu những người tiến bộ, trung thực của thế giới sát cánh bên cạnh chúng ta.

Tôi nâng cốc chúc mừng Điện Biên Phủ!

Chăm chú đưa mắt nhìn anh chiến sĩ Vũng nhỏ bé, mặt đỏ bừng ngượng nghịu, Chủ tịch nói:

- Làng của anh ấy ở sâu trong vùng địch chiếm, còn giờ đây đã được giải phóng. Từng người lính Quân đội Nhân dân Việt Nam đi chiến đấu, biết rõ là con đường trở về nhà đi qua Điện Biên Phủ.

Chủ tịch quay về phía tôi:

- Tôi đã đọc kỹ kế hoạch quay của đồng chí. Tôi có cảm giác là những mục tiêu trong đó chủ yếu đều xác định đúng. Vậy thì, các đồng chí, hãy hành động đi! Mà, hình như các bạn có mang đến cho chúng tôi một món quà – bộ phim màu về ngày mừng Một tháng Năm ở Moskva. Chúng tôi có máy chiếu phim, vì thế tôi đề nghị các đồng chí hôm nay chiếu cho chúng tôi xem bộ phim này.

Khi trời sẩm tối, chúng tôi đi hơn trăm bước – đến đầu kia của xóm, nơi giữa hai cột bằng thân cây có tấm phông trắng đã được căng lên. Cán bộ các cơ quan chính phủ, các chiến sĩ cảnh vệ, phụ nữ, trẻ em đã tụ tập cả tại đây.

Thoạt tiên chiếu bộ phim tài liệu về tình hình hữu nghị Xô Viết do chúng tôi chở từ Moskva sang. Trên màn ảnh là các thành phố khác nhau của Liên Xô. Leningrad mịt mù băng giá, Tashkent oi nồng, Kiev, Almaty, Tbilisi, và khắp nơi, các triển lãm, nói về cuộc đấu tranh anh hùng của nhân dân Việt Nam. Ở các cuộc họp các báo cáo viên kể về Việt Nam xa xôi, về nhân dân dũng cảm, về các chiến công của các chiến sĩ Quân đội Nhân dân.

Đây là Hội trường của trường Đại học Tổng hợp quốc gia Moskva đông chật người – các sinh viên MGU – đang hát khúc quân hành của quân đội nhân dân.

Chốc chốc trong cử tọa ran lên tiếng vỗ tay.

Bộ phim màu về ngày mừng Một tháng Năm mở đầu bằng những hình ảnh Moskva được những tia nắng mặt trời đang lên chiếu rọi. Các chiến sĩ quân đội đứng dưới chân tường điện Kremli.

Chuông trên tháp Spasskaya vang lên và loạt súng chào trang trọng đan xen với những tiếng ve thánh thót, tiếng kêu của con thú trong bóng đêm tối đen của những cánh rừng già vây quanh chúng tôi.

Các chiến sĩ đội mũ cối, phụ nữ, trẻ em không rời mắt chăm chú nhìn lên màn ảnh, nơi binh lính Liên Xô đang diễu qua, nhịp bước rắn rỏi, nhạc hành khúc vang dội, những chiếc máy bay phân lực vun vút lao qua trên bầu trời.

Trên màn ảnh là rừng cò, biển hoa. Chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh băng qua Quảng trường Đỏ trên biển người. Và cùng với những tiếng hô và những tràng vỗ tay hừng khởi nơi đây, giữa những lối mòn. Các chiến sĩ bộ đội Việt Nam reo mừng chào đón vị lãnh tụ của mình qua bức chân dung được những người lao động Moskva đang rước kia. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đang ngồi tại đây, giữa những người xem, Người mặc chiếc áo cánh nông dân bình dị, chân không tất đi đôi dép cao su, xúc động, nở nụ cười tươi vui.

Khi phim kết thúc, Người đứng dậy và nói:

- Các đồng chí thân mến, chúng ta vừa xem hai phim. Một kể cho chúng ta về tình hữu nghị vĩ đại mà các dân tộc Liên Xô đối với chúng ta. Ở đó, như các bạn đã thấy, cả người lớn, cả trẻ con đều biết địa lý đất nước chúng ta, biết có thể còn hơn cả một số có mặt ở đây.

Phim thứ hai về ngọn đuốc hòa bình Moskva, kỷ niệm ngày mừng Một tháng Năm. Các bạn đều nhìn thấy những chiếc máy bay địch, chúng ta căm ghét chúng. Chúng mang trên những đôi cánh đen của mình ách nô lệ và cái chết. Những chiếc máy bay Xô Viết – đó là những con chim bồ câu hòa bình. Hôm nay một lần nữa chúng ta cảm nhận được tình hữu nghị vĩ đại và tình cảm yêu quý của hàng triệu người Xô Viết đối với đất nước ta, với chúng ta, những con người Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chia tay với mọi người, cầm cây gậy, đi giữa đêm tối. Từ đây đến chỗ căn nhà tranh tre của Người cách gần hai cây số. Trong bóng tối, đi theo Người, hai người bảo vệ, mang súng tiểu liên sẵn sàng. Những người ở lại nơi đây, trên bãi sông, bị bức tường rừng vây quanh, với niềm yêu thương và trù mến nhìn theo con người ngay thẳng, mảnh khảnh, bước đi bằng dáng bước rắn rỏi trên lối mòn giữa những cánh rừng già.



“COI CHỪNG VẮT”

Mưa cả đêm. Sáng, mưa vẫn không ngớt, kéo dài cả ngày. Sáng sớm, chúng tôi phải lên đường, nhưng sông ngập, cuốn trôi tất cả các cây cầu và thậm chí khi hết mưa, người ta nói với chúng tôi rằng vẫn phải đợi ít nhất một ngày đêm. Tâm trạng thật khủng khiếp. Việc chúng tôi có mặt tại Ban Chấp hành Trung ương Đảng là tiền đề quan trọng cho công việc của chúng tôi sau này, nhưng giờ đây khi lịch quay của chúng tôi đã được ấn định, chúng tôi muốn mau chóng bắt tay ngay vào công việc.

Chúng tôi đưa ra các phương án khác nhau: Chúng tôi đề nghị bơi qua sông, ngựa cũng có thể bơi được, máy móc sẽ chuyển sang sông bằng bè... Đồng chí Khoa chăm chú lắng nghe những kế hoạch của chúng tôi, rồi với nụ cười thân thiện, đồng chí lắc đầu, và chúng tôi lại được nghe nhắc lại:

- Phải đợi.

Tất cả hành lý, máy móc của chúng tôi đã được đóng gói, buộc dây, sẵn sàng lên đường.

Chúng tôi rất thích thú với những đôi dép cao su được cắt vừa với chân. Thật là một loại dép tốt và tiện lợi!

Chúng tôi được đề nghị thay những chiếc mũ mua ở Nam Ninh bằng loại mũ làm từ lá cọ. Chúng rất nhẹ, được làm khéo léo, có lỗ để thông khí, có dây buộc lịch sự và viền da.

Vân nhìn thấy tâm trạng chán nản của tôi, bèn tìm cách làm tôi vui. Với vốn tiếng Nga tốt, cậu ta cung cấp cho tôi rất nhiều thông tin cần thiết và bổ ích, làm phong phú kế hoạch quay phim đơn điệu của chúng tôi. Vân kể rất nhiều điều thú vị về đất nước, về tập quán của người nông dân, về điều kiện sống và sinh hoạt của người dân Việt Nam. Trên khuôn mặt cậu ta luôn luôn nở nụ cười ngây thơ, thân thiện, mái tóc đen thẳng xòa xuống sống mũi, gần như che kín một bên mắt và khi nói chuyện, cậu ta nghiêng đầu sang một bên, nhìn xuyên qua mái tóc. Khuôn mặt cậu ta nhờ vậy mang một vẻ rất ngộ nghĩnh và tinh nghịch, ngay cả khi cậu ta nói đến những chuyện nghiêm túc.

Các phiên dịch viên của chúng tôi rất khác nhau. Làm việc với Mukhin là Khuê, một người nóng nảy, năng động. Khi nói hay lấp, phát âm rất buồn cười từ “Đồng chí Mu-Mukhin”. Một người phụ trách nhiệt tình, cứ luôn giằng túi mấy móc từ tay Mukhin để đeo giúp.

Phiên dịch của Eshurin là Khôi-gậy, khuôn mặt nhỏ, khiêm nhường, nhỏ nhẹ. Cậu ta nói rất sõi, chậm rãi và cẩn thận phát âm những câu tiếng Nga khó. Mỗi câu, cậu ta đều bắt đầu theo cách lịch sự, cứ như thể được viết ra từ từ điển đàm thoại “Các đồng chí nên...”, “Các đồng chí có cho rằng...”, “Các đồng chí có phiên không nêu...”

Trong khi trú mưa, Gienhia Mukhin bận bịu với những cuộn phim. Cậu ta tráng hết những cuộn phim “phễu” chụp trên đường đi từ Moskva đến khi chúng tôi tới ở trong xóm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng hiện nay. Volodia Eshurin không ngừng mỗ cò trên chiếc máy chữ, viết nhật ký, viết thư cho bạn bè.

Con mưa kéo dài liên tục cả một ngày, cuối cùng cũng đã dứt. Nhưng phải sau bữa trưa ngày hôm sau chúng tôi mới lên đường. Người ta dẫn đến lán chúng tôi mấy con ngựa đã đóng yên cương. Các cán bộ Trung ương Đảng, nhiều người trong số họ chúng tôi đã kịp làm quen, tiễn đưa chúng tôi rất nồng hậu. Chúng tôi đặc biệt quý mến các cháu nhỏ. Chúng thường đi thành đoàn đến chỗ chúng tôi. Thân thiện, không dám làm phiền công việc của chúng tôi, chúng dừng lại một chỗ gần đó, chăm chú quan sát từ xa, trao đổi những câu nhận xét rất nghiêm túc. Nhưng chỉ cần chúng tôi bước ra khỏi cửa, cười và chìa tay với chúng, là chúng ùa tới vây quanh như một đàn chim líu lo, âu yếm vuốt ve chúng tôi bằng những đôi tay bé xíu rám nắng, hôn chúng tôi, nép mình âu yếm nói: “Bác Liên Xô”. Giờ cả đội thiếu nhi bọn chúng vây quanh chúng tôi, đi theo chúng tôi rất lâu, hát lãnh lót.

Chúng tôi đi qua tổng đài; nhân viên tổng đài một tay đánh cần maníp, tay kia giơ lên vẫy chúng tôi. Những người phụ nữ đứng bên cửa nhà gật đầu chào chúng tôi thân thiện. Chúng tôi cảm thấy như thể đang tạm biệt gia đình và những người thân của mình. Còn bao nhiêu cuộc gặp gỡ thân ái với những con người Việt Nam sống trong các làng quê, trên những bến sông, ở các đơn vị bộ đội đang chờ đón chúng tôi!

Gienhia Mukhin trong những ngày vừa qua đã quay được một đoạn dài về công việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ra khỏi làng, chúng tôi đi ngang qua những khu vườn của cán bộ Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Họ tập trung tại nơi này sau một ngày làm việc. Vân chỉ vào một mảnh đất bỏ không.

- Đó là mảnh vườn của tôi. - Cậu ta nói. - Lâu rồi tôi không trồng gì trên đó.

Đường mòn chạy men theo một con sông rộng, chảy xiết trong khe hẹp giữa dãy núi cao. Chúng tôi thường phải vượt qua những con suối nhỏ chảy xiết, đổ vào sông. Phải xuống ngựa. Bùn bắn đến mắt cá chân, dép cao su trượt trên đất, giữa gót chân và dép là một lớp bùn trơn, dép cứ

trượt khỏi chân. Ở những chỗ dốc bên suối, chúng tôi phải bám vào dây leo, thân tre, dứa dại. Chúng tôi được cảnh báo:

- Các đồng chí hãy cẩn thận với cây lá han! Lá của nó có một lớp mỏng axit độc. Bông do lá han còn nguy hiểm hơn cây tầm ma: Da sẽ bỏng rất suốt nhiều ngày sau khi chạm phải lá cây này.

- Các đồng chí phải coi chừng vắt! - Người Việt Nam nói với chúng tôi ngay khi chúng tôi vừa đặt chân lên đường mòn.

Đây không phải là loại địa thông thường vẫn có trong các hồ chứa nước, vắt nhiệt đới sống trên cây, trong cỏ. Nó nhảy vào người đi đường hút máu ở những chỗ da bị hở, giữa dép và quần. Sau khi đã hút một lượng máu khá lớn, vắt sẽ rời ra và chỉ khi đó bạn mới thấy mỗi lúc một đau hơn ở vết cắn nơi máu chảy ra.

Đi trong rừng, chúng tôi đã quen phải thận trọng. Không thể nào tránh được sự tấn công của loại sinh vật nhiệt đới này được. Bạn không bao giờ cảm nhận được sự tiếp xúc đầu tiên của vắt trên thân thể bạn. Đành phải cứ 15 phút lại xem chân, rũ quần, đôi khi phải tháo dép để tìm và kịp thời rút khỏi chân cái con vật trơn trơn màu xanh đáng ghê tởm đó.

Chúng tôi đi chuyển chậm chạp. Một vài con suối nhỏ có những chiếc cầu tre bắc qua – ba thanh tre và một sợi dây thừng mảnh thay cho tay vịn. Để qua những cây cầu này, bạn phải bước chính giữa thanh tre, đi nghiêng. Còn ngựa phải đi vòng qua cầu.

Chúng tôi đi dọc sông khoảng ba cây số, sau đó đường mòn đột ngột rẽ vào rừng. Đôi khi đường mòn hẹp đến nỗi cành lá cứ quệt vào mặt. Chúng tôi luôn luôn phải cúi người trên lưng ngựa để không bị quệt vào những cành cây lơ lửng phía trên đường mòn.

Đường mòn mất hút dưới đám sậy cao. Ở đây, trong rừng nhiệt đới, tất cả các loại cây đều lớn, cây sậy cũng cao bằng ba thân người. Cây dương xỉ cao bằng ngôi nhà hai tầng. Cây ngưu bàng có lá to bằng bàn ăn.

ĐÓ LÀ BOM NAPALM!

Lao xe thật nhanh trên đường nhựa rất thú. Nhưng việc chúng tôi giành giật từng cây số như lúc này cũng có cái thú riêng của nó. Ba tiếng rưỡi chúng tôi đi được không quá bảy cây số. Những đoạn đường nặng nề, khó nhọc!

Trong bóng tối đặc dần, chúng tôi đi giữa hai bức tường lau sậy khổng lồ. Dưới chân, bùn lẹp nhép, lạnh lẽo, nhớp nháp. Ngựa của Mukhin sợ hãi điều gì đó, lao sang bên cạnh và Giennia bực bội đứng dậy, bần bần từ đầu đến chân.

Khoa nói với qua vai:

- Những chỗ này hay có hổ!

Chúng tôi đã nghe kể chuyện về hổ. Những câu chuyện đáng sợ, hoang tưởng, đôi khi ngộ nghĩnh. Nhiều lần trong làng người ta nói với chúng tôi: “Nếu các đồng chí tới hôm qua, các đồng chí sẽ tận mắt nhìn thấy hổ. Nó chạy qua làng, bắt một con bê gần ngôi nhà kia và chạy biến vào rừng...”

Đồng chí Trường Chinh có kể một giai thoại như sau. Một tỉnh nọ có cuộc họp. Cuộc họp kéo dài, và bỗng trong đêm tối một con hổ nhảy vào lều, vồ người đọc báo cáo và biến mất cũng chớp nhoáng như khi xuất hiện. Từ đó, người ta không nhìn thấy cả hổ, cả người đọc báo cáo đâu nữa. Câu chuyện thật buồn, tuy nhiên sau khi nghe, chúng tôi có suy nghĩ rằng hổ có thể là một biện pháp không tồi để các cuộc họp tuân thủ thời gian.

Chiều muộn, mệt mỏi, rã rời, chúng tôi đến một lán trại của dân công hỏa tuyến làm đường. Từ xa, chúng tôi đã nhìn thấy ánh lửa, nghe thấy tiếng hát. Trên bãi cỏ, xung quanh là rừng bao bọc, mấy chiếc mái che dài bằng lá cọ. Ánh đuốc soi sáng khuôn mặt trẻ trung, sống động của những người công nhân trẻ. Họ phấn khởi đón chúng tôi.

Sáng ra, chúng tôi sẽ làm quen, nói chuyện với họ. Còn bây giờ, chúng tôi chỉ muốn đuổi chân trên những chiếc sạp tre, ngủ và ngủ!

Chúng tôi tỉnh dậy lúc bình minh. Trong khi rửa mặt và ăn sáng, chúng tôi đã kịp làm quen với các bạn trẻ trong đội thanh niên. Ở đây họ có hơn 120 người. Họ đến đây từ tỉnh Phú Thọ, từ ngôi làng nơi diễn ra giai đoạn đầu của cải cách ruộng đất. Người trẻ nhất trong số họ 16 tuổi, người lớn tuổi nhất 25. Họ ở đây đã được vài tháng. Nhiệm vụ của họ là xây dựng đường, cầu, nhà ở, chuyển hàng quân sự. Ở đây, họ còn đi học.

Trên cả nước, các đội thanh niên xung phong lao động rất tích cực. Hàng năm nghìn chàng trai, cô gái lao động hăng say, dạy chữ cho các bác nông dân già, tuyên truyền vệ sinh.

Thanh niên Việt Nam là chỗ dựa tin cậy của Chính phủ trong mọi hoạt động quan trọng diễn ra trên đất nước. Họ có thể làm bất cứ công việc nặng nhọc nào vì tự do và độc lập dân tộc. Các bạn trẻ giới thiệu với chúng tôi lớp học của mình, tờ báo tường, cùng đồng ca rất đều mấy bài hát. Chúng tôi ngủ ngon, nghỉ ngơi. Cả đêm trời mưa, không lo muỗi; có thể ngủ, đầu chui trong tấm màn dày chống muỗi – chúng tôi gọi nó là “xe giết người bằng hơi độc”.

Bây giờ sáng, chúng tôi tiếp tục lên đường, được một đoạn thì con đường bị dòng sông rộng đầy nước chặn ngang. Làm sao mà vượt qua sông được đây? Một vài người bảo vệ và người thổ hàng của chúng tôi bỏ đi tìm chỗ nước nông. Những người khác nhanh chóng đi chặt tre và chuối, dùng dây buộc lại thành một chiếc bè lớn, chắc chắn, dùng để chở dần mấy móc sang bờ bên kia. Đẻ đẻ phòng, mấy móc và các thùng đựng phim được buộc chặt bằng vải chống thấm nước. Các chàng trai, nước ngập đến cổ, nhiều chỗ phải bơi, đẩy bè qua sông. Chúng tôi chụp ảnh bên sông, rồi không dừng được, cũng cởi quần áo, lội xuống nước để cùng đẩy với mọi người, mặc cho Vân, Khuê và Khôi can ngăn.

Mất hai tiếng rưỡi để vượt qua sông. Hai lần chúng tôi nghe thấy tiếng rít của máy bay đầu đó rất gần. Bỗng nhiên, khi chúng tôi xếp đồ lên bè để chuyển thêm chuyến nữa, trên đầu xuất hiện hai chiếc máy bay tiêm kích đen sì. Các bạn Việt Nam vội đẩy chúng tôi nấp vào những bụi cây gần đó. Eshurin vội vã lấy máy quay.

Máy bay tiêm kích đi qua, khi nghiêng bên cánh phải, lúc nghiêng cánh bên trái và biến mất sau dãy núi gần nhất. Từ đó vọng lên tiếng nổ rền vang, cùng với ánh chớp lóe lên như ánh sáng mặt trời và những cụm khói đen nhanh chóng bay lên trời.

“Napalm - đồng chí Khoa nói - chúng triệt hạ làng xóm của dân thường.”

Đó là cuộc chạm trán đầu tiên của chúng tôi với những kẻ thực dân.

NHỮNG CÔ GÁI VIỆT NAM

Vượt qua sông, chúng tôi đi ngay không nghỉ, không dừng lại. Chúng tôi đi trong rừng, đi qua những thung lũng rất đẹp trong núi, leo qua núi, lội bộ qua sông.

Việt Bắc. Thiên nhiên xung quanh chúng tôi chẳng có gì liên quan tới từ “phương Bắc”! Cái nóng ẩm ướt, khó chịu, cây cối nhiệt đới – cọ, dây leo, tre, những cây to.

Chúng tôi thường gặp những đoàn dân công hỏa tuyến. Đàn ông, đàn bà, thiếu nữ, trẻ em đủ cả. Họ bước nhịp nhàng, quang gánh trên vai. Cô gái Việt Nam trông rất cân đối khi cô gánh hàng,

cánh tay vung lên, đôi khi theo nhịp vừa đi vừa quạt nón. Cánh cò nhỏ đỡ cái đầu kiêu hãnh, đôi mắt đen, nâu, với cái nhìn lạnh lợi.

Từ sáng sớm đến chiều tối, cô gái Việt Nam lao động trên ruộng lúa. Vậy mà khi ngẩng lên, chậm chạp lấy mu bàn tay gạt những giọt mồ hôi trên vầng trán cao, cô mỉm cười như thể chẳng hề mệt.

Vượt hàng nghìn cây số đường núi, đường rừng, cô gánh đạn và gạo cho bộ đội. Sức mạnh nào trong thân hình bé nhỏ của cô? Tôi nhớ đã gánh thử đôi quang gánh đựng đầy dứa chín vàng của một cô gái. Đòn gánh xiết vào vai trĩu xuống. Cô gái ngăm đen xinh đẹp cười chúm chím nhìn tôi, để lộ hàm răng trắng. Làm sao cô mang được nặng vậy? Cô gánh, đôi chân trần nhỏ nhắn bước trên con đường đất bụi, không hề thở gấp, không oằn người.

Cô gái Việt Nam nhìn thẳng vào kẻ thù, căm giận và khinh bỉ, trong những cuộc hỏi cung ghê sợ nơi đồn bốt. Có biết bao nữ anh hùng vô danh như thể sinh ra trong cuộc chiến tranh này!

Những người dân thô hàng đi ngược hướng chúng tôi liếc nhanh những người châu Âu mà họ gặp. Trong ánh mắt ấy không có sự thù hận. Rõ ràng họ hiểu rằng nếu người châu Âu đi trên đất Việt Nam, thân mật trò chuyện với những người bạn đồng hành người Việt Nam, mặc dù bộ đội thì người đó không phải kẻ thù.

Tôi hỏi Vân để chào các cô gái bằng tiếng Việt. Cậu ta dạy tôi:

- Chào cô!

Họ đồng thanh trả lời. Vân dịch:

Họ nói: “Chào anh!”

Họ gọi tôi là anh?

Vâng. Người Việt Nam luôn phân biệt bạn và thù. Họ nhìn thấy các đồng chí là bạn của nhân dân Việt Nam.

HỮU GẠO KHÁNG CHIẾN

Trên sườn núi rậm rì những bụi cây rừng, chúng tôi thường gặp cánh đang làm đất. Không thể tưởng tượng nổi con người phải bỏ ra bao nhiêu công sức để làm sạch một miếng đất, nhổ cỏ dại, đào rễ cây. Trên những thửa đất như vậy có dấu vết của đám cháy, những thân cây và rễ cây cháy dở. Đầu tiên, người ta đốt rừng, sau đó đào gốc. Những người nông dân Việt Nam lao động rất hăng say, tạo thêm diện tích để gieo trồng, để tăng sản lượng lúa cho đất nước đang có chiến tranh. Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nông dân biến rừng thành ruộng, cố gắng để có đất trồng. Trên những sườn núi, người ta trồng ngô, sắn và một loại đặc biệt thuộc họ khoai tây – khoai lang.

Đấu tranh với rừng nhiệt đới nguyên sinh để giành những khoảnh đất gieo trồng, nông dân Việt Nam đã góp phần vào cuộc đấu tranh chống lại thực dân. Phong trào yêu nước này không chỉ giới hạn trong việc cố gắng để có những diện tích gieo trồng mới. Hàng triệu gia đình, dù nghèo đến đâu cũng dành một nắm gạo trong bữa ăn ít ỏi của mình cho bộ đội. Người thành phố mua gạo ngoài chợ giấu chính quyền tay sai và chính quyền Pháp, vượt qua những trạm kiểm soát của Pháp, liều cả mạng sống của mình để chuyển gạo tới kho của bộ đội và du kích.

Trong mỗi ngôi nhà Việt Nam đều có hũ gạo, nơi ngày ngày các bà nội trợ bỏ vào đó một nắm gạo. “Hũ gạo kháng chiến”, người Việt Nam gọi những nắm gạo ấy như vậy, những nắm gạo biến thành hàng nghìn tấn thực phẩm để nuôi bộ đội.

Sau khi kháng chiến nổ ra, kẻ thù bằng mọi cách cản trở người dân sản xuất lúa gạo. Bọn thực dân muốn phá bỏ công sức lao động của hàng triệu nông dân. Máy bay ném bom, máy bay tiêm kích xả súng bắn người dân đang làm việc ngoài đồng, sát hại nông dân, giết trâu bò. Những kẻ thanh trừng phá hủy nông cụ. Thực dân ra luật cấm làm đất, gieo trồng trong diện tích 500 mét cách đường. Khắp nơi là cánh “đất trắng” – một vùng đất rộng lớn chỉ toàn cỏ dại. Thực dân dùng xe tăng ủi phẳng ruộng hoa màu của nông dân. Nếu người nông dân đã kịp thu hoạch lúa non thì chúng phái lính vào tận làng tịch thu với lý do “tích trữ lúa gạo”. Chúng đốt thóc, đổ thóc xuống ao hồ.

Người nông dân đã đấu tranh kiên cường để tăng sản lượng lúa gạo. Mọi người làm việc ban đêm, cày cấy dưới ánh trăng, ánh đuốc, trong bóng tối. Người ta đào hào ngoài đồng để tránh những trận càn. Họ dạy trâu bò cách tránh kẻ thù, biết nấp trong bụi cây. Nhân dân vẫn còn nhớ trận đói khủng khiếp năm 1945. Khi đó ở Việt Nam có hai triệu người chết. Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nông dân tích cực đấu tranh để tăng sản lượng lúa gạo nhằm ngăn chặn nạn đói mới, để cung cấp lương thực cho bộ đội chiến đấu và hàng triệu nông dân Việt Nam đã hưởng ứng lời kêu gọi đó bằng tinh thần lao động anh dũng ngoài đồng ruộng. Bất chấp nguy hiểm đến tính mạng, những người dân yêu nước trong vùng địch chiếm đóng vẫn chuyên gạo ra vùng tự do.

Dọc những con đường và lối mòn, chúng tôi gặp hàng đoàn xe thò đi ngược chiều. Người Việt Nam trong những năm chiến tranh đã sáng tạo phương tiện cơ động này để vận chuyển hàng hóa. Người ta tháo bác ba ga và xe chất đầy túi, bao, thùng. Đầu tiên một xe chở được 150 kilôgam. Giờ đây có người chở kỷ lục được 300 kilôgam. Thật kinh khủng: Năm chiếc xe thò bằng một chiếc xe ô tô tải! Những năm chiến tranh những người nông dân – dân công tình nguyện đã vận chuyển bằng xe thò hàng trăm nghìn tấn vũ khí, đạn dược và lương thực. Ghi đông xe được buộc một cây gậy dài, một đầu nối với phanh. Một chiếc gậy khác buộc thẳng đứng vào yên xe. Hai cây gậy này là điểm tựa để đẩy xe. Gặp dốc cao hay phải lội bộ sang sông, hai, ba người xúm vào đẩy xe lên dốc hoặc nâng xe lên để lội sang sông, rồi lại quay lại đẩy, nâng xe tiếp theo. Chúng tôi gặp những đoàn xe thò 50 chiếc. Nhiều xe cấm cờ đỏ, đây là những chiến sĩ thi đua.

Chúng tôi vượt một con đèo lớn mất hơn ba tiếng. Con đường mòn hẹp dẫn lên núi; đôi khi đường mòn đi ngay sát bên vực, suối róc rách phía dưới sâu. Vượt qua con đèo, đoàn chúng tôi gặp một thung lũng rộng. Chúng tôi tạm nghỉ bên một con suối nhỏ nước trong veo. Chúng tôi thả những đôi chân mệt mỏi xuống làn nước lạnh, rửa mặt và lại lên đường đi men theo con suối chảy qua thung lũng.

NHÂN DANH CHÍNH QUYỀN PHONG KIẾN

Trạm dừng chân tiếp theo là một ngôi làng nhỏ, chính xác hơn là một xóm nhỏ trong rừng cọ râm mát. Hiếu khách là đặc điểm nổi bật của người dân nghèo Việt Nam. Lão nông Nguyễn Ngọc Vân mời chúng tôi lên nhà ông. Cạnh bàn thờ tổ tiên với những cây hương tỏa làn khói xanh, cắm trong bát đựng đầy đất là tờ báo *Nhân dân*, cuốn sách nhỏ của đồng chí Trường Chinh *Vấn đề dân cày*. Ở địa phương nơi chúng tôi đi qua vẫn chưa tiến hành cải cách ruộng đất. Người ta mới chỉ tiến hành giai đoạn đầu của cải cách – huy động nhân dân giảm thuế đất phải nộp cho địa chủ.

- Bác đọc những thứ này phải không? - Tôi chỉ tay vào tờ báo và cuốn sách nhỏ hỏi.

- Vâng, tôi đã biết đọc biết viết cách đây năm năm. - Ông chủ nhà tự hào trả lời, mời chúng tôi ngồi xuống sàn nhà sạch sẽ đan bằng tre và bung cho mỗi người một bát trà nóng.

Cải cách tháng Tám ở Việt Nam đã giải phóng hàng triệu người lao động khỏi ách nô lệ. Sự lộng hành của quan lại cường hào đã khiến hàng triệu người phải chết đói. Hàng thế kỷ nay, con người bị hành hạ, bị cướp bóc, bóc lột dã man, cả dân tộc bị kìm kẹp dưới hai tầng áp bức – thực dân đế quốc và những kẻ tôi tớ trung thành của chúng, bọn quan lại cường hào với quyền lợi không giới hạn. Sự áp bức của chúng thật dã man, thú tính! Các đồng chí ở Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã kể cho chúng tôi rất nhiều về điều này.

Bọn địa chủ thường cướp đất của người nông dân bằng việc cho thuê đất và tính lãi cắt cổ. Thực dân đòi thuế cao. Quan lại cường hào đẩy gánh nặng thuế má lên đôi vai người nông dân. Thí dụ, địa chủ chiếm phần ruộng đất bao quanh ruộng của người nông dân và cấm họ đi vào, dẫn nước vào ruộng của mình. Người nông dân buộc phải bán ruộng cho địa chủ với giá rẻ mạt. Một cách khác đó là người nông dân khôn khổ sẽ bị vu tội nấu rượu lậu hay buôn bán thuốc phiện. Tòa sẽ xử người bị vu oan, chuyển ruộng của họ cho địa chủ. Nếu người nông dân bị mất đất khai khẩn một mảnh ruộng mới trong rừng, địa chủ sẽ lại chiếm mảnh ruộng đó ngay.

Bọn quan lại cường hào còn thực hiện theo cách: Đợi khi người nông dân qua đời, chúng chuẩn bị sẵn giấy tờ bán đất giả, ấn tay người chết điểm chỉ và đuổi gia đình người nông dân xấu số ra khỏi nhà. Bọn quan lại phong kiến tìm đủ mọi cách – vũ lực, cướp, thậm chí cả giết người để cướp đất của người nông dân.

Buộc phải lao động ở ruộng của địa chủ, người nông dân không tác đất trong tay bị bóc lột dã man. Giá thuê ở một số nơi của Việt Nam chiếm tới 80 đến 90% vụ mùa. Nhưng cái giá thuê đất không tương đó và cả tiền lãi cắt cổ cũng không làm bọn địa chủ thỏa mãn. Người nông dân còn phải cúng nạp cho chúng tiền, gia cầm, gia súc vào bất cứ dịp “lễ lạt” nào – Tết, việc hiếu, việc hỷ. Kết quả là người nông dân và gia đình họ chẳng còn lại gì. Trong dân chúng lưu truyền một câu ca dao buồn, đại ý: “Việc xong, cắt liềm cắt miệng. Mùa vụ xong rồi, liềm miệng chẳng cần”.

Để không bị chết đói, người nông dân buộc phải đi vay của địa chủ. Nhưng ngay cả khi phải trả lãi gấp ba, bốn lần cũng không phải dễ mà được vay. Muốn vay được tiền của địa chủ, họ phải biếu quà cho chúng. Khi địa chủ đồng ý viết giấy nợ, họ phải đưa quà lần nữa. Quà vào ngày nhận được tiền vay, quà khi trả tiền.

Một lần vay của địa chủ, người nông dân trở thành nô lệ cho chúng suốt đời. Bọn địa chủ không nhận lại tiền vay nếu biết người nông dân có khả năng trả. Chúng chỉ đến đòi tiền khi biết họ không thể trả được nợ. Chúng sẽ tăng lãi hay lấy nhà, bắt con cái họ làm con ở. Người nông dân chỉ còn lại một con đường – chạy trốn. Nhưng trốn đâu cho thoát. Họ hiểu rằng sớm hay muộn địa chủ cũng tìm ra họ và sẽ trừng phạt họ dã man, thậm chí có thể giết họ.

DƯỚI BÓNG CÂY ĐA TÂN TRÀO

Trên đường đi, chúng tôi hay bắt gặp những bót hoang mọc đầy cỏ dại do bọn thực dân trước đây dựng lên. Kế hoạch chiến tranh thực dân phá sản khiến đội quân viễn chinh của Pháp bị tổn thất nặng nề, thua trận liểng xiểng ở vùng Bắc và Tây Bắc Việt Nam.

Sự im lặng chết chóc trong những đồn bót đổ nát từ lâu đã bị bỏ hoang. Chỉ nhận ra thành lũy, công sự qua những chỗ lõm trên mặt đất, những đoạn dây thép hoen gỉ. Từ cái vỏ đạn xanh đến hộp đồ hộp gì đen đều như muốn nói về số phận bi thảm của những tên lính đánh thuê.

Nhìn những công trình nổi lên giữa đồng lúa của vùng Việt Bắc, chẳng khó khăn gì để hiểu được tâm trạng trong doanh trại của những hòn đảo kiên cố này. Lính Pháp bị cô lập giữa biển cả cấm hặn của nhân dân. Ngày cũng như đêm chúng nằm trong tầm ngắm của những người báo thù mà chúng không nhìn thấy.

- Chúng sợ phải lộ mặt ra ngoài bót. - Lê Hòa, người đồng hành với chúng tôi, một sĩ quan trẻ tuổi, đã tham gia các trận đánh ở Việt Bắc và chứng kiến cảnh những bót này bị tấn công, nói:

- Đồng chí hãy nhìn cái cây này! - Vân nói khi chúng tôi đi ngang qua thung lũng thơ mộng của tỉnh Tuyên Quang.

Tôi đã phải đi qua chỗ này ba lần. Và lần nào dừng lại tôi cũng ngưỡng mộ ngắm nhìn cây đa khổng lồ, thân to bằng vài người ôm, chằng chịt những dây leo to, mọc thẳng lên trời, tán sum suê tỏa bóng trong tiếng lá rì rào.

Chúng tôi tạm nghỉ để Volodia Eshurin quay cái cây từ mọi phía. Những người Việt Nam yêu nước rất yêu quý cây đa này, thậm chí đã sáng tác bài hát về nó.

Dưới bóng sum suê của cây đa này, tháng 12 năm 1944, theo nhiệm vụ Đảng giao, nhà giáo trẻ của nhân dân Võ Nguyên Giáp đã thành lập đội vũ trang đầu tiên từ những người nông dân cùng khổ. Đội có tất cả 34 người. Họ được trang bị chỉ vèn vèn mấy khẩu súng trường của Pháp và Trung Quốc, mã tấu, lựu đạn tự chế và giáo mác.

Đội quân đó là tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Cây đa đâm những cái rễ to, ngoằn ngoèo xuống đất, tượng trưng cho sức mạnh của một dân tộc tự do, bám chắc vào đất của tổ tiên. Những binh đoàn lớn mạnh từ đội quân nhỏ bé, đã trở thành sức mạnh quân đội của dân tộc đang vùng lên. Nhiều người trong số 34 chiến sĩ của đội quân năm nào đã trở thành những chỉ huy của Quân đội Nhân dân. Trường học quân sự lớn nhất của họ là vùng châu thổ sông Hồng, sông Mê Kông, rừng núi Việt Bắc, mảnh đất ruột thịt, gắn bó máu thịt với họ như rễ cây đa Tân Trào.

Tôi không chỉ làm quen mà còn thân thiết với một chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam. Đó là Vòng, một con người nhỏ bé, anh hùng Điện Biên Phủ, đang trở về đơn vị. Chúng tôi cùng nhau sai bước trên đường mòn, lội qua sông, cùng nhau nghỉ dưới bóng cọ. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi nghỉ dưới bóng cây đa Tân Trào, tôi tiếp tục cuộc trò chuyện với anh, cuộc trò chuyện được ghi trong cuốn sổ đi đường của tôi từ tối qua, dưới ánh đèn dầu, trong lán của đội thanh niên xung phong.

MỌI CHUYỆN XẢY RA NHƯ THẾ NÀO?

Vòng 19 tuổi, nhỏ bé. Anh sinh ra tại làng Hoàng Cát, tỉnh Hưng Yên, là con út trong một gia đình nông dân nghèo. Anh có năm anh trai và một chị gái. Trước Cách mạng tháng Tám, cha anh không có ruộng, phải thuê một mảnh đất của địa chủ. Vòng giúp cha ngoài ruộng lúa, giúp cha be bờ để giữ nước. Họ không có trâu, phải thuê trâu cũng của địa chủ nọ, và để trả công, Vòng phải lao động nhiều ngày trên ruộng của hắn.

Họ sống rất vất vả. Chỉ vào những ngày mùa, trong vòng một tháng họ mới có gạo ăn, 11 tháng còn lại họ phải ăn ngô, sắn và củ rừng do Vòng và chị gái đào được trong rừng. Người anh cả có liên lạc với du kích, tham gia hoạt động bí mật. Lính Bảo Đại đến bắt anh đi. Chúng tra tấn anh trong đồn, buộc chân kéo lên xà nhà rồi thả rơi xuống, dùng bàn là nóng dí ngực và lưng, đâm đá anh. Người anh trai căm lặng chịu đựng mọi cực hình không khai bất cứ ai trong số các đồng chí của mình. Anh bị giết và cả nhà phải chạy tới sống ở một làng khác. Năm 1948, giặc Pháp bắt Vòng và đẩy anh đi lao động. Anh bị bắt đi phá nhà dân để lấy gạch xây đồn bốt. Vòng bỏ trốn. Năm 1952, anh và cha lại bị bắt và bị tống giam cùng với khoảng 50 người nông dân khác. Ba ngày liền, họ không được ăn uống gì. Nhà của họ bị đốt.

Họ chỉ được giải thoát sau khi hàng trăm người dân địa phương tập trung trước cửa đồn đòi thả họ. Anh kể Vòng là chỉ huy du kích. Vòng làm giao liên và cùng du kích tấn công đội thanh trừng. Vòng đã chứng kiến lính Bảo Đại treo cổ công khai cha cậu trong sự chứng kiến của tất cả dân làng. Vòng có mặt trong số họ. Chúng xèo môi, chặt ngón tay cha anh, rồi mổ ngực ông ném quả tim xuống đất bụi.

Làng của họ không lâu sau trở thành căn cứ du kích. Nông dân liên lạc chặt chẽ với bộ đội. 17 tuổi, Vòng đi bộ hàng cây số, vượt qua nhiều đồn Pháp, đến trước mặt vị chỉ huy quân sự và tuyên bố anh muốn được vào bộ đội.

Anh đã cùng đơn vị mình vượt qua 500 cây số để tới tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Anh bị thương hai lần khi tham gia chiến đấu.

Trong trận đánh cuối cùng, họ tấn công điểm cao nơi đặt bộ chỉ huy Pháp. Trung đội của anh

có nhiệm vụ phá hàng rào dây thép gai. Vượt qua hàng rào Vòng nhìn thấy một người đang chạy. Người này tập hợp mấy chiến sĩ từ đơn vị khác, tất cả năm người, chỉ huy họ lao lên tấn công lối vào công sự, nơi quân Pháp đang xả súng máy bắn ra.

Khi Vòng xông vào sở chỉ huy, anh nhìn thấy các sĩ quan Pháp đang đứng thành hàng. Có tất cả 23 người, trong số đó có bốn đại tá, sáu thiếu tá, và đại úy.

Tướng De Castries đứng trước hàng quân. Ông ta mặt tái nhợt, run rẩy. Đại đội trưởng, người lao vào công sự cùng với Vòng, giơ súng vào viên tướng hỏi: “Ông là tướng De Castries phải không?” Ông ta run rẩy ưỡn người, đứng nghiêm và khó nhọc nói từng lời, yêu cầu cho phép ông ta ra lệnh cho quân đội đầu hàng. Đại đội trưởng quát to: “Không cần! Quân đội của ông đã đầu hàng mà không cần lệnh của ông, chúng tôi đã chiến thắng!”

Họ dẫn De Castries cùng bộ chỉ huy của ông ta ra khỏi công sự. Từ binh cả dãy dài hàng cây số cam lạng đưa mắt tiễn vị tướng của mình.

- Khi chúng tôi dẫn chúng đi, - Vòng nhớ lại - máy bay Pháp vẫn thả vũ khí và đạn dược xuống.

- Anh mơ ước điều gì lúc này, sau khi được gặp Bác Hồ?

Vòng suy nghĩ giây lát. Ngược đôi mắt mơ màng với hàng mi rợp, anh nói:

- Được đi học. Bác Hồ nói với tôi: “Cháu đã lập công, nhưng cần phải hoàn thành những nhiệm vụ lớn hơn đang đặt ra cho dân tộc ta”. Tôi sẽ đi học và mong muốn lập thêm nhiều chiến công để lại được gặp Bác Hồ.

“THỜI CƠ ĐÃ ĐẾN”

Cách cây đa Tân Trào mấy cây số, theo đường mòn đi vòng qua cánh đồng, có một ngôi nhà lớn. Một địa chỉ lịch sử. Vào đầu tháng tám năm 1945, khi Quân đội Xô Viết bắt đầu tấn công phát xít Nhật, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các đồng chí của mình đã chuyển lên núi rừng Việt Bắc để lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống lại đế quốc Nhật.

- Đã đến lúc phải hành động dứt khoát! - Chủ tịch Hồ Chí Minh nói vậy.

Ngày 12 tháng Tám năm 1945, Hội nghị đại biểu quốc dân các vùng giải phóng đã diễn ra tại ngôi nhà này. Chính phủ lâm thời Việt Nam đứng đầu là Hồ Chủ tịch được thành lập. Từ đây, Quốc dân đại hội kêu gọi toàn dân đứng lên tổng khởi nghĩa. Quân đội Nhật có mặt khắp Đông Dương. Chúng được trang bị vũ khí đầy đủ. Nhân dân Việt Nam hầu như tay không. Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh tin vào sự sáng tạo và sức mạnh nhân dân, kêu gọi đồng bào yêu nước cầm vũ khí bao vây doanh trại quân Nhật, lật đổ chính quyền do Nhật dựng lên, thay bằng chính quyền dân chủ của mình. Trong vòng mấy ngày, bộ máy cai trị của Nhật đã bị tiêu diệt. Đứng lên nắm chính quyền là những con người mới, những đại biểu của nhân dân.

Chúng tôi quay ngôi nhà này, ngồi nghỉ trên những bậc thềm bằng đá của ngôi nhà. Chỉ có tiếng ve phá vỡ sự yên lặng của một ngày oi ả.

Phần lớn hành trình chúng tôi phải đi bộ. Đi bộ bớt mệt mỏi hơn so với ngồi trên yên ngựa. Chúng tôi hay dừng lại để quay phong cảnh rừng núi. Con suối chảy xiết sỏi bọt trắng lấp lánh, những chiếc lá cọ xanh biếc láng bóng, bầu trời xanh trong, những đám mây trắng mang nhiều hình thù khác nhau...

Con đường mòn chúng tôi đi là đường đất. Khoa, người dẫn đầu đoàn chúng tôi thường chào hỏi những người đi ngược chiều. Đó là các cán bộ đảng, nhân viên các bộ, lãnh đạo các cơ quan

trung ương. Họ đi công tác, áo nâu bình dị, túi vải bạt khoác vai. Mỗi người trong số họ đã đi bộ hàng nghìn cây số trên những con đường mòn thế này. Đi bộ là cách di chuyển chính ở đất nước này.

Chúng tôi đã khá quen với loại “phương tiện giao thông” này. Chúng tôi đi mãi miết và chỉ đến cuối ngày, khi đã gần tới trạm dừng chân nghỉ đêm, mới cảm thấy mệt mỏi.

Trong một lần dừng chân tại trạm kiểm soát đường bộ, nơi đội tuần tra kiểm tra giấy tờ của người đi đường. Một người cao gầy nhón chân bước vào lán nơi chúng tôi nằm nghỉ. Đồng chí tháo xác cốt, ngồi xuống ghế đá và nhìn tất cả chúng tôi với ánh mắt hiền hậu. Đồng chí Khoa giới thiệu ông với chúng tôi: Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thứ trưởng Nông nghiệp, người được Trung ương Đảng giao nhiệm vụ tiến hành cải cách ruộng đất, đồng chí Hồ Viết Thắng.

“HAI TRIỆU NGƯỜI CHẾT ĐÓI!”

- Thật may là chúng ta gặp nhau. - Đồng chí nói. - Tôi đã nói chuyện qua điện thoại với Hồ Chủ tịch, Chủ tịch lệnh cho tôi phải giới thiệu tỉ mỉ cho các đồng chí về cải cách ruộng đất, và có thể sẽ thảo luận với các đồng chí các mục tiêu quay phim.

- Chúng tôi rất tiếc đã không được gặp đồng chí tại Ban Chấp hành Trung ương Đảng. - Tôi nói. - Cải cách ruộng đất là đề tài quan trọng nhất trong bộ phim của chúng tôi.

- Tôi có thể dành thời gian cho các đồng chí ngay bây giờ. - Hồ Viết Thắng nói. - Tôi đã lên kế hoạch những điều sẽ nói với các đồng chí. Trước tiên tôi muốn biết các đồng chí quan tâm những gì?

- Chúng tôi quan tâm đến mọi thứ! Mọi vấn đề của cải cách ruộng đất, phương pháp tiến hành, kết quả mà cải cách đem lại cho người nông dân, các hình thức cải cách ở các vùng khác nhau của đất nước.

Khoa liếc nhìn đồng hồ.

- Đàng nào thì chúng ta cũng không đến được căn cứ trước lúc trời tối. - Đồng chí nói. - Tôi đề nghị chúng ta sẽ nghỉ đêm trong làng và sáng mai chúng ta sẽ đi sớm.

Chúng tôi phản đối, cho rằng mình đã quen với khí hậu, chúng tôi quý từng ngày và cần phải có mặt tại căn cứ, dù là nửa đêm.

- Thôi được, vậy cứ theo ý của các đồng chí. Nhưng các đồng chí nên nhớ khí hậu Việt Nam rất bất trắc. Thậm chí dù không cảm thấy mệt mỏi cũng có thể bất ngờ quy ngã. Trước mặt chúng ta còn cả tháng lao động, phải tiết kiệm sức lực. Các đồng chí đừng quên bệnh sốt rét! Cơ thể mệt mỏi sẽ dễ mắc bệnh này. Các đồng chí phải giữ sức.

Chúng tôi bắt đầu trò chuyện.

Hồ Viết Thắng lôi trong xác cốt ra một cuốn sổ, trải giấy tờ lên mặt bàn. Đồng chí bị cảm nặng, cổ quấn chiếc khăn bằng vải dù rằn ri, sứt sít, ho khan. Đồng chí đã vượt qua một chặng đường dài, gần một trăm cây số từ địa phương nơi tiến hành đại hội đảng bộ nông thôn.

- Trước tiên tôi muốn giới thiệu với các đồng chí tình hình đất nước chúng tôi. Công cuộc cải cách ruộng đất phụ thuộc rất nhiều vào đặc điểm địa lý, cây trồng, phong tục tập quán, hình thức bóc lột của chế độ phong kiến và tất nhiên còn phụ thuộc vào tình hình chiến sự của địa phương đó.

Câu chuyện của đồng chí mỗi lúc một lôi cuốn chúng tôi hơn. Đồng chí kể về vùng châu thổ sông Hồng và sông Mê Kông, về tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam, về cuộc sống và phong tục

của các dân tộc thiểu số vùng núi phía Bắc. Bằng giọng nói nhỏ nhẹ, chứa đựng nỗi đau đớn, đôi khi cả sự phẫn nộ, đồng chí nói về sự khổ cực của hàng triệu nông dân nghèo, từ đời này sang đời khác quần quai dưới ách áp bức của chế độ phong kiến hà khắc. Khuôn mặt đồng chí thay đổi khi nói về những người dân Việt Nam, về tâm hồn chân chất của người lao động.

Đồng chí miêu tả nông thôn vùng đồng bằng Thanh Hóa thật đẹp và thơ mộng.

- Nơi đó, cái cách ruộng đất vẫn chưa được tiến hành. Chính quyền nhân dân tuy đã kiểm chế được phần nào sự hà khắc của địa chủ, nhưng nhiều người trong số bọn chúng vẫn nhiều ruộng đất, sống trong những ngôi nhà sang trọng. Các đồng chí có thể ghi lại hình ảnh tiêu biểu của tầng lớp quan lại cường hào Việt Nam.

Đồng chí mỉm cười nói thêm:

- Các thiếu nữ Thanh Hóa nổi tiếng là đẹp. Họ hát rất hay. Các đồng chí hãy ghi lại cảnh họ cùng hát với các chàng trai những bài dân ca trong Tết trung thu.

- Địa chủ phong kiến là những người như thế nào? - Tôi hỏi. - Tất cả bọn họ đều là người Việt Nam hay sao?

- Địa chủ ở Việt Nam có thể chia thành bốn loại. - Hồ Việt Thắng trả lời. - Phần lớn ruộng đất nằm trong tay các đại địa chủ và tiểu địa chủ người Việt. Một phần đất đai rộng lớn nằm trong tay bọn thực dân Pháp. Sau đó là các cha xứ, cũng chiếm khá nhiều ruộng đất. Ở miền Trung, các cha xứ chiếm vài giáo khu, tập trung thành một đồn điền lớn. Và cuối cùng là các lãnh chúa người dân tộc thiểu số cũng chiếm một diện tích đất rất lớn.

Miền Nam Việt Nam là nơi có các đại địa chủ lớn nhất. Họ nắm trong tay hàng chục ngàn héc ta đất. Có những cự phú như Trác, Bền, tên tuổi của họ nổi tiếng khắp cả nước. Đất đai của họ phải đi bằng xe ô tô hàng giờ mới hết. Họ có hàng chục xe ô tô tải, thậm chí họ có cả máy bay. Những tay cự phú này điều khiển việc buôn bán lúa gạo, chuối, cà phê với nước ngoài.

- Ai sở hữu những đồn điền cao su?

- Hầu như tất cả các đồn điền cao su đều tập trung ở Nam Bộ, nó là của thực dân Pháp, nhưng hiện nay khoảng 90% đồn điền cao su là của tư bản Mỹ.

Hồ Việt Thắng kể về tình hình nông thôn Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám.

- Bọn đế quốc và phong kiến đã để lại cho chúng tôi cảnh “vườn không nhà trống”. Hai triệu người chết đói dưới sự thống trị của thực dân Pháp! Sau cách mạng, người dân bị mất mùa do nạn lụt chưa từng có. Liên lạc bị ngừng trệ, giao thông bị phá hủy. Đói khổ, cùng cực, ô nhiễm, bẩn thỉu, mù chữ, tất cả là hậu quả nặng nề của chế độ phong kiến.

“BA CÙNG”

Chính phủ và Đảng Lao động đã đề ra ba khẩu hiệu: “Tiêu diệt giặc đói!”, “Tiêu diệt giặc dốt!”, “Tiêu diệt giặc ngoại xâm!”. Những khẩu hiệu này được thực hiện ngay từ những ngày đầu khi chính quyền nhân dân vừa mới hình thành.

Trong lĩnh vực kinh tế nhiệm vụ chính là: giảm tô, giảm tức, chia tài sản của bọn phản động cho nông dân.

Chính quyền kêu gọi người dân khai hoang, xây đập để ngăn lũ và tưới tiêu cho đồng ruộng. Mọi biện pháp của Chính phủ đều nhằm ngăn chặn một nạn đói mới có thể xảy ra.

Cách mạng khiến tinh thần của người dân lên cao chưa từng thấy. Người dân đã lập được những kỳ tích trong công cuộc xây dựng đập, kênh tưới tiêu, khai khẩn đất hoang.

- Các đồng chí thử nghĩ mà xem. - Hồ Viết Thắng xúc động đứng dậy đi ra giữa phòng nói. - Trước cách mạng lũ lụt đã gây ra những tai họa khủng khiếp. Nước tràn vỡ đập, cuốn trôi làng mạc, đồng ruộng ngập trắng. Và con người chưa bao giờ ngăn chặn được tai họa này. Chỉ sau Cách mạng tháng Tám lũ lụt mới được ngăn chặn. Nhân dân đã tin vào sức mình.

Cuộc đấu tranh nhằm nâng cao mức sống của người dân vấp phải những khó khăn mới sau ngày cả nước bắt đầu cuộc kháng chiến trường kỳ. Người lao động hầu hết đều tham gia các đội du kích, vào bộ đội. Kẻ thù phá hủy một cách hệ thống hệ thống kênh dẫn nước và tưới tiêu. Thực dân không cho người dân có sức kéo, cướp trâu bò, bắn chết trâu ngay ngoài ruộng. Người dân buộc phải tự mình kéo cày. Ngoài ra, ruộng đất vẫn nằm trong tay địa chủ cường hào. Đến năm 1953, thậm chí ngay trong vùng giải phóng, người dân vẫn tiếp tục bị địa chủ áp bức về kinh tế.

Cải cách ruộng đất được xác định ngay từ những ngày đầu của Cách mạng tháng Tám. Nhưng chỉ tới năm 1953 mới có điều kiện thực hiện giai đoạn đầu của cải cách – giảm tô giảm tức. Đầu năm 1954, cải cách ruộng đất mới bắt đầu được triển khai.

- Tôi nghĩ, trong bộ phim của mình, các đồng chí phải phản ánh không chỉ cảnh giao ruộng đất của địa chủ cho nông dân mà phải ghi lại giai đoạn đầu của cải cách – tổng động viên toàn dân nhằm giảm tô giảm tức.

Phong trào tổng động viên toàn dân nhằm mục đích nâng cao vai trò tích cực của quần chúng. Ở nông thôn không chỉ giải quyết những vấn đề về sử dụng ruộng đất và xử lý địa chủ. Một loạt vấn đề được đặt ra, trong đó có vấn đề bình dân học vụ, nâng cao văn hóa và vệ sinh nơi ở. Các tổ chức xã hội ở nông thôn Việt Nam được hình thành và củng cố. Nhận thức của đại bộ phận nông dân được nâng cao.

Đảng cử những đại diện ưu tú thực hiện phong trào này. Nhiệm vụ của họ là giải thích cho mọi người về tình hình đất nước, vạch tội địa chủ và dựa vào tầng lớp bản cổ nông, liên minh chặt chẽ với tầng lớp trung nông, từng bước đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống lại sự bóc lột của địa chủ. Khẩu hiệu chính là: “Ruộng đất cho dân cày!”

Tôi khuyên các đồng chí trong phim nên giới thiệu hình ảnh người cán bộ đảng về nông thôn để tiến hành cải cách ruộng đất. Đảng đề ra khẩu hiệu “Ba cùng!”, có nghĩa là cùng ăn, cùng ở, cùng làm với người dân. Đối với các cán bộ Đảng của chúng tôi, thực hiện khẩu hiệu này không khó, bởi phần lớn họ là những người xuất thân từ nhân dân, ngay từ nhỏ đã hiểu sự nhọc nhằn, cái đói, cái nghèo và sự bất công của dân cày. Ở các thôn xóm, các đồng chí sẽ bắt gặp các cán bộ Đảng và nhìn bề ngoài, cả trong sinh hoạt cũng như trong lao động, các đồng chí không thể phân biệt được họ với dân nghèo. Khẩu hiệu “Ba cùng!” có nghĩa là “Đảng của nhân dân đã cử anh, anh phải gần gũi với dân như gần gũi với Đảng kính yêu”.

“CÁC ĐỒNG CHÍ SẼ TẬN MẮT CHÚNG KIẾN CUỘC SỐNG”

Sau này, khi quay cảnh cải cách ruộng đất, chúng tôi thường nhớ đến câu chuyện của đồng chí Hồ Viết Thắng. Ở nông thôn, chúng tôi thường gặp các cán bộ Đảng được cử về tiến hành cải cách ruộng đất. Chúng tôi gặp họ trên những con đường mòn chật hẹp, trong rừng, trong những ngôi nhà của người nông dân, trong bữa ăn đạm bạc bên bếp lửa hồng. Chúng tôi lắng nghe những lời thủ thỉ của người cán bộ Đảng, nói chuyện với một tập nông dân bên cổng làng, giải thích cho họ về chính sách của Đảng, về cải cách ruộng đất. Không mít tinh, không bực cao, chính những cuộc chuyện trò tâm tình như vậy đã giúp người dân nghèo cùng cực hiểu được những bất công trong cuộc đời trước đây của mình, mở ra trước mắt họ một thế giới mới, thế giới của sự thật, ánh sáng và công bằng.

- Các đồng chí nhất định phải ghi lại việc nhân dân đấu tố địa chủ. - Hồ Viết Thắng nói. - Các

đồng chí sẽ gặp những người hàng chục năm không dám ngược mắt nhìn địa chủ, giờ đây trong buổi đầu tổ đã dám nhìn thẳng vào kẻ gây đau khổ cho mình mà không hề sợ hãi và căm giận, kẻ hết những hành hạ, tàn ác, những đau khổ mà họ phải gánh chịu nhiều năm trời. Tham gia đầu tổ là những con người nhờ có chính quyền nhân dân mới thấy mình được là người và tin vào bản thân. Giờ đây đã có hàng triệu người như vậy trên đất nước chúng tôi. Đó là sức mạnh bất diệt của một dân tộc đã vùng lên đấu tranh tự giải phóng. Tôi nghe nói một người trong số các đồng chí sẽ tới Khu Bốn?

- Đồng chí Eshurin sẽ tới đó.

- Đi đến Thanh Hóa phải mất 10 ngày. - Hồ Viết Thắng nói với Eshurin. - Đồng chí phải đi một chặng đường dài. Những lúc này đây tại nhiều nơi đồng chí có thể ghi lại hình ảnh người dân xét xử bọn phong kiến, những kẻ không chỉ có tội đã bóc lột dã man nông dân mà còn mắc tội phản bội. Chúng câu kết với thực dân, tiến hành các hoạt động gián điệp phá hoại. Nhân dân căm thù bọn chúng. Nhân tiện, giờ tôi sẽ đi tham dự cuộc họp đại biểu Mặt trận dân tộc bàn về cải cách ruộng đất. Cuộc họp này có sự tham gia của Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Trường Chinh. Tôi nghĩ sẽ rất có ích nếu các đồng chí ghi lại hình ảnh cuộc họp này, nơi sẽ có đại diện của các tầng lớp nhân dân và các dân tộc thiểu số tham gia. Một người trong số các đồng chí có thể dành một ngày để quay cuộc họp này, nếu điều đó không làm ảnh hưởng đến kế hoạch làm việc của các đồng chí.

Chúng tôi hội ý và thấy rằng Gienhia Mukhin hoàn toàn có thể quay cuộc họp và đuổi kịp chúng tôi ở căn cứ của Ban Điện ảnh - Nhiếp ảnh.

- Đây là lần tạm chia tay đầu tiên của chúng ta - Mukhin nói, nhanh chóng thu dọn túi đồ đạc, máy quay và hộp đựng phim bằng da. - Tôi sẽ mang theo một thùng phim dự trữ. Có một câu thành ngữ Turkmenia rất hay “Đi một ngày trừ nước cho cả tuần”. Biết đâu lại gặp gì hay dọc đường...

Chúng tôi chia tay. Mukhin, phiên dịch Khuê và người bảo vệ cùng đi theo Hồ Viết Thắng.

Chúng tôi lên đường khi trời vừa sập tối.

“NHỮNG CÂY SỐ CAO SU” CỦA ĐỒNG CHÍ KHOA

Con đường rộng và bằng phẳng men sông nhanh chóng hẹp lại, rồi chúng tôi đi theo bờ ruộng hẹp giữa những ruộng lúa nước. Tôi quyết định đi ngựa. Chân trơn tuột trên bờ ruộng hẹp đắp bằng đất sét, mắt luôn phải để ý để không bị rơi xuống nước ruộng đục ngầu màu cà phê. Đi ngựa chắc chắn hơn.

Chúng tôi đi theo bờ ruộng chừng hai tiếng rồi lại đi sâu vào rừng. Cần phải rất cố gắng để tạo được một lối mòn trong đám tre trúc, cây cối, dây gai rậm rạp. Cành lá đâm vào tay. Cứ luôn phải cúi rạp người trên lưng ngựa mỗi khi ánh đèn soi thấy trước mắt một đám tre nứa rậm rạp. Chúng tôi phải lội bộ qua rất nhiều con suối. Do vội chúng tôi phải lội nước ngập đến đầu gối để sang bờ bên kia, nơi tiếp tục con đường mòn. Suối chảy xiết cản bước chân. Sang được bờ bên này, leo lên bờ suối dốc đứng, chúng tôi lại lên ngựa đi tiếp.

Đã tám giờ tối. Tôi bụng như mực. Chưa hết, trời bỗng đột ngột đổ mưa. Chúng tôi tắm mưa. Như có hàng triệu cái vòi hoa sen chảy trên đầu và tấp vào mặt, mỗi lúc một nặng hạt. Còn thì vẫn vậy, ngựa vẫn chạy đều, kỵ sĩ cúi rạp trên lưng ngựa. Nếu để mấy cành tre hắt rơi mũ, sau đó khó mà tìm được lại trong bóng tối, dưới trời mưa!

Chúng tôi lại ra tới đồng lúa. Bờ ruộng trơn và hẹp đến mức người và ngựa đi thẳng đứng như thể công nhân đang làm việc trên xà sắt. Và rồi ngựa bị hẫng, từ từ sa chân sau xuống ruộng lúa (lẽ ra tôi phải dự liệu tình huống này). Tôi ngã ngựa, rơi ục xuống bùn. Nước ngập tới ngực. Chính xác hơn thì không phải nước mà là bùn âm ẩm. Tôi ngồi trong cái bồn tắm nước nóng đó, từ từ

chìm xuống lớp đất nhão như cháo nghiền. Tôi chửi thề, rồi bật cười, tất cả đều tồi tệ: mệt mỏi, cơn mưa dai dẳng, cái bồn tắm bồn nóng, cùng lúc ập tới. Tôi chỉ kịp giờ cái túi đựng sổ sách, máy ảnh lên cao quá đầu. Thật may là Mukhin không đi cùng chúng tôi. Hình như tôi đã cười khi cậu ta ngã ngựa rơi xuống bồn. Nếu không lúc này cậu ta hẳn sẽ hài lòng phải biết! Không biết đã sắp tới căn cứ chưa?

- Còn hai cây số nữa. - Trong bóng tối, tiếng đồng chí Khoa nghe thật bình thản.

Tôi không dám tin tưởng chú ngựa, đành đi bộ. Mấy bó đuốc nửa phản chiếu ánh lửa trên mặt ruộng. Hai cây số đường đi trên bờ ruộng trơn trượt dưới trời mưa trong đêm sao mà dài thế. Cuối cùng bờ ruộng cũng hết nhưng chúng tôi lại đi sâu vào rừng, lại lội qua một con suối. Tôi liên tục nhìn mặt đồng hồ đeo tay phát sáng. Chúng tôi đi đã được một tiếng rưỡi. Hai cây số dài tưởng như vô tận. Volodia quá mệt, đành bỏ lại cả chiếc dép chân phải.

- Đồng chí Khoa, đồng chí có thấy hai cây số của đồng chí dài như làm bằng cao su không?

Đồng chí Khoa bật cười, và cũng đúng lúc ấy chúng tôi nhìn thấy tháp thoắt từ phía xa ánh lửa của căn cứ. Chúng tôi đi về phía ánh lửa chừng 20 phút nữa, cảm thấy gần như đã kiệt sức. Thật lạ, trời cũng ngừng mưa ngay khi chúng tôi bước tới dưới mái hiên của ngôi nhà lá nơi có ánh đèn pin. Mệt mỏi tan biến hết khi chúng tôi được thay quần áo khô và mỗi người uống một cốc chè nóng có pha rượu Cognac “Martelé”. Chặng đường 16 tiếng! 30 mét phim! Trong nhật ký ngày hôm đó có ghi: “Hỡi người dân Moskva yêu quý, các bạn có biết chúng tôi đã phải trả giá thể nào để có được những thước phim quay trong rừng nhiệt đới không?”

XUỐNG PHIM TRONG RỪNG

Sáng ra, chưa kịp ăn sáng, chúng tôi bước ra ngoài quan sát nơi đóng quân của các nhà làm phim Việt Nam. Đồng chí Khoa đã rất có lý khi chọn được một nơi lý tưởng như thế này làm xưởng phim. Rừng cọ mệnh mông mọc trên đỉnh đồi bằng phẳng. Những cây cọ lâu năm cao, thẳng đứng, cành lá sum suê che mất bọn giặc lái trên cao. Không khí hình như mát hơn, nếu có thể nói như vậy ở vùng nhiệt đới này. Trên đỉnh đồi đôi khi có thể cảm nhận được một cơn gió thoảng, không bao giờ thấy dưới thung lũng trong núi. Từ bậc cửa, phóng tầm mắt, chúng tôi nhìn thấy một ngôi làng nhỏ trong thung lũng, giống như ngôi làng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng: vài chục ngôi nhà tranh, dưới mái lán bằng lá cọ là câu lạc bộ rộng với sân khấu có mái che.

Đồng chí Phạm Văn Khoa dậy sớm nhất. Sáng sớm đồng chí đã họp với các phó ban. Đồng chí rời Ban đi đón chúng tôi tại Trung Quốc, vắng mặt gần ba tuần và các đồng chí ở nhà báo cáo tỉ mỉ tình hình công việc cho đồng chí.

- Ban chúng tôi chủ yếu có nhiệm vụ chiếu phim cho các đơn vị bộ đội, ở vùng nông thôn, trong vùng mới giải phóng và trong lòng địch. - Đồng chí Khoa vừa nói vừa đi về phía chúng tôi. - Đây là một nhiệm vụ khó khăn. Các cán bộ của chúng tôi phải đi bộ những chặng đường dài, gánh những thùng phim, máy chiếu, dây dẫn.

Được xem phim là một sự kiện lớn đối với người dân ở vùng núi phía Bắc. Nghe nói có chiếu phim, mọi người từ các bản làng hẻo lánh đi bộ hàng trăm cây số tới xem. Họ mang theo con cái, mang theo gạo, đôi khi họ phải xa nhà hàng mấy ngày liền để đợi các cán bộ chiếu phim.

- Các đồng chí chiếu những phim gì?

- Trước Cách mạng tháng Tám, Việt Nam tràn ngập phim của Pháp và Mỹ. Phim chỉ được chiếu ở các thành phố lớn và trong đồn Pháp. Giờ đây, hàng triệu nông dân ở các thôn xóm đã được xem phim. Chúng tôi chủ yếu chiếu phim của Liên Xô và Trung Quốc. Phim Liên Xô thuyết minh tiếng Việt rất được mọi người yêu thích. Những bộ phim truyện như *Cô ấy bảo vệ Tổ quốc*, *Maxika*, *Đội thanh niên cận vệ*, *Aleksander Matrosov*, *Zoya* và phim tài liệu rất được đón đợi. Trong những bộ phim Xô Viết, nhân dân Việt Nam nhìn thấy những tấm gương sáng về chủ nghĩa

anh hùng cách mạng, về lòng yêu nước, những tấm gương về sức chịu đựng và sự trung kiên trong cuộc đấu tranh chống quân xâm lược. Ở Việt Nam đã có không ít người được nhân dân gọi là Oleg Koshevoi, Alexander Matrosov, Trapaev, Maresiev, Zoya Kosmodemyanskaya. Trong trận Điện Biên Phủ có không ít những chiến công bắt từ kiểu như Alexander Matrosov, lấy thân mình lấp lỗ châu mai. Nhưng đáng tiếc là chúng tôi có quá ít các nhà quay phim lưu động, chúng tôi không có đủ phim. Chúng tôi không thể nào đáp ứng đủ cho người dân.

Chúng tôi không chỉ chiếu phim mà còn làm phim nữa. Tất cả phim của chúng tôi còn rất yếu về mặt nghệ thuật. - Đồng chí Khoa phẩy tay cười. - Chúng tôi chủ yếu quay phim khổ nhỏ. Chúng tôi rất thiếu máy móc, chỉ có vài chiếc máy quay phim chiến lợi phẩm thu được của địch. mấy tháng trước, chúng tôi nhận được ba máy quay tự động của Liên Xô, là quà của Hội Điện ảnh Xô Viết. Nhờ đó, chúng tôi có thể quay được những hình ảnh của trận Điện Biên Phủ.

Mới đây, hai nhà quay phim của chúng tôi, Mai Lộc và Quang Huy, vừa trở về sau chuyến thâm nhập lòng địch. Chúng tôi đang tráng phim, họ quay bằng phim khổ hẹp. Chúng ta sẽ cùng xem, tôi hy vọng các đồng chí sẽ góp ý thẳng thắn và chân tình cho những thước phim này, các đồng chí của chúng tôi còn rất ít kinh nghiệm.

Ăn sáng xong, chúng tôi cùng đồng chí Khoa đi tham quan xưởng phim đặc biệt trong rừng, xưởng phim chắc là có một không hai trên thế giới. Hóa ra từ trên đỉnh đồi mọc đầy cọ này không thể nhìn thấy toàn bộ xưởng phim được.

- Chúng ta sẽ bắt đầu từ xưởng âm thanh. - Đồng chí Khoa vừa nói vừa dẫn chúng tôi đi theo con đường nhỏ ngoằn ngoèo chạy xuống chân núi.

- Đến xưởng âm thanh của đồng chí phải mất mấy cây số “cao su” nữa? - Tôi hỏi.

- Ồ, ở đây khoảng cách chỉ vài chục mét thôi! - Đồng chí bật cười, cúi người tránh đám lá rậm.

Chúng tôi tới một khoảng đất trống với mấy ngôi nhà lá. Khoảng 15 chàng trai, cô gái vỗ tay chào đón chúng tôi.

- Các nhà làm phim Việt Nam xin chào mừng các đồng nghiệp Xô Viết! - Đồng chí Khoa phát biểu. - Xin giới thiệu các đồng chí, đây là những cán bộ tương lai của nền điện ảnh Việt Nam.

- Tại sao lại là cán bộ tương lai? Họ có nhiều kinh nghiệm, và làm việc trong những hoàn cảnh rất khó khăn!

- Chưa, chúng tôi chưa dám tự nhận là mình là những nhà làm phim chuyên nghiệp. - Đồng chí Khoa nói. - Chúng tôi còn phải học nhiều, phải tiếp cận với kỹ thuật. Các đồng chí sẽ tận mắt thấy công việc của chúng tôi.

Chúng tôi bắt tay những chàng trai, cô gái vui tươi. Họ cười rạng rỡ, nhìn chúng tôi chăm chú, chắc cuộc gặp gỡ đầu tiên với các nhà làm phim Xô Viết, những đại diện bằng xương bằng thịt của nền điện ảnh Xô Viết, nền điện ảnh với các tác phẩm họ đã được học, khiến họ cảm thấy rất hạnh phúc.

“Chúng tôi mong nhận được sự góp ý thẳng thắn của các đồng chí...”

Chúng tôi đi vào phòng âm thanh.

- Chúng tôi lòng tiếng ở đây. - Đồng chí Khoa nói khi dẫn chúng tôi vào căn phòng, nơi đặt mấy chiếc máy ghi âm, một chiếc máy chiếu sử dụng phim kẹp.

Trong “sảnh đường” bằng nứa có một chiếc đàn piano, mấy cái giá nhạc, màn ảnh nhỏ.

- Đôi khi chúng tôi không có điều kiện để lồng tiếng cho phim. - Đồng chí Khoa kể. - Khi chiếu những bộ phim không tiếng đó, kỹ thuật viên đọc lời bình vào loa. Mặc dù vậy hàng nghìn người vẫn chăm chú theo dõi những phóng sự của chúng tôi về các trận đánh và các chiến công của bộ đội, về hoạt động của du kích, về cải cách ruộng đất, các bộ phim tuyên truyền những kinh nghiệm mới trong sản xuất và nông nghiệp. Nếu các đồng chí muốn xem, chúng tôi sẽ giới thiệu bộ phim về Đại hội chiến sĩ thi đua và bộ phim về phụ nữ Việt Nam.

Trong bóng tối, tiếng máy quay rè rè. Chúng tôi theo dõi một bộ phim thời sự. Tại triển lãm đúng vào dịp diễn ra đại hội, các nhà cách tân giới thiệu các cải tiến, sáng kiến của mình. Một bác nông dân già giới thiệu mẫu cày mới do ông tự nghĩ ra, giúp giảm đáng kể công sức cày ruộng. Chúng tôi thấy hình ảnh của những anh hùng lao động – những người thợ xây cầu, làm đường, công nhân các nhà máy gỗ, những người trong những năm tháng vô cùng khó khăn của cuộc chiến tranh đã gây dựng được một nền công nghiệp quân sự trong rừng. Bằng những chiếc máy thô sơ, họ làm ra súng đạn, mìn, lựu đạn giật tay. Trên lễ đài đại hội chúng tôi nhìn thấy một người với khuôn mặt và hai cánh tay bị biến dạng đến đáng sợ, đeo kính đen.

- Đó là đồng chí Ngô Gia Khảm, niềm tự hào của nhân dân Việt Nam. - Đồng chí Khoa giải thích. - Một công nhân Hà Nội, một trong những người gây dựng nên nền công nghiệp quân sự của chúng tôi trong những năm kháng chiến. Đồng chí đã bị thương rất nặng trong một vụ nổ tại xưởng sản xuất lựu đạn giật tay. Đồng chí Khảm là người duy nhất được tặng thưởng huân chương cao quý - Huân chương lao động hạng Nhất.

Trên màn hình chúng tôi nhìn thấy hình ảnh những cuộc gặp mặt cảm động giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với những người con ưu tú của dân tộc. Người đứng trên lễ đài, đang nói với chúng tôi. Với nụ cười hiền hậu của người cha, Người nhìn gian phòng, cúi người vươn qua lễ đài chỉ tay vào một người ngồi trong phòng. Trong giờ giải lao, Chủ tịch trò chuyện với công nhân, nông dân vây quanh.

Xem cảnh này, tôi nhớ đến chi tiết người thợ xây cầu Nguyễn Văn Tường đã kể. Chợt tôi thấy anh trên màn hình, đang ngồi giữa các đại biểu khác.

Sau đó chúng tôi xem một phóng sự về phụ nữ Việt Nam – những cô y tá dũng cảm làm việc trong lửa đạn quân thù, những cô gái tái thương tình nguyện, những người nông dân lao động trên đồng ruộng.

- Chúng tôi mong nhận được những góp ý thẳng thắn của các đồng chí. - Đồng chí Khoa nói khi đèn bật sáng.

Chúng tôi rời gian phòng lớn.

Chúng tôi có thể nói gì với các bạn về hai bộ phim vừa xem đây? Dĩ nhiên, về mặt kỹ thuật, chúng chưa được hoàn hảo, âm thanh chưa tốt, hình ảnh đôi khi không sắc nét. Nhưng để làm được những bộ phim này trong điều kiện khó khăn trong rừng quả là một thành tựu lớn. Chúng tôi thật sự xúc động trước những gì được chứng kiến, khâm phục lao động anh hùng của các nhà làm phim Việt Nam. Chúng tôi thẳng thắn và chân tình chỉ ra những thiếu sót và thừa nhận khả năng quan sát cuộc sống của các nhà quay phim Việt Nam, khả năng ghi lại những thời khắc xúc động nhất của sự kiện.

Chúng tôi nhớ lại những ngày đầu của phim tài liệu Xô Viết đã phản ánh được những năm tháng khắc nghiệt của cuộc nội chiến. Những bộ phim khi đó của chúng tôi cũng yếu về mặt kỹ thuật. Nhưng chúng tôi đã xúc động biết bao khi xem lại những thước phim tài liệu của những năm đầu cách mạng! Lenin gọi đó là “mẫu mực của thể loại chính luận”. Người nói: “Tôi cho rằng những bộ phim với nội dung cộng sản cần phải bắt đầu bằng ký sự truyền hình.” Những điều này chúng tôi cũng nói với các bạn Việt Nam, những nhà làm phim trẻ tuổi, khi ngồi dưới bóng cờ.

VỤ NỔ TÀU HỎA

Chúng tôi tiếp tục tham quan cơ quan của đồng chí Khoa. Xưởng phim che bằng mái nứa. Ở đây các cô gái đang cuộn phim, dán phim, sửa chữa những chỗ hỏng.

Xưởng phim do đồng chí Khoa phụ trách không chỉ làm phim mà còn chụp ảnh. Chúng tôi đi ngang qua những chỗ nơi người ta đang in ảnh gửi cho báo chí thế giới, phản ánh những hoạt động quân sự của quân đội nhân dân Việt Nam, của du kích, cuộc sống và lao động của dân tộc Việt Nam đang tranh đấu.

- Đây là phòng thí nghiệm của chúng tôi. - Đồng chí Khoa trình trọng giới thiệu khi dẫn chúng tôi tới một căn nhà tranh được đắp bùn để ngăn ánh sáng.

Bước vào nhà, chúng tôi nhìn thấy những thùng gỗ dùng để tráng phim bằng tay.

- Chúng tôi tráng phim buổi tối - người phụ trách phòng thí nghiệm nói - chỉ buổi tối chúng tôi mới hạ nhiệt độ thuốc tráng phim xuống 24 độ. Đây là “hệ thống làm lạnh” của chúng tôi.

Đồng chí chỉ cho chúng tôi xem một chiếc hòm gỗ lớn nước chảy róc rách, được dẫn về từ con suối trên núi.

Theo tiêu chuẩn kỹ thuật nhiệt độ thuốc tráng phim không được cao quá 18 độ. Biết làm sao được, chúng tôi đành phải tráng phim ở nhiệt độ 24 độ. Lớp nhũ tương của phim bị phồng lên vì nhiệt độ thuốc tráng phim, dẫn đến những hư tổn cơ học, phim bị xước. Chúng tôi phải rất cố gắng để có được những thước phim với độ dày bình thường. Công việc của chúng tôi là vậy đó. - Đồng chí nói, xòe tay bối rối. - Khi nào về Hà Nội, chúng tôi sẽ trang bị phòng thí nghiệm với những thiết bị làm lạnh chạy điện. Còn hiện tại, đáng tiếc là chúng tôi vẫn thường xuyên làm hỏng những tư liệu hay của các đồng chí quay phim. Họ thông cảm với chúng tôi vì hiểu rằng trong điều kiện như thế này không thể đạt kết quả tốt hơn được.

- Các đồng chí đang tráng những tư liệu gì? - Tôi hỏi.

- Như tôi đã nói với các đồng chí, đây là tư liệu của nhà quay phim Mai Lộc và Quang Huy thực hiện trong lòng địch. Họ mới trở về ba ngày trước sau chuyến công tác ba tháng.

- Cả hai đã ngồi trong phòng thí nghiệm cả đêm. - Người phụ trách phòng thí nghiệm kể. - Mãi sáng họ mới đi nghỉ. Họ đang chạy tới kia kìa.

Tại phòng thí nghiệm, lần đầu tiên tôi được gặp nhà quay phim Mai Lộc. Sau này, chúng tôi làm việc sát cánh bên nhau và trở nên rất thân thiết. Mai Lộc là một trong những nhà quay phim Việt Nam được chúng tôi mời thực hiện bộ phim của mình. Ban đầu, chúng tôi làm việc cùng nhau, tôi kèm cặp. Sau đó, tôi dần dần giao cho Mai Lộc những phần việc độc lập. Anh đã quay nhiều cảnh quan trọng của bộ phim và cùng với các đồng nghiệp quay phim Việt Nam khác, anh đã chứng tỏ mình là một nhà quay phim tài liệu khá kinh nghiệm, một họa sĩ giàu suy tư, một người hết lòng yêu công việc.

Chúng tôi hỏi Mai Lộc và Quang Huy cận kề, làm sao họ có thể quay trong lúc đột nhập vào lòng địch. Câu chuyện về vụ nổ tàu hỏa của kẻ thù khiến chúng tôi hết sức thích thú.

Du kích đã chuẩn bị rất lâu cho vụ nổ này. Tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng được quân Pháp bảo vệ nghiêm ngặt. Các đồng chí quay phim đã tham gia từ đầu quá trình chuẩn bị vụ nổ. Theo yêu cầu của họ, vụ nổ không được xảy ra vào buổi tối như mọi khi mà phải diễn ra vào ban ngày để họ có thể ghi lại được những hình ảnh quý giá về chiến tranh du kích. Theo lời họ, có lẽ tư liệu rất đạt yêu cầu. Quang Huy là người thực hiện.

- Tôi bật máy quay khi con tàu bắt đầu tiến gần tới nơi đã xảy ra vụ nổ. Máy quay làm việc tốt.

Tôi không rời mắt khỏi ống kính. Tôi nhìn thấy đầu tàu vướng phải mìn, đổ nhào, kéo theo các toa xe. Cảnh quay vẫn tiếp tục cả khi những thùng xăng đổ bùng cháy, lửa khói bốc lên trời. Máy quay làm việc hết công suất. Tôi quay bằng ống kính tele.

Sau vụ nổ, đội du kích phải lập tức rút lui. Chúng tôi rút quân, một nhóm du kích có vũ khí bọc cho chúng tôi rút. Vụ nổ diễn ra tại vùng đồng bằng, xung quanh rất trống. Đó không phải là Việt Bắc, nơi có thể trốn vào rừng. Trong khi chạy, tôi lôi cuộn băng quay cảnh vụ nổ đoàn tàu ra khỏi máy quay, giấu trong ngực. Tối qua chúng tôi đã tráng phim, âm bản có vẻ tốt. Chúng tôi sẽ xem trên màn hình.

- Nếu cảnh quay thành công, nhất định chúng ta sẽ cho vào bộ phim *Việt Nam*. - Tôi nói. - Phim đen trắng cũng không sao. Trong bộ phim màu, nhất định cảnh này sẽ rất được chú ý. Đến Moskva, chúng tôi sẽ chuyển phim khô hẹp thành phim màn ảnh rộng.

Rời phòng thí nghiệm, chúng tôi đi ngang qua câu lạc bộ, nơi có khoảng 50 nam nữ thanh niên đang ngồi trên ghế băng dưới mái lán rộng. Trên bàn giáo viên bày biển trở điện, vận kẻ, các bộ phận của máy chuyên thanh. Một thanh niên đang cặm cụi vẽ lên bảng đen sơ đồ mạch điện, ghi các công thức phức tạp.

- Đây là lớp quay phim - đồng chí Khoa giải thích - một tháng nữa khóa đào tạo quay phim sẽ kết thúc. Chúng tôi nhận được 20 máy quay phim di động mới, quà tặng của Liên Xô. Các bạn trẻ sẽ đi về nông thôn, tới các đơn vị bộ đội chiếu phim.

NGUYỄN ĐÌNH THI – NHÀ THƠ – CHIẾN SĨ TRUNG ĐOÀN THỦ ĐỘ

- Còn đây là thế hệ trẻ nhất của những người làm công tác điện ảnh Việt Nam. - Khoa nói.

Đi về phía chúng tôi, một đoàn cháu nhỏ tuổi lớn nhất chừng lên bảy, xếp hàng đôi, từng đôi tay nắm tay nhau. Bỗng chất giọng lạnh lùng, các cháu hăng hái hát to bài hát *Vì nhân dân quê mình* – bài hát chiến đấu yêu thích của nhân dân Việt Nam. Các cháu được một cô giáo xinh xắn dễ thương dẫn đi, chốc chốc cô lại sửa sang hộ các cháu, cháu thì sửa xóc lại quần, cháu được vuốt lại bím tóc, cháu nào đó lại được cô chùi mũi. Nhìn thấy chúng tôi, các cháu phá hàng ngũ, tíu tít kêu to: “Bác Liên Xô!”, quây lấy chúng tôi, nép vào bên đùi chúng tôi. Chúng tôi bế mấy cháu lên, các cháu khác chen chúc quây chặt lấy chúng tôi, đưa những bàn tay xinh xắn níu lấy quần áo chúng tôi. Cứ như vậy, không buông tay ra, các cháu hộ tống các bác Liên Xô đến tận nhà, nơi lập tức một trong những hôm sắt nằm trong số được chiếc máy bay “Il-12” chờ qua một chặng đường dài từ Moskva tới, lấy ra một hộp kẹo sôcôla.

Trước cái vật kỳ lạ chưa từng thấy nơi rừng rú, các cháu nhỏ lập tức không còn riu rít nữa và lịch sự bắt đầu tỏ vẻ bàng quan đưa mắt nhìn đi đâu đó, chứ không phải nhìn vào hộp kẹo sôcôla. Với một thái độ thật đàng hoàng, cẩn thận, lần lượt từng cháu đưa tay vào hộp kẹo, rồi đứng sang bên cạnh nhường chỗ cho bạn. Số kẹo còn lại cùng với cái hộp được trao cho cô giáo.

Với bước đi mệt mỏi, Gienhia Mukhin vào nhà đặt chiếc mũ cối lên bàn, mỉm cười nhìn mọi người có mặt lên tiếng:

- Vậy là chúng ta lại gặp nhau.

- Công việc quay phim thế nào, Gienhia?

- Theo tôi, rất lý thú. Hội nghị chuyên về cải cách ruộng đất, có mặt các đại biểu của các dân tộc thiểu số, các tổ chức xã hội của mặt trận dân tộc. Tôi quay phát biểu của đồng chí Trường Chinh, cuộc trò chuyện của đồng chí ấy với các nông dân từ xa về.

Gienhia trở về thật đúng lúc. Vừa hay chúng tôi dự tính bắt tay vào thảo luận kế hoạch công

việc tiếp theo.

Chính phủ vừa cử hai cố vấn văn học đến giúp đỡ chúng tôi. Chúng tôi vui mừng đề nghị thêm vào mỗi nhóm của chúng tôi một cán bộ nhà văn Việt Nam hiểu biết đất nước, thực tế bối cảnh.

Một trong số ấy đã đến cơ sở của Khoa sáng nay. Người lính trẻ đặt chiếc ba lô xuống ghế băng, gỡ cái xà cột đeo trên vai xuống, đặt đôi tay ngăm ngăm mảnh dẻ lên bàn và mỉm cười với chúng tôi.

Ồ Nguyễn Đình Thi có nụ cười của một đứa trẻ hay e thẹn, cặp mắt đen mơ mộng.

Nguyễn Đình Thi là một trong những nhà thơ xuất sắc của Việt Nam, đại diện của thế hệ cách mạng trẻ của văn học Việt Nam. Anh đã tham gia các trận chiến đấu như một người lính và một cán bộ chính trị. Anh vốn là một trong các chiến sĩ của tiểu đoàn anh hùng, chiến đấu cho đến viên đạn cuối cùng trên đường phố Hà Nội, khi quân đội Pháp xâm lược nước Cộng hòa. Tiểu đoàn này về sau được xây dựng thành trung đoàn và vinh dự mang tên “Trung đoàn Thủ đô”, tham gia tất cả các trận chiến thắng lợi lịch sử của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Cùng với trung đoàn này, nhà thơ trẻ, chính trị viên Nguyễn Đình Thi cũng đi suốt con đường vinh quang của cuộc kháng chiến. Anh đã tham gia cả trận Điện Biên Phủ và hôm nay mới từ đó trở về để tham gia vào công việc của đoàn làm phim chúng tôi.

Bài hát *Diệt phát xít* của anh đã trở thành bài hát quần chúng nhân dân. Các chiến sĩ chiến đấu ở sông Hồng và sông Lô, ở Hòa Bình, Điện Biên Phủ đã hát bài hát *Người Hà Nội* của anh. Rời Hà Nội ra đi vào mùa đông năm 1947, anh đã viết:

Hồng Hà tràn đầy, Hồng Hà cuốn...

Hồng Hà gầm reo, thét lên “Xung phong!”

... trời Hà Nội đỏ máu...

Tôi đã yêu quý Thi dễ thương ngay từ cái nhìn đầu tiên, còn chưa dự đoán ra, sau này trong những ngày tháng lưu lạc trên các con đường chiến tranh của Việt Nam, cũng như sau nữa cả ở Moskva, hai chúng tôi đã được gắn bó với nhau bởi một tình bạn bền chặt như thế nào. gương mặt con người khiêm tốn, tài năng khiến tôi cảm thấy anh dường như là biểu tượng của cả tâm hồn trong sáng của nhân dân Việt Nam, lòng dũng cảm, sự gạt bỏ khỏi mọi cái gì riêng tư vì sự nghiệp chung của cuộc đấu tranh giải phóng.

NHẤT ĐỊNH PHẢI QUAY BẰNG ĐƯỢC CON HỔ CÒN SỐNG

Trong cuộc họp để bàn kế hoạch công tác, ngoài ba chúng tôi – Eshurin, Mukhin và tôi, tham gia còn có Khoa, Thi, Vân và hai người đồng chí – những người phiên dịch, các nhà quay phim Mai Lộc, Quang Huy. Về chuyến đi của Eshurin vào Khu Bốn, vấn đề đã được quyết định ngay ở Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ngày mai, Eshurin sẽ lên đường, còn lại, ở cuộc họp này chúng tôi đi vào cụ thể chuyến đi của anh.

Khu Bốn nằm ở phía Nam châu thổ sông Hồng, đó đã gần như là miền Trung Việt Nam. Khu Bốn bao gồm sáu tỉnh, ba trong số đó bị bọn thực dân chiếm đóng, các tỉnh đã được giải phóng hoàn toàn là Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, rất đông dân cư. Tỉnh Thanh Hóa về phong cảnh và kinh tế là điển hình cho Bắc châu thổ. Làng xóm rải rác ở vùng đồng bằng, sông lớn, chìm trong những rừng dừa. Ở đó, Eshurin sẽ quay cảnh các vườn dừa, vườn cà phê và vườn chuối. Thế giới động vật của Khu Bốn cũng phong phú. Eshurin dự kiến có khả năng quay được voi, chim vẹt, trăn. Ở trong vùng này có khá nhiều hổ và Volodia tuyên bố rằng anh sẵn sàng vượt mọi khó khăn để nhất thiết phải quay được một ông hổ sống cho phim chúng tôi.

Lên kế hoạch công tác cho Eshurin, chúng tôi chú ý đến các ý kiến tư vấn của đồng chí Hồ Viết Thắng. Nhất thiết phải quay các cuộc mít tinh của quần chúng nông dân đấu tố tội ác địa chủ.

Ở vùng này có nhiều di tích lịch sử của nhân dân Việt Nam, như đền thờ vị anh hùng dân tộc Lê Lợi, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nông dân thắng lợi vào thế kỷ XV. Ở huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, cần quay ngôi đền cổ thờ bà Triệu, vị nữ anh hùng của nhân dân Việt Nam. Bà là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa nhân dân chống quân xâm lược ngoại bang. Người ta gọi bà là “Jeanne d’ Arc”⁽²⁵⁾ của Việt Nam.

Đáng quan tâm nhiều là thành nhà Hồ, xây dựng từ thế kỷ IV, đánh dấu chiến thắng của nhân dân Việt Nam đánh bại phong kiến Trung Hoa, xâm lược đất nước. Bức tường thành này dài 150 mét, cao 11 mét, với cái cổng lớn và hình chạm khắc những con rồng trên mặt đá xanh – một trong những linh vật của nhân dân Việt Nam.

Hóa ra là chúng tôi sẽ chia tay với Volodia không ít hơn hai tháng. Chúng tôi hẹn với nhau, vào cuối tháng sáu tôi sẽ vào Khu Bốn để gặp lại anh.

Mukhin sẽ đi đến Điện Biên Phủ. Chúng tôi rất phiền muộn vì chuyến đi Việt Nam của chúng tôi bị trì hoãn nên chúng tôi không kịp quay giai đoạn kết thúc của chiến dịch lịch sử này. Kể ra thì Thi đã mang đến những thước phim do các nhà quay phim Việt Nam đã quay được. Giống như sự khiêm tốn của mọi người Việt Nam, anh ấy nói rằng anh không tin vào chất lượng kỹ thuật của những thước phim đã được quay này. Nếu như bây giờ Mukhin đến được ngay Điện Biên Phủ, anh sẽ có thể quay cảnh chiến trường đúng như cảnh xảy ra vào ngày đầu hàng của quân Pháp đồn trú. Ở đây, bây giờ vẫn còn lẫn lộn những chiếc xe tăng, máy bay bị tan xác. Các công sự bị đạn pháo binh Việt Nam cày xới vẫn chưa kịp phủ cỏ mọc. Ở Điện Biên Phủ vẫn còn nhiều binh lính và sĩ quan quân đội viễn chinh Pháp bị bắt làm tù binh.

Mukhin quay cảnh gặp gỡ giữa những người lính chiến thắng với dân chúng địa phương, với nông dân, từ những nơi ẩn nấp trên núi trở về làng xóm vừa được giải phóng của mình. Đây là dân tộc Thái – một trong những dân tộc đông nhất trong các dân tộc ít người. Mukhin giới thiệu với khán giả Xô Viết sinh hoạt của dân tộc này, anh ghi lại các bài ca và điệu múa của các cô gái Thái, nổi tiếng với dáng vẻ cân đối và sắc đẹp đặc sắc, hoang dã của mình.

Tôi cũng buộc phải chia tay với Thi một thời gian. Anh biết rõ Điện Biên Phủ, biết rõ đường đi tới khu Tây Bắc xa xôi này của Việt Nam, và tất nhiên, anh sẽ giúp nhiều cho Mukhin trong công việc.



MÁY BAY NÉM BOM XUỐNG CÁC THUNG LŨNG ĐANG NGỦ SAY CỦA VIỆT NAM

Buổi chiều trong Câu lạc bộ, dưới mái lá cọ, toàn bộ đội ngũ cán bộ điện ảnh tập hợp để gặp mặt với các nhà quay phim Xô Viết. Đồng chí Khoa, trong lời phát biểu khai mạc, đã nói về nền điện ảnh Xô Viết, về vai trò giáo dục to lớn của các bộ phim Xô Viết trong những năm kháng chiến của Việt Nam.

- Chúng tôi rất hạnh phúc khi biết các nhà làm phim Xô Viết đã đến để ghi lại cuộc đấu tranh của dân tộc chúng tôi, để kể cho cả thế giới về Việt Nam, về con người Việt Nam đang đấu tranh vì độc lập và tự do của dân tộc.

Mukhin, Eshurin và tôi kể cho các đồng chí có mặt về công việc của các nhà làm phim tài liệu Xô Viết và nhiệm vụ của chúng tôi trong chuyến đi này. Chúng tôi thực hiện bộ phim với sự cộng tác chặt chẽ của các nhà làm phim Việt Nam. Chúng tôi mong muốn sự hợp tác này sẽ khởi đầu cho tình hữu nghị giữa các nhà hoạt động nghệ thuật Xô Viết và Việt Nam.

Cuối buổi gặp mặt là chương trình văn nghệ. Các cán bộ điện ảnh trình diễn cho chúng tôi xem những điệu múa dân tộc qua sự thể hiện của đội văn nghệ không chuyên. Chúng tôi được nghe những bài dân ca. Một vài tiết mục hòa tấu do đội nhạc dây không chuyên biểu diễn. Cuối cùng, chúng tôi cùng nhau hát bài *Cachiusa, Đất nước rộng lớn của tôi...*, *Tiếng sóng gầm sông Dniepr...*, *Bài ca thanh niên*.

Hai lần chúng tôi nghe thấy tiếng keng – tín hiệu báo động máy bay trong khi xem chương trình văn nghệ. Ngay lập tức, máy phát điện di động ngừng hoạt động, những bóng đèn treo trong câu lạc bộ tắt phụt. Trong bóng tối, chúng tôi im lặng lắng nghe âm thanh gầm rú của máy bay ném bom của giặc đang bay trên cao qua những thung lũng và núi rừng Việt Bắc đang chìm trong giấc ngủ.

Sáng sớm, chúng tôi rời căn cứ. Eshurin bắt đầu chuyến đi với rất nhiều máy móc và phim. Chúng tôi đi cùng nhau thêm hai cây nữa. Chúng tôi chia tay cạnh ngôi nhà nông dân nằm trên ngọn đồi thoải thoải dưới bóng cây cao. Tôi và Mukhin rẽ phải, vượt qua ruộng lúa nước, qua một cánh đồng rộng. Con đường mòn Eshurin đi rẽ trái, mất hút trong rừng rậm. Mỗi người trong chúng tôi sẽ phải vượt qua một chặng đường dài trên đất nước Việt Nam, chặng đường nhiều khó khăn, nguy hiểm. Bao giờ chúng tôi mới gặp lại nhau đây? Chúng tôi ôm hôn nhau thăm thiết, như những người anh em. Chú ngựa trắng lùn lông lá lệch người vì 90 kilôgam đồ của Eshurin.

Chỉ khi người thanh niên trẻ thò hàng đi cuối cùng trong đoàn Eshurin mất hút, chúng tôi mới rời bước. Đôi quang gánh trên vai cậu ta đóng đưa nhíp nhàng hai thùng phim được bọc trong vải chống thấm nước.

- Đàng nào chúng ta cũng không kịp đến Bộ Tổng tư lệnh trước khi trời tối. - Đồng chí Khoa nói. - Tôi muốn đề nghị các đồng chí gặp gỡ với bác sĩ Phạm Ngọc Thạch. Các đồng chí sẽ tham quan và quay phỏng thí nghiệm của ông. Muốn vậy chúng ta phải đi vòng độ ba, bốn cây số...

Lần này thì đồng chí Khoa nói đúng. Mặc dù không đo chính xác khoảng cách đi bộ bằng vận tốc kế, tôi đã học được đo khoảng cách đi bộ bằng thời gian. Nếu đi bình thường, không gặp trục trặc, một giờ chúng tôi đi được khoảng ba cây số. Đây là đi đường bằng. Nếu đi đường núi, phải lội suối, nếu phải đi men bờ ruộng hẹp, vận tốc của chúng tôi giảm xuống còn hai cây số một giờ.

Tôi thật sự cảm ơn sự cẩn thận của mình: Trước khi rời Moskva, tôi đã thay mặt số chiếc đồng hồ Pobeda. Tôi đã không ngại phải tới nhà máy đồng hồ và yêu cầu thay mặt số thường bằng mặt số phát sáng. Trong những chuyến đi dài trong bóng tối của rừng rậm, tôi xác định chặng đường đã đi nhờ chiếc đồng hồ mà không cần tới đèn pin.

Những chiếc áo choàng trắng thấp thoáng qua rặng cây. Lọt vào khoảng đất trống trong rừng, chúng tôi nhìn thấy mấy ngôi nhà tre nứa. Trong nhà là những chiếc bàn dài, tủ kính với những ống nghiệm, kính hiển vi.

Và kia là bác sĩ Phạm Ngọc Thạch!

BỨC ĐIỆN CỦA VIỆN SỸ FILATOV⁽²⁶⁾

Đi về phía chúng tôi là một người mặc quân phục, áo xắn quá khuỷu tay, đầu trần. Khuôn mặt rám nắng, hơi ửng hồng vì nắng hiện rõ vẻ nhiệt tình. Bạn sẽ bị chinh phục ngay lập tức bởi đôi mắt của ông, đôi mắt ánh lên trí tuệ, nghị lực và sự nhân hậu. Con người ông thật đẹp đẽ, rắn rỏi, vui vẻ và trẻ trung, dù tóc ở thái dương đã điểm bạc và những nếp nhăn hơi hằn trên vầng trán rộng cho biết tuổi ông cũng phải ngoài 40.

Ông đề nghị chúng tôi nghỉ ngơi, nhưng chúng tôi yêu cầu được thăm phòng thí nghiệm.

- Nếu như có thể gọi ngôi nhà tranh này như vậy. - Ông cười và trả lời. - Ở đây, chúng tôi tiến

hành thực nghiệm trong điều kiện không điện, không tủ lạnh, thiếu những dụng cụ cần thiết. Điều kiện làm việc tất nhiên là rất khó khăn. Chúng tôi làm việc và tin rằng sẽ đến một lúc chúng tôi có một phòng thí nghiệm ở Hà Nội với tủ lạnh, tủ giữ nhiệt chạy điện. Khi đó chúng tôi sẽ tiếp tục công việc trong những điều kiện tốt hơn hiện nay. - Ông đang tay giải bày. - Còn bây giờ, mời các đồng chí tham quan.

Chúng tôi được thấy phòng thí nghiệm nổi tiếng Việt Nam của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, nơi đội ngũ những nhà khoa học trẻ tuổi nhiệt tình đang áp dụng vào cuộc sống những phương pháp mới của Viện sĩ Xô Viết Filatov.

- Thực ra, trong điều kiện núi rừng khắc nghiệt, thiếu điện và các thiết bị thí nghiệm cần thiết, chúng tôi không thể áp dụng phương pháp liệu pháp mô của Filatov đúng như ông thực hiện tại Liên Xô. Tiêm mô cho bệnh nhân ở chỗ chúng tôi là rất nguy hiểm, trong điều kiện không vô trùng được. Sau khi tiêm, người bệnh phải được nghỉ ngơi, ở đây ngay trong cuộc không kích sau đó, người bệnh có thể bị ném xuống bùn, xuống hố. Giải quyết thế nào đây? Chúng tôi buộc phải thay việc tiêm bắp bằng cách chế ra các ống thuốc sản xuất theo phương pháp Filatov. Đây là những ống thuốc đó. - Ông nói và dẫn tôi tới tủ chứa hộp đan bằng tre chứa đầy những ống thuốc đựng một thứ chất lỏng màu nâu.

Ở Việt Nam, người đầu tiên nghe nói đến phương pháp Filatov là bác sĩ Viên Tiến Thanh, ở miền Nam. Ông là Trưởng ban Quân y Khu IX. Trong nhà tù, nơi thực Pháp giam ông, tình cờ ông đọc được bài báo nói về phương pháp Filatov. Sau đó, nhờ trao đổi tù binh, bác sĩ Viên Tiến Thanh được giải thoát, ông kiếm được một cái tủ lạnh chạy điện và bắt tay vào việc. Ông chữa những bệnh ngoài da – bệnh phong, lupus, bệnh đường ruột, thấp khớp.

- Phương pháp Filatov phổ biến đầu tiên tại miền Nam. - Ông Phạm Ngọc Thạch kể. - Người đầu tiên được tiêm là một đội trưởng du kích ở Sài Gòn. Anh ấy bị ốm nặng, sáu tháng liền không thể cử động đôi tay cứng đờ, phải nằm bất động trên giường. Sau mũi tiêm đầu tiên, người bệnh đã có thể ăn cơm bằng đũa, sau một tuần đã bắt đầu đi được. Thành công chưa từng có này đã mở đường cho chúng tôi tiếp tục những thí nghiệm của mình. Hiện nay nhiều nơi trên đất nước chúng tôi đã có phòng thí nghiệm sản xuất những ống thuốc bỏ Filatov.

Nhiệm vụ quân sự hiện nay của chúng tôi là chiến đấu với bệnh sốt rét. Ở miền Nam, khi theo dõi động vật, tôi nhận thấy loài vật duy nhất không mắc bệnh sốt rét là trâu. Chúng tôi lấy lá lách, gan, não trâu và hòa chế phẩm của những bộ phận này trong dầu lạc, đóng thành ống. Trong số 292 người bệnh được chúng tôi chữa bằng loại thuốc này, có 80% khỏi bệnh. Có trường hợp người bệnh sau năm ngày bị sốt rét ác tính, chỉ sau một mũi tiêm đã khỏi hẳn.

Cũng có thất bại. Chúng tôi không có những điều kiện cần thiết để nghiên cứu khoa học. Từ lâu rồi, tôi đã định viết tỉ mỉ cho đồng chí Filatov để xin được chỉ dẫn, để kiểm nghiệm kết quả nghiên cứu... Tôi muốn gửi cho đồng chí ấy nghiên cứu khoa học của tôi, tuy còn chưa hoàn chỉnh, trong đó tôi kể về việc ứng dụng phương pháp của đồng chí ở Việt Nam trong những năm tháng chiến tranh gian khổ.

Chính phủ giúp đỡ chúng tôi rất nhiều. Hồ Chủ tịch rất quan tâm đến công việc của chúng tôi. Hiện tại chúng tôi đang suy nghĩ việc áp dụng phương pháp Filatov để chữa bệnh lao. Bệnh lao là một trong những hậu quả nặng nề của chế độ thực dân ở đất nước chúng tôi. Tôi tin rằng chúng tôi sẽ chiến thắng căn bệnh này.

- Tại sao đồng chí vẫn chưa viết thư cho Viện sĩ Filatov? - Tôi hỏi. - Tôi nghĩ rằng ông ấy sẽ rất vui mừng nếu biết phương pháp của mình được ứng dụng vào cuộc sống tại đất nước Việt Nam xa xôi.

- Tôi rất muốn viết thư cho ông ấy. Tôi e ngại rằng khoảng cách quá xa, thư của tôi có lẽ sẽ không đến nơi.

- Đồng chí hãy viết và đưa cho tôi, tôi sẽ chuyển cho Viện sĩ Filatov cùng với thư từ định kỳ của tôi gửi đi Moskva.

Ánh mắt ông ánh lên vẻ mừng vui.

- Tôi có thể viết ngay bây giờ ư? - Ông nhanh nhẹn hỏi. - Sẽ không mất nhiều thời gian đâu. Các đồng chí cứ nghỉ ngơi một lát, tôi sẽ viết.

- Vâng, nhất định rồi.

Ông ngồi xuống cái bàn kê bên. Tôi liếc nhìn ông. Ông viết rất nhanh, chỉ thỉnh thoảng lăm mơi ngừng lại suy nghĩ và viết mãi miết. Những lời muốn nói với người thầy yêu quý nơi xa xôi có lẽ đã nung nấu rất lâu trong đầu, được ông trăn trở nhiều trong những chuyến hành quân hàng nghìn cây số trên các nẻo đường chiến tranh của Tổ quốc.

Sau đó, tôi thường xuyên gặp gỡ với bác sĩ Phạm Ngọc Thạch. Ông vui như hội khi nhận được bức điện mà tôi mang theo trong túi xác cốt rất lâu mà chưa có điều kiện trao cho ông! Chúng tôi tình cờ gặp nhau trên đường mòn, tôi đưa cho ông mảnh giấy. Ông đọc, nước mắt giàn giụa:

“Đồng chí Phạm Ngọc Thạch thân mến, tôi rất vui khi nhận được thư của đồng chí. Tôi đã gửi một lá thư dài và một số bài báo của tôi cùng một số cuốn sách mỏng bằng tiếng Pháp cho đồng chí qua đường máy bay. Chúc đồng chí và các đồng nghiệp lập nhiều thành tích trong sự nghiệp phục vụ nhân dân mình.

Filatov”

Mấy tháng sau, khi đã im tiếng súng chiến tranh, tôi bước vào phòng thí nghiệm rộng rãi, tràn ngập ánh sáng của trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Bốn bên tường lắp lánh niken, kính, sáng lên với những chiếc tủ giữ nhiệt, tủ lạnh chạy điện. Không để mọi người thấy, tôi lặng lẽ quan sát bác sĩ đang say sưa làm việc với các trợ lý. Ông chợt trông thấy tôi, bước nhanh lại gần. Chúng tôi ôm nhau, tay nắm chặt tay mãi hồi lâu vẫn chưa tìm được câu nói để tiếp tục câu chuyện ban đêm dưới mái nhà tranh trong những tháng chiến tranh tại đây, tại Hà Nội vừa được giải phóng.

“TÔI BƯỚC VÀO CON ĐƯỜNG ĐẤU TRANH KHÔNG CHỨT DO DỪ”

Tôi đã thuyết phục bác sĩ Phạm Ngọc Thạch kể về tiểu sử của mình. Đây là những điều ông kể cho tôi:

- Tôi sinh ra trong một gia đình quan lại phong kiến. Cha tôi là một trong những người Việt Nam đầu tiên biết tiếng Pháp. Ông dạy học. Mẹ tôi thuộc dòng dõi hoàng tộc. Ông ngoại tôi là cháu vua Minh Mạng. Mẹ mất khi tôi mới 13 tuổi. Tôi học ở trường của Pháp, bằng tiếng Pháp. Thời trẻ, tôi không chịu ảnh hưởng phong kiến bởi cha tôi là người tôn sùng văn minh châu Âu, không thích những tập tục phong kiến. Tôi học tại Đại học Tổng hợp Hà Nội. Sau đó, tôi đến Paris tiếp tục học Y khoa, tốt nghiệp với tấm bằng bác sĩ. Tôi rất quan tâm đến đấu tranh chống bệnh lao và sau khi tốt nghiệp tôi làm việc một năm tại bệnh viện lao ở Paris. Tôi rất yêu mến nhân dân Pháp. Những năm tháng sống ở Pháp đã cho tôi thấy sự căm thù bọn thực dân không hề ảnh hưởng đến tình cảm của tôi đối với nhân dân Pháp.

Tôi chịu ảnh hưởng rất lớn của văn hóa tiến bộ Pháp, tôi đã đọc văn học thế kỷ XVIII, các tác phẩm của Voltaire, Rousseau, Diderot. Giờ, tôi nhận ra tư tưởng chủ nghĩa cộng sản không tưởng đã ảnh hưởng thế nào tới tôi hồi đó. Tôi yêu chủ nghĩa cộng sản nhưng tôi không hình dung được cụ thể nó là thế nào, có thể bởi tôi còn chưa biết về chủ nghĩa xã hội khoa học. Tuy nhiên, ước mơ cháy bỏng của tôi khi đó là tiếp cận phong trào chính trị ở Pháp, tham gia đấu tranh chính trị. Tôi tham gia các cuộc biểu tình cách mạng ở Paris, muốn tới Tây Ban Nha để chống phát xít. Giai đoạn đó tôi đã để ý đến

những người cộng sản, coi họ là những người đặc biệt. Khi mới 18 tuổi, tôi đã nghe nói về Liên Xô. Tôi đọc sách Xô Viết, đọc Henri Barbusse. Trong tôi, thiện cảm với những người cộng sản, với Liên Xô lớn dần lên, bởi tôi cảm thù sự bất công, bởi tôi thấy và cảm nhận được bằng cả trái tim, tổ quốc tôi đang quần quai dưới ách thống trị hà khắc của chế độ thực dân. Tôi trở về nước và làm bác sĩ ở Sài Gòn.

Năm 1941, khi bè lũ Hitler tấn công Liên Xô, tôi tìm đến với Đảng Cộng sản Đông Dương và xin được đứng vào hàng ngũ chiến đấu. Đó là gian đoạn khó khăn đối với tổ chức đảng ở Nam Bộ. Sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại, nhiều Đảng viên bị giết, tổ chức Đảng bị tàn sát. Tôi bắt đầu hoạt động Đảng. Thất bại của khởi nghĩa Nam Bộ buộc tôi phải suy nghĩ nghiêm túc hơn về mối quan hệ giữa trí thức Việt Nam và cách mạng. Tôi nhận ra con đường duy nhất của mình, mục đích của đời mình và bước vào con đường đấu tranh không chút do dự. Tôi đã chứng kiến các Đảng viên hy sinh trong thời kỳ khởi nghĩa, dũng cảm chịu đựng những đòn tra tấn trong đồn bắt thực dân. Tôi hiểu rằng chỉ khi đã là Đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương tôi mới có thể cống hiến sức mình, và nếu cần, hy sinh cả mạng sống của mình vì sự công bằng, tự do của dân tộc. Nhưng khi đó tôi vẫn chưa phải là Đảng viên.

Hàng ngày, đài phát thanh đưa tin về cuộc Chiến tranh Vệ quốc của Liên Xô. Đài Pétain⁽²⁷⁾ khẳng định: “Quân đội Đức đã tiến tới Moskva!” Thời kỳ đó thật khó khăn. Và tin tức về chiến thắng của các đồng chí đã khiến trái tim chúng tôi hân hoan biết nhường nào. Tất cả chúng tôi, những người yêu nước Việt Nam nhìn thấy ở Liên Xô sức mạnh vĩ đại, niềm tin vĩ đại vào sự nghiệp giải phóng dân tộc của mình.

Tôi ngày đêm chỉ nghĩ đến Đảng. Tôi hoạt động cách mạng mặc dù không phải là đảng viên, nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Marx-Lenin. Thời đó ở Nam Bộ phải khó khăn lắm mới có được những cuốn sách ấy. Tôi dần hiểu chiến lược và chiến thuật của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Năm 1944, chúng tôi thành lập tổ chức công nhân bí mật ở Sài Gòn và tôi tham gia hoạt động thực tế trong công nhân. Ngày 9 tháng 4 năm 1945, tôi được vào Đảng. Giai đoạn đó, Đảng Cộng sản sử dụng mọi hình thức đấu tranh công khai. Tôi được giao nhiệm vụ tổ chức đội “Thanh niên tiên phong”. Đó là một tổ chức bán công khai, gắn bó mật thiết với Đảng. Nên nhớ rằng ở Nam Bộ thời đó chỉ có vài cơ sở Đảng. Hàng trăm cán bộ lãnh đạo của Đảng bị giam cầm, lưu đày ngoài Côn Đảo. Trong hai tháng, phong trào thanh niên tiên phong lớn mạnh rất nhanh. Khẩu hiệu của tổ chức khi đó là: “Độc lập, thống nhất Việt Nam chống đế quốc”. Tổ chức tan rã, sau này nó trở thành tiền thân và hạt nhân của khởi nghĩa Nam Bộ năm 1945. Khi Pháp tăng cường chiến tranh ở Sài Gòn, tổ chức này là chỗ dựa trong cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam.

Kể từ lúc đó, tôi tham gia tích cực vào phong trào kháng chiến. Năm 1946, tôi được gọi ra Hà Nội giữ chức Thứ trưởng Ngoại giao trong Chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm 1948, tôi được cử làm đại diện ngoại giao tại Ấn Độ và Miến Điện. Trở về nước, tôi lại được điều vào Nam Bộ với tư cách Trưởng phái đoàn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ. Chúng tôi đi bộ vào Nam từ tháng 9 năm 1948 đến tháng 5 năm 1949. Tám tháng trời! Từ năm 1950, tôi là Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ, Trưởng ban quân bí mật của Sài Gòn, Chợ Lớn.

“TIỂU ĐOÀN CẨM TỬ”

Sài Gòn những năm đó là căn cứ phản công của Đông Dương. Dân số Sài Gòn những năm chiến tranh tăng từ 400.000 người lên hai triệu người, do tư sản, công chức tay sai của Hà Nội, Huế và các thành phố khác di tản vào. Sài Gòn – thành phố tiêu biểu của đất nước thuộc địa bị nô dịch, nơi bên cạnh những ngôi nhà cao tầng, những đường phố to đẹp là những ngôi nhà ổ chuột chen chúc. Sự sang trọng của những khu trung tâm và sự bần cùng của vùng ngoại ô, thói ăn chơi sa đọa của giới tư sản và sự nghèo khổ đến cùng cực của người lao động. Thành phố của những kẻ buôn lậu, sông bạc và hắc điểm – nguồn thu nhập chính của chính quyền tay sai. Thành phố của những người thất nghiệp và đói khổ, lang thang trên đường phố tìm kiếm công việc với thù lao rẻ mạt. Công nhân đem những đồng tiền ít ỏi phải lao động từ sáng đến tối mới kiếm được ném vào

sòng bạc với hy vọng mong manh được gặp may. Chỉ riêng sông bạc Kim Tiền hàng năm đóng thuế 200 triệu đồng Đông Dương – hơn cả ngân sách cả năm của Sài Gòn - Chợ Lớn. Một khoản tiền khổng lồ từ nguồn thu của các sông bạc chảy vào túi thành viên chính phủ bù nhìn. Vua Bảo Đại cũng nhận được 10 triệu Đông Dương từ nguồn tiền trên.

Để kiếm lợi, chính phủ bù nhìn đã gây ra những tội ác tày trời. Ngày 1 tháng 1 năm 1953, họ đã đốt 10.000 ngôi nhà của dân nghèo ở vùng cảng Khánh Hội. Hành động này của chúng nhằm hai mục đích: tiêu diệt các cơ sở đấu tranh bí mật nằm trong vùng này và lấy đất để xây dựng những ngôi nhà mới. Thành phố nhện nhíp các nhà tuyển mộ nhân công cho Pháp, tuyển mộ binh lính cho quân đội Bảo Đại, tuyển các cô gái cho hắc điểm. Có hơn 100.000 phụ nữ chính thức đăng ký trong các hắc điểm này. Nơi này tuyển những cô gái từ nông thôn không có việc làm. Và phần lớn vợ của các công chức vừa và nhỏ trong chính phủ bù nhìn đều hành nghề mại dâm.

Những triệu phú mới mới nổi nhớ thu những khoản lợi khổng lồ do đầu cơ, sống cuộc sống vương giả, tiêu tốn thời gian ngày và đêm tại các sàn nhảy, trong các nhà hàng sang trọng trên phố Rue Catinat, Rue d'Espagne, Quai de Belgique⁽²⁸⁾. Hơn một nửa ngân hàng của Sài Gòn dùng để nuôi cảnh sát. Nhà cảnh sát trên phố Rue Catinat, xung quanh bọc dây thép gai và lô cốt bê tông, giống như đồn bốt được gọi là “Cục 2”. Hàng trăm người tham gia kháng chiến, tất cả những ai bị tình nghi có cảm tình về nền dân chủ đều bị bắt đưa tới đây. Thực dân và chính quyền tay sai ngày càng đàn áp dã man và đẫm máu hơn trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng với sự tham gia của tất cả các tầng lớp nhân dân yêu nước Nam Bộ.

Hàng ngày trên đường phố Sài Gòn vang tiếng lựu đạn nổ, tiếng súng của đội biệt động. Tôi còn nhớ tiếng súng đầu tiên vang lên vào lúc năm giờ chiều trên đường Bonard⁽²⁹⁾. Cô gái 16 tuổi tên Lan đã bắn vào lưng kẻ phản bội, tên nhà báo tay sai Hiền Sỹ, cô nhận được nhiệm vụ của Quân ủy Khu Bảy. Giờ, cô gái 26 tuổi. Cô bị giam 10 năm trong khám Chí Hòa. Chúng tôi biết cô còn sống. Suốt những năm qua cô không hề khai nửa lời dù bị tra tấn.

Tháng 4 năm 1946, kho vũ khí bị nổ. Ba công nhân - cán bộ nằm vùng, những người thực hiện chiến công ấy, đã hy sinh trong vụ nổ. Trong kho chứa một phần ba số vũ khí của Sài Gòn. Lửa cháy và tiếng nổ suốt bốn ngày liền, làm rung chuyển cả thành phố.

Người dân Sài Gòn hợp thành những “tiểu đoàn cảm tử” có nhiệm vụ trừng phạt bọn thực dân và phản động. Nhiều chiến sĩ quả cảm ấy đã hy sinh anh dũng trong cuộc đấu tranh này. Một thành viên của Ủy ban thường trực công đoàn Sài Gòn, thợ điện, đồng chí Tư bị bắt trên phố. Đám đông xúm lại tại nơi bắt bớ. Đồng chí Tư vùng khỏi tay cảnh sát, hướng tới đám đông, giọng sang sảng tố cáo những kẻ phản bội và bọn thực dân. Anh đã bị bắn chết ngay tại chỗ.

Không có một con phố nào, không có một nhà hát nào của Sài Gòn không vang lên tiếng súng của biệt động, không xảy ra các vụ nổ lựu đạn, nơi thực hiện bản án của nhân dân Việt Nam đối với kẻ thù. Ngay tại trung tâm thành phố, trên đường Rue de Catinat, năm 1950, tên thực dân khét tiếng, Cục phó cảnh sát thanh trừng toàn vùng Đông Dương, kẻ chủ mưu cuộc đàn áp dã man chống lại cộng sản những năm 1930-1940, tên Bazin đã bị bắn chết.

Trong rạp hát lớn nhất “Sài Gòn”, khi đang chiếu một bộ phim Mỹ dành riêng cho các sĩ quan hải quân, ba cô gái đã ném lựu đạn giết và làm bị thương mấy chục sĩ quan Pháp và bọn tay sai. Các cô bị giặc bắt. Cô gái 20 tuổi tên Phụng bị xử bắn, hai cô kia bị tù khổ sai chung thân.

Một trong những đặc điểm của hoạt động bí mật ở Sài Gòn là sự tham gia của đông đảo các chị, các mẹ. Phần đông trong số họ đảm nhiệm việc giữ liên lạc giữa thành phố và các căn cứ du kích. Đây là công việc rất nguy hiểm, cái chết luôn rình rập họ mỗi bước. Nhiều người trong số họ bị rơi vào tay giặc, nhưng thậm chí dù bị đòn roi tra tấn, không ai trong số họ khai ra tổ chức.

Phong trào bí mật lan tỏa, lớn mạnh bất chấp sự kinh hoàng của Cục 2 trên đường Rue de Catinat gây ra đối với người dân. Bọn thực dân sử dụng những biện pháp đặc biệt dã man đối với đàn bà, con gái. Chúng đổ nước vào miệng và đập chân vào bụng. Chúng đổ nước muối vào mũi,

miệng, nhúng tay vào xăng rồi đốt. Chúng giam giữ vài ngày liền hàng trăm người trong phòng giam chỉ dùng cho 10 người. Nhiều người chết trong tư thế đứng. Hàng nghìn người bị giết ở Sài Gòn, nhưng một người ngã xuống lại có hàng trăm người khác lại đứng lên.

Tiểu đội trưởng “đội cảm tử” bị rơi vào tay giặc. Vài giờ trước khi bị treo cổ anh đã dùng máu viết một lá thư cho Hồ Chủ tịch, nói lên lòng trung thành với Đảng và nhân dân. Đồng chí Túc, 17 tuổi đã bắn chết Bộ trưởng tay sai Vương Hoàng Nhuận. Không hề khai nửa lời, anh đã bị tra tấn đến chết.

Cô gái trẻ Châu Sa, Chủ tịch hội “Cứu quốc” là một tấm gương sáng của biệt động. Cô bị hành hạ đánh đập suốt ba tháng liền, bị bắt ký biên bản hồi cung. Suốt thời gian đó, cô không khai nửa lời.

Còn biết bao nhiêu các em nhỏ đã chiến đấu cùng người lớn. Giờ đây, họ đã là những người lính trưởng thành. Các em làm công tác liên lạc và bố mẹ các em không hề ngăn cản các em đấu tranh.

CUỘC BIỂU TÌNH THỂ HIỆN LÒNG CĂM THù KHÔNG ĐỘI TRỜI CHUNG VỚI LỮ THỰC DÂN

Hàng năm, người dân Sài Gòn đều kỷ niệm ngày độc lập, ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong những ngày này, nhà và cửa hàng đều đóng cửa, chợ vắng tanh, cửa ra vào, cửa sổ và ban công đều đóng kín. Mọi người thắp hương trên bàn thờ, trên nhiều nóc nhà có treo cờ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Những ngày này công dân bị buộc phải đi làm, nhưng tại nơi làm việc họ đình công theo cách riêng: phá công cụ, phá máy.

Từ năm 1945 đến năm 1951, người dân từ chối treo cờ Pháp ở ban công và cửa sổ nhà mình. Và chỉ vào năm 1951, khi chính quyền Pháp tuyên bố sẽ trừng trị những người không chịu treo cờ ba que, nhân dân mới chịu “khuất phục”, họ làm những lá cờ giấy kích thước nhỏ bằng bao diêm và treo ở cửa sổ để “thi hành lệnh” một cách hình thức, nhưng thực chất vẫn tiếp tục đấu tranh, coi thường chính quyền.

Ngày 19 tháng 3 năm 1950 - ông Phạm Ngọc Thạch kể - trở thành ngày biểu tượng cho cuộc đấu tranh cách mạng không khoan nhượng của người dân Sài Gòn. Ngày hôm ấy, trong thành phố theo lịch có cuộc diễu binh của binh lính thuộc hải đoàn Mỹ. Buổi sáng, hàng nghìn người Sài Gòn tập trung mít tinh tại đường Gallini⁽³⁰⁾. Cờ đỏ sao vàng bay trên đầu đoàn người. Sau cuộc mít tinh đoàn biểu tình hàng nghìn người mang theo khẩu hiệu: “Đả đảo chia cắt!”, “Nước Cộng hòa Dân chủ muôn năm!”, “Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm!” tiến ra cảng chờ những con tàu đậu. Trên các đường phố, người ta xé cờ thực dân treo tại nhà. Họ xông vào nhà hàng và đánh sĩ quan Pháp, Mỹ và tay sai. Cuộc biểu tình lớn và ấn tượng đến mức chính quyền Pháp thậm chí không dám giải tán. Buổi chiều trước cửa khách sạn De Ville, hàng nghìn người tập trung, bao vây đội cảnh sát, cướp vũ khí, đánh đuổi cảnh sát, lật đổ tàu điện, xây chiến lũy. Đến tối cả thành phố đỏ rực cờ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Quân đội Pháp tập trung tại các cửa ngõ thành phố, nhưng không dám vào thành, Sài Gòn đã nằm trong tay nhân dân. Nhà của bọn phản bội bốc cháy. Chỉ tới 12 giờ đêm, thành phố mới trở nên vắng vẻ, yên lặng, người dân đóng cửa trong nhà và sáng ngày 20 tháng 3 tàu của hải đoàn Mỹ – tuần dương hạm chở đô đốc và ba tàu phóng ngư lôi đã rời Sài Gòn.

Năm 1950 là năm phong trào đấu tranh lên cao. Năm học 1949-1950, người Pháp đóng cửa trường học. Học sinh sinh viên đòi được đến trường. Ngày 9 tháng 1, năm 1950, đoàn biểu tình của học sinh sinh viên tất cả các trường đã tiến về dinh thự riêng của Thủ hiến Nam Kỳ Trần Văn Hữu. Rất đông cảnh sát tấn công đoàn biểu tình, trên phố diễn ra những trận chiến thật sự, kết quả là học sinh Trần Văn Ôn đã bị giết chết.

Hàng chục nghìn người dân tiến về nơi đặt thi thể Trần Văn Ôn. Cũng vào ngày hôm đó, công nhân và công chức Sài Gòn tuyên bố tổng bãi công. Xe kéo chở người miễn phí từ ngoại ô vào trung tâm thành phố, tới trường. Hoa được bán trên khắp các đường phố và quảng trường với giá thấp hơn ngày thường.

Có khoảng 500.000 người tham gia lễ tang. Đoàn người đi thành hàng trật tự. Tiểu thương, công chức, công nhân, lái xe. Học sinh sinh viên nhận nhiệm vụ bảo vệ trật tự trên đường xe tang đi qua. Hàng nghìn người bước qua hàng lính cầm súng không dám nổ súng. Xe tăng trấn giữ ở mọi ngã ba ngã tư. Sau lễ tang mọi người trật tự ai về nhà nấy. Đó là cuộc biểu tình lớn nhất thể hiện lòng căm thù không đội trời chung với bọn thực dân, lòng trung thành với chế độ Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Kể từ đó ngày 9 tháng 1 được coi là ngày học sinh, sinh viên trên cả nước. Vào ngày đó, tại tất cả các thành phố bị Pháp chiếm đóng, học sinh, sinh viên bãi công và được công nhân, công chức ủng hộ.

Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch bắt đầu tiểu sử của mình bằng câu chuyện này. Không biết từ lúc nào ông chuyển sang kể về cuộc đấu tranh của người dân Nam Bộ – cuộc đấu tranh không khoan nhượng của người dân Sài Gòn, khiêm nhường không nhắc gì đến vai trò lãnh đạo tổ chức Đảng bí mật của mình ở Sài Gòn.

- Đồng chí đóng vai trò gì trong những sự kiện đó?

- Tôi là một phần của dân tộc tôi. Những ngày khó khăn nhất trong cuộc đời đấu tranh cách mạng tôi luôn luôn cố gắng thể hiện ý chí của dân tộc, khát vọng của dân tộc, đi cùng dân tộc.

Im lặng một lúc, ông nói thêm:

- Năm 1953, Ban Chấp hành Trung ương Đảng gọi tôi ra Bắc. Đoàn chúng tôi gồm 20 Đảng viên. Chúng tôi đi bộ vượt rừng, vượt núi, đi đêm đi ngày. Chúng tôi đi sáu tháng trời. Ở những vùng nguy hiểm, sát đồn bắt giặc Pháp chúng tôi chia nhau ra mà đi, rồi lại tập hợp lại. Tôi mang theo 20 cân gạo và 10 cân hành lý, trong đó có hai bộ quần áo bằng giấy, màn, võng, áo mưa, nôi, sách vở trong đó có cuốn về phương pháp Filatov.

Tôi được biết về Filatov khi tôi còn ở Nam Bộ năm 1952. Trong suốt chặng đường gian khổ từ Nam Bộ ra tới Việt Bắc, tôi đã suy nghĩ rất nhiều đến việc áp dụng phương pháp Filatov trong nền y học của chúng tôi. Tôi trăn trở làm sao để học thuyết của Filatov có thể phục vụ nhân dân và quân đội của đất nước tôi trong những năm kháng chiến.

Dọc đường đi, tôi quan sát lũ trâu. Dần dần, tôi nghĩ đến việc cần thiết phải sử dụng khả năng miễn dịch vô điều kiện của trâu để chống sốt rét. Khi ra đến miền Bắc tôi đã thành lập phòng thí nghiệm đầu tiên, của mình và lao vào làm để kiểm chứng bằng thực nghiệm tất cả những kết luận và suy đoán mà tôi đã rút ra trên đường đi.

Đầu tiên tôi tiêm thuốc Filatov cho bản thân. Lúc đó, sau sáu tháng đi bộ từ Nam ra Bắc, tôi rất yếu. Tôi cảm thấy khá hơn, cảm thấy sức lực tăng rất nhiều. Ban đầu, tôi làm thuốc ống chế từ gan trâu tán thành bột và phơi khô. Hiện nay, chúng tôi chế thuốc từ nguyên liệu chưa phơi khô, nguyên liệu thô – chúng tôi đem lá lách và óc trâu tươi ngâm trong dung dịch nước muối. Bộ y tế hiện nay đã sản xuất loại thuốc này ở nhiều nơi của Việt Nam.

“HÀNG TRĂM NGƯỜI NHẮC ĐẾN TÊN ĐỒNG CHÍ VỚI LÒNG BIẾT ƠN”

- Đồng chí mơ ước điều gì vào lúc này? - Tôi hỏi ông.

Suy nghĩ một lúc, ông trả lời:

- Tôi mới được thông báo rằng Chính phủ có một chiếc tủ lạnh chạy bằng xăng, hoạt động mà không cần điện. Chúng tôi sắp được nhận nó. Điều này sẽ giúp đẩy mạnh các thực nghiệm của chúng tôi lên một tầm cao mới. Tôi muốn tiến xa hơn. Thực nghiệm cho thấy chúng tôi đang đi đúng hướng. Chúng tôi làm theo học thuyết Filatov, áp dụng trong điều kiện khó khăn. Tôi không thể và không muốn khẳng định rằng chúng tôi đã có đóng góp gì đó cho khoa học, chúng tôi chỉ áp dụng trong những điều kiện buộc chúng tôi phải đi theo một hướng khác hơn, không giống với thực tiễn của Filatov. Tôi mơ ước điều gì ư? Tất nhiên là tôi mơ một phòng thí nghiệm với những điều kiện tối thiểu, cần thiết để nghiên cứu khoa học. Và tất nhiên, ước mơ sâu kín nhất của tôi là được gặp gỡ với đồng chí Filatov, để kể về công việc của chúng tôi, hỏi ông hàng trăm câu hỏi mà tôi quan tâm, hiểu sâu hơn những công trình của ông ấy.

- Đồng chí đã viết thư chưa?

- Thưa đây. - Ông nói và đưa cho tôi tờ giấy gấp tư. - Tôi viết bằng tiếng Pháp. Vladimir Filatov biết tiếng Pháp.

Thư bác sĩ Phạm Ngọc Thạch gửi Viện sĩ Filatov:

“Đồng chí Filatov kính mến,

Hàng trăm người Việt Nam – nông dân, bộ đội, du kích, hàng trăm người đã lành bệnh nhờ phương pháp của đồng chí, đã nhắc đến tên đồng chí với lòng biết ơn!

Tôi không có nhiều thời gian, do vậy chỉ viết ngắn gọn cho đồng chí những kết quả dựa trên các số liệu đã được kiểm nghiệm.

Chúng tôi đã đạt được kết quả trong việc điều trị bệnh bại liệt trẻ em. Chúng tôi đã có thể giúp những người mắc chứng mất ngủ do hậu quả của thần kinh căng thẳng. Có ba trường hợp đã khỏi bệnh tim.

Đồng chí Filatov kính mến! Phương pháp của đồng chí đã giúp chúng tôi có thể giải quyết những vấn đề y học quan trọng trong điều kiện thiếu thuốc. Phương pháp của đồng chí đã mở ra những khả năng mới cho y học, vật lý trị liệu. Tôi tin rằng trong tương lai chúng tôi sẽ đạt được những thành công lớn hơn, bởi tôi, một nhà thực nghiệm, đã chứng kiến những kết quả tốt đẹp.

Thiếu tài liệu được dịch ra tiếng Pháp về thành tựu của nền y học Xô Viết khiến chúng tôi không thể theo dõi thường xuyên sự phát triển của nền khoa học tiên tiến.

Tôi đang ở một nơi rất xa đồng chí. Tôi sẽ rất vui mừng nếu được đồng chí giúp đỡ. Đến tận hôm nay tôi vẫn phải tìm kiếm, lần mò. Chúng tôi đã tự mình thực hiện những thí nghiệm đầu tiên, chúng tôi rất cần những lời khuyên cụ thể của đồng chí, và trên cơ sở những kết quả đầu tiên của mình, chúng tôi muốn biết ý kiến của đồng chí về các nghiên cứu của chúng tôi. Tôi đã nhờ đồng chí Karmen chuyển tới đồng chí lá thư này. Trong những dòng ngắn ngủi này tôi muốn nói rằng tôi tin vào nền khoa học Xô Viết, nền khoa học nhằm mục đích phục vụ nhân dân, dựa trên những quy luật vĩ đại của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Chúng tôi, những bác sĩ Việt Nam, nguyện cống hiến toàn tâm toàn lực cho công cuộc giải phóng dân tộc, đấu tranh vì hòa bình. Trong cuộc đấu tranh này chúng tôi luôn nhận được sự ủng hộ của các đồng chí Liên Xô. Tôi mong có dịp được gặp đồng chí để nói với đồng chí những tình cảm của mình.

Phạm Ngọc Thạch”

Xé một tờ giấy trong cuốn sổ ghi chép, tôi viết vài dòng cho Viện sĩ Filatov. Tôi kể về bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và đề nghị đồng chí Filatov trong điều kiện có thể gửi bản đánh máy bằng tiếng Pháp công trình nghiên cứu của mình nếu có.

Tôi nhét bức thư vào xác cốt, đứng dậy và tạm biệt ông.

- Tôi buộc phải giữ các đồng chí lại khoảng 20 phút. - Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch nói. - Tôi phải thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ giao. Tôi được yêu cầu phải kiểm tra sức khỏe của những người bạn Xô Viết.

- Để làm gì? - Chúng tôi phản đối. - Chúng tôi thấy rất khỏe, đã quen với khí hậu, và lại mỗi phút đều quý báu với chúng tôi.

- Các đồng chí đừng nên nói trước! Các đồng chí không thể biết là khí hậu nhiệt đới phản tác dụng nào đâu. Tôi buộc phải kiên quyết. - Ông vừa cười vừa nói về cương quyết, tay mở hộp dụng cụ... Bất tay chúng tôi lúc tạm biệt, ông nói:

- Sức khỏe của các đồng chí khiến tôi rất mừng. Tôi chúc các đồng chí tới đây vẫn khỏe như thế này. Áp huyết bình thường, sức khỏe tốt. Các đồng chí nên cẩn thận, đừng làm việc quá sức. Cố gắng ăn uống cẩn thận. Uống kỹ ninh thường xuyên. Hãy nhớ rằng bệnh sốt rét không tha những cơ thể mệt mỏi. Và dứt khoát không được ngủ không màn, buổi chiều không mặc quần cộc, không xắn tay áo. Để tôi tiễn các đồng chí.

Ông tiễn chúng tôi trên đường mòn khoảng hai cây số.

Chia tay ông, chúng tôi mấy lần ngoái lại – ông đứng ở bìa rừng, thân thiện vẫy tay. Từ xa, chúng tôi vẫn cảm thấy sự lôi cuốn mãnh liệt ở con người tuyệt vời ấy.

MÁY QUAY LUÔN TRONG TAY

Chúng tôi tiếp tục đi. Con đường mòn chật hẹp khiến người ta cảm thấy cô đơn, bởi chúng tôi đi nối đuôi nhau, mỗi người cách nhau vài mét, và đi như vậy không thể nói chuyện được. Chỉ thỉnh thoảng mới có dịp nói to với người đi trước hoặc chậm bước để trao đổi vài lời với Vân đi sau. Rồi lại một mình mài miết hàng cây số trên đất Việt Nam. Nhưng bù lại tôi được thoải mái suy nghĩ! Cái yên lặng ban ngày ối ả trong tiếng rì rào khe khẽ lẫn với tiếng kéo kẹt của những thân tre, tiếng ve kêu, tiếng suối róc rách. Có thể thông thả suy nghĩ về mọi thứ – về Moskva, về bạn bè, về các cảnh quay. Công việc cho thời gian trước mắt đã được bàn kỹ, lịch quay đã được sắp xếp. Nhưng cuộc sống tất nhiên sẽ có những điều chỉnh lớn và quan trọng trong kế hoạch của chúng ta, trong kịch bản phim.

Một nguyên tắc quan trọng nhất để làm phim tài liệu là phải quan sát kỹ cuộc sống xung quanh, tìm ra trong hàng nghìn hiện tượng điều quan trọng, đặc thù và điển hình. Phim tài liệu không thể thiếu những bước phác thảo, những cảnh quay sống động có thể xuất hiện bất cứ lúc nào trong chuyến đi. Nếu gặp điều gì đó thú vị trên đường đi, nhất định phải ghi lại. Không bao giờ được nghĩ: “Ta sẽ còn gặp lại cảnh này nhiều, sẽ kịp quay...” Bởi vậy máy quay không được để trong vỏ, nằm đâu đó phía cuối đoàn người, tôi luôn cầm máy quay trên tay.

Dọc đường tôi quay rất nhiều. Đôi khi đó là một phong cảnh có màu xanh của đồi nương, màu xanh thẫm của dãy núi xa xa lẫn trong những đám mây hình thù không bao giờ trùng lặp. Phải chiến thắng sự mệt mỏi, dừng lại và quay. Có thể có cảnh đẹp hơn, nhưng cảnh như vậy sẽ không bao giờ còn gặp lại. Phải quay!

Chúng tôi đi ngang qua ruộng lúa, nơi các cô gái đang cấy mạ. Các thiếu nữ thật đẹp. Sau lưng họ, trên nền ruộng lúa là rừng cọ trải dài, soi mình lên mặt ruộng như chiếc gương. Trên đường chúng tôi sẽ gặp nhiều ruộng lúa, thiếu nữ và rừng cọ. Tuy nhiên tôi vẫn quay. Lần này không chỉ một cảnh mà nguyên một đoạn.

Biết bao là tình yêu và sáng tạo trong lao động của các cô thôn nữ đang thoăn thoắt, khéo léo cắm những cây mạ non xanh mướt mỏng manh xuống lớp bùn nhão nằm dưới làn nước đục. Tôi quay cận cảnh khuôn mặt những cô gái, đôi tay khéo léo, những hàng mạ non trắng tấp rung rinh trong gió nhẹ. Hết phim, tôi thay phim mới.

Chúng tôi đi tiếp. Sau mấy cây số, chúng tôi chú ý tới một công trình thủy năng trên con suối nhỏ. Tôi quay “cái máy” giã gạo, hoạt động nhờ dòng nước chảy. Một khúc gỗ to được buộc vào trục, kiểu như cần gàu bên giếng. Đầu ngắn hơn của đòn bẩy gắn với máng nước hứng nước suối chảy vào theo ống xối. Khi máng đầy nước, sức nặng của nước kéo nó xuống và đầu kia của khúc gỗ được gắn một cái chày, sẽ từ từ kéo kẹt nâng lên. Máng nước đầy bị sức nặng kéo xuống nghiêng đi và nước đổ tràn ra. Đầu dài của đòn bẩy lại rơi xuống, chày đâm vào một cái cối chứa đầy thóc. Máng nước lại đầy, sức nặng lại kéo nó xuống. Chày gỗ cứ như vậy chậm rãi giã vào cối, làm tróc vỏ thóc. Những hạt gạo sau đó được sàng sảy, trắng sáng như tuyết.

Bên cổ máy đơn giản là một ông già đang trầm tư. Khuôn mặt nâu sạm của ông hằn sâu những nếp nhăn. Dưới chiếc mũ rơm rộng vành, ngời trầm tư đôi mắt đang nhìn chúng tôi là đôi mắt của một con người đã sống một đời dài lao động, giờ đây đã không còn sức để lao động nặng nhọc nữa. Ông già ngồi hàng giờ ở đó, nhìn máng nước và chày giã gạo, nghe tiếng nước róc rách, tiếng chày giã đều đều.

Chỗ khác chúng tôi lại quay cảnh một tốp nông dân đang cày ruộng. Con trâu chậm chạp bước. Nước, chính xác hơn là một thứ bùn lỏng bông, ngập đến bụng trâu. Con trâu trầm tư ngúc ngắc đầu, đôi khi nó sục mõm xuống, nước ngập đến tai. Người nông dân khó nhọc rút đôi chân khăng khiu khỏi bùn, giục giã trâu bước nhanh. Người đi sau con trâu giống như một bộ xương được quần chặt bằng một lớp giấy dầu màu nâu. Quần áo anh ta rách rưới, xám xịt, vá chằng vá đụp, chẳng đủ che thân.

Những người nông dân Việt Nam thật vất vả. Họ phải đổ biết bao sức lực trên đồng ruộng, vậy mà cũng chỉ thu được những hạt lúa ít ỏi. Không có loại cây nào đòi hỏi chăm bón nhiều như cây lúa. Đầu tiên, người ta phải gieo nó ở một khoảng ruộng riêng. Trong khi chờ mạ mọc, người nông dân phải cày, bừa, làm đất. Sau đó phải cấy mạ xuống ruộng. Phải mất bao công sức để giữ đủ nước cho lúa! Có hẳn một hệ thống dẫn nước phức tạp, thông minh dẫn nước từ ruộng này sang ruộng khác, tới hàng nghìn thửa ruộng nằm trong thung lũng, trên sườn đồi. Ta có thể gặp ở khắp nơi hệ thống tưới tiêu lạ lùng bắt đầu từ sườn đồi, dẫn nước đến tất cả các thửa ruộng nằm dưới thung lũng một cách thông minh, đâu ra đấy.

Đôi khi, nước được dẫn vào những thửa ruộng lúa nước bằng cách khác. Không phải bằng bơm, không dùng máy. Cứ hai người và một chiếc gàu, họ tát nước từ sáng sớm đến chiều tối, bằng cách đó, họ đưa nước từ ruộng thấp lên ruộng cao. Biết bao là công sức! Tôi ghi lại cả cảnh này.

RỪNG DƯỚI ÁNH TRĂNG

Tôi quay đoàn người gánh hàng đi ngược chiều. Tôi quay những con cò trắng trên đồng lúa. Đồng chí Hồ Viết Thắng nói với chúng tôi khi kể về cái cách ruộng đất.

- Các đồng chí hãy quay những cánh cò trên ruộng lúa. Cò là loài chim quý, là người bạn thân thiết của người nông dân. Cò tiêu diệt ếch nhái, những côn trùng gây hại trên đồng lúa. Có rất nhiều bài dân ca về loài cò trắng trên ruộng lúa, sỏi cánh trên mảnh đất Việt Nam.

Những cảnh quay ngắn lúc đi đường chiếm hết ngày làm việc của chúng tôi. Sau mỗi cảnh quay tôi ghi chú cẩn thận trong sổ tay nội dung cảnh quay, họ tên những người được quay, vị trí đoạn phim. Sau đó những đoạn phim quay dọc đường này sẽ được lên khuôn, trở thành một phần trong bộ phim sắp tới.

Thình thoảng chúng tôi dừng lại nghỉ ngơi chốc lát. Chúng tôi trải tấm vải dù loang lổ ra đất. Trên đó xuất hiện một nải chuối vàng ruộm. Một người trong đoàn khéo léo dùng dao gọt dừa.

Trên đời không có loại quả nào thơm ngon và mọng nước hơn dứa. Những lát dứa vàng tan ra trong miệng. Chúng tôi thấy tinh táo và khỏe khoắn hẳn ra!

Dứa và chuối ở Việt Nam mọc rất nhiều. Trong vườn của người nông dân nào cũng có vài buồng chuối trĩu quả. Và chỉ cần có người đi mệt mỏi dừng chân bên nhà, ngay lập tức ông chủ hay bà chủ sẽ đem tới cho một nải chuối.

Trời tối dần. Đến trụ sở Bộ Tổng tham mưu, theo đồng chí Khoa thông báo, chúng tôi phải đi khoảng gần sáu cây số nữa.

- Hay chúng ta ngủ đêm đầu đây? - Đồng chí Khoa hỏi. Hôm nay, chúng tôi có một ngày vất vả. Chúng tôi ở chỗ bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, quay phòng thí nghiệm của ông, quay rất nhiều cảnh dọc đường. - Chắc các đồng chí đã mệt rồi. Hôm nay các đồng chí đã quay bao nhiêu thước phim?

Tôi nhìn vào số – 140 mươi mét. Lúc này, khi trời đã tối, có thể cho máy quay vào vỏ được rồi.

- Hôm nay quay như vậy đủ rồi. Giờ chúng ta sẽ đi một mạch. - Tôi nói. - Chúng ta sẽ không tìm chỗ ngủ dọc đường. Đến trụ sở của Bộ Tổng tham mưu chúng ta hằng nghỉ.

Dưới ánh trăng, cảnh vật thay đổi đẹp đến bất ngờ. Những lá cọ như những chiếc quạt, lấp lánh ánh bạc, như phát sáng. Trăng chiếu trên mặt nước. Dưới ánh trăng, khu rừng trở nên huyền bí. Khi con đường mòn đi sâu vào trong đám cây rừng, tôi lại bắt gặp cảm giác kỳ bí quen thuộc của thiên nhiên xung quanh – những thân cọ khổng lồ thẳng đứng, những thân cây dây leo quấn chằng chịt, nghiêng mình soi bóng trên mặt suối lấp lánh ánh trăng, những bụi liễu rủ rậm rạp...

Con đường mòn rộng ra, tôi có thể đi bên cạnh Vân. Cậu kể tôi nghe nam nữ thanh niên Việt Nam đón Tết Trung thu ra sao. Đêm đó trăng tròn, đẹp nhất trong năm, thanh niên nam nữ dạo chơi bên cổng làng. Theo truyền thống họ sẽ có cuộc đối thơ và hát đối. Các thiếu nữ hát một bài, trong bài hát này họ “khinh khi” các chàng trai, hạ thấp người con trai.

“Em như hoa gạo trên cây

Anh như một đám cỏ may giữa đường”

Các chàng trai đối lại:

“Lạy trời cho cả gió sương

Hoa gạo rụng xuống, lại luôn cỏ may”

Và như thế nối tiếp câu chuyện của Vân, trăng cứ lên cao mãi, cao mãi, ánh sáng cảm thạch chiếu trên thung lũng, những sợi chỉ bạc xuyên qua kẽ lá chiếu sáng những khoảng trống tối đen trong rừng rậm, nơi lập lờ những chú đom đóm, nơi chúng tôi vừa đi vừa tính những cây số cuối cùng phải vượt qua.

TỔNG TƯ LỆNH QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÕ NGUYÊN GIÁP

Sáng ra chúng tôi mới có dịp ngắm nghía chỗ mới. Phòng khách của Bộ Tổng tư lệnh vẫn là một ngôi nhà bằng tre, nhưng tiện nghi hơn một chút, dùng để đón khách. Sàn nhà cách mặt đất một đoạn, nối bằng một chiếc thang rộng, sàn nhà bằng gỗ. Trong phòng khách có mấy chiếc ghế đặt xung quanh một chiếc bàn thấp. Trên tường treo bức tranh mô tả một trận đánh tại đường phố Hà Nội. Cận cảnh là một chiến sĩ của trung đội tự vệ đang ngắm bắn từ công sự. Bức tranh được vẽ trên gỗ, với một phong cách rất đặc biệt. Chủ nghĩa hiện thực sống động và sâu sắc kết hợp với hình thức thể hiện đặc biệt, hơi có chút ấn tượng nhưng không cầu kỳ. Những họa sĩ Việt Nam vẽ thể loại

tranh về sắc điệu và bút pháp hơi giống hội họa vùng Palekh⁽³¹⁾, thường sử dụng màu tự nhiên – màu làm từ cây cỏ, lông trắng trứng. Một vài chỗ màu vàng trên bức tranh và một lớp sơn bóng bao phủ toàn bộ bức tranh, khiến cho nó trở nên rất đặc biệt.

Một sĩ quan của Bộ Tổng tham mưu bước vào.

- Tổng tư lệnh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chuyển lời chào tới các đồng chí. - Anh thông báo. - Hôm nay, đồng chí Đại tướng sẽ gặp gỡ với các đồng chí. Các đồng chí được bố trí ăn ở ổn cả chứ? Có nhu cầu gì, các đồng chí cứ cho tôi biết.

Một lúc sau, anh lại xuất hiện.

- Tổng tư lệnh mời các đồng chí đến gặp.

Chúng tôi tới một gian phòng rộng cách nhà khách không xa. Trên tường, những bản đồ quân sự cỡ đại treo đến tận trần nhà. Đồng chí Võ Nguyên Giáp rời bàn bước tới đón chúng tôi.

Cũng như trong lần gặp đầu tiên, tôi lại bị thu hút, chinh phục bởi sức mạnh nội tâm toát ra trong từng cử chỉ, ánh mắt của con người này.

Ông là nhà giáo nhân dân, nhà cách mạng, Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam. Quân đội Pháp bị rừng núi bao vây, đã phải tháo chạy trước quân đội của ông. Đảng đã không nhầm khi nhìn nhận trong người thầy giáo trẻ dạy sử, trước đó chưa từng có kiến thức quân sự này một tài năng cầm quân kiệt xuất.

Những cuộc hành quân dài trong rừng núi, cái đói và nỗi lo hết đạn, những cuộc tấn công ác liệt, những quyết định dũng cảm... Theo chỉ thị của Đảng, ông đã thành lập một tiểu đội nhỏ, vũ khí chỉ mấy khẩu súng trường và giáo mác. Các chiến sĩ của tiểu đội năm xưa giờ đây đã là tiểu đoàn trưởng, trung đoàn trưởng.

Kiểu nói chuyện của ông rất đặc biệt. Ông diễn đạt ý nghĩ ngắn gọn và dễ hiểu. Đang nói, ông chợt dừng lại, làm một cử chỉ để thể hiện ý tiếp theo. Ông rất hài hước. Tiếng cười của ông to, sáng khoái. Bất chợt ông ngừng lời, trầm ngâm, làm một cử chỉ dứt khoát như dao chém rồi lại nói tiếp, mắt xoáy thẳng vào người đối diện.

Võ Nguyên Giáp là một trong những nhà lãnh đạo nổi tiếng và kiệt xuất của Việt Nam, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Trong những năm dài kháng chiến, không ít lần Chính phủ giao cho ông những nhiệm vụ quan trọng của đất nước. Ông từng dẫn đầu phái đoàn Chính phủ Việt Nam tại cuộc họp Pháp - Việt đầu tiên ở Đà Lạt. Tại đó ông đã kiên quyết bảo vệ lợi ích của dân tộc, đấu tranh với kẻ thù là Cao ủy Pháp, đô đốc D'Argenlieu⁽³²⁾.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể về sự quan tâm của Đảng Lao động Việt Nam đối với quân đội trong mọi giai đoạn của cuộc kháng chiến, nhằm nâng cao sức chiến đấu, giáo dục chính trị cho các chiến sĩ và cán bộ quân đội.

- Quân đội của chúng tôi thực sự là quân đội nhân dân bởi quân đội mang tất các đặc điểm của Mặt trận Dân tộc Thống nhất. - Ông nói. - Bộ đội là những người xuất thân từ nông dân, công nhân, trí thức và tầng lớp tiểu tư sản. Quân đội của chúng tôi được tạo thành từ mọi giai tầng của xã hội, có chung một mục đích đấu tranh chống thực dân.

Quân đội Nhân dân Việt Nam có đại diện của tất cả các dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam. Bọn thực dân muốn gieo rắc lòng căm hận thù giữa các dân tộc thiểu số. Sự đồng lòng của các dân tộc Việt Nam giờ đã tạo thành sức mạnh của quân đội.

Các tướng lĩnh đế quốc đã không hiểu và có lẽ vẫn chưa hiểu ra điều này. Họ không hiểu tại sao chúng tôi đánh họ bằng xe tăng, máy bay của chính họ, không hiểu được những giá trị tinh

thần cao cả của dân tộc chúng tôi, dân tộc đang đấu tranh vì hòa bình, sẵn sàng chấp nhận mọi hy sinh vì hòa bình, vì chiến thắng.

Leclerc⁽³³⁾, một trong ba đại tướng Pháp, người tôi đã từng gặp, tôi nghĩ ông ta không phải là người thiện cận. Leclerc từng nói rằng “Việt Minh” không có vũ khí, ông ta sẽ bình ổn thế trận ở tất cả những vùng Pháp chiếm đóng trong vòng 10 tuần. Ông ta đã đúng ở một điểm, đúng là chúng tôi không có vũ khí, chúng tôi không có những người chỉ huy kinh nghiệm. Nhưng 10 tuần, rồi mấy năm đã trôi qua, bọn chúng đã không còn hy vọng “bình ổn”, để rồi thảm bại tại Điện Biên Phủ...

Một vị tướng khác, De Lattre de Tassigny, người đã đánh chiếm Hòa Bình, cho rằng chúng tôi không thể đánh bật ông ta ra khỏi nơi đó. Và chúng tôi đã đánh bật. Hơn thế nữa, chúng tôi đã làm cho quân của ông ta bị tổn thất nặng nề tại trận Hòa Bình. Đó là trận thua cuối cùng của Tassigny. Thật tội nghiệp, ông ta trở về Pháp, lâm bệnh mà chết, còn chưa kịp hiểu ra nguyên nhân thực chất những thất bại của mình ở Việt Nam. Ông ta được truy tặng quân hàm đại tướng...

CÁC VỊ TƯỚNG CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

- Chiều chúng ta sẽ nói chuyện tiếp. - Tướng Võ Nguyên Giáp đứng dậy nói. - Các đồng chí yêu cầu kể về trận Điện Biên Phủ, về chiến lược, chiến thuật của Quân đội. Đồng chí Đỗ Đức Kiên, người đã tham gia những trận đánh đó, một chính ủy, sẽ kể cho các đồng chí về Điện Biên Phủ. Còn câu hỏi thứ hai, nếu các đồng chí không phản đối, tôi sẽ trực tiếp nói với các đồng chí.

Chúng tôi đi ra. Ở ngôi nhà bên cạnh, bên bậu cửa là một thiếu phụ trong bộ đồ nông dân, tay bế trẻ, tay cầm sách ngồi bên đống lửa với nồi cơm trên bếp. Một cô bé lên sáu nỏ đùa bên cạnh.

- Các đồng chí làm quen đi, đây là vợ tôi. - Đồng chí Võ Nguyên Giáp giới thiệu. Thiếu phụ đứng dậy, bắt tay chúng tôi, nói mấy lời gì đó.

- Hôm nay cô ấy mời các đồng chí ăn cơm cùng gia đình. - Cậu Vân dịch lại.

Chúng tôi cảm ơn và nói chúng tôi rất vui được nhận lời mời, hơn nữa đây lại là bữa cơm đầu tiên trong không khí gia đình của chúng tôi ở Việt Nam.

- Đây là con gái tôi. - Đồng chí Võ Nguyên Giáp nói, gỡ tay vợ ôm con gái nhỏ đang chơi bên bếp lửa vào lòng.

Liếc nhìn vợ đồng chí Võ Nguyên Giáp, tôi nói:

- Tôi nghĩ rằng cô con gái của đồng chí đang cần một người em trai và quân đội cần thêm một người lính dũng cảm.

Đồng chí Võ Nguyên Giáp cười to, nhẹ nhàng ôm vợ.

- Điều này các đồng chí phải nói với cô ấy. - Ông trả lời. - Lời chúc của các đồng chí cũng là hy vọng của tôi, chúng ta hãy cứ tin rằng nó sẽ là như vậy.

Ban ngày, tôi và Mukhin quay cuộc họp của Bộ Tổng tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam. Phòng họp rộng, ba phía có cửa sổ với mái che bằng lá cọ. Xung quanh là rừng. Một bức tường treo bản đồ. Những chấm xanh lác đác trên bản đồ là các căn cứ của quân Pháp. Màu đỏ chiếm đa số, là những vùng được giải phóng.

Người đầu tiên chúng tôi nhìn thấy ngồi bên cạnh đồng chí Võ Nguyên Giáp là một người mà chúng tôi đã gặp, người đi cùng máy bay, “người mặc áo khoác xanh”. Đó là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, đồng chí Trần Đăng Ninh, Cục trưởng Quân nhu Quân đội Nhân dân Việt Nam. Đồng chí là người đầu tiên đồng hành cùng chúng tôi lúc chuẩn bị

đặt chân tới Việt Nam. Lúc này, đồng chí đang nhìn chúng tôi với nụ cười triu mến, đồng tình.

Tổng tham mưu trưởng, đồng chí Văn Tiến Dũng, báo cáo với Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Văn Tiến Dũng có đôi mắt to mở màng cùng những quầng thâm dưới mắt trên khuôn mặt điển trai nhợt nhạt. Tôi nghe kể rằng những tháng năm hoạt động bí mật, đồng chí đã thực hiện số lần vượt ngục kỷ lục. Chuyến vượt ngục cuối cùng là ở Hà Nội, khi đồng chí bị giải trên cầu bắc qua sông Hồng. Bỗng đồng chí vùng thoát khỏi bọn lính áp giải, lao qua lan can cầu, nhảy xuống sông từ độ cao chóng mặt. Bọn địch xả súng bắn, rượt đuổi, nhưng dòng nước xiết sông Hồng đã cuốn đồng chí đi. Trong cuộc vượt ngục ấy có một chi tiết lãng mạn: Cô nông dân đã vớt đồng chí khi đó đã lả đi và che giấu đồng chí thoát khỏi sự truy lùng, đã trở thành vợ, thành người bạn chiến đấu trung kiên của nhà cách mạng, người lính ấy.

Ngồi quanh bàn là các vị tướng lĩnh của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Chỉ có một vài người tóc hoa râm, đa số còn lại đều còn trẻ. Nhưng mỗi người trong số họ đều có nhiều năm hoạt động cách mạng, đã từng vượt ngục mạo hiểm, có kinh nghiệm trong những trận đánh lớn. Những vị tướng của Quân đội Nhân dân Việt Nam là máu thịt của dân tộc Việt Nam. Nhân dân trao vũ khí, quân đội và số phận của mình vào tay họ. Họ được Đảng Lao động Việt Nam dìu dắt. Và trường học quân sự lớn nhất của họ là những vùng đồng bằng, là đôi bờ sông Mê Kông, sông Hồng, là rừng núi Việt Bắc, mảnh đất ruột thịt mà họ gắn bó máu thịt như rễ cây đa Tân Trào. Dưới bóng cây đa ấy, tháng 12 năm 1941, người thầy giáo trẻ đã tập hợp đội quân tiên phong đầu tiên của Việt Nam, trang bị chỉ có vũ khí thô sơ và giáo mác.

Quay xong, chúng tôi cảm ơn Tổng tư lệnh, Tổng tham mưu trưởng, những người có mặt và trở về căn nhà đang ở. Đỗ Đức Kiên, một sĩ quan chính trị chờ chúng tôi ở đó. Đồng chí kể cho chúng tôi về trận đánh Điện Biên Phủ.

Khó mà đánh giá hết ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ! Đó là chiến thắng vang dội nhất trong lịch sử Quân đội Nhân dân Việt Nam, đập tan kế hoạch Nava được chuẩn bị kỹ lưỡng. Tác giả kém may mắn của kế hoạch này, tướng Nava, sau thất bại ở Điện Biên Phủ đã bị cách chức Tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương và lặng lẽ trở về Pháp.

THẤT BẠI CỦA KẾ HOẠCH NAVA

Thế giới khâm phục tinh thần dũng cảm của những người lính đánh trận Điện Biên Phủ, khâm phục chiến lược và chiến thuật tài tình của Bộ Chỉ huy Quân đội Nhân dân Việt Nam, nhưng có lẽ không nhiều người biết về chiến công của hàng nghìn người đã dọn đường cho chiến thắng, bảo đảm để có được thắng lợi. Đỗ Đức Kiên đã kể cho chúng tôi về điều này.

Để vận chuyển pháo hạng nặng tới vị trí chiến đấu, đầu tiên phải làm một con đường mới cho xe chạy. Hơn 300 cây số đường ô tô được đắp qua những ngọn đồi, phải che mắt quân thù đang luôn rình rập theo dõi những điểm cao xung quanh Điện Biên Phủ từ trên không. Không được nổi mìn để tránh bị phát hiện, người ta đào đá để làm đường cho xe tải hạng nặng. Họ làm việc mờ mẫm trong bóng tối, không có đuốc, ban ngày họ ngụy trang cẩn thận. Một lớp đá dày tám mét đã được ghép lại trong những điều kiện như vậy trên suốt 300 cây số! Khi những khẩu pháo Mỹ 105 ly nặng nề được chuyển tới Điện Biên Phủ, bộ đội đã dùng tay kéo lên núi trong đêm, trong bóng tối. Người ta dùng dây buộc vũ khí vào những thân cây bốc cháy vì cọ xát. Có khi dây bị đứt. Những người lính dùng cảm lao vào chèn pháo, hy sinh thân mình để pháo không lao xuống vực. Những điều này diễn ra ngay trước mũi kẻ thù, nhưng chúng không hề biết những chiến công vĩ đại ấy cho đến khi trận đánh nổ ra.

Trong đêm, ngay trước mũi kẻ thù, người ta đã đào 200 cây số hào sâu và hầm ngầm dưới đất dẫn đến các cứ điểm. Đồn Pháp ở Điện Biên Phủ chỉ được biết về điều này khi trận đánh nổ ra. Người ta xé núi làm chỗ giấu pháo, khiến cho kẻ thù đến tận cuối trận chiến vẫn không phát hiện ra và không thể phá hỏng dù chỉ một khẩu pháo của Việt Nam, bởi đồng thời khi pháo nhà đạn, bộ đội Việt Nam đốt khói trắng ở những vị trí nghi binh, thu hút những trận bom ác liệt từ trên không về mình. Hàng nghìn dân công hỏa tuyến, nam giới, phụ nữ, người già, người trẻ đã giúp bộ đội trong

chiến công vĩ đại này.

Trong các trận đánh ở Điện Biên Phủ, quân đội Việt Nam lần đầu tiên sử dụng phương pháp đập phá từ các vị trí thuận lợi trên cao, pháo binh phá hủy công sự, chặn đường quân tiếp viện muốn ứng cứu cho các công sự khác, bắn phá sân bay. Pháo bắn rất chính xác. Tại sân bay khoảng gần 200 máy bay bị phá hủy bằng các loại đạn pháo trong khi hạ cánh. Sức mạnh pháo binh đã giúp bộ đội chiếm được cứ điểm được phòng thủ chắc chắn nhất Điện Biên Phủ, đồi Him Lam. Sau khi cứ điểm này thất thủ, tư lệnh pháo binh Điện Biên Phủ, đại tá Piroth đã bắn súng vào đầu tư vẫn [\(34\)](#).

Trong kế hoạch Nava nổi tiếng, Điện Biên Phủ là con át chủ bài. Khi đổ quân vào Điện Biên Phủ tháng 11 năm 1953, tướng Nava đồng thời triển khai tấn công vào các vùng giải phóng khu Năm để thu hút tới đây lực lượng của bộ đội Việt Nam. Đóng quân tại Điện Biên Phủ, viên tướng Pháp hy vọng sẽ chiếm được toàn bộ vùng Tây Bắc Việt Nam, cắt đứt mối liên lạc của Việt Nam với quân kháng chiến Pathet Lào. Cố thủ ở Điện Biên Phủ, hán muốn tập trung lực lượng ở Bắc Việt Nam và tăng cường tấn công vào khu vực đồng bằng, đập tan quân chủ lực của bộ đội Việt Nam. Hán muốn dồn họ vào gọng kìm sắt từ hai hướng – từ Điện Biên Phủ và từ đồng bằng.

Còn một lý do khác nữa: Bọn đế quốc hy vọng sử dụng địa thế thuận lợi của Điện Biên Phủ làm căn cứ không quân chiến lược ở vùng Đông Nam Á, từ đây đe dọa Trung Quốc.

Kế hoạch này đã bị đập tan bằng cuộc tấn công đại thắng của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Bộ đội Việt Nam dồn lực tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ và những chiến dịch quân sự đồng thời diễn ra tại miền Trung Việt Nam đã buộc Nava phải chia nhỏ quân đội của mình.

Tại Điện Biên Phủ, hơn 25% lính tinh nhuệ của địch bị tiêu diệt, trong đó bao gồm toàn bộ binh chủng dù của đạo quân viễn chinh và đơn vị Đức của “đội quân lê dương”.

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là cứ điểm được phòng thủ chắc chắn nhất của giặc. Chiếm tập đoàn cứ điểm này là một bước quan trọng trong lịch sử quân đội Việt Nam. Trước đó các đơn vị bộ đội chỉ dùng một lực lượng nhỏ để tấn công các chốt của giặc, thường vào ban đêm, bất ngờ, không cần sử dụng pháo. Lần này trận đánh có sự tham gia của nhiều tiểu đoàn, sư đoàn tấn công dồn dập với sự yểm trợ của pháo đập vào những lỗ cốt mạnh của cứ điểm.

Điện Biên Phủ thất thủ có nghĩa là toàn bộ vùng Tây Bắc Việt Nam được giải phóng. Chiến thắng này cũng có ý nghĩa chính trị rất lớn, giúp nhân dân thêm tin vào sức mạnh của mình.

NHỮNG MÂU THUẤN CHẾT NGƯỜI CỦA CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC

Buổi chiều chúng tôi gặp lại đồng chí Võ Nguyên Giáp.

- Theo đề nghị của các đồng chí, tôi sẽ nói ngắn gọn cho các đồng chí về chiến lược và chiến thuật của Quân đội Việt Nam, cũng như chiến lược và chiến thuật của quân Pháp.

Ngay từ đầu cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam, Bộ Chỉ huy Pháp đã xây dựng một đội quân rất lớn ở Việt Nam – các sư đoàn bộ binh, các đơn vị cơ giới, pháo binh, không quân, hải quân. Địch muốn chiếm Việt Nam bằng cách tập trung mọi lực lượng. Khi đó chúng tôi được trang bị rất kém và không thể tấn công địch ở những nơi địch mạnh được. Nhưng bọn đế quốc đã dùng lực lượng lớn tấn công nhằm mục tiêu. Chẳng khác gì đâm vào không khí.

Nhưng mục đích cuối cùng của địch là xâm lược, và chúng buộc phải chẻ nhỏ lực lượng để chiếm đóng nhiều vùng của Việt Nam. Các sư đoàn bắt đầu bị chia nhỏ thành các trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, trung đội, tiểu đội. Khi địch xẻ nhỏ lực lượng và chiếm đóng nhiều vùng dân cư, chúng cho rằng nhiệm vụ quân sự đã hoàn thành và bắt đầu thành lập chính quyền tay sai với mục

địch đàn áp sự phản kháng của nhân dân. Bọn đế quốc cho rằng chiến thắng đã rất gần. Khi đó Leclerc cũng nói rằng sau 10 tuần hấn sẽ giải quyết xong chúng tôi.

Chúng tôi đã đối phó ra sao? Với khả năng của mình, chúng tôi chưa thể tập trung lực lượng. Ngoài ra, chúng tôi phải buộc địch chẻ nhỏ quân. Khi các sư đoàn của địch bị chia nhỏ, Việt Nam đứng lên tiêu diệt chính quyền tay sai. Việc này trước tiên do du kích thực hiện. Ban đầu, chúng tôi dùng các tiểu đội tấn công từng vùng, rồi từ tiểu đội chuyển thành trung đội và đại đội, giờ đây chúng tôi đã tấn công bằng trung đoàn và các sư đoàn.

Các hoạt động quân sự ngày càng đẩy địch xa hậu phương của chúng, còn chúng tôi, ngược lại, xâm nhập vào hậu phương của chúng, xây dựng những vùng du kích và mở rộng ra. Mặt trận luôn di chuyển. Chúng tôi tấn công từ chiến trường và từ hậu phương. Khi địch tập trung lực lượng chính ở tuyến đầu chiến trường, chúng tôi tăng cường hoạt động ở hậu phương; khi địch bắt đầu những hoạt động thanh trừng ở hậu phương, chúng tôi triển khai những trận đánh lớn ngoài mặt trận.

Mâu thuẫn sâu xa của cuộc chiến tranh xâm lược là gì? Đó là nếu kẻ xâm lược không tập trung lực lượng, chúng sẽ bị tiêu diệt từng phần. Nhưng nếu tập trung lực lượng, chúng lại không thể thực hiện nhiệm vụ xâm lược. Có lẽ đã quá rõ ràng, bọn xâm lược buộc phải chia nhỏ quân đội và hành động này đã đẩy quân đội của chúng vào chỗ nguy hiểm. Và chúng không thể giải quyết được mâu thuẫn này.

Hiện nay, sau thất bại Điện Biên Phủ, chúng đang do dự, chúng vẫn chưa quyết định có nên tập trung quân ở đồng bằng không.

Chiến lược của chúng tôi là lợi dụng những mâu thuẫn đó để tiêu diệt và đánh đuổi quân xâm lược.

Đồng chí Võ Nguyên Giáp đến bên bản đồ và nói về những nước đi của các tướng Pháp. Ông đưa tay trên bản đồ: Đây là kế hoạch của chúng, đây là hướng đi của chúng, đây là những thành phố chúng đã chiếm đóng; chúng đã đạt được gì, chúng muốn gì... Bỗng trên gương mặt nghiêm nghị sáng lên một nụ cười.

- Còn chúng tôi... - bằng những động tác dứt khoát, ông khoanh trên bản đồ, sau lưng tướng Delatte de Tassigny, một gọng kìm chí mạng. - tấn công bên sườn, phá hoại ở hậu phương... - và dùng hai lòng bàn tay che kín trên bản đồ, quân đội thực dân bị dồn vào chỗ chết, bị đánh tan tành, bị cắt đứt liên lạc.

Ông cười chế nhạo rồi tấm bản đồ, xòe tay khó hiểu như thể ngạc nhiên vì sự thiếu cận và thiếu tầm nhìn của các chuyên gia quân sự, những người không hiểu logic của sự kiện, nhưng mâu thuẫn chết người và tình thế tuyệt vọng của cuộc chiến tranh xâm lược.

- Biết bao vị tướng đã bị thay! - Ông cười, đếm trên bàn tay. - Leclerc, D'Argenlieu, Carpentier, Delatte de Tassigny, Salan⁽³⁵⁾, Nava rồi lại Leclerc. Và các đồng chí có để ý không, tôi không sao hiểu nổi, tất cả bọn họ khi về Pháp đều được thăng chức.

Câu chuyện chuyển sang công việc quay phim của chúng tôi tại các đơn vị bộ đội.

- Các đồng chí là những người của nghệ thuật điện ảnh, tôi khó mà góp ý với các đồng chí. Tôi đồng ý với các đồng chí rằng cần phải cho thấy bộ đội Việt Nam là một quân đội chính quy và hùng mạnh. Nhưng các đồng chí cứ quay cả những nhược điểm về mọi mặt của quân đội. Chúng tôi không xấu hổ, chúng tôi không có đủ xe cộ, chúng tôi kéo pháo bằng tay lên đỉnh cao qua hàng trăm cây số. Bộ đội Việt Nam vượt qua mọi khó khăn trên đường tới chiến thắng. Tôi có cảm tưởng nếu các đồng chí quay những khó khăn, các đồng chí có thể thể hiện được tinh thần chiến đấu cao cả của quân đội chúng tôi. Các đồng chí hãy cố gắng thể hiện vai trò giáo dục to lớn của Đảng Lao động. Những năm gần đây quân đội chúng tôi lớn mạnh không chỉ về sức mạnh quân sự mà lớn

mạnh cả về chính trị. Nếu tới các đơn vị bộ đội, các đồng chí sẽ gặp các chiến sĩ của chúng tôi, sẽ thấy ý thức giác ngộ cao của người chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam. Tôi xin nhắc lại, chúng tôi không xấu hổ vì những nhược điểm và khó khăn của mình. Các đồng chí cứ quay tất cả những gì các đồng chí thấy.

Kết thúc cuộc trò chuyện, ông xin lỗi chúng tôi:

- Vợ tôi có mời các đồng chí hôm nay ăn tối với chúng tôi, nhưng... cô ấy lại bị ốm. Các đồng chí thích được ăn trong không khí gia đình, hôm nay chúng ta sẽ có một buổi tối trong gia đình lính.

Bên bàn ăn, chúng tôi gặp lại những người chúng tôi đã quay trong cuộc họp của Bộ Tổng tham mưu. Chúng tôi nâng cốc vì quân đội Xô Viết, vì tình hữu nghị giữa nhân dân Liên Xô và nhân dân Việt Nam và chúc các nhà làm phim Xô Viết, những người sẽ quay cảnh bộ đội Việt Nam tiến về Hà Nội, thủ đô ngàn năm văn hiến của Việt Nam. Bữa cơm tối thăm tình đồng chí sắp kết thúc thì Vân ghé tai tôi thì thầm:

- Đồng chí có biết tại sao hôm nay chúng ta không ăn cơm tại nhà đồng chí Võ Nguyên Giáp không? Vợ đồng chí ấy vừa sinh con trai.

Tôi ghé tai đồng chí Võ Nguyên Giáp ngồi kế bên trái tôi hỏi có đúng vậy không. Ông cười rất tươi gật đầu.

- Các đồng chí chẳng bảo sáng nay là hai cô con gái thiếu một thằng em trai còn gì?

- Đồng chí đặt tên con là gì?

- Tôi đặt tên cho cháu là Điện Biên.



ĐỒNG CHÍ KHOA LO LẮNG, CHÚNG TÔI ĐÃ VI PHẠM MẬT LỆNH

Tôi muồn chúng tôi rời Bộ Tổng tham mưu. Để ra đến đường, nơi có hai chiếc xe tải và hai chiếc Jeep đang đợi chúng tôi, phải mất tám cây số. Trong ánh trăng, chúng tôi bước ra một ngọn đồi rộng. Xe đã chờ chúng tôi. Tất cả hành lý đồ đạc của chúng tôi được chở từ căn cứ Ban Điện ảnh - Nhiếp ảnh tới đây. Chúng tôi xem xét lại cẩn thận từng thùng một.

Đến một tỉnh phía Bắc, nơi có trại giam tù binh, phải đi xe khoảng 180 kilômét, sau đó phải đi bộ một đoạn đường dài. Hôm nay, chúng tôi chia tay Mukhin. Anh ấy có một chuyến đi dài tới Điện Biên Phủ. Với những khó khăn trên đường đi, những đoạn sông có thể ngập, có lẽ anh phải đi ít nhất 10 ngày mới tới nơi.

Trăng sáng vàng vạc chiếu trên mặt đất. Có thể đi mà không cần bật đèn pha.

Có vài lần chúng tôi vượt sông bằng phà, thường thì chúng tôi vượt suối bằng ngầm. Nó được làm rất đơn giản. Nơi con đường phải vượt qua suối, người ta xếp một lớp lót chắc chắn bằng đá. Những chiếc cọc đóng xuống lòng suối giữ cho lớp đá lót không bị lở. Trên lớp lót bằng đá, nước

chạy xiết sâu độ nửa mét. Những cây cầu ngầm như vậy do thám không quân không thể phát hiện ra. Xe vượt suối qua những cây cầu như vậy giống như đang lội nước.

Đường đêm nhộn nhịp, tấp nập. Từng đoàn dân công quang gánh, xe thồ đang di chuyển. Nhiều người lưng đeo ba lô bước đi phấn chấn. Có ai mà ta không gặp trong những cuộc hành quân đêm của đất nước đang có chiến tranh: Thanh niên đi tới điểm tập kết để xung vào đội dân công thồ hàng, giáo viên, nhà văn, kỹ sư, bộ trưởng, nhà giáo, sĩ quan...

Dọc đường đi chúng tôi thấy ánh đèn trong những quán nhỏ. Ở đây bạn có thể ăn một bát cháo gạo nóng với rau, uống chè không mất tiền. Người đi đường có thể ngủ lại trên những chiếc chõng tre. Có điều cây phục vụ khách, gọi là “khẩu Bazooka”. Đó là một đoạn tre dài một khoảng phân tư mét và to bằng cổ tay, bởi vậy mà chúng được gọi là “Bazooka”. Ống tre chứa nước. Người hút vè một viên thuốc Lào nhỏ, nhét vào cái lỗ cuối điều cây, châm lửa và lấy hết sức rít vào phổi làn khói thuốc đã đi qua nước. Trong lúc hút, “khẩu Bazooka” kêu xồng xọc. Người hút thuốc nhả những vòng tròn khói rồi chuyển “khẩu Bazooka” cho người bên cạnh. Và cái điều cây hòa bình đó cứ thế được chuyền quanh.

Rồi có cả những quầy hàng nhỏ với lều tều vài mặt hàng. Có thể mua bàn chải đánh răng, một miếng xà phòng, một chiếc khăn mặt bé tẹo, cục pin cho đèn pin, chiếc gương nhỏ và cuốn sổ ghi chép. Thường bên cạnh hay có hàng sửa xe đạp. Khi đi trên đất nước Việt Nam, nhiều lần chúng tôi nghỉ đêm trong những ngôi quán nhỏ ấy.

Trong ánh sáng mờ đục của ngọn đèn dầu hiện lên khuôn mặt mệt mỏi của những người đã đi hàng trăm cây số tải gạo, đạn, sách, thuốc men và tin tức mới nhất từ miền Nam, từ đồng bằng, từ những nơi xa xôi trong lòng địch. Họ tạm dừng chân, ăn bữa ăn đạm bạc và tiếp tục chặng đường dài khó khăn!

Trên con đường rừng hẹp, đoàn dân công thồ hàng tránh nhau rất khó khăn. Mọi người dẹp sang một bên, nép vào vách núi để nhường cho xe qua. Họ trừu mến dõi theo những chiếc xe tải bò lên con dốc cao. Những chiếc xe kèn càng, như thể chuyên dùng cho đường đèo nguy hiểm là do đôi tay nhân hậu của những người bạn thủy chung của nhân dân Việt Nam làm ra.

Trong một quán nhỏ nằm ở ngã ba đường, chúng tôi chia tay với Mukhin. Chủ quán gọt cho chúng tôi mấy quả dưa, dọn ra bàn cà phê Việt Nam rất thơm, có vị đắng. Mọi việc đã được bàn bạc nhiều lần. Chúng tôi sẽ tạm xa nhau ít nhất là một tháng. Trên lưng áo Mukhin có một vết loang màu đen: Hôm nay trong lúc chúng tôi dừng lại nghỉ, một con vắt đã nhảy vào cổ áo anh ấy, hút máu dọc theo cổ áo, và khi xe chuyển bánh, Mukhin ngửa người ra sau lưng ghế, đè chết con vắt. Mỗi khi nhớ lại, anh ta không thể không rung mình.

Chúng tôi ôm nhau thật chặt để tạm biệt. Thật buồn khi phải chia tay Nguyễn Đình Thi đáng mến. Anh buồn rầu nhìn chúng tôi, ôm vai Mukhin nói:

- Tôi sẽ bảo vệ anh ấy như anh trai mình. Các đồng chí có thể yên tâm về anh ấy và tin rằng anh ấy sẽ quay những cảnh đẹp nhất. Tôi thuộc từng tác đất ở Điện Biên Phủ. Giờ tôi đã hình dung ra kế hoạch làm việc của chúng tôi. Chúng tôi sẽ cố gắng xong sớm.

Mukhin khởi hành trước, giong cao chiếc mũ rộng vành, vẫy vẫy cho đến khi chiếc Jeep chở anh ta mất hút ở chỗ rẽ.

Trời hừng dần. Vân và đồng chí Khoa bắt đầu sốt ruột, nếu chúng tôi không tới nơi trước khi trời sáng, chúng tôi sẽ vi phạm chỉ thị. Còn 15 kilômét nữa. Người lái xe phóng như điên. Chúng tôi đi trên con đường nhựa nơi du kích đã từng đào những hố sâu. Khi vùng này được giải phóng, nông dân dùng đất lấp hố, nhưng đất lún và xe xóc mạnh đến nỗi nếu không bám chắc vào thành xe thì có thể bị văng ra ngoài.

- Có thể đi chậm lại một chút không? - Tôi hỏi và chột im bật khi nhìn thấy khuôn mặt căng

thăng của Vân.

Chúng tôi đi trên đường khi trời đã sáng rõ. Vân loay hoay trên ghế, cứ luôn ngửa mặt nhìn trời.

EZEB AUGUSTIENE, NGƯỜI CHÂU PHI QUÊ MARTINIQUE

Bên đường có một người đứng vẫy tay. Tài xế dừng xe. Nói vài câu với Vân, người lính vẫy xe chúng tôi nghiêng người nhảy lên sau chiếc xe Jeep và chỉ cho lái xe con đường rừng khuất sau bụi tre rậm rạp. Chiếc xe tải đi sau cùng rẽ theo. Chúng tôi đi khoảng hai cây số thì dừng lại.

- Hành trình bằng ô tô của chúng ta đến đây kết thúc. - Khoa nói, tiến về phía chiếc xe Jeep. - Từ đây chúng ta sẽ đi bộ. Một lúc nữa sẽ có người của trại đến mang máy móc. Chúng ta sẽ chờ họ trong ngôi làng cách đây không xa.

Lại một lần nữa, không biết bao lần rồi, chúng tôi được một người nông dân nghèo Việt Nam nhiệt tình đón tiếp.

Già làng với làn da nhăn nheo của bộ tộc Tày dẫn chúng tôi về nhà. Bước lên thang, bỏ dép cao su, chúng tôi bước qua bậc cửa. Lập tức, bên cạnh chúng tôi xuất hiện những cốc chè nóng đặt trên chiếu.

Những người vác hàng không để chúng tôi phải đợi lâu. Chúng tôi chưa kịp vuốt chân trên sàn nứa đã nghe nói chuyện sôi nổi bằng một ngôn ngữ lạ. Ngoái ra nhìn, tôi thấy cạnh nhà sàn một nhóm người Maroc vui nhộn. Đồng chí Khoa giải thích ngay:

- Họ không phải tù binh. Những người Maroc này tự nguyện đứng về phía chúng tôi. Họ không sống trong trại tù binh quân sự. Ban Chỉ huy quân sự đề nghị họ hợp thành một tổ lao động tập thể, họ hăng say trồng lúa, sắn, khoai, chuối trên những mảnh đất của mình. Họ sống đầm ấm như một gia đình, họ học tập. Họ được tự do ra vào trại tù binh quân sự để gặp gỡ những người đồng hương của mình. Họ thường tự nguyện thực hiện công tác trại. Lần này, Ban Chỉ huy trại cử họ tới giúp các đồng chí vận chuyển máy móc và phim.

Trước khi lên đường, chúng tôi làm quen với họ. Thật là những thanh niên vui tính! Những đôi mắt linh lợi với tròng mắt màu vàng trên khuôn mặt nâu xám; hầu như ai cũng có một bộ ria mép mảnh, một số để râu, đầu đội mũ rơm.

Chúng tôi lấy thuốc lá, đưa ra mời họ. Tôi chú ý tới một anh chàng da đen trẻ có thân hình của một vận động viên thể dục dụng cụ. Nhìn biết ngay anh ta là thủ lĩnh. Khuôn mặt linh lợi, cân đối, màu da giống như màu chiếc điện thoại bằng nhựa đen, răng trắng hơn cả tuyết. Nét mặt nhanh nhẹn khi ra lệnh cho các bạn bỗng nở nụ cười sung sướng, ngây thơ. Anh ta đội chiếc mũ ca-lô trắng, giống chiếc mũ của người Hindu. Chàng thanh niên da đen tên Ezeb Augustine, người vùng Phor de Frane, một thuộc địa của Pháp ở châu Phi, ở Martinique. Ở quê nhà, anh ta còn mẹ, hai em gái và hai em trai. Anh ta làm lái xe ở nhà máy, nhà máy đóng cửa. Người tuyển mộ bắt đầu lùng sục những người mất việc, đói rách.

- Họ hứa hẹn cho chúng tôi nhiều tiền nếu chúng tôi gia nhập quân đội Pháp. - Augustine kể.

Marseille, Sài Gòn, Hà Nội... Anh ta đã ở mấy tháng trong doanh trại tại Hà Nội.

- Anh chạy sang phía những người Việt Nam như thế nào? - Tôi hỏi.

- Tôi có một nhược điểm - anh ta kể với nụ cười bên lên - không phải là tôi không thích đánh nhau, nhưng mỗi khi bọn người Pháp cười nhạo nước da đen của tôi, tôi liền thụi vào mặt một đấm trong bọn chúng. Vì vậy mà không ít lần tôi phải ngồi trong phòng giam, bị đẩy đi làm công việc

nặng nhọc. Khi còn ở trong đồn, buổi tối tôi thường nghe thấy du kích kêu gọi: “Hãy đứng về phía chúng tôi!”. Người Pháp kể cho tôi nhiều chuyện về du kích. Tôi quyết tâm chạy sang phía họ và bắt đầu chuẩn bị bỏ trốn. Trận ẩu đã cuối cùng suýt khiến tôi gặp họa, tôi đã đánh một trung úy. Hắn ta quyết định trừ khử tôi và đẩy tôi tới đồn Bán Phiệt – con đường nguy hiểm nhất. Ở đó quân Pháp chúng tôi hay bị du kích bắn tia, hay vấp phải mìn...

Chiếc xe chở vũ khí, lương thực và thuốc men từ Hà Nội do Ezeb Augusteine lái, đã không tới được đồn Pháp. Anh ta đã đưa xe trao cho du kích. Khuôn mặt anh ngời sáng nụ cười khi nhớ lại chuyện đó.

Chúng tôi khởi hành. Những chàng Maroc dùng đòn gánh khiêng những chiếc hòm của tôi, rồi khởi hành từng tốp, cười nói, huýt sáo.

Đến khi trời tối, lúc mặt trăng tròn vạnh đã lên cao chúng tôi mới đi được khoảng 12 kilômét và ra tới một con sông rộng. Chúng tôi sang bờ làm mấy lần trên một chiếc thuyền to. Những người lái đò phải dùng sào chống thuyền đi ngược dòng men theo bờ sông khoảng gần một cây số, sau đó mới chèo thuyền xuôi theo dòng nước đi chéo sang bờ bên kia. Chạm nhẹ mũi vào lớp cát mềm, con thuyền dừng lại ngay chỗ con đường ở bờ bên này. Chúng tôi đợi chuyển hết hành lý và lại đi tiếp.

Tôi để ý thấy những khối lớn giống như ngôi nhà trôi xuôi dòng trên sông. Có gì đó thật ghê gớm và bí hiểm trong những hình khối khổng lồ, tưởng chừng như không điều khiển nổi kia.

Phiên dịch Vân giải thích đó là những bè gỗ từ Việt Bắc thả trôi về vùng đồng bằng, nơi không có rừng. Những bè gỗ này trôi thẳng về Hà Nội.

- Về đâu cơ? - Tôi hỏi lại, không tin vào tai mình.

- Về Hà Nội. - Vân thân nhiên xác nhận. - Ở Hà Nội, người ta bán gỗ, thu tiền được dùng để mua xe đạp và những mặt hàng thiết yếu cho bộ đội. Chúng tôi không chỉ bán gỗ mà cả khoáng sản, thuốc nhuộm vải, lá cọ. Các đại diện thương mại của chúng tôi hoạt động tại nhiều thành phố bị Pháp chiếm đóng. Hàng hóa họ mua được, du kích sẽ chuyển lên cho chúng tôi.

ĐÀI MOSKVA PHÁT TRÊN LÀN SÓNG NGẮN

Đi thêm sáu cây số nữa, leo qua một ngọn đồi thoải thoải, chúng tôi thấy một ngôi nhà lá. Con chó săn Đức nhảy tới phía chúng tôi sủa ầm ĩ. Chúng tôi nghe tiếng gọi:

- Naque, ici [\(36\)](#).

Trong ánh trăng, tôi nhận ra người chạy từ chái nhà ra đón chúng tôi chính là anh Khatgi – người tôi quen tại bữa cơm mừng những người anh hùng của Điện Biên Phủ. Anh nắm tay chúng tôi lắc hồi lâu, rồi vừa nói rất nhanh và sôi nổi, vừa dẫn chúng tôi vào nhà.

- Hãy làm quen, đây là vợ tôi, Kami, ra đón khách này em!

Một phụ nữ nhỏ bé bước ra từ gian bên cạnh, với thân hình thiếu nữ, hai bím tóc buộc nơ, chiếc áo khoác ngắn màu xanh da trời, quần đen.

Kami có đôi mắt xanh, đây là lần đầu tiên tôi gặp một phụ nữ có đôi mắt xanh trên đất Việt Nam. Mẹ cô ấy là người Việt, bố là người Pháp. Lộc cộc đôi guốc gỗ cao gót, cô nhanh nhẹn bày ra bàn một đĩa dưa và chuối.

- Các anh chắc là đói rồi? - Khatgi chột nhor ra.

Chúng tôi mệt đến mức không muốn ăn. Hơn nữa, khi qua sông, chúng tôi đã ăn vội mỗi người một bát mì nóng trong quán.

Khatgi bắt đài. Một chiếc đài chiến lợi phẩm rất tốt, dùng pin khô. Khatgi thu được ở một căn hầm chỉ huy ở Điện Biên Phủ.

Tôi nhanh chóng bắt được đài Moskva phát trên sóng ngắn. Hạnh phúc biết bao khi hoàn thành một công việc khó khăn, ngồi nghỉ ngơi thoải mái trong ghế bành, trò chuyện với những con người đáng mến. Lại được nghe thứ âm nhạc đó nữa chứ. Âm nhạc của Moskva xa xôi, quá xa xôi!

Khatgi thông báo những tin tức mới nhất – anh theo dõi đài hàng ngày. Ở Genève, tình hình có nhiều tiến triển. Các lực lượng hòa bình đã bắt đầu thắng thế một cách rõ rệt. Bidault⁽³⁷⁾ đã bị dồn tới chân tường. Ông ta không có đủ lập luận, hơn nữa, cái ghế của ông ta chỉ còn tính từng ngày. Sắp tới Mendès France sẽ tới Genève. Theo tuyên bố, ông ta sẽ ký thỏa thuận ngừng chiến ngay.

- Các đồng chí sẽ có cơ hội quay cảnh một đoàn dài tù binh, điều các đồng chí yêu cầu trong lần gặp đầu tiên của chúng ta. - Khatgi nói. - Các đồng chí đến rất đúng lúc. Đoàn tù binh hơn 2.000 người đi từ Điện Biên Phủ đang sắp tới trại giam. Các đồng chí có thể gặp vào ngày kia ở nơi cách đây không xa. Thành phần rất đa dạng: Một nhóm đông sĩ quan, lính viễn chinh, lính dù, người Maroc, nhiều người da đen Sénégal, có một vài đại tá.

- Tướng De Castries cũng ở đây, cách đây không xa. Lần cuối cùng khi gặp ông ta tôi đã nói với ông ta về chuyến đi của các đồng chí. Có lẽ, ông ta sẽ không phản đối quay phim. Các tướng Pháp rất thích phô trương, trong mọi hoàn cảnh. Tôi nghĩ rằng sẽ không khó để thuyết phục ông ta.

Khatgi đưa chúng tôi sang ngôi nhà kề bên. Trong ánh đèn điện, tôi ngồi cố thêm chừng tiếng rưỡi nữa để viết nốt mấy trang nhật ký. Tôi chỉ kịp chui vào màn và lăn ra ngủ như chết.

Theo lệ, tôi dậy lúc trời hừng sáng. Không muốn đánh thức Vân đang xoay người ngủ say như đứa trẻ, tôi bước ra cửa. Từ trên đồi, có thể nhìn thấy thung lũng ngập tràn trong những tia nắng mới xiêu xiêu phía xa.

Nếu như vùng nhiệt đới có lúc mát mẻ, nếu như có lúc có thể khoan khoái hít thở ở vùng gần xích đạo thì đó chính là vào lúc sáng sớm. Nhưng cũng chỉ được vài phút thôi. Mặt trời chẳng mấy chốc đã lên cao. Tám giờ sáng, trời đã nóng ngột ngạt, vắt kiệt sức lực, đầu óc mụ mị.

Nhìn thấy mấy chàng thanh niên Việt Nam khăn mặt vắt vai đi trên đường mòn, tôi nghĩ chắc suối ở đâu đây. Tôi hỏi họ không dùng lời, quạt hai tay như đang bơi. Mấy chàng thanh niên hiểu ra, vui vẻ gật đầu và ra hiệu mời tôi đi cùng họ. Mấy phút sau, từ trên bờ cao, tôi đã lao đầu xuống dòng sông rộng trong xanh mát rượi, và tôi hiểu rằng chẳng có sức mạnh nào trên đời có thể tước đi của tôi sự khoan khoái này.

Tám xong trở về, rời sông chưa được trăm bước chân tôi đã cảm thấy nóng ngột ngạt. Khatgi và Vân chạy ra sông, kéo tôi đi theo. Tôi dùng dằng đôi chút rồi lại lao xuống nước, lo ngại nhìn mặt trời đang lên nhanh.

Trên đường trở về tôi gặp Kami, từ sáng sớm đã bận rộn bên bếp để chuẩn bị “cơm khách”. Tôi dùng lại trò chuyện cùng cô ấy. Cô nói tiếng Pháp tốt. Tiếng Pháp của tôi rất tệ, nhưng tôi vẫn dũng cảm gọi đó là tiếng Pháp.

Kami vừa nói chuyện với nụ cười quyến rũ để lộ hàm răng trắng muốt, vừa bận bịu với đám chai lọ, rắc một chút gia vị màu vào cái chảo đang bốc khói.

DOLORES QUÊ CÁDIZ TRONG RỪNG VIỆT NAM

Chúng tôi có cuộc hội ý với Khatgi và Lê Hòa, một sĩ quan trẻ, cán bộ quân giáo trại tù binh quân sự thuộc Bộ Tổng tư lệnh. Chúng tôi lên kế hoạch quay phim. Tôi cho rằng chỉ hai ngày sẽ quay xong mọi thứ. Hóa ra, sớm nhất thì tôi sẽ quay được đoàn tù binh vào ngày mai. Cảnh quay trại tù binh, cuộc sống và sinh hoạt của tù binh sẽ làm tôi mất một ngày. Tướng De Castries ở cách đây 20 cây số, mất thêm hai ngày nữa. Nhưng nếu trời bỗng mưa kéo dài thì làm sao?

Bầu trời không mây, thời tiết rất nóng và không một ngọn gió cũng chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp. Chắc trời sẽ mưa. Trong bao lâu? Con mưa sẽ cầm chân tôi ở đây bao lâu?

Bữa trưa do Kami chuẩn bị rất ngon. Cô ấy pha cà phê Việt Nam mới thành thạo làm sao!

Ăn trưa xong, chúng tôi đi tới trại.

Người ta đóng yên hai con ngựa cho chúng tôi, nhưng tôi đề nghị với Khatgi đi bộ. Hôm qua, ở đây, chúng tôi đi dưới ánh trăng. Hôm nay, tôi thường dừng lại quay cảnh Việt Bắc.

Khatgi cố tình sắp xếp hành trình để chúng tôi trên đường tới trại, đi ngang những chỗ đoàn tù binh sẽ đi qua. Tôi chọn một đoạn đường ngoằn ngoèo có thể nhìn thấy từ khoảng cách vài cây số làm địa điểm quay. Không thể tìm được vị trí nào thích hợp hơn thế. Hơn nữa, ở đó lại có một ngọn đồi rất phù hợp để tôi đặt máy quay.

- Liệu họ có đi đường khác không? - Tôi lo lắng hỏi.

- Họ sẽ chỉ đi bằng con đường này. - Lê Hòa trấn an tôi.

- Khoảng mấy giờ thì đoàn tù binh tới đây? - Tôi vừa hỏi vừa ánh chừng vị trí mặt trời và điểm đặt máy quay.

- Tôi sợ không thể nói chính xác được. Chắc khoảng vào buổi sáng bởi chạng vạng nghi đêm cuối cùng của họ cách đây không xa, chừng ba cây số.

Mặt trời sắp lặn phía chân trời. Trời tối sẫm khi chúng tôi tới ngôi nhà nằm nép bên một cây to, cành lá tỏa xòa. Điều đầu tiên mà tôi và Khatgi làm dù rất mệt mỏi là kéo cần ăng ten.

- Mời các bạn đón nghe buổi hòa nhạc dành cho piano các tác phẩm của Rachmaninoff⁽³⁸⁾. - Tiếng phát thanh viên đài phát thanh Moskva.

Radio đúng là điều kỳ nhất của những điều kỳ diệu!

Trong bữa tối, Khatgi giới thiệu tôi làm quen với một phụ nữ đứng tuổi xinh đẹp.

- Anh có thể nói chuyện với nữ đồng chí Dolores bằng tiếng Tây Ban Nha. - Anh giới thiệu.

Hóa ra, Dolores sống trong trại này với con gái, một cán bộ chính trị. Chồng Dolores là người Việt, sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam, đã hy sinh tại Điện Biên Phủ. Con gái bà, cô Elza ngăm đen, mập mạp, mang trong mình hai dòng máu Việt và Tây Ban Nha, thông thạo rất nhiều thứ tiếng. Cô làm công tác giác ngộ chính trị cho các tù binh sĩ quan và lính thường.

Con gió nào đã đem Dolores, người phụ nữ xinh đẹp mái tóc hoa râm từ vùng Cádiz xa xôi tới vùng núi rừng Việt Nam này?

“CHÚNG TÔI ĐÃ NGHĨ RẰNG HỌ SẼ XỬ BẮN CHÚNG TÔI...”

Sáu giờ sáng, chúng tôi đã có mặt ở vị trí quay phim để đợi Lê Hòa đang cưỡi ngựa đi đón đoàn tù binh. Cùng với tôi, nhà quay phim Mai Lộc sẽ quay cảnh này phục vụ cho thiên ký sự truyền hình Việt Nam. Chúng tôi đặt máy quay trên ngọn đồi cao.

- Họ sẽ đi qua đây trong vòng tiếng rưỡi nữa. - Lê Hòa nhảy xuống ngựa thông báo. - Họ khởi hành lúc tôi đang ở đó và tôi phi nước đại về đây.

Chưa đầy hai giờ đồng hồ sau, từ xa chúng tôi nhìn thấy đoàn tù binh đã đi bộ 400 kilômét từ Điện Biên Phủ về trại giam ở đây. Chúng tôi bắt đầu quay. Trong lúc quay, tôi nhớ tới dòng tít trên báo chí tư bản Pháp: *Thảm họa Điện Biên Phủ!, 17.000 người con nước Pháp bị bắt làm tù binh ở Việt Nam!, Đội quân viễn chinh như rắn mất đầu!*. Tôi nhớ lại những nghĩa địa lính Pháp đã gặp ở Việt Nam – trang trọng, với những hàng thánh giá trắng, dưới tên người lính có dòng chữ: “Morte pour la France” (“Hy sinh vì nước Pháp”). Cũng những nghĩa địa như vậy, với hàng trăm ngôi mộ, chỉ có điều không có thánh giá và thay vào đó là nửa vành trăng thạch cao – nghĩa địa của người Maroc. Dưới hình nửa vành trăng cũng có dòng chữ: “Morte pour la France”.

Trong vòng bảy năm nước Pháp mất hơn 320.000 binh lính và sĩ quan tại Việt Nam, trong số đó 218.000 người đã nằm lại Việt Nam. Những người trong đoàn tù binh đi thành hàng dài hút đến tận chân trời là những người sống sót trong địa ngục trần gian Điện Biên Phủ.

Họ mãi vẫn chưa tin là họ được đưa về trại giam. Một tù binh Pháp đeo lon thiếu tá, sau này có nói với tôi:

- Chúng tôi cứ nghĩ rằng họ sẽ xử bắn chúng tôi từng tốp ba-bốn chục người, sẽ dẫn vào rừng và bắn bỏ chúng tôi ở trong đó...

Đoàn tù binh dừng lại nghỉ. Tôi vẫn tiếp tục quay. Tôi quay cận cảnh những gương mặt tù binh sĩ quan và lính thường. Họ yên lặng để tôi quay, một số mỉm cười và thậm chí còn trêu chọc thân thiện với người quay phim.

Trong lúc quay, tôi không thể nói chuyện với họ, nhưng ánh mắt buồn bã của người lính Pháp với bộ râu mọc xồm xoàm, nhìn thẳng vào ống kính máy quay đã nói lên rất nhiều điều. Trong ánh mắt ấy không chỉ có sự mệt mỏi mà còn có cả sự thất vọng sâu sắc, nỗi khổ tâm, cay đắng và câu hỏi câm lặng: “Tại sao chúng tôi lại có mặt ở đây? Chúng tôi tới đất nước này vì cái gì? Chúng tôi tới đây như những tên lính đánh thuê và còn sống chỉ vì bị bắt làm tù binh!...” Đó là câu chuyện không lời. Sự im lặng ngấm hiều chỉ bị phá vỡ bởi tiếng xè xè của máy quay.

Một người tù binh tiến lại phía tôi. Anh ta trông còn trẻ. Trên khuôn mặt gầy gò, mệt mỏi hằn dấu vết của chặng đường nhọc nhằn phải đi bộ qua những con đường núi đèo. Bộ ria sáng màu, râu kiểu D’Artagnan. Chiếc va-rô bạc phếch, quần cộc – một loại quần soóc xù nóng để lộ đôi chân dài khẳng khiu lông lá trong đôi giày đinh to tướng của Mỹ.

- Tôi là nhà quay phim. - Anh ta nói. - Tên tôi là Schoendoerffer⁽³⁹⁾. Ông đại diện cho nước nào và hãng phim nào vậy?

Khi biết tôi là nhà quay phim Xô Viết, anh ta nhìn tôi với vẻ kinh ngạc không giấu giếm. Tôi đưa tay ra. Anh ta cảm động giơ cả hai tay nắm lấy tay tôi.

- Tôi rất vui được làm quen với ông, một đồng nghiệp! Tôi rất muốn được trò chuyện với ông. - Anh ta nói.

- Tôi cũng rất vui được gặp anh. Nhất định chúng ta sẽ gặp lại nhau. Tôi sẽ tìm anh.

Đoàn tù binh lại tiếp tục cuộc hành trình. Trong hàng ngũ tù binh, dù mỗi một, đã có tiếng nói chuyện sôi nổi, có tiếng cười. Họ vui mừng vì đã sắp tới nơi.

- Giá mà đồng chí nhìn thấy họ ở Điện Biên Phủ! - Khatgi nói. - Họ bị nhồi sọ một cách xuyên tạc và thù địch và nghĩ chúng ta nếu không hành hạ họ thì cũng sẽ nhanh chóng xử tử họ.

Tôi và Mai Lộc rất hài lòng với những cảnh quay. Đoàn tù binh dài dằng dặc, mặc dù đó chỉ là một phần nhỏ số quân đầu hàng ở Điện Biên Phủ, đã là một minh chứng không thể chối cãi cho tầm cỡ vĩ đại của chiến thắng lịch sử của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Dọc đường về trại tù binh chúng tôi đi qua ngôi làng, nơi đó chúng tôi nhìn thấy một nhóm tù binh đang chuyện trò với những người nông dân. Một người phụ nữ, một ông già, mấy cô gái trẻ vừa nói bằng tiếng Việt vừa sôi nổi ra hiệu. Những người Pháp cười ngượng ngịu, nhưng không hiểu được từ nào. Họ chỉ hiểu mỗi một điều: Không hề có mong muốn trả thù kẻ thất trận trong những lời nói đó.

“NHIỆM VỤ CỦA CHÚNG TÔI LÀ, KHI HỌ ĐÃ Ở TRONG TAY CHÚNG TÔI, PHẢI GIÁO DỤC HỌ”

Bọn đế quốc thực dân đã gây ra biết bao tang thương và chết chóc cho dân tộc Việt Nam! Những người dân Việt Nam bình thường lẽ ra phải cảm hận biết chừng nào những kẻ ngoại bang đã đem vũ khí tới xâm lược đất nước này! Sự hận thù đối với tù binh là điều dễ hiểu. Nhưng nhìn những người nông dân đang trò chuyện hòa bình với tù binh Pháp, ta chỉ biết khâm phục sự nhân đạo cao cả của họ đối với kẻ thù thất bại.

Trong những năm dài của cuộc kháng chiến, Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giáo dục người dân tình cảm quốc tế cộng sản cao cả. Kêu gọi nhân dân đứng lên đấu tranh chống thực dân, Đảng đã khiến mỗi người Việt Nam đều hiểu rằng hàng triệu người dân thường nước Pháp đang chiến đấu chống lại “cuộc chiến tranh bẩn thỉu” ở Đông Dương. Người Việt Nam ai cũng biết Raymonde Dien⁽⁴⁰⁾ và Henri Martin⁽⁴¹⁾. Tình yêu và sự kính trọng đối với nhân dân Pháp, với nền văn hóa Pháp là một trong những nét đặc trưng của dân tộc Việt Nam. Điều này đã được Léopold Figuières xúc động kể lại trong cuốn sách của mình. Ông kể, ông đã được đón tiếp nồng hậu và chân tình ở nông thôn, ở các đơn vị bộ đội. Ông xúc động khi bà mẹ nông dân thất học, đã mất hai đứa con trai trong chiến tranh, tiếp đón ông, một người Pháp, trong nhà mình, chia sẻ với ông từng vốc gạo và nói với ông những lời chân thành xúc động, bày tỏ lòng kính trọng đối với nhân dân Pháp.

Quan sát tập tù binh đang nói chuyện với những người nông dân, tôi không thấy có người lính gác nào bên cạnh.

- Tù binh được hoàn toàn tự do. - Lê Hòa giải thích. - Họ thường đến chơi những ngôi làng xung quanh, mua thực phẩm. Những người nông dân thường cho họ thêm nải chuối, quả dứa.

Chúng tôi đi quanh trại giam. Ở đây giam giữ 500 tù binh. Dưới bóng cây rậm rạp là những chiếc lán dài, mỗi lán cho 23 người. Giường nào cũng có màn chống muỗi. Trại giam sạch sẽ, quy củ. Những con đường thẳng tắp rải cát và sỏi. Rải rác những cái chòi dùng làm nơi trò chuyện với mái che bằng cỏ.

Chúng tôi đi ngang lán đọc sách, ngó vào trong. Báo, tạp chí tiếng Pháp bày trên bàn. Vài người lính đứng dậy khi chúng tôi bước vào.

Lê Hòa cho tôi biết thời gian biểu một ngày trong trại. Bốn giờ sáng thức dậy. Sau bữa sáng, làm việc đến 10 giờ 30. Từ lúc đó đến chiều, các tù binh được tự do.

- Họ làm những việc gì trong trại? - Tôi hỏi.

- Họ chỉ làm việc phục vụ bản thân. Xây lán ở, sửa sang trại giam, làm vườn, trồng thuốc lá.

- Chế độ dinh dưỡng của tù binh ra sao?

- Chế độ dinh dưỡng của họ cũng tương tự, đôi khi còn cao hơn cả của bộ đội. Khẩu phần ăn của tù binh được quy ra gạo, khoảng hai kilôgam mỗi ngày. Một phần của tiêu chuẩn này được chuyển cho bếp ăn, một phần được quy thành tiền để họ mua thịt, mỡ, hoa quả tại nhà dân hay ngoài chợ. Tù binh được ăn ngày ba bữa, được uống chè cả ngày không hạn chế. Đầu bếp là tù binh. Hàng ngày, đầu bếp cùng trực ban của trại đến kho, nơi có cân đong gạo, thịt. Tù binh dùng tiền mua chuối, đường, thuốc lá hay để dành tiền tổ chức những bữa liên hoan.

- Họ giải trí ra sao?

- Mỗi người một cách. Họ đọc báo, tập thể thao, chơi, sinh hoạt văn nghệ quần chúng. Tâm lý và hành vi tù binh có thể chia thành hai giai đoạn. Đầu tiên họ nghĩ rằng sẽ bị hành hạ và không thoát khỏi việc bị xử bắn. Không thể thuyết phục được họ. Ảnh hưởng của tuyên truyền thù địch quá sâu sắc, họ nghĩ mình sẽ bị tra tấn dã man, bị giết, bị làm nhục. Nhiều binh lính Pháp thả tù tự còn hơn bị bắt làm tù binh.

Năm 1950, trong chiến dịch Biên Giới, chúng tôi bao vây cánh quân của trung tá Le Page, bốn tiểu đoàn, 3.000 người. Siết chặt vòng vây, chúng tôi dồn chúng tới bờ vực sâu 200 mét. Hơn 600 người đã nhảy xuống vực và bỏ mạng.

- Còn trung tá Le Page?

- Vẫn khoẻ mạnh, tăng cân trong trại.

Ở giai đoạn hai, tù binh đã tin vào chính sách nhân đạo đối với họ, thấy rằng trong trại kỷ luật rất nghiêm, không những không được đánh tù binh, mà thậm chí không được quát mắng họ.

Tù binh không bị buộc phải tuyên bố hay tuyên thệ điều gì. Việc tham gia hội họp của họ là hoàn toàn tự nguyện. Thường thì ban đầu tù binh rất ít tham gia các cuộc họp. Các sĩ quan hầu như không tham gia. Nhưng dần dần họ tích cực hơn, thậm chí có trường hợp chính các tù binh yêu cầu mở cuộc họp. Chúng tôi nói với họ: “Các anh hãy thể hiện quan điểm của mình về chiến tranh và hòa bình theo cách mà các anh muốn.” Họ bàn bạc với nhau, thảo luận và chuyển cho chúng tôi tuyên bố của mình.

Y tế trong trại rất tốt. Bệnh viện dành cho tù binh 220 giường. Nhân viên bệnh viện gồm một bác sĩ viện trưởng, một phó viện trưởng là người Việt Nam, ba bác sĩ - tù binh. Ngoài ra, còn có được sĩ với hai phụ tá, 15 y sĩ và y tá. Trại có đội y tế lưu động do một bác sĩ làm đội trưởng, làm nhiệm vụ khám định kỳ cho tù binh. Có phòng cách ly. Về thuốc men, tính theo đầu người, trại có cơ sở thuốc nhiều gấp rưỡi cơ sở thuốc của các đơn vị bộ đội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Phải thấy sự khác biệt giữa bọn thực dân và binh lính, những nạn nhân của chúng. Khi binh lính của kẻ thù còn nằm trong tay bọn thực dân và chống lại chúng ta, nhiệm vụ chính của chúng ta là tiêu diệt họ. Khi họ nằm trong tay chúng ta, nhiệm vụ của chúng ta là giáo dục họ, biến họ thành những đồng minh của hòa bình, biến kẻ thù thành người phản chiến.”

PHỎNG VẤN TRUNG ÚY DE VILLE NEUF

- Chính phủ rất quan tâm tới việc đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục tù binh. Chúng tôi đã có những sai lầm. Có trường hợp ban quản lý trại cư xử thô lỗ với tù binh. Nhưng đó chỉ là những trường hợp cá biệt, những người sai phạm đã bị xử lý. Hiện nay, những trường hợp như vậy đã không còn nữa. - Lê Hòa nói.

- Trong lúc giao tranh có trường hợp tù binh được tha trước hạn không?

- Rất nhiều. Chỉ riêng ở Việt Bắc từ năm 1951 đã có hơn 3.000 tù binh được tha. Chúng tôi tập trung họ tới đồn Pháp gần nhất và thả họ.

- Họ được thả vì lý do gì?

- Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhân mạnh nguyên tắc không trao trả họ cho đội quân viễn chinh và quân đội chủ lực, mà trả họ về với nhân dân Pháp. Chúng tôi tìm hiểu nguồn gốc xuất thân của tù binh, tâm trạng của họ, hành vi của họ khi ở trại. Tất nhiên cũng có những kẻ cố tình làm ra vẻ đã được cảm hóa, đã trở thành những đồng minh của hòa bình. Đó chỉ là cá biệt. Phần đông tù binh thật sự đấu tranh vì hòa bình và đã gây nhiều phiền nhiễu cho quân đội viễn chinh. Chỉ huy Pháp ngay lập tức cách ly hoàn toàn các tù binh được tha như thể họ bị huỷ – họ được chở thẳng ra máy bay tàu thủy và được đưa về Pháp hay châu Phi.

Chúng tôi đã thả tự do cho trung úy De Ville Neuf, con trai một vị tướng Pháp danh tiếng. Trung úy De Ville ngay sau khi được thả tự do trả lời phỏng vấn tờ *New York Times*. Cuộc phỏng vấn về thực chất là một tuyên bố có lợi cho chúng tôi. Anh ta kể về thái độ nhân đạo của người Việt Nam đối với tù binh Pháp, nhấn mạnh rằng anh ta không hề bị ép buộc phải nói như vậy.

- Có trường hợp trốn trại không?

- Tất nhiên là có, những người bỏ trốn thường là sĩ quan. Nhưng hầu như họ đều bị nhân dân bắt giữ. Đôi khi bị lạc trong rừng, những người bỏ trốn tự nguyện nộp mình cho chính quyền khi hiểu được tình thế tuyệt vọng của mình.

Tháng tám năm 1953, trại tù binh sĩ quan nằm bên bờ sông Cẩm có ba sĩ quan bỏ trốn – đại úy Bualo và hai trung úy. Họ chuẩn bị cho cuộc chạy trốn hơn một tháng trời. Tích trữ lương thực – gạo, muối. Bí mật chuẩn bị bè tre và nhân đêm tối, họ trốn bằng đường sông. Ban ngày, họ trốn trong rừng và ngủ. Đêm, họ bơi dọc sông. Trại đã thông báo cho tất cả các đơn vị an ninh đường bộ và các trạm kiểm soát đường sông về vụ trốn trại. Đến đêm thứ tư thì họ bị một người lái đò phát hiện. Họ bị bắt và đưa trở lại trại. Đó là vụ trốn trại điển hình, được chuẩn bị kỹ lưỡng từ trước. Chúng tôi đã thông báo cho các trại khác và một số trại đã phát hiện được bè tre, lương thực, danh sách các sĩ quan chuẩn bị bỏ trốn, giấy tờ giả. Trốn trại không khó, trại được bảo vệ không nghiêm ngặt. Ở những trại tù binh sĩ quan lớn, đội ngũ bảo vệ chỉ vền vẹn có 12 chiến sĩ, kiêm cả việc cung cấp thực phẩm cho trại.

Có một trường hợp thể này. Sau các trận đánh phía Đông năm 1952, sau khi chiếm được đồn Phả Lại, một tốp tù binh Pháp được chỉ đường và được yêu cầu tự đi đến trại không có người áp giải. Họ vẫn mang vũ khí. Dọc đường, họ đói và nhìn thấy mấy người Việt Nam đang thổi cơm bên đường. Bước ra khỏi rừng, họ ra lệnh: “Giơ tay lên!”. Sau khi ăn no, họ hạ vũ khí và thú nhận mình là tù binh. “Bây giờ hãy chỉ cho chúng tôi đường về trại”, họ nói với những người Việt Nam đang đứng sững sờ như vậy.

- Nhân dân ở những làng quanh đây có thái độ thế nào đối với tù binh? - Tôi hỏi, nhớ đến cuộc trò chuyện của tù binh và nông dân sáng nay.

- Trại thường xuyên đón đại diện các làng xung quanh tới cho quà. Họ mang tới túi đường, nải chuối, gói thuốc. Trong những ngày lễ như ngày mừng hai tháng chín, ngày 19 tháng Tám, ngày Tết âm lịch, nông dân thường đến trại trò chuyện thân mật với tù binh, tiến hành mít tinh. Các đội văn công hòa tuyền đôi khi biểu diễn văn nghệ và diễn kịch. Đôi khi trong trại còn có chiếu phim, tất cả dân xung quanh đây đều kéo đến xem.

Đến giờ ăn trưa, chúng tôi quay cảnh một nhóm tù binh Maroc ngồi bên bàn ăn. Mỗi người một đĩa cơm to nấu với mỡ. Giữa bàn đặt mấy đĩa thịt trâu thái bán. Cách đó không xa, một nhóm người Maroc ngồi thành vòng tròn trên khoảng đất trống. Giữa vòng tròn, hai người mặc quần áo dân tộc – áo choàng trùm đầu làm từ ga trải giường, đang sôi nổi nhảy múa. Một người già nữ. Họ nhảy múa trong tiếng đệm của dàn nhạc – hai trống, một đàn dây

giống như hai cây sáo trúc. Những người ngồi xung quanh vỗ tay, hò hét phụ họa, cười nghiêng ngả trước những điệu bộ ông ẹo khôi hài của “người phụ nữ”.

Khatgi không dừng được, nhập hội với những người đồng hương, giăng trống, vừa hát theo tiếng sáo, vừa gõ trống dồn dập và điệu nghệ. Chúng tôi cũng quay cả cảnh này.

1.800 KILÔMÉT ĐƯỜNG MÒN CỦA HỒ

Dẫn chúng tôi đi thăm trại giam, Lê Hòa thường dừng lại bên những ngôi nhà tranh, trò chuyện sôi nổi với những người Pháp. Đồng chí rất giỏi tiếng Pháp, nói tiếng Pháp như người Paris chính gốc. Nhiều lần các tù binh lại gần chào anh kính cẩn, đề đạt nguyện vọng. Anh rút sổ ra ghi chép. Trong thái độ của tù đối với người sĩ quan Việt Nam trẻ tuổi thấy rõ sự kính trọng chân thành. Dù đối với anh, họ giữ nghiêm kỷ luật quân đội, nhưng có sự tự nhiên chân thành trong những câu chuyện ấy. Họ cảm thấy được tôn trọng, hiểu rằng ở đây không ai có quyền xúc phạm lòng tự trọng của họ.

Sĩ quan Lê Hòa là cán bộ của Cục Quản lý trại tù binh thuộc Bộ tổng tư lệnh. Anh còn rất trẻ. Cha anh, một công chức nhỏ có điều kiện cho anh theo học trường Pháp ở Hà Nội. Cách mạng tháng Tám đã cuốn chàng thanh niên 17 tuổi tham gia đấu tranh cách mạng. Tại Hà Nội, anh tích cực tham gia kháng chiến, gần một năm chiến đấu tại các mặt trận phía Bắc. Sau khi bị thương, Bộ Tư lệnh điều anh sang làm công tác địch vận. Anh lãnh đạo một nhóm lớn cán bộ địch vận. Công việc khó khăn và nguy hiểm. Thâm nhập vào khu vực đóng quân của địch, họ tiến sát gần đồn bót, và nằm trong nơi ẩn nấp, họ kêu gọi lính Pháp hạ vũ khí, đứng về phía quân đội Việt Nam. Khi bị địch phát hiện, họ phải rất khó khăn để trốn tránh, thoát khỏi vòng vây. Có lần, vào năm 1949, họ phải chạy vào rừng. Những người dân địa phương che giấu họ, còn quân Pháp mở cuộc truy lùng, vây bắt. Họ phải trốn trong rừng nhiều ngày liền, sống bằng quả dại, uống nước lã, bị sốt rét hành hạ. Vòng vây của quân Pháp siết chặt dần. Một đồng chí hy sinh. Họ phải nỗ lực để thoát khỏi vòng vây.

Sau lần đó, anh được cử vào miền Trung để tham gia công tác địch vận ở Chiến khu Năm. Sau đó, anh lại được cử ra Bắc dẫn đầu đoàn đại biểu tham dự Đại hội cán bộ địch vận. Họ phải vượt qua 1.800 kilômét đường rừng, đường núi. Đêm, họ ngủ trong những căn lều bỏ hoang trong rừng. Sáng ra, họ đi mãi miết, đến tối lại tập hợp nhau lại. Họ đi theo những con đường mòn nơi chỉ có dấu chân voi rừng và hổ. Những con đường mòn của thú rừng trong lòng địch là đường giao thông nối liền miền Bắc và những vùng miền Nam được giải phóng. Giặc phát hiện ra những con đường này, chúng đặt bẫy, phục kích. Họ phải đi vòng rất xa xuyên qua những khu rừng rậm rạp, đường đi dài gấp ba lần. Cái nóng, sốt rét, mưa rừng, cái đói làm họ kiệt sức. Trong đầu họ luôn chỉ có một ý nghĩ – nếu chạm trán địch, phải bảo vệ tài liệu chính trị. Họ chỉ có thể chạy về phía Tây, nơi có những bộ tộc nửa hoang dại sinh sống trong những khu rừng trên núi cao.

Hoàn thành chuyến đi, Lê Hòa được cử đi học lớp cán bộ chính trị. Kết thúc khóa học, anh cùng trung đoàn hành quân 600 kilômét lên Điện Biên Phủ.

NẾU LÀ NGƯỜI VIỆT NAM, TÔI HẸN ĐÃ CHIẾN ĐẤU BÊN PHÍA CỤ HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi nói chuyện với trung tá Marcel Bigeard chỉ huy tiểu đoàn lính dù quân đội viễn chinh Pháp trong một căn nhà lớn, sau khi tôi quay nhóm sĩ quan tù binh nghe đài, đọc báo ở Pháp gửi sang.

Một viên sĩ quan trẻ dò dẫm đi tìm khá lâu trong không trung, bất chợt đã bắt được trên làn sóng ngắn một đài phát thanh nào đó. Chúng tôi nghe thấy tiếng trống rung rì rầm rầm và cái giọng hát dịu dàng, rung động lòng người của Yves Montand⁽⁴²⁾. Trong căn nhà, không khí im lặng hẳn xuống. Trong tiếng đệm nhẹ nhàng của dàn nhạc, Montand sẽ hát bài ca của người lính Pháp: “Anh lính đi ra trận. Trong túi dệt anh mang theo chiếc gậy thống chế. Từ mặt trận trở về, trong

túi dẹt anh chỉ mang theo một ít áo quần bẩn...”

Bộ mặt của các sĩ quan dăm chiêu và cau có. Trong rừng rậm Việt Nam, trong những boong-ke bê tông cốt sắt của các đồn bốt bị bao vây bởi một niềm căm thù của con người, họ đâu có mơ đến cái gậy chỉ huy của thống chế. Họ đã buồn nhớ tới nước Pháp, tới gia đình, có thể, trong thâm tâm hy vọng khi trở về họ được thăng cấp bậc cao hơn.

Còn giờ đây, ngồi nghe bài hát trên đầy nụ cười châm biếm chua cay, họ đang nghĩ gì? Họ nghĩ về ánh mắt ám áp của những cặp mắt xanh thân yêu ư? Hay tiếng trẻ bập bẹ học nói? Về sự bất tài của các vị chỉ huy của mình...

“PARIS ĐÁNG YÊU, TƯƠI VUI, NGƯỜI Ở ĐÂU?...”

Trung tá Bigeard ngồi ngay ngắn bên bàn, ngẩng cao mái đầu tóc cắt ngắn như tóc của võ sĩ quyền Anh, hai bàn tay to lớn nâu sạm vì cháy nắng, đặt trên bàn. Tiếng đồn dữ tợn về sự liều lĩnh bạt tử của những tên lính dù đơn vị Marcel Bigeard lan khắp Đông Dương. Tướng Nava coi tiểu đoàn Bigeard là đơn vị trung thành và đáng tin cậy nhất trong quân đội của mình.

Bigeard có bộ mặt dài, da bóng láng, màu da cừu. Đôi mắt xám lạnh lùng của người lính. Ông ta nói chậm chạp, cân nhắc từng chữ. Lần đầu tiên trong đời, ông ta nói chuyện với một phóng viên Liên Xô.

- Tôi vui mừng có cuộc chuyện trò này. - Ông ta nói. - Tôi sẽ cởi mở với ông. Nếu tôi có làm ông phật ý bởi sự cởi mở của mình, thì xin ông thứ lỗi cho.

Rõ ràng là ông ta cảnh giác và chuẩn bị phản công về điều gì đó, không ngờ rằng tôi không có ý định tranh luận gì với ông ta, cũng chẳng định thuyết phục ông ta một điều gì cả. Tôi bắt đầu từ những câu hỏi về sức khỏe của ông ta, về sự đối xử của những người Việt Nam đối với các sĩ quan tù binh Pháp, về các điều kiện sống trong trại. Ông ta trả lời hăng hái và tin tưởng.

- Tôi sẵn sàng trả lời ông! Là một người lính, tôi khâm phục cách đối xử cao thượng của những người Việt Nam đối với tù binh. Nhân tiện cũng phải nói rằng chưa bao giờ tôi tin những chuyện bịa đặt về hành động thú vật của Việt Minh. Trại tù binh là trại tù binh! - Ông ta mỉm cười và nhún vai. - Trại tù binh đâu phải là an dưỡng đường. Nhưng chúng tôi được cung cấp đủ mọi thứ cần thiết: ăn uống, thuốc men cứu chữa, chỗ ở sạch sẽ. Ở đây, người ta tôn trọng phẩm giá con người. Tôi không thấy có hành động nhỏ nào của những người Việt Nam xâm phạm đến danh dự quân nhân của tôi, hay một mưu toan nào nhục mạ tôi.

- Đối với tôi, tôi không nghi ngờ gì sự dũng cảm của binh lính Pháp - tôi nói - sự quả cảm của họ trong những trận chiến vì tổ quốc trong đại chiến thế giới thứ nhất và thứ hai. Ông Bigeard, ông có cho rằng, đánh nhau ở Việt Nam, binh lính Pháp cũng chết như ở Verdun, vì lợi ích của nước Pháp và nhân dân Pháp?

Một tiếng “không” gay gắt bật ra từ cửa miệng của ông ta.

- Điều đó không phải thế! - Ông ta giận dữ dần mạnh. - Và điều này tôi cũng đã nói với binh lính dù của tôi khi ở Điện Biên Phủ, tình hình trở nên tuyệt vọng! Giữa hai đợt tấn công của người Việt Nam, tôi đã tập hợp nhóm người ít ỏi còn sống sót. Khi đó, tôi bảo với họ rằng chúng ta chiến đấu ở đây không vì nước Pháp và cũng chẳng vì lý tưởng nào cả, chúng ta chỉ thi hành mệnh lệnh quân sự. Nhưng tôi hạ lệnh cho họ phải thi hành mệnh lệnh này và chiến đấu đến cùng, không được để mất danh dự người lính Pháp để tránh số phận nhục nhã của những tên tù binh.

- Ông nói “danh dự người lính” - tôi nhận xét - và “danh dự tổ quốc” - đó là những khái niệm vĩ đại. Theo ông, hai khái niệm đó khác nhau ư?

- Tất nhiên là không, những khái niệm gắn liền với nhau; không phải người lính, mà những kẻ đánh thuê mới có thể tách riêng chúng ra!

- Nhưng như tôi được nghe nói, phần lớn nhân dân Pháp không coi cuộc chiến tranh ở Đông Dương là danh dự của nước Pháp. Thậm chí nhân dân Pháp còn gọi cuộc chiến tranh này là....

- Cuộc chiến tranh bẩn thỉu! - Bigeard ngắt lời tôi.

- Như vậy thì ông có cho rằng danh dự người lính của binh lính và sĩ quan Pháp đánh nhau ở Việt Nam có phù hợp với đất nước Pháp không?

Bigeard lắc đầu suy nghĩ. Ông ta hít một hơi thuốc dài và nhấp một ngụm rượu “Saint James”.



Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch



Con đường lên Điện Biên Phủ dài 300 kilômét được xây dựng bằng tay.

Cây đa Tân Trào sum suê tỏa bóng trong tiếng lá rì rào.



**Máy bay vận tải phá hoại pháo binh của Quân đội
Nhân dân Việt Nam tại sân bay Điện Biên Phủ.**

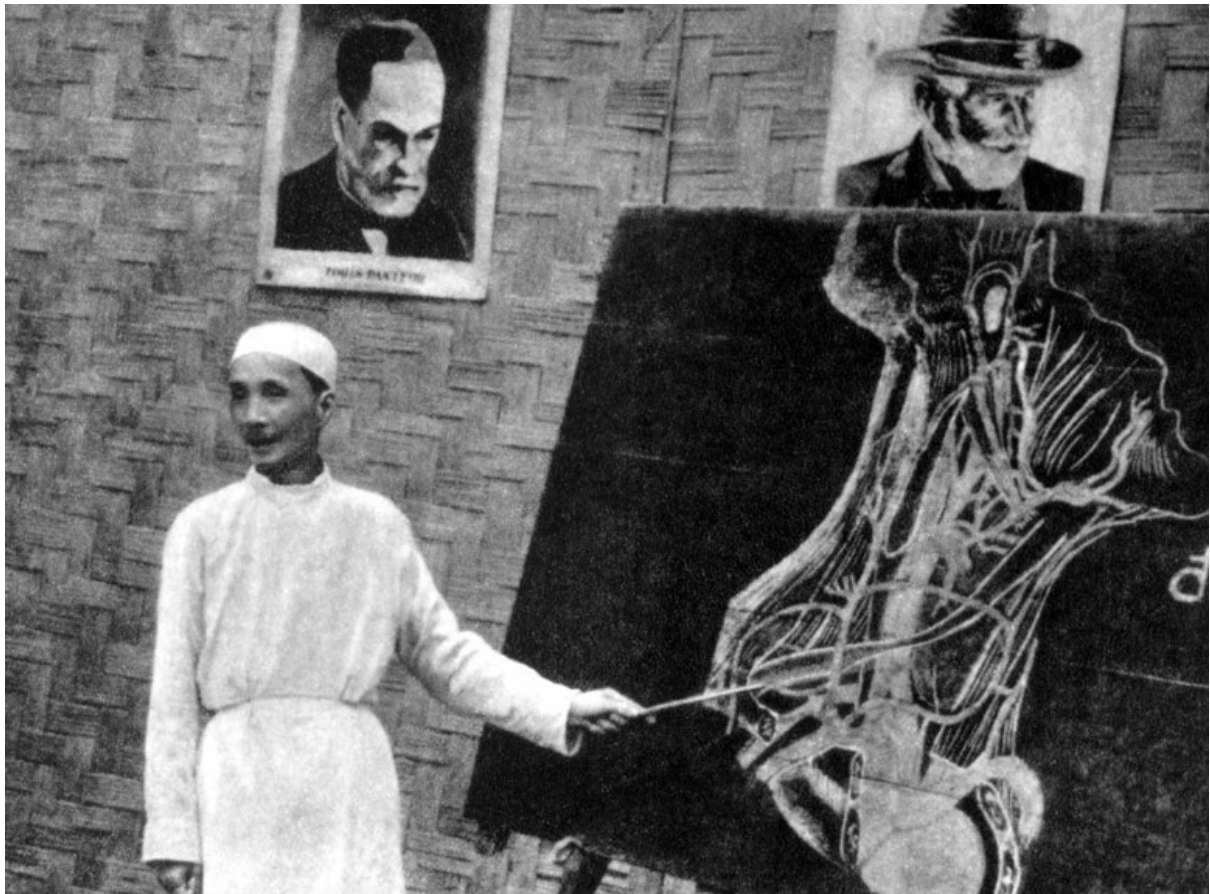




Nhà quay phim Mai Lộc



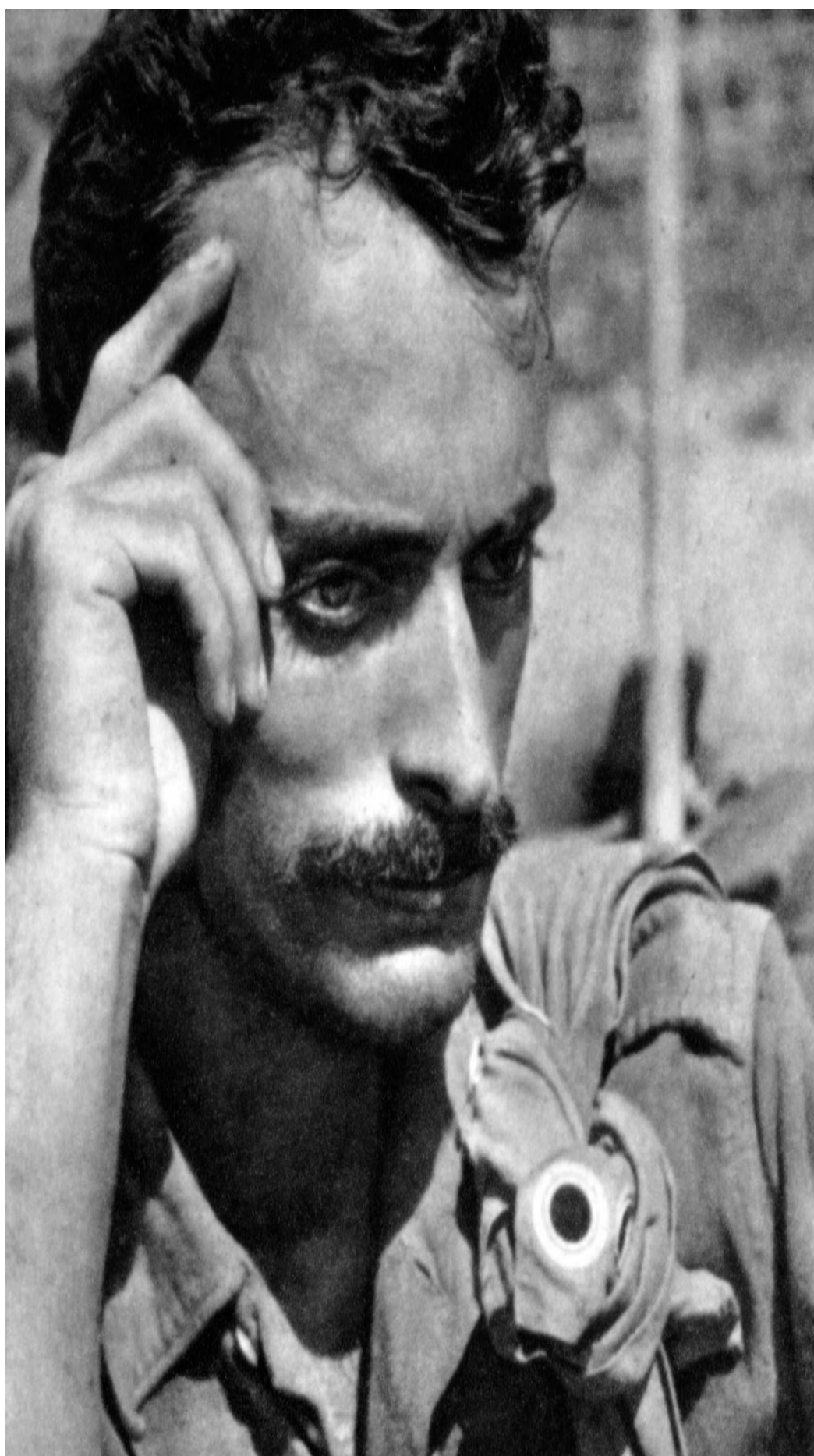
Giảng đường của Đại học Y khoa được chính sinh viên và giảng viên xây dựng.



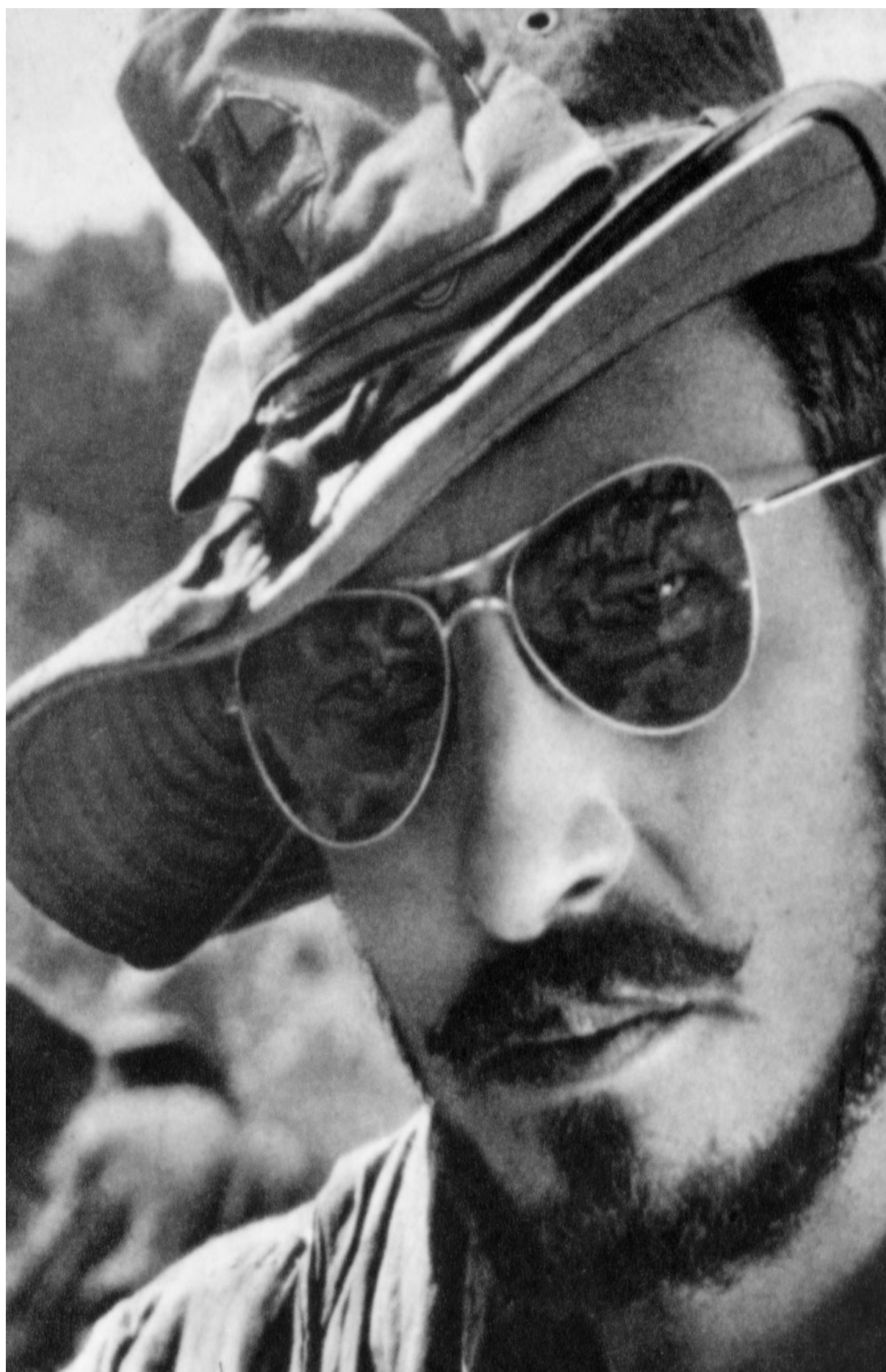
Hiệu trưởng trường Đại học Y khoa – Giáo sư Hồ Đắc Di đang giảng bài.

Phòng thí nghiệm trong rừng của Giáo sư Đặng Văn Ngữ – người đã sáng chế ra loại penicillin “địa phương” của Việt Nam.





Paris đáng yêu, tươi vui, Người ở đâu?!

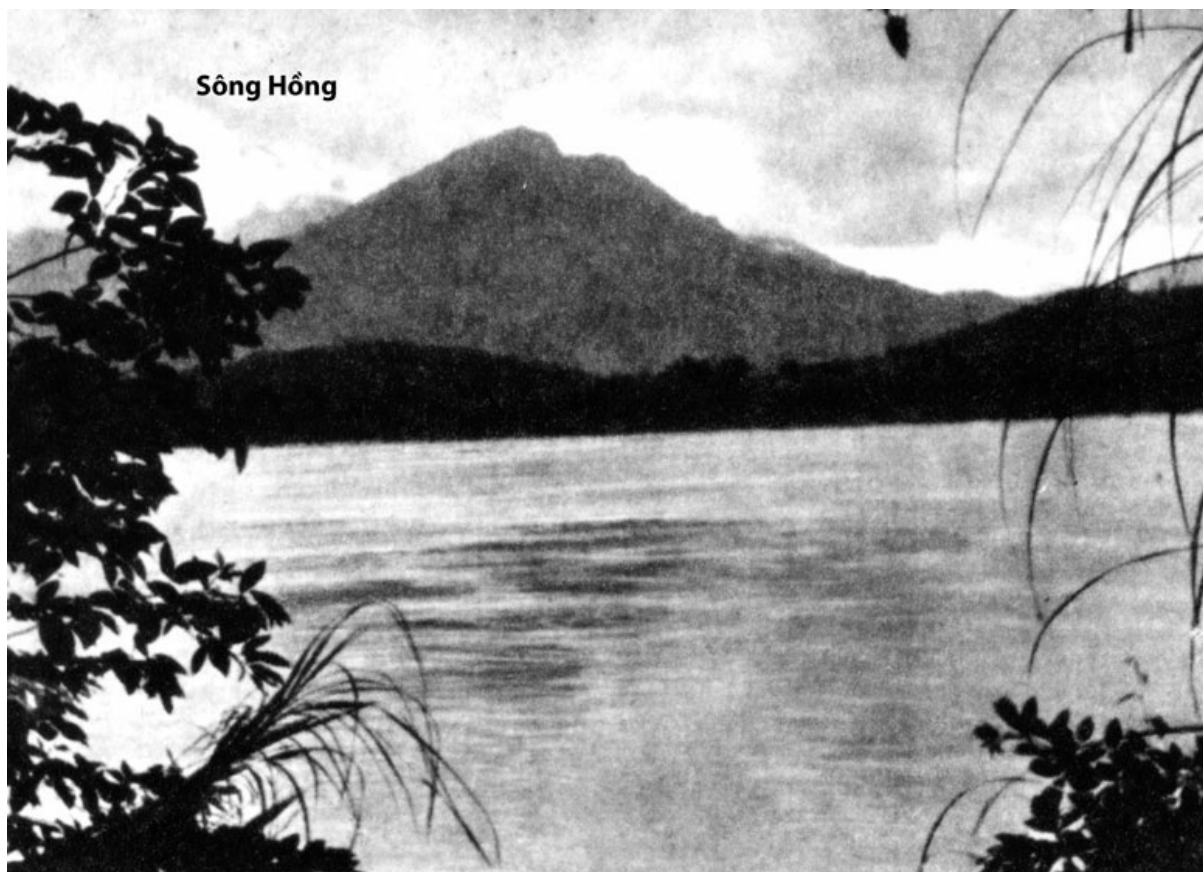




Chiếm pháo đài của địch

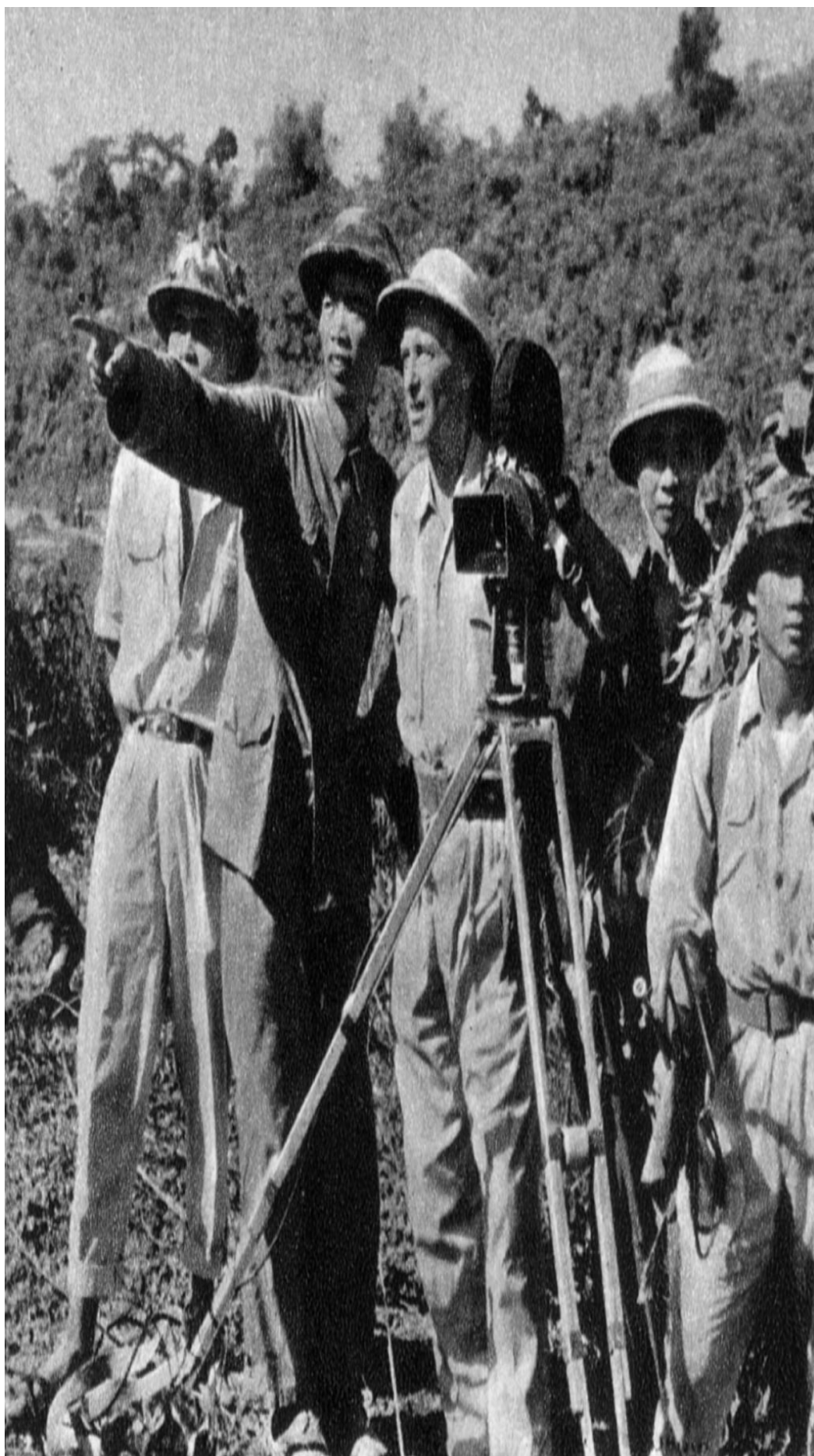


"Đội quân viễn chinh như rân mắt dầu!"
- báo chí Pháp viết về trận Điện Biên Phủ.



**Những chiếc thuyền tre,
rất nhẹ được giấu trong những cánh rừng ven sông.**





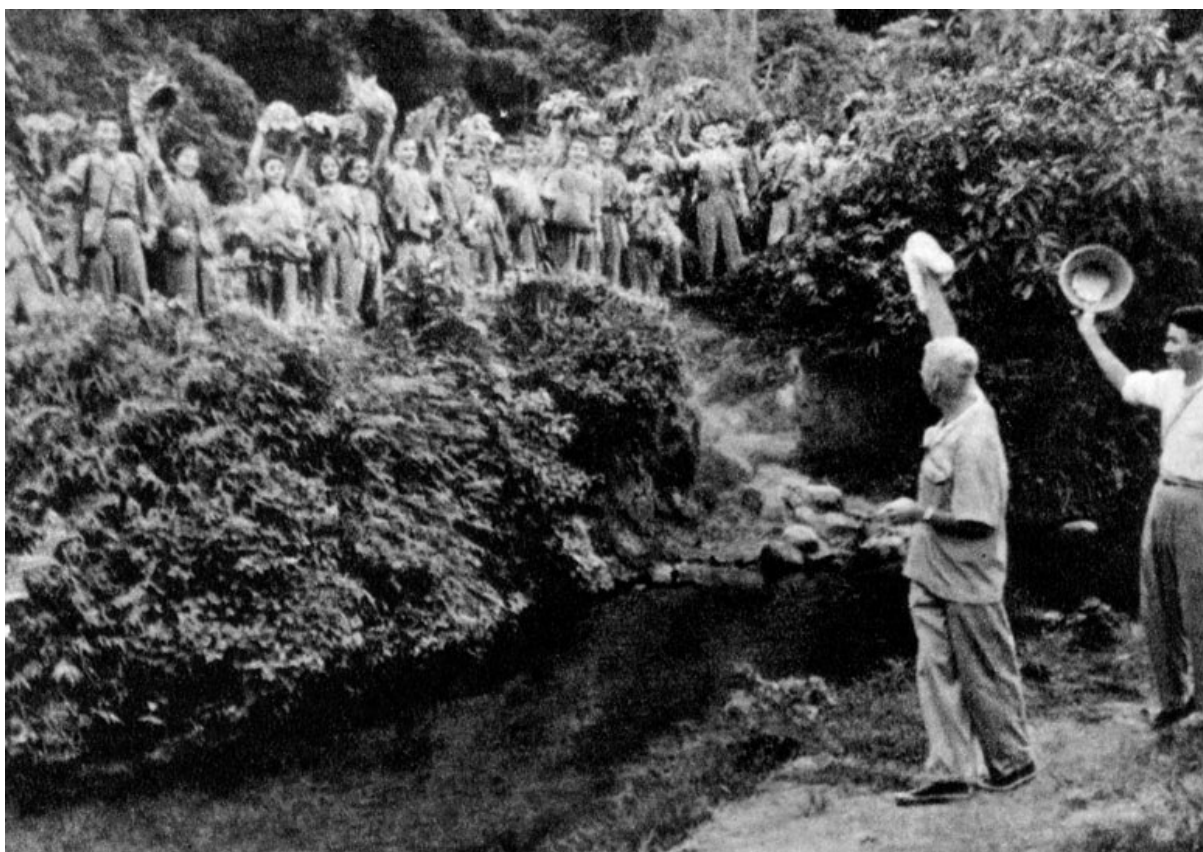
30 phút nữa là bắt đầu trận pháo kích dọn đường...



Chú khi đuổi sóc Tyushka bắt đầu trở thành bạn đồng hành của Gienhia Mukhin.



Những bài hát về vùng châu thổ đầy nắng



– Hẹn gặp lại tại Hà Nội tự do!

Chúng tôi đi men theo bờ một con sông rộng.





**Thợ rèn Cao Viết Bảo – Anh hùng Lao động của Việt Nam.
Anh quai búa nhanh lên những thỏi đúc rực đỏ.**

Còn đây là một xưởng cơ khí trong rừng.



- Lần đầu tiên tôi đến với Việt Nam là vào năm bốn lăm - ông ta nói - Sau đó, tôi còn đến mấy lần nữa. Chắc ông có nghe tên của tướng Leclerc? Khi nước Pháp bị nước Đức phát xít đánh bại, tôi là hạ sĩ quan chiến đấu dưới quyền chỉ huy của Leclerc, tôi khâm phục và kính trọng ông ấy. Và ngay trong Đại chiến thế giới lần thứ nhất, tôi cũng đã chiến đấu dưới quyền chỉ huy của ông ấy. Lúc đó tôi là lính trơn, còn ông ấy là trung úy. Sau đó, ở trong đội quân của Leclerc, tôi chiến đấu tại Đông Dương. Khi đó, chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi chiến đấu cho nước Pháp vĩ đại. Thời gian này ở đây chỉ có người Pháp, người Mỹ còn chưa can thiệp vào. Cũng phải nói, tôi không muốn nói đến chuyện đó. - Bằng một động tác nóng nảy, ông ta tắt điều thuốc lá và đặt hai tay lên bàn. - Tôi muốn giải thích cho ông những bước phát triển trong nhận thức ái quốc của tôi. Khi tôi nghĩ đến nước Pháp vĩ đại, trong ý nghĩ của tôi tình thân yêu thương không tách rời danh dự người lính. Nhưng năm năm sau, sau thất bại ở tỉnh Cao Bằng, khi những người Việt Nam hầu như tay không, đói khát, đã giành được một chiến thắng lẫy lừng đối với quân đội của chúng tôi, tôi cảm thấy rằng đối với chúng tôi, chiến tranh đã xoay chuyển theo chiều hướng xấu. Tôi cảm thấy rằng cuộc chiến tranh này vô bổ và hiểu ra rằng phải lập tức chấm dứt nó. Hơn bao giờ hết, khi ấy tôi muốn trở về nhà, về với gia đình mình. Tôi sống hai năm tại Pháp, nhưng có lệnh ban hành – tiểu đoàn dù thuộc địa lại phải sang Đông Dương. Và năm 1952, tôi lại đến Đông Dương. Đây là lần thứ ba tôi đến đây.

Ở Pháp, người ta bảo với tôi rằng tình hình ở vùng đồng bằng đã ổn định, rằng quân đội Pháp đã kiểm soát tất cả các khu quân sự. Nhưng, lần thứ ba đến Việt Nam, tôi tin chắc rằng mọi chuyện không phải như người ta nghĩ ở Pháp. Chẳng có sự ổn định nào hết! Trong số 10 làng xóm, chỉ có một nằm dưới sự kiểm soát của chúng tôi, mà cũng chỉ là cái làng nằm cạnh đường cái. Còn những làng kia nằm trong tay du kích Việt Nam.

Trong chuyến đi thứ ba, tôi đến thăm người bạn tôi tên là D. Tôi đề nghị ông không ghi tên anh ấy, câu chuyện của tôi có thể nguy hại bước đường công danh của anh ấy. Tôi nói chuyện với anh ấy, và anh ấy cam đoan với tôi rằng chúng tôi đến Đông Dương vào trước lúc kết thúc chiến tranh. “Anh chưa kịp hết hạn phục vụ, cuộc chiến tranh đã kết thúc rồi”. D. nói với tôi. Tôi rất quý anh ấy. Anh ấy là con người thẳng thắn. Tôi đã tin anh ấy.

- Nói về sự kết thúc của chiến tranh, anh bạn của ông muốn nói đến chiến thắng hoàn toàn của Pháp ở Đông Dương ư? - Tôi hỏi.

- D. không nói rõ với tôi điều đó. Tôi muốn giải thích sự tiến triển trong thế giới quan của người sĩ quan Pháp, nghĩa là của tôi, một con người ít hay đúng hơn, hầu như không làm chính trị và căm ghét chính trị.

Tôi chia bọn quân nhân chúng tôi ra nhiều loại khác nhau. Loại một – loại này trong đó có tôi – đó là binh lính và sĩ quan, đã chiến đấu anh dũng chống bọn Đức, những con người bao giờ cũng sẵn sàng cống hiến cuộc đời của mình, máu của mình vì Tổ quốc, khi nước Pháp kêu gọi họ làm việc đó. Loại hai – các sĩ quan trẻ vừa được tiến cử. Họ hăng hái đến đây, nhưng hoàn toàn không biết rằng họ chiến đấu vì cái gì. Họ đánh nhau, chỉ để thi hành mệnh lệnh của cấp trên. Còn có một loại nữa... Về loại này, có thể tôi không nên nói với ông... Tuy nhiên - ông ta khoát tay - tôi nói vậy! Đó là những sĩ quan vì quân hàm chức tước cao. Chúng tôi không thấy họ trong chiến đấu, họ cố tìm cách ngồi ở các sở chỉ huy để tránh cái chết.

Khatgi nói chen vào chuyện:

- Hình như chiến tranh ở Đông Dương rút ngắn thời hạn tính hưu. - Anh nói. - Ở đây ở tuổi 53 đã có thể hưởng mãn hạn phục vụ? - Bigeard gật đầu.

- Binh lính chiến đấu dưới sự chỉ huy của các cấp trên. Bản lĩnh chiến đấu của người lính hoàn toàn phụ thuộc vào người chỉ huy: Người chỉ huy giỏi thì binh lính cũng giỏi.

- Tôi tán thành - tôi nói - nhiều điều phụ thuộc vào người chỉ huy. Nhưng ông không nghĩ

rằng tất cả phụ thuộc vào việc người lính có hiểu họ chiến đấu vì điều gì hay không ư? Ông đánh giá cao tướng Leclerc như một vị chỉ huy có tài, nhưng ông ta đã không giành được chiến thắng ở Đông Dương và các tướng lĩnh khác của nước Pháp cũng không giành được chiến thắng tại đây. Rõ ràng, chất lượng của người chỉ huy không thể thay thế được lý tưởng bảo vệ Tổ quốc. Ông Bigeard, ông không đồng ý với tôi điều đó sao?

- Tôi hoàn toàn đồng ý chứ! Nhân tố quyết định tất nhiên là tinh thần quân đội, lý tưởng của người lính, đi chiến đấu, họ biết rõ mình chiến đấu vì cái gì. Đáng tiếc, tôi có thể nói với ông rằng ngoài vài tiểu đoàn dù và vài đơn vị cơ giới – những đơn vị có thể so sánh về mặt kiên cường và dũng cảm với quân đội Việt Nam, còn lại đều là đồ bỏ đi!

Ông ta khinh bỉ nhún vai như thể rúm người lại vì lạnh.

- Về các tướng lĩnh - ông ta nói tiếp - sĩ quan và tướng tá quân đội Việt Nam xuất thân từ nhân dân, từ hàng ngũ lính trơn. Tôi chỉ có văn hóa tiểu học. Được học đến năm 12 tuổi. Nhưng những người như tôi trong quân đội Pháp rất ít. Phần lớn sĩ quan và tướng tá Pháp đều xuất thân từ trường Saint-Cyr và các trường, cũng như các học viện khác. Tướng tá của chúng tôi chỉ có một chỉ hướng là được tặng thưởng và chức tước cao, phục vụ cho xong hạn hai năm ở Việt Nam. De Lattre de Tassigny đã đạt được ở đây cấp bậc cao nhất – cấp bậc thống chế, nhưng ông ấy đã hy sinh mất đứa con trai ở Đông Dương. Có lẽ ông ta là vị chỉ huy chân chính như Leclerc – ông có thể không ghi điều này, mà cũng chẳng sao, ông cứ viết đi. Còn các vị chỉ huy khác của chúng tôi... Ông ta khoát tay một cách tuyệt vọng, bức tức. Về kết quả cuối cùng của cuộc chiến tranh ở Việt Nam - ông ta nói tiếp - có thể nói một điều: Chúng tôi sẽ thua trong cuộc chiến tranh này, nếu chúng tôi không lập tức kết thúc nó... Phương pháp chiến tranh của Pháp ở Đông Dương đã già cỗi. Bây giờ không thể sống bằng quá khứ. Ông có nhớ rằng ở Pháp, chỉ những người đến một tuổi nhất định nào đó mới có thể được nhận quân hàm và cấp bậc. Chẳng hạn chỉ đến tuổi 50 mới có thể là trung tá. - Ông ta cười khẩy. - Người 50 tuổi không thể đi bộ được 20 cây số. Mà ở Đông Dương cần phải vận động mau lẹ. Binh lính của chúng tôi, quân đội của chúng tôi và phương pháp chiến tranh của chúng tôi phải tổ chức lại toàn bộ, phải cho nó một sự vận chuyển sinh động. Tôi là viên trung tá trẻ nhất trong quân đội Pháp, mà tôi cũng đã ngoài 50 rồi! Tôi chiến đấu 15 năm và huân chương chiến công của tôi thậm chí còn nhiều hơn của ông De Lattre de Tassigny quá cổ. Ước vọng tha thiết nhất của tôi là xây dựng ở Pháp một quân đội gồm những người trẻ, giáo dục họ trong tinh thần mới của chủ nghĩa ái quốc, để chiến đấu chống quân xâm lược nước ngoài, khi cần phải chiến đấu thì chiến đấu như những người Việt Nam.

Suy nghĩ một thoáng, ông ta nói tiếp:

- Tôi thường vẫn nói, nếu như tôi là người Việt Nam, tôi hẳn đã chiến đấu bên cạnh cụ Hồ Chí Minh...

Nhiều lần tôi nói với binh lính của tôi: “Nếu như chúng ta có chiến thắng đi nữa, thì cũng không phải vì chúng ta chiến đấu cho một lý tưởng nào – chúng ta không có lý tưởng nào cả.” Nhưng chúng tôi không có lối thoát nào khác là phải chiến đấu một sống một chết. Có lẽ, đối với tôi, cuộc chiến tranh này là một cuộc thi thể thao: bất kể giá nào cũng phải chiến thắng! Nhiều lần tôi đã chiến thắng trên chiến trường. Trong nhiều trận ác liệt, tôi đã gìn giữ sinh mạng binh lính của mình. Nhưng trong trận cuối cùng ở Điện Biên Phủ, chúng tôi đã bị đánh tan tác. Từ lâu, ngay từ ngày 15 tháng 4, tôi đã đề nghị tướng De Castries là cần phải đưa binh lính Pháp ra khỏi Điện Biên Phủ, cứu lấy sinh mệnh của họ. Không còn lối thoát nào khác. Đó là cái nhìn nghề nghiệp. Còn về nhân tố đạo lý, tôi đã nói với ông rằng tôi khâm phục chủ nghĩa anh hùng của nhân dân Việt Nam, họ chiến đấu chống chúng tôi vì tự do và độc lập của mình. Còn nếu như nói về sự tiến triển về đạo lý diễn ra trong tôi sau ba giai đoạn tôi đến Đông Dương, tôi chỉ có thể nói một điều rằng tôi chán ngấy chiến tranh rồi. Từ lâu tôi đã có thể tìm được điều kiện trở về Pháp, nhưng tôi không muốn rời bỏ binh lính của mình. Bây giờ, điều ước mơ tha thiết duy nhất của tôi là được sống bên vợ con tôi, ở đất nước thân yêu của tôi.

Và tôi còn muốn nói với ông về người Mỹ. Họ đã giúp, giúp đỡ rất nhiều cho chúng tôi trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Năm mươi sáu (1916), cả năm bốn tư (1944), người Mỹ cũng đã

giúp Pháp trong cuộc chiến đấu chống Đức. Chúng tôi biết rõ rằng quân đội Liên Xô đã đóng vai trò quyết định trong chiến thắng đối với Hitler, đánh tan những lực lượng chủ chốt của chủ nghĩa phát xít, nhưng đồng thời chúng tôi vẫn cảm ơn người Mỹ về sự giúp đỡ mà họ mang đến cho chúng tôi trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và thứ hai. Ở đây, ở Đông Dương, người Mỹ giúp chúng tôi súng đạn và tiền, chứ không phải người. Trên các chiến trường ở Đông Dương, chỉ có con em nước Pháp chết.

Ông ta cúi đầu và khẽ nói:

- Đối với người lính trung thực, không có gì bi thảm hơn là nhận thức mình chỉ là một kẻ đánh thuê.

Tôi thấy như đôi mắt ông ta long lanh ướt. Im lặng một lát, ông ta ngẩng đầu lên. Giọng ông ta cất lên rắn rỏi:

- Tôi muốn nước Pháp của tôi là một đất nước không phụ thuộc. Tôi muốn cuộc chiến tranh vô bờ ở Việt Nam chấm dứt. Tôi nói như vậy không phải vì tôi là một tù binh và chỉ nghĩ về sự yên lành của bản thân mình, không. Tôi là người lính, tôi có thể chịu đựng mọi khó khăn cực nhọc. Tôi muốn kết thúc chiến tranh, bởi vì tôi không muốn những đứa con ưu tú của nước Pháp phải chết một cách phí hoài!

Chúng tôi chia tay nhau. Tôi cảm ơn trung tá Bigeard về cuộc chuyện trò, xin ông thứ lỗi cho nếu như trong những câu hỏi của tôi có điều gì đó làm ông ta không vừa ý.

- Ấy không - ông ta phản đối - chuyện trò với ông rất vui! Nó giúp tôi nói ra bằng lời nhiều cái đã từ lâu chín muồi trong tiềm thức của tôi. Có thể tôi đã nói năng lộn xộn. Lúc trước, tôi cũng đã nói với ông rằng trong lời lẽ của tôi cũng có cái gì đó làm ông phạt ý. Nhưng xin ông tin rằng tôi đã nói ra điều từ sâu kín lòng mình.

Tôi chúc ông ta mau chóng trở về quê hương, về với gia đình.

- Tôi muốn chúc ông, thưa ông trung tá, trong đời không bao giờ một lần nữa cảm thấy mình là một kẻ đánh thuê. Tôi tin, điều này rất nặng nề đối với một người lính, người coi danh dự người lính không tách khỏi danh dự của Tổ quốc mình.

53 NGÀY ĐÊM TRONG ĐỊA NGỤC LỬA VÀ MÁU

Làm sao gặp được nhà quay phim bị bắt làm tù binh? Còn ở cơ sở điện ảnh tôi đã được nghe về anh ta. Khi người ta bắt anh làm tù binh tại Điện Biên Phủ, người ta tìm thấy anh ta có mấy hộp băng đã quay. Các bạn Việt Nam đem trảng số phim ấy. Tôi xem qua tài liệu này. Những thước phim chiến luận cho thấy một lòng quả cảm cao cả và tinh thần anh dũng của người đã quay những thước phim ấy.

Anh ta được thả dù xuống pháo đài bị quân đội Việt Nam vây hãm và đã tiến hành việc quay phim cho đến khi quân Pháp đầu hàng.

Tôi đọc báo cho biết nhà quay phim Schoendoerffer ở trại tù binh bên cạnh, cách nơi nghỉ đêm của tôi hai cây số. Các bạn Việt Nam đem ngựa đến cho tôi và tôi nhanh chóng đi tới trại đó. Chúng tôi đã chuyện trò trong một căn nhà tranh tre.

Anh ta còn trẻ, mới 29 tuổi. Ngày 1 tháng 4, anh ta tự nguyện bay đến Điện Biên Phủ. Người ta thả dù anh ta cùng máy quay xuống đồn trú. Chuyến máy bay sau người ta thả thêm cho anh ta máy đèn chiếu để tiến hành quay phim trong các hầm sâu dưới đất.

Chậm rãi hít khói thuốc lá, anh ta ngẩng đầu lên và thả ra cả một luồng khói xám. Trên cái cổ gầy là một cục yết hầu to.

Tôi làm việc cho ba hãng phim - anh ta nói - “Formation”, “Actualisé France vis”, “Gaumont”. Phim thời sự của tôi luôn luôn gây ấn tượng mạnh, tôi được trả nhuận phim hậu hĩnh. Ngoài tôi ra, không còn ai muốn nhảy xuống hóa ngục này. Tôi trẻ, đây là bậc thang để đi trên con đường danh vọng. Cái sự lãng mạn của một chiến công cũng lôi kéo tôi nữa. Giờ đây tôi nhớ lại rằng không ít lần tôi đã thể hiện sự quá cảm của mình.

Anh ta cúi thấp đầu, im lặng một phút. Ngược mắt lên nhìn tôi, anh ta nói tiếp:

- Tất cả những cái đó chẳng để làm gì! Làm như tôi thì được gì? Tôi không muốn nhìn thấy nghề nghiệp của mình chỉ là phương tiện kiếm tiền. Khi đến Việt Nam quay phim thời sự, tôi mơ ước làm một bộ phim về cuộc sống của những người đánh cá sông trên Mê Kông. Các ông không tưởng tượng được chuyện đó lý thú đến chừng nào. Bộ phim thứ hai tôi muốn làm ở Sài Gòn – một thành phố của những tương phản xã hội không tưởng tượng nổi.

Trong hai bộ phim đó có thể thể hiện được những tính cách tốt đẹp nhất của Việt Nam, phong cảnh và con người tuyệt vời của đất nước này. Tôi đã hai lần viết thư cho ông chủ của mình, gửi cho ông ta kế hoạch của hai bộ phim này. Tôi thậm chí không được trả lời gì cho hai bức thư.

- Tôi hoàn toàn hiểu ông chủ của anh. - Tôi nói. - Ở Việt Nam đang có chiến tranh, mà cả thế giới đang theo dõi. Ông ta là một nhà kinh doanh, ông ta cần có phim thời sự gây chấn động.

- Vâng, đúng vậy. Ai cần đến chuyện đánh bắt cá của tôi và những phong cảnh tuyệt vời, trong khi khắp đất nước máu đang chảy!

- Anh đang nói về nghệ thuật - Tôi nói - Ông chủ của anh, có lẽ, có logic hơn trong các quan điểm của mình về nghệ thuật điện ảnh. Anh không thấy rằng, thể hiện sự bàng quan đối với hiện thực khắc nghiệt của cuộc sống, bằng các tác phẩm của mình anh đã đánh lạc hướng cho người xem, lừa dối người xem.

Anh ta đồng ý với tôi. Lại im lặng một chút, anh ta tiếp tục:

- Tôi suy nghĩ rất nhiều về các cảnh tượng hiện ra trước mắt tôi. Tôi đã ở Điện Biên Phủ 53 ngày đêm trong địa ngục, trong hỏa ngục, trong lửa và trong máu. Khi mọi chuyện chấm dứt, tôi chỉ mới dần dần tỉnh táo lại. Tôi đã chuyện trò với nhiều người Việt Nam, tôi hiểu ra nhiều điều. Ngay khi còn trong hàng ngũ quân đội viễn chinh tôi cũng đã không đồng ý với nhiều người. Tuy nhiên, những khẩu hiệu ồn ào, chủ nghĩa anh hùng và những đau đớn của đồng đội đã che khuất không cho tôi thấy hiện thực rộng lớn. Giờ đây tầm nhìn của tôi đã mở rộng ra nhiều. Trên đường số 41, trong đêm, tôi đã nhìn thấy một sư đoàn quân đội Việt Nam, đi ngược chúng tôi qua đèo núi. Binh lính hành quân dưới ánh trăng. Tôi đã nhìn thấy trong bước quân hành đó bước chân của cả nhân dân Việt Nam. Hình như, tôi đã yêu những người Việt Nam vì sự cao thượng, vì chủ nghĩa anh hùng và chủ nghĩa nhân đạo của họ. Tôi quả thực vui mừng được làm việc với họ, nhưng liệu những người làm điện ảnh Việt Nam có nhận người nước ngoài vào hàng ngũ của mình hay không?

- Người Việt Nam sẵn lòng tiếp nhận người nước ngoài. - Tôi nói. - Chẳng hạn tôi đây là người nước ngoài và chúng tôi cùng sát cánh làm việc với các nhà điện ảnh Việt Nam. Nhưng người nước ngoài có các kiểu khác nhau, có người đến với họ với bom đạn vũ khí, nhưng có người lại là những người anh em. Các anh đến Việt Nam với quân lính mang theo ách nô lệ cho nhân dân Việt Nam. Nhưng tôi thấy, riêng anh đã suy nghĩ nhiều về những điều đã xảy ra.

Tham gia vào cuộc trò chuyện có thêm nhà điện ảnh Việt Nam Mai Lộc:

- Chúng tôi luôn luôn sẵn sàng hợp tác với những người nước ngoài cùng chí hướng, với những ai đến với chúng tôi như những người bạn. Có thể đến một ngày khi cả ông cũng trở thành bạn của chúng tôi, bây giờ chúng tôi vui mừng nhận ông vào tập thể của mình.

- Xin cảm ơn! Có lẽ, sống làm tù binh sẽ có lợi cho tôi. Điều này giúp tôi nhìn thấy và tiếp nhận một cách khách quan về hình ảnh của Việt Nam. Tôi còn trẻ, nhưng bây giờ nhãn quan của tôi được mở rộng ra nhiều. Tôi nhìn thấy bước đi tới của thế kỷ hoàng kim tại châu Á. Quân đội của Mao Trạch Đông ở Trung Hoa, quân đội nhân dân của Việt Nam!... Không thể phớt lờ nó được. Không thể không nhận ra nó. Sự đoàn mà tôi gặp trên đèo là một sức mạnh hùng hậu. Mỗi người lính đều nhận thức được nghĩa vụ của mình, biết rõ họ đi đâu và đi để làm gì.

- Thời gian ông làm tù binh, tất nhiên không phải là vô tận. - Mai Lộc nói. - Tôi hy vọng, chẳng bao lâu nữa ông sẽ trở về đất nước ông, ông lại cầm lại chiếc máy quay. Tôi thật lòng chúc ông thành công. Tôi tin rằng ông sẽ tìm thấy chỗ đứng của mình trong nghệ thuật. Bằng trí óc và trái tim của mình ông sẽ nhận ra đâu là sự thật.

- Vâng, ông nói rất đúng, vô cùng đúng. - Anh ta nói một cách xúc động. - Nhưng đi tìm ra sự thật chân chính không phải là việc lựa chọn tín ngưỡng. Cần phải suy nghĩ nhiều, cần phải cảm nhận được điều đó. Vứt bỏ tức khắc mọi cái của quá khứ khó lắm. Cái quá khứ đó đã đi vào tôi từ thuở ấu thơ. Tôi đã từng làm lụng chỉ để cho bản thân mình, cho sự an lành của mình, không bao giờ từng suy nghĩ rằng lao động khiếm tốn của tôi có thể đóng vai trò gì trong cuộc tranh đấu giữa hai phe. Cuộc chiến tranh ở Đông Dương là giai đoạn sẽ giúp cho tôi trở thành người của một trong hai phía tranh đấu. Tạm thời tôi đứng ngoài cả hai. Điều này cũng đã là nhiều rồi.

Tôi tiễn chân anh ta theo con đường mòn đến cái lán lớn bằng tranh tre, nơi anh ta sống cùng với một nhóm sĩ quan Pháp.

- Chúng ta đã chuyện trò như những đồng nghiệp, tôi đã nói thẳng thắn với anh, anh hãy tin như vậy. - Tôi nói.

- Tôi chúc ông thành công, chúng ta sẽ gặp lại nhau khi nào đó. Tôi xin cảm ơn ông vì cuộc gặp gỡ thân ái của chúng ta. Cuộc chuyện trò này, rất có thể, sẽ giúp cho tôi tìm ra con đường đi.

“TÔI ĐÃ NHIỀU LẦN NÓI VỚI NAVA: NẾU ÔNG THUA Ở ĐIỆN BIÊN PHỦ, ÔNG SẼ THUA CUỘC CHIẾN TRANH Ở ĐÔNG DƯƠNG.”

Việc quay phim ở các trại tù binh kết thúc. Còn lại việc quay tướng De Castries, hiện đang ở cách đây mấy cây số. Ban Chỉ huy trại thấy cần có sự đồng ý của ông tướng ấy. Hôm nay tôi được thông báo, rằng ông ta đã đồng ý, nhưng trước đó muốn gặp riêng tôi, bàn luận về việc quay sắp tới.

Chúng tôi phải đi chừng ba tiếng đồng hồ mới tới ngôi làng nơi De Castries ở. Trời đã về chiều, khi chúng tôi an tọa trong căn nhà lá, nơi sẽ diễn ra cuộc gặp mặt giữa chúng tôi với chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Ông ta bước vào, người cao, gầy, miệng ngậm tẩu, tay chống cây gậy tre. Từ hàng trăm bức ảnh trên các trang tạp chí ảnh họa Pháp, đôi mắt lạnh lùng màu rong biển, đã từng nhìn tôi. Tôi nhìn lên gương mặt dài ngoẵng với cái mũi dài, khoằm khoằm. Cái cổ gầy, những ngón tay thanh tú thuần khiết của con người quý tộc, đang lao nhanh lên thang bậc danh vọng nhà binh chói lọi.

Trên những bức ảnh đen bằng những chuyến máy bay cuối cùng từ Điện Biên Phủ về, De Castries trông thật khủng khiếp – bộ mặt gầy gò, mặt đầy râu ria xồm xoàm, đôi mắt trũng sâu. Đặc biệt, bức ảnh ông ta chia tay cùng vợ qua radio trước khi đầu hàng thì thật bi thảm. Bên cạnh đăng kèm bức ảnh chụp tại Hà Nội, người đàn bà khóc lóc thảm thiết trước máy phóng thanh.

Lê Hòa giới thiệu nhà quay phim Xô Viết với tướng De Castries. Chúng tôi chào nhau, ông ta chăm chú và thiện cảm nhìn ngắm tôi.

So với những bức ảnh khủng khiếp ở Điện Biên Phủ, nay

De Castries trông quả thực tuyệt vời. Ông ta đã cạo mặt nhẵn nhụi, cử động thanh thoát. Không rời cái râu ngậm ở góc miệng, đôi môi mỏng, nhợt màu của ông nhếch một nụ cười lịch thiệp.

Tôi dự tính cuộc đối thoại sẽ rất ngắn. Nhưng hóa ra đã kéo khá dài. Lần đầu tiên trong đời làm quen với nhà báo Xô Viết, tướng De Castries muốn nói nhiều điều. Cuộc chuyện trò này không những đã lôi cuốn ông ta, mà còn hấp dẫn cả tôi nữa. Đến đêm khuya chúng tôi mới chia tay nhau.

Tôi hỏi ông ta về tình trạng sức khỏe. Ông ta nhanh nhẩu và nhiệt tình tuyên bố rằng chỉ có thể bày tỏ niềm cảm ơn sâu sắc của mình đối với các sĩ quan và binh lính Việt Nam vì sự đối xử nhân đạo đối với tù binh Pháp.

- Thoạt đầu do sự thay đổi điều kiện sống, nhiều người trong chúng tôi không được khỏe. Nhưng người Việt Nam bằng mọi biện pháp đã chữa chạy cho chúng tôi. Các nhà lãnh đạo trại tù binh là những người có văn hóa, có giáo dục. Chúng tôi cảm nhận được thái độ đối xử hiệp sĩ trên từng bước đi.

- Các ông có điều kiện viết thư về nước không?

- Trong trại chúng tôi được phép viết thư. Bản thân tôi sau khi bị bắt làm tù binh đã một lần viết thư về Hà Nội, nhưng còn chưa nhận được thư trả lời của vợ. Có thể bà ấy đã về Pháp và thư của tôi lại đuổi theo bà.

Tôi đề cập đến vấn đề chính. Chúng tôi đang làm bộ phim phản ánh các sự kiện ở Việt Nam. Tôi muốn quay tương quan trong các điều kiện mà ông ở trong trại tù binh.

- Tôi không phản đối.

- Ngoài ra, tôi muốn được phỏng vấn có ghi âm ngài, ngài nói vài lời trước máy ghi âm, máy quay phim của tôi.

De Castries mỉm cười.

- Ông muốn rằng tôi phát biểu với một tuyên ngôn nào ư?

- Không phải như vậy! Ngài có thể nói mọi điều ngài thích.

- Nhưng dù sao, cụ thể phải nói gì?

- Chà, nếu như ngài cứ hỏi tôi về điều này, thì tất nhiên, không phải nói về thời tiết, về khí hậu của Việt Nam! Tôi mong muốn được nghe ý kiến của ngài về cuộc chiến tranh và hòa bình ở Đông Dương.

- Được, tôi sẽ nói. Nói ra điều này với tôi rất đơn giản, bởi vì thử thách rơi vào số phận tôi, sự tham gia của chính tôi trong cuộc chiến tranh đã hình thành trong tôi các quan điểm về chiến tranh và hòa bình. Tôi sẽ nói.

Qua mọi dấu hiệu vẫn thấy rõ là viên tướng còn muốn tiếp tục cuộc đàm thoại. Tôi đã trả lời một số câu hỏi của ông ta, rằng tôi không chỉ làm phim mà còn định viết một cuốn sách về những ngày tháng có mặt ở Đông Dương.

- Sau chiến tranh, nếu như ông cần tài liệu cho cuốn sách, tôi có thể kể cho ông nhiều điều. Tôi cần được tin rằng cuộc đàm thoại của chúng ta hôm nay không công bố trước khi chiến tranh kết thúc. Ông có thể hứa với tôi như vậy không? Như vậy tôi sẵn sàng có thể kể cho ông nhiều điều...

- Thừa tướng quân, tôi hứa. - Tôi nói.

Vậy là trong một căn nhà tranh tre đã diễn ra một cuộc chuyện trò bình dị và cởi mở với tướng De Castries bị bắt làm tù binh ở Điện Biên Phủ, người mà tên tuổi trong những ngày này không rời các mặt báo và tạp chí Pháp, viên tướng đã cùng đạo quân đồn trú của mình đầu hàng làm tù binh và tạo ấn tượng mạnh với giới truyền thông về người anh hùng dân tộc của nước Pháp.

Cơn mưa nhiệt đới rào rào đổ xuống. Trên bàn là cái chai với những nhãn hiệu hấp dẫn “Dubon” và bình cà phê với cà phê đặc.

Tôi kể cho De Castries nghe về cuộc chuyện trò chớp nhoáng hôm qua với một đại úy Pháp. Viên đại úy nói với tôi rằng Điện Biên Phủ nói chung không phải là chiến thắng của người Việt Nam, chẳng qua đó là hệ quả của một sự tập trung binh lực lớn của quân đội nhân dân chống lại một đội quân đồn trú ít ỏi của pháo đài.

De Castries mỉm cười.

- Hình như ông đã nói là ông không phải là nhà quân sự. Tôi có thể nói với ông rằng viên đại úy đó đơn giản là vô học. Bởi vì chính nghệ thuật chiến tranh là nằm ở đó! Napoléon đôi khi cũng đã biết tập trung những lực lượng lớn và áp xuống những lực lượng nhỏ bé của kẻ địch. Quân đội Việt Nam đã thể hiện chiến lược cao trong trận chiến này. Tướng Nava đã tập trung ở Điện Biên Phủ những lực lượng khá lớn, nhưng chiến thuật tập trung quân của ông ta bị chiến lược của tướng Võ Nguyên Giáp phá tan. Điều đó đã buộc Nava phải phân tán quân sĩ ra. Những hoạt động quân sự ở Luang Prabang và ở châu thổ đồng bằng buộc Nava phân tán lực lượng của mình và phá tan kế hoạch của ông ta.

Nghệ thuật quân sự trước hết là ở chỗ, lợi dụng thời cơ và tập trung số lượng lực lượng cần thiết để tiêu diệt kẻ địch. Nava đã không làm được việc đó. Tôi nói điều này là bởi vì tôi không tôn trọng Nava như một vị tướng lĩnh. Trong chiến lược ông ta khá mạnh. Tôi biết rõ ông ta. Từ người lính binh nhì lên tới cấp tướng, tôi đã ở dưới quyền chỉ huy của ông ta. Chính ông ta đã thuyết phục tôi đến Việt Nam. Nhưng Nava đã sai lầm một cách thảm hại. Ông ta đã đánh giá thấp bộ binh và pháo binh Việt Nam và quá tin cậy vào hai yếu tố của quân đội Pháp – máy bay và pháo binh. Mà quân đội Pháp đã không thể hành động được do pháo binh Việt Nam, do sức mạnh của nó. Pháo binh của Pháp bị pháo binh Việt Nam đè bẹp. Máy bay của chúng tôi không thể bay thấp hơn 3.000 mét vì hỏa lực chính xác của cao xạ Việt Nam. Ở Điện Biên Phủ có tiểu đoàn dù của trung tá Bigeard – tôi không nhầm khi gọi tiểu đoàn này là đơn vị quân sự chủ lực ưu tú nhất của quân đội viễn chinh. Tiểu đoàn này về mặt tinh thần đã hoàn toàn bị sức mạnh pháo binh Việt Nam đè bẹp.

Ngày 23 tháng 3, tôi điện cho Nava, đề nghị xin ông ba tiểu đoàn nữa. Tôi đã viết cho ông ta rằng nếu không được thế thì kế hoạch giữ Điện Biên Phủ không thể thực hiện được. Phải, trong lĩnh vực chiến lược, Nava quả là yếu. Ông ta tập trung được lực lượng của mình, đã chiếm được các cứ điểm cần thiết, nhưng ông ta không thể bảo đảm được những lực lượng cần thiết để giữ những cứ điểm ấy. Mất chủ động và hóa ra bị phụ thuộc vào chủ kiến của Bộ chỉ huy quân đội Việt Nam. Chiến lược và chiến thuật đối phương của chúng tôi hóa ra đúng. Chúng tôi, những người hoạt động quân sự thuần túy, cần phải chân thực thừa nhận chúng tôi đã thua ở Điện Biên Phủ.

Chúng tôi cùng im lặng. Tướng quân đưa lên môi tách cà phê và tôi nhận thấy bàn tay ông ta hơi run run.

- Thừa tướng quân, ngài có cho rằng sự thất bại của đội quân Pháp đồn trú tại Điện Biên Phủ mở đầu cho cả một chuỗi những thất bại tiếp theo? Liệu thất bại ở Điện Biên Phủ có mở đầu cho sự sụp đổ tinh thần của quân đội viễn chinh Pháp.

- Tôi không cho Điện Biên Phủ là mở đầu. Đây là sự tiếp diễn của chiến thuật thắng lợi của quân đội Việt Nam, bắt đầu từ ở Cao Bằng, Điện Biên Phủ rõ ràng là ảnh hưởng lớn đến tinh thần quân đội viễn chinh Pháp. Việc tiêu diệt Điện Biên Phủ cho thấy nếu như quân đội Pháp còn ở trong tình trạng hiện nay thì nó sẽ phải rời khỏi vùng châu thổ. Kinh nghiệm này, theo ý kiến của tôi, khá là rõ ràng. Tôi xin nói với ông một cách chân thành và cởi mở.

- Có thể, thưa tướng quân, xin hỏi thẳng ngài một câu: Không hiểu ý kiến của ngài thế nào, liệu cuộc chiến tranh ở Việt Nam có phải là vô vọng đối với quân viễn chinh Pháp không?

- Hoàn toàn đúng! Không phải bây giờ tôi mới nói điều này, mà đã nói nhiều lần với Nava nếu như ngài thua ở Điện Biên Phủ là ngài thua cuộc chiến ở Đông Dương. Bất luận kết quả Điện Biên Phủ thế nào, thắng hay thua, cũng sẽ là kết quả cuối cùng của cuộc chiến tranh. Chính phủ Pháp phái Nava sang Đông Dương tất cả chỉ trong 18 tháng, tính trong quãng thời gian đó phải thắng được hai trận, để sau đó dễ dàng ký kết hiệp định hòa bình và bằng cách ấy ít ra gỡ được một cách hình thức thể diện cho nước Pháp. Ông chắc hẳn biết về hiệp ước ký giữa Chính phủ Pháp và Bảo Đại. Nước Pháp sẽ không vứt bỏ Chính phủ Bảo Đại, vi phạm hiệp ước đó, tuy nhiên tôi cho rằng, không có một ông đại biểu nào của nghị viện lại ủng hộ tiếp tục cuộc chiến tranh. Sắp sửa có bầu cử ở Pháp và vấn đề chiến tranh sẽ được quyết định.

- Ngài nói là cuộc chiến tranh vô vọng nhưng không lẽ giờ đây có thể xóa bỏ trong lịch sử những năm tháng của cuộc chiến tranh vô vọng ấy và tất cả mọi khó khăn mà nhân dân Pháp đã phải trải qua. Mỗi một ngày chiến tranh nước Pháp tốn phí hai triệu Franc, có phải thế không?

- Đúng, thậm chí còn hơn thế. Thật khủng khiếp khi thấy những thanh niên Pháp chết ở Việt Nam!

- Ngài nói “danh dự của nước Pháp”, “hiệp nghị với Bảo Đại!”. Thế việc vi phạm hiệp nghị với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – cái đó không phải là danh dự của nước Pháp ư?

De Castries bối rối im lặng và loay hoay hồi lâu nhồi tẩu thuốc. Châm lửa hút, ông ta đưa hai bàn tay đỡ cằm và dăm dăm hồi lâu nhìn vào khoảng tối, nơi trận mưa rào đang ồn ả.

- Nước Pháp thường cố gắng giữ danh dự và chữ ký của mình, nhưng đáng tiếc, không phải bao giờ cũng vậy. - Ông ta chậm rãi lên tiếng. - Theo tôi, vấn đề về chiến tranh và hòa bình có thể đã được giải quyết từ lâu. Tôi cho rằng, hòa bình đã có thể được ký kết ngay vào những ngày đầu của năm 1947, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Fontainebleau. Đoàn đại biểu Pháp khẳng khái đòi tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam. Điều đó không những không công bằng, mà còn không chân thực. Trách nhiệm về việc đó là thủy sư đô đốc D' Argenlieu phải gánh chịu. Một sai lầm!

Nguyên nhân còn ở chỗ, nước Pháp lúc đó không có được một đường lối chính sách rõ ràng ở Đông Dương.

Các vị cao ủy và các tướng lĩnh mà chính phủ cử đến Đông Dương không thông báo một cách trung thực cho Chính phủ. Chính phủ không biết rõ tình hình thực sự ở Đông Dương.

- Nhưng vì sao hàng triệu người ở Pháp lại biết tình hình thực trạng ở Đông Dương? Tại sao có gái bình thường của nước Pháp Raymonde Dien lại nằm chặn đường ray để dừng đoàn tàu chở vũ khí, mà chính phủ, các nhà chính trị, các bộ trưởng lại chẳng biết gì cả? Xét qua lời ngài nói, thì ngài cũng đã đứng ra vì hòa bình ở Đông Dương?

- Các nhà chính trị của chúng tôi - De Castries cười khẩy cay độc - bọn họ đã chẳng muốn và bây giờ cũng chẳng muốn gì hết. Trong vòng năm năm về sau, tất cả mọi người Pháp đều đòi hỏi chấm dứt cuộc chiến tranh. Trước đây, nhiều người còn nghĩ rằng đây là cuộc chiến tranh vì quyền lợi của nước Pháp. Một sai lầm bi thảm. Phần lớn các đại biểu nghị viện cũng chẳng hiểu gì cả, và chỉ có những người cộng sản, chỉ có những người như thế, như Raymonde Dien, là biết rõ sự thật. Tôi từng biết nhiều đại biểu như vậy sau này trở thành các bộ trưởng. Bởi vì chưa có ai dạy cho họ về vấn đề Việt Nam. Tôi đi sang Việt Nam và nghĩ rằng tôi đi giải phóng cho nhân dân Việt Nam. Trong việc này tôi tin cậy vào tướng Leclerc. Phải chi Leclerc là cao ủy đầu tiên thay chỗ D' Argenlieu không, không, xin ông đừng nói là các cao ủy không ảnh hưởng gì đến Chính phủ Pháp! Họ đã đóng một vai trò tai hại. Chúng tôi lúc đó đang bị thu hút quá sức bởi những sự việc nội bộ đất nước. Chỉ đến khi hàng ngàn người Pháp chết trong cuộc chiến tranh này, khi nhiều gia đình

phải mang băng đen tang tóc, người ta mới bắt đầu suy nghĩ. Bây giờ là bước ngoặt. Tôi đặt niềm hy vọng lớn vào Thủ tướng mới Mendès France.

- Các ông đã thay đổi nhiều thủ tướng, nhưng chiến tranh, mặc dù vậy, vẫn tiếp diễn.

- Phải, chúng tôi đã có nhiều chính phủ. Quan điểm của họ khác nhau. Nhưng chưa có chính phủ nào có đủ dũng khí kêu gọi nước Pháp tự lập. Tất cả các chính phủ của chúng tôi đều xây dựng chính sách của mình, ngược nhìn sang nước Mỹ, nước Pháp, thực chất, bị binh lính Mỹ chiếm đóng, bọn họ xử sự ở nước chúng tôi như ở nhà mình. Nước Pháp nhận tiền của người Mỹ, tiến hành chính sách Mỹ, hy vọng rằng sau này sẽ không phải trả nợ.

Đã từ lâu có người nào đấy ở Pháp sợ sự trở về của đội quân viễn chinh. Tôi nói thẳng điều này với ông, trong chúng tôi có những người có uy tín lớn đối với quần chúng.

- Tuy nhiên, quân đội viễn chinh cho đến nay vẫn ngoan ngoãn thi hành ở Việt Nam đường lối chính trị của giới cầm quyền Pháp.

De Castries phẩy tay:

- Chẳng có một đường lối chính trị thống nhất nào hết ở Đông Dương. Còn điều liên quan đến chúng tôi, chúng tôi hoàn toàn chỉ là giới nhà binh. Ông sẽ cảm thấy khó hiểu, chúng tôi có những quan điểm khác. Người ta đuổi khỏi quân đội những ai dính dáng đến chính trị. Chúng tôi chỉ thi hành các nhiệm vụ hoàn toàn thuộc quân sự.

- Trận chiến ở Điện Biên Phủ – đó là nhiệm vụ quân sự, tôi đồng ý. Nhưng các chiến dịch càn quét? Đó, theo tôi, là chính trị, và đáng tiếc là, quân đội Pháp thi hành cái chính trị ấy ở Việt Nam. Phải thế không, thưa tướng quân?

De Castries loay hoay châm lại tẩu thuốc đã lụi.

- Đáng tiếc là đúng như vậy. - Ông ta nói, đầu cúi xuống. - Không thể quên rằng, quân lính Pháp đã trả giá đắt cho những chiến dịch ấy, chắc ông cũng biết không kém gì tôi. Trong các chiến dịch ấy máu chúng tôi đã đổ xuống rất nhiều.

- Phải, nhiều máu đã đổ, trong khi từ phía này có đại bác, máy bay, napalm và xe tăng, còn từ phía bên kia - người ta chỉ được vũ trang bằng những chiếc gậy tre.

- Có lẽ, ông biết rõ tình hình ở Việt Nam và ông có thể trả lời câu hỏi này tốt hơn tôi. - De Castries nói nhanh và cấu kinh. - Không chỉ có gậy gộc bằng tre! Ở châu thổ có các đội du kích, quân đội chính quy, các trung đoàn 42, 46 và 50. Ai tiêu diệt trong tuần trước hơn một tiểu đoàn ở Hưng Yên. Tại sao các tiểu đoàn 701, 702 bị tiêu diệt hoàn toàn ở vùng châu thổ. Ai tiêu diệt họ – không phải quân đội Việt Nam ư? Còn các “làng kháng chiến” ở châu thổ! Những cái làng ấy đã làm tốn hao bao nhiêu máu của những người lính Pháp!

- Chính ngài cũng nói đấy, tướng quân, “kháng chiến” – họ chống cự, bảo vệ nhà cửa, con cái của mình. Tôi không biết những con số của các trung đoàn và các tiểu đoàn, nhưng tôi thấy rõ rằng người Việt Nam chiến đấu để được sống. Và ngài hoàn toàn đúng, tướng quân, khi nói về sự vô vọng của cuộc chiến tranh này.

- Vâng, tôi chỉ có thể nói như vậy đấy. Và tôi phải nói ra với ông, *moxia* Karmen, rằng tất cả những gì tôi nói ra hôm nay đều là những suy nghĩ chân thành. Tôi đã rất cởi mở. Nếu như trong cuộc đàm thoại của chúng ta có những vấn đề, do chúng ta có sự khác biệt trong các quan điểm, nhưng cũng có cả những vấn đề trong đó ý kiến của chúng ta trùng hợp nhau. Hơn tất cả – những con người có nghị lực và với một thiện chí thì dễ gặp nhau.

- Tôi hy vọng, chúng ta sẽ còn có cơ hội tiếp tục cuộc trò chuyện của mình. - Tôi nói. - Tôi

cũng xin được tha lỗi trước, nếu như tôi đã có nói điều gì, có thể, quá thẳng thừng. Chúng ta nói chuyện cởi mở, không ngoại giao. Tôi muốn một lần nữa nhắc lại với ngài, tôi sẽ làm đúng yêu cầu của ngài là không công bố cuộc đàm thoại này trước khi chiến tranh chấm dứt⁽⁴³⁾.

Chúng tôi đứng lên ra khỏi bàn, bắt đầu chia tay. Trận mưa rào đã tạnh.

- Nếu như có dịp, - De Castries nói - tôi muốn được thăm đất nước ông, xem tận mắt tất cả những gì các ông đã làm được. Không hiểu biết về Liên Xô là thiếu sót lớn trong cuộc đời tôi. Tôi đã được tướng Catégrie, nguyên Đại sứ Cộng hòa Pháp ở Liên Xô, kể cho nghe rất nhiều về đất nước ông. Ông ta là bạn vong niên của tôi, tôi coi ông như cha mình. Catégrie mới đây đã tuyên bố, ông ủng hộ hòa bình ở Việt Nam. Ông đã phát biểu với tuyên bố này sau khi tôi viết cho ông một bức thư dài từ Điện Biên Phủ.

Chúng tôi chia tay nhau, hẹn sẽ gặp lại nhau vào ngày hôm sau.

Sáng ra tôi quay tướng De Castries. Ông cao râu nhẵn nhụi, ăn mặc chỉnh tề. Trước khi quay, ông đề nghị gửi vài tấm ảnh cho vợ ông ở Paris.

Tôi dành vài khuôn hình cho cuộc đi dạo của ông ta trên con đường mòn ngoạn mục trong rừng chuối, quay cảnh ông chuyện trò với một sĩ quan trẻ quân đội Việt Nam. Ông ta lại được đề nghị phát biểu trước máy ghi âm.

- Xin mời, tôi đã sẵn sàng...

Tôi bố trí máy ghi âm và tướng De Castries nói:

- 85% nhân dân Pháp phản đối cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Toàn dân Việt Nam mong muốn chấm dứt cuộc chiến tranh này. Tôi cho rằng cần phải lập tức chấm dứt cuộc chiến tranh này.

Đoạn phỏng vấn điện ảnh này được đưa vào phim *Việt Nam*.

Tôi cảm ơn tướng quân. Chúng tôi chia tay.

- Tôi hy vọng - tôi nói - mong muốn chân thành của ngài về việc kết thúc chiến tranh sẽ thành hiện thực và ngài sớm trở về với gia đình của mình.

- Tôi sẽ rất vui gặp lại ông ở Pháp, đón tiếp ông tại nhà tôi. - De Castries nói.

Kết thúc việc quay phim, tôi nhớ ra một trong những người bạn đường của tôi có quan hệ trực tiếp đến số phận của tướng De Castries – anh bạn Vũng đã bao nhiêu ngày giúp đỡ chúng tôi trong việc quay phim.

- Ngài có nhận ra người lính này không? - Lê Hòa hỏi De Castries.

- Nếu tôi không lầm, anh ấy là một trong những người đã xông vào hầm chi huy của tôi ở Điện Biên Phủ. Không lẽ chính là anh ta.

Anh bạn Vũng bước lên trước.

Tướng De Castries tiến đến trước người lính bé nhỏ và gần như nghiêm thẳng người, đưa tay ra trước.

Không rời mắt, tôi theo dõi Vũng, trong giây phút này trên gương mặt không hề có nét gì bối rối.

Anh hơi tái đi một chút và mặ́m môi. Với một thái độ đường hoàng, anh ngặ́ng đầu lên một cách hặ́nh diện, đặ́p lại cái bắt tay của viên tướng Pháp bị bắt làm tù binh.

- Tôi có thể coi mình là viên tướng hạnh phúc nhất trên thế gian, nếu tôi được chỉ huy những người lính như thế này, như người lính trẻ dũng cảm này - tướng De Castries nói, chuyển ánh mắt nhìn gương mặt tự hào của Vùng xuống tám huân chương, lấp lánh trên ngực người lính. Tám huân chương thưởng cho việc bắt được tướng De Castries làm tù binh.



CHÚNG TA SẼ GẶP NHAU BÊN BỜ HỒ HOÀN KIẾM, HÀ NỘI

Buổi tối ở trại tù binh, nơi chúng tôi trở lại, có chiếu phim. Người ta chiếu bộ phim Xô Viết Macximka. Hàng trăm tù binh, phần lớn là da đen, ngồi trên bãi cỏ rộng. Nhiều nông dân các làng lân cận cũng kéo đến xem phim. Họ ngồi ngay tại đó, trên cỏ, giữa đám tù binh.

Trước khi bắt đầu buổi chiếu, tôi quan sát thấy họ khoa tay, gật lắc đầu, miệng cười trao đổi chuyện trò với nhau. Phim thuyết minh bằng tiếng Việt, qua loa phóng thanh truyền bản dịch sang một thổ ngữ châu Phi.

Những biển nước phía Nam, một chiếc tàu buồm Nga, câu chuyện xúc động về chú bé da đen bé nhỏ trước đó bị bọn thực dân dày dọ, đánh đập, cả thể giới của cậu bé nằm gọn trong cặp mắt lạnh lùng, tàn ác của tên lãnh chúa buôn nô lệ. Tiếng thì thảo cảm giận chốc chốc lại nổi lên lan truyền trong đám người da đen ngồi trên bãi cỏ, hàng trăm cặp mắt nhìn lên không rời màn ảnh.

Trận bão tố động biển, cuồng phong... con tàu chở nô lệ bị chìm, chiếc xuồng được thả xuống từ thuyền buồm Nga đã cứu được chú bé da đen sống sót bám vào mảnh tàu. Những người thủy thủ

Nga đã đùm bọc chú bé bằng hơi ấm và sự dịu dàng trìu mến. Người xem không còn im lặng, họ không còn sức đề mà im lặng. Giờ đây không còn phải là tiếng thì thào nữa mà là tiếng xôn xao hứng khởi lan truyền khắp “khán phòng”. Còn đến khi trên gương mặt của chú bé da đen khiếp nhược, sợ hãi, xuất hiện nụ cười e dè đầu tiên, thì nó được những con người với nước da đen kìa – những người lính của đội quân viễn chinh Pháp đã bị cường bức bằng sức mạnh và sự lừa gạt rời bỏ Tổ quốc xa xôi của chú bé Macximka thơ đại sang Việt Nam, đã vui reo và vỗ tay đón mừng.

Khoa ghé bên tôi:

- Anh thấy đấy, phim ảnh của các anh đã làm được những gì? Có thể ở bên quê nhà, chính các anh cũng không thể tưởng tượng được sức mạnh to lớn của điện ảnh Xô Viết của các anh!

Lời lẽ của Khoa vang đến tai tôi như từ một nơi xa xăm nào đó. Tôi nghe, hiểu cả – đúng, Khoa nói rất đúng. Nhưng sự tồn tại của tôi đang hòa làm một với cử tọa này. Tôi cũng xúc động với từng khuôn ảnh, tôi ghì nước mắt trào ra, tôi vỗ tay, tôi lặng người đi. Và chỉ khi bộ phim kết thúc, nhìn lên bầu trời sao vùng nhiệt đới, tôi thầm nghĩ một cách ngạc nhiên: Tôi xem Macximka lần này là lần thứ hai. Tại sao bây giờ, ở trung tâm điện ảnh, xem bộ phim này trên màn ảnh tuyệt vời, tôi đã không xúc động như vừa xúc động bữa nay, nhìn lên màn ảnh lỗ chỗ những lỗ thủng, nghe âm thanh lục cục, bị giọng của người phiên dịch át đi...

- Tại sao, nhân thể xin hỏi, màn ảnh của các bạn lại nhiều lỗ thủng thế? - Tôi hỏi. Khoa mỉm cười, anh dang hai tay.

- Tôi không thể làm gì được. Khi chúng tôi chiếu các bộ phim Xô Viết ở các đơn vị bộ đội, chỉ cần xuất hiện bốn phát xít trên màn ảnh là các chiến sĩ mất cả tự chủ và bắt đầu nổ súng bắn lên. Tuyên truyền và giáo dục thế nào cũng không được...

Khatgi thuyết phục chúng tôi mãi để chúng tôi ở lại thêm một ngày nghỉ ngơi. Chị Kami, vợ anh, hứa sẽ suốt ngày pha cà phê Việt Nam cho chúng tôi uống. Cuối cùng, Khatgi đưa ra lý lẽ sau chót:

- Chúng ta sẽ cùng nghe tin giờ chót Moskva hôm nay!

Vân ngược nhìn tôi qua mái tóc của mình, mỉm cười dò hỏi. Tình thế khá nan giải, cần phải có quyết định.

- Phải đi thôi. - Tôi nói, ôm chặt lấy Khatgi.

Chúng tôi đắm vào lưng, vào sườn nhau hồi lâu, lại ôm chặt nhau và cuối cùng, hẹn với nhau sẽ gặp lại nhau ở Hà Nội vào ngày giải phóng thành phố này, bên bờ hồ Hoàn Kiếm, rồi chia tay.

Anh chàng đẹp trai Ezeb Augustiene, người thích đấu võ, dân da đen từ Martinique, đi cùng chúng tôi, dẫn đầu cả đội lực sĩ người Maroc, miệng huýt sáo những bài hát Việt Nam, nhẹ nhàng mang vác những hòm đựng phim và máy móc quay.

Qua bốn tiếng rưỡi sau chúng tôi đã ở bên đường cái. Khoa đánh thức mấy anh tài xế ngủ trong thùng xe Jeep và xe tải. Chúng tôi chia tay với tập trai tráng Maroc, cảm ơn sự giúp đỡ của họ.

Chúng tôi đi xe tới trường y tế. Theo kế hoạch thì hôm qua phải quay ở đó. Chúng tôi đã bị chậm. Chính vì thế mà tôi phải thể hiện sự kiên định, từ chối chuyện nghỉ ngơi khá hấp dẫn ở chỗ Khatgi.

Từ đây chỉ mất hai tiếng đi xe, sau đó đi bộ bốn cây nữa là tới nơi. Xe chúng tôi đến nơi mà không gặp sự cố gì.

Ban ngày đi bộ thật vất vả vì nóng bức. Ban đêm mát mẻ hơn nhưng đi lại khó khăn hơn. Khi bước đi, thực sự phải tính toán từng bước một, bởi vì trong đêm tối dễ bị bước hụt sa xuống hố, vấp vấp, trật khớp chân. Cho đến giờ tôi còn thấy đau ở đầu gối sau lần trượt chân trong chuyến đi chuyên đầu tiên. Có thể phải ra khỏi đội ngũ chỉ vì ngã xuống hố. Mà trong rừng cây mỗi bước là rễ cây, hốc cây, là hố lõm.

Bón cây số chúng tôi đi mất một tiếng rưỡi. Còn được nghỉ ngơi cho đến sáng. Xếp máy móc vào góc nhà, chúng tôi lập tức chìm vào giấc ngủ êm ái chờ đợi từ lâu, nằm trên những sạp nứa nhà khách, do ban giám hiệu nhà trường chuẩn bị trước cho chúng tôi.

NHỮNG GIẢNG ĐƯỜNG Ở ĐỊNH HÓA, ĐẦU NGUỒN SÔNG LÔ

Trường Đại học Y khoa Quốc gia Việt Nam từ năm 1945 đã tản cư ra khỏi Hà Nội⁽⁴⁴⁾ bởi người Pháp chiếm đóng. Rời Hà Nội ra đi, người ta mang theo sách vở, các dụng cụ y tế, thiết bị giảng đường. Trường đại học đã tiếp tục việc giảng dạy và học tập trong những cánh rừng già Việt Bắc. Ngay từ đầu cuộc kháng chiến đất nước cần các thầy thuốc. Thoạt đầu, trường đại học di chuyển từ làng nọ sang làng kia – dân chúng nhường nhà mình cho công việc học tập. Sau đó, các sinh viên và giáo sư đã tự xây dựng các phòng học bằng tranh tre trong các cánh rừng già, đóng tại vùng Định Hóa, gần ngọn nguồn sông Lô. Bọn Pháp phát hiện ra họ và vây úp.

Ban đầu tưởng chừng như không có lối thoát. Đành phải chôn sách vở, thiết bị xuống đất, thầy trò vừa chiến đấu vừa thoát khỏi vòng vây. Nhiều người hy sinh, nhưng dù sao đi nữa họ cũng thoát khỏi vòng vây của Pháp, đi sâu nữa vào rừng rú. Cái đói bắt đầu đến. Họ phải ăn rễ cây, măng tre, măng nứa, rau rừng nhưng họ không một ngày ngưng học. Sau đó, khi quân Pháp rút lui, thầy trò trở về, đào lại sách vở, thiết bị và chuyển sang địa điểm mới.

Trên bờ sông Đáy, nơi giảng đường và nhà ở tập thể được xây dựng lại, trường đại học bị bọn Pháp phát hiện. Mọi người bỏ đi trong đêm tối dưới hỏa lực súng tiểu liên yểm hộ. Lần này cũng nhiều sinh viên hy sinh. Tại đây, trên địa điểm mới nơi chúng tôi tìm đến, trường đại học đã đóng được ba năm.

Chúng tôi tinh dậy, khi mặt trời đã lên cao và sau khi ăn sáng qua loa, kéo nhau đi quan sát nhà trường. Chúng tôi được hiệu trưởng nhà trường – giáo sư Hồ Đắc Di cùng một nhóm giảng viên đón tiếp. Ông từng du học tại Paris. Trở về nước, trong những năm thực dân thống trị, ông là giảng viên trường y khoa tại Hà Nội và không hề phân vân, đã rời bỏ thù địch, ngôi nhà thân yêu ra đi tham gia kháng chiến cùng cả trường. Giáo sư Hồ Đắc Di – đại diện tiêu biểu của giới trí thức tiên tiến Việt Nam, những người ngay từ những ngày đầu Cách mạng tháng Tám đã không chút phân vân đứng về phía nước Cộng hòa, còn khi cuộc kháng chiến bắt đầu, đã ra đi vào rừng núi Việt Bắc, tự giác chịu đựng đói rét, thiếu thốn.

Bây giờ tại trường có ba bậc: trung cấp, cao cấp và bác sĩ. Ở mỗi bậc sinh viên học hai năm, sau đó ra mặt trận thực tập, trở về trường học thêm hai năm nữa và lại đi thực tập. Và chỉ sau đó mới chuyển lên bậc cao, rồi bậc bác sĩ.

- Hiện nay tại trường có 230 sinh viên. 500 sinh viên đang đi thực tập tại các mặt trận, các đơn vị du kích, trong các vùng địch hậu. - Giáo sư Hồ Đắc Di kể. - Bây giờ - ông nhìn đồng hồ - tôi phải lên lớp. Các bạn đi tham quan trường đi, sau đó chúng ta lại họp mặt, các bạn cho chúng tôi biết, các bạn cần quay cảnh gì ở chỗ chúng tôi.

Khuôn viên của trường trải trên một diện tích lớn trong các cánh rừng già. Khó mà không thán phục khi đến xem các giảng đường, các phòng thí nghiệm, các căn nhà ở tập thể do bàn tay sinh viên và các thầy giáo của trường tự mình xây dựng nên. Chúng tôi đã tham quan bệnh xá 300 giường với những khoa mổ, nội khoa, tai, mũi, họng, sản phụ. Chúng tôi được khoác lên người những chiếc áo khoác trắng và đeo khẩu trang trước khi được đưa vào phòng phẫu thuật, căn phòng rộng rãi, tường, trần được che bằng lụa dù chiến lợi phẩm màu trắng tinh khôi. Giáo sư Tôn Thất Tùng – bác sĩ nổi tiếng của Việt Nam đang hoàn tất một ca mổ phức tạp.

Bàn mổ mà ông đang đứng bên tiến hành ca mổ, được vây quanh bởi một nhóm sinh viên, chăm chỉ theo dõi. Bọn họ đông chừng 15, 20 người, các cô gái và các chàng trai trẻ. Ông đưa ra các chỉ thị, những lời cất lên ngắn gọn uy quyền, cho những người phụ mổ. Trên trán ông lấm tấm những giọt mồ hôi. Ông chỉ nhìn thoáng qua về phía chúng tôi, sau đó hoàn toàn không để ý nữa.

Ca mổ kết thúc. Ông đưa hai tay với những ngón tay xòe ra cho các phụ mổ, những người kia kéo đôi găng cao su ra cho ông, ông nhanh nhẹn ném cái khẩu trang đi và giờ thì trông ông hoàn toàn khác hẳn, vui vẻ, sinh động, đi đến chỗ chúng tôi. Chúng tôi làm quen với nhau.

Giáo sư Tôn Thất Tùng là một người đàn ông to cao, ông có gương mặt hao hao của người Mông Cổ vĩ đại (Thành Cát Tư Hãn), trán nhô, cặp lông mày mảnh phía trên đôi mắt sinh động, chăm chú. Ông đã không rời bàn mổ suốt hai tháng trời dưới hầm đất ở Điện Biên Phủ, đã mổ cho người Việt, người Pháp. Ở đó, trong các trận đánh, ông làm việc đồng thời hướng dẫn đào tạo các cán bộ mổ xẻ. Nhiều người trong số đó đã thể hiện được khả năng của mình.

Tốt nghiệp trường Đại học Y khoa Hà Nội, Tôn Thất Tùng ở lại làm cán bộ giảng dạy, được nhận danh hiệu giáo sư. Cùng với trường, ông đã đi vào rừng. Bây giờ, ông là bác sĩ mổ đầu ngành của Quân đội Nhân dân, Thứ trưởng Bộ Y tế và tiếp tục làm công việc giảng dạy tại trường.

Cùng với ông, chúng tôi đi tham quan cơ sở học đường bậc cao duy nhất này trên địa bàn nằm trong rừng rú. Chúng tôi vào một giảng đường cao, sáng sủa. Những tàu lá chuối rộng lớn và những bụi mía sà vào những ô cửa sổ để ngỏ quanh tường. Trên đầu bức giảng là chân dung của Pasteur và Pavlov. Hiệu trưởng nhà trường, giáo sư Hồ Đắc Di đang giảng bài. Trên bảng đen, sơ đồ hệ thống tim mạch được vẽ bằng phấn. Giáo sư gật đầu với chúng tôi, hình như ông muốn ngắt quãng bài giảng, tôi vội đưa ngón tay lên môi, làm hiệu xin ông cứ tiếp tục giảng.

Và chúng tôi bắt đầu việc quay.

Tôi quay các chân dung sinh viên – các chàng trai và các cô gái. Một niềm khao khát tri thức sục sôi trong những cặp mắt ham hiểu biết, hướng lên bức giảng...

CHIẾN CÔNG CỦA CÁC HỌC GIẢ VIỆT NAM

Tôi được giới thiệu với Bộ trưởng Bộ Y tế nước Cộng hòa, đảng viên Đảng Xã hội Hoàng Tích Trí. Ông vừa tới đây hôm qua để tìm hiểu công việc phòng thí nghiệm của giáo sư Đặng Văn Ngữ, đóng bên cạnh trường Đại học Y khoa. Tôi còn chưa được nghe nói đến phòng thí nghiệm này và ngay tức khắc đưa ra đề nghị với bộ trưởng cho phép tôi được tháp tùng ông.

- Các đồng chí ấy đang làm penicillin từ ngô. - Ông bộ trưởng cho biết. - Khi biên giới với Trung quốc bị kẻ địch chiếm đóng, thiếu thuốc men, chúng tôi cần phải tìm ra được thứ thuốc thay thế cho penicillin bằng các chất liệu tại chỗ. Giáo sư Đặng Văn Ngữ cùng tập thể của ông tìm ra phương pháp sản xuất ra penicillin từ ngô. Ngô mọc ở khắp nơi, phương pháp sản xuất ra cực kỳ đơn giản. Penicillin đã cứu cuộc sống của hàng trăm nghìn chiến sĩ và du kích.

Bác sĩ Đặng Văn Ngữ đón chúng tôi ngay bên cửa phòng thí nghiệm. Trẻ, khiêm tốn, trông ông rất trang nhã trong tấm áo choàng trắng của mình. Mái tóc đen bóng của ông được rẽ ngôi lệch. Chân đi dép xăng đan cao su. Ông Ngữ có được kiến thức y học ở nước ngoài, và chỉ đến năm 1949 ông mới qua đường Bangkok về tới Việt Nam, nơi ông cống hiến cho nhân dân mọi kiến thức, nghị lực và tài năng của một học giả cách tân.

Phòng thí nghiệm của ông giống như phòng thí nghiệm của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch mà chúng tôi đã được thấy – những dãy bàn với kính hiển vi, những bình thủy tinh, những chai lọ đặt cả dãy dưới mái che chạy dài. Ông dẫn chúng tôi đến cái tủ kính và mở tủ ra, cẩn thận cầm lên tay một cái chai màu xanh đựng một thứ chất lỏng gì đó gợn cao ngang tầm mắt, ông nói:

- Đây là penicillin Việt Nam của chúng tôi. Chúng tôi nấu những cái mầm và lá ngô và cấy vào

môi trường này loại nấm sinh ra penicillin. Chúng tôi phân phối chế phẩm chưa hoàn thành này khắp đất nước, còn phương pháp sản xuất thì cực kỳ đơn giản và có khả năng thực hiện trong mọi điều kiện. Trong hậu cứ địch, trong các vùng du kích Nam Bộ, mọi người đang sản xuất thành công penicillin theo phương pháp của chúng tôi. Bây giờ, chúng ta đi tiếp. Nghiên cứu các thuộc tính của

streptomycin, chúng tôi muốn tìm ra chất thay thế trong nhựa cây. Chúng tôi đã thử nghiệm tới 700 loại cây và hình như đã thành công, phát hiện ra rằng lá trầu tác động mạnh tới vi trùng lao.

Tôi đã quay phòng nghiên cứu của bác sĩ Đặng Văn Ngữ, quay cảnh những cái chai đóng penicillin, gương mặt những cán bộ phòng thí nghiệm đang ngồi trước những chiếc kính hiển vi. Trong những giây phút này, tôi chỉ muốn sao hàng triệu khán giả điện ảnh sớm nhanh chóng thấy trên màn ảnh những con người tuyệt vời này, biết được về chiến công khoa học cao cả của các nhà khoa học trẻ Việt Nam.

Mặt trời đã ngã xuống chân trời. Ở đây, nơi những lùm cây rậm rạp biến mất và mở ra quang cảnh trông ra bãi cỏ rộng, phủ tấm thảm cỏ xanh rờn, tôi nhìn thấy một tốp thanh niên trai gái. Các sinh viên của trường đại học tiến đưa các bạn cùng lớp ra đi thực tế sản xuất, ra mặt trận, họ ôm và hôn bạn, nắm tay nhau lắc mạnh. Có bảy người ra đi. Họ ăn mặc quân phục, ba lô đeo sau lưng, vai đeo chéo những cái túi có hình chữ thập đỏ bên sườn, những cái mũ lá buông xuống tung tăng những bím tóc thắt nơ, những cặp mắt đen láy hoan hỉ của những thầy thuốc nội khoa và các bác sĩ mổ tương lai. Chúng tôi đã gặp biết bao nhiêu người trẻ tuổi ấy trên con đường của mình. Tôi đã quay tình tiết chia tay đầm ấm này.

- Các bạn đi có xa không? - Tôi hỏi.

- Không xa lắm đâu, - những cái đuôi sam trả lời - chừng gần 300 cây số.

Họ đến vùng châu thổ, đến các đơn vị quân đội đang hoạt động ở vùng địch hậu.

Hiệu trưởng trường Đại học Y khoa Hồ Đắc Di, nhà phẫu thuật Tôn Thất Tùng – ông Bộ trưởng Y tế đã ra sức thuyết phục chúng tôi ở lại. Chỗ nghỉ đêm cho chúng tôi đã được sắp xếp. Lại một lần quyến rũ nữa, giống như ở chỗ Khatgi bữa trước. Huy Vân lại đưa mắt qua lọn tóc dò hỏi nhìn tôi. Đầu tôi chợt thoáng qua ý nghĩ: Nếu không tính giấc ngủ ngắn ngủi lúc rạng sáng thì chúng tôi đã hai ngày đêm luôn trên đường. Liệu những người bạn đường của chúng tôi cuối cùng đã kiệt sức chưa?

- Vân, anh đã mệt chưa? - Tôi hỏi.

Cái lọn tóc đen lúc lắc.

- Thế thì ta đi. Chúng ta phải tranh thủ từng giờ, không để kế hoạch bị vỡ.

Lại nhờ ánh sáng đèn trong đêm tối đen, chúng tôi vượt con đường trở lại mấy chiếc xe ô tô của mình. Mặt trăng đã lặn mất. Thình thoảng chúng tôi gặp những người gánh gồng đi ngược lại. Họ dừng lại, quáng mắt vì ánh đèn pha của chúng tôi, nhường đường cho chúng tôi qua. Ấy đấy, tôi mới lấy làm lạ: Làm sao họ nhận ra đường trong cái đêm tối mờ thế này nhỉ?

- Thói quen mà. - Vân nói. - Người Việt Nam trong đêm tối định hướng giữa rừng rậm rạp chẳng khác gì các bạn ban ngày trên phố xá Moskva.

Chúng tôi chỉ vừa kịp ngồi vào xe thì một trận mưa rào khủng khiếp ập xuống. Đi được mấy cây số, chúng tôi dừng lại trước con sông. Trong ánh sáng đèn pha, làn mưa rào xuyên chéo thoáng hiện ra hình dáng Vân và Khoa mặc áo mưa ướt dầm, biến mất hút vào đêm tối, rồi trở lại.

Tình hình nguy kịch! Nước dưới sông dâng cao đã cuốn mất cầu không thể đi tiếp được nữa. Khả năng duy nhất, mặc dù còn mù mờ là làm một chiếc bè lớn và đưa chiếc xe Jeep nhẹ qua sông.

Nhưng chỉ một chiếc xe Jeep thì tất cả chúng tôi cùng máy móc, phim ảnh không thể nhồi nhét vào hết được. Đành phải chờ.

THỊ XÃ TUYÊN QUANG NGẬP DƯỚI NƯỚC

- Chúng ta có thể phải dừng lại ở đây bao nhiêu lâu? - Tôi hỏi Khoa.

Anh nhún vai.

- Một ngày, hai ngày, ba ngày. Đây là con đường duy nhất... cần phải tìm chỗ nghỉ đêm. - Nói rồi, anh cùng với Vân biến mất trong trận mưa rào tầm tã.

Họ trở về sau chừng 30 phút. Quay hai chiếc xe ô tô lại trên con đường trơn, chúng tôi đi hướng ngược lại chừng một cây số. Chúng tôi ngủ đêm lại ở một xóm nhỏ bên đường. Giấc ngủ không đến. Ý nghĩ về thời gian bị mất làm cho phải lo lắng: Trận mưa rào quá ác đàng nguyên rủa phá hết kế hoạch làm việc của chúng tôi!

Cách căn nhà tranh tre mấy bước, tôi thấy ánh lửa nhỏ dưới lán mái lá cọ. Mấy đứa bé đang ngồi xúm sát bên nhau quanh một cái bàn thấp. Ngọn lửa nhỏ của cây đèn dầu bé tẹo chụp trong cái bóng màu xanh xanh. Bên cạnh cây đèn là lọ mực.

Một đứa trong bọn trẻ, có lẽ cầm đầu cả nhóm – trông nó chỉ bảy tuổi không hơn – chăm chỉ viết cái gì đó trên mặt giấy.

Tôi im lặng quan sát theo bọn trẻ. Thình thoảng, thằng bé lại ngừng viết và lên tiếng hỏi những đứa kia. Khi đó, cả bọn bắt đầu bàn tán gì đó, rất nghiêm trang và bận tâm. Để không làm kinh động chúng, tôi đi vào bóng tối, tìm thấy Vân và chúng tôi đến với bọn trẻ. Không để ý đến sự có mặt của chúng tôi, bọn trẻ tiếp tục công chuyện của mình.

Vân bắt đầu lắng nghe. Qua vài phút. Có lẽ đã hiểu ra bọn trẻ làm gì, miệng cười, Vân đưa ngón tay lên môi thì thào:

- Khoan đã, tôi sẽ kể cho anh sau.

Đứng xem thêm một chút, anh kéo tay áo tôi, chúng tôi bỏ đi.

- Bọn trẻ tổng kết thành tích thi đua. - Anh nói. - Chúng ghi chép xem mỗi đứa đã giúp đỡ bố mẹ ngoài ruộng lúa, mỗi đứa trong ba ngày qua đã đóng góp gì cho sự nghiệp chiến thắng quân thù. Một bé trai tự phê bình nó đã không đi chữa đường vì bị thương ở chân và nói rất tiếc về việc đó. Chân nó không đau cho lắm. Còn cô bé, cô bé bé tẹo, nói rằng hôm qua bé đã không giúp em trai làm bài toán. Bọn chúng cứ ba ngày lại họp nhau như thế này, tổng kết thành tích thi đua, tự phê bình và phê bình lẫn nhau.

Tôi bắt tay Vân đến phát đau, rồi để cậu ở đấy, lại đến chỗ bọn trẻ. Chúng vẫn tiếp tục câu chuyện nghiêm túc. Chú bé viết đến hết trang giấy màu vàng làm từ tre nứa. Tay chú đầy đầy mực. Trong giây phút ấy, tôi lại muốn kể cho trẻ em Xô Viết của chúng ta về trẻ em Việt Nam. Đòi hỏi cần thiết trong những năm tuổi nhỏ này đối với chúng là giúp đỡ cha mẹ, các anh lớn, giúp đỡ họ đấu tranh và chiến thắng.

Sáng ra, trước hết chúng tôi kéo ra sông. Mực nước sông sau một đêm đã dâng cao. Dòng nước vẫn dâng lên một cách nguy kịch. Người ta thông báo cho chúng tôi biết là thị xã Tuyên Quang đã bị ngập nước. Chúng tôi vẫn phải ở đây. Không lẽ cả ngày mai cũng lại mất uống? Cần phải nghĩ ra điều gì đó.

CHÚNG TÔI CẢM ƠN TRẬN MƯA RÀO CHẶN ĐƯỜNG CHÚNG TÔI

- Chúng ta có thể đi đò qua sông. - Khoa nói. - Không xa bên đó có một trong những trường trung học phổ thông khá nhất tỉnh này. Chúng ta có thể quay trường.

Chúng tôi qua sông, đi chừng ba cây số, sâu vào rừng. Trường học này quả là tuyệt vời. Một ngôi nhà tre to lớn dưới bóng cây cối cổ thụ rậm rạp. Trong trường này tính ra có tới 350 học sinh, nhưng nay chỉ có 280 cháu, còn các cháu khác đã ra mặt trận rồi. Trong số còn lại có 80 nữ. Bây giờ đang là mùa thi. Tôi quay trường, cảnh chung của nó, các gương mặt học sinh, ông thầy đứng tuổi. Tôi cố kết thúc việc quay nhanh hơn, để không cản trở các cháu học. Tôi nhận thấy việc chúng tôi đến thăm làm cho chúng náo động. Chúng tiễn chúng tôi bằng những tràng vỗ tay thân ái và gửi những lời chào Liên Xô.

Quay trở lại, tình cờ chúng tôi phát hiện ra chiếc xe Villix được ngụy trang trong bụi nứa. Qua câu chuyện trao đổi ngắn với người lái xe, được biết rằng đây là xe của đồng chí Tô Hữu mà chúng tôi đã quen thân ngay buổi chiều đầu tiên hôm chúng tôi đến Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí Tô Hữu đang ở đâu đây, ông đi xe đến đây vì công việc văn chương. Hóa ra là gần xóm nhỏ nơi chúng tôi đã nghỉ lại đêm là làng của Hội Văn nghệ Việt Nam. Đồng chí Tô Hữu đang ở đây. Tin ấy làm tôi rất vui. Tôi thậm chí còn ngạc nhiên làm sao mà Khoa lại không biết rằng chúng tôi đang ở rất gần trung tâm văn nghệ Việt Nam? Cần thiết phải gặp gỡ với các nhà văn, họa sĩ, quay họ. Hóa ra, chúng tôi thậm chí phải cảm ơn trận mưa rào đã chặn đường chúng tôi.

Quay trở về chỗ nghỉ đêm, Khoa tức khắc lấy chiếc xe đạp ra và lại đi tìm kiếm đồng chí Tô Hữu và Hội Văn nghệ. Anh trở về sau một tiếng rưỡi, hài lòng và tươi tỉnh.

- Đồng chí Tô Hữu đang đợi anh. Mọi người rất vui mừng. Ta đi thôi!

Chúng tôi đi xe không hơn ba cây số. Sau đó đi bộ chừng hai cây nứa, chúng tôi tới xóm của Hội Văn nghệ. Tôi vui mừng gặp lại Tô Hữu, nên ôm anh, anh gài gò nhẹ bồng, như chiếc lông chim, tôi nhắc bồng anh lên khỏi mặt đất và cùng anh xoay tròn một vòng 360 độ.

“CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐÃ CỨU TÔI”

Xóm Văn nghệ không có gì khác biệt so với xóm của Trung ương, so với các cơ quan mà chúng tôi đã nhìn thấy ở khắp Việt Bắc đang chiến đấu.

Vài chục năm tới sẽ qua đi. Mưa dầm, nắng gắt, ngày tháng sẽ xóa đi khỏi mặt đất những cấu trúc tre nứa mỏng manh được xây dựng lên trong rừng cây. Nhưng nơi này, các địa điểm rường cột của cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam – các trung tâm điều hành đất nước, các bộ chỉ huy quân sự, các trường cao đẳng, đại học, các nhà máy, các phòng thí nghiệm khoa học, các xưởng in, các thư viện sẽ mãi mãi còn trong ký ức nhân dân.

Địa điểm chúng tôi đến là một loại “nhà sáng tác” độc đáo. Các nhà văn, nhà thơ Việt Nam không sống ở đây lâu dài. Họ đến đây từ các mặt trận, từ các làng thôn, tràn đầy những ấn tượng, ngồi lại viết. Ở đây họ có nhà ăn, thư viện. Xong công việc, nhà văn lại cùng với đoàn kịch, đội văn công quân đội hay đi riêng lẻ một mình. Họ đi vào lòng cuộc kháng chiến, tới những nơi đồng bào của họ đang lao động, chiến đấu.

Tô Hữu giới thiệu chúng tôi với các nhà thơ, nhà văn thời gian này đang có mặt ở cơ sở.

“Nhà sáng tác” của Hội Văn nghệ Việt Nam là một dãy lán tre nứa chạy dài, có liếp mỏng ngăn cách thành các phòng riêng biệt. Một căn phòng như thế, giống như một ngăn trong tổ ong là nơi ở và chỗ làm việc của nhà văn. Ở đây nhà văn có một cái giá sách, một cái bàn, trên tường là chân dung nhà văn yêu mến.

Chúng tôi làm quen với nhà văn, nhà nghiên cứu có tuổi Phan Khôi. Cụ đã 74 tuổi. Đây là một đại biểu điển hình của thế hệ các nhà văn già ở Việt Nam, còn từ thời phong kiến. Tên tuổi cụ nổi tiếng trong cả nước. Bạn đọc biết truyện ngắn của Phan Khôi, các bản dịch tác phẩm cổ điển của văn học Trung Quốc. Mặc dù tuổi đã cao, cụ vẫn rất nhanh nhẹn hoạt bát. Những thiếu thốn và gian khổ của thời chiến không làm cụ suy nhược. Tự nguyện hứng chịu những thiếu thốn này một cách có ý thức, ông đã để lại nhà cửa ở Hà Nội, gói ghém các bản thảo, những cuốn sách yêu quý cần thiết, chống gậy ra đi khi tiếng súng đại bác còn chưa gầm thét ở Hà Nội. Hiện nay, cụ đang hoàn thành một công trình lớn trong lĩnh vực nghiên cứu tiếng Việt.

- Chúng tôi cần thiết phải tìm hiểu ngôn ngữ mẹ đẻ, nghiên cứu sự giàu có phong phú của nó. Bọn thực dân trước đây không cho chúng tôi những khả năng ấy. Rồi bỏ phòng văn của mình ở Hà Nội, đến nơi rừng núi, về giữa làng quê, tôi đã cảm thấy một cách sâu sắc, trong những năm thực dân thống trị, chúng tôi đã quên mất tiếng mẹ đẻ. Tôi nhìn thấy nhiều loài chim, cây cỏ và không biết gọi chúng thế nào bằng tiếng mẹ đẻ. Vậy mà những từ ấy có đấy. Nhân dân chúng tôi vẫn gìn giữ những từ ấy, chúng sống trong sáng tác dân gian, trong lời ăn tiếng nói của những con người bình thường. Cuộc kháng chiến đã xích chúng tôi lại gần với gia đình ruột thịt, với nhân dân chúng tôi. Điều đó giúp chúng tôi làm sống lại tiếng Việt đẹp giàu và thơ mộng.

Chúng tôi chuyện trò rất lâu với nhà văn tên tuổi Vũ Ngọc Phan. Trước Cách mạng tháng Tám nhiều năm, ngay từ năm 1936, ông đã bắt đầu dịch sang tiếng Việt các tác phẩm văn học cổ điển Nga. Ông đã dịch *Anna Karenina*, *Người mẹ* ⁽⁴⁵⁾, một số chương trong Klim Xamghin. Năm 1941, hai tập *Anna Karenina* đã được ấn hành. Kiểm duyệt Pháp khuyên ông cắt bỏ nhiều chương trong các tác phẩm của Gorki, ông đã từ chối. Trong thời gian kháng chiến ông đã dịch *Những người Xô Viết chúng tôi* của Boris Polevoy. Cuốn sách này được in tại nhà in trong rừng sâu Việt Bắc, được phổ biến rất rộng trong quân đội. Vũ Ngọc Phan cho tôi xem thư từ ông trao đổi với Polevoy, lá thư cuối cùng ông nhận được cách đây một tháng trước. Hiện nay, nhà văn đang tiếp tục dịch tác phẩm của các nhà văn Xô Viết đương đại. Ngoài ra, ông tham gia ban Văn - Sử - Địa Việt Nam vừa mới được thành lập.

- Chúng tôi đặt ra cho mình nhiệm vụ - ông nói - nghiên cứu tính chất sáng tác dân gian. Chúng tôi cũng nghiên cứu các tác phẩm của các nhà văn phong kiến, những giá trị văn học cổ xưa của đất nước chúng tôi. Sau Cách mạng tháng Tám, chúng tôi được biết thêm các sách của các nhà văn Xô Viết, các tác phẩm của các nhà văn cổ điển Nga. Tiếp thu phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, chúng tôi học cách miêu tả con người của thời đại chúng ta, lao động và chiến công của nhân dân mình.

Chúng tôi cũng nói chuyện nhiều với Tố Hữu và Tổng thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam, nhà văn Nguyễn Tuân.

Nguyễn Tuân là cây bút văn xuôi Việt Nam nổi tiếng. Một tháng trước chúng tôi đã gặp nhau tại cơ sở điện ảnh của Khoa, nơi ông đang viết kịch bản cho một trong số các bộ phim tài liệu. Khi ấy, Tuân kể cho chúng tôi nghe, trước Cách mạng tháng Tám ông đã lâm vào ngõ cụt sáng tác vô vọng như thế nào.

- Tưởng chừng không có lối thoát. Tôi chưa bao giờ cảm thấy sự đến gần của kết thúc bi thảm đến thế. Tôi, cũng như nhiều người hoạt động văn nghệ khác, đã được Cách mạng tháng Tám cứu sống. Chúng tôi đã nhìn thấy các mục đích rõ ràng, hòa mình vào cuộc đấu tranh, tẩy rửa mình giữa quần chúng nhân dân mà trước đó chúng tôi luôn luôn xa rời. Điều này đã đem lại sức lực cho chúng tôi. Lần đầu tiên chúng tôi cảm thấy sáng tác của mình đúng là cái cần thiết thực sự.

Chúng tôi thăm qua thư viện lớn của Hội. Các cuốn sách, các tập album do các nhà văn mang theo từ Hà Nội ra đi. Ở đây, chúng tôi làm quen với nhà thơ nổi tiếng Xuân Diệu. Chàng trai rắn chắc, khỏe mạnh với gương mặt đẹp, mái tóc xoăn, cặp mắt to, tươi vui. Anh mới từ một đơn vị quân đội trở về. Anh đã chiến đấu ở đơn vị đó. Anh đang viết bản trường ca về Việt Bắc – thành trì của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Buổi tối trong ánh sáng đèn đất, chúng tôi ngồi trong thư viện, chuyện trò về văn học Việt

Nam. Tôi đã ghi chép vào nhật ký tất cả những gì tôi được Tô Hữu, Nguyễn Tuân, Vũ Ngọc Phan, Xuân Diệu kể cho nghe.

NHỮNG BÁU VẬT CỦA SÁNG TÁC DÂN GIAN

Trong quá trình bao thế kỷ nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh chống những kẻ xâm lược nước ngoài, nhiều đặc điểm của cuộc đấu tranh này được phản ánh trong sáng tác dân gian. Nhưng các giai cấp thống trị không chỉ không gìn giữ, mà còn phá hủy các tác phẩm nghệ thuật của dân tộc. Trên đất Việt Nam chỉ còn giữ được những gì mà Cách mạng tháng Tám đã cứu được.

Nhân dân Việt Nam có một lịch sử anh hùng phong phú, một ngôn ngữ giàu và đẹp. Nhân dân Việt Nam có được chữ viết riêng của mình rất muộn màng. Nhưng các tác phẩm văn học thơ ca tiếng Việt đã từng được lưu truyền miệng trong nhân dân. Các sách được viết bằng chữ Nôm ở thế kỷ XIII vẫn còn giữ được. Khi đó đã ra đời những tác phẩm cổ điển lớn, sau này nổi tiếng có tác phẩm về nàng Kiều, do nhà thơ kiệt xuất Nguyễn Du viết.

Tác giả tác phẩm cổ điển *Chinh phụ ngâm* là một phụ nữ – bà Đoàn Thị Điểm⁽⁴⁶⁾. Và cả những bài thơ của nữ sĩ thế kỷ XVIII Hồ Xuân Hương cũng vẫn còn giữ được. Trong các tác phẩm của mình, bà đã đứng lên chống lại đạo đức phong kiến, chống lại số phận bị thảm của người phụ nữ.

Trong di sản phong phú của văn hóa Việt Nam nhiều thế kỷ còn lưu giữ được, không chỉ có các tác phẩm của giới trí thức phong kiến, mà còn cả các báu vật của sáng tác dân gian. Nhân dân đã sáng tạo ra những tác phẩm phản ánh nguyện ước của mình, hướng tới những lý tưởng trong sáng, đến tự do và độc lập, lên án chế độ phong kiến. Những bài thơ và ca khúc, những câu chuyện cổ tích dân gian, truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác, phản ánh kinh nghiệm lao động nhiều đời của những con người bình dân, tình cảm của họ, những niềm thương và lòng căm thù của họ đối với những kẻ áp bức. Trong sáng tác của mình, nhân dân đã lên tiếng nói lên điều mà các nhà thơ cổ điển xuất thân từ giai cấp thống trị đã không thể nói được. Trong những năm kháng chiến, các nhà hoạt động văn học và nghệ thuật Việt Nam đã bắt đầu công việc sưu tầm những tài sản ấy. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi các nhà văn và các nhà thơ cần trọng giữ gìn những báu vật này, phục hưng và làm giàu thêm ngôn ngữ Việt Nam giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu, âm sắc.

SỰ THỨC ĐẨY CỦA CÁC LỰC LƯỢNG TIÊN TIẾN

Chế độ thực dân đã kìm hãm sự phát triển của văn học và nghệ thuật dân tộc. Trong những năm tháng thống trị của bọn thực dân, xuất hiện một lớp các nhà văn và họa sĩ mới, xa rời nhân dân. Trong sáng tác của mình, họ đã không thể phản ánh được cái di sản phong phú của văn hóa dân tộc Việt Nam.

Vào những năm 1936-1939, bắt đầu có sự thúc đẩy của các lực lượng tiên tiến của văn học Việt Nam. Giai đoạn này được đánh dấu bằng khuynh hướng của các nhà văn phản ánh đời sống của những người lao động, cuộc đấu tranh của họ chống ách áp bức thực dân và phong kiến. Giai đoạn tương đối ngắn ngủi này được đánh dấu bởi ảnh hưởng lớn mạnh của Đảng Cộng sản, lãnh đạo cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít. Xuất hiện các cuốn sách như tiểu thuyết *Giông tố* của Vũ Trọng Phụng, công kích kịch liệt bọn địa chủ, bọn quan lại, bọn tư sản. Nhà văn Nguyễn Công Hoan trong tiểu thuyết *Bước đường cùng* của mình phản ánh cuộc sống cơ cực của người nông dân nghèo khổ. Sau Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Công Hoan đi cùng nhân dân, làm việc nhiều tại các vùng nông thôn, nơi tiến hành cải cách ruộng đất.

Một trong những nhà văn tiên tiến, lớn tiếng trên trận địa văn chương trong những năm tháng phản động phát xít đen tối nhất là cây bút văn xuôi nổi tiếng Nam Cao, tác giả nhiều tiểu thuyết, nguyên là một ông giáo làng. Trong tiểu thuyết có tên là *Chí Phèo*, mang tên nhân vật chính, nhà văn đã miêu tả cuộc sống của người nông dân nghèo và số phận của anh ta. Nhà văn cho thấy những tình cảm cao đẹp nhất của những con người này đã bị đè nén bởi toàn bộ cái nếp

sống ngụ trị trong làng quê. Trong những năm 1942-1943, Nam Cao đã viết tiểu thuyết *Sống mòn*, nhưng đến tận năm 1956 mới được xuất bản. Trong tác phẩm này, ông miêu tả cuộc sống của giới trí thức tiểu tư sản, miêu tả một cách hiện thực chế độ làm què quặt con người, làm cho cuộc sống của người dân khôn khổ đến mức không thể chịu đựng nổi. Trong thời gian kháng chiến, Nam Cao từ bỏ các thể loại văn học lớn. Ông chỉ viết các bài ngắn, các mẫu truyện, làm báo, cố gắng kết hợp hoạt động văn chương của mình với công tác tuyên truyền giáo dục hàng ngày.

Năm 1951, trên đường đi công tác, ông bị bọn thực dân phục kích và bắn chết.

Người nhiều tuổi nhất trong lớp người kiệt xuất các nhà văn tiên tiến ấy là Ngô Tất Tố. Đây là tác giả những tiểu thuyết nổi tiếng *Việc làng*, *Tắt đèn* miêu tả cuộc sống và sinh hoạt của người nông dân, tầng lớp quan lại và bọn hào lý địa phương.

Trước cách mạng, nhà văn Nguyễn Văn Bổng cũng đã có tác phẩm xuất bản. Sau này, tiểu thuyết *Con trâu* của ông là một trong những tác phẩm đầu tiên của văn học Việt Nam đề cập đến tài đấu tranh của nông dân trong các vùng bị chiếm đóng.

“CHÚNG TÔI VÓT NHỌN NHỮNG NGỌN CHÔNG TRE”

Những năm 1940-1943 là những năm phát xít khủng bố gay gắt. Đảng rút lui vào bí mật, không có điều kiện giúp đỡ các nhà hoạt động văn học và nghệ thuật. Vào đầu năm 1944⁽⁴⁷⁾, Hội Văn hóa cứu quốc thành lập. Hội này đã thống nhất được dù chỉ là một bộ phận nhỏ bé, nhưng tích cực và tiên tiến nhất là các nhà văn, các họa sĩ tham gia vào cuộc đấu tranh bí mật chống bọn thực dân. Khi đó đã ra đời bài hát cách mạng nổi tiếng *Diệt phát xít*, tác giả lời và nhạc bài hát này là Nguyễn Đình Thi. *Tiến quân ca* – bài hát chiến đấu của nhân dân chiến đấu, do nhạc sĩ và nhà thơ Văn Cao viết. Ngày nay, bài hát đã trở thành quốc ca của Việt Nam.

Từ sau Cách mạng tháng Tám, Hội Văn hóa đã quy tụ được phần lớn các nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, họa sĩ. Họ đã xích gần lại với quần chúng nhân dân. Các tác phẩm văn học của Xô Viết đã có một ảnh hưởng lớn đối với sáng tác của các nhà văn, nhà thơ Việt Nam. Xuất hiện *Người mẹ* của Gorki trong bản dịch tiếng Việt, *Xi măng*⁽⁴⁸⁾, *Thép đã tôi thế đấy*⁽⁴⁹⁾, các tác phẩm của Chekhov, Gogol, Turgenyev.

Năm 1946, khi Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn dân kháng chiến, các đại diện ưu tú nhất của văn học và nghệ thuật đã rời bỏ các thành phố. Các nhà văn, các nhạc sĩ và các diễn viên đã tổ chức thành các đoàn lưu động, các đội văn công, các đoàn kịch. Họ đã cùng nhân dân gánh chịu mọi khó khăn của cuộc đấu tranh.

Những năm kháng chiến đã tôi luyện những con người này, nâng cao sáng tác của họ lên nấc thang mới, cuộc Cách mạng tháng Tám đã cải sinh nhiều người, trong họ, đưa họ ra khỏi ngõ cụt sáng tác. Nhiều người nói:

- Kháng chiến đã cứu chúng tôi.

Cuộc chiến tranh giải phóng đã đặt ra trước văn học và nghệ thuật Việt Nam nhiệm vụ khơi dậy trong nhân dân tình cảm căm thù những kẻ thù xâm lược, khơi dậy chủ nghĩa yêu nước, giáo dục quần chúng trong tinh thần của chủ nghĩa quốc tế.

Các nhà văn, các họa sĩ, các nhạc sĩ và các diễn viên chia ra làm hai nhóm. Một nhóm hoạt động trong quân đội. Trong chiến đấu ra đời những bài hát và vở diễn sân khấu mới. Nhóm kia đi về nông thôn, chia sẻ cái đói, lao động, thiếu thốn với nông dân nghèo. Chỉ có một số ít không chịu được cái khó khăn của kháng chiến, đã quay trở về các vùng bị Pháp chiếm đóng. Tuy nhiên, ngay ở đó họ cũng không chống lại kháng chiến, chỉ tạm thời nằm im.

Với mỗi ngày chiến tranh, mặt trận dân tộc của văn học và nghệ thuật Việt Nam lại được củng

cổ thêm một bước đoàn kết tất cả những gì chân thực, tiên tiến, căm thù áp bức của thực dân, tha thiết cùng nhân dân đi đến chiến thắng cuối cùng. Trong những năm chiến tranh ra đời, Hội Văn nghệ Việt Nam đoàn kết những lực lượng tiên tiến này. Đảng Lao động thường xuyên giúp đỡ về mặt tư tưởng cho các cán bộ văn học và nghệ thuật, giúp các đại diện thế hệ cũ tiến kịp bước thời gian, giúp đỡ đào tạo những người tài năng mới sinh ra từ trong lòng nhân dân, quân đội.

Trong những năm chiến tranh, sáng tác văn nghệ quần chúng phát triển mạnh mẽ. Nhân dân Việt Nam ai cũng là nhà thơ. Nhiều bài thơ và ca khúc tuyệt vời đã ra đời trong những năm tháng đấu tranh. Tác giả của những tác phẩm ấy là các anh bộ đội bình thường, những người dân công, nông dân trên đường ra trận, các chiến sĩ làm những bài thơ ngắn trên các mẫu giấy, truyền từ đại đội này sang đại đội khác, từ tiểu đoàn này sang tiểu đoàn khác. Chính một số tác phẩm xuất sắc đáng kể được mọi người thừa nhận lại do các chiến sĩ viết ra.

SÁNG TÁC CỦA NHÀ THƠ TỔ HỮU

Chính phủ đã ra sắc lệnh tặng giải thưởng văn học và nghệ thuật, hai năm một lần trao cho những tác phẩm xuất sắc nhất. Năm 1952, giải thưởng đầu tiên đã tặng cho anh công nhân mỏ trẻ tuổi, vì tiểu thuyết *Vùng mỏ*⁽⁵⁰⁾. Đây là một trong những tiểu thuyết đầu tiên của thời kỳ chiến tranh, trong đó miêu tả cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân với bọn thực dân. Trong tiểu thuyết, không khí lao động, chân dung các nhân vật công nhân đã được truyền đạt một cách chân thực và hiện thực. Nhà văn đã đặc biệt xây dựng thành công các nhân vật nữ – những người vợ công nhân mỏ, các cô gái trẻ.

Tiểu thuyết *Xung kích* viết về bộ đội, về những chiến sĩ bình thường do Nguyễn Đình Thi sáng tác. Tô Hoài đã viết trong nhiều bút ký và truyện ngắn về những con người dân tộc thiểu số tham gia cuộc đấu tranh giải phóng. Nhà văn trẻ có tài Thép Mới thường xuyên đăng các bài bút ký phóng sự về bộ đội trên tờ báo Nhân dân.

Một trong những đại biểu nổi bật nhất của thế hệ nhà văn cũ, nhà thơ Tú Mỡ 57 tuổi trong những năm kháng chiến đã nổi tiếng khắp nơi bởi những bài thơ đã kích của mình. Ông đã cho ra đời hai tập *Nụ cười kháng chiến*. Mọi sự kiện chính trị xảy ra trong nước cũng như trên thế giới ông đều kịp thời lên tiếng một cách nhạy bén bằng những vần thơ đã kích sâu cay kẻ thù... Thơ của ông được viết bằng một ngôn ngữ giản dị.

Nhà thơ Nông Quốc Chấn, trước đó là nông dân, tham gia chiến tranh du kích chống Nhật, trở thành chính trị viên quân đội. Bằng tiếng dân tộc Tày, ông đã viết một bài thơ dài về cuộc đấu tranh du kích chống Nhật. Bài thơ dài thứ hai của ông *Dọn về làng* viết về chiến tranh, về cuộc đấu tranh gian khổ với giặc trong rừng núi – bài thơ được viết theo hình thức chuyện trò giữa người thanh niên với bà mẹ mình. Nông Quốc Chấn đã đi thăm Liên Xô và sau khi trở về, đã in một tập thơ.

Chúng tôi kết thúc cuộc trò chuyện vào lúc đêm đã khuya lắm. Tôi muốn sao những ghi chép sơ lược trong nhật ký này để có thể giới thiệu với bạn đọc Xô Viết, ít ra qua những nét chung, cuộc sống và công việc của các nhà thơ, nhà văn Việt Nam, với lao động và các chiến công anh hùng của họ. Những người trò chuyện với chúng tôi đau buồn nhớ tới các đồng chí đã hy sinh của mình. Trong số các nhà văn đã hiến cuộc sống của mình trên tuyến đầu, trong các đơn vị du kích, trong nhà tù, có nhiều tài năng trẻ nhưng cũng có những người xuất thân từ tầng lớp trí thức, những cây bút đứng tuổi tầm cỡ, nổi tiếng khắp cả nước.

- Hôm qua, người ta mang đến cho chúng tôi một tập những ký họa cuối cùng của họa sĩ nổi tiếng, giáo sư hội họa Tô Ngọc Vân - Tổ Hữu cho biết - Anh hy sinh trên đường công tác ba tuần trước vì bom giặc. Một tổn thất lớn, nặng nề đối với chúng tôi!

Nói về các nhà văn và các nhà thơ Việt Nam, Tổ Hữu khiêm tốn không nói về mình. Ông chỉ nói công tác nhà nước và Đảng không dành cho ông thì giờ để sáng tác thơ.

Mới đây, sau chiến thắng Điện Biên Phủ, dù sao đi nữa ông vẫn viết được trường ca *Việt Bắc*. Trường ca này ông viết theo phong cách thơ ca dân gian. Cuộc chiến đấu vĩ đại kết thúc, nhà thơ chia tay với những con người, với thiên nhiên Việt Bắc, đã được quét sạch kẻ thù, với các đồng chí đã cùng chiến đấu lâu dài tại nơi đây. Ông rời Việt Bắc, đi về đồng bằng. Ông ca ngợi tương lai của miền Bắc Việt Nam, miêu tả bức tranh cuộc sống hòa bình.

Thời kỳ đầu chiến tranh, Tố Hữu xuất bản tập thơ đầu tiên của mình – giai đoạn khi sáng tác của ông bắt đầu định hình và trưởng thành. Trong thời gian chiến tranh ông viết bài thơ *Phá đường* thay lời một thiếu phụ trẻ đi tham gia phá đường cản bước kẻ thù xâm lược.

“CỬA SỔ ROXTA⁽⁵¹⁾ CỦA VIỆT NAM”

Tố Hữu tiễn chân tôi theo lối mòn đêm khuya đến tận chỗ ngủ của tôi. Trong căn phòng của Phan Khôi vẫn còn sáng ngọn đèn dầu, mà trong quang sáng hàng đàn những con muỗi và thiêu thân bay lượn như một đám mây. Ông vẫn đang làm việc. Ông cụ viết, đôi lúc ngừng tay và lắc chòm râu bạc, soạn lại bộ sách lớn nặng nề trên bàn, căn cứ vào những cái gài làm dấu tìm ra những chỗ cần thiết, cầm cúi đọc rồi lại tiếp tục viết. Đặt bút xuống, tháo kính ra khỏi sống mũi, ông suy tư, nhìn đăm đăm ra rừng cây tối đen. Chúng tôi đến. Ông mời vào, tắt bật dọn dẹp chỗ ngồi trên cái giường ngón ngang sách vở. Tôi cảm ơn, nói rằng xin đi ngủ, không dám làm phiền cụ.

- Sao cụ làm việc đêm khuya thế? - Tôi hỏi.

- Đêm suy nghĩ sáng sủa hơn, mạch lạc hơn và không đến nỗi nóng nực như ban ngày. Chà, phải làm việc, làm việc nhiều lắm! Công trình về tiếng Việt rất cần cho nhân dân tôi, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở tôi. Mà thời giờ thì cứ trôi đi...

Đến sáng ra, chúng tôi đi thăm các xưởng họa của Hội Văn nghệ. Dưới một mái che rộng là những dãy bàn làm việc, các họa sĩ làm việc tại đây, họ ăn ngủ cũng ngay tại đây, trên các sạp tre nứa. Tôi được giới thiệu với một họa sĩ nổi tiếng, giáo sư hội họa Sĩ Ngọc. Tranh của ông được đánh giá cao ngay trước Cách mạng tháng Tám. Ông giới thiệu những sáng tác vừa mới đây của mình – một loạt tranh thuộc nước vẽ về sinh hoạt của các dân tộc ít người ở Việt Bắc. Chúng tôi đã được xem hơn 30 bức tuyệt tác trong đó cho thấy một tài nghệ chuyên nghiệp cao, một thị hiếu tinh tế của một họa sĩ kết hợp với sự hiểu biết sâu sắc cuộc sống và sinh hoạt của làng xóm nông thôn. Đặc biệt thành công là những bức vẽ, trên đó họa sĩ thể hiện những điệu múa của các dân tộc phía Bắc. Những thân hình duyên dáng, mảnh mai của các cô gái trong trang phục rực rỡ được thể hiện tuyệt đẹp, truyền tải được hết động thái và vẻ yêu kiều trong các chuyển động của họ. Về phối hợp màu sắc, bố cục khắt khe và trích lược các chi tiết những bức tranh bột màu này thật tuyệt mỹ.

Ở bàn làm việc bên cạnh, chúng tôi đã làm quen với họa sĩ Trần Văn Cẩn. Khi chào hỏi, ông đứng lên với tất cả thân hình cao lớn lực sĩ của mình. Rất ít người Việt Nam có được một thân hình hoành tráng như thế này. Ông mặc bộ đồ nông dân màu nâu, vắt vai chiếc khăn bông. Trần Văn Cẩn là Giám đốc Trường Mỹ thuật, cũng là một trong những họa sĩ nổi tiếng của Việt Nam. Ông đang vẽ một loạt tranh cổ động cải cách ruộng đất. Chúng tôi quay phác họa bức tranh *Cuộc đấu tố địa chủ* của ông.

Các họa sĩ đã kể cho chúng tôi về công tác tuyên truyền to lớn mà họ tiến hành ở các đơn vị quân đội và chủ yếu ở các làng xóm. Một trong các hình thức phổ biến nhất của cổ động và tuyên truyền nghệ thuật là tranh vẽ liên hoàn kèm theo lời kể, đôi khi bằng thơ. Loạt tranh vẽ ấy rất giống với “Cửa sổ Roxta” thời kỳ nội chiến ở Nga. Không lớn lắm, khuôn khổ chỉ bằng tờ vở học sinh, các hình vẽ được thực hiện theo kiểu cách đồ họa hiện thực. Trong mỗi sêri có khoảng 20 bức vẽ, cả một trường ca.

Tôi chăm chú xem kỹ một trong những sêri tranh vẽ đó. Vân phiên dịch cho tôi lời kể. Đó là câu chuyện của một anh cố nông bị địa chủ phong kiến bóc lột một cách tàn nhẫn. Anh nông dân

đã tình nguyện ra mặt trận. Những cuộc mạo hiểm của anh trên chiến trường, sự trở về làng quê thân thuộc vừa được giải phóng khỏi bọn chiếm đóng. Trong làng tiến hành cải cách ruộng đất, anh nông dân tố cáo địa chủ. Bộ tranh kết thúc bằng những bức tranh rực rỡ, tươi vui, phản ánh việc chia ruộng đất của địa chủ, cảnh tung bừng thắng lợi của nông dân, đời sống lao động thanh bình của họ.

Những bức tranh cổ động này có thể thấy trên tường trong các nhà nông dân, tại các vùng du kích, gần mặt trận, trong hậu phương xa xôi của địch.

- Nếu muốn, - Trần Văn Cẩn nói - các bạn có thể quay triển lãm lưu động của chúng tôi ở một làng gần đây. Chúng tôi mới khai mạc hôm qua. Ở đó lúc nào cũng đông người xem.

Tôi mừng rỡ. Sự kiện này sẽ phản ánh sự gắn gũi của các cán bộ nghệ thuật Việt Nam đối với nhân dân, sự tham gia thực sự tích cực của họ trong cuộc đấu tranh của nhân dân với bọn thực dân.

- Thế các bạn có ý định thử bằng biện pháp in litô nhân bản các bộ tranh liên hoàn cổ động của mình không? - Tôi hỏi.

- Chúng được in với những số lượng lớn trong xưởng in litô của chúng tôi nằm trong rừng sâu, ở vùng Chiêm Hóa. Kê ra thì những bản in litô ấy không được giống hần nguyên tác, kỹ thuật nhân bản tranh vẽ màu của chúng tôi còn chưa được cao. Nhưng không sao, trong công tác cổ động tuyên truyền thì điều chủ yếu là tính đại chúng.

BỨC VẼ CUỐI CÙNG CỦA TÔ NGỌC VÂN

Tôi quay Trần Văn Cẩn và Sĩ Ngọc đang làm việc, quay các bức vẽ của họ, quay họa sĩ - chiến sĩ trẻ Ngô Tôn Đệ, đang phác họa bức tranh *Các chiến sĩ trên đường hành quân*. Anh vừa trở về sau thời gian dài ở ngoài mặt trận, nơi anh sáng tác các bức ký họa.

- Chúng tôi vừa bị một tổn thất lớn. - Sĩ Ngọc kể về sự ra đi mới đây của họa sĩ Tô Ngọc Vân. - Đồng chí hãy xem, đây là những tác phẩm cuối cùng của anh ấy.

Ông cho tôi xem một cặp đựng các bức ký họa chiến đấu, mà bạn bè đã mang về sau cái chết bi thảm của người họa sĩ. Những bức phác thảo bằng bột màu đã hoàn thành về bút pháp và tài nghệ làm ta nhớ tới những bức ký họa sông Volga của Repin⁽⁵²⁾ mà họa sĩ Nga vĩ đại chuẩn bị cho bức họa *Những người kéo thuyền* của mình. Bên cạnh các phác họa màu nước là các phác họa chì được thực hiện ngoài mặt trận, trên đường hành quân. Một phóng sự tài nghệ trong đó hiện ra các dáng nét của những bức hội họa tương lai.

- Ông đã hy sinh khi còn rất trẻ. Đây là bức tự họa của ông. - Trần Văn Cẩn cẩn trọng mở một bức họa không lớn.

Bức tự họa được thực hiện bằng sơn dầu. Rất lâu tôi không dứt nổi ánh mắt ngắm nhìn ra được khỏi gương mặt tươi cười, được ánh nắng mặt trời soi sáng rực rỡ. Tôi chuyển sang nhìn bức phác thảo sơ qua bằng chì. Một cảnh trên công trường làm đường. Hàng trăm con người đang lao động dưới những vách đá cheo leo, ở tiền cảnh bằng vài nét phác thảo là hình ảnh một anh nông dân đang bỏ cuộc chim vào thành đá. Bức phác họa chưa xong. Những chiếc máy bay đột nhiên xuất hiện đã thả bom xuống nơi đây, dưới những vách đá cuộc đời của một họa sĩ xuất sắc bậc thầy đã đứt đoạn. Ông đã cống hiến cuộc đời, tất cả tài năng sáng chói của mình cho nhân dân.

Sáng ngày hôm sau, tôi quay cuộc triển lãm ở trong làng lân cận chung quanh những bức tranh treo trên các tường nhà, trên các thân cây, dân chúng đứng xem đông chật như cả một bức tường thành. Người ta chăm chú xem từng bức họa một, hết bức này sang bức kia, ngắm nghía những “cửa sổ Roxta” của Việt Nam. Nghe đây đó vang lên những lời khen ngợi. Những tác phẩm

hội họa của các họa sĩ phản ánh lao động của nông dân, những điệu múa dân gian, những cách miêu tả cuộc đấu tranh giải phóng cũng thành công không kém.

Tuy nhiên, bao giờ chúng tôi mới lên đường được đây. Hôm nay đã có tin vui: Mực nước đã rút nhanh chóng. Có thể đêm nay cầu sẽ bắc xong.

Hai ngày qua ở trong Hội Văn nghệ, không thể nói là đã uổng phí. Những cảnh quay được rất cần cho phim, đã có cả trong kế hoạch. Nhưng những tin tức cuối cùng qua radio làm cho tôi lo lắng – cần phải mau chóng đến các đơn vị bộ đội, nếu không sẽ bỏ qua mất các sự kiện ngoài mặt trận.

Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã nói đúng, rằng sau trận thua ở Điện Biên Phủ, quân Pháp âm mưu co cụm quân lực ở vùng châu thổ.

- Bọn họ không có lối thoát nào khác. - Tướng Giáp nói. - Họ chờ đợi chúng tôi sẽ giáng cho họ thêm một đòn ở vùng châu thổ bằng tất cả lực lượng giải phóng Điện Biên Phủ.

- Thế đồng chí có định làm điều đó không? - Bây giờ tôi đã hỏi lại tướng Giáp.

Ông mỉm cười và dang rộng hai tay.

Radio thông báo là kẻ địch co rút các quân đồn trú từ Nam Định, Thái Bình. Quân đội Việt Nam tích cực “giúp đỡ” quân Pháp trong việc rút quân của chúng – họ cắt đường tháo lui, tấn công các đồn bót quân Pháp. Hôm qua, ở phía Bắc Thái Bình, năm đại đội giặc đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Trong mấy ngày gần đây nhất, trên đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, du kích quân đã lật đổ năm đoàn tàu quân sự. Ở tỉnh Nam Định, du kích và quân địa phương tấn công lấy được ba đồn bót lớn của địch. Gần 2.000 lính chạy sang phía Quân đội Nhân dân.

Đêm hôm nay, tướng Pháp Salan tuyên bố trên đài phát thanh từ Sài Gòn rằng, cuộc rút quân của binh lính Pháp với mục đích co cụm lực lượng ở vùng châu thổ là một cuộc rút quân khó khăn và đẫm máu nhất trong các cuộc rút quân của binh lính Pháp ở Đông Dương mà ông ta biết.

SỰ RA ĐỜI CỦA KỊCH BẢN PHIM

Cuối cùng, buổi tối chúng tôi đã qua được sông trên chiếc cầu mới. Đến sáng, mấy chiếc xe của chúng tôi đã đến được địa điểm, rồi theo lối mòn đi đến xưởng phim của Khoa. Trong căn nhà của anh ở đây nằm gần đường cái có thể gọi là một tiền đồn. Khoa biết được mọi tin tức mới qua ông chủ nhà nông dân già, người đãi chúng tôi uống trà, một tin làm chúng tôi thật mừng rỡ: Hôm qua Mukhin và Thi từ Điện Biên Phủ trở về tới nơi.

Chúng tôi đã vượt qua chặng đường 12 cây số từ đường cái tới xưởng phim của Khoa, không hề dừng bước. Chúng tôi trở về xưởng phim như về nhà mình. Đặc biệt tôi cảm nhận được điều đó khi ôm hôn Gienhia Mukhin và Thi, soạn hàng chồng thư từ đợi tôi gửi từ Moskva và các báo Moskva mà đại diện hãng xuất khẩu phim Xô Viết ở Bắc Kinh thường xuyên gửi cho tôi. Ở đây chẳng có gì thay đổi hết. Cảm giác như tôi trở về lại ngôi nhà đã sống quen của mình, không rời tôi một phút nào. Tôi xếp đặt các chồng giấy tờ trên bàn làm việc của mình, lấy chiếc máy chữ ra khỏi bao đựng. Không vội vàng, nuột từng chữ, tôi đọc những lá thư từ Moskva.

- Có một thông báo thú vị! - Khoa reo mừng, ngồi soạn thư từ của bản thân. - Ngày 4 tháng 7, ở vùng Trung Giã, khu trung lập, sẽ diễn ra hội nghị - cuộc gặp gỡ các đại diện của hai bên tham chiến. Thư gửi từ Bộ Tổng tư lệnh tới. Họ đề nghị chúng ta đến quay. Các bạn có muốn không?

- Tất nhiên, tôi muốn! Không lẽ có thể bỏ qua một sự kiện như thế?

- Vậy thì tôi lập tức phải đến ban chỉ huy hậu phương, cách đây chừng bảy cây, tôi sẽ gọi điện

tới Bộ Tổng tư lệnh và làm rõ mọi chuyện. Tôi sẽ quay về vào bữa trưa.

Mấy phút sau, anh đã ngồi trên lưng ngựa và đưa tay vẫy chúng tôi, rồi mất hút trong rừng.

Gỡ phim đã quay ra và đóng nó vào hộp để gửi về Moskva là một công việc không đơn giản. Việc này chỉ có thể làm về đêm, khi tương đối mát mẻ, các đoạn phim 60 mét một của phim đã quay cuộn vào các rulô lớn 300 mét. Ở mỗi đoạn cắt lại một mẫu ngắn, để vào một hộp riêng, sau đó, khi đã đóng hộp toàn bộ, tôi sẽ rửa cái đầu mẫu để có thể tin chắc rằng mọi cái đều đầu vào đây.

Trong một tháng, tôi đã quay được 3.000 thước phim. Để gỡ ra cuộn lại, đóng vào các hộp lớn, và sau đó xếp vào các hòm chỉ mất cả một đêm. Mãi đến gần sáng mới cho rửa hiện các mẫu phim thử. Chờ đợi kết quả mới hồi hộp làm sao! Khó có thể kể hết được mọi hư hỏng bất ngờ, dẫn tới chỗ trở thành phế phẩm. Một rác bụi nhỏ, mắt thường không nhìn thấy rơi vào rãnh phim có thể gây ra sây sát ở nhũ tương. Toàn bộ tài liệu với vết xước ấy sẽ bị OTK – xưởng phim tài liệu Trung ương tính là phế phẩm một cách vô điều kiện. Nếu như máy đo ánh sáng bị hỏng, cho những chi dẫn không đúng, tài liệu được quay quá sáng hoặc quá tối. Như thế cũng bị loại. Máy quay chạy không đều – loại. Nhiệt độ cao ở vùng nhiệt đới có thể gây ra sự phân hủy nhũ tương. Cuối cùng, đáng tiếc không thể phát hiện ở những thử nghiệm mà chúng tôi sẽ làm. Điều đó chỉ được phát hiện trên màn ảnh. Hình ảnh sẽ nhấp nháy, sẽ bị che phủ màn trắng mịn – về điều này, chúng ta chỉ có thể biết được khi tài liệu cho hiện và in ở Moskva.

Tôi xem xét kỹ lưỡng từng tấm hình của thử nghiệm. Hình như mọi cái đều ổn thỏa. Ngày mai, khi các mẫu thử nghiệm khô đi, một lần nữa tôi sẽ xem lại qua kính lúp.

Máy quay cũng làm tôi lo lắng không kém. Tôi tháo dỡ từng ngăn lắp phim. Mặc dù đã bôi trơn đậm, tôi vẫn phát hiện ra chỗ gỉ sét trên răng cưa. Tôi cho chạy đi chạy lại nhiều lần máy quay đã được lắp ráp lại, theo các tốc độ khác nhau, chăm chú lắng nghe tiếng động của máy móc. Tôi lau bụi và lại bôi kem cho từng ống kính, cẩn thận xếp các máy quay vào hộp, tôi bắt tay vào kiểm tra và lau chùi các ác-quy điện. Trong tất cả công việc này, tôi được hai trợ lý giúp đỡ – hai bạn trẻ Tôn và Túc, ham hiểu biết và chăm chỉ. Họ mơ ước trở thành những nhà quay phim. Đã một tháng trời họ làm việc với tôi, giúp đỡ tôi trong việc quay. Dần từng bước, tôi làm quen cho họ đi sâu vào kỹ thuật điện ảnh. Biết đặt chân máy, gắn máy quay lên đó – tưởng chừng chẳng có gì dễ hơn, nhưng cả việc đó cũng phải hình thành thói quen. Nạp điện vào máy. Thử máy đo ánh sáng và đặt đúng cơ hoành trên ống kính. Lắp phim, hiện hình phim thử, lau và bôi dầu mỡ cho máy – tất cả những cái đó là những bậc thang mà hai chàng trai có khả năng từng bước từng bước phải cẩn thận và tính toán đi qua, tích lũy dần kinh nghiệm. Mukhin và Eshurin cũng có những chàng trai trợ lý như vậy. Họ là những người có khả năng hơn cả, những học viên xuất sắc, được tuyển chọn từ nhóm theo học kỹ thuật điện ảnh tại xưởng phim của Khoa. Các bạn trẻ yêu thích nghề quay phim và luôn cố gắng hết sức.

Sau khi loay hoay với phim và máy móc, tôi bắt tay vào công việc soạn những trang lắp ráp. Trang lắp ráp của người quay phim là điều bổ sung cần thiết cho tài liệu đã quay được. Trong trang lắp ráp có việc miêu tả thật tỉ mỉ, họ tên người, chuyên kể chi tiết, nhiều khi chứa đựng cả các yếu tố của lời thuyết minh tương lai. Chỉ một trang lắp ráp miêu tả những thước quay ở các trại tù binh đã chiếm tới bốn trang văn bản li ti trên máy chữ. Bắt tay vào công việc này lúc vừa đêm đến. Một đêm nhiệt đới ngột ngạt.

Những người làm điện ảnh Việt Nam thể hiện một sự quan tâm thật xúc động với chúng tôi. Đầu đó xa xa vào những giờ đêm khuya khoắt vẫn có tiếng máy phát điện nổ sinh sinh, trong căn nhà chúng tôi sáng đèn. Điều kỳ diệu của văn minh cất tiếng – máy quạt điện chạy. Nó cho phép tôi chỉ phải mặc quần cộc mà làm việc, không sợ muỗi, luồng không khí mạnh đi từ cánh quạt xua đuổi hết bọn chúng.

Công việc soạn các trang lắp ráp kết thúc, các phong bì được dán lại. Tuy nhiên con buồn ngủ không đến. Nghĩ ngợi trong những giờ khắc đêm tối như thế này dễ dàng hơn.

Kế hoạch khởi đầu của việc quay không thể làm cơ sở cho công việc tiếp tục. Trước mắt chúng tôi hiện lên một đất nước. Những lực lượng chuyển động của cuộc kháng chiến, nội dung cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân Việt Nam trở nên càng lúc càng dễ cảm nhận, gần gũi hơn, dễ hiểu hơn. Những cuộc gặp gỡ với những con người, những quan sát, những cuộc đối thoại làm giàu thêm cho chúng tôi, cho khả năng suy xét, mở ra nội dung của bộ phim tương lai của chúng tôi, cho phép chúng tôi đưa ra những khái quát. Tôi đã nhìn thấy cái cốt lõi sẽ là cơ sở liên kết các tình tiết đã quay được trong bộ phim tương lai.

Đó là sự ra đời của kịch bản phim mà tôi loay hoay tính toán trong những giờ khắc đêm thâu, không phải quay, ghi lại điều đã tìm ra, đã suy ngẫm suốt bao nhiêu ngày.

Hội nghị hai bên tham chiến tổ chức vào ngày 4 tháng 7 ở khu vực trung lập, vùng Trung Giã. Khoa nói chuyện điện thoại với Bộ Tổng tư lệnh. Anh được cho biết tại Hội nghị sẽ có mặt một nhóm phóng viên báo chí Việt Nam. Từ phía Pháp sẽ có gần 40 phóng viên và các nhà quay phim. Bộ chỉ huy tối cao của Quân đội Nhân dân không phản đối sự có mặt của nhà điện ảnh Xô Viết và các nhà quay phim của phim thời sự Việt Nam.

Để hộ tống tốp điện ảnh chúng tôi, một sĩ quan được cử tới, anh sẽ chờ chúng ở một địa điểm hẹn trước trên đường đi vào đêm ngày 2 rạng ngày 3 tháng 7 lúc 12 giờ 30 phút.



THIẾU TÁ JAKEN – CON NGƯỜI NHÃ NHẶN

Trời tối, chúng tôi lên đường về hướng đã định. Đúng giờ hẹn, anh sĩ quan trẻ đã đứng trên đường. Anh ngồi lên xe Jeep của chúng tôi. Trên đường đi, anh kể rất tỉ mỉ và mạch lạc với tôi về cuộc hội nghị sắp tới. Dẫn đầu phái đoàn Quân đội Nhân dân Việt Nam là Tổng Tham mưu trưởng – tướng Văn Tiến Dũng, còn dẫn đầu đoàn Pháp là đại tá Lennuyeux. Báo chí Pháp đưa tin về cuộc đàm phán sắp tới một cách tránh né với lối diễn đạt mập mờ. Phía Việt Nam đến đàm phán với định hướng rõ ràng được chỉ rõ bởi tiến triển của Hiệp định Genève: Ngừng bắn! Để tiến hành cuộc đàm phán, được chọn lựa một khu vực trung lập, nơi tạm ngưng các hoạt động quân sự và những chuyến bay của không quân Pháp trong thời gian đàm phán. Bảo vệ khu vực này là những đội vệ binh Pháp và Việt Nam. Hai doanh trại đã được dựng lên là đơn vị quân đội hai nước Pháp và Việt Nam.

Chúng tôi đến nơi lúc bình minh.

- Các đồng chí được thu xếp ở làng này cùng với các đại diện của báo chí Việt Nam. - Anh sĩ quan nói.

Đi thêm gần 500 mét nữa thì tới ngôi làng nơi chúng tôi được bố trí ở trong một ngôi nhà nông dân rộng rãi. Quá trưa, chúng tôi sẽ tới địa điểm đàm phán, còn bây giờ, có thể nghỉ ngơi. Tôi cùng Mai Lộc kiểm tra máy móc cẩn thận từ sáng. Chàng thanh niên rất hồi hộp. Lần đầu tiên, anh được quay sự kiện quốc tế lớn sát cánh cùng các nhà quay phim lão luyện. Tôi động viên anh: Chẳng có gì đặc biệt đâu, cứ việc quay bình thường thôi, rồi sẽ đâu vào đấy.

12 giờ trưa, Khoa đem tới cho chúng tôi những dải băng tay xanh lam ghi những chữ cái lớn màu trắng “Press” (Báo chí). Chúng tôi khởi hành, chỉ mang theo máy quay phim nhẹ và vài cuộn phim phòng lúc cần đến. Anh Phùng, người lái xe Jeep của chúng tôi, đang khoải chí: Đây là lần đầu tiên trong thời chiến anh được chạy xe giữa ban ngày mà không phải ngại máy bay. Khu vực trung lập mà!

Trên mũi xe, lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phật. Dân từ các làng đổ ra hò reo, vỗ tay chào tiễn đưa xe chúng tôi. Được ngắm nhìn đồng bằng rộng lớn mới thú vị làm sao! Ở trên Việt Bắc, chúng tôi chưa lần nào nhìn thấy đường chân trời. Trước mắt luôn chỉ là núi non và rừng rậm. Phong cảnh ở đây thì khác hẳn. Núi non chỉ hiện lên mờ xa ở phía chân trời, còn đồng bằng bát ngát thì chìm trong yên lặng, tĩnh mịch. Trên những đồng lúa xanh rờn là cảnh người dân đang làm việc và những con trâu đung đỉnh. Khi nào chiến tranh kết thúc, khắp dải đất Việt Nam sẽ yên tĩnh và thanh bình như vùng đất nhỏ của khu vực trung lập này. Cách đây hoàn toàn không xa, bên kia chỉ giới của khu vực này, máy bay vẫn đang trút thứ hàng hóa mang chết chóc của mình xuống những cánh đồng lúa, những con đường và những làng quê thanh bình.

Chúng tôi đi phà qua sông. Cạnh bên phà, một cây cầu bị đánh sập nằm dưới sông. Vùng trung lập là vùng mới giải phóng. Người dân những ngôi làng yên bình này quá thấu hiểu thế nào là ách thống trị thực dân. Nơi đây, nông dân bị cướp hết trâu bò và bị tước đi khả năng được lao động trên đồng lúa. Đó là vào năm 1950, khi quân đội viễn chinh thất bại trong cuộc tấn công lên Thái Nguyên, thành phố mà người Pháp gọi là “thủ đô Việt Minh”.

Phía trước hiện ra một ngọn đồi, những căn nhà kiểu lán gỗ. Bên hàng rào thép có hai lính gác. Anh bộ đội Việt Nam đeo súng tiểu liên Mỹ trên ngực và người lính Pháp cũng mang cây súng đứng như thế. Trên cánh tay người lính Pháp, phía trên khuỷu tay đeo chiếc băng băng da đen với những chữ màu trắng “P.M”, viết tắt của “Police Military”, tức là “quân cảnh”. Người lính Pháp đội mũ chân rộng vành giống mũ cao bồi, mặc quần soóc – quần phục của lính viễn chinh Pháp tại Đông Dương. Anh ta đi giày bạt cao cổ, có đế cao su dày và đi tất xám đến đầu gối.

Tôi quan sát địa điểm sẽ diễn ra đàm phán. Vòng hàng rào dây thép gai thứ hai. Ở cổng ra vào lại có hai người lính – Pháp và Việt Nam. Chiếc lán lợp tôn sóng thuôn dài với những cửa sổ lớn. Bên này lán là ngôi nhà của đoàn Việt Nam, còn bên kia là ngôi nhà của đoàn Pháp. Trong lán sáng đèn. Tôi dùng quang kế đo cường độ sáng. Độ sáng đủ để quay phim. Chiếc bàn dài được phủ nỉ xanh.

Ra khỏi lán, tôi quan sát xung quanh. Cách đó không xa là khu lán trại doanh trại Pháp thuộc khu vực đàm phán. Những người lính mệt mỏi vì oi bức, bận quần soóc uể oải lang thang giữa các lán trại. Máy phát điện diesel công suất lớn của Mỹ đang chạy cung cấp năng lượng cho bếp điện dã chiến. Khu trại của bộ đội Việt Nam là vài ngôi nhà tre nhẹ, mái lợp lá cọ. Cách điểm đàm phán bốn kilômét, trên đỉnh ngọn đồi cao là đồn Núi Đồi của Pháp. Trên tường, lá cờ tam tài của Pháp bay phấp phới. Đó là tiền tuyến, đồn tiền tiêu của quân Pháp.

Tôi bàn với chỉ huy trưởng khu vực, thiếu tá Pháp Jaken về điều kiện quay phim ngày mai. Ông là người rất nhã nhặn, ông cam đoan sẽ chẳng gây bất kỳ trở ngại nào cho các nhà quay phim và các nhà báo.

“ĐƯỜNG LỐI CỦA CHÚNG TÔI THẮNG THẦN VÀ RÕ RÀNG: HÒA BÌNH!”

Buổi tối, tôi gặp các nhà báo Việt Nam. Mọi người hơi hồi hộp bởi cuộc gặp sắp tới với các nhà báo phía kẻ thù. Họ đại diện cho những tờ báo lớn nhất của nước Cộng hòa: báo Nhân Dân – cơ quan của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động, báo Cứu quốc – cơ quan của Mặt trận dân tộc, báo Quân đội Nhân dân, Thông tấn xã Việt Nam. Một nhà báo là cậu thanh niên trẻ mặc quân phục kéo tôi ra góc và hỏi:

- Anh bảo chúng tôi phải xử sự với họ thế nào?

- Cậu từ đâu tới? - Tôi hỏi anh ta.

- Điện Biên Phủ.

- Vậy cứ cứ xử như thế!

Anh ta bật cười hiểu ý và ôm lấy tôi.

Tôi muốn đi bách bộ. Ra khỏi cổng nhà, tôi thông thả bước trên con đường nhỏ. Phía trước có hai bóng người. Đi ngang, tôi nhận ra là tướng Văn Tiến Dũng. Lần cuối cùng, chúng tôi gặp nhau là tại Bộ Tổng tham mưu khi tôi quay phim ông cùng tướng Giáp. Chúng tôi chào nhau. Vẫn hiện ra trong bóng tối với gương mặt lo âu bởi sự vắng mặt của tôi.

- Lần đầu tiên trong đời - vị tướng nói - tôi làm công việc ngoại giao. Chiến đấu với khẩu súng trong tay còn dễ hơn nhiều so với tình huống này. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ đàm thoại với họ. Chính sách của chúng tôi, đường lối của chúng tôi thẳng thắn và rõ ràng: Hòa bình!

Ngày 4 tháng 7, tôi dậy lúc năm giờ sáng. Tôi dùng chai nước nóng là chiếc quần dài và áo sơ mi lấy trong ba lô ra, “đính” chiếc băng tay có dòng chữ “Press” lên tay áo. Mưa rào suốt đêm. Buổi sáng, trời xanh quang đãng. Đồng bằng rộng lớn được tắm rửa bởi trận mưa đêm sáng lên một màu xanh lúa non rờ rờ. Xa xa phía chân trời, trong màu xanh da trời lam khói – các đỉnh núi có những đám mây nhẹ màu sữa bay phía trên.

Xếp xong máy móc vào hai chiếc xe Jeep, chúng tôi quyết định chờ đoàn đại biểu để theo đoàn đến vùng trung lập. Các thành viên trong đoàn đã xuất hiện. Trên gương mặt tướng Văn Tiến Dũng và những sĩ quan tháp tùng ông là vẻ long trọng. Ô tô khởi động. Buổi sáng thật tuyệt! Tâm trạng tất cả mọi người thật phấn khởi và hồi hộp! Gió ngược chiều thổi rung rinh những lá cờ nhỏ trên các mũi xe, xe tăng tốc, ngọn gió trong lành vùng châu thổ thổi vào mặt. Không thể không xúc động, không thể không vui mừng: trên không chẳng có chiếc máy bay nào! Chúng tôi đang đi đến nơi sẽ được nói lên những điều về hòa bình, về chấm dứt chiến tranh! Về hòa bình cho những cánh đồng xanh rờn được tắm táp bằng những dòng nước trong lành của trận mưa đêm, về hòa bình cho những người dân, những người mỗi bước lại túa ra đường, vỗ mũ, vỗ tay bằng ánh mắt hạnh phúc tiễn đoàn xe đi dự hội nghị...

Bên hàng rào thép gai, chúng tôi xuất trình giấy phép ra vào do chỉ huy trưởng Jaken và thượng tá Lê Minh Ký. Chàng trai vạm vỡ trên tay đeo băng “P.M” sau khi gõ tay chạm chiếc mũ cao bồi và thân thiện gật đầu chào, đã cho xe qua.

Tôi bắt đầu quay phim luôn; tôi quay lính gác và quang cảnh chung địa điểm đàm phán. Một bức tranh yên bình. Bên cạnh hàng rào thép gai là một người nông dân đang cày ruộng. Đi qua đoàn xe chúng tôi là đội vệ binh – một lính Pháp và một chiến sĩ Việt Nam.

Điều làm tôi ngạc nhiên là sự vắng mặt của các phóng viên và các nhà quay phim. Nghe nói, sẽ có khoảng 40 người đến từ Hà Nội. Cuộc đàm phán bắt đầu vào tám giờ. Lúc 7 giờ 30, tôi quay đoàn đại biểu Pháp dẫn đầu là đại tá Lennuyeux và đoàn đại biểu Việt Nam đến. Thế các nhà báo thì đâu nhỉ?

“TÔI SẼ VUI MỪNG QUAY CẢNH QUÂN ĐỘI HỒ CHÍ MINH TIẾN VỀ HÀ NỘI...”

8 giờ kém 10, hai chiếc xe Dodge chạy tới hàng rào thép gai. Những người đeo máy ảnh, máy quay phim và tay cầm sổ ghi chép nhảy qua thành xe, tóa xuống đất và lao nhanh về phía chúng tôi. Hình như họ bị chặn lại ở đâu đó và đang cố bù lại thời gian đã mất.

Một nhà quay phim chạy đến chỗ tôi thở hổn hển. Anh ta vừa chạy vừa tuôn ra một tràng tiếng Anh: “Quý thật, hình như chưa bị muộn...” Thấy máy quay phim trên tay tôi, anh hỏi: “Anh người nước nào?” Nghe tôi trả lời: “Moskva, Liên Xô”, anh ta bối rối giây lát và ngạc nhiên nhìn tôi. “Ô, Liên Xô!” - Anh ta thốt lên, khuyu gối xuống và hướng ống kính máy quay vào tôi, rồi bắt đầu quay. Có người chạy tới chỗ anh ta thăm thì gì đó, những người khác chạy đến. Một phút sau, hướng thẳng vào tôi đã là hai chục ống kính. Những chiếc máy quay kêu xè xè, những chiếc đèn chiếu “blix” lóe lên. Tôi bình thân chịu đựng cuộc tấn công vì hiểu được nguyên do của sự náo động này: Chính là báo chí phản động lúc nào cũng gào lên: “Người Nga ở Việt Nam!”, “Moskva giúp Hồ Chí Minh!”, “Lính nhảy dù Xô Viết ở Điện Biên Phủ”. Và đây, họ có được khả năng để quay phim, thực ra, không phải lính nhảy dù của Xô Viết, mà là nhà quay phim, nhưng dấu sao cũng cứ là người Xô Viết!

Kế tiếp cuộc tấn công của những chiếc máy ảnh và máy quay phim, làn sóng thứ hai ập tới: Vây quanh tôi là các nhà báo Pháp và Mỹ. Tôi bình thân trả lời những câu hỏi của họ. Sự hưng phấn náo nhiệt bắt đầu tạm lắng khi họ ghi chép: “Xưởng phim tài liệu Trung ương”, “Phim về Việt Nam”, “Phim màu”.

- Ông nhảy dù xuống đây hả? - Phóng viên United Press hỏi.

- Không - tôi bình thân trả lời - Tôi đến bằng tàu hỏa qua nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

- Người Nga các ông ở đây có đông không?

- Cùng đi với tôi còn có hai đồng chí quay phim nữa.

Tôi không biết sẽ còn những câu hỏi thế nào được đặt ra nữa nếu đám đông vây quanh tôi không chạy ủa tới đoàn đại biểu Việt Nam đang đi ngược chiều tiến vào hội trường. Lúc này, tôi rất biết ơn tướng Văn Tiến Dũng.

Tôi quay phiên họp đầu tiên của hội nghị và bài phát biểu của các trưởng đoàn.

Tướng Văn Tiến Dũng đã nói trong bài phát biểu của mình rằng đoàn Việt Nam đến đàm phán với mục tiêu chính: Đình chiến. Tất cả những người có mặt tại đây đều nỗ lực hướng tới mục tiêu này.

Bài phát biểu của đại tá Lennuyeux rất thận trọng. Ông ta giới hạn bằng những lời phát biểu mang tính thủ tục. Trong lúc ông phát biểu vọng tới tiếng ầm ầm phía xa xa. Trên bàn, những chiếc cốc kêu loảng xoảng. Tôi nhìn ra cửa sổ. Ngoài kia, hoàn toàn cách đây không xa, phía sau ranh giới khu trung lập, có một lớp mây bay. Từ mặt đất bốc lên những đụn khói xám.

Phiên họp đầu tiên kéo dài không lâu. Sau cuộc họp, các nhà báo tản ra khắp khu vực. Họ kiên trì chụp ảnh những chiến sĩ Việt Nam và đi xem chỗ ở của họ. Thu hút sự chú ý là đoàn xe chở đoàn đại biểu Việt Nam đến đàm phán. Họ đi bằng những chiếc Willys của Mỹ có ghi: “Chiến lợi phẩm Điện Biên Phủ, 07.05.1954”. Họ chụp ảnh các thành viên trong đoàn, trò chuyện với các nhà báo Việt Nam. Các nhà báo Việt Nam lịch thiệp, hiếu khách, cởi mở. Nhìn chung, họ tỏ ra điềm tĩnh đáng kể, giữ vẻ đường hoàng.

Những câu hỏi của các nhà báo đến từ Hà Nội đôi lúc nằm ngoài phạm vi các chủ đề có thể

làm báo chí quan tâm: “Thế quân đội các ông đến vùng này có nhiều không?”, “Con đường từ đây đến Thái Nguyên trong tình trạng thế nào?...”

Viên sĩ quan báo chí - thiếu tá Pháp, người đưa các nhà báo Hà Nội đến, đã phát câu lên. Ông ta không thể tập hợp nổi những người được mình bảo trợ, ông ta kêu họ lên xe và cố tách đám người ra khỏi các nhà báo Việt Nam. Ông ta bực tức nói với nhiếp ảnh gia “Laipha” đang say sưa chụp ảnh: “Chúng ta đi thôi. Chắc anh muốn ở lại đây hả?”. Ngay lúc đó, anh béo phì đeo kính hiền hậu trên người đeo đầy các máy ảnh “Leika” cười bình thản trả lời:

- Ô, hẳn tôi vui mừng ở lại đây, chỉ cần họ cho phép! - Hướng sang tôi, anh ta nói: Ông Karmen, sao ông không đi cùng chúng tôi về Hà Nội nhỉ? Ông chưa từng đến Hà Nội mà? Một thành phố xinh đẹp...

- Tôi định đến Hà Nội đây - tôi mỉm cười trả lời - và hy vọng sẽ đến được đó. Cùng với quân đội Việt Nam...

- Ô, chúng tôi sẽ rất vui mừng quay cánh quân đội Hồ Chí Minh tiến về Hà Nội! Những cảnh quay ấn tượng đấy! - Anh ta cười, chia tay chúng tôi và miễn cưỡng đi sau viên thiếu tá Pháp.

“CÁC THƯƠNG BỆNH BINH ĐƯỢC MÁY BAY TRỰC THĂNG CHỜ ĐẾN”

Buổi tối, Khoa lần đầu ra ốm. Con sốt rét quái ác. Nhìn anh thật đáng sợ. Nằm liệt giường, hai mắt sâu trũng xuống, môi khô nứt, da mặt vàng bệch. Anh không thể cựa quậy, không thể nói, buồn bã nhìn chúng tôi bằng đôi mắt lơ đãng. Phải làm gì với anh ấy đây? Chúng tôi phải khẩn trương về căn cứ. Chúng tôi bị trì hoãn việc gửi phim thường lệ về Moskva chỉ vì để đợi đưa vào bưu kiện tư liệu cuộc gặp gỡ của các bên tham chiến. Con sốt rét thật dai dẳng. Không phải là năm, sáu ngày. Khoa thều thào năn nỉ đòi nhanh chóng đi về căn cứ. Chẳng còn cách nào khác. Chúng tôi mang chiếc giường êm vào xe tải cho anh – phía trên lớp cỏ khô, chúng tôi đặt chiếc áo bông và chiếc vải bạt. Chúng tôi thận trọng cáng anh từ nhà ra đường. Chúng tôi cố gắng đi chậm để xe bớt xóc. Gần sáng, chúng tôi đã về căn cứ, nơi Thi và Gienhia Mukhin đang mong ngóng chúng tôi.

Từ Điện Biên Phủ trở về, họ đã kịp làm một chuyến đi khác nữa – đi quay các đơn vị Quân đội Nhân dân tiến vào thành phố Bắc Ninh. Thi kể lại:

- Nước ngập đã cản đường chúng tôi. Lũ lụt làm lở đường, quân đội đi phía trước, chúng tôi cùng với chiếc xe tải bị sa lầy. Nông dân các làng xung quanh được biết rằng nhà quay phim Liên Xô đang quay những cảnh tiến quân của các đơn vị Quân đội Nhân dân. Vài nghìn người đã khôi phục con đường bị lở. Dĩ nhiên, họ làm việc này không phải vì Mukhin, con đường cần được khôi phục, nhưng hai tiếng “Liên Xô” – Liên bang Xô Viết – thật huyền diệu đối với những con người đang ngày đêm làm việc trên con đường này. Họ phái đến chỗ chúng tôi một đoàn người và đề nghị: “Khi nào người Liên Xô đi qua con đường này, cứ để anh ấy đứng trên xe để chúng tôi được nhìn thấy anh ấy, nhìn thấy người Liên Xô.”

Mukhin đã theo kịp đúng lúc. Anh ấy quay được những cảnh cảm động về cuộc gặp gỡ giữa người dân thành phố được giải phóng với các chiến sĩ Quân đội Nhân dân. Cũng tại vùng này đã diễn ra cuộc trao đổi các thương bệnh binh là tù binh được quy định trong Hội nghị Genève. Cả cảnh này cậu ấy cũng quay được. Cậu ta quay những máy bay trực thăng Pháp đến chờ lính Pháp và Maroc đã được chuyển đến đây từ các trại lính, cảnh lính Pháp chia tay với các y tá và bác sĩ Việt Nam.

Mukhin phải đi xe đạp 20 kilômét vào thời điểm nóng nhất trong ngày. Nóng ran và đầm đìa mồ hôi, anh trông thấy một con sông nhỏ mát mẻ. Bất chấp sự can ngăn của các đồng chí Việt Nam, anh vẫn ngang bướng lội xuống nước. Tắm sông đã làm khổ anh. Vừa quay phim xong, anh lẫn ra mê man bất tỉnh. Chúng tôi vất vả lắm mới đưa được cậu ta về căn cứ. Giờ thì anh nằm với

đôi mắt khép hờ, bác sĩ không rời anh một phút.

- Thật kinh khủng - Vân nói với tôi - Sao các anh không nghe chúng tôi? Có chuyện y như thế này xảy ra với nhà văn Ba Lan Zukrowski⁽⁵³⁾. Vào ngày nóng bức, ông ta lội xuống sông bắt cháp chúng tôi đã năn nỉ ông ta đừng làm vậy. Bản thân chúng tôi biết điều đó là nguy hiểm thế nào. Khi tôi khuyên Zukrowski, bỗng nhiên ông ta nói với tôi: “Vân, lấy cho tôi chiếc gương!” Tôi chạy đi lấy gương cho ông ta. Lúc đó, ông nói: “Giờ nhìn vào gương đi, rồi nhìn tôi sau. Cậu chỉ là thằng oắt con, cậu 20 tuổi, tôi đáng tuổi bố cậu mà cậu lại dạy tôi nên tắm hay không hả.” - và lội xuống nước. Sau đó, cả tuần ông ta cũng nằm y như Mukhin thế này.

KHÁN GIẢ SẼ ĐƯỢC XEM TẦM VÓC CỦA CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ

Ngày đêm tôi gói bọc và gửi những cuộn phim. Thiếu tin tức từ Moskva làm tôi rất lo lắng. Chẳng lẽ toàn bộ việc quay phim của chúng tôi là công cốc. Mỗi lần, khi lắp phim vào máy, khi ngón tay chạm vào mặt lớp nhựa, cảm thấy điều bất ổn – nhựa rã ra mỗi khi chỉ khẽ chạm vào.

Lần này, tôi đã gửi đi khối lượng phim lớn. Trong đó là toàn bộ tư liệu của Mukhin quay ở Điện Biên Phủ. Gần 2.000 mét phim được Volodia Eshurin gửi từ Khu Bốn ra nhờ người chạy thư hỏa tốc. Xét theo những mảnh giấy chấp ghép vào, tư liệu rất hay. Cậu ta quay nhiều cảnh, quay phiên tòa xét xử tên địa chủ, quay làng kháng chiến bên bờ biển Đông. Tôi hỏi cậu thanh niên đã vượt qua 400 kilômét đi xe đạp chở hòm phim của Eshurin một cách tỉ mỉ về công việc của Eshurin. Trong thư, Volodia viết cậu ta ốm mấy ngày. Theo lời kể của cậu thanh niên thì tình trạng của Eshurin cũng như Mukhin, bệnh gì đó đại loại như bị say nắng. Mà có thể đơn giản là kiệt sức? Dù gì thì ngày mai tôi cũng phải lên đường. Tôi sẽ quay cảnh chiến đấu. Chắc sẽ quay được cuộc tấn công một đồn bốt của Pháp. Từ lâu, tôi đã đề nghị cho tôi được quay phim trong các đơn vị quân đội. Thi bằng lòng: Ta tới sư đoàn 308 – sư đoàn thân thiết mà anh đã đồng hành cùng suốt chặng đường cuộc chiến tranh, kết thúc tại Điện Biên Phủ. Sư đoàn đã được điều động sang khu vực mới. Mọi người đợi tôi ở đó.

Làm gì với Mukhin đây?

- Cậu thì đi đâu nổi trong tình trạng thế? - Tôi nói - Hãy dưỡng sức thêm mấy ngày nữa!

Nụ cười mệt mỏi trên gương mặt Gienhia.

- Một ngày đêm nữa – và tôi sẽ khỏe lại thôi. Tôi thấy sức lực đang bình phục theo từng phút. Đã thấy ăn ngon miệng hơn rồi.

Cứ hai giờ tôi vào thăm cậu ta một lần. Thi chăm sóc cậu ta như đứa trẻ, không rời cậu ta một bước. Họ rất thân nhau trong chuyến đi Điện Biên Phủ. Chuyến đi rất vất vả. Họ đi không phải tám ngày như dự tính mà là 11 ngày. Mang vác máy móc và phim ảnh lội qua những con suối dềnh nước, đi bộ nhiều. Mukhin nói rất khâm phục về khả năng tổ chức của Thi: Không hiểu anh ta kiếm từ đâu ra xe, xăng, nối liên lạc qua radio với đơn vị quân đội. Các tổ chức hỗ trợ đáng kể cho đoàn làm phim Liên Xô tiến về vùng Tây Bắc xa xôi của đất nước. Cả đường về cũng khó khăn không kém. Cả hai hào hứng kể về những cảnh đã quay được.

Khán giả sẽ được xem tầm vóc của chiến thắng lịch sử do bộ đội Quân đội Nhân dân Việt Nam giành được. Họ quay đồng chiến lợi phẩm ngoài chiến trường, quay dây tù binh. Quay cuộc gặp gỡ giữa những người dân địa phương với bộ đội. Các thiếu nữ dân tộc Thái đến với những người lính trên trận địa, hát cho họ nghe những bài hát của mình, và nhảy múa.

Trong chuyến du hành, Mukhin nghe theo lời chỉ báo sáng suốt của các nhà quay phim tài liệu: “Máy quay luôn trong tay!” Cậu ta quay những thứ gặp dọc đường, chân dung con người, phong cảnh thiên nhiên miền núi độc đáo vùng Tây Bắc.

Tôi trò chuyện rất nhiều với Mai Lộc về nghề nghiệp. Chúng tôi làm việc với nhau gần một tháng rưỡi. Tôi chăm chú quan sát cách quay của anh ấy. Khởi phải bàn về chuyện đó là một nhà quay phim tài năng. Anh ấy có con mắt tinh tường, sự nhạy bén của người làm báo.

Giờ tôi thả cho anh ta làm việc độc lập. Tôi giao cho anh quay những đối tượng rất thân quen với anh. Anh thông hiểu làng quê Việt Nam và cuộc sống thường nhật của nó. Trong những năm chiến tranh, anh quay được nhiều trong các đội du kích, trong hậu phương của địch. Quay phim màu đòi hỏi những kỹ năng đặc biệt, Mai Lộc nắm được chúng trong thời gian làm việc cùng chúng tôi, nhưng vẫn còn nhiều điều cần biết nữa. Anh tự tin nhưng biết mình vẫn cần phải học hỏi nữa.

Anh ý thức được trách nhiệm đặt trên vai mình như thế nào khi nhận từ tôi ba hộp phim màu với gần 1.000 mét phim.

TIỂU ĐOÀN VƯỢT QUA ĐÈO NÚI

Tôi đã quá quen đoạn đường đi từ xưởng phim ra tới đường - dài 12 kilômét. Chúng tôi đi đi lại lại qua con đường này, khi đi bộ, lúc cưỡi ngựa và đây đã là lần thứ sáu. Lần này chúng tôi đi mà thiếu Khoa. Con sốt rét quái ác ghim chặt anh xuống giường. Chúng tôi buồn bã chia tay Khoa yếu lả, bất lực, nằm im trong mùng.

- Các anh thấy đấy, - anh nói với chúng tôi bằng giọng yếu ớt - bệnh sốt rét nhiệt đới của chúng tôi đáng sợ làm sao. Hãy giữ mình! Nên nhớ: Nếu các bạn đổ bệnh, công việc bị đình lại, chẳng ai thay thế được các bạn. Ngay khi khá hơn chút ít, tôi sẽ đuổi theo các bạn ở sư đoàn.

Tôi lại không nghe lời Vân. Tôi xuống ngựa ở phía trước cây cầu nhỏ có những thân gỗ tròn đã rời rã hoàn toàn và cầm cương dắt ngựa. Vân năn nỉ yêu cầu tôi trao dây cương cho anh, tôi không nghe. Con ngựa ngằn ngừ dừng lại trước lỗ thủng hoặc miệng ở giữa cây cầu hẹp. Bước qua chướng ngại này, tôi kéo mạnh cương ngựa, những tường con ngựa sẽ bình tĩnh bước qua lỗ thủng. Ngày thường con ngựa hiền lành, uy mị là thế, bỗng vọt nhảy qua và xô mạnh mõm vào lưng tôi. Tôi bay nhào khỏi cầu. May là ngã xuống bãi cát mềm ven bờ. Tôi nhồm đậy, ngượng ngùng phủi quần áo, Vân và anh vệ sĩ tên là Mèo chạy đến chỗ tôi. Họ lo lắng xoa bóp cho tôi và nhìn vào mắt tôi. Mukhin cười hô hô rung cả yên ngựa.

- Ôi, rớt cuộc, bao giờ anh mới nghe tôi đây! - Vân thốt ra vẻ quở trách.

Con ngựa hung hăng của tôi cúi đầu, phe phẩy đuôi, đứng buồn bã.

- Hai - một nghiêng về Điện Biên Phủ! - Mukhin rên lên lau nước mắt ràn rụa.

Đi chưa đầy một cây số nữa, Vân cũng tham gia vào cuộc đua. Chiếc đai bụng ở yên ngựa bị đứt và anh bay vèo khỏi ngựa. Anh nhồm dậy với vẻ rất đường hoàng và kiêu hãnh, sau khi tuyên bố tiếp theo sẽ đi bộ.

Lại là con đường vào ban đêm. Tí ti con đom đóm, các đoàn dân công đi ngược chiều, những lần đi phà qua sông, những câu chuyện kể của Vân... Anh thao thao bất tuyệt tuôn ra những tục ngữ dân gian, những tình tiết buồn cười trong tiểu sử của mình, anh kể nhiều điều thú vị về chuyến đi của nhà văn Ba Lan

Zukrowski, người đã cùng viện sĩ hội họa Kobzdei mới đây đã thực hiện chuyến du hành trên các nẻo đường Việt Nam. Những bài ký sự thú vị của Zukrowski với những bức tranh tuyệt đẹp của Kobzdei tôi đã được xem trước khi đến Việt Nam trong mấy số báo "Ogoniok" (Tia lửa).

Thật dễ chịu khi nghĩ đến những cuộn phim đang trên đường về Moskva. Chúng tôi ước tính người chuyên thư hóa tốc mang phim đi tới qua chắc đã vượt sang bên kia biên giới Trung Quốc. Bảy ngày đường tới Bắc Kinh, từ Bắc Kinh đi máy bay tới Moskva. Và khi nào mới có điện báo từ xưởng phim đem tới cái tin an ủi, rằng tư liệu đã được tráng xong, rằng mọi chuyện đều ổn cả? Tôi còn lo chừng nào chưa có bức điện này.

Trước lúc bình minh, chúng tôi vượt qua một đơn vị quân đội đang hành quân trên đường. Suốt mấy cây số, đèn pha ô tô chiếu sáng những chiến sĩ hành quân nối đuôi nhau.

- Sư đoàn 308! - Vân nói. - Họ hành quân từ Điện Biên Phủ. Sư đoàn xuất sắc nhất của quân đội chúng tôi!

Thi dừng xe Jeep tại phía đầu của một hàng quân. Chúng tôi đi xe lại gần và Thi giới thiệu tôi với một sĩ quan trẻ là chỉ huy tiểu đoàn. Tranh thủ khoảng dừng ngắn ngủi, người chỉ huy ra lệnh nghỉ giải lao. Các chiến sĩ ngồi bên bãi cỏ vệ đường, và ngay đó, phe phẩy những chiếc quạt, họ cất lên bài ca chiến đấu của Việt Nam *Vì nhân dân quên mình*. Nhạc và lời bài hát do một chiến sĩ trẻ viết. Với bài hát này, anh được tặng giải thưởng mà cứ hai năm một lần nó được trao tặng cho những tác phẩm văn học nghệ thuật xuất sắc. Trong nhịp quân hành, những người lính trên vai vác vũ khí, đạn dược, những khẩu đại bác hạng nặng được tháo rời. Chúng tôi nhớ đến lời nói của tướng Võ Nguyên Giáp: “Chúng tôi ít xe, chúng tôi vác đại bác trên vai và không chút ngại ngần rằng các bạn sẽ phản ánh nó trong phim của mình. Việc vượt qua những khó khăn này thể hiện tinh thần cao của cả Quân đội Nhân dân...”

Khi nói chuyện với người chỉ huy, Thi biết được rằng bây giờ tiểu đoàn sẽ rời khỏi đường đi, vượt qua đèo núi. Trung đoàn đóng quân sau ngọn đèo này. Có thể quay được cảnh bộ đội hành quân trong điều kiện rừng núi. Chúng tôi quyết định để Mukhin quay cảnh vượt đèo. Buổi tối, chúng tôi sẽ gặp lại cậu ta tại sở chỉ huy của Trung đoàn Thủ đô.

Chuyến đi này, Mukhin đã quay được những thước phim tuyệt vời. Bộ đội hành quân lên núi trên đường mòn chật hẹp. Các chiến sĩ rồng rắn hàng dài đi từ chân núi lên tới đỉnh đèo. Nhà quay phim đi trong hàng lính, quay những gương mặt mệt phờ của những chiến sĩ đi trong tư thế hành quân nghiêm túc, vác những hòm đạn nhỏ và đạn lớn, những khẩu đại bác.

Mukhin vẫn quay tiếp ngay cả lúc cơn mưa rào nhiệt đới ập xuống. Về sau này, khi xem những cảnh phim này, khán giả sẽ cảm phục sức chịu đựng của các chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam. Những người lính, nước ngập tận thắt lưng, lội qua những con suối chảy xiết dưới cơn mưa như trút nước với đồ vác nặng trên vai. Hai người khiêng một bánh xe, khẩu đại bác được buộc vào một thân cây tre lớn. Bốn người kéo nòng, giá đại bác lên núi. Người lính chân đi dép cao su, trượt ngã trên lối mòn đất sét ngay bên vực thăm đưng đứng. Gió giật chiếc áo mưa ướt khỏi vai. Lên cao hơn, cao nữa, tiểu đoàn chiến đấu đang leo núi...

TRUNG ĐOÀN THỦ ĐÔ

Chia tay với Mukhin, chúng tôi cho xe chạy trên đường thêm hơn hai cây số nữa. Sau đó, để lại xe trên đường, mãi đến chiều tối chúng tôi mới tới được sở chỉ huy của trung đoàn. Ướt át, mệt mỏi, chúng tôi mừng rỡ là cuối cùng cũng đã ở giữa các chiến sĩ, được làm quen và gần gũi với các sĩ quan và binh lính Quân đội Nhân dân. Chúng tôi thay quần áo trong một căn nhà nông dân.

Ở ngưỡng cửa căn nhà bên cạnh, chúng tôi được chỉ huy Trung đoàn Thủ đô huyền thoại – đồng chí Nguyễn Quốc Trị đón chào. Anh là một trong năm người đầu tiên đã được nhận danh hiệu vinh dự Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Vóc người thấp nhỏ, sắt gầy, gò má cao, gương mặt nông dân, với cái nhìn sắc sảo của đôi mắt nhỏ, đôi môi mỏng, bướng bỉnh. Gương mặt với những nét góc cạnh của anh hấp dẫn bởi vẻ cương trực dũng cảm của người lính từng trải. Sự quả cảm, bằng những quyết định táo bạo trong giây phút hiểm nghèo, sự quan tâm tới chiến sĩ ở anh khiến mọi người bên ngoài, ít liên quan đến trung đoàn đều phải tôn trọng.

Trung đoàn Thủ đô được thành lập tại Hà Nội năm 1946⁽⁵⁴⁾, bây giờ mới chỉ là một tiểu đoàn, tập hợp từ các đội tự vệ thành phố, các đội đoàn viên tổ chức thanh niên Cứu quốc và hai đại đội chính quy. Xương sống của tiểu đoàn là công nhân Hà Nội. Tiểu đoàn đã chiến đấu tại Hà Nội từ những ngày đầu cuộc kháng chiến, từ 19 tháng 12 năm 1946 đến 17 tháng 2 năm 1947, tiểu đoàn hứng chịu toàn bộ hỏa lực của pháo binh địch, hỏa lực từ các tàu chiến trên sông Hồng, những trận bom phóng từ trên trời xuống. Tiểu đoàn chỉ để lại Thủ đô sau khi nhận được lệnh rút lui, hoàn

thành nhiệm vụ chặn đường cho hàng nghìn người ra đi: công nhân, viên chức, sinh viên, tất cả những ai không muốn ở lại thành phố bị kẻ thù chiếm đóng, tất cả những ai đã quyết định giữ vững sự trung thành đối với nước Cộng hòa, lên rừng Việt Bắc và ở đó tiếp tục cuộc chiến đấu.

Vào những giờ khắc gian khó này, cùng với tiểu đoàn anh hùng, Nguyễn Đình Thi, người chiến sĩ trẻ cùng tham gia chiến đấu, rồi từ biệt Hà Nội ra đi. Bài hát *Người Hà Nội* đã ra đời trong hoàn cảnh đó, bài hát tràn đầy niềm căm hận, thúc giục đi chiến đấu.

Những trận chiến đấu trên sông Lô, trên vùng Tây Bắc, chiến dịch Biên Giới năm 1950, tiêu diệt đội quân của De Lattre de Tassigny ở Hòa Bình, chiến dịch Điện Biên Phủ – Trung đoàn Thủ đô huyền thoại đã tham gia tất cả các trận đánh lịch sử ấy. Trung đoàn là đơn vị đầu tiên trong cả nước được tặng thưởng Huân chương Chiến công. Trên lá cờ chiến đấu chằng chịt vết đạn bom, được các tổ chức công nhân trao tặng, giờ đây lấp lánh năm tám huân chương chiến đấu.

Nguyễn Quốc Trị cho chúng tôi biết các chi tiết về chiến dịch sắp tới. Quân đội Pháp với mục đích cô cụm bắt đầu rút khỏi lãnh thổ lớn. Quân đội Nhân dân cắt đứt đường rút lui của chúng, kết hợp với các đơn vị du kích, kiểm soát mạng lưới giao thông mà quân đội Pháp qua lại. Phía Tây địa phương nơi chúng tôi hiện đang có mặt, một chướng ngại vật lớn – một nhánh sông Hồng. Ngày mai sáng sớm, trung đoàn sẽ vượt sông chuyển các lực lượng chủ yếu sang bờ bên kia và sẽ tấn công một đồn lớn của quân Pháp.

- Bọn Pháp dự định bỏ đồn. Điều đó chúng tôi biết rõ, nhưng chúng tôi không đợi, chúng tôi sẽ “giúp” chúng trong việc này. Chắc chắn, chúng dù sao cũng chống cự quyết liệt bằng pháo của đồn lũy, có thể chúng dùng đến cả máy bay. Đây, chỗ này - anh chỉ lên bản đồ, cách không xa bờ phải của sông - chúng tôi tập kết pháo hạng nặng, sẽ hỗ trợ cho bộ binh. Đơn vị pháo hạng nhẹ 75 li kéo sát ra tận bên bờ. Dưới sự yểm trợ của dàn pháo này, trung đoàn sẽ vượt sông. Đã qua cái thời chúng tôi tấn công các đồn lũy quân Pháp bằng lựu đạn cầm tay và súng săn. Bây giờ chúng tôi chiến đấu, sử dụng tất cả các chủng loại vũ khí, kể ra thì chưa có xe tăng, máy bay và tàu chiến đi biển. Cuộc tấn công của bộ binh chúng tôi được yểm trợ bằng hỏa lực pháo hạng nặng.

NGƯỜI DÂN CHÈO ĐÒ

Trước lúc bình minh rất lâu, chúng tôi rời khỏi Ban Tham mưu trung đoàn và đi về hướng con sông. Các đơn vị từ tôi đã tiếp cận các tuyến xuất phát. Tuy nhiên cùng đi chuyển với chúng tôi trên những lối mòn về phía dòng sông còn có những tốp lính nhỏ. Người Việt có khả năng nguy trang đến mức hoàn thiện ở bất kỳ địa hình nào. Vào giờ trước lúc rạng đông này, hai lần trên không xuất hiện máy bay. Hai cặp máy bay tiêm kích lượn vòng từ từ ở tầm thấp. Những lúc ấy, chúng tôi dán mình sát đất, nằm bất động trong cỏ. Khi máy bay biến mất khỏi tầm mắt, chúng tôi đi tiếp.

Trong khu rừng chuối nhỏ, chúng tôi dừng lại trên trận địa pháo một lát. Ở đây có hai khẩu đội đại bác 105 ly được nguy trang cẩn thận. Chúng tôi cử nhà quay phim Hồng Nghi ở lại. Anh sẽ quay pháo lửa trong trận pháo kích dọn đường, sau đó sẽ nhập cùng đoàn với chúng tôi chỗ bờ sông. 30 phút nữa là bắt đầu trận pháo kích dọn đường, cần khẩn trương. Phải chạy nhanh đến một đỉnh không cao lắm, nơi có hai cái hào nhỏ được đào riêng cho chúng tôi theo lệnh của chỉ huy trung đoàn. Chúng tôi tới nơi. Từ nơi đây phạm vi quan sát rộng, thấy rõ con sông, bờ bên phải con sông có cánh rừng bao phủ, mà ở đó dùng ống nhòm nhìn thấy rõ công sự của địch. Ở điểm cao, chúng tôi đứng có các đường giao thông hào nhỏ sâu được nguy trang, không thể nhìn thấy từ trên không. Chúng tôi đi đến những đường hào của mình theo đường hào này. Cách đây không xa có đài quan sát pháo binh. Hai máy bay tiêm kích lại xuất hiện trên bờ sông, lượn vòng trên bờ sông chúng tôi, bay ở độ cao phía trên đầu chúng tôi 500 mét.

Tôi khá quen với cảm giác căng thẳng chờ đợi phát đại bác đầu tiên, phát súng mà ngay lúc vừa kịp vang lên sẽ biến thành cơn sấm triền miên của hàng loạt đạn đại bác. Tôi nhớ phát súng đầu tiên bên bờ Vistula, buổi bình minh trên cứ điểm bên kia dòng sông Oder⁽⁵⁵⁾. Nơi ấy, phát súng đầu tiên được hàng nghìn nòng súng hòa theo. Bây giờ, chỉ có mấy khẩu đại bác bắn, nhưng

giây phút chờ đợi vẫn căng thẳng và lo âu như thế...

Đại bác bắn đồng loạt, cùng với các đại bác hạng nặng, những khẩu 75 ly ở bờ sông cũng tham gia. Chúng tôi hướng máy quay sang bờ bên kia, nơi xuất hiện những quãng lửa và vọt lên những cụm khói đậm đặc của hàng loạt tiếng nổ. Những khẩu đại bác hạng nặng giã xuống khu tiền duyên của địch, rồi chuyển lửa sang cái đồn địch mà chúng tôi không thấy rõ từ đây và lại bắn xuống khu tiền duyên. Hai khẩu đội pháo hạng nhẹ đổ thẳng lửa đạn vào công sự trên bờ. Đại bác đồn địch bắn trả có chừng mực, thăm dò sự tập trung của quân đội Việt Nam. Vài viên đạn đại bác nổ tung cạnh điểm cao của chúng tôi, tiếng nổ dần tiến về phía hào của chúng tôi. Tuy nhiên, một lúc sau, đạn của địch thưa dần.

Con sông náo loạn lên. Mấy chục chiếc đò nhẹ – những chiếc thuyền đánh cá – phóng sang bờ bên kia. Chúng lao đi cắt chéo mặt sông, dòng chảy đưa chúng đi rất nhanh. Mặt nước mọc lên những cây bọt nước – đại bác của đồn địch bắn vào đoàn quân đổ bộ. Bây giờ địch tập trung hỏa lực trên sông, nơi những chiếc đò nhẹ vẫn tiếp tục lao sang bờ bên kia. Đây không phải là cuộc đổ bộ thông thường, trên mỗi chiếc thuyền có ba, bốn tay súng máy, thế nhưng những người chèo và lái thuyền là ngư dân. Trong đó có nhiều thiếu nữ. Suốt mấy ngày liền, ngư dân các ngôi làng ở thượng và hạ nguồn tập kết thuyền của mình tới địa điểm nơi ban chỉ huy dự định vượt sông. Những chiếc đò nhẹ được giấu trong những bụi tre và chuối. Bây giờ, chúng đang lao nhanh sang bờ bên kia.

Những dòng đạn súng máy rít lên phía trên đầu, đạn đại bác từ đồn địch tiếp tục trút sang bờ chỗ chúng tôi. Hai lần máy bay tiêm kích xuất hiện ném những quả bom nhỏ, dùng đại bác và súng liên thanh quét thảo các bụi rậm ven bờ sông.

Quay từ xa, con sông đông nghịt thuyền đò xong, chúng tôi muốn đi ra sông. Các bạn Việt Nam không cho chúng tôi đi: “Các anh sẽ đi chừng nào quân đội chúng tôi chiếm lĩnh hoàn toàn bờ bên kia.” Sau những yêu cầu khẩn khoản dai dẳng, cuối cùng chúng tôi cũng được phép khởi hành. Khói đen bay là là trên những hỏa điểm kiên cố của kẻ thù bị phá hủy bên bờ kia. Hỏa lực pháo binh của địch ngưng hẳn. Đạn đại bác cũng không còn rơi xuống đây, xuống bờ bên này nữa – rõ ràng là pháo binh địch đã chuyển hướng hỏa lực vào những lối đi gần nhất dẫn vào đồn, nơi tập trung các trung đội, đại đội của Trung đoàn Thủ đô vừa vượt sông. Từ phía ấy đang vọng lại âm ầm đạn nổ, tiếng dùng dằng khô khốc những tràng súng máy, tiếng đom đóp của những phát súng trường.

CUỘC SỐNG TRONG BOONG KE BÊ TÔNG

Chúng tôi đi chuyển sang bờ bên kia. Dưới vũng sông, chiếc mũ tre bộ đội, bọc vải bạt và lưới, trên đó cắm lá tre, xoay chậm chậm khi chạm vào bờ. Mấy thi thể bộ đội Việt Nam nằm trên khoảng không gian ngăn cách bờ sông với các lô cốt của địch. Một người nằm đầu hướng ra sông, tay duỗi buông xuống nước, chòm tóc đen thẳng trên trán nhúng vào sông.

Lên bờ, chúng tôi leo lên một mô cao qua những bụi cây rậm rạp. Từ đỉnh cao này quan sát rất tốt đồng ruộng bát ngát mà ở giữa nó, trên cái gò hung hung đỏ là một đồn của Pháp được vây bọc bằng bức tường đá. Thấy rõ cờ ba sắc tung bay trên tháp góc. Bây giờ, toàn bộ hỏa lực của các khẩu đội pháo Việt Nam, hạng nặng lẫn hạng nhẹ, đều đổ xuống đồn địch. Những tiếng nổ làm bốc lên những cây nấm khói đen đặc trên những sườn dốc dựng đứng của cao điểm cạnh tường pháo đài. Đồn địch bốc cháy. Cột khói xám chậm chậm nghiêng về một phía và lan khắp thung lũng. Từ đây, từ khoảng cách hai mét, thấy rõ những hàng dọc bộ binh Việt Nam đang tấn công. Anh sĩ quan thấp tẹt chúng tôi không rời mắt khỏi ống nhòm.

- Đường tháo lui duy nhất cũng bị chiếm rồi. Nhìn xem! - Anh ta nói khi đưa ống nhòm cho tôi.

Lúc này, ngọn tháp với lá cờ ba sắc tung bay bị bao phủ bởi những cuộn khói nâu dày đặc, mà từ đó tán ra tứ phía những dấu chấm dấu phẩy đen ngòm, khắp thung lũng rền vang tiếng vọng

như sấm của một tiếng nổ lớn. Chắc có lẽ, quả đạn đại bác đã bắn trúng kho đạn dược. Lúc khói tan, có thể thấy rõ một lỗ hồng lớn ở boongke góc. Thấy rõ các hàng quân đang xông đến lỗ hồng này.

- Chúng đầu hàng rồi! - Anh sĩ quan nói.

Chúng tôi thấy một chấm trắng – lá cờ trắng – phía trên một trong những ngọn tháp đồn địch còn sót lại. Đồn binh địch đã đầu hàng.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng được phép vào cái đồn đã bị chiếm. Tôi được dẫn đi vòng vòng trên đường rất lâu. Con đường thẳng mà bộ binh đã tiến quân rất nguy hiểm. Xung quanh đồn là những bãi mìn. Chúng tôi đi vào qua cánh cổng đồ sộ mở toang. Phía trong bức tường vây, tòa nhà chính – trại lính – vẫn còn cháy. Trong sân là những đồng gạch, đá dăm và kính vỡ. Ở góc sân là đống tù binh, gần 20 tên. Trên những bộ mặt âm ỉ hiện vẻ hoàn toàn dửng dưng với mọi thứ xung quanh. Chúng tôi thi hành mệnh lệnh của bọn chỉ huy, bọn đã vứt bỏ chúng ở đây sống chết mặc bay. Những người lính Việt Nam mời họ hút thuốc, trao cho họ những cái bi đông nước. Chúng rút rè cảm ơn.

Trong sân có hai ụ tròn được đổ bê tông: Trên mỗi ụ là một khẩu đại bác vỡ nát. Phía trong, sát mép mỗi đường tròn có những vạch chia giống như trên mặt đồng hồ mặt trời. Tại mỗi vạch chia không phải là các con số mà là tên các ngôi làng. Tất cả những ngôi làng trong bán kính tám kilômét tính từ đồn địch được ghi vào trong thang chia độ đáng sợ này. Các góc được tính toán, những ô vuông được xác định; bất kỳ lúc nào có lệnh: “Bắn!” là những trận pháo kích dồn dập ụp xuống cả ngôi làng yên bình.

Chúng tôi xuống các boong ke bê tông. Ở đây cũng có khẩu đại bác hướng nòng qua khe hở lỗ châu mai bằng bê tông. Qua lỗ châu mai, tôi nhìn ra thung lũng xanh tĩnh mịch trải dài đến chân trời. Cuộc sống của những tên thực dân tự chôn trong bóng tối những boong ke bê tông thật thâm hại! Chúng vô cùng sợ hãi không gian mệnh mông của Việt Nam ngập ánh mặt trời, sợ hãi dân tộc đang căm thù chúng. Chúng chỉ có thể nhìn ra đất nước qua cái khe hở luôn báo điềm dữ của lỗ châu mai bê tông. Thật xuân ngốc cái mưu đồ ác độc khuất phục một đất nước bằng những đôn bốt như thế. Ở đây, bên trong đồn, còn cảm thấy cái sức mạnh những bức tường bê tông của nó, nhưng những đôn bốt này chỉ là những cái chấm bé tí xiu và bất lực biết bao, lẫn khuất giữa không gian bất tận của một đất nước không thể khuất phục được!

BỨC ĐIỆN ĐẦU TIÊN TỪ MOSKVA!

Chỉ mới vài giờ trôi qua kể từ khi cờ trắng phất lên trên những bức tường đồn bốt đầy khói phủ. Đám cháy ngưng hẳn. Trong sân rộng ngồn ngang đá dăm có nhiều người, người dân những ngôi làng lân cận bắt đầu đổ về đây – những người nông dân đi riêng lẻ và theo từng nhóm. Đến gần cổng, họ dừng lại, dường như chưa tin rằng lại có thể tự do đi qua vào trong bức tường đá của cái đồn nhiều năm trời đã gây nỗi kinh hoàng cho toàn vùng. Nếu trước đây họ có lọt vào đây thì cũng chẳng phải là theo sở nguyện của mình. Họ đến để chịu sự tra tấn dưới hầm đá lạnh lẽo mà từ đây không nhiều người trở về được. Đại diện các nông hội, những người du kích đến ban chỉ huy trung đoàn. Họ nói chuyện với cán bộ chính trị, nhận chỉ thị.

Đồn địch thất thủ nghĩa là một vùng rộng lớn được giải phóng. Chính quyền bù nhìn - tay sai của lũ thực dân ngày hôm qua còn là chủ nhân ông toàn quyền đã bỏ chạy khỏi các làng lân cận.

Tôi quan sát những căn phòng thoát khỏi đạn và lửa. Hướng dẫn viên của chúng tôi là những người từng ở trong những túi đá này. Cô du kích tên Dậu, nữ anh hùng trẻ tuổi nổi tiếng toàn tỉnh bị kẻ thù tống vào ngục của đồn này năm lần. Vốn đã bị tuyên án xử bắn, nhưng chị đã thực hiện cuộc vượt ngục cuối cùng vào đêm hôm qua, ngay trước lúc quân Pháp rút lui. Cô thiếu nữ dũng cảm bình thân và giản dị kể những tình tiết của những cuộc hỏi cung. Lông mi dày của cô khẽ giật giật và đôi môi bặm lại khi cô chạm vào những cái móc treo hoen gỉ và những chiếc vòng cổ dính vào tường bằng sợi dây xích, khi nhìn chiếc ròng rọc dưới trần nhà và gông cùm gỗ dưới sàn...

Gần trại giam, rất gần là gian quán bar dành cho lính. Quầy cao, trong góc là một đồng chai rượu vỡ hiệu Cognac và Whiskey. Bar dành cho sĩ quan ở góc khác trong đồn. Ở đây ấm cúng hơn. Có mấy chiếc ghế bành thuận tiện bên băng rơm, chiếc máy thu thanh bị hỏng ở góc quán.

Phía sau bức tường vây của đồn là một nghĩa địa lớn: hơn 100 cây thánh giá màu trắng ghi dòng chữ: “Morte pour la France”⁽⁵⁶⁾ và khu dân cư lớn kiểu trại lính.

Ban Tham mưu Trung đoàn Thủ đô được bố trí trong các văn phòng trong đồn. Ở đây tôi làm quen với Đại đoàn trưởng Đại đoàn 308⁽⁵⁷⁾ nổi tiếng ở Việt Nam, tướng Vương Thừa Vũ. Vào tháng 11 năm 1946, ông được Chính phủ Cộng hòa giao nhiệm vụ chỉ huy quân khu Hà Nội, lãnh đạo cuộc kháng chiến ở thủ đô. Năm 1949, ông tiếp nhận quyền chỉ huy Đại đoàn bộ binh chỉ lực đầu tiên của Quân đội Nhân dân – Đại đoàn 308 mà trong thành phần của nó gồm có cả Trung đoàn Thủ đô được thành lập trong những trận đánh trên các đường phố Hà Nội.

Tướng Vũ xuống ngựa cạnh cổng đồn và bước đi chậm rãi, có hai sĩ quan tháp tùng, ông tiến vào văn phòng ban tham mưu trung đoàn. Trung đoàn trưởng Nguyễn Quốc Trị đứng dậy rời khỏi bàn, ra đón và chào theo quân lệnh. Ông trải bản đồ lên bàn và bắt đầu báo cáo tình hình.

Tướng Vũ đang đứng, khẽ cúi xuống, chống cánh tay thẳng với bàn tay nắm thành nắm đấm lên bàn. Ông vóc người cao ráo, tóc húi cua, khuôn mặt thuôn dài vẻ cương nghị. Ông lặng yên nghe, ngược mắt nhìn người đối thoại, đôi mắt sâu dưới hàng lông mày thẳng. Có gì đó mạnh mẽ, ngang tàng trên gương mặt, trong dung mạo và những cử chỉ rất ít ỏi của ông.

Tìm hiểu xong tình hình, ông nói nhỏ vài câu ngắn gọn với chỉ huy trung đoàn. Sau khi chào tạm biệt, ông bước ra sân. Tôi được giới thiệu với ông. Ông hỏi tôi có hài lòng với buổi quay phim hôm nay không, có được tạo mọi điều kiện cần thiết không. Ban Tham mưu Đại đoàn 308 đêm nay đóng tại ngôi làng nhỏ gần đồn. Ông sẽ rất vui nếu được đón tiếp tôi vào buổi tối.

Sau buổi trưa, trời đổ mưa rào và đến tận khuya vẫn chưa tạnh. Thi rất bộn bề. Nếu không tạnh mưa, chúng tôi sẽ bị sa lầy. Con đường dẫn đến đồn đi qua một cánh đồng trũng, nó có thể sẽ bị ngập nước.

Buổi tối, một sĩ quan Ban Tham mưu Đại đoàn đến. Tướng Vũ mời chúng tôi ăn tối. Mặc xong áo mưa, chuẩn bị đi thì Khoa ướt như chuột lột xuất hiện ở cửa. Bằng cách nào cậu ta vượt qua nổi dưới cơn mưa tầm tã, trên những con đường ngập nước? Khuôn mặt vàng bệch, gầy sọp đi của cậu ta vẫn còn dấu vết cơn sốt rét.

- Tôi sợ không gặp được các bạn ở đây, tôi vội đi cho kịp. Các bạn có bức điện từ Moskva. - Anh nói và rút ở túi quần bên ra chiếc ví được bọc trong miếng vải không thấm nước.

Tôi đọc những chữ đầu bức điện và cảm thấy người khuyu xuống, tay run lên. Bức điện bắt đầu bằng những chữ: “*Tư liệu các bạn...*” Mukhin đâu? Một phút trước đây thôi, chẳng biết bao nhiêu lần chúng tôi còn cùng nhau chia sẻ sự lo lắng về số phận những tư liệu quay được. Cậu ta đâu nhỉ?

Tôi phát hiện ra cậu ta ở phòng bên. Đang nửa nằm nửa ngồi trong chiếc ghế bành thấp của quán bar sĩ quan, đầu gập xuống mép bàn, Mukhin đang ngủ say.

- Gienhia, có điện từ Moskva! - Tôi hét vào tai cậu ta.

Cậu ta mở mắt. Tôi đọc to bức điện, trong đó Ban Giám đốc thông báo cho chúng tôi rằng, lô phim đầu tiên – dài 5.200 mét – tư liệu của Mukhin, Eshurin, Karmen đã trắng xong trọn vẹn. Tư liệu tốt.

Bao nhiêu đêm thức trắng, bao nhiêu lo lắng lẫn hoài nghi! Chúng tôi đã rất sợ phim sẽ không chịu nổi cái nóng và ẩm ướt vùng nhiệt đới! Bây giờ, chúng tôi sẽ yên tâm và tin tưởng tiếp tục

công việc. Sung sướng quá! Thắng lợi rồi!

“LÀNG TẬP TRUNG”

Sĩ quan và cán bộ chính trị tập trung chỗ tư lệnh sư đoàn. Ngoài cửa sổ, mưa rào cuồng nộ, còn bên bàn là không khí vui vẻ, sôi nổi.

- Các bạn chẳng đi đâu mà vội. - Trung đoàn trưởng Nguyễn Quốc Trị chọc đùa. - Nếu mưa kéo dài đến sáng, các bạn không thoát khỏi đây đâu.

Các sĩ quan nhớ lại, rằng họ đã tấn công các đồn Pháp mà không có khẩu đại bác nào. Cách đánh chính là vây hãm kéo dài. Điều đặc biệt khó là chiếm được cái đồn nằm trong tầm hỏa lực pháo binh của đồn bên cạnh. Thông thường, chính bằng cách này bọn Pháp đã tạo nên hệ thống các pháo đài yểm trợ hỏa lực cho nhau.

Còn một cách thế này nữa: Khi tấn công đồn, như đồn binh kéo ra, ta rút lui, còn trong lúc đó một toán quân khác tấn công đồn.

Tướng Vũ kể những tình tiết trong lịch sử chiến đấu của Trung đoàn Thủ đô. Lúc chiến đấu ở Hà Nội, trung đoàn cả thấy có bốn khẩu đại liên, 600 súng trường và 900 súng săn. “Pháo binh” của trung đoàn là một khẩu bazooka duy nhất, một khẩu súng cối của Nhật. Mệnh lệnh nghiêm ngặt – thả chết chứ không để khẩu bazooka này rơi vào tay kẻ thù. Còn địch thì có đại bác, máy bay, xe tăng.

Sau bữa tối, căn phòng chật cứng thanh niên, các cán bộ chính trị trung đoàn, các cô gái trong đoàn văn công sư đoàn, các chiến sĩ đội du kích địa phương. Họ ngồi thành vòng tròn dưới sàn, vắt chéo chân, hát vài bài, rồi đề nghị kể gì đó về Liên Xô.

- Kể gì cho các bạn đây?

- Tất cả những gì anh muốn – về thanh niên Xô Viết, nông trang, Moskva.

Tôi kể về cuộc triển lãm nông nghiệp khai mạc tại Moskva, về những chiếc máy nông nghiệp mới làm nhẹ bớt sức lao động của nông dân. Họ yên lặng, mắt rực sáng nghe câu chuyện về những chiếc máy thu hoạch củ cải đỏ và khoai tây ở Liên Xô – chúng xới đất, gọt sạch thân lá, phân loại và đổ vào các bao. Tôi kể cho họ nghe về những chiếc máy kéo chạy bằng điện, về đoàn viên Komsomol (Đoàn Thanh niên Cộng sản Lenin) đến những vùng đất hoang, về hàng triệu héc-ta lúa mì mới tại những vùng đất này. Họ lại hát. Đến khuya, họ mới kéo nhau về.

Sáng dậy, chúng tôi lên đường. Như các đồng chí đã dự đoán, trận mưa rào đã cắt đứt mọi con đường chúng tôi đi. Không thể đi ô tô từ đây được. Khả năng duy nhất là đi theo đường mòn qua con đường ngập lụt. Thi ước tính gần 20 kilômét. Chúng tôi sẽ đi xe đạp.

Tôi cùng Thi mỗi người lấy một chiếc xe đạp. Tôi buộc máy quay phim, ít cuộn phim dự trữ và bầu đựng nước vào giá đeo hàng. Chúng tôi từ biệt Mukhin – cậu ta đi hướng khác, quay “trại tập trung” nằm cách đồn năm kilômét.

“Trại tập trung” là một trong những biểu hiện tàn ác của chế độ thực dân. Nó là thế này. Chúng ép buộc người dân của một vùng rộng lớn phải phá hủy, tháo dỡ nhà cửa làng xóm của mình và dựng lại chúng ở địa điểm mới. Thường thì các địa điểm được chọn ở gần đồn, khu dân cư nhỏ được lập nên từ những căn lều bằng tre. Bao quanh là hàng rào thép gai. Người dân nhiều làng bị lừa cả vào thị trấn nhỏ này.

Có gì đó giống như khu xóm, như trại tập trung. Hàng nghìn con người sinh sống ở đây, dưới mũi súng của những khẩu đại bác của đồn. Ở đây họ luôn bị phơi ra, nằm dưới sự kiểm soát hoàn

toàn của chính quyền thực dân. Ngay tại đây, ở gần đồn, họ được phân những mảnh đất khô cằn để gieo trồng. Bất kỳ lúc nào họ cũng bị xua đi xây dựng đồn bốt, đường sá mới. Lũ thực dân cho rằng, bằng cách này chúng có thể khuất phục được cả một đất nước, cả một dân tộc. Ý đồ đó thật ác độc và ngu xuẩn! Những người bị dồn vào “làng tập trung” đã không ngừng đấu tranh, tự tổ chức thành các đội du kích. Họ theo dõi đồn địch từ đây, hỗ trợ Quân đội Nhân dân, còn đến lúc cần tấn công, đánh đuổi thực dân khỏi mảnh đất quê hương, họ nắm lấy vũ khí. Ngay bây giờ cũng thế. Cái đồn sụp đổ ngay trước mắt chúng tôi, đã từng giữ quyền kiểm soát mấy “làng tập trung” như thế. Hôm nay, Mukhin sẽ quay những người dân tháo dỡ nhà cửa của mình bị hàng rào thép gai vây bọc. Người nông dân vác trên vai và dùng xe kéo chở những ngôi nhà được tháo dỡ này trở về xóm làng mà từ đó họ đã bị xua đi. Trở về những nơi thân yêu, về với mồ mả thiêng liêng của tổ tiên.

Con đường dẫn vào “làng tập trung” ngập nước. Mukhin sẽ phải đi năm kilômét trong tình trạng nước đục ngầu ngập tới thất lưng và phán đoán hướng đường dựa theo các cột điện. Chênh đường là chìm ngấm ngay lập tức.

“Ổ VATICAN”

Tôi với Thi đi qua những cánh đồng lúa trên lối mòn hẹp. Đi xe đạp rất nguy hiểm: Đường hẹp, trơn, có thể trượt xuống ruộng lúa. Chúng tôi dắt xe đạp. Đôi khi lối mòn hẹp lại đến nỗi phải vác xe lên vai. Khi hết cánh đồng lúa, chúng tôi vượt ra đường cái, lên xe đạp. Nhưng, hồi ôi, qua được chừng 40 mét, lại xuống, dắt xe qua vũng nước lớn và sau vũng nước lối mòn lại hẹp đến mức phải đi bộ.

Đi bộ như vậy chừng hai kilômét, chúng tôi ra tới một con đường rộng. Đi xe đạp trên đường rộng, bằng phẳng mới thú làm sao! Xung quanh là những cánh đồng lúa trải dài tận chân trời; xa xa, trong rậm rạp màu xanh của cây cối có một ngôi làng và mái nhà thờ cao vút. Thi vừa đi vừa kể: Ngôi làng này một thời gian dài từng là cái ổ phản động, tuy nhiên căn cứ du kích lại nằm ở đây. Du kích gài mìn trên đường, tấn công các doanh trại Pháp.

Chúng tôi đến gần ngôi làng, ngắm nghía tòa nhà thờ lớn cao bằng ngôi nhà bảy tầng với hai tháp cao kiểu gothic. Xung quanh là những boong ke bê tông với những ổ súng máy. Những linh mục phản động tràn ngập đất nước, nhồi nhét chính sách ngu dân, quảng bá lòng hận thù giữa người theo đạo Thiên Chúa với người theo đạo Phật, biến nhà thờ thành những đồn tiền tiêu kiên cố của lũ thực dân.

Tôi gỡ máy quay ra, quay nhà thờ với những bốt bê tông và hàng rào thép gai vây bọc xung quanh. Tôi lại buộc máy quay vào giá đèn hàng. Chúng tôi uống ngụm nước trong bầu, rồi đi tiếp.

Lại một lối mòn hẹp. Xe đạp chỉ là của nợ nặng nề, phải vác nó trên vai đi qua những vũng nước lớn, đứng hơn là những cái hồ nhỏ. Vượt qua được vũng nước như thế, lần nào cũng phải dút mầy con đĩa trâu bám hút máu.

Chúng tôi đi như vậy trong hai giờ, được chừng bốn kilômét. Chúng tôi đi không dừng lại, không nghỉ ngơi. Đứng vào một ngày oi nồng hiếm có. Mặt trời đứng bóng, cái nóng như muốn quật ngã ta. Có trời ngai mới trên đường - hai cái dầm sắt bắc qua cái khe sâu hoắm, cheo leo, dưới đáy nước chảy xiết. Có thời nơi đây từng có mặt sàn cầu bằng gỗ, giờ thì chẳng sàn gỗ, cũng chẳng thành vịn gì cả. Phải đi 10 mét với chiếc xe đạp trên vai, giữ thăng bằng trên chiếc dầm hẹp. Bắt đầu cuộc tranh luận thường lệ giữa tôi và Thi. Anh ta khẳng khái bắt tôi chờ ở bờ bên này, chờ anh vác xe đạp đi trên cái dầm qua bên kia và sẽ quay lại vác cái xe của tôi. Cuộc tranh luận là công cốc, anh vừa cất bước, tôi đi liền ngay sau.

Ngày trước, đây là con đường đẹp, được đánh dấu trên bản đồ là con đường nhựa, nhưng du kích đã đào nát thành những cái rãnh ngang. Cùng với thời gian, những cái rãnh này bị nước chảy làm xói lở, và bây giờ “con đường” là những dãy gò, được ngăn cách bởi những vũng sâu mà chúng tôi đang vác xe đạp qua đó.

Lại có chiếc cầu trên đường. Cũng như cây cầu trước, có điều là dài gấp đôi, và nước phía dưới cầu rất sâu. Lần này cả hai chúng tôi cùng vác một xe, chuyển qua và cùng quay lại chuyển chiếc kia. Thành thực mà nói, tim tôi chết lặng khi đi thẳng bằng trên cái dầm sắt, cố không nhìn xuống dưới – bất kỳ giây phút nào cũng có thể trượt ngã nếu mất thăng bằng. Song, tiếp theo là con đường rộng, bằng phẳng. Có thể chứ, chúng tôi sẽ được đi xe đạp! Chúng tôi hồ hởi tăng tốc trên con đường bằng phẳng, nhưng, qua được khoảng 100 mét, chúng tôi lại vấp phải một cái hố ngập nước. Và, rồi lại là hố, mô đất, hố, mô đất...

CƠN BÃO

Đã bốn giờ chiều, nhưng cái oi bức chưa dịu đi. Chúng tôi đã ở trên đường gần chín giờ đồng hồ. Phía xa hiện ra vòm cây rậm rạp bên cạnh có một ngôi chùa. Dưới bóng cây, hiện rõ những bóng người – chắc đó là các dân công đã rời khỏi đồn sớm hơn chúng tôi một giờ trước với đồ đạc nặng những máy móc và cuộn phim. Tôi phải hổ thẹn thú thực rằng tôi đã kiệt sức. Tuy nhiên tôi thấy ngay cả về mặt Thi cũng đầy mệt mỏi. Gần một cây số nữa mới tới chỗ có cây, nhưng một cây số này còn vất vả hơn toàn bộ quãng đường đã trải qua. Vẫn như trước, chúng tôi phải dắt hoặc vác xe lên vai...

Có thể chứ! Tôi ngồi xuống những phiến đá mát lạnh dưới bóng cây, cạnh ngôi chùa. Chúng tôi nằm ngửa, phanh áo trên ngực, nhìn tán lá của gốc cây cổ thụ xào xạc phía trên tôi. Làn gió mờ mờ nhẹ thổi từ trên núi làm không khí mát mẻ và tôi có cảm giác là sẽ nằm mãi như vậy và chẳng có sức mạnh nào dựng tôi dậy nổi.

Từ đây ra đến đường cái còn hai kilômét nữa. Tôi khiếp hãi nghĩ về điều đó. Hai kilômét vác trên vai chiếc xe đạp!

Thi ngó nhìn tôi và nói gì đó với những người dân công. Tôi cảm thấy họ đang mưu mô gì đó. Ngồi xuống bên tôi, anh nói rằng, hai cây số ngắn cách chúng tôi với con đường tốt hơn là tôi nên đi bộ, các bạn dân công sẽ chuyển xe đạp ra đường cái, đến đó tôi sẽ đi xe. Tôi mỉm cười nhìn vào đôi mắt đen phúc hậu của Thi, trong đó lộ vẻ gần như nản nỉ.

- Nhưng làm sao thiếu máy quay được hả Thi? Nó ở trên xe mà. Không, chúng ta sẽ đi ra đường như hồi nãy đã đi.

Anh lại đưa ra những lý lẽ tôi đã quá quen: Phải giữ sức cho lao động sáng tạo, không để cơ thể yếu mệt và những gì tương tự... Tôi đề nghị anh không nói nữa.

Có vài cô gái trong đội dân công. Một cô trong đó vóc người cao ráo, cân đối, với đôi mắt vui tươi, hàm răng trắng muốt. Cô sống ở làng Cây, chính là ngôi làng có xe ô tô đang chờ chúng tôi. Cô mời chúng tôi dừng nghỉ lại nhà cô, đó sẽ là niềm vui khôn tả đối với người thân của cô! Chúng tôi cảm ơn. Tới làng vẫn còn xa, mà cũng không biết chúng tôi có kịp đến đó trong ngày hôm nay không?

Những người dân công lên đường. Chia tay, cô gái bịt mắt bằng chiếc khăn đen, lồng quai ba lô lên vai. Cô làm duyên cho cái đầu nằm kiêu hãnh trên cần cổ mảnh dẻ bằng chiếc nón tròn mà dưới chóp lấp lánh chiếc gương nhỏ – bạn đồng hành không rời của mỗi thiếu nữ Việt Nam. Chúng tôi nằm thêm 10 phút nữa. Xa xa, từ chỗ chúng tôi rời khỏi đồn nổi lên những đám mây đông. Gió từ phía đó thổi đến mỗi lúc mạnh dần lên, uốn những cành tre mỏng manh gập xuống mặt đất. Thi lo lắng.

- Hình như có bão - anh nói - phải nhanh lên thôi.

Gió mạnh hơn. Đám mây xám xịt đã chiếm nửa bầu trời. Đã nghe rõ hàng loạt sấm rền, những giọt mưa nặng hạt đầu tiên rơi xuống.

Một dãy chiến sĩ di chuyển trên con đường mòn. Họ đi, vác trên vai những khẩu súng máy

triu nặng và những hòm đạn được. Gió đã rít gào, gần như làm xiêu những thân tre sát xuống mặt đất. Cỏ rạp xuống như dưới cơn lốc của cánh quạt máy bay. Mưa rào, trận mưa rào dữ dội đổ xuống mặt đất đang chìm dần trong hoàng hôn xám xịt. Tôi chạy đến chỗ chiếc xe và dỡ máy quay ra. Thi giúp đỡ tôi, anh căng áo mưa thành nóc vòm trên đầu tôi, để máy quay không bị mưa làm ướt.

Tôi quay các chiến sĩ đang đi xuyên qua màn mưa, xuyên đông bão. Gió giật máy khỏi tay. Sau lưng những người lính, tựa hồ những đôi cánh, áo mưa ướt nhẹ phần phật dưới gió. Thịnh thoảng, tôi ngó xem ống kính máy quay có bị nước mưa làm ướt không, lau khô nó và lại quay. Dưới màn mưa dày đặc, trong hàng quân thấp thoáng hai khuôn mặt thiếu nữ, những chiếc túi có dấu thập đỏ. Nếu quay thành công cái pha ngắn ngủi này, nếu phép màu giúp giữ cho ống kính không bị ướt, cảnh quay này sẽ vô cùng quý giá đối với tôi. Trong nó phản ánh ý chí sắt đá của các chiến binh Việt Nam, những người xuyên qua đông bão, vượt qua sợ hãi và cái chết đang đi tới chiến thắng.

“CUỘC TRÒ CHUYỆN KHÔNG CÓ PHIÊN DỊCH”

Bọc máy móc cẩn thận xong xuôi, tôi và Thi lên đường. Mưa rào ụp xuống, tràn qua và bỗng đột ngột ngừng. Và cuối cùng thì nó kia, cơn đường chúng tôi đã trông đợi bao lâu! Cuối cùng thì chiếc xe đạp mà chúng tôi vác cả ngày trên vai mới có dịp bù lại sức.

Chúng tôi nhún bần đạp và phóng đi, như chúng tôi cảm thấy, với tốc độ điên rồ. Chẳng mấy chốc, chúng tôi vượt qua những người dân công. Tôi bắt giắc phanh xe lại khi đi ngang cô gái tôi quen. Cô bước nhanh, người cao, cân đối. Vẫy tay vui vẻ chào chúng tôi, cô hét lên với Thi:

- Đừng quên nhé, đừng quên, anh hứa rồi đấy!

Trong đời, tôi chưa từng thấy những đám mây kiểu này. Bên trái, cơn dông ở xa rồi bỏ chúng tôi, còn phía trước, trước chúng tôi lại hiện ra vẻ đẹp mê hồn của hoàng hôn Việt Nam. Lại mưa rào. Nhưng chúng tôi chưa kịp ẩn dưới mái che của một quán ăn nhỏ ven đường, cơn mưa đã đi qua. Mặt trời bỗng lộ ra khỏi những đám mây đen xám xịt cuộn tròn, rọi sáng những cánh đồng lúa được trận mưa tắm gội. Không thể không thán phục khi ngắm nhìn màu xanh tươi sáng đến lạ thường – biển xanh có những đảo cây và những chằm vàng mủ rom của các nhà nông đang từ đồng ruộng trở về nhà. Mây đen cuộn tròn trong những vòng xoáy huyền hoặc của những sắc màu, sắc thái và hình dạng. Mặt trời lúc thì núp vào, lúc thì lộ ra khỏi đám mây với hình cầu đỏ rực và mọi vật xung quanh lúc thì rực đỏ, lúc lại xanh tươi, lúc thì bùng sáng những quầng tia chớp. Tiếng ầm ầm của sấm vang rền phía trên mặt đất, còn những đám mây đen phình ra nhanh chóng ngay trước mặt, che lấp khoảng không tươi sáng của bầu trời. Ở đâu đó xa xa, cơn dông vẫn tiếp tục dữ dội, cơn bão qua đi xa dần, mặt trời ngay sát đường chân trời đã lộ ra khỏi những đám mây. Còn trên sườn dốc phía Đông chỉ là những đám mây mỏng nhẹ như những chiếc lông vũ màu hồng lượn bay trong màu xanh biếc của bầu trời bao la.

Kết thúc một ngày. Và chuyến du hành của chúng tôi cũng kết thúc. Chúng tôi lội nước bắn tung tóe qua những vũng nước sâu trên đường và tiến vào làng Cây. Ô tô phải đợi chúng tôi ở đây. Chúng tôi đi hết con đường – chẳng có chiếc xe nào cả.

- Xe phải ở đây bất chấp bất cứ chuyện gì, - Thi nói - nó mắc kẹt ở đâu đó, tôi phải đi tìm thôi.

Thi để lại tôi nhờ dân làng chăm nom, anh ra đường và giờ tay dừng một chiếc xe vận tải. Trong thùng xe, những người lính và nông dân ngồi dựa vào nhau. Thi đứng trên bậc lên xuống xe, và chiếc xe rọi đèn pha rồi mất hút vào bóng tối.

Tôi ở lại ngôi làng một mình, không có phiên dịch. Người ta dẫn tôi vào ngôi nhà nông dân, họ ra hiệu cho tôi ngã lưng nghỉ ngơi một lát, mời tôi uống trà. Mọi người bắt đầu kéo về căn nhà chúng tôi. Cả làng loan tin nhanh – ở đây có người Liên Xô tới thăm.

Nửa giờ sau, trong sân nhà đã có tới 50 người. Là những nông dân luống tuổi, phụ nữ, trẻ em.

Họ không vào nhà vì sợ quấy rối khách, mà ngồi xỏm ngoài sân. Tôi cảm thấy hoàn toàn bất lực. Vân đang ở xa đầu đó. Anh ta đi trong tốp dân công mà chúng tôi đã vượt họ trên đường lâu rồi. Không có chiếc xe đạp thứ ba trong đồn cho anh ta.

Giờ tôi rất muốn trò chuyện với những người đang chăm chăm nhìn tôi. Cái nhìn của người nông dân sáng lên không phải bởi sự hiếu kỳ mà bởi lòng nhân hậu chân tình. Họ nói gì đó, tôi nói gì đó, chúng tôi đều vung tay và cười. Không có Vân, tôi bất lực quá! Tuy nhiên, tôi biết một vài từ: Việt Nam, Genève, hòa bình, Liên Xô, tình bạn, dân tộc, Hà Nội, Đảng, Hồ Chí Minh... Cuộc trò chuyện được bắt đầu và chúng tôi hiểu nhau. Chúng tôi sử dụng điệu bộ, cử chỉ, nụ cười chấp nối các từ ngữ này thành cuộc trò chuyện đôi bên hiểu nhau về hòa bình, về chiến thắng, về tình hữu nghị anh em nhân dân hai nước Việt Nam và Liên Xô, về Moskva.

Chiếc xe tải đỗ lại ồn ào ngoài cổng. Thi xuất hiện ở cửa.

- Tôi thấy anh thoải mái đấy chứ. - Anh nói. - Xe đây rồi, bị kẹt ở chỗ bến sông. Ban ngày, phải bị bom, nó vừa mới được khôi phục xong.

Trên cửa xuất hiện chòm tóc ngộ nghĩnh của Vân. Dân công đã đến, máy móc đã được chất lên xe. Tôi từ biệt dân làng –những chủ nhà mến khách, tốt bụng. Bây giờ, với sự giúp đỡ của Vân, tôi kết thúc câu chuyện với dân làng, Vân giúp tôi bổ sung những lỗ hổng không đáng kể từng có trong cuộc trò chuyện trước đây của chúng tôi.

Tôi bàn bạc với Vân và Thi. Trong vòng một ngày, chúng tôi phải đến được nơi diễn ra Hội diễn toàn quân của các đoàn Văn công quân đội. Gần 100 kilômét đi xe và mấy giờ đi rẽ tránh đường cái. Hội diễn tổ chức ở đâu đó trong rừng.

Chúng tôi thỏa thuận với Mukhin: Quay “làng tập trung” xong, cậu ta sẽ theo đến Hội diễn sau chúng tôi. Tôi hình dung, đường đi của cậu ấy nặng nhọc ra sao trong nước ngập đến thắt lưng. Chắc chắn cậu ta gặp phải bão.

Chúng tôi đi xe suốt đêm. Đến rạng sáng thì chuyển sang đi bộ qua cánh rừng và buổi trưa tới nơi. Nằm trải dài trên những sườn dốc mọc đầy bụi cây rậm rạp là một khu nhà nhỏ chỉ mới được dựng lên ở đây mấy ngày trước. Những tiếng hát, tiếng cười vui vẻ, tiếng gõ trống, tiếng ngân vang của dây đàn và đàn tam thập lục vọng ra từ mỗi căn lều. Trên mỗi bãi cỏ, các tốp nam nữ thanh niên diễn thử các điệu múa. Trong những căn lều có những chiếc máy khâu đạp xích xích, lấp lánh đủ mọi sắc màu quần áo lụa rực rỡ của phục trang sân khấu. Các cô gái tươi vui trong bộ quần phục, tóc tết đuôi sam có thắt nơ duyên dáng đang chạy nhún nhảy trên đường mòn.

Sân khấu lớn được dựng lên trên đỉnh một ngọn đồi. Mấy ngày liền diễn ra cuộc xét duyệt các tiết mục của các đoàn văn công và các đoàn sân khấu.

Tất cả bạn bè của Thi ở đây: Họ là các nhạc sĩ, nhà thơ, nghệ sĩ. Chúng tôi gặp gỡ họ để thảo luận kế hoạch làm việc. Cần quay vài điệu múa dân gian, thu âm nhiều bài hát nữa cho bộ phim. Tôi muốn xem và, có thể, sẽ quay một vở kịch sân khấu. Nhưng trước hết, phải xem và nghe những tiết mục hay nhất, những tập thể ưu tú nhất. Tối nay, tôi sẽ được xem tất cả những gì tốt nhất. Ngày mai, chúng tôi sẽ xem một vở kịch – vở kịch về một thiếu nữ anh hùng, tại một đơn vị quân đội cách đây vài cây số.

Các đoàn văn công quân đội được tách ra từ nhóm nhà hát được thành lập sau cách mạng tại Hà Nội. Nhóm gồm các nghệ sĩ, nhà viết kịch, nhạc công, nhà văn. Một trong những người sáng lập nhóm là Khoa. Họ rời Hà Nội cùng bộ đội, vác trên vai các nhạc cụ, một số phục trang và phong màn. Tám năm chiến tranh, họ đi khắp các nẻo đường đất nước, đến những ngôi làng, các đơn vị quân đội. Quân đội Nhân dân đã trưởng thành và vững mạnh lên, nên hầu như mỗi đơn vị quân đội đều thành lập đội văn công nhỏ của mình. Các nghệ sĩ hành quân, tham gia chiến đấu cùng đơn vị quân đội, thu thập những bài hát dân ca ở các làng quê thôn xóm. Vào thời gian nghỉ giữa các trận đánh, họ biểu diễn trước các chiến sĩ và tại những làng quê được giải phóng, họ hát, múa

và diễn kịch. Nền nghệ thuật cách mạng mới của Việt Nam đã được khai sinh nhờ tích lũy được kho tàng nghệ thuật dân gian qua những cuộc hành quân, qua những trận đánh...

Mất một ngày để sửa soạn máy móc. Máy ghi âm của chúng tôi đã vượt qua những thử thách lớn dọc đường. Máy xóc trong xe, dân công vác nó trên vai qua núi và rừng, chuyển qua sông trên những bè tre.

Một kỹ sư trẻ tên là Tân đến từ phân xưởng ghi âm của xưởng phim Việt Nam lúc còn ở căn cứ đã tìm hiểu kỹ càng chiếc máy ghi âm của chúng tôi. Bây giờ, tôi cùng cậu ta ghi âm thử. Máy ghi âm đã vượt qua mọi thử thách, vẫn hoạt động tốt.



NHỮNG BÀI HÁT VÙNG CHÂU THỎ ĐẦY NĂNG

Buổi tối, phòng xem chật cứng 300 nam nữ thanh niên – những người tham dự hội diễn. Sân khấu sáng lên bởi ánh đèn điện, đầu đó xa xa, máy phát điện nổ xành xạch. Buổi biểu diễn bắt đầu. Lần đầu tiên, tôi nhìn thấy những điệu múa dân gian Việt Nam. Những bài hát vùng châu thổ trữ tình, đầy vẻ đẹp nên thơ. Thể hiện bài hát là các thiếu nữ trong trang phục lộng lẫy, kèm theo là những động tác múa duyên dáng. Bài ca về lao động, tình yêu và sự chung thủy, về lúa vàng. Giai điệu dân gian được yêu thích ở các vùng châu thổ “Con cò bay lả bay la” bài hát về số phận khổ cực của người nông dân nghèo. Điệu múa của các dân tộc thiểu số. Các cô gái trong trang phục Thái rực rỡ biểu diễn điệu múa quạt. Họ như những cánh bướm sặc sỡ bay lượn trên sân khấu.

Dàn đồng ca trình bày những bài hát đấu tranh. Bài hát của du kích quân chiến đấu trên vùng châu thổ, bài hát của bộ đội pháo binh kéo đại bác nặng lên núi. Bài hát về Hà Nội, trong đó giai điệu nghiêm trang của ý chí và sự phần nộ được thay bằng giai điệu trữ tình. Mọi người hát về những đường phố thân yêu của thủ đô, về tiếng ồn ào vui nhộn của những khu chợ, về mặt nước xanh ngọc lam trên hồ Hoàn Kiếm. Chính các ca sĩ sau khi biểu diễn xong đã hoan hô tác giả nhạc

và lời bài hát – là Thi, người đang bối rối và cảm động ngồi bên cạnh tôi.

Tôi phải chọn ra các tiết mục hay nhất. Một nhiệm vụ khó khăn, vì tất cả những gì tôi nghe và thấy đều hay. Điệu nhảy sạp với những cây tre của dân tộc thiểu số Mường⁽⁵⁸⁾ rất tuyệt: Trên sân khấu, các bạn nam nữ thanh niên cầm hai đầu của những cây tre dài quý đối diện nhau, họ nâng lên và hạ thanh tre xuống thành những tiếng gõ nhịp nhàng. Những cú đập này có nhịp rõ ràng của điệu múa mà các thanh niên nam nữ đang biểu diễn, khi duyên dáng nhảy qua các thân tre. Những người múa di chuyển nhẹ nhàng và thoải mái trên sân khấu, nhìn nhau cười và vẫy những chiếc khăn nhẹ. Trên gương mặt không một chút căng thẳng, không một ánh mắt dù chỉ là thoáng qua nhìn xuống phía dưới, nơi mà bất kỳ lúc nào chân cũng có thể bị kẹp bởi các thanh tre gõ vào nhau. Điệu nhảy thật tuyệt! Nhất định tôi sẽ quay nó.

Điệu múa gươm của dân tộc Tày cũng đẹp không kém. Bốn cặp múa điệu này. Nhạc điệu vui tươi. Các thiếu nữ trong trang phục rực rỡ. Diễn viên múa bằng những động tác uyển chuyển nghiêng mình xuống mặt đất, dùng kiếm cắt bông hoa tưởng tượng. Không quay điệu múa này sao được! Nhiệm vụ dành cho tôi hôm nay thật khó!

Và lại những bài ca trữ tình vùng châu thổ được trình bày dưới ánh đèn lồng. Cô gái bằng giọng dịu dàng với lời chào mời nhí nhảnh hướng về chàng trai đứng đối diện cô. Chàng trai đáp lời. Cô thứ hai cất tiếng hát, chàng trai thứ hai đáp trả... Vân nhắc lại:

- Tôi từng kể với anh, vào Tết Trung thu, thanh niên các làng vùng châu thổ vẫn tụ hội lại như thế. Họ hát bài hát này...

Để kết thúc, đêm đã khuya, chúng tôi còn xem hai hồi của một vở nhạc kịch. Câu chuyện cổ dân gian về một cô gái nghèo sống với bà dì ghẻ độc ác và đưa con gái của bà ta, về cô tiên tốt bụng, về chàng hoàng tử tuyệt vời, về chiếc hài nhỏ. Chuyện cổ dân gian Việt Nam từ xa xưa. Tôi tự hỏi dân tộc nào sáng tác đầu tiên câu chuyện cổ tích về cô bé Lọ Lem này, câu chuyện mà trong đó phản ánh ước mơ của nhân dân về sự công bằng, hạnh phúc, phẩm hạnh sẽ được tưởng thưởng?

Đêm khuya, chúng tôi trở về trên những lối đường rừng có trăng chiếu sáng, xúm xít quanh chúng tôi là một đám đông vui vẻ những người tham gia đoàn nghệ thuật đang sung sướng và hạnh phúc.

“HÃY CHUYỂN LỜI CHÀO TỚI CÁC NGHỆ SĨ XÔ VIẾT!”

Tập trung lại trong lều, chúng tôi còn trò chuyện rất lâu với một số nghệ sĩ và nhạc sĩ. Ngồi cạnh tôi là nữ nghệ sĩ luống tuổi Song Kim. Trên khuôn mặt gầy gò, mệt mỏi là đôi mắt buồn. Tóc của bà như tóc thiếu nữ, cũng tết thành những đuôi sam nhỏ. Cả cuộc đời người phụ nữ này là một chiến công. Số phận của nữ nghệ sĩ dưới chế độ phong kiến thật nặng nề. Cuộc sống thiếu ăn, ước mơ được thực sự phục vụ nhân dân của bà đã không thành, sự nhạo báng của tên con buôn tham lam, chủ nhà hát, sự chuyên quyền của kiểm duyệt bóp nghẹt tất cả những gì gọi là tươi sáng, là dân tộc... Cách mạng đã cứu người nữ nghệ sĩ, mở cánh cửa cho bà bước vào cuộc sống mới.

Nghệ sĩ Song Kim đã cùng với đoàn của mình đi qua nhiều nghìn cây số. Sự thiếu ăn, những vụ ném bom, những khó khăn vô cùng to lớn đã không đè bẹp nổi, mà càng tôi luyện, củng cố niềm khát khao được ở gần hơn với nhân dân, cùng nhân dân vùng lên đấu tranh vì hòa bình và tự do. Bà đã đóng hơn 20 vai trong các vở kịch lớn.

Ngồi cạnh bà và đối diện tôi là chồng bà – nhà thơ, nhà viết kịch Thế Lữ. Ông có khuôn mặt gầy, đầu bạc phơ và cũng có đôi mắt mệt mỏi hết như bà. Ông là một trong những người lãnh đạo nhóm hoạt động sân khấu, một trong những người sáng lập nhà hát Việt Nam đầu tiên tại Hà Nội từ lâu trước Cách mạng tháng Tám.

Tôi hỏi:

- Nhiệm vụ trước mắt của đoàn kịch các bạn là gì? Các bạn muốn có gì để đến với chiến thắng, đến với việc chấm dứt cuộc chiến?

- Chúng tôi rất hạnh phúc vì toàn bộ lao động sáng tạo của chúng tôi diễn ra trong mối tiếp xúc chặt chẽ với quần chúng. Chúng tôi tiếp tục nghiên cứu đời sống của nhân dân và tự giáo dục lại bản thân. Điều làm chúng tôi lo lắng là mình vẫn chưa đáp ứng đủ đòi hỏi của cuộc sống. Chúng tôi hiểu bây giờ việc nâng nền nghệ thuật và tay nghề của chúng tôi lên một đỉnh cao là quan trọng. Chúng tôi đang học hỏi. Giờ đây, khi chiến thắng gần kề, câu hỏi hóc búa nhất đối với chúng tôi là chúng tôi sẽ diễn những vở kịch như thế nào cho những người dân được giải phóng khỏi ách chiếm đóng.

Song Kim nói với tôi:

- Khi về nước, hãy chuyển đến các nghệ sĩ Liên Xô sự biết ơn to lớn của chúng tôi về những tấm gương cao quý về sự phục vụ dân tộc mình mà những người Xô Viết, những con người của nền nghệ thuật Xô Viết không chỉ cho chúng tôi, mà cho cả dân tộc chúng tôi. Mong những người bạn Xô Viết của chúng tôi sáng tạo nhiều hơn nữa những tác phẩm mà hẳn sẽ làm gương cho chúng tôi. Chúng tôi mơ ước được gặp các nghệ sĩ của nhà hát Xô Viết. Tôi, một nghệ sĩ, muốn sử dụng sự sáng tạo của mình để thể hiện những nét tốt đẹp nhất của nhân dân tôi. Tôi mong ước về việc xây dựng một nền nghệ thuật dân tộc thực sự, được tẩy sạch khỏi những gì già cỗi ốm yếu mà xã hội cũ đã để lại làm di sản cho chúng tôi. Chúng tôi mong muốn nền nghệ thuật mới này sẽ xứng đáng với dân tộc chúng tôi.

“YÊU CẦU NỘP VŨ KHÍ!”

Lúc bình minh, cùng với các nghệ sĩ nhóm hoạt động sân khấu, chúng tôi đi bộ đến một đơn vị quân đội. Đi không xa, cả thảy là ba kilômét, vì thế các diễn viên múa và nhạc công ra đi từ khu nhà của mình đã được hóa trang và mặc sẵn phục trang. Mỗi người trên đường đều cắt một lá cọ to, rộng để làm ô, vừa để ngụy trang trong trường hợp máy bay địch xuất hiện.

Tôi không kìm được và đã quay cuộc diễu hành khác thường, giống như lễ hội carnival này. Các nghệ sĩ vác nhạc cụ trên vai. Cậu diễn viên hóa trang thành sĩ quan Pháp cùng với cậu thanh niên khác trong trang phục chiến sĩ Quân đội Nhân dân khiêng chiếc trống đỏ to trên khúc đòn tre mập. Chúng tôi vài lần lội qua dòng suối rừng chảy xiết, nước trong vắt. Bỗng nhiên, có tiếng đàn bà thét lên. Cô gái mặc trang phục rực rỡ nhảy lò cò một chân, đang giật con đĩa bám vào mắt cá chân. Trên khuôn mặt xinh đẹp với đôi mắt viền màu, đôi má ửng hồng và cặp môi thoa son của cô hiện lên sự khiếp sợ kinh hoàng. Xung quanh là những tiếng cười ha hả. Thi cười nói:

- Chúng tôi quá quen với chuyện đó rồi! Những cô bé này chẳng hề run sợ cầm lựu đạn xông vào đồn Pháp, nhưng lại tốn bao nhiêu là nước mắt và gào thét vì những con đĩa này!

Tại đơn vị quân đội chúng tôi đến, một sân khấu khá tốt có màn che đã được dựng lên. Khán giả là mấy trăm chiến sĩ và nhân dân những ngôi làng lân cận ngồi trên khoảng trống rộng chờ vở kịch bắt đầu. Trên tay mỗi người đều cầm cành lá to hoặc lá cọ để ngụy trang. Tôi đề nghị phô diễn thử xem họ sẽ xử sự thế nào trong tình huống xuất hiện máy bay địch.

Một lệnh ngắn vang lên, và thật lạ kỳ – như chưa từng có khán giả. Trên bãi đất trống rộng là những bụi cây và cỏ rậm rạp khẽ rung rinh dường như vì một làn gió nhẹ.

Trước vở diễn, cán bộ chính trị bước ra phía trước sân khấu phát biểu với khán giả. Văn dịch cho tôi lời nói của ông ấy. Ý của ông đại khái như sau:

- Thừa các đồng chí, hôm nay các đồng chí sẽ xem vở kịch của nhà hát mặt trận chúng ta. Trên sân khấu các đồng chí sẽ nhìn thấy kẻ thù tàn ác nhất của chúng ta – những tên thực dân Pháp và bọn phong kiến. Các đồng chí biết rằng, người đóng những vai này là các đồng chí diễn viên của chúng ta.

Đám đông khán giả xôn xao về tán thưởng và hiểu biết.

- Họ đây, ông ta dẫn ra sân khấu viên sĩ quan Pháp và tên địa chủ phong kiến. Thậm chí, ông ta còn gọi tên diễn viên để có sức thuyết phục hơn. Bây giờ, - ông nói - khi các đồng chí đã tự nhìn thấy rằng đây không phải kẻ thù, mà chỉ là những diễn viên, tôi tin rằng các đồng chí sẽ thể hiện nhận thức đầy đủ và sự kiềm chế để không bắn vào họ.

Sau khi công tác khai sáng văn hóa này được tiến hành, người chỉ huy đơn vị bước ra sân khấu và ra lệnh: “Đề nghị nộp hết vũ khí!” Những khẩu súng tiểu liên được xếp thành cụm gần sân khấu. Đứng bên cạnh những khẩu tiểu liên là anh lính gác.

- Thế những cậu này sẽ không bắn chứ? - Tôi hỏi Thi.

Anh không cười, đáp:

- Không, những người kiên định nhất được cắt gác chỗ này.

Vở kịch được bắt đầu sau khi cán bộ chính trị một lần nữa bước ra sân khấu đề nghị mỗi khán giả trong khi xem kịch để ý quan tâm đến hành vi và tâm trạng của đồng chí mình. Vở kịch nói về nữ anh hùng của nhân dân Việt Nam, một thiếu nữ mà ở Việt Nam mọi người đều gọi là Zoya⁽⁵⁹⁾.

Vở kịch được dựng như vở nhạc kịch. Những màn kịch được thay bằng việc hát Opera. Tiếng ồn ào giận dữ vang khắp các cử tọa khi những kẻ tra tấn cô gái – tên sĩ quan và tên Việt gian cầm roi bước vào và xà lim đến chỗ cô gái bị hành hạ saucước thăm vấn. Trong lúc diễn cảnh này, sự căng thẳng của khán giả lên đến đỉnh điểm và tôi hiểu ra toàn bộ sự hợp lý và tính cấp thiết của việc giải thích trước buổi diễn. Và tôi nghĩ rằng chắc nhiều nghệ sĩ vĩ đại của thời đại chúng ta chỉ mong ước về một cử tọa như thế này và về sự cảm thụ đầy cảm động về vai diễn của họ.

Trong vở kịch này, Song Kim vào vai một nữ nông dân luống tuổi ở cùng một phòng với người nữ anh hùng, đã khích lệ cô gái lập chiến công.

RỒI SẼ CÓ NHỮNG BÀI CA VỀ CHIẾN CÔNG CỦA BẠN

Sau vở kịch, tôi quay điệu múa sạp với những cây tre, điệu múa quạt, quay cử tọa đang nhiệt liệt hoan hô các nghệ sĩ, diễn viên múa và ca sĩ.

Buổi chiều, khi đã về căn cứ, chúng tôi thu âm những bài dân ca. Tôi phát hiện ra trở ngại đáng tiếc. Sau tín hiệu “Chuẩn bị ghi âm!” – trong phòng ngự trị sự lặng yên. Nhưng khu rừng thì không lặng yên. Ve sầu kêu, tiếng chim vọng tới chỗ chúng tôi, và cuối cùng, vào lúc quan trọng nhất của buổi thu âm, con bọ đáng nguyên rủa này lại ve ve không ngớt. Chẳng thể làm được gì. Có một hi vọng, tiếng hát sẽ át tiếng rừng. Các bạn an ủi chúng tôi:

- Nếu bây giờ không đạt, chúng tôi sẽ hát hết lại từ đầu cho các bạn tại Hà Nội. Chúng tôi sẽ tìm được ở đó căn phòng kín không có những tạp âm này.

Và họ hóa ra đã đúng. Sau này, Phòng Kiểm tra kỹ thuật xưởng phim tài liệu Trung ương đã loại bỏ những bản thu âm này vì những tạp âm bên ngoài. Các bạn còn đứng ở chỗ là về sau, tại Hà Nội được giải phóng, chúng tôi lại gặp họ và thu lại những bài hát tuyệt vời của họ.

Không có sức mạnh nào trên Trái đất có thể dập tắt được những ánh mắt trẻ trung này, tôi nghĩ. Nhân dân Việt Nam đấu tranh không chỉ vì mảnh đất của mình, họ còn đấu tranh vì thứ ngôn ngữ phong phú của tổ tiên mình, vì những cuốn sách, những bài hát của mình, vì nền văn hóa hàng thế kỷ của các dân tộc lớn và nhỏ được gắn kết với nhau bằng tình máu mủ trên mảnh đất Việt Nam. Những tên thực dân muốn tước đoạt không chỉ hiện tại và tương lai, mà cả quá khứ của dân tộc, muốn buộc dân tộc lãng quên lịch sử, ngôn ngữ và những bài ca của mình. Kho tàng nghệ

thuật dân gian được các chàng trai và cô gái này mang theo một cách trân trọng như mang theo một chiếc bình quý bằng qua ngọn lửa chiến tranh, họ tích lũy nó như món quà quý dành tặng dân tộc chiến thắng.

- Sẽ có ngày, nhân dân sẽ sáng tác những bài hát về chiến công của các bạn. - Lúc chia tay, tôi nói với họ.

- Hẹn gặp lại tại Hà Nội tự do! - Họ hò hét phía sau chúng tôi.

LÁ THƯ VIẾT BẰNG MÁU

Chúng tôi đi trong ba ngày, dừng lại nghỉ trong những chiếc lán của những người nông dân hiếu khách, ngủ tại những ngôi làng. Đêm cuối cùng, chúng tôi ở trong rừng, ở một xóm nhỏ vắng tanh. Nhiều căn lán trong xóm này gần như đã sập, dưới những mái che là cảnh hoang tàn, trên nền đất những đám lá khô xếp thành lớp và bụi bặm vàng khè do những cây tre mục rửa tạo nên.

- Cách đây ba tháng, - Khoa nói - ở đây là xóm Trung ương, sau đó nó chuyển sang địa điểm mới.

Chúng tôi thấy có người nằm nghỉ trong một cái lán. Chúng tôi mời anh ta ăn tối. Anh ta trầm lặng, ít nói. Khuôn mặt gầy gò của anh có vẻ rất mệt mỏi. Hóa ra, anh chính là người giáo viên nhân dân, người cống hiến hết mình cho việc dạy chữ cho người lớn trong các ngôi làng suốt những năm kháng chiến. Anh đang đi đến một vùng sâu của Tây Bắc. Ăn tối xong, chúng tôi tản về các lán.

Đêm ấy. Không hiểu sao tôi không ngủ được. Nằm trong mùng lúc lâu, trần trọc mãi, tôi nhồm dầy, và ra khỏi lán, đi đi lại lại, khoảng trống trong rừng ngập sáng ánh trăng. Trong chiếc lán thầy giáo ngủ, ngọn đèn dầu nhỏ vẫn sáng. Anh đang viết gì đó.

Lần đầu tiên, nỗi nhớ Moskva da diết bao trùm lấy tôi. Người Xô Viết là vậy, cho dù ở bất kỳ đâu và xung quanh có bạn bè đáng quý nhường nào chẳng nữa, đôi lúc, vẫn quặn lòng bởi nỗi nhớ về ngôi nhà Xô Viết thân yêu...

Buổi sáng, lúc chúng tôi lên đường, có người lạ tiến nhanh đến chỗ tôi. Nắm chặt tay tôi, không nói lời nào, anh ta trao cho tôi chiếc phong bì gì đó và biến mất vào khu rừng rậm.

Tôi và Vân mở bức thư anh ta để lại và nhìn thấy những bức chân dung của Lenin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh được vẽ rất điệu nghệ. Kèm theo những bức chân dung này còn có một lá thư. Lá thư bắt đầu bằng những chữ: "Trong rừng rậm Việt Nam, tôi đã gặp người Xô Viết." Người lạ viết về lòng biết ơn luôn ấp ủ trong mỗi con người Việt Nam đối với đất nước Liên Xô, đối với những người dân của đất nước xã hội chủ nghĩa. Anh ta ký tên. Trong phần tái bút ở dưới, có dòng chữ nét nhỏ: "*Người anh em Xô Viết quý mến! Lần đầu tiên trong đời gặp một người Xô Viết, tôi muốn nói hết với bạn về cảm nghĩ của tôi và tặng bạn món quà. Tôi không có mực, tôi chỉ có một đêm ngắn ngủi. Chân dung của những con người yêu quý này và cả bức thư này tôi đã viết và vẽ bằng máu của mình.*"

ANH HÙNG LAO ĐỘNG, KỸ SƯ TRẦN ĐẠI NGHĨA

Chúng tôi đi về hướng có các xưởng quân giới. Trong cuốn sách của mình, Leo Figuères viết về các xưởng này như một điều kỳ diệu. Việc xây dựng nền công nghiệp quân sự trong rừng rậm Bắc Việt là chiến công anh hùng của dân tộc đang chiến đấu. Năm 1946, công nhân tháo dỡ các nhà máy công nghiệp tại các thành phố lớn. Họ mang vác những cỗ máy nặng vượt qua hàng trăm cây số trên đôi tay và đôi vai của mình. Họ vác đồ bằng qua đèo núi, qua sông và những cánh rừng rậm rạp, nơi phải chặt cây làm đường và tạo dựng lên nền công nghiệp quân sự trong rừng nhiệt đới.

Giai cấp công nhân Việt Nam anh hùng đã tạo nên hạt nhân của Quân đội Nhân dân từ những con người ưu tú nhất của mình. Chiến đấu trên chiến lũy, những người công nhân Hà Nội một lòng quyết tử nhằm giành giữ và chuyển trang thiết bị của các nhà máy công nghiệp đến vùng rừng sâu của đất nước. Ở xa các thành phố, hàng nghìn công nhân được các kỹ thuật viên và kỹ sư nhiệt huyết, tài năng chỉ đạo, xây dựng các xưởng sản xuất súng lớn, đạn đại bác, súng cối, đạn, lựu đạn. Đã từng có những lần, khi kẻ thù phát hiện ra những xưởng này đồ bộ nhảy dù xuống bao vây. Lúc đó, công nhân các xưởng trong rừng đã cầm súng. Họ vừa chiến đấu vừa khuân vác những nhà máy này theo những đường mòn bí mật đưa tới địa điểm mới.

Hồi còn ở Moskva, khi đọc sách của Leo Figueres, tôi đã hình dung sẽ quay những xưởng này giống như quay một trong những đoạn kịch tính nhất trong bộ phim sắp tới của mình.

Gienhia Mukhin sẽ thực hiện. Cậu ấy sẽ phải quay một trong những xưởng quân giới lớn nhất mà chúng tôi đang đi tới. Tiếp theo, cậu ấy sẽ quay nhà máy giấy duy nhất của đất nước, năm 1947 do công nhân chuyển từ thị trấn Đáp Cầu tới và lắp ráp trong rừng. Mấy lần nhà máy này đã được tháo dỡ, trang thiết bị được chôn xuống đất, sau đó lại được đưa vào sử dụng.

Từ xa, chúng tôi nghe thấy tiếng ầm ầm của các xưởng máy. Càng tới gần, tiếng ồn của hàng trăm cỗ máy, tiếng phì phì của động cơ hơi nước càng lớn dần. Kỹ sư Trần Đại Nghĩa, một trong những người sáng lập ra nền công nghiệp quân sự của Việt Nam đang chiến đấu, ra đón và đưa chúng tôi vào nhà.

Chúng tôi bước vào dưới mái che, nơi bố trí phòng thiết kế của kỹ sư trong nhà máy. Trần Đại Nghĩa dẫn chúng tôi qua những chiếc bàn có những bản can màu xanh vẽ các đồ án.

- Chúng tôi đợi các anh ba ngày trước đây. - Với nụ cười hiền hậu, ông nói với chúng tôi. - Công nhân chúng tôi mong mỗi được gặp gỡ những nhà quay phim Xô Viết. Giá như các anh chứng kiến họ đã lau chùi những cỗ máy này như thế nào!

Trần Đại Nghĩa mặc bộ áo liền quần màu xanh, túi trên thò ra chiếc thước tính. Ông có khuôn mặt tròn, cặp mắt cận dày vẻ ân cần. Ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động Việt Nam.

Kỹ sư Trần Đại Nghĩa 40 tuổi. Quê ông ở Nam Bộ. Ông tốt nghiệp phổ thông ở đó. Nhà nghèo, nhưng học giỏi, ông được một suất học bổng du học bên pháp. Tại Pháp, Trần Đại Nghĩa tốt nghiệp trường Đại học Xây dựng cầu đường trước hạn, sau đó anh theo học trường Đại học Kỹ thuật điện. Anh nghiên cứu về hàng không và khi tốt nghiệp, anh được nhận vào làm ở nhà máy chế tạo máy bay. Ngày làm việc, đêm anh tiếp tục trau dồi cho mình kiến thức về lĩnh vực hàng không và phương pháp sản xuất vũ khí. Mùa thu năm 1945, anh biết tin vui về thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Pháp là sự kiện lớn đối với những người Việt sống xa Tổ quốc. Vài tháng sau, người kỹ sư trẻ Việt Nam theo vị Chủ tịch trở về Tổ quốc.

Tháng 11 năm 1946, Chính phủ Cộng hòa giao cho Trần Đại Nghĩa công việc cực kỳ quan trọng: sản xuất đạn dược cho quân đội. Lúc đó lấy đâu ra nguyên liệu, trang thiết bị máy móc? Quân đội Nhân dân non trẻ cần được vũ trang. Trần Đại Nghĩa nhớ tới lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với anh lúc còn ở trên tàu thủy: “Chúng ta không có nền công nghiệp, thậm chí không có cả cơ sở để tạo lập nó bây giờ. Nhưng chúng ta phải huy động hết nguồn lực của mình. Nguồn lực này ở trong người dân, trong giai cấp công nhân – đội ngũ trung thành với cách mạng dân tộc, đáng tin cậy và vững vàng nhất.”

Trung thành với truyền thống cách mạng của mình, giai cấp công nhân Việt Nam đã hoàn thành nhiệm vụ mà Chính phủ Cộng hòa giao phó. Họ đã xây dựng nên trong rừng rậm những xưởng quân giới.

ĐƯỜNG RAY ĐƯỢC ĐÚC THÀNH ĐẠN VÀ ĐẠI BÁC

Trần Đại Nghĩa mời chúng tôi tham quan nhà máy. Chúng tôi đi xem các phân xưởng, trò chuyện với công nhân, kỹ sư hơn hai giờ. Không phút nào tôi mất đi cảm giác hồi hộp và sự kính trọng sâu sắc đối với chiến công của những con người này. Nhìn những cỗ máy nặng nề, không thể quên được rằng, chúng được đưa tới đây trên những đôi vai trần vượt qua những dãy núi, những cánh rừng và những con sông. Nhìn những khuôn mặt gầy guộc, mệt phờ, không thể quên được rằng chính những con người này đã chiến đấu trên các chiến lũy để bảo vệ máy móc của mình...

Xung quanh xào xạc tiếng lá rừng, mà từ trong lòng rừng thẳm đó vọng ra tiếng khi kêu, còn ở đây, dưới mái che rộng là xưởng tiện âm ầm tiếng hàng chục cỗ máy và bộ truyền dẫn. Những cỗ máy được đặt trong những hầm sâu không mái phòng tránh bom không kích.

Tôi muốn ghi mãi trong ký ức mình khuôn mặt thông minh, vàng bủng do sốt rét của người công nhân luống tuổi. Ông còng lưng phía trên linh kiện đang xoay trên chiếc máy. Đó là chiếc bình ga. Dưới bàn tay sần sùi khéo léo của người công nhân Ngân, chiếc bình này sẽ trở thành khẩu súng cối.

Trong xưởng rèn chan chất tiếng búa. Ở đây, những đầu đạn được rèn thành từ những ống dẫn nước. Anh thợ rèn Cao Viết Bảo nổi tiếng là người cải tiến, anh hùng lao động. Anh quai búa nhanh lên những thỏi đúc rực đỏ.

Trong xưởng hóa học rộng rãi đang tiến hành việc đổ thuốc nổ vào những quả mìn, đạn đại bác và lựu đạn tay. Máy chục công nhân thực hiện thao tác này bằng những động tác đều đặn, chính xác.

Chúng tôi sang xưởng điện. Ở đây, một động cơ hơi nước mạnh đang hoạt động. Chiếc bánh đà khổng lồ xoay những động cơ điện cung cấp năng lượng cho toàn nhà máy. Hoàn toàn không thể hiểu nổi làm sao có thể tha được một cỗ máy khổng lồ như thế tới đây!

Xưởng chính là xưởng lắp ráp, nơi tiến hành lắp ráp các súng cối phản lực. Khẩu súng cối phản lực hay như ở đây người ta gọi là khẩu bazooka – là vũ khí khủng khiếp của bộ binh cơ động Việt Nam. Bazooka là đứa con yêu quý của Trần Đại Nghĩa. Ông cùng với đội ngũ những nhà thiết kế và công nhân tài năng sáng tạo ra thứ vũ khí này và cho tổ chức sản xuất hàng loạt.

- Các bạn lấy kim loại ở đâu? - Tôi hỏi ông.

- Chúng tôi dùng ống dẫn nước, bình ga. Nông dân và du kích từ các thành phố bị Pháp chiếm đóng và đồn bốt của Pháp cung cấp chúng cho tôi. Du kích tháo dỡ đường sắt và mang đường ray vào rừng, nơi chúng tôi sẽ đúc chúng thành đạn và đại bác.

Tất cả những thứ này bắt đầu từ những xưởng thủ công nhỏ, nơi tu sửa những khẩu súng trường bị hỏng, làm ra những quả lựu đạn thô sơ. Còn bây giờ, trong nền công nghiệp quân sự Việt Nam đang có hàng vạn công nhân làm việc. Nhiều người trong đó bộc lộ những khả năng lớn, nắm vững kỹ thuật, trở thành thành những đốc công lão luyện. Mỗi xưởng đều có trường học, trường trung cấp kỹ thuật học vào buổi tối để những công nhân trẻ nâng cao tay nghề cho mình và nắm vững kiến thức kỹ thuật.

Chúng tôi tham quan khu tập thể của công nhân, chúng sạch sẽ, gọn gàng. Những người có gia đình ở những căn nhà riêng. Gần xưởng có khu đất rộng toàn những vườn rau mà những người công nhân chăm sóc chúng ngoài giờ làm việc.

Vào giờ nghỉ ăn trưa, chúng tôi tạt qua phòng ăn. Thức ăn chính của công nhân là cơm và rau. Rất ít khi họ ăn thịt.

Trong rừng rậm Việt Bắc, không chỉ có xưởng quân giới. Chúng tôi sẽ còn được quay những xưởng in lớn, nơi in ấn hàng trăm nghìn tờ báo của nước Cộng hòa, sách, tạp chí văn học, tranh cổ động. Trước chiến tranh, tại thị trấn Đáp Cầu có một nhà máy giấy lớn duy nhất trên toàn Đông

Dương. Nhà máy cũng được chuyển đi và lắp ghép lại trong rừng. Điều đặc biệt là, trong những năm kháng chiến, thực dân Pháp và chính quyền bù nhìn phải nhập giấy từ nước ngoài. Thế mà nước Cộng hòa lại có nền công nghiệp sản xuất giấy của mình!

HỘI NGHỊ CÁC NƯỚC ĐÔNG DƯƠNG DIỄN RA TẠI VIỆT BẮC

Sự liên lạc ở Việt Nam hoạt động hiệu quả một cách đáng kinh ngạc! Khoa làm được cái việc là dù chúng tôi có ở đâu, ở chỗ hẻo lánh xa xôi nào trong rừng, bao giờ người giao liên đi xe đạp cũng tìm thấy và trao cho chúng tôi thư tín - điện báo.

Lần này, người giao liên bắt gặp chúng tôi trong phòng làm việc của Trần Đại Nghĩa. Anh ta trao cho Khoa một phong bì to. Trong đó là tài liệu xưởng phim gửi: Những lá thư đến từ Moskva gửi cho tôi và Mukhin, một thư của Eshurin, một thư từ Bắc Kinh. Đại diện cơ quan xuất nhập khẩu phim Xô Viết tại Trung Quốc, đồng chí Sergeev làm chúng tôi vui sướng bởi tin báo về việc những cuộn phim của chúng tôi đã đến nơi an toàn và ông đã lập tức chuyển chúng về Moskva bằng máy bay. Ông cũng thông báo là vài ngày nữa sẽ gửi cho chúng tôi chiếc máy thu thanh tốt hoạt động bằng pin khô.

Eshurin kể tỉ mỉ công việc quay phim của mình, cảm ơn tôi và Gienhia vì chúng tôi gửi liên lạc thường xuyên với cậu ấy, thông báo những tin mới ở Moskva và chuyển đến những thư người thân gửi cho cậu ấy.

“Gió Lào mấy ngày liền - cậu ta viết - đây là hiện tượng thiên nhiên thật đáng sợ! Ngọn gió nóng thổi cháy mặt, cháy tay. Gió như thổi từ lò luyện thép, lướt nhanh trên mặt đất, gọi nổi buồn và lo lắng. Thà lặng gió hoàn toàn còn tốt hơn cơn gió Lào đáng ghét này. Ngày 10 tháng 7, tôi trở lại từ chuyến đi thường lệ. Tôi quay những người du kích. Chuyến đi này kéo dài gần 10 ngày. Chúng tôi đi đến vùng xa xôi bằng xe đạp. Bây giờ, phương tiện di chuyển chính của chúng tôi là xe đạp. Chúng tôi có năm chiếc cho cả nhóm và đi xe đạp qua hàng trăm cây số. Khi trở về Liên Xô, tôi có thể can đảm tham gia các cuộc đua xe đường trường, hy vọng sẽ lập kỷ lục mới toàn Liên bang. Nhìn chung, đường sá chúng tôi đi thực phức tạp, làm mất nhiều thời gian, và chủ yếu là mất nhiều sức lực. Lại còn cái nóng nữa! Các bạn chịu đựng cái nóng địa ngục này như thế nào?! Tôi uống nước nhiều lắm. Tôi thường làm dịu đi cơn khát bằng nước dừa.

Đối tượng những lần quay sắp tới của tôi là thế giới động vật của Việt Nam. Tôi sẽ quay những con voi và còn hy vọng quay được hổ. Quay hổ là phức tạp hơn cả. Những thợ săn địa phương, các tổ chức Đảng và xã hội hứa sẽ giúp đỡ tôi trong công việc không dễ dàng này. Nói chung, tôi vui vẻ và khỏe mạnh. Sự cố với chiếc quang kế làm tôi buồn. Khi quay hoa sen, chiếc thuyền lật nhào và tôi ngã xuống đầm lầy. May mà giữ được máy quay không bị nước, còn quang kế thì hỏng hoàn toàn. Bây giờ, tôi đành phải xác định độ sáng bằng mắt thường. Dĩ nhiên, điều này là rất phiêu lưu...”

Xem lướt thư từ của mình, Khoa đến chỗ tôi.

- Nhận được bức thư - anh nói - từ đồng chí Tôn Đức Thắng, Chủ tịch Ủy ban dân tộc Mặt trận đoàn kết dân tộc. Ông thông báo rằng, Hội nghị đại diện ba nước Đông Dương mà các anh dự định quay sẽ diễn ra trong những ngày này tại Việt Bắc.

- Thế chúng ta còn kịp không? - Tôi hỏi. - Lá thư này gửi lâu chưa? Những nơi này có xa không?

Khoa lôi ra bản đồ từ chiếc xác cốt và trải nó lên bàn.

- Nó nằm ở khu vực các cơ quan Chính phủ. - Anh nhìn bản đồ nói. - Chúng ta sẽ đi ô tô khoảng 80 kilômét, còn sau đó đi bộ một ngày. Chúng ta sẽ kịp.

Chúng tôi nhất định phải phản ánh được tình hữu nghị anh em nhân dân các nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh giải phóng trong bộ phim của mình. Hội nghị các đại diện của Việt Nam, Lào, Campuchia là sự kiện có ý nghĩa. Nếu nhanh chóng lên đường, chúng tôi sẽ kịp quay cảnh này. Mukhin và Thi sẽ ở lại đây. Họ sẽ quay các xưởng quân giới, nhà máy giấy, quay xưởng in trong rừng.

Theo những thông tin mới nhất, thì cuộc hội đàm ở Genève đang gần kết thúc. Có thể dự đoán những ngày tới, thế giới sẽ được biết về những quyết định lịch sử của nó. Chẳng lẽ chiến tranh thực sự sắp kết thúc ư?

Thế là không chậm trễ một phút nào, chúng tôi đi đến cuộc Hội nghị đại biểu các dân tộc Đông Dương.

1.700 Ổ HÚT THUỐC PHIỆN VÀ 4 TRƯỜNG HỌC

Nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia – ba nước bị gượng ép thống nhất lại thành cái được gọi là “Đông Dương thuộc Pháp”, luôn được gắn kết bởi tình anh em ruột thịt. Sự tàn ác của chế độ thực dân đối với các dân tộc ở Đông Dương là như nhau. Nó đã đoàn kết họ lại trong cuộc đấu tranh giành độc lập và tự do. Đất nước Triệu Voi bị bọn thực dân xâm chiếm năm 1893 và bị đổi tên thành Lào. Chiếm được Lào rồi, thực dân Pháp nắm hết tài nguyên thiên nhiên của nó trong tay mình, thiết lập chế độ chuyên quyền và sự cai trị dã man. Cả đất nước Khmer cũng trở thành nạn nhân của cuộc xâm lược, bị biến thành thuộc địa của Pháp và đổi tên thành Campuchia. Những tên thực dân sau khi nắm trong tay những mảnh đất màu mỡ, đã biến chúng thành những đồn điền bông và cao su mệnh mông đem lại lợi nhuận kếp xù.

Năm 1938 ở Đông Dương có 1.700 ổ hút thuốc phiện, 120.000 quán rượu và bốn trường học.

Chi phí để thu mua thuốc phiện ở Đông Dương năm 1943 là 4.500.000 đồng bạc, còn cho trường học và thư viện là 105.000 đồng bạc.

Nhân dân các nước bị xâm chiếm hoàn toàn mù chữ. Đói kém, nghèo khổ và mất hết quyền lợi là số phận của các dân tộc Đông Dương.

Nhưng trong suốt nhiều thập kỷ qua, giặc ngoại xâm chưa bao giờ biết đến sự bình yên. Nhân dân Lào, Campuchia, Việt Nam nhiều lần nổi dậy đấu tranh chống bọn thực dân. Nỗ lực cầm súng chiến đấu giành tự do, độc lập bị các lực lượng vũ trang của kẻ xâm lược đàn áp dã man, cuộc khởi nghĩa của nhân dân bị chìm trong bể máu.

Năm 1940, sau khi Pháp đầu hàng, các chính quyền địa phương không kháng cự đã trao bán đảo Đông Dương cho quân phiệt Nhật. Sau khi Nhật đầu hàng, bắt đầu giai đoạn mới của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam đánh dấu kỷ nguyên mới trong lịch sử đấu tranh của Lào và Campuchia. Nhân dân Lào đứng lên và cướp chính quyền từ tay phát xít Nhật. Nhân dân Campuchia nổi dậy đấu tranh tuyên bố nền độc lập của quốc gia mình. Lào thành lập Chính phủ Dân chủ lâm thời – Chính phủ Pathet Lào, được mọi tầng lớp nhân dân ủng hộ – nông dân, công nhân, trí thức và đại bộ phận giai cấp tư sản dân tộc. Nhân dân Lào và Campuchia thành lập các lực lượng vũ trang kháng chiến.

Tháng 8 năm 1950, ở Lào diễn ra Hội nghị của đại diện các tầng lớp dân chúng rộng rãi trong nước. Hội nghị đã thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc và Chính phủ Pathet Lào, đứng đầu là Hoàng thân Souphanouvong.

Sớm hơn một chút, vào tháng 4 năm 1950, tại Campuchia, hơn 200 đại biểu thuộc các tổ chức yêu nước khác nhau của đất nước đã tề tựu tại Hội nghị nhân dân, nhất trí thông qua chương trình và điều lệ của Mặt trận dân tộc thống nhất Khmer. Hội nghị bầu ra Ủy ban giải phóng dân tộc Khmer, ủy ban tuyên bố quyền tự do dân chủ. Chẳng bao lâu sau, Ủy ban giải phóng dân tộc được chuyển thành Chính phủ kháng chiến Khmer.

Lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân Pathet Lào và Khmer chống ngoại xâm, chính phủ dân chủ những nước này nhiều lần tuyên bố về khát khao hòa bình, mong muốn được sống trong hòa bình và tình hữu nghị với tất cả các dân tộc, trong đó có cả nhân dân Pháp. Trong cuộc chiến đấu vì tự do và độc lập của mình, nhân dân Lào và Campuchia đã củng cố mối quan hệ anh em với nhân dân Việt Nam anh hùng.

NỖ ĐAU CỦA NGƯỜI DU KÍCH PHÔ AM VU TỪ BỘ TỘC TÔ AI

Trên đường đến Việt Nam, tôi được nghe và đọc nhiều về Hoàng thân Souphanouvong, Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang kháng chiến Lào – nhân vật huyền thoại ở Đông Dương. Vốn thuộc dòng dõi hoàng tộc, con ruột Quốc vương Lào, được nuôi dạy trong cung đình, ông tốt nghiệp đại học ở Pháp, trở về nước và tham gia đội quân chiến đấu giải phóng đất nước mình khỏi ách thực dân.

Tôi đâu dám mơ ước số phận sẽ cho tôi gặp con người này? Chúng tôi đang ở trong cái lán tranh, ngồi bên cạnh tôi là hoàng thân Souphanouvong. Mỗi nét mặt, mỗi cử chỉ và lời nói bằng giọng khê khàng của ông toát lên nội lực lớn, trí tuệ sáng suốt và ý chí lớn lao. Ông lắng nghe người đối thoại, khê cúi đầu, nhíu mày lại thành các nếp nhăn hằn sâu giữa hai lông mày. Mũi thẳng hơi gồ, gò má cương nghị dưới làn da bánh mật của khuôn mặt đẹp, bên khóe mắt là những nếp nhăn nhỏ mảnh.

- Ông cho biết điều cốt yếu trong cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Pathet Lào hiện nay là gì? - Tôi hỏi Souphanouvong.

- Nhiệm vụ chính đặt trước dân tộc chúng tôi không chỉ bây giờ mà còn lâu dài nữa là đấu tranh vì độc lập, dân chủ và thống nhất đất nước, còn sau đó, khi giành được rồi thì gìn giữ và bảo vệ thành quả đó. Hiện giờ, nhiệm vụ bức thiết là giành lấy hòa bình trên toàn cầu. Lào, Việt Nam, Campuchia là những bộ phận không thể tách rời của toàn thế giới. Chúng tôi không chỉ cần hòa bình cho bây giờ mà còn cả trong tương lai để xây dựng đất nước, để nâng cao đời sống nhân dân, để xây dựng xã hội mới trên sự công bằng.

- Số dân ở các vùng giải phóng là bao nhiêu?

- Hơn một triệu. Đó gần như là một nửa dân số Lào. Lực lượng kháng chiến ngày càng được củng cố cả trong những vùng bị chiếm đóng, lẫn cả những vùng được giải phóng mở rộng nhanh. Dân tộc chúng tôi đã chịu đựng hết mức sự tàn ác của lũ thực dân. Vì thế, toàn dân đã tham gia chiến đấu. Những chiến thắng mà quân đội kháng chiến chủ lực giành được đã khích lệ người dân đang còn ở dưới ách thực dân và chế độ bù nhìn chuyên quyền do chúng lập nên ở những vùng chiếm đóng. Chẳng có cuộc can quét nào có thể đàn áp được phong trào du kích đang phát triển. Trên đất nước chúng tôi, tất cả mọi người từ già đến trẻ đều tham gia chiến đấu. Nếu muốn, tôi sẽ kể cho bạn nghe về một cụ già. Cụ sống ở vùng Trung Lào, tên cụ là Phô Am Vu. Cụ năm nay đã 70 tuổi.

Từ những ngày đầu kháng chiến, cụ đã lãnh đạo dân chúng địa phương trong cuộc đấu tranh chống thực dân. Cụ được cử ra Trung ương kháng chiến theo học các khóa huấn luyện cán bộ chủ chốt cho các huyện. Cụ đi bộ đã bốn tháng liền. Khi gặp cụ, tôi đã kinh ngạc bởi lòng dũng cảm và ý chí sắt đá của cụ già này. Tôi tặng cụ khẩu súng trường. Tôi nói: “Này cụ, hôm nay toàn dân đứng lên đấu tranh, chúng ta không thể không thắng nếu trong hàng ngũ có những người như cụ. Lúc trở về, nhờ cụ nói với các đồng chí rằng, ở đây, trên Trung ương, chúng tôi luôn nghĩ về các đồng chí, về tất cả những ai đang gặp khó khăn. Cụ hãy cầm lấy khẩu súng trường và cùng với thanh niên bảo vệ ngôi làng của mình.”

Xuất hiện nếp nhăn hằn sâu trên trán Souphanouvong. Ông im lặng giây lát.

- Cụ già trở về nhà và sau đó mọi người kể với tôi rằng, vào cái ngày cụ trở về, giặc Pháp đã tấn công ngôi làng. Chúng vào nhà cụ, giết năm đứa con cụ và lấy đi khẩu súng trường tôi tặng cụ. Ông

cụ kịp chạy thoát. Vài tháng sau, người ta đem đến cho tôi bức thư. Ông cụ viết:

“Đồng chí Souphanouvong, lúc chia tay, đồng chí đã thay mặt Chính phủ tặng tôi khẩu súng trường mà tôi đã thề bảo vệ nó chừng nào tôi chưa chết. Kẻ thù đã cướp đi khẩu súng ấy rồi. Với tôi, đó không đơn thuần chỉ là khẩu súng trường. Trong đó là niềm tin của Chính phủ vào chúng tôi – vào nhân dân, là hy vọng rằng chúng tôi sẽ chiến đấu và không run sợ trong trận đánh. Kẻ thù đã giết năm đứa con của tôi. Thật vô cùng đau đớn! Còn nỗi đau giày vò tôi không kém là ý thức rằng khẩu súng trường của đồng chí đang trong tay kẻ thù. Nó quý giá không chỉ với tôi mà còn với tất cả các bạn chiến đấu của tôi. Chúng tôi đã thề sẽ giành lại khẩu súng trường. Không đơn thuần giành lại nó mà đồng thời cùng khẩu súng trường này cướp thêm nhiều súng trường khác của kẻ thù và giết nhiều kẻ địch nữa. Hãy tin vào tuổi già của tôi, đồng chí Souphanouvong. Hãy tin tưởng và hãy biết rằng chúng tôi sẽ thực hiện được lời thề của mình.”

Và sau đó, tôi được biết - Souphanouvong tiếp tục câu chuyện của mình với giọng nhỏ nhẹ - cụ già này đã lãnh đạo nhiều cuộc tập kích dũng mãnh vào các cứ điểm của địch. Họ đã giải phóng cho nhiều người dân, cướp được hàng trăm khẩu súng trường. Hiện giờ, bản làng nơi cụ Phô Am Vư thuộc bộ tộc Tô Ai đang sống, đã biến thành pháo đài của phong trào du kích nổi tiếng toàn quốc. Cái bản này là hạt nhân chiến đấu của một vùng du kích rộng lớn...

CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH CỦA HOÀNG THÂN SOUPHANOUVONG

Tôi đề nghị Souphanouvong kể tiểu sử của mình. Ông ngần ngừ.

- Tôi chưa bao giờ kể cho bất kỳ ai tiểu sử của mình và không tin là nó có thể khiến mọi người quan tâm. Nhưng nếu anh đề nghị, tôi sẽ kể.

Năm nay tôi đã 45 tuổi. Tôi xuất thân trong gia đình phong kiến tôn quý nhất trong nước. Cha tôi là Quốc vương. Ông mất năm 1920 khi tôi đang học ở Hà Nội. Mẹ tôi còn sống. Hiện giờ bà ở Luang Prabang, cố đô của Lào, đã lâu lắm tôi không gặp bà. Tôi có 21 anh em trai và một em gái. Anh cả cũng ở trong hàng ngũ kháng chiến. Anh trai tôi Souvanna Phouma là Thủ tướng Chính phủ bù nhìn Lào. Hiện ở Genève.

Tôi học trường dành cho quý tộc, chẳng biết đến đau khổ và nghèo đói là gì. Người ta dạy tôi những phép tắc và tập tục cung đình. Chú tôi đem tôi về thái ấp của mình. Thường lúc ông không có nhà, tôi chạy đi chơi. Tôi kết bạn với trẻ con trong làng, chúng tôi chơi với nhau. Tôi nhận thấy, cuộc sống của chúng không giống của tôi, chín, mười tuổi, tôi đã được gửi sang Hà Nội học trung học. Tốt nghiệp, tôi sang Pháp. Ở Paris, tôi tốt nghiệp trường Đại học Xây dựng cầu đường. Tôi sống ở Pháp cho đến năm 1938.

Tôi học rất siêng năng. Tôi muốn biết nhiều nhưng lúc đó tôi vẫn chưa thể hiểu được chính mình. Những tên thực dân đã gieo rắc điều lệch lạc gì đó vào tôi. Tôi xuất thân trong giới quý tộc, ở Pháp tôi sống trong môi trường tư sản, môi trường thực dân, tôi không thể nhận thức được sức mạnh vĩ đại của nhân dân mình và hòa đồng với người dân bình dị. Khi ấy, tôi đã nhầm lẫn nghiêm trọng khi đặt giới trí thức lên cao nhất. Nhưng, để tìm hiểu kỹ, tôi đi khắp nước Pháp, đến các làng quê. Tôi không thích những thành phố của Pháp mà tôi cho là trung tâm của sự suy đồi và buồn gian bán lặn. Ở làng quê, tôi đã thấy những người dân bình dị sống khổ cực như thế nào. Tôi đọc không chọn lựa, đọc cả báo tư sản lẫn báo Nhân đạo. Tất cả lộn xộn trong đầu tôi và tôi vẫn chưa có sự minh bạch, chưa có hướng đi rõ rệt. Tôi mong ước nâng cao sức sản xuất trên đất nước tôi, nhưng lúc đó tôi chưa nhận thức được rằng đất nước tôi chỉ có thể đi lên được khi nó nằm trong tay nhân dân.

Khi tôi trở về Đông Dương, cả nước đã sục sôi trong không khí chiến tranh. Tôi là kỹ sư ở Việt Nam, xây dựng cầu cống và đường sá. Mặc dù xuất thân dòng dõi cao sang, nhưng đâu đâu tôi cũng cảm thấy những tên thực dân mà tôi căm ghét như lũ xâm lược có thái độ kèn kiệu và khinh miệt đối với tôi, một kẻ thổ dân.

Trong tôi chín muồi dần mơ ước giải phóng quê hương. Khi Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam nổ ra, tôi thành lập những đội quân chiến đấu ở Lào. Sau khi Nhật đầu hàng, chúng tôi giành chính quyền về tay mình. Tình hình rất khó khăn, phức tạp. Tôi và những đồng chí của mình chưa thể thống nhất được toàn bộ lực lượng kháng chiến của đất nước trong tay mình. Chúng tôi không có kinh nghiệm, vẫn chưa đủ mạnh về chính trị, nhưng nhờ sự nỗ lực của tất cả những người yêu nước, vào ngày 12 tháng 10 năm 1945, ở thủ đô Vientiane của Lào đã thành lập Chính phủ kháng chiến lâm thời đầu tiên. Trong Chính phủ, tôi giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao và Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang.

Khi quân Pháp bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược, chúng tôi đã kháng cự lại chúng. Chúng tôi ở lại các thành phố và ở đây chúng tôi đối đầu với cuộc tấn công của lực lượng vũ trang Pháp do tướng Alessandri chỉ huy. Tôi sẽ không bao giờ quên cái ngày mà dân tộc chúng tôi gọi là “ngày đầm máu”. Nhiều đồng chí xuất sắc đã hy sinh trong trận đánh này. Tôi bị thương. Viên đạn trúng vào gần tim. Chúng tôi thất bại. Hàng năm, nhân dân chúng tôi kỉ niệm ngày này, ngày 21 tháng 3 năm 1946, và gọi đó là “ngày căm thù”.

Kể từ đó, cả cuộc đời tôi gắn bó với vận mệnh dân tộc. Có nhiều khó khăn trên con đường chúng tôi đi, có cả những quãng thời gian gian nan, nhưng tôi và tất cả các đồng chí của mình, những người Lào yêu nước đã dồn hết sức mình để nâng cao tinh thần nhân dân, phát động nhân dân đấu tranh chống kẻ thù.

Tháng 8 năm 1950, Đại hội đại biểu nhân dân đầu tiên được triệu tập, Chính phủ kháng chiến mới được thành lập do tôi lãnh đạo với cương vị thủ tướng. Kể từ đó, tôi cống hiến hết mình cho sự nghiệp đấu tranh giành tự do để cố gắng xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân, để hoàn thành nhiệm vụ khó khăn mà đồng bào giao cho tôi. Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam đã mở mắt cho tôi. Từ đó, tôi bắt đầu hình thành ý thức cách mạng của mình. Sau nhiều năm kháng chiến, khi lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân chống thực dân, tôi biết mình đã đi đúng đường.

Ở Lào không có Đảng kiểu Đảng Marxist - Leninist. Đến bây giờ cũng chưa có. Nhưng chúng tôi đang tiến hành việc chuẩn bị để tập hợp tất cả những người yêu nước, có xu hướng cách mạng và tiến bộ kết nạp vào Đảng chiến đấu. Chúng tôi đang nghiên cứu kinh nghiệm phong phú của Đảng Lao động Việt Nam. Chúng tôi đang kiểm tra hàng ngũ của mình. Hàng ngũ kháng chiến có hàng nghìn người tích cực, trung thành với nhân dân.

NHÂN DÂN KHMER ĐẤU TRANH GIÀNH TỰ DO, DÂN CHỦ VÀ HÒA BÌNH

Hội nghị của đại diện các nước Đông Dương diễn ra trong rừng. Sau lưng Chủ tịch đoàn, trên chiếc giá tre là quốc kỳ Việt Nam, Khmer, Pathet Lào, chân dung Hồ Chí Minh, Souphanouvong và Sơn Ngọc Minh. Chúng tôi quay quang cảnh chung Hội nghị, bài phát biểu của đồng chí Hoàng Quốc Việt, Chủ tịch Tổng liên đoàn Lao động, người dẫn đầu đoàn Việt Nam; bài phát biểu của Souphanouvong, bài diễn văn của người đứng đầu Chính phủ kháng chiến Khmer Sơn Ngọc Minh. Chúng tôi ghi hình những người tham dự.

Trong thành phần đoàn đại biểu Pathet Lào có Nang La – nữ du kích anh hùng nổi tiếng toàn quốc. Tôi quay cận cảnh chân dung cô. Máy quay ghi lại được cái nhìn kiêu hãnh từ đôi mắt đen của cô. Đôi mắt thật lạ kỳ! Đôi mắt đen sẫm nhưng đồng thời dường như tỏa ra những tia lửa của kim loại được nung chảy. Đôi môi mọng có sắc màu mận chín, chiếc mũi tẹt với cánh mũi hếch cao. Cô mặc áo cánh lụa được thêu thùa thủ công và chiếc váy đen dài tới mắt cá chân.

Lúc thông báo nghỉ giữa phiên họp, tôi được giới thiệu với Sơn Ngọc Minh. Tôi đề nghị ông kể về những đặc điểm chính cuộc đấu tranh giải phóng của Khmer.

- Mục tiêu cuộc đấu tranh của dân tộc chúng tôi là không thay đổi. - Ông Sơn Ngọc Minh nói. - Chúng tôi đấu tranh vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, vì nền dân chủ thực sự và hòa bình.

Đặc điểm chính của cuộc kháng chiến là ở chỗ, chúng tôi tiến hành cuộc đấu tranh chống đồng thời cả giặc ngoại xâm lẫn thế lực phong kiến phản động trong nước. Điểm đặc biệt của cuộc đấu tranh chúng tôi khác với của Việt Nam là ở chỗ, đầu tiên các lực lượng cách mạng nổi dậy ở các vùng khác nhau trên đất nước, những nơi xuất hiện chính quyền nhân dân, còn sau đó mới dần dần được tập trung lại.

Đạo Phật có ảnh hưởng lớn trên đất nước chúng tôi. Bọn phong kiến luôn lợi dụng đạo Phật để làm nhân dân xao lãng việc đấu tranh. Ở Campuchia có 600.000 nhà sư. Đó là tầng lớp trí thức dân tộc của chúng tôi. Hiện giờ, phần lớn lực lượng này đứng về phe kháng chiến. Nhiều đồng chí lãnh đạo cuộc kháng chiến trước đây là những nhà sư. Điều này do phần lớn những nhà tu hành xuất thân từ tầng lớp bản nông và trung nông.

Đạo Phật ở Campuchia luôn ở thế phản kháng lũ thực dân, những kẻ luôn nỗ lực gieo rắc đạo Thiên Chúa.

- Hội nghị này - ông Sơn Ngọc Minh nói - sẽ củng cố hơn nữa sự gắn kết hữu nghị anh em giữa ba dân tộc Đông Dương đang đấu tranh giành tự do và độc lập. Mục đích của chúng tôi luôn luôn là mục đích chung. Nhân dân Việt Nam, Campuchia, Lào thống nhất trong khát vọng vươn tới độc lập, tự do và hòa bình.

BỨC ĐIỆN TỪ GENÈVE

Buổi tối, khi phiên họp hội nghị kết thúc, các đại biểu tập trung dưới mái cọ lớn.

- Hẳn là có thể quay được một bộ phim thú vị biết bao về Pathet Lào và Khmer! - Souphanouvong nói. - Hãy đến đất nước chúng tôi, các bạn sẽ quay được những cảnh hiếm thấy.

Ông kể, ở Lào người ta săn bắt voi như thế nào. Đi săn cùng những chú voi được thuần hóa, người đi săn đu bám dưới cổ nó, dẫn nó vào rừng tìm con voi hoang lạc đàn. Người thợ săn lên quãng thông lộng vào chân nó và con voi thuần hóa lôi con voi hoang theo sau mình. Thỉnh thoảng, con kia bình thân đi theo sau con voi thuần hóa, nhưng thường thì nó chống cự quyết liệt, gầm rống gọi đàn. Khi ấy cần phải giết chết nó. Bắn vào voi chỉ có thể bắn vào một chỗ – giữa tai và bả vai. Con voi bị thương rất đáng sợ. Nhưng còn đáng sợ hơn là đàn voi điên tiết trả thù cho bạn mình và có thể san phẳng toàn bộ cả một ngôi làng. Con voi hoang được thuần hóa rất nhanh, nó bắt đầu hiểu tiếng người, trở thành trợ thủ hữu ích cho con người trong sản xuất.

Du kích Pathet Lào dùng voi để chuyên chở vật nặng. Con voi có thể kéo vật nặng hơn một tấn. Nuôi nó chẳng tốn kém gì, nó ăn thân cây chuối hoang và mía trong rừng.

Ở Lào có nhiều hổ. Thỉnh thoảng, chúng đi thành bầy đàn đến 20 con. Người ta dụ hổ vào bẫy. Họ buộc ngựa hoặc dê con vào thân cây, con hổ đi tới chỗ con mồi này và ngã xuống hổ các cọc sắc nhọn dưới đây.

Souphanouvong kể về trận đấu súng của mình với con hổ trong rừng rậm. Ông bắn nó chết tươi khi nó nhảy lên. Con thú khổng lồ ngã chết dưới chân ông với viên đạn giữa hai mắt.

Lào và Campuchia có vô khối là khi. Những người thợ săn trong một ngày giết đến 40 con. Tiếc là họ quảng đi bộ da của chúng vì không biết giá công những bộ da ấy. Trong những cánh rừng của Lào có những con khi đột gorilla.

Lào còn có cả bò tót. Chúng đi thành đàn những hai trăm con. Ở Khmer, dưới sông Mê Kông có nhiều cá sấu. Người dân nuôi cá sấu, giết cá sấu nhỏ, bán tấm da của chúng.

Souphanouvong kể về điều kiện khắc nghiệt trong đời sống của những bộ tộc miền núi ở Lào. Những tên thực dân bức bách họ rời khỏi những thung lũng phì nhiêu, đuổi họ lên núi. Tình cảnh

khốn cùng khủng khiếp! Nhiều người miền núi cả đời đi lại trần truồng. Mãi tới bây giờ, tại các vùng giải phóng, người ta mới bắt đầu trồng bông và sản xuất vải vóc. Theo luật chó sói: “chia để trị”, những tên thực dân luôn luôn xúi bẩy người dân đồng bằng săn đuổi người miền núi. Bây giờ, tại các vùng giải phóng đang cùng cố tình anh em giữa người miền núi và người đồng bằng, tương trợ lẫn nhau trong lao động. Họ cùng nhau chiến đấu chống lại kẻ thù chung.

Souphanouvong mơ ước về nhà máy thủy điện trên sông Mê Kông. Trên sông có thác nước lớn, cao gần 200 mét. Nhà máy thủy điện này có thể cấp điện cho toàn vùng Đông Dương.

Sau cuộc trò chuyện, mọi người bắt đầu ca hát và nhảy múa. Có trống, những nhạc cụ dây và sáo. Năm người bắt đầu điệu múa dân tộc Lào. Mỗi lúc càng thêm nhiều người mới nhập vào cùng múa với họ. Điệu múa của những con người của rừng và của núi. Những động tác chậm rãi, nhịp nhàng, can đảm; đôi vai, cặp đùi hẹp chỉ lắc nhẹ, hai tay giơ lên cao với lòng bàn tay mở. Những người con trẻ trung của Lào đi thành vòng tròn trong điệu múa thượng võ nghiêm trang. Hai người trong đó là đại biểu của Hội đồng hòa bình thế giới vừa mới trở về từ Stockholm và Berlin hôm qua. Họ đã trải qua chặng đường đấu tranh gian khó và quả cảm trước khi trở thành những người lãnh đạo và tướng lĩnh. Họ nhảy múa, cười lộ hàm răng trắng muốt dường như vui sướng với tuổi trẻ, sức mạnh của mình. Và điệu múa trong những tiết tấu hùng tráng mỗi lúc một nhanh hơn. Trong những vòng xoay chóng mặt, đôi mắt người múa sáng lên và dường như thúc giục vào trận đánh, trống vang lên dưới những chiếc đùi dài, mảnh.

Không kìm được, đưa lòng bàn tay lên trên đầu, cả Souphanouvong cũng tham gia vào điệu múa. Đẹp và oai nghiêm, ông đi trong điệu múa trầm tĩnh, như đã đi giáp mặt cùng với con hổ, đã động viên mọi người xông vào trận chiến.

Theo sau ông, Nang La bước vào vòng tròn và những người đàn ông đã lùi ra để cô lại một mình. Những cái trống đột ngột thay tiếng thúc hào hùng bằng điệu rung nhẹ nhẹ. Tiếng sáo trúc ngân lên. Thả mình trong điệu múa duyên dáng là Nang La xinh đẹp và mềm dẻo – người con gái của bộ tộc rừng núi, nữ du kích anh hùng, người phụ nữ duy nhất trong vòng nhảy của chúng tôi.

- Điệu múa này - Souphanouvong thì thầm với tôi - được các cô gái làng cùng nhau múa trong ngày thu hoạch mùa màng. Nang La hôm nay trong điệu múa cũng như trong trận đánh, một mình thay thế cả chục người.

Tiếng còi báo động máy bay vang lên. Ba cây đèn “con dơi” soi sáng chúng tôi dưới mái che đã tắt. Trên bầu trời đêm xuất hiện một chiếc máy bay. Tiếng động hung dữ từ xa của nó chậm chạp lướt qua phía trên đầu chúng tôi.

Đêm về khuya, chúng tôi chia tay và tản về những chiếc lán của mình.

Tôi không tài nào ngủ được trong mừng. Có thể bất cứ vào phút nào cũng có tin tức từ Genève. Kết thúc chiến tranh cũng có nghĩa là kết thúc một giai đoạn lịch sử đối với nhân dân Việt Nam sống kéo dài nhiều năm ở trong rừng. Các nhà máy, các trường đại học, các xưởng in, phòng thí nghiệm được chuyển về từ thành phố, Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ từ biệt ngôi nhà tre nhỏ của mình trong rừng. Thật tốt biết bao là chúng tôi đã kịp quay được tất cả điều đó!

Lúc bình minh, Vân đánh thức tôi:

- Dậy, dậy đi!

Anh giật chiếc màn ra, kéo tay, đập vào vai tôi. Tôi bật dậy.

- Có điện từ Genève. - Anh nói. - Hòa bình rồi!

PHIÊN HỌP Ở TRONG RỪNG CUỐI CÙNG CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Hòa bình đã đến trên mảnh đất Việt Nam. Hòa bình đã đến trên mảnh đất bị đốt cháy bởi bom napalm, bị cày nát bởi bom đạn, mà trên đó bao thế kỷ nay con người lao động, đấu tranh vì tự do, yêu thích ca hát. Và những con cò trắng bay liệng dưới bầu trời xanh, trên những cánh đồng lúa.

Nền hòa bình được mong đợi từ lâu – đó không phải sự ngẫu nhiên, may mắn hay cái phúc lộc được ban tặng. Những người lao động Việt Nam yêu chuộng hòa bình không đợi chờ hòa bình đến mà đã giành lấy nó. Họ vừa chiến đấu, vừa làm ruộng. Họ đã đúc những khẩu đại bác và in sách trong rừng sâu. Họ đối mặt với những loạt đạn dồn dập của đồn bót kẻ thù và chiến thắng hạn hán. Trong nhiều năm, đấu tranh vì hòa bình cùng những người du kích Việt Nam có những người lao động Pháp và hàng triệu người dân ở cả hai bán cầu. Bằng thúng gạo làm thêm, bằng máu của trái tim người lính lấp lỗ châu mai quân thù, bằng hàng nghìn chiến công, dân tộc Việt Nam đã khắc đậm chữ ký người đại diện của mình trong Hiệp định Genève.

Vào buổi sáng hạnh phúc này, tôi muốn nhìn ngắm và ôm choàng lấy tất cả những người bạn Việt Nam của tôi, những người mà tôi gặp trong rừng thẳm, những nhà văn, kỹ sư, nhà xây dựng cầu đường, những người chế tạo thuốc penicillin, dân công, bộ đội. Từ rừng sâu sẽ trở về Hà Nội thân yêu là các nhà thơ và sinh viên trường Đại học Y khoa, công nhân các nhà máy trong rừng và nhà văn - nhà ngôn ngữ học già, các họa sĩ và nữ nghệ sĩ luống tuổi. Bây giờ, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch sẽ có tủ lạnh điện!

Sẽ chấm dứt giai đoạn nhiều năm sống trong rừng mà nhân dân Việt Nam sẽ luôn tự hào nhớ mãi là một trong những trang sử vẻ vang của mình.

Ngày 22 tháng 7 năm 1954, diễn ra phiên họp cuối cùng trong rừng của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Các nhà quay phim Liên Xô và Việt Nam được phép quay phiên họp lịch sử này của Hội đồng Bộ trưởng họp bàn và vấn đề ngừng bắn ở Đông Dương. Chúng tôi đến bán doanh của Chính phủ sớm hơn mấy giờ trước khi phiên họp bắt đầu. Quyết định của Hội nghị Genève về việc ngừng bắn sẽ có hiệu lực sau sáu ngày nữa. Lúc này máy bay địch vẫn chưa ngừng quần thảo trên lãnh thổ Việt Nam. Vì thế nơi diễn ra phiên họp của Chính phủ là cái hang sâu trong núi, gần lối vào hầm trú ẩn.

Chúng tôi kinh ngạc về tính chính xác khi các bộ trưởng đều bắt đầu đến trước khi phiên họp diễn ra một giờ. Phiên họp Hội đồng Bộ trưởng là một trong những điều thần kỳ Việt Nam. Các bộ được xé lẻ, đóng tại các vùng khác nhau của đất nước. Nhưng sao mà bộ máy chính phủ hoạt động được một cách chính xác như thế, bất chấp khoảng cách và đường sá khó khăn, tất cả thành viên chính phủ có thể tập trung tại phiên họp đúng giờ đã định! Bước xuống ngựa kia là đồng chí Tôn Đức Thắng, vị Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Mặt trận Liên Việt, Trưởng ban thường trực Quốc hội. Chúng tôi thấy ông lần đầu tiên kể từ sau cuộc gặp đáng nhớ tại Ban Chấp hành Trung ương, khi đó, ông nhớ lại cuộc khởi nghĩa của thủy thủ Pháp tại hải cảng Odessa.

Tay cầm gậy bước ra từ rừng cây đấng kia là Phan Kế Toại, Bộ trưởng Bộ Nội vụ⁽⁶⁰⁾, một người không đảng phái. Con người đáng kính của đất nước, trước từng làm quan, ngay từ những ngày đầu cuộc kháng chiến đã đứng về phía cách mạng và khi tuổi tác đã cao vẫn vào rừng, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, bất chấp mọi khó khăn, thiếu thốn. Ông chào hỏi bạn bè, lau mồ hôi trên trán, đôi mắt cận thị tươi cười qua cặp kính dày.

Trong số những thành viên chính phủ vừa tới, tôi có quen Bộ trưởng Bộ Y tế, Hoàng Tích Trí, chúng tôi đã gặp ông tại trường Đại học Y, Bộ trưởng Bộ Tài chính Lê Văn Hiến và Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hòe, đại diện của Đảng Dân chủ trong Chính phủ.

12 giờ kém 15, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến. Người nhẹ nhàng xuống từ con ngựa ô lông dày và cười niềm nở bước tới chỗ các bộ trưởng ra đón Người.

Hôm nay, niềm vui rạng ngời trên tất cả các gương mặt. Thậm chí, cả những lính gác đứng im như pho tượng ở chỗ lối vào hầm trú ẩn cũng không thể giấu nổi niềm xúc động.

Cuộc họp vang lên những lời nói cảm động và chân thành của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đọc bản hiệu triệu của người gửi nhân dân và quân đội Việt Nam.

“Vì hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ của Tổ quốc chúng ta, quân và dân ta, các cán bộ chủ chốt và Chính phủ trong suốt tám, chín năm nay đã đoàn kết chặt chẽ, thể hiện sự đồng tâm nhất trí từ dưới lên trên, chịu đựng sự thiếu thốn và đau khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, đã đấu tranh quyết liệt và giành lại được những chiến thắng vang dội!

Thay mặt Chính phủ, tôi xin chúc mừng và cảm ơn tất cả đồng bào, toàn quân và các cán bộ của đất nước chúng ta từ Nam chí Bắc. Tôi bày tỏ nỗi đau buồn thương tiếc các chiến sĩ và đồng bào ta đã hiến cuộc đời mình cho Tổ quốc. Tôi gửi lời thăm hỏi tới các thương bệnh binh.

Nhân dân ta giành được thắng lợi vĩ đại cũng là nhờ nhân dân các nước, nhân dân Pháp và tất cả các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới đã và đang ủng hộ cuộc chiến tranh chính nghĩa của chúng ta...”

Các thành viên chính phủ lắng nghe lời hiệu triệu này trong sự tĩnh lặng, trang nghiêm. Những lời nói cuối được đón nhận bằng những tràng pháo tay: *“Trong sự thống nhất toàn dân tộc của đất nước, trong sự đoàn kết nhất trí của toàn dân, chúng ta nhất định giành được thắng lợi. Hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ muôn năm!”*

Trong tư thế đứng, các thành viên chính phủ đồng thanh nhất trí thông qua văn kiện lịch sử.

Con người đã cống hiến cả cuộc đời cao quý của mình cho cuộc đấu tranh để giải phóng đất nước thân yêu khỏi chế độ thực dân nô lệ đứng im lặng, mái đầu để trần nổi lên trên nền quốc kỳ đỏ thắm của nước Cộng hòa.

Sự tĩnh lặng bị phá vỡ bởi tiếng chim hót, tiếng ve kêu và tiếng lá cây khẽ xào xạc. Có cảm giác trong giây phút im lặng trang nghiêm này, vị Chủ tịch muốn bằng đôi mắt mỏi mệt và đôn hậu của mình nhìn thấu tận đáy sâu trong trái tim mỗi người lính, mỗi người nông dân và mỗi em bé – tất cả người dân trên mảnh đất Việt Nam, tất cả những ai bằng máu và lao động của mình đã đưa cái ngày chiến thắng và hòa bình được nguyện cầu đến gần.

KHẨU HIỆU MỚI: “TẤT CẢ ĐỂ CỨNG CỐ HÒA BÌNH!”

Quay phim xong, chúng tôi đi về xóm Trung ương. Đây đã không còn là cái xóm mà chúng tôi đã ở khi mới từ Moskva đến. Bây giờ nó ở địa điểm mới và chỉ khác với xóm trước ở chỗ nó là trụ sở cuối cùng trong rừng của Ban Chấp hành Trung ương. Những ngày cuối cùng mà Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ nước Cộng hòa sống nơi rừng sâu được cảm nhận trong tất cả mọi thứ. Tiếng búa gỗ - mọi người đang đóng thùng các tài liệu lưu trữ của Chính phủ. Những nụ cười rạng rỡ trên gương mặt tất cả những người chúng tôi gặp trên những con đường nhỏ, mòn sâu giữa các căn nhà tranh tre. Mọi người bắt chặt tay nhau hỏi lâu, ôm choàng lấy nhau. Ra đón chúng tôi là Tổ Hữu.

- Các anh chưa gặp đồng chí Trường Chinh phải không? Chúng ta đến đó thôi.

Đồng chí Trường Chinh đứng lên từ sau chiếc bàn ra đón chúng tôi. Chúng tôi chúc mừng ông vì hòa bình đang đến, chúng tôi bắt chặt tay nhau. Ông hỏi thăm chúng tôi về những việc đã làm và về sức khỏe. Tôi kể sơ qua với ông về những buổi quay phim.

- Các bạn sẽ quay cảnh Quân đội Nhân dân tiến vào Hà Nội. - Ông nói.

Các bạn còn nhớ khi thảo ra kế hoạch quay phim sơ bộ, chúng ta đã dự đoán rằng các sự kiện, cuộc sống sẽ mách bảo những cảnh quay mới? Bây giờ, tình hình đất nước thay đổi đáng kể. Trong điều kiện hòa bình, trước chúng tôi là những nhiệm vụ mới, khẩu hiệu mới: “Tất cả để cùng cố hòa bình!”.

Bây giờ toàn bộ bộ máy lãnh đạo lãnh đạo được chuyển về các thành phố. Các thành phố giờ đây sẽ trở thành những trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của đất nước. Các bạn sẽ có khả năng phản ánh những nỗ lực của dân tộc chúng tôi trong công cuộc khôi phục đất nước, và bây giờ, công cuộc cải cách ruộng đất sẽ được tiến hành trên quy mô lớn.

Công việc khôi phục sản xuất nông nghiệp, khôi phục giao thông, xây dựng đường sá sẽ là nhiệm vụ hàng đầu.

- Chúng tôi sẽ cố nhanh chóng định ra kế hoạch làm việc mới trong điều kiện hòa bình - tôi nói - chúng tôi sẽ chuẩn bị cho những cảnh quay tiến về Hà Nội.

“NAM BỘ CÙNG MIỀN BẮC ĐẤU TRANH VÌ SỰ THỐNG NHẤT”

- Ngày hôm nay, Chủ tịch Hồ Chí Minh - Đồng chí Trường Chinh nói vào cuối cuộc trò chuyện của chúng tôi - sẽ phát biểu trong đại hội toàn quốc các cán bộ Đảng nông cốt. Họ đến đây từ mọi miền đất nước. Nếu muốn, các bạn có thể quay bài phát biểu của Người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhẹ nhàng bước nhanh mấy bậc lên bục diễn đàn hội nghị. Sau khi nóng lòng làm chấm dứt những tràng pháo tay nhiệt liệt của cử tọa bằng cử chỉ giờ rộng hai tay đã thành thói quen của Người, Người bắt đầu bài phát biểu của mình. Bài phát biểu đề cập đến những nhiệm vụ mới của Chính phủ Cộng hòa và Đảng Lao động trong giai đoạn mới của cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất đất nước, trong điều kiện hòa bình.

Chủ tịch nói, hai tay chống xuống mặt bàn, khẽ cúi về phía trước, hướng xuống cử tọa, chỉ thỉnh thoảng giơ tay thể hiện cử chỉ biểu cảm. Người nói rằng, nhân dân và quân đội của Người hoàn thành một cách tốt đẹp nhiệm vụ khó khăn nhất của cuộc kháng chiến vũ trang. Bây giờ, nhiệm vụ không kém phần quan trọng đang đứng trước nhân dân, Chính phủ và Đảng là đấu tranh vì thống nhất đất nước, vì độc lập dân tộc, dân chủ, để cùng cố nền hòa bình. Thay cho khẩu hiệu: “Kháng chiến đến cùng!”, bây giờ là khẩu hiệu: “Hòa bình!”.

Người nói, nhân dân miền Nam sẽ đau lòng như thế nào khi tiễn các đơn vị Quân đội Nhân dân rút ra miền Bắc. Miền Nam là nơi đầu tiên đứng lên chiến đấu. Nhân dân Nam Bộ đã chịu nhiều đau khổ. Bây giờ, họ sẽ phải đau đớn ở lại dưới chính quyền các thế lực phản động. Nhưng Nam Bộ sẽ cùng với miền Bắc đấu tranh vì sự thống nhất của đất nước chúng ta, đấu tranh để tiến hành tổng tuyển cử.

Tình hình mới, nhiệm vụ mới khôi phục nền kinh tế đất nước, công nghiệp, giao thông và các thành phố đang đặt trọng trách lớn lên các cán bộ Đảng. Trong bối cảnh mới phức tạp, quan trọng nhất là sự đồng tâm nhất trí của Đảng, sự đoàn kết của toàn dân xung quanh Chính phủ Cộng hòa, sự cùng cố mặt trận dân tộc thống nhất, sự tiếp tục chính sách cải cách ruộng đất dưới khẩu hiệu trước sau như một: “Ruộng đất cho dân cày!”.

Người kết thúc bài phát biểu dài tiếng rười của mình bằng lời kêu gọi nắm vững ngọn cờ đấu tranh vì hòa bình, chiến đấu vì cuộc tổng tuyển cử, vì sự thống nhất, vì công cuộc giải phóng toàn quốc sớm nhất.

Những người đến từ những vùng xa xôi của đất nước say mê lắng nghe những lời phát biểu của Người. Trong những câu nói đơn giản, dễ hiểu của Người là sự phân tích sáng suốt tình hình phức tạp trong nước và quốc tế.

Sau bài phát biểu, tôi hướng về phía đồng chí Hồ Chí Minh đề nghị được quay trụ sở cuối cùng trong rừng của Người. Người đồng ý.

Từ cuộc hội nghị của Đảng, Người đi bộ trở về. Tôi quay cảnh Người đi trên những cánh đồng lúa. Quay cảnh Người leo lên theo đường mòn cheo leo trên núi, lội qua những con suối nhỏ. Tôi hiểu rằng, chắc chắn là không bao giờ tôi còn có khả năng làm điều này nữa. Những giờ ngắn ngủi còn lại đến cái thời điểm khi kết thúc vĩnh viễn “thời kỳ rừng rậm” kéo dài tám năm. Và cứ thế kia, với chiếc gậy trong tay, vị Chủ tịch không biết đến mệt mỏi ở tuổi 64 của mình, đã đi qua hàng nghìn cây số khắp đất nước yêu dấu. Những thước phim tôi quay bây giờ đã trở thành lịch sử.

Người đi khắp các cánh đồng của một vùng vừa mới tiến hành công cuộc cải cách ruộng đất. Những bông lúa xanh nhô cao lên phía trên mảnh đất vừa mới đây còn thuộc về bọn phong kiến. Giờ đây, xung quanh trắng lên lấp lánh những tấm biển ghi tên những chủ nhân của mảnh đất này – những người nông dân.

Mấy lần Chủ tịch Hồ Chí Minh dừng lại, trò chuyện với nông dân. Nhận ra người đang bước đi trên cánh đồng của họ là “Bác Hồ”, họ tiến đến bên cạnh Người nói chuyện thân tình, kể về những công việc nhà nông của mình, về những nhu cầu và niềm vui của mình.

Chúng tôi đến ngôi nhà cuối cùng trong rừng của Người khi mặt trời đã bắt đầu hạ xuống chân trời. Người ngồi ngay vào bàn làm việc, nơi đang có hàng núi những bức điện chúc mừng từ khắp năm châu chờ đợi Người. Đọc xong, Người kéo chiếc máy chữ lại gần, đặt giấy lên và bắt đầu đánh máy.

Tôi quay xong. Hồ Chí Minh mỉm cười nói với tôi:

- Các bạn đề nghị được đi lại ban ngày trên những con đường của Việt Nam. Các bạn thấy đấy, chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể để tạo cho các bạn khả năng này. Bây giờ, các bạn hãy đi trên bất kỳ con đường nào, vào bất kỳ thời gian nào cả ngày lẫn đêm. Chiến tranh kết thúc rồi.



THÁI NGUYÊN ĐÃ HOÀN TOÀN ĐỔI KHÁC

Cùng với từ “hòa bình”, từ “chiến thắng” hôm nay vang lên kiêu hãnh, những đám đông hân hoan tràn ngập quang trường của các thành phố và làng mạc. Biểu ngữ rực rỡ đón chào hòa bình và chiến thắng. Trên các nẻo đường, người ta dựng lên những cổng chào tre được trang trí bằng cây lá xanh cùng với những biểu ngữ, quốc kỳ đỏ thắm, cờ màu xanh da trời với chim bồ câu trắng.

Cờ trên mọi nhà, trên xe đạp, trên ô tô. Khắp mọi nơi diễn ra những cuộc mít tinh quần chúng tự phát. Vang lên những lời chân tình của các diễn giả hướng về các dân tộc và Chính phủ Liên Xô và Trung Quốc, những lời cảm ơn vì tình hữu nghị bền chặt. Những chiếc xe chở tù binh chạy trên các con đường đi từ phía Bắc ra bờ biển. Trên các con đường, những tấm vải màu xanh da trời ghi những câu bằng tiếng Pháp và tiếng Đức: “Thượng lộ bình an! Hãy nhanh chóng trở về bên gia đình mình!”, “Tình hữu nghị giữa các dân tộc muôn năm!” tổng tiến chúng. Báo chí đưa tin, cùng với nhóm sĩ quan Pháp được trả tự do từ các trại tù binh có tướng De Castries đã về đến Hà Nội.

Trong những ngày này, diện mạo đất nước hoàn toàn thay đổi. Các con đường cách đây chưa lâu còn vắng bóng người trở nên nhộn nhịp. Ở khu vực ven các làng mạc đã có chợ ồn ào, trong

thời chiến, buôn bán chỉ hoạt động về đêm.

Chúng tôi thực hiện chuyến đi dài ngày về phía Nam, hướng về vùng châu thổ. Chúng tôi đi qua thị xã Thái Nguyên.

Khi cuộc kháng chiến bắt đầu, người dân Thái Nguyên rời bỏ thị xã thân yêu, bỏ lại nó trong đồng đồ nát mà chẳng mấy chốc đã bị phủ đầy cỏ mọc rậm rì. Chỉ còn lại nguyên vẹn những con phố mà dọc chúng sau này đã mọc lên những căn nhà tre nhỏ. Sau khi đánh đuổi kẻ thù, người dân đã trở về và thị xã bắt đầu cuộc sống thứ hai của mình.

Trong thời kỳ chiến tranh, Thái Nguyên chỉ sống động về đêm. Trên các đường phố sáng lên hàng nghìn ngọn lửa nhỏ và hàng ngàn đoàn xe vận tải phóng nhanh trên tuyến đường chính. Những đoàn dân công khuân vác hàng kéo đi. Ban đêm vang lên tiếng hát, tiếng chuông xe đạp, tiếng người nói.

Đã mấy lần chúng tôi đi qua các con phố của Thái Nguyên vào ban đêm. Và mỗi lần bỏ lại đằng sau những ngọn lửa nhỏ vui vẻ đó, chúng tôi lại cảm thấy buồn đau cho thị xã bị tàn phá, cho người dân, cho những đứa trẻ mà chúng tôi phóng ngang qua trong đêm tối. Tại sao ngay trên đất nước của mình, họ phải sợ ánh sáng mặt trời và màu xanh của bầu trời quê hương?

Tình trạng như vậy kéo dài nhiều năm.

Nhưng chiến tranh đã kết thúc – Thái Nguyên đã thay đổi không còn nhận ra được. Ngay ban ngày, các quảng trường, đường phố, người đông đúc ồn ào chen vui bên các dãy quầy bán hàng đông đúc và nhộn nhịp. Đám học sinh tươi vui tụ tập đầy các ngã ba ngã tư. Các em hạnh phúc vì được đi học ban ngày chứ không phải ban đêm, dưới ánh sáng với ngọn đèn dầu đĩa. Ở mỗi khu phố trên các nền nhà được dọn sạch, cỏ đã mọc lên những bức tường của những ngôi nhà mới. Dân số thành phố tăng lên từng ngày và thành phố sẽ trở thành một trung tâm công nghiệp lớn của đất nước.

Lần này, chúng tôi đi qua Thái Nguyên vào ngày Tết Trung thu. Ở khu ngoại thành, trải dài một trại thiếu nhi với những cái lều, với đèn màu, những lá cờ, những bài hát, tiếng reo hò và tiếng trống đình tai nhức óc đến nỗi cách hai cây số vẫn còn nghe thấy. Từ Thái Nguyên chúng tôi đi đường vòng tránh Hà Nội vẫn đang bị lính Pháp chiếm đóng, hướng về phía Nam, đến những vùng giải phóng của châu thổ Bắc Bộ Việt Nam.

Chuyến du hành hiện thời của chúng tôi thật khác xa biết bao với những chuyến đi trong rừng vào thời chiến! Chúng tôi đi ban ngày. Thường ngoạn những phong cảnh tuyệt vời nằm trải khắp mọi nơi. Chúng tôi thường dừng xe, quay những cảnh này, quay phim phóng sự trên các con đường đông nghịt người đi bộ, ô tô, xe đạp. Xe đạp ở Việt Nam được tận dụng với hiệu suất tối đa. Đó là một phương tiện giao thông vạn năng. Những người đi xe đạp phóng trên các nẻo đường, chất lên chỗ đeo hàng những sọt dưa, sọt chuối, những can chất đốt, những bó củi. Kìa, một người đang phóng nhanh xe đạp, trên đeo hàng xe anh ta chất ngất quá đầu người một chồng nón lá cọ. Một người khác đeo cái rọ tre giống như quả đạn ngư lôi trong có con lợn nái béo múp đang ụt ịt. Người khác phóng xe với chỗ đeo hàng chẳng buộc những cái lồng thưa lèn đầy gia cầm. Họ còn chở trên xe đạp loại hàng duyên dáng hơn – ngồi trên khung xe phía trước người lái là cô gái trẻ với những dải băng nhỏ trên các bím tóc tung bay trong gió. Những bà mẹ bế con thân nhiên nhìn lên trời. Trên gương mặt mọi người là những nụ cười niềm nở, hạnh phúc, và mỗi chiếc xe ô tô đều được lũ trẻ con trong các xóm nhỏ và trên đường chào đón bằng những tràng vỗ tay và tiếng hò reo nhiệt liệt.

CÓ TRỒNG ĐƯỢC CHUỐI Ở MOSKVA KHÔNG?

Chúng tôi thường dừng lại không lâu tại những bến phà qua sông, tại các làng quê. Mỗi lần như vậy là người dân lại tụ tập quanh xe. Người lớn và trẻ em im lặng nhìn người châu Âu, với vẻ lo ngại thậm chí có phần thù địch, dễ hiểu, nếu nhớ lại biết bao đau khổ mà lũ thực dân đã đem đến

cho những con người này. Nhưng rồi, như một tia chớp, như tia lửa bay qua đám đông hai tiếng: “Liên Xô!” – Liên bang Xô Viết! Gương mặt mọi người thay đổi ngay tức khắc, tay giơ cao trên đầu vỗ phấn khởi. Những nụ cười hạnh phúc, tiếng reo mừng vui, những đôi mắt sáng lên hoan hỉ. Và, những từ tiếng Việt giòn giã “Ura” – “hoan hô” – rền vang trong đám người hạnh phúc bởi cuộc gặp gỡ lần tiên trong đời với một người đến từ đất nước xa xôi nhưng vô cùng thân thiết, đám người mỗi phút một đông hơn.

Những ông lão ốm yếu và những bà lão gầy gò, nam nữ thanh niên và lũ trẻ con cổ sán đến gần hơn để bắt tay, nói vài lời hay đơn giản với những giọt nước mắt vui sướng chạm tay khẽ vào vai, dường như mong muốn bằng sự chạm nhẹ này truyền tất cả những tình cảm đang ngập tràn trái tim họ mà không lời nào trên thế gian này diễn tả nổi.

Những cuộc gặp gỡ như vậy diễn ra ở khắp nơi. Chiếc phà đã cập bến, ô tô chúng tôi đã trườn từ trên dốc xuống phía sông mà cuộc trò chuyện thân thiết đang lúc sôi nổi nhất. Còn phải trả lời câu hỏi của một cô bé nhí nhảnh: “Thế sắp tới chị em Liên Xô của chúng tôi có đến Việt Nam không? Chúng tôi đang chờ họ!”, phải làm thỏa mãn sự tò mò của cậu thủ lĩnh hoạt bát trong đám bé trai, mà hoá ra cậu đã quyết tâm sang Liên Xô trong thời gian sớm nhất và muốn biết chuối có trồng được ở Moskva không, cậu bé ngày 1 tháng 5 đã mang hoa lên lễ đài Lăng Lenin tên là gì, ở chỗ chúng tôi có quá lạnh không? Và, chỉ khi con phà xuất phát, khi đã cách nhau bởi dải nước, ta mới được biết rằng, cô gái vui tươi mong được gặp chị em Xô Viết là người chỉ huy nổi tiếng của phân đội du kích của huyện địa phương, còn cậu bé nhanh nhẹn là đội viên trinh sát - liên lạc viên bộ tham mưu du kích, rằng làng đã cung cấp hơn 100 chiến sĩ cho Quân đội Nhân dân, rằng 60 tấn gạo được những người dân công tình nguyện chuyển đến tận Điện Biên Phủ... Tôi muốn hỏi họ thêm nhiều điều nữa. Nhưng xoáy nước chảy xiết của sông Hồng đã mang chiếc phà đi xa, còn trên bờ, đám người cứ đông thêm, hát bài hát được yêu thích ở Việt Nam về Liên Xô và những đất nước bè bạn. Giống như bao cuộc gặp khác trên đường chúng tôi đi, cuộc gặp gỡ như thế được nhớ mãi rất lâu, làm trái tim ngập tràn lòng tự hào sung sướng về tổ quốc tôi, một đất nước được những con người chân chính trên toàn thế giới yêu quý nồng nhiệt đến như vậy.

CHÂU THỎ BẮT KHUẤT

Chúng tôi đi qua tỉnh Phú Thọ, nơi nổi tiếng với những rừng chuối, đồn điền dứa. Chúng tôi dừng lại quay cảnh thu hoạch chuối. Những cô gái tươi vui bằng đôi tay khỏe mạnh dùng dao thép giống cây kiếm chặt buồng “chuối ngự” to chín vàng.

Chúng tôi uống nước dừa để dịu đi cơn khát. Tại mỗi ngã tư là hàng đồng quả dừa, cậu bé bán hàng lấy dao khéo léo vạt lỗ ở quả dừa và từ đó một dòng nước trong suốt tươi mát có vị hơi chan chát, làm sáng khoái, như mạch nước nguồn, róc rách chảy vào cốc.

Chúng tôi đi Hòa Bình. Tại tỉnh này, tỉnh nằm kề cận vùng châu thổ, đã diễn ra những trận đánh ác liệt. Tại đây, lực lượng Quân đội Nhân dân đánh tan quân đội của tướng De Lattre de Tassigny, bên vệ đường mỗi lúc một nhiều hơn những xe tăng bị cháy, khung ô tô bị lật nhào, giá súng đại bác bị phá hủy. Ô tô và xe tăng bị han gỉ, trên đó chỉ còn giữ được như mới là các dấu hiệu nhận biết – cờ ba màu và hai chữ “IC” (“Infanterie Coloniale” – bộ binh thuộc địa).

Tỉnh Hòa Bình có dân tộc thiểu số Mường sinh sống. Chúng tôi đã làm quen với nền nghệ thuật của dân tộc này khi quay điệu múa sạp với những cây tre. Phụ nữ Mường cao ráo, cân đối. Trang phục phụ nữ đơn giản: váy đen dài khăn choàng chỉ đến ngang nửa ngực; vai và lưng đen bánh mặt để trần dưới tia nắng thiêu đốt của mặt trời oi ả.

Trên không, lúc nào cũng vang lên tiếng vù vù của những máy bay vận tải bay trên độ cao lớn từ Hà Nội vào Sài Gòn. Người Pháp đang tăng cường tàn cư khởi thủ đô Việt Nam trong khi chờ Quân đội Nhân dân tiến vào.

Với mỗi kilômét đường đi của chúng tôi, những ngọn núi Việt Bắc càng lùi xa dần và chìm vào màu xanh của chân trời.

Đồng bằng bao la được mặt trời chiếu sáng trải dài tận chân trời bằng một màu xanh rực rỡ. Màu của lúa non mới bắt đầu trở bông – rực rỡ lạ kỳ. Những vòng tròn màu vàng lay động trên biển xanh này là nón trên đầu của những người nông dân.

Đã qua tỉnh Hòa Bình, chúng tôi đi trên khoảng không thoáng đãng của vùng châu thổ Bắc Bộ.

Vùng châu thổ – đồng bằng, có nghĩa là – cánh đồng bằng phẳng. Biết bao nhiêu lần trong thời chiến tranh tôi được nghe từ này được thốt ra với một ngữ điệu thiết tha khôn tả! Ý nghĩa, mơ ước của nhiều người Việt Nam, bị đứt xa khỏi vùng châu thổ thân yêu, luôn hướng về nó. Vào những đêm trăng trong rừng sâu, các chiến sĩ hát khê bài “*Con cò bay lá bay la*” – giai điệu dân gian yêu thích của vùng châu thổ. Tôi thương thức nó với sự biểu diễn điêu luyện của anh lính trẻ, người không rời cây vĩ cầm của mình trong các cuộc hành quân chiến đấu và nhìn khuôn mặt các chiến sĩ. Trong mắt họ giấu kín một nỗi đau và niềm hy vọng được sớm trở về mảnh đất thân yêu.

Miền Bắc không tách rời khỏi vùng châu thổ. Mối liên hệ máu thịt của các trung tâm kháng chiến với các thành phố và làng quê vùng châu thổ không một giờ nào bị đứt đoạn. Từ những vùng bị tạm chiếm của châu thổ, đêm đêm mọi người liều mạng mang gạo lên phía Bắc để đóng góp cho nước Cộng hòa. Các chàng trai châu thổ trốn đi để gia nhập vào Quân đội Nhân dân. Những người du kích và bộ đội địa phương đánh phá các đồn bót, lật tàu hỏa trật đường ray. Kẻ thù đáp trả bằng các chiến dịch trừng phạt. Những cánh đồng lúa chín bị xe tăng ủi nát biến thành những “vùng trắng”. Những di tích cổ nằm trong đồng cỏ nát điều tàn, khói cay phủ trên các xóm làng.

Châu thổ bị băm xé nhưng đã chiến đấu bất khuất. Vùng châu thổ đã kiên gan và kiêu hãnh chịu gánh nặng của cuộc chiến đấu gian khổ.

NƠI ĐÂY SẼ MỌC LÊN NHỮNG MẦM NON HÒA BÌNH ĐẦU TIÊN

Hầu như trên cánh đồng nào cũng có chú cò trắng phau đùng đỉnh dạo bước. Không hề có mô đất cao, không hề có đồi. Như những đảo nhỏ thừa thốt sẫm màu trên mặt phẳng của đồng bằng xanh là những xóm làng được bao bọc bởi rừng dừa và chuối. Ta nhìn, ta ngắm vẻ đẹp thanh bình của phong cảnh – và trong trí nhớ thoáng lướt qua tất cả những bài ca thăm thì, du dương, những bài thơ và những bản trường ca trữ tình mà trong đó ngời ca những cánh đồng châu thổ gần gũi với trái tim người Việt, những đám mây và những con cò hiền lành chậm rãi đi trên tấm thảm xanh trải dài tận chân trời.

Thoạt nhìn, khó nhận ra trong phong cảnh yên bình này dấu tích của những trận đánh chưa xa. Nhưng kia kia, xa xa hiện ra một tổ hợp công trình xây dựng, những hình thù vô hại của công trình kiến trúc nào đó trên ngọn đồi thấp. Một cái đồn.

Những bức tường pháo đài bê tông, dây thép gai hệ thống boong ke, bãi mìn. Và cảm giác yên bình lập tức biến mất. Dải đồng bằng xanh rì mà bạn nhìn qua cuộn hàng rào dây thép gai han gỉ quai gờ hiện ra trước mắt như bãi chiến trường, như căn cứ bàn đạp mới đây của cuộc đấu tranh nhân dân không khoan nhượng.

Bê tông và dây thép gai trên ngã tư các con đường. Bê tông và dây thép gai trên các bờ lũy quanh làng. Bê tông và dây thép gai trên các cánh đồng. Bê tông và dây thép gai rào quanh các nhà thờ Thiên Chúa giáo.

Chính phủ Cộng hòa trung thành với các nguyên tắc dân chủ, tự do tín ngưỡng, không làm các cha có lo lắng, không đụng đến các nhà thờ Thiên Chúa giáo. Tiếng chuông đưa đám rầu rĩ của các nhà thờ bám theo chúng tôi trên suốt quãng đường.

Khắp nơi – ở các làng quê, trên sông và trên đường, tại các trấn lỵ nhỏ – cuộc sống hòa bình sôi động hẳn lên. Khắp nơi, người ta xây dựng, vận chuyển, bốc xếp, mang vác gì đó. Đã quá nhớ về cuộc sống thanh bình, những người lao động không chỉ xây dựng mà họ còn đập phá. Để xây mới,

họ phá đi nhiều thứ được xây dựng bởi chính bàn tay họ trong những năm chiến tranh.

Những chiến lũy trên đường sắt! Khó hình dung ra công trình nào vững chắc, bền lâu hơn những công trình được làm từ các đường ray chôn sâu dưới đất và được vít bu lông chặt vào những thanh tà vẹt bằng sắt. Chúng được dựng lên cách 200 - 300 mét một trên suốt tuyến đường mà nền đất cao của nó bị xẻ nát bởi các rãnh ngang. Bây giờ các chiến lũy này đang được tháo gỡ. Đang tiến hành việc chuẩn bị xây dựng tuyến đường sắt nối Việt Nam với thế giới bên ngoài. Đường ray được đào lên từ các chiến lũy, được lấy lên từ dưới đáy sông và hồ nước, nơi một thời chúng được những người du kích cất giấu.

Người lao động bị phán quyết mức án đói khát, với nỗi đau nhìn khoảng không bao la đất đai màu mỡ phủ đầy cỏ dại, bị những tên thực dân biến thành “vùng trắng”. Tại các diện tích này cấm ngặt việc trồng lúa bọn thực dân sợ rằng thóc lúa này sẽ được tiếp tế cho Quân đội Nhân dân. Bây giờ các “vùng trắng” đông nghịt người. Trên các bờ ruộng tung bay những lá cờ nhỏ đỏ thắm, vang lên những bài hát của các thiếu nữ, những cái cày và bừa lướt trên mảnh đất hồi sinh. Sắp tới, nơi đây cũng sẽ xuất hiện những mầm non đầu tiên của hòa bình và màu xanh của lúa non sẽ bùng sáng dưới ánh mặt trời.

NGƯỜI SỐNG TRONG BOONG KE BÊ TÔNG

Đi xe trên những con đường Việt Nam trong các vùng giải phóng là sự tra tấn thực sự. Những con đường hao hao giống bàn phím đàn dương cầm, ô tô bật lên như quả bóng, thật lạ là những người trong xe vẫn trụ được. Công sức khổng lồ của nhân dân đã đổ ra trong thời gian chiến tranh cho việc “tái thiết” con đường Việt Nam: Với sự chính xác hình học, mỗi mét đường nhựa lại có một hố sâu đến hai mét. Không có đường cho những tên xâm lược ở Việt Nam! Hiện giờ, các con đường đang được khôi phục nhanh chóng, những cái hố được lấp đầy cát và đất sét, ô tô chạy vèo vèo về phía trước, nhưng hành khách nên bám cho chắc trong khi đi xe như thế này. Cách con đường không xa, chúng tôi chú ý đến đám khói trắng thoát ra từ lỗ châu mai của một boong ke bê tông. Dừng ô tô lại, bước qua những cuộn dây thép gai, chúng tôi đi lại gần cái lỗ cốt. Từ chiếc cửa thép mở giống như cửa kết sắt ngân hàng, ra đón chúng tôi là ông già cao lớn, sau ông là hai phụ nữ luống tuổi và một cô gái kháu khỉnh. Người nông dân – cố nông vô gia cư Vũ Văn Huân đã cùng gia đình mình dọn đến ở trong cái bốt bê tông.

Ông ta chào và dẫn chúng tôi vào nơi ở của mình. Ánh sáng mờ đục xuyên qua lỗ châu mai sừng sững chiếu vào tài sản còm cõi của người cố nông – mấy cái thùng, một chiếc chiếu, một cái chảo ám nhò nổi trên bếp lò, chiếc cây gỗ. Vào ngày nóng nực, ở đây mát mẻ, khi mưa vẫn khô ráo. Ông ta dọn đến ở ngay sau khi quân Pháp rút lui. Nhà của ông bị đốt cháy nên ông không còn chỗ nào để ở nữa.

- Bác định sống ở “ngôi nhà” này bao lâu?

- Không. - Ông trả lời. - Đó là ngôi nhà của chiến tranh, mà trong nước đã hòa bình rồi. Tôi, một người bán nông, sẽ được chính quyền nhân dân cấp cho cả trâu, cả đất đai, lẫn nhà cửa. Tôi đã già, nhưng vẫn còn sức để làm việc vì đất nước thân yêu.

Chúng tôi chia tay, chúc ông Huân hạnh phúc và mạnh khỏe.

Hồi lâu chúng tôi vẫn nhìn thấy thân hình cao, gù của ông bên chiếc boong ke bê tông trên nền mặt trời đang lặn.

Bầu trời bùng lên màu đỏ thắm. Buổi hoàng hôn kỳ diệu với vẻ đẹp mê hồn của mình đang bắt đầu trên vùng châu thổ, vẻ đẹp ấy đã từng vang lên trong những bài ca nhỏ nhẹ của những người lính đang mơ ước được trở về làng quê ruột thịt của mình.

CHÚNG TA SẼ GẶP NHAU TRÊN CỬA NGÕ TIỀN VÀO HÀ NỘI

Gần tới, chúng tôi tới thị xã Thanh Hóa⁽⁶¹⁾, trung tâm của một trong những tỉnh lớn nhất vùng châu thổ phía Bắc.

Cạnh lối vào thị xã có nhiều tấm biển. Khoa và Vân chiếu đèn pin lên những tấm biển hồi lâu, mãi cho đến khi tìm thấy thứ họ cần. “Anh xem, hệ thống liên lạc ở Việt Nam làm việc tốt thế đấy!” – Vân nói với tôi, chỉ vào tấm biển và dịch những gì được ghi trên đó: “Lê Thanh và Eshurin đang đợi Khoa và Karmen trên phố ..., nhà ...”

Lê Thanh là cán bộ hành chính của nhóm Eshurin. Hỏi thăm người đi đường, chúng tôi nhanh chóng tìm ra ngôi nhà cần tìm. Chưa kịp bước qua ngưỡng cửa, tôi đã lọt vào vòng tay gấu của Volodia, người đã mấy giờ liền ngóng đợi chúng tôi. Hơn hai tháng rồi chúng tôi không gặp nhau. Volodia đã lại sức, da cháy nắng, mặc quần cộc. Cậu ta đã thay chiếc mũ vùng nhiệt đới bằng cái mũ nỉ đen được kéo lệch sang bên tai một cách ngang tàng. Câu hỏi đầu tiên của cậu ta là: “Có đem điện đài đến không?” Tôi quay lại xe Jeep lấy chiếc đài bán dẫn và trao cho cậu ta hòm đựng chiếc đài radio mà Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã tặng chúng tôi. Chiếc đài quân sự sáng ngời của Mỹ – chiến lợi phẩm Điện Biên Phủ.

Chúng tôi không ngủ cho đến sáng, chúng tôi nghe đài Moskva, kể cho nhau nghe về những gì chúng tôi kịp quay được trong thời gian này, chia sẻ tin mới của xưởng phim lấy ra từ những bức thư của bạn bè. Bức điện cuối cùng từ Moskva khá buồn – gần 1.500 mét phim chúng tôi quay bị hỏng do nhựa bị phân hủy bởi cái nóng và ẩm ướt. Bực mình hơn nữa là chúng tôi không biết, chính phần phim nào bị hỏng. Thực hoài của, nếu phải bỏ đi nguyên cả những đoạn dài thì chúng tôi chưa chắc sẽ có thể quay được chúng lại từ đầu. Có nhiều thứ không bao giờ lặp lại nữa.

Tôi đem đến cho Volodia những thước phim trắng. Tôi và cậu ta lên lịch tác chiến định hướng có tính đến việc để làm sao sau khi quay xong những cảnh cần thiết, kịp tập trung cả nhóm cùng quay cảnh Quân đội Nhân dân tiến vào Hà Nội. Volodia vẫn chưa quay được những con thú. Mãi bây giờ cậu ta mới được đi về tỉnh Nghệ An, nơi cậu ta sẽ thực hiện những cảnh quay này. Cậu ta kể về những cuộc mít tinh quần chúng cậu ta quay tại những thành phố được giải phóng. Sau khi ngừng bắn, cậu ta quay được chuyên xuất hành tập thể ra biển lần đầu tiên của các ngư dân. Rất thú vị là có cảnh những thước phim cảnh trao trả tù binh.

Nó diễn ra trên bờ biển. Từ Sài Gòn, một tàu chiến Pháp đã đến để đón nhận tù binh.

Những tù binh đến từ các trại giam trước khi rời mảnh đất Việt Nam, đã tập trung tham gia mít tinh cùng nhân dân của các làng lân cận. Họ cảm ơn nhân dân Việt Nam vì sự nhân đạo, nói những lời cầu chúc để tỏ lòng kính trọng Chủ tịch Hồ Chí Minh, vì tình hữu nghị giữa nhân dân Pháp và nhân dân Việt Nam.

Sau khi kết thúc buổi mít tinh, lính Pháp giờ cao cờ Pháp trên đầu, cất tiếng hát bài hát theo giai điệu “Qua núi cao đèo sâu...” và đi lên chiếc tàu có những viên sĩ quan của quân đội viễn chinh Pháp mặt đầm đìa đứng trên boong.

Thế là đêm ấy chúng tôi không ngủ. Nói chuyện chán chê, thỏa thích, buổi sáng chúng tôi chia tay Eshurin và hẹn gặp nhau trên các cửa ngõ tiến vào Hà Nội. Từ đây, đường đi của chúng tôi đến thành phố Nam Định, thành phố lớn thứ ba của Việt Nam, mới được các đơn vị quân đội nhân dân giải phóng tiếp quản chưa lâu sau khi quân Pháp rút lui. Lính Pháp đã rời khỏi Nam Định để thực thi kế hoạch tập trung các cánh quân của mình tại vùng châu thổ.

TIỂU SỬ MỘT TÀU CHIẾN

Chúng tôi đi loanh quanh khá lâu khắp thị xã Thanh Hóa để tìm con đường ra sông, nơi chiếc ca nô đang đợi chúng tôi. Có lẽ, chúng tôi đã thử qua tất cả phương tiện di chuyển ở Việt Nam – ô

tô, xe đạp, ngựa. Phương tiện di chuyển chủ yếu cho đến bây giờ là đôi chân mình. Bây giờ, chúng tôi đi bằng đường thủy.

Đội thủy thủ của chiếc ca nô máy nhỏ niềm nở đón chúng tôi. Xếp xong máy móc, chúng tôi khởi hành xuôi dòng xuống phía dưới. Tôi không nhớ được tên con sông mà chúng tôi đi qua. Ở Việt Nam vẫn con sông ấy nhưng tên của nó lại thay đổi phụ thuộc vào địa phương mà nó chảy qua.

Đất nước Việt Nam được bao phủ bởi một mạng lưới dày đặc những con sông menh mông nước, tàu thuyền qua được. Những sự kiện lịch sử của cuộc chiến tranh giải phóng, những chiến thắng đáng nhớ của Quân đội Nhân dân gắn với tên gọi của nhiều con sông như sông Lô, sông Đà, sông Hồng...

Trong thời gian chiến tranh, ban ngày, sông ngòi cũng như đường sá Việt Nam đều vắng ngắt. Chỉ đêm đêm, thuyền bè mới ra khỏi chỗ ẩn nấp. Bám sát bờ sông, chúng thực hiện những chuyến đi đêm của mình. Tổ trưởng của chiếc ca nô kể với chúng tôi tiểu sử chiến đấu của con tàu nhỏ anh hùng mà hiện giờ chúng tôi đang thực hiện chuyến đi cùng nó. Đội ca nô là một nhóm du kích, trong thời gian tấn công một đồn Pháp đã chiếm được động cơ diesel. Với sự giúp đỡ của các ngư dân, họ đã tự tay làm ra chiếc ca nô này. Trong những năm chiến tranh, họ đã chuyên chở hàng trăm tấn vũ khí và đạn dược trên các dòng sông. Chiếc ca nô bị đạn bắn thủng lỗ chỗ. Thậm chí, nó đã bị nhấn chìm một lần. Cả đội lội nó lên từ đáy sông và tiếp tục nhiệm vụ chiến đấu của mình.

Bây giờ, những con sông được trang điểm lộng lẫy bằng những lá cờ. Vô số tàu lớn nhỏ, bè tre, thuyền đánh cá chạy ngược chạy xuôi theo dòng. Chạy tới chạy lui trên sông là những con đò nhỏ – những chiếc thuyền bé giống như vỏ quả hồ đào. Chúng được đan bằng tre và được xam bằng nhựa dừa đại giống nhựa cây. Người lái đò trên những thuyền này khéo léo chèo bằng... đôi chân, ngồi ở đuôi thuyền, người lái – cũng giống như người đi xe đạp – đẩy mái chèo bằng những động tác xoay tròn của hai bàn chân. Con đò nhỏ nhẹ lướt nhanh trên mặt nước.

CHÍNH PHỦ ĐẢM BẢO AN NINH CUỘC SỐNG VÀ TÀI SẢN CÔNG DÂN

Chúng tôi đi ca nô theo một nhánh sông Hồng tới Nam Định. Thành phố được giải phóng khi chiến tranh còn chưa kết thúc. Người dân thành phố hai lần trải qua những ngày hân hoan – ngày giải phóng và ngày hòa bình đến. Cuộc đón tiếp các đơn vị Quân đội Nhân dân tiến vào thành phố là ngày hội của toàn dân. Hàng trăm nghìn người hoan hỉ chào mừng các chiến sĩ giải phóng quân, phủ đầy hoa lên những chiếc xe quân sự và càn đại bác. Lễ hội kéo dài mấy ngày liền. Thành phố được trang trí đèn, những cuộc mít tinh tự phát xuất hiện ở mỗi ngã ba, ngã tư, trẻ nhỏ và thanh niên hát hò, nhảy múa trên các đường phố.

Chúng tôi đi quanh thành phố. Đâu đâu cũng thấy những đám người chen chúc sôi động. Tất cả cửa hàng đều mở, các khu chợ, quầy hàng, người bán hàng rong buôn bán tấp nập.

Sau mấy tháng ở Việt Nam, lần đầu tiên chúng tôi đi xe qua các con phố của một thành phố lớn! Lần đầu tiên tôi trông thấy những người mặc trang phục thành thị, đi giày cao cổ chứ không phải dép cao su. Trong quán cà phê, những thanh niên lịch sự tóc rẽ ngôi bóng loáng uống nước giải khát. Các cô gái với mái tóc bồng bênh gõ gót giày cao trên hè phố. Họ mặc áo dài dân tộc, quần dài bằng vải lụa mỏng màu trắng và chiếc áo dài, xẻ dọc hai bên sườn xuống tận đùi, đang tung bay theo gió.

Trên các bức tường là những tờ áp phích – lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi quân đội và nhân dân, thông báo về việc đổi tiền. Trên giá trưng bày của các cửa hàng sách có sách của những nhà văn Việt Nam được in trong rừng. Chúng tôi không thấy đội tuần tra vũ trang nào. Tuy nhiên, tại mỗi góc đều có boong ke bê tông do lũ thực dân dựng lên, được bao bọc bởi dây thép gai. Chúng hiện diện ở tất cả các quảng trường, cạnh cổng vào các tòa nhà lớn, nơi có các công sở của chính quyền Bảo Đại, cạnh cổng những biệt thự sang trọng được bao quanh bởi những bức tường pháo đài.

Trên gương mặt mọi người là vẻ bình thản, tự tin về sự bình an của mình. Ai ai cũng biết Chính phủ bảo đảm việc bảo vệ cuộc sống và tài sản công dân nước Cộng hòa, bảo vệ quyền bất khả xâm phạm của tất cả các doanh nghiệp công nghiệp và thương mại tư nhân, bảo vệ bệnh viện, trường học.

Ở Nam Định, từ những ngày giải phóng đầu tiên, đã có một trật tự mẫu mực. Mọi tầng lớp nhân dân tích cực ủng hộ biện pháp của chính quyền nước Cộng hòa khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống và công việc buôn bán bình thường. Những biện pháp, chính sách của Chính phủ liên quan đến những thành phố vừa được giải phóng được thông báo rộng rãi cho nhân dân và chẳng tin đồn thổi khiêu khích nào do kẻ địch tuyên truyền tìm được nền tảng trong dân chúng, những người đang hít thở nhẹ nhàng và tự do sau nhiều năm bị khủng bố kinh hoàng. Thực ra, cùng với sự ra đời của chính quyền mới đã ngừng trệ, chính xác hơn là đã chấm dứt hoạt động của một số cơ sở. Các ổ hút thuốc phiện, sòng bạc và nhà thổ đã bị đóng cửa, chúng vốn đã mang lại thu nhập lớn cho các chủ nhân, phần lớn là những quan chức lớn của chính quyền bù nhìn. Nói thẳng ra thì chẳng có ai đóng cửa những cơ sở này cả. Cuộc sống mới đã tới, như một cơn gió trong lành, đã quét sạch đi tất cả sự kinh tởm, hoàn toàn xa lạ đối với đạo lý trong sáng của nhân dân Việt Nam, vốn bị lũ thực dân nhồi nhét vào một cách gượng gạo.

ĐỘI QUÂN CHIẾN ĐẤU CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM

Chúng tôi đi thăm nhà máy dệt ở vùng ngoại thành. Xí nghiệp kiểu mẫu này thuộc công ty Société Filé de cotton Tonkin⁽⁶²⁾ của Pháp. Những chủ nhân của nó trước khi rút lui đã chở ra Hà Nội các tuốc bin của trạm phát điện, nguyên liệu, thành phẩm và chuồn đi bằng máy bay. Các công nhân được vũ trang đã chiếm nhà máy và bảo vệ nó.

Chúng tôi được xem các phân xưởng. Sàn được quét sạch, những chiếc máy được phủ bạt cẩn thận, những phân xưởng vắng người vô cùng ngăn nắp và sạch sẽ, vọng lại tiếng bước chân của người canh gác đang bảo vệ tài sản của công ty Pháp. Công nhân của nhà máy đã chịu không ít khổ đau trong các xưởng này, nơi hệ thống bóc lột tư bản, thống trị còn khủng khiếp gấp bội so với chế độ thực dân. Hình phạt, sự đánh đập, sự chế giễu của bọn đốc công và bọn chủ đối với các cô gái, những phụ nữ đẻ rơi cạnh máy – những người công nhân nhà máy dệt Nam Định nhớ hết tất thảy. Cuộc đấu tranh của công nhân vì quyền lợi của mình là không khoan nhượng. Họ không phải là những nô lệ cam chịu, bất chấp sự khủng bố tàn ác. Họ nổi dậy bãi công, đi biểu tình, còn trong những năm chiến tranh họ trở thành hạt nhân chiến đấu của hoạt động cách mạng bí mật.

Bây giờ, khi bảo vệ nhà máy, phủ vải bạt lên những chiếc máy, họ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cách mạng của mình, giúp Chính phủ thực hiện chính sách bảo vệ tất cả các nhà máy của đất nước, thi hành các điều khoản trong Hiệp định Genève.

Công nhân nhà máy Nam Định là một trong những đội quân chiến đấu của giai cấp công nhân Việt Nam. Đồng chí Nguyễn Văn Thông, người bí thư không thể thay thế của tổ chức Đảng Lao động nhà máy kể từ đầu cuộc kháng chiến, nói với chúng tôi:

- Bọn chủ đều biết, chúng đã gây ra bao nhiêu đau khổ cho công nhân. Chúng sợ là chúng tôi sẽ phá tan nhà máy. Còn bây giờ, - ông cười nói thêm - nghe bàn tán rằng, ngoài Hà Nội ông chủ nhà máy đang thu xếp quay về đây thôi. Thôi thì, cứ mặc ông ta đến, cứ cho nhà máy hoạt động - chúng tôi đã bảo vệ nó. Còn nếu ông ta không thích đến thì chính chúng tôi cũng biết cách cho nó hoạt động được, còn các nước bạn sẽ cung cấp nguyên liệu cho chúng tôi.

NAM ĐỊNH - KRASNODON⁽⁶³⁾

Những tường pháo đài và boong ke là cần thiết cho những tên thực dân – chúng tôi hiểu ra điều này khi được nghe câu chuyện cảm động về hoạt động bí mật ở Nam Định trong những năm kháng chiến. Nam Định cũng như thành phố Krasnodon – chủ đề cao cả của thiên truyện anh hùng. Khó truyền tải được sự vĩ đại của chiến công tập thể của những chiến sĩ hoạt động bí mật,

khó kể lại được tổ chức hoạt động bí mật đã lớn mạnh như thế nào qua từng năm, những con người dũng cảm đã ra đi như thế nào trong trận chiến không cân sức, đi vào chỗ chết vì sự tự do.

Lần đầu tiên bọn thực dân biết về hoạt động cách mạng bí mật là vào ngày mít tinh lớn do chúng tổ chức với sự có mặt của Tổng đốc bù nhìn Bắc Kỳ Nguyễn Hữu Trí. Những người hoạt động bí mật quyết định phá hỏng cuộc mít tinh này, và vào thời điểm trang nghiêm nhất, một quả bom được ném vào “Bàn thờ Tổ quốc” giết chết hai và làm bị thương 72 tên lính ngự. Người ném bom, anh Hoàng Mai Sinh 17 tuổi, đã kịp rút an toàn. Nhân dân Nam Định mừng vui, còn kẻ thù bắt đầu rối loạn tột độ.

Những người hoạt động bí mật được khích lệ bởi chiến công đầu tiên tiếp tục nhiệm vụ chiến đấu. Vào những ngày lễ của nước Cộng hòa, trên nóc nhà của các công sở và ban tham mưu Pháp cùng chính thể bù nhìn, những lá quốc kỳ nước Cộng hòa tung bay phấp phới, còn vào đêm ngày 1 tháng 5 năm 1949, trên đường phố trung tâm thành phố, đã dựng lên một khẩu hoàn môn lớn với các khẩu hiệu cách mạng và chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mãi vòm đứng suốt nửa ngày vì trên đó treo băng rôn cảnh báo rằng nó được gài mìn.

Năm 1952, những người hoạt động bí mật thực hiện cuộc tập kích táo bạo vào các doanh trại lính căn cứ ở ngay trung tâm thành phố. Hai đại đội lính bị tước khí giới trong đêm. Chúng bị áp tải lặng lẽ ra khỏi thành phố cùng tên chỉ huy trưởng của chúng – cũng là con nuôi của Thống chế Pháp De Lattre de Tassigny. Còn sau đó, suốt ba giờ đồng hồ, những dân công tình nguyện đã mang hết vũ khí và đạn dược từ các doanh trại đến căn cứ du kích ở ngoại thành.

Trận đánh vào tháng 3 năm 1953 cũng không kém phần táo bạo. Sau khi khử xong bọn lính gác, những người hoạt động bí mật xâm nhập vào học viện sĩ quan, tiêu diệt 200 tên sĩ quan, giải 700 tên về căn cứ du kích. Hàng nghìn nông dân bắt đầu khuân chiến lợi phẩm của trận đánh. Họ đã đem đi được hơn 1.000 khẩu súng trường, súng tiểu liên, đạn dược. Nhưng lần này, trong thành phố đã phát báo động và hai đại đội lính Pháp với hai xe tăng được phái tới từ những đồn bót chính. Một toán chiến đấu của những người hoạt động bí mật đã đối mặt với chúng. Họ bắn cháy cả hai chiếc xe tăng, đánh lui các toán quân địch và rút khỏi thành phố trên năm chiếc xe tải chiếm được mà chẳng mất một người nào trong cả trận đánh.

Cũng có cả những thất bại, những hy sinh. Anh Quang Lan – một trong những người lãnh đạo gan dạ nhất của hoạt động bí mật ở Nam Định vượt ngục, bị một đại đội lính Pháp truy đuổi. Những đồng chí yểm hộ cho cuộc vượt ngục của Lan bị bao vây đã chiến đấu đến quả lựu đạn cuối cùng và đã hy sinh, họ chỉ kịp viết lên tường: “Ồ đây, chúng tôi đã chiến đấu đến giọt máu cuối cùng. Tổ quốc trên hết! Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm!”

Những chiến công của những người hoạt động bí mật khích lệ nhân dân kháng chiến, gây nổi kinh hoàng trong các doanh trại kẻ thù. Chính quyền thực dân tăng cường đàn áp, tổ chức các vụ bắt bớ hàng loạt, nhưng hoạt động bí mật ở Nam Định càng vững mạnh hơn và tiếp tục nhiệm vụ chiến đấu.

Họ tiến hành trận đột kích vào sân bay địch, nơi quân đội Pháp và lính ngự đang tập trận. Trận đánh được chuẩn bị hết sức cẩn thận. Trận đánh bắt đầu lúc bình minh. Kết quả là tiêu diệt được 45 tên, bắt làm tù binh 35 tên lính và sĩ quan, còn phóng thích 400 lính ngự về thành phố sau khi nói chuyện sơ qua với chúng, hay như cách diễn đạt của anh Quang Lan – người tham gia cuộc tấn công kể cho chúng tôi về cảnh tượng này, là cảm hóa chúng. Bọn cướp của giết người của chính quyền Bảo Đại “được cảm hóa” lao về thành phố hét toáng: “Việt Minh tiến vào thành phố!” Trong sự rối loạn không tưởng tượng nổi, lũ sĩ quan Pháp rút quân hàm, chạy khỏi thành phố trên những chiếc xe Jeep, và mãi đến gần trưa, khi các máy bay được phái đi do thám không tìm thấy quân đội Việt Nam trong khu vực thành phố, cơn hoảng loạn mới lắng xuống.

Quang Lan chỉ 20 tuổi khi anh bắt đầu hoạt động cách mạng ở Nam Định. Anh là người tổ chức và tham gia chính của đa số các chiến dịch do Ủy ban hoạt động bí mật của Đảng Lao động lãnh đạo. Một lần anh bị bắt, một đồng chí không chịu nổi nhục hình đã khai ra anh. Bản thân Lan đã im lặng trong các cuộc thẩm vấn khủng khiếp, sau đó anh vượt ngục và tiếp tục đấu tranh.

Chúng tôi trò chuyện ngoài ban công của một trong những toà biệt thự được bao quanh bởi bê tông và dây thép gai. Tôi tìm trên gương mặt Lan những dấu hiệu của chủ nghĩa anh hùng, nhưng vô ích. Đó là một khuôn mặt bình thản, chất phác của chàng trai Việt Nam. Anh mặc bộ quần áo vải mỏng đã bạc thành màu trắng hồng. Chân trần xỏ trong đôi dép được làm từ lớp ô tô. Và, chỉ có một điều gây sự chú ý – anh không cười dù chỉ một lần trong suốt thời gian trò chuyện và cố tránh đặt hai tay của mình lên bàn với những ngón nhỏ bị những đồn tra tấn làm biến dạng.

- Anh đã xem bộ phim Liên Xô Đội cận vệ thanh niên chưa? - Tôi hỏi anh.

- Rồi - anh đáp - và tôi rất tiếc là mãi cuối năm ngoái chúng tôi mới được xem nó. Hẳn chúng tôi đã học hỏi được nhiều điều ở những anh chị em Xô Viết từ thành phố Krasnodon của chúng tôi.

- Bây giờ anh đang làm gì?

- Rất nhiều việc - Lan nói - chúng tôi vừa từ rừng về thành phố, cần phải ổn định cuộc sống bình thường, khôi phục nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá.

Lan nói: “Chúng tôi đã về thành phố!” Anh đâu có rời thành phố của mình, anh đã đứng vững đến cùng tại đây trong lòng địch. Đối với anh - “chúng tôi” là Quân đội Nhân dân, Đảng, nước Cộng hòa và anh, Quang Lan, người con trung thành và quả cảm của dân tộc Việt Nam.

NHỮNG THÀNH LŨY TRE VÙNG CHÂU THỎ

Chi có một bộ phận nhỏ người dân Nam Định bị chính quyền Pháp và bù nhìn bằng sự lừa dối và bạo lực sợ hãi về Hà Nội. Ví dụ, được phao tin rằng “Việt Minh” chuẩn bị một cuộc trưng phạt tàn khốc với tất cả những công chức trong các cơ quan của Pháp và Bảo Đại. Hàng nghìn công chức sẽ không có lương, mà điều này sẽ đồng nghĩa với sự phá sản của các thương nhân, chấm dứt toàn bộ hoạt động buôn bán. Những ai đi sợ hãi được trả trước hai tháng lương. Giờ đây, những người nghe theo sự khiêu khích này đã hiểu được sự lừa dối, họ trả lại tiền, quay về thành phố quê hương. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bảo vệ quyền bất khả xâm phạm của những cựu viên chức các cơ quan Pháp và Bảo Đại, sử dụng vào công việc. Những ai thực sự muốn làm việc trung thực với chính quyền mới, Chính phủ giữ nguyên tiền lương của họ. Những sĩ quan và binh lính trong quân đội Pháp và Bảo Đại sau khi đăng ký được giúp đỡ trở về quê quán hoặc được sử dụng theo năng lực, như mong muốn của họ.

Ngay trong những ngày đầu tiên sau khi giải phóng thành phố, việc đổi những đồng bạc của chế độ Bảo Đại sang đơn vị tiền tệ nước Cộng hòa đã được tiến hành. Tiền của nước Cộng hòa có in hình chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh. Việc đổi tiền nâng cao khả năng thanh toán của nhân dân, làm việc buôn bán và trao đổi hàng hóa giữa nông thôn và thành thị trở nên sống động hơn.

Chính sách của Chính phủ Cộng hòa liên quan đến các thành phố được giải phóng được người dân Hà Nội biết đến. Những phương sách sáng suốt của Chính phủ Cộng hòa làm hồng kế hoạch đưa hàng loạt người dân thủ đô đi di cư.

Công nhân Hà Nội bắt đầu cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại việc tháo dỡ và mang những trang thiết bị của các nhà máy quan trọng nhất đi, điều này là phạm pháp, đi ngược lại Hiệp định Genève. Cuộc đấu tranh có hình thức đa dạng nhất và chiến thắng trong phần lớn các trường hợp là công nhân và viên chức, những người bảo vệ tài sản của nhân dân. Sinh viên Hà Nội kiên quyết từ chối di cư vào Sài Gòn. An ninh thủ đô gửi tới Chủ tịch Hồ Chí Minh bức thư gồm 440 chữ ký, trong đó tuyên bố rằng, họ từ chối di cư và sẽ ở lại vị trí của mình.

Phía Pháp vi phạm một cách có hệ thống nhiều điều khoản trong Hiệp định ngừng bắn. Mới đây, đoàn đại biểu Pháp trong Ủy ban song phương đã buộc phải thừa nhận các sự kiện vi phạm này. Phía Pháp hứa tiếp nhận những biện pháp nhằm chấm dứt các vụ cướp bóc bạo lực và giết hại dân lành, đưa trở lại Hà Nội tất cả những gì bị chuyển đi trái phép, chuyển giao nguyên vẹn nhà máy điện và các xí nghiệp khác, bàn giao Hà Nội trong trạng thái nguyên vẹn.

Các trung tâm phong trào du kích trên vùng châu thổ là những “làng kháng chiến”. Lũ thực dân dồn hết các lực lượng càn quét vào những tâm điểm đấu tranh vũ trang này của nhân dân Việt Nam. Thế nhưng, máy bay, bom napalm, pháo binh, các tiểu đoàn bộ binh trở nên bất lực trong việc dập tắt ngọn lửa của cuộc đấu tranh giải phóng. Quân du kích cướp vũ khí, bắt tù binh, chuyển từ thế phòng thủ sang các chiến dịch tấn công chủ động.

Ở tỉnh Nam Định và tỉnh Thái Bình lân cận có vô số những làng như thế. Chúng tôi đi đến một làng trong số đó.

Đoạn đường đầu tiên, chúng tôi đi xe buýt. Đồng sắt vụn này được sơn màu xanh da trời, di chuyển một cách lạ kỳ trên hành tinh chúng ta. Xe nổ máy vút vù và lâu, kêu ken két mỗi khi đổi tốc độ. Trên những khúc cua gấp, còi tự nó bắt đầu rên rỉ, cả đồng sắt kêu gầm gào, cầu xin được về nghĩa địa, nhưng người du kích lái xe nhấn bàn chân lên trên pê đan một cách quyền lực, táo tợn và vui vẻ, với tốc độ kinh hoàng lái chiếc quan tài màu xanh kêu ầm ầm này.

Chúng tôi xuống xe mà thở phào nhẹ nhõm, cách không xa đồn Đồng Hạc của Pháp. Chúng tôi đi tiếp bằng xe đạp trên những con đường nhỏ hẹp giữa những đồng lúa. Chúng tôi thường hay xuống xe, sau đó lại lên xe đi. Đàng xa hiện ra một ngôi làng. Có một lão nông và một cô gái đeo súng tiểu liên đứng ở lối vào làng. Mặc dù đã hòa bình, dân làng vẫn còn coi mình là một đơn vị quân đội.

Tại thôn Cổ Khúc, huyện Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình đã phát triển phong trào du kích của toàn khu vực. Tiểu đội du kích đầu tiên xuất hiện trong thôn năm 1947, rất lâu trước khi giặc chiếm tỉnh Thái Bình. Năm 1949, nông dân bắt đầu xây dựng những công sự đầu tiên.

Bề ngoài, thôn vẫn giống bao thôn khác. Lũy tre xanh rậm rạp vây quanh nó. Và chỉ khi đến gần hơn mới nhận ra sau bụi cây này là bờ rào được kết bằng những cọc tre nhọn sắc. Đi qua cổng lớn và phía sau bức tường, chúng tôi nhìn thấy tuyến phòng thủ dày đặc – những hầm bắn súng, ổ súng máy, đường hào, các đường giao thông. Cứ cách 50 mét là có một hỏa điểm kiên cố được xây bằng gạch phủ lớp đất dày cỏ mọc kín.

Đón chúng tôi là bí thư nông hội Vũ Dậu – một thanh niên còn rất trẻ, chính là người tổ chức và chỉ huy đội du kích đầu tiên của thôn này, đại đội du kích đầu tiên được hình thành từ những bản cổ nông.

Chúng tôi xem xét hệ thống phức tạp của các công sự và các hỏa điểm kiên cố tạo nên tuyến phòng thủ của “làng kháng chiến”. Nhìn những công trình này, tôi nhớ lại cuộc nói chuyện với tướng De Castries. Ông ta nói về những “làng kháng chiến” trên vùng châu thổ, nói về hàng nghìn lính Pháp đã bỏ mạng bên bờ tường những pháo đài nông dân bằng tre này.

Vũ Dậu giới thiệu tôi với những nông dân, những chiến sĩ trú phòng của thôn Cổ Khúc. Đó là những người còn sống đã tham gia cuộc đấu tranh nhiều năm – những thanh niên, phụ nữ, cụ già chất phác và dễ mến. Chúng tôi ngồi trên những tấm chiếu trò chuyện dưới bóng mát của vườn chuối ở giữa thôn. Trên mâm là những nải chuối thơm, những khoanh dưa vàng. Dòng nước trong vắt mát rượi tuôn chảy vào cốc từ những quả dừa xù xì.

Hòa bình đã đến trên mảnh đất Việt Nam. Giành được nó là hàng triệu con người giống như những người đang trò chuyện với tôi, những con người bình dị, dũng cảm, bất khuất trong chiến đấu.

Họ kể với tôi, các du kích đã chiến đấu thế nào trong hậu phương của địch.

CƯ DÂN BIẾN MÁT TRONG LÒNG ĐẤT

Cuộc đấu tranh du kích trên vùng châu thổ rất gian khổ, trên núi và trong rừng tiến hành cuộc đấu tranh như vậy dễ dàng hơn. Còn nơi đây là đồng bằng vô tận, những cánh đồng rộng mênh

mông. Điều đó có lợi cho kẻ địch. Ở đây, chúng có thể sử dụng những đơn vị cơ giới, có thể bao vây du kích, tiêu diệt lực lượng của họ trong những trận đánh công khai.

- Khi chúng tôi còn yếu - Vũ Dậu nói - kẻ địch tiến hành càn quét bằng những tốp lính nhỏ. Muộn hơn, để chống lại quân du kích, lũ thực dân đã buộc phải điều động các lực lượng đến 20 tiểu đoàn bộ binh với sự yểm trợ của máy bay, hạm tàu đường sông, những đơn vị cơ giới và pháo binh có đến 40-50 khẩu. Một cuộc càn quét lớn thường kéo dài đến hai tháng. Mục đích của chiến dịch kiểu này là tiêu diệt lực lượng nòng cốt của chúng tôi, đánh tan các cơ sở kháng chiến. Khi kẻ thù phát hiện ra, chúng tôi tập trung lực lượng ở đâu trong hậu cứ của nó, thoát đầu chúng chiếm lấy những làng mạc xung quanh hòng xiết các tâm điểm kháng chiến trong vòng vây. Thình thoảng, chúng tôi buộc phải rút lực lượng chính ra khỏi vòng vây. Lúc đó thì chúng bắt đầu tàn sát dân chúng. Nhiều ngôi làng hoàn toàn bị quét khỏi mặt đất. Chúng giết dân làng, phá tan các công trình thủy lợi, hủy hoại mùa màng.

Tôi hỏi Vũ Dậu, họ đã phòng thủ bằng cách nào, khi địch tấn công họ bằng những lực lượng lớn.

- Đôi khi chúng tôi bỏ lại làng. Cố thủ mãi cho đến khi toàn bộ dân làng và lực lượng đủ khả năng sơ tán xong. Để làm được việc đó, chúng tôi có một hệ thống giao thông lớn trong lòng đất.

Anh mời chúng tôi tham quan hệ thống này. Dĩ nhiên, đây là điều đáng kinh ngạc nhất trong cuộc chiến đấu của “những làng kháng chiến” – các giao thông hào dài và những hầm trú ẩn dưới lòng đất mà ở đó tất cả dân làng có thể bất chợt “biến mất”.

- Giữa làng có bàn thờ tổ tiên không lớn. Các đồng chí hãy xem nhé!

Một lão nông tiến đến gần bàn thờ, rút một viên gạch ra và thò tay vào bên trong. Mò mãi trong đó rồi, ông đẩy vai – những viên đá xê dịch và tôi trông thấy lối vào đường hầm dưới lòng đất.

- Đường hầm này - Dậu nói - kéo dài dưới lòng đất ba kilômét. Lối ra khỏi hầm thẳng ra sông. Toàn bộ dân làng có thể rời làng bằng lối đi này.

Tôi được xem một trong những vũ khí phổ biến của cuộc đấu tranh du kích – đó là tấm ván có những móc treo sắt han gỉ nhô ra. Nó được đặt dưới các hầm chông trên đường.

Một tờ báo Pháp viết rằng, trong số 500 lính tham gia đi càn có 300 lính sa vào hầm chông và bị thương vì những chiếc móc hoen gỉ này.

Đôi khi các hầm chông lại rất lớn và dưới đáy nhô lên những cọc tre sắc nhọn.

- Người Pháp - Dậu cười - đã nghĩ ra phương pháp làm sao tránh khỏi những hầm chông. Chúng buộc vào ngang lưng một cây sào tre dài. Các bạn thử hình dung “khả năng chiến đấu” của đội quân càn quét với những cây sào tre buộc vào thắt lưng! Sau loạt súng máy đầu tiên của chúng tôi, bọn chúng bắt đầu chạy loạn lên một cách bất lực trên đường, chúng tôi bắn trực diện giết chúng hàng loạt như bắn gà con.

Kẻ thù khiếp sợ ngôi làng của chúng tôi. - Dậu tiếp tục câu chuyện của mình. - Tháng 2 năm 1952, chúng quyết định tiêu diệt chúng tôi. 500 lính Âu Phi tấn công vào làng. Chúng nhả vào làng 287 quả đại bác từ đồn trú; bốn máy bay – hai tiêm kích và hai ném bom – liên tục quần thảo trên đầu chúng tôi, bắn đại bác, ném bom. Chúng tôi cả thấy có hai trung đội, 16 khẩu súng trường và những trái lựu đạn. Và bất chấp điều đó, chúng tôi vẫn đánh lui hết các đợt tấn công, giữ vững làng. Một lần, có mấy tiểu đoàn dưới sự yểm trợ của không quân và pháo binh lại tấn công chúng tôi. Tất cả dân làng tham gia trận đánh. Lần này, chúng đã chiếm được làng. Chúng ở đây được hai tháng, đốt cháy 300 ngôi nhà, bắn chết 10 người, bắt đi 30 cô gái.

“CHIẾN CÔNG CỦA NHÂN DÂN LIÊN XÔ KHÍCH LỆ CHÚNG TÔI”

Dân làng không chỉ chiến đấu ở đây, bên ngưỡng cửa nhà mình. Ông Nguyễn Chiêm luống tuổi, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, kể chuyện trong những năm chiến tranh người dân đã giúp đỡ Chính phủ Cộng hòa như thế nào:

- Tính từ đầu cuộc kháng chiến, hơn một phần ba dân làng chúng tôi tình nguyện đi dân công lên phía Bắc, đến cả tận Điện Biên Phủ. Chỉ riêng năm 1954, có 60 thanh niên của chúng tôi gia nhập Quân đội Nhân dân. Qua những năm kháng chiến, 90% dân làng đã biết chữ, còn trước Cách mạng tháng Tám chỗ chúng tôi hầu như không có người biết chữ. Hiện giờ có 200 trẻ em đang đi học. Trong làng có 52 đảng viên Đảng Lao động không kể những người hiện đang trong quân ngũ và những người đã trở thành cán bộ nòng cốt của tỉnh và huyện.

Im lặng giây lát, Nguyễn Chiêm nói:

- Trong những giây phút khó khăn ở dưới hầm, người dân chúng tôi suy nghĩ và nói với nhau về chiến công vẻ vang của nhân dân Liên Xô, về chủ nghĩa anh hùng vĩ đại của anh chị em Xô Viết chúng tôi, những người đã chiến đấu vì hạnh phúc của toàn nhân loại trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít.

Chúng tôi chiến đấu trong vùng sâu hậu phương địch, nhưng thường xuyên nhận được báo. Chúng tôi biết nhân dân Liên Xô và nhân dân các nước dân chủ đang dõi theo cuộc đấu tranh của chúng tôi. Chúng tôi muốn xứng đáng với tình cảm vĩ đại này. Chúng tôi tự hào rằng chúng tôi là những chiến sĩ của phe hòa bình và dân chủ vĩ đại.

- Bây giờ, dân làng các anh làm gì trong những ngày hòa bình? - Tôi hỏi.

- Nhiệm vụ chính của chúng tôi hiện nay là tăng cường sản xuất lúa gạo. Tổng diện tích đất đai của chúng tôi hiện là 600 mẫu, trong đó 450 mẫu là của địa chủ. Sắp tới chúng tôi sẽ bắt đầu tiến hành cải cách ruộng đất, sẽ đấu tranh để đất nước chúng tôi trở nên giàu mạnh.

Biết bao nhiêu sự quá cảm, niềm tin vào lẽ phải của công việc mình làm đã có trong quyết tâm đứng vững đến cùng ở đây, tại thành trì bằng tre bằng đất này! Cách cái đồn với những khẩu đại bác hạng nặng năm kilômét, cách những sân bay ở Hà Nội mấy chục cây số, ngôi làng nhỏ đã chiến đấu, đứng vững và chiến thắng!

HOÀNG ĐẾ ĐÌNH TIÊN HOÀNG – NGƯỜI ĐẦU TIÊN THỐNG NHẤT CÁC VÙNG ĐẤT VIỆT NAM

Chúng tôi quay về Nam Định lúc chiều tối. Trên các đường bờ sông và các quảng trường rực sáng những dãy đèn. Những tấm biển quảng cáo của rạp trình chiếu những bộ phim của Liên Xô và Trung Quốc được chiếu sáng. Những ngọn đèn nhỏ sáng bừng trên các cửa hàng, tiệm ăn nhỏ, nơi tỏa ra mùi thơm của món canh Việt Nam được nêm thoải mái đủ các thứ gia vị. Đèn sáng trên các giá trưng bày những tờ báo và tập san mới của Thông tấn xã Việt Nam. Tất cả dân chúng đổ ra đường phố, những khu vườn hoa nhỏ được trang hoàng.

Ngay tối hôm ấy, chúng tôi rời Nam Định. Mười giờ tối, chúng tôi chia tay Mai Lộc trên đường bờ sông. Giờ đây, chúng tôi sẽ gặp anh ở ngay cửa ngõ Hà Nội. Một tình bạn lớn đã gắn bó tôi với nhiều đồng chí Việt Nam. Chia tay Mai Lộc, tôi cảm nhận được điều đó một cách đặc biệt sâu sắc.

Chiếc ca nô từ từ rời bến, và với chiếc máy nổ kêu lạch xạch, nó chạy ngược dòng, trên dải đường nhỏ lấp lánh bạc bởi ánh trăng. Những ánh lửa của Nam Định, thành phố anh hùng từ từ lùi xa dần.

Nằm trên chiếu trải mặt sàn ca nô, chúng tôi mãi không ngủ được, khi ngắm đồng bằng đang

thiếp ngủ ngập tràn ánh trăng mà phía trên nó trải rộng vòm trời sao của vùng nhiệt đới.

Lúc bình minh, chúng tôi cập bến và cầm máy quay phim đi bộ qua mấy kilômét để quay một trong những di tích lịch sử tráng lệ của Việt Nam – đền thờ Hoàng đế Đinh Tiên Hoàng. Đền này được xây dựng vào thế kỷ thứ X. Ngôi đền được bảo quản tốt. Hoàng đế Đinh Tiên Hoàng xuất thân từ dân thường. Ông là người đầu tiên thống nhất các vùng đất Việt Nam lại thành một quốc gia thống nhất. Việt Nam thời bấy giờ bị chia thành 12 sứ quân thù địch nhau. Chinh phục xong, Đinh Tiên Hoàng đã hợp nhất chúng lại. Để ghi nhớ sự kiện Việt Nam trở thành một quốc gia hùng mạnh, ở đây, tại nơi có thời vốn là cố đô của Việt Nam, ông cho xây dựng ngôi đền này. Chúng tôi quay những tác phẩm điêu khắc cổ xưa – các tượng sư tử và rồng được đục đẽo từ những tảng đá nguyên khối. Chúng tôi quay những lăng mộ có trang trí hoa văn – tác phẩm của các nhà điêu khắc và họa sĩ của Việt Nam cổ.

Chúng tôi tiếp tục bơi ngược lên thượng nguồn. Dọc đường, chúng tôi quay ngư dân, người chèo thuyền, làng xóm ven bờ, những chiếc bè, hàng dãy đò đang đi dưới những cánh buồm giống như cánh dơi.

Tại thị trấn Nho Quan, ô tô phải chờ chúng tôi. Khoa lo lắng. Chúng tôi sẽ tìm chúng ở đâu đây?! Nhờ may mắn ngẫu nhiên, khi chiếc ca nô chậm chậm đi tới bến, người đầu tiên mà chúng tôi trông thấy là anh Phùng – người lái xe Jeep của chúng tôi. Thấy chúng tôi, anh ta reo lên mừng vui lao đến gặp và ngay sau đó đã chạy đi lấy xe. Trong lúc chúng tôi dỡ mấy móc xuống, chiếc xe Jeep và chiếc xe tải đã tiến lại gần bến.

HÀ NỘI ĐẤU TRANH ĐỂ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH GENÈVE

Chúng tôi đi lên phía Bắc. Cũng như thời gian còn chiến tranh, chúng tôi nghỉ lại trên đường trong các quán hàng nhỏ, chỉ khác là bây giờ đi giữa ban ngày. Ở một số quán hàng vẫn còn các biển đề: “Ăn, trọ, có hầm trú ẩn.” Các chiến sĩ quân đội còn mang những lưới ngụy trang bằng các túm vải dù chiến lợi phẩm màu xanh trên mũ.

Ở một bến phà, chúng tôi gặp đồng chí Khatgi. Anh báo cho chúng tôi hay là ở gần thị xã Tuyên Quang mới dựng một trại lớn tập trung hơn 1.500 tù binh để trao trả về đất nước họ. Tuyên Quang nằm trên đường đi của chúng tôi. Khatgi chỉ cho chúng tôi làm thế nào để tìm thấy chỗ ở mới của chị Kami.

- Cô ấy vẫn chưa quên cách pha cà phê đâu. - Anh nói.

Giờ đây, khi chúng tôi đi trên các con đường Việt Bắc hòa bình, hình như không ai phản khởi bằng những người lái xe vì chiến tranh đã kết thúc. Những người lái xe Việt Nam thích cho xe chạy nhanh và hầu như tất cả bọn họ đều quen biết nhau. Phùng nhận ra bạn bè và vừa cho xe chạy vừa kịp hét lên chào hỏi người lái xe tải âm âm chạy ngược đường.

Thị xã Tuyên Quang ngập trong rừng cò – cò đỏ của nước Cộng hoà và cò xanh với con chim bồ câu trắng hòa bình. Giữa đám người vui vẻ trên đường phố có nhiều tù binh. Có thể gặp họ trong các quán hàng nước, ở ngã tư đường, họ trò chuyện với dân chúng.

Trại tù binh lớn đặt ở ngay giữa thị xã. Ở đó cũng được trang hoàng bằng những tấm vải xanh có chim bồ câu trắng và những băng khẩu hiệu chào mừng hòa bình. Ở bãi rộng có dựng một sân khấu lớn.

Lê Hòa đón chúng tôi ở gần ban quản lý trại.

- Sáng mai - anh báo cho chúng tôi - một đợt 300 người sẽ được trao trả. Nếu muốn các đồng chí có thể quay phim.

Với sự giúp đỡ của anh, chúng tôi tìm ra căn nhà nhỏ của Khatgi. Chị Kami nhỏ nhắn hồi hả chạy xuống bếp và lát sau trên bàn xuất hiện những tách cà phê trừ danh, còn chiếc đài của Khatgi bắt sóng Sài Gòn lên tiếng rề rề phát một bài nhạc jazz của Pháp.

Vân dịch cho tôi nghe thông báo của đài phát thanh Bảo Đại từ Hà Nội. Phát thanh viên tiên đoán về những cuộc tàn sát dã man của Việt Minh tại các thành phố người Pháp sắp rời bỏ. Đài phát thanh Bảo Đại nói về cuộc di cư ồ ạt dân chúng từ Hà Nội vào Nam. Trong số 385.000 dân Hà Nội - phát thanh viên nói, - đã có 200.000 người bày tỏ nguyện vọng di cư..." Vân lắc đầu: "Quân lừa bịp trơ tráo!..."

Những người chạy khỏi Hà Nội nói khác hẳn – người dân thủ đô kháng cự ngày một quyết liệt việc cưỡng ép di cư. Mỗi ngày có hàng trăm người Hà Nội chạy ra các vùng giải phóng. Trong số đó có đủ mọi tầng lớp người – công nhân, viên chức các cơ quan Pháp và bọn bù nhìn, các giám đốc nhà máy công xưởng, kỹ sư, thầy giáo, những người làm nghệ thuật. Ở Hà Nội bây giờ người ta bảo: "80 năm nô lệ thực dân không nặng nề bằng 80 ngày chờ đợi này."

Thủ đô mở rộng cuộc đấu tranh chống sơ tán các xí nghiệp công nghiệp một cách bất hợp pháp, đi ngược lại Hiệp định Genève. Cuộc đấu tranh có các hình thức khác nhau: Thay vì các thiết bị, công nhân đóng vào hòm gỗ nào đó, nào gạch, còn máy móc đem chôn vùi cả xuống đất. Những người lái xe phá hỏng các xe vận tải hoặc làm ra bộ thi hành mệnh lệnh đánh các đoàn xe vận tải đi theo con đường khác và đưa cả về cho Quân đội Nhân dân sử dụng. Công nhân đường sắt phá hỏng đầu máy.

Nhân dân Hà Nội thành lập các tổ chức giữ gìn an ninh và đấu tranh với bọn trộm cướp và giết người. Tối tối, trước cửa nhà, người ta treo đèn điện soi tỏ phố, các tổ tự vệ căn cứ vào đó mà đi tuần phòng.

TRẦN DUY HUNG – “THỊ TRƯỞNG” HÀ NỘI

Theo Hiệp định Genève, ngày 9 tháng 10, quân đội Pháp hoàn toàn rời bỏ các khu vực Hà Nội. Ủy ban hỗn hợp đại diện của Bộ chỉ huy Quân đội Nhân dân và các lực lượng quân sự của khối Liên hiệp Pháp đang soạn thảo chương trình tiếp quản Hà Nội.

Những người làm công tác điện ảnh Xô Viết chúng tôi gửi đến Ủy ban hỗn hợp xin phép được vào Hà Nội vài ngày trước khi Quân đội Nhân dân tiến vào tiếp quản. Không được trả lời. Tại Ủy ban quân quản tiếp quản Hà Nội, chúng tôi được thông báo tỉ mỉ về kế hoạch giải phóng Thủ đô. Chúng tôi soạn thảo chương trình quay phim phù hợp với kế hoạch này.

Buổi sáng, Mukhin quay cảnh trao trả một đợt tù binh. Rất đông nhân dân Tuyên Quang đến tiễn đưa họ. Họ mang theo những làn chuối, dứa, thân mật chuyện trò với những người tù binh, chúc họ may mắn trở về quê hương, với gia đình họ. Buổi tối, chúng tôi đến địa điểm Ủy ban quân quản tiếp quản Hà Nội. Tướng Vương Thừa Vũ – chỉ huy Đại đoàn 308, người mà chúng tôi đã được làm quen vào ngày tổng tấn công pháo đài Pháp, được cử làm Chủ tịch Ủy ban. Chúng tôi không gặp được ông. Ông được gọi lên Chính phủ. Chúng tôi được Phó Chủ tịch Ủy ban Trần Duy Hưng tiếp.

Từ những ngày đầu Cách mạng tháng Tám đến khi rời bỏ Thủ đô, ông Trần Duy Hưng là “thị trưởng” Hà Nội - Chủ tịch Ủy ban hành chính. Nguyên là một bác sĩ nhi khoa nổi tiếng, một trí thức tiến bộ, ông đã gắn bó cuộc đời mình với cuộc đấu tranh cách mạng. Những năm tháng chiến tranh đã trôi qua không phí uổng. Sự mệt mỏi hẳn rõ trên gương mặt ốm đau vàng vọt bởi bệnh sốt rét với cặp mắt cận thị, đám râu cằm lưa thưa và nụ cười hiền hậu. Tôi cứ hình dung hoài hình ảnh ông khám bệnh cho em nhỏ dịu dàng nhìn qua cặp mực kính dày của mình.

Mở rộng tám bản đồ thủ đô có những ô vuông chỉ màu vạch đỏ, bằng giọng nhỏ nhẹ, ông giải thích cho tôi nghe kế hoạch tiếp quản thành phố, nói cho hay về những đặc điểm lịch sử, địa lý và xã hội của Hà Nội – thủ đô cổ kính của Việt Nam, 80 năm dưới ách đô hộ của bọn thực dân xâm

lược và lũ tay sai của chúng.

- Kế hoạch tiếp quản thủ đô và tiến quân của Quân đội Nhân dân vào thành phố còn được cụ thể thêm. - Ông nói. - Chuyện rất phức tạp. Lần đầu tiên trong lịch sử, trong các điều kiện hòa bình diễn ra một cuộc chuyển giao giữa hai quân đội một thành phố lớn như vậy, ở thủ đô một nước. Hiệp định Genève đã quy định những nét chung về hình thức tiếp quản thành phố. Ngày 8 tháng 10, quân đội Pháp di chuyển đến ven đô. Ngày 9 tháng 10, họ sẽ cuốn sạch khỏi Hà Nội, Quân đội Nhân dân sẽ long trọng tiến vào thành phố.

- Trong cuộc thảo luận các chi tiết tại Ủy ban hỗn hợp không khỏi có những chuyện ngộ nghĩnh, ông Trần Duy Hưng vừa nói vừa cười. - Người Pháp đề nghị cảnh sát của chúng tôi vào Hà Nội trước các đơn vị quân đội, không được mang băng đỏ, mà mang băng xanh: “Theo các ông màu xanh có ý nghĩa như thế nào?” - Chúng tôi hỏi họ. - “Màu của hy vọng và hòa bình”. “Tại sao lại là màu của hy vọng?! Vậy thì, nếu các ông không phản đối, trên tấm băng cho gắn thêm chim bồ câu của Picasso.” Người Pháp dứt khoát phản đối điều này.

Họ đặc biệt đề nghị cảnh sát của chúng tôi không đeo huy hiệu Điện Biên Phủ trên ngực. Họ rất quan tâm về việc chúng tôi sẽ tiến vào thành phố trên những chiếc xe chiến lợi phẩm và mỗi chiếc xe sẽ đều có chữ đề: “Chiến lợi phẩm ở Điện Biên Phủ.”

“CHÚNG TÔI SẼ LÀM CHO HÀ NỘI TRỞ THÀNH BÓ ĐUỐC TỰ DO VÀ CÔNG LÝ”

Trụ sở Ủy ban quân quản tiếp quản thủ đô Hà Nội là một khu xóm trái rộng. Tại đây, các cán bộ của các cơ quan chính phủ tham dự một lớp học giống một lớp tập huấn toàn diện. Những người họp mặt ở đây ngay những giờ phút đầu tiên sau khi Quân đội Nhân dân vào tiếp quản sẽ nhận các vị trí lãnh đạo ở các cơ quan khác nhau, thay thế những viên chức chính quyền Bảo Đại bỏ chạy khỏi thủ đô. Chính quyền mới ngay lập tức phải bảo đảm cho dân chúng thủ đô một cuộc sống bình thường, bấy lâu đã bị bọn thực dân và chính quyền bù nhìn phá hoại. Hôm nay, đồng chí Phạm Văn Đồng sẽ phát biểu trước lớp cán bộ này.

Vào buổi tối hôm ấy, lần đầu tiên chúng tôi gặp đồng chí Phạm Văn Đồng. Ở Việt Nam trông đồng chí không như ở Genève. Đồng chí không mặc bộ com lê đen mà chúng tôi đã được thấy trong cuốn phim thời sự về Hội nghị Genève. Chân đi dép cao su, quần nâu, áo sáng-đay đen. Trên gương mặt xương xương là cặp mắt to thông minh, cặp môi đưa ra, mở rộng một nụ cười có sức lôi cuốn, giọng nói mềm mại. Đồng chí bị cảm, húng hắng ho. Đồng chí quấn chiếc khăn len quanh cổ.

Các cán bộ hết sức chăm chú nghe bài nói chuyện hai tiếng đồng hồ của đồng chí. Đồng chí nói về Hà Nội – thủ đô cổ kính ở Việt Nam, trung tâm chính trị văn hóa của đất nước.

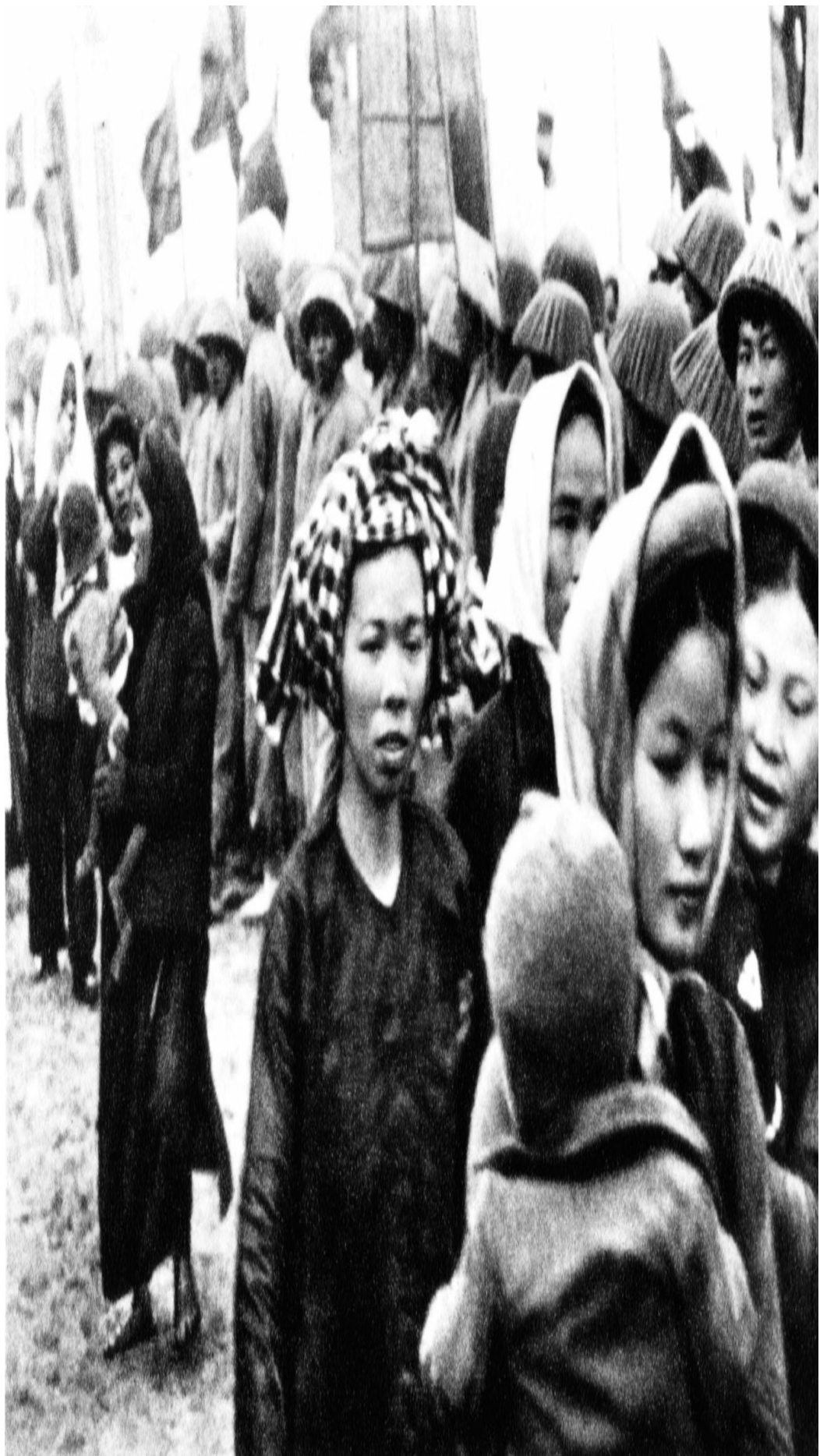
- Hà Nội nổi tiếng bởi những câu chuyện xúc động về lịch sử anh hùng, bởi những truyền thống cô kính của mình. Tên cũ của nó là Thăng Long – con rồng bay lên. Chính tại Hà Nội đã nảy sinh ra phong trào cách mạng. Tại Hà Nội đã công bố thành lập nước Cộng hoà dân chủ. Cuộc kháng chiến toàn quốc cũng bắt đầu tại Hà Nội.



Người lính Trung đoàn Thủ đô



**Tôi đâu dám mơ ước số phận sẽ cho tôi gặp con người huyền thoại –
Hoàng thân Souphanouvong?**



**Người dân miền Nam Việt Nam, bị chia cắt với lãnh thổ miền Bắc bởi vĩ tuyến 17, đang phải
hứng chịu sự khùng bố tàn khốc.**



Từ “Hòa bình” và “Chiến thắng” vang lên trong những đám đông hân hoan tràn ngập quảng trường của các thành phố tự do.



Đồng chí Hồ Chí Minh



Chị du kích Việt Nam

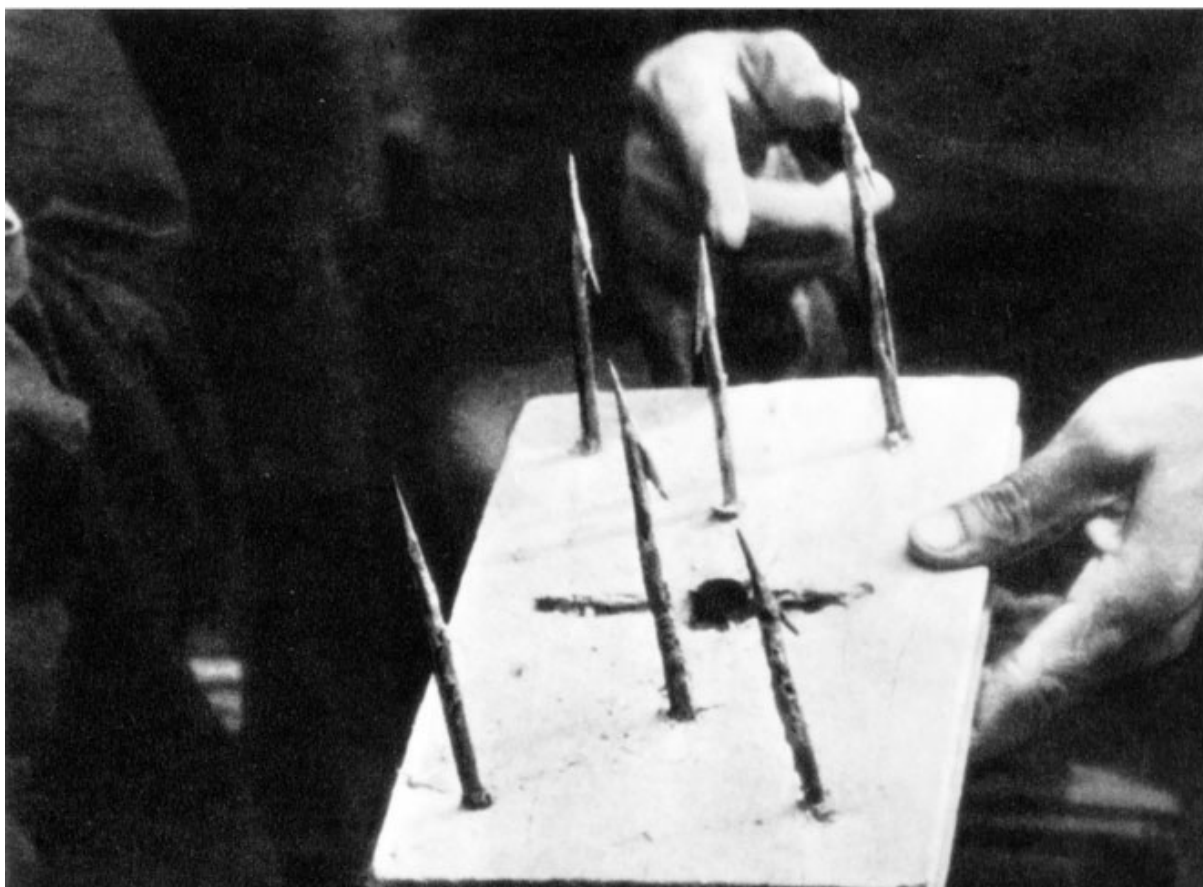


Anh du kích Việt Nam



Vũ khí phổ biến của cuộc đấu tranh du kích.

Tấm ván nhô ra những chiếc đinh han gỉ.





Các đội tuần tra lính Pháp vũ trang đi trên những con đường hoang vắng.

Ngã tư nào cũng có lính quân cảnh.





Thành phố trong thời chiến, người dân bị cấm ra khỏi nhà.



Trung đoàn Thủ đô tiến vào Hà Nội từ phía Tây.



Quân đội Nhân dân trên đường phố của Hà Nội tự do.

Dòng người di cư đi về phía cầu qua sông Hồng.

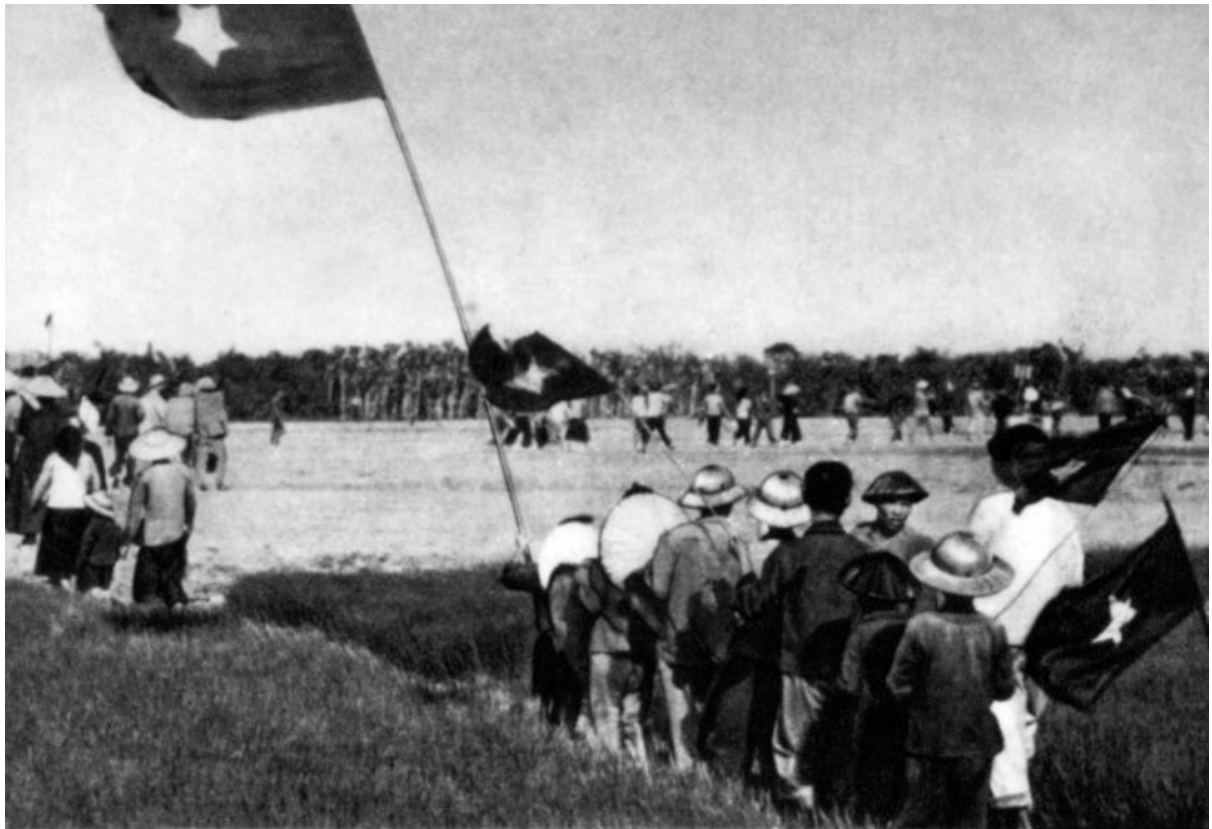




Họ chiến thắng cuộc chiến, vì họ căm thù nó.

Cuộc đấu tranh có những hình thức đa dạng nhất và chiến thắng trong phần lớn các trường hợp là cuộc đấu tranh của công nhân.





Người dân ra đồng chia đất như đi dự ngày hội vui vẻ.

Lần đầu tiên các trường học ở Hà Nội được tự do bắt đầu giờ học.





Người sáng lập ra những nhà máy ở trong rừng – kỹ sư Trần Đại Nghĩa.

14 triệu người đã bắt đầu biết đọc, biết viết sau Cách mạng tháng Tám.





Lá cờ của nước Cộng hòa tung bay trên Tháp Rùa ở giữa hồ Hoàn Kiếm.

Trong thời gian chiếm đóng, bọn xâm lược không dám tuyên bố Hà Nội là thủ đô của chính phủ bù nhìn. Chúng buộc phải thiết lập trung tâm chính trị của mình ở thành phố thứ yếu là Đà Nẵng. Chúng sợ nhân dân Hà Nội, sợ các truyền thống cách mạng lâu đời của thành phố này.

Hà Nội ngay trong thời kỳ bị chiếm đóng cũng vẫn là thủ đô của chúng ta và sẽ là thủ đô của chúng ta!

Chúng ta sẽ làm cho thành phố đẹp nhất của đất nước sẽ còn đẹp hơn nữa! Chúng ta sẽ tẩy rửa những vết đen do bọn thực dân và bè lũ tay sai của chúng để lại trên thành phố, sẽ làm cho Hà Nội thành ngọn đuốc của tự do và công lý chói ngời cho các dân tộc và các nước Đông Nam Á!

NHỮNG ÁNH LỬA CỦA ĐÊM HÀ NỘI

Bây giờ, trước mắt chúng tôi, một nhiệm vụ chủ yếu là quay cảnh Quân đội Nhân dân tiến vào Hà Nội. Chúng tôi liên lạc bằng điện thoại với Eshurin. Anh ấy cũng đã hoàn thành công việc quay ở Khu Bốn. Dù sao đi nữa anh ấy cũng đã đạt được mục đích của mình – quay hồ, voi và thậm chí cả con trăn khổng lồ dài bốn mét. Chúng tôi sẽ gặp nhau tại khu vực Hà Đông – một thị xã nhỏ cách thủ đô 20 cây số về phía Tây. Ủy ban quân quản tiếp quản Hà Nội cũng đã chuyển tới đây.

Cho đến nay, chính quyền Pháp vẫn không cho chúng tôi giấy phép vào Hà Nội. Buộc phải thỉnh cầu đến ông Chủ tịch Ủy ban quốc tế kiểm soát ở Việt Nam. Khoa đã chuyển cơ sở của mình từ trong rừng về thị xã Thái Nguyên. Từ Thái Nguyên về thị xã Hà Đông là 270 cây số, trong đó có 170 cây số đi trong các vùng mới giải phóng. Gần một cái bốt, tôi thấy thích thú với phong cảnh chung quanh, bèn ra khỏi xe chạy lên gò đồi. Tôi đứng sững lại bởi tiếng gọi giết giọng của Thi(64) đi trên chiếc xe khác vừa chạy đến sau. Một thái độ nghiêm khắc khác thường đối với bản tính của anh, anh nhảy ra khỏi xe, thô bạo chụp lấy tay tôi kéo về phía mình và đưa tôi đến tấm biển tôi vừa chạy qua. Trên tấm biển có một chữ đề ngắn gọn nhưng đầy thuyết phục: “Mìn!”

Chúng tôi đang đi những cây số cuối cùng trên con đường Hà Nội - Sài Gòn – tuyến đường xuyên suốt Đông Dương rải nhựa rất tốt. Đoạn đường này gần Hà Nội không bị du kích phá hủy, vì có các lực lượng cơ giới mạnh của Pháp bảo vệ. Trên cột mốc cây số là con số 19. Chúng tôi dừng lại khi trời tối.

Trên đường, xe cộ tập trung rất đông. Tại đây, cửa ngõ Hà Nội, đã có nhiều cơ quan kết thúc hoạt động của mình trong rừng giờ đổ về đây. Tất cả các làng nằm trong khu vực này có không khí nhộn nhịp khác thường. Nhân dân địa phương vui vẻ nhường nhà của mình cho những con người mệt nhọc đi xe hoặc cưỡi bộ từ rừng núi Việt Bắc về tới đây. Tám năm về trước họ đã rời Hà Nội, còn bây giờ họ đã có mặt tại đây, sát kề thủ đô. Mắt nhìn không chớp về phía ánh đèn phản chiếu phía chân trời đầy sao. Không còn phải tính tháng, mà tính ngày, tính giờ còn lại đến cái buổi sáng tươi đẹp ngày 9 tháng 10.

Trong bóng tối, theo con đường đi qua cánh đồng lúa, Khoa dẫn chúng tôi vào làng nghỉ đêm, Hội Văn nghệ đã từng ở đây. Nhà văn Nguyễn Tuân đang đêm bị đánh thức dậy, ra đón chúng tôi. Hai tháng trước đây, tiễn chân chúng tôi trong rừng cây tràn đầy ánh trăng, khi chia tay anh đã bảo:

- Hẹn gặp ở Hà Nội!

Chúng tôi dừng lại ở rìa làng. Tôi im lặng nắm chặt tay Thi đứng bên cạnh tôi. Dường như bị trúng bùa mê, anh đứng ngây nhìn đèn điện của thủ đô.

Có người từ đằng sau đặt tay lên vai tôi. Ngoảnh lại, hóa ra là Volodia Eshurin!



BỘ CHỈ HUY PHÁP CHO PHÉP CÁC NHÀ ĐIỆN ẢNH XÔ VIẾT VÀO HÀ NỘI

Buổi sáng, chúng tôi cùng với một nhóm nhà báo Việt Nam đến thăm Ủy ban quân quản. Bên cạnh ngôi nhà gỗ trụ sở của bộ máy Ủy ban, không khí nhộn nhịp khác thường. Xe ô tô các nơi đổ đến, các liên lạc viên phóng xe tỏa đi, ngoài sân máy chữ mô lách cách, chuông điện thoại chốc chốc lại reo. Chúng tôi gặp lại đồng chí Trần Duy Hưng, Phó Chủ tịch Ủy ban. Trông ông rất mệt mỏi. Rõ ràng, ông đã không được ngủ liên mấy đêm rồi.

Ông kể tỉ mỉ về Hà Nội đang chờ đợi Quân đội Nhân dân tiến vào. Hóa ra hàng nghìn người đang tràn ngập tại các làng chung quanh đây không chỉ là những người từ Việt Bắc trở về, mà cả nhiều người từ Hà Nội tới. Nhân dân thủ đô, vượt qua các bốt canh của Pháp, tìm tới gặp những người giải phóng để được nghe sự thật về chính sách của Chính phủ, tận mắt nhìn thấy cuộc sống ở các vùng giải phóng và sau đó trở về kể lại những điều mắt thấy và tai nghe cho hàng trăm người khác bị bộ máy tuyên truyền giả dối của địch đầu độc, những người đang dao động, lo lắng về số phận của mình.

- Những người đến đây thuộc đủ mọi tầng lớp khác nhau - đồng chí Trần Duy Hưng nói - đồng đến nỗi chúng tôi buộc phải thể theo nguyện vọng của họ, tổ chức một số cuộc đại loại như một lớp học để giải thích chính sách của chúng tôi.

Tại đây, họ hiểu rằng những lời đồn đại lan truyền về việc tổng giam vào tù, hoặc đưa đi lên rừng Việt Bắc để cải tạo tất cả các quan chức nhân viên cũ chỉ là trò khiêu khích độc địa. Bọn địch tung tin rằng ở Hà Nội cấm con gái mặc áo dài hoa và bắt cắt tóc ngắn, rằng học sinh và công nhân không từ một ai, đều bị đưa đi làm đường, rằng sẽ đánh thuế những người có tín ngưỡng, các cha cố, sư sãi tống cả vào nhà giam, tất cả hàng hoá của dân buôn đều bị tịch thu... Kẻ địch còn bịa ra biết bao nhiêu chuyện hoang đường khác để thực hiện mục đích chủ yếu của chúng – di cư thật nhiều người vào Nam!

Đồng chí Hưng cười, kể về một viên chức cao cấp từ Hà Nội đến, trước đó đã chia tay với vợ, mang theo hai bộ quần áo. Người đó thưa rằng: “Tôi đã quyết định sẽ ngồi tù hai năm hoặc đi cải tạo trong rừng. Nhưng dù sao đi nữa thì tôi cũng được ở lại trên đất quê hương! Điều đó còn hơn là ra đi mà không biết đi đâu!”

- Thế bây giờ người đó ra sao? - Chúng tôi hỏi.

Đồng chí Hưng mỉm cười:

- Đã nhận chức trách công tác theo chuyên môn, mang hai bộ quần áo trở về Hà Nội rồi. Một cán bộ rất hữu ích và rõ là một người trung thực.

Kế hoạch di cư dân Hà Nội hoàn toàn thất bại. Bọn chiếm đóng dự tính đưa khỏi Hà Nội 200.000 người. Bằng dọa nạt và cưỡng bức, chúng đưa đi được 8.500 người. Còn 380.000 người đang nóng lòng chờ đợi Quân đội Nhân dân. Không có gia đình nào ở Hà Nội lại không chuẩn bị sẵn cơm và hoa, quần áo mới cho ngày hội sắp tới này.

Ngày 9 tháng 10, qua năm cửa ô lịch sử của thủ đô, Quân đội Nhân dân Việt Nam sẽ vào Hà Nội, nơi đang chuẩn bị nồng nhiệt đón những người giải phóng của mình. Vào ngày hôm đó, hồi 16 giờ 30, tên lính Pháp cuối cùng sẽ đi khỏi Hà Nội qua cầu bắc ngang sông Hồng⁽⁶⁵⁾.

Trước cái ngày lớn lao đó, các nhà điện ảnh Xô Viết và Việt Nam đã tề tựu cả. Mai Lộc có đôi gò má cao, tính tình sôi nổi, Hồng Nghi kín đáo, Tiến Lợi – con người không biết mệt, đã quay trận Điện Biên Phủ từ ngày đầu cho đến giờ chốt, nhà quay phim Quang Huy – tác giả của tình tiết trận nô tàu. Chúng tôi kiểm tra đi kiểm tra lại không biết bao nhiêu lần các máy móc thiết bị của mình. Chúng tôi chờ đợi.

Buổi tối ngày 7 tháng 10, cuối cùng chúng tôi được báo tin rằng chúng tôi, ba nhà điện ảnh Xô Viết và các đồng nghiệp Việt Nam của chúng tôi đã được đặc cách ở bên cạnh Ủy ban Quốc tế. Ủy ban này yêu cầu chính quyền quân sự Pháp cho chúng tôi vào Hà Nội. Khoa trao cho chúng tôi mỗi người một giấy chứng nhận của Ủy ban Quốc tế.

Đến khuya, Khoa lại từ Ủy ban hỗn hợp trở về – đã nhận được giấy phép vào Hà Nội của Bộ chỉ huy quân sự Pháp. Một tờ giấy trắng “Laisser passer” do đại tá De Vinter chỉ huy vùng chiến thuật Hà Nội ký, cho phép vượt tuyến ngăn cách quân đội hai bên và tự do đi lại trong Hà Nội trong tình trạng thiết quân luật theo lệnh người Pháp.

KHÁCH SẠN LE SPLENDIDE

Còn chưa rạng sáng, chúng tôi đã rời căn nhà nông dân, nơi chúng tôi vừa trải qua những giờ phút cuối ấy. Tâm trạng phấn chấn hồi hộp. Trờ dậy sớm hơn tất cả mọi người, Eshurin đã đi đi lại lại trong sân được mấy cây số rồi, hai tay chấp sau lưng.

Chúng tôi lên đường. Chúng tôi ra đường quốc lộ, xe ô tô đã chờ sẵn. Đúng bảy giờ, một chiếc xe Jeep cầm hai lá cờ – cờ Việt Nam và cờ Pháp chạy đến. Từ trên xe bước xuống là một sĩ quan trẻ Việt Nam và một đại úy Pháp đội kêpi đỏ có tua vàng. Anh ta chào hỏi với thái độ niềm nở vui vẻ của một người Pháp.

Xúc động hơn cả là Thi. Vẻ mặt vừa điềm tĩnh, nhưng anh trả lời chẳng đâu vào đâu. Xe của chúng tôi lăn bánh về phía Hà Nội.

Trên quốc lộ có các đơn vị Quân đội Nhân dân, các đội giữ gìn an ninh. Hai bên lề đường là các tốp người mang tay nải gánh gồng. Xe chúng tôi đi tới ranh giới phân chia quân đội hai bên. Thoạt đầu các chiến sĩ Việt Nam kiểm tra giấy tờ của chúng tôi. Sau đó đi được vài thước, chúng tôi lại dừng xe. Chúng tôi trình giấy tờ cho lính gác Pháp đeo băng “Police militaire”.

Qua ranh giới, xe chúng tôi đi theo quốc lộ, trên đó các đơn vị quân đội Pháp tụ tập từng nhóm trên các xe bọc sắt vũ trang súng cối và đại liên. Binh lính Pháp và Maroc thờ ơ đưa mắt tiền chân chúng tôi.

Chúng tôi tiến vào Hà Nội dưới cơn mưa rào. Thành phố tưởng như hoang vắng. Trên đường phố những chiếc xe Jeep phóng như điên dại, những đoàn xe tải âm âm, các đội tuần tra lính Pháp vũ trang đi qua. Các đại lộ rộng ở trung tâm thành phố được mưa rào rửa sạch hầu như không một bóng người. Nhưng ở các vùng ngoại vi, khu lao động thợ thuyền thì không khí lại tập nập khác thường. Tại đây, ngày hội giải phóng đã bắt đầu. Bên công và cửa nhà, từng tốp người tụ tập. Các cửa hàng nhỏ cửa hé mở, có thể thấy rõ trên quầy hàng bày cờ đỏ sao vàng. Khắp nơi tiếng nói, tiếng cười vui vẻ. Tiếng ồn ào chỉ lặng đi giây phút khi chiếc xe bọc thép của Pháp với cần ăng ten cao ngất nghều âm âm lẫn xích qua. Người ta vào nhà đóng sập cửa lại.

Anh chàng lính Pháp, mặt đầy tàn nhang nhai kẹo cao su Mỹ, co ro dưới trời mưa giữa ngã tư đường, trông thật ảo não. Xế vị trí của anh ta một quãng, những cỗ máy trong một xưởng nhỏ hồi hải may. Người chủ xưởng không kịp phục vụ cờ cho mọi người, ngày mai hàng ngàn lá cờ sẽ tung bay trên đường phố thủ đô giải phóng. Khắp nơi người ta đang cạo xóa những khẩu hiệu kẻ sơn đen trên đường đại ý: “Đi Nam, bạn sẽ tránh được những cuộc trả thù man rợ của cộng sản Việt Minh”. Những khẩu hiệu ấy đang bị cạo đi ngay trước mắt bọn lính Pháp đang phóng trên những chiếc xe Jeep – chúng không còn lòng dạ nào nghĩ đến những khẩu hiệu ấy nữa.

Ngày hôm nay, mừng 8 tháng 10, báo chí phản động Thống nhất và Dân mới, mới vừa đây thôi còn vu khống nước Cộng hòa Dân chủ, đã cho ra những bài chào mừng việc Quân đội Nhân dân tiến vào Hà Nội. Báo Dân mới viết trong bài xã luận: “*Quân đội Nhân dân sẽ tiến vào Hà Nội! Ngày lịch sử giải phóng sau 80 năm tăm tối dưới gót sắt của bọn xâm lược Pháp Mỹ và bè lũ tay sai của chúng! Nhân dân Hà Nội chào mừng Quân đội Nhân dân anh hùng và Bộ Chỉ huy...*”

Tờ báo đã thay đổi giọng, quay 180 độ cho phù hợp với tâm trạng nhân dân, lựa những lời cửa miệng của Hà Nội ngày hôm nay.

Trước cửa khách sạn Splendide, có hai lính canh người Pháp ở dưới mái hiên. Chúng tôi vào gian phòng tiền sảnh vắng lặng. Trong góc phòng, cạnh bàn bar, mấy sĩ quan Canada ngồi ngả người trong những chiếc ghế phôi to, đang uống bia. Thành viên của Ủy ban Quốc tế kiểm soát các phóng viên nước ngoài được bố trí ở trong hai khách sạn lớn của Hà Nội - Metropole và Splendide⁽⁶⁶⁾. Chúng tôi lên các phòng được dành cho chúng tôi ở tầng hai.

Trong căn phòng lớn có một chiếc giường rộng mắc màn. Chiếc bàn viết có đèn bàn. Tôi tiến đến công tắc, bấm công tắc – ánh sáng điện bật lên. Thận trọng đi trên nền sàn gỗ ghép, tôi và Mukhin đi vào phòng tắm. Dường như sợ bóng, Giennia khê mở vòi nước. Từ trong vòi nước chảy ra! Bật cười, chúng tôi nhìn nhau. Chúng tôi đã không được thấy điều này mấy tháng trời rồi.

HỒ HOÀN KIẾM

Quay phim, lập tức quay ngay! Chúng tôi quyết định phân tán đi các điểm khác nhau của thành phố, tận dụng một ngày duy nhất Pháp còn chiếm đóng tại Hà Nội. Volodia đi về phía cầu qua sông Hồng, ở đó cuộc di cư chủ yếu đang diễn ra ở đó, tôi cùng Mukhin đi vào trung tâm thành phố.

Chốc chốc chúng tôi lại dừng xe. Tôi ra khỏi xe quay các lính gác, các đội tuần tra Pháp. Những chiếc xe bọc thép và xe tăng, chậm chạp đi tuần trên các đường phố. Chúng tôi quay những người dân qua song cửa nhìn ra đường.

Luôn luôn xuất hiện những chiếc xe chở các sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam đi qua – đó là những người làm trong Ủy ban liên hiệp và có liên quan đến Ủy ban Kiểm soát quốc tế. Ngay trước mắt bọn Pháp, nhân dân đón chào những chiếc xe đó bằng các tràng vỗ tay và những tiếng reo hoan hô. Cùng đi với chúng tôi có một sĩ quan trẻ Việt Nam. Anh vui cười khi những lính gác đứng ở trước tòa nhà chính phủ thấy xe chúng tôi tiến lại gần liền đứng nghiêm chào, nhưng sau đó, nhìn thấy người sĩ quan Việt Nam, lại nhìn theo bối rối.

Chúng tôi dừng lại để quay cảnh những chiếc xe tải chở đầy tủ két, tủ lạnh, giường, đồ sứ từ trong cổng một nhà đi ra. Những chiếc xe con chất đầy va li chạy rối rít. Từ trong thành cổ tới những đoàn xe bọc thép bò ra. Chúng tôi quay.

Thoạt đầu chúng tôi vừa làm vừa dè chừng, bởi vì trên cái băng trắng “Laisser passer” không hề có ý gì nói về việc được phép quay phim, đây chỉ là giấy thông hành cho vào Hà Nội. Nhưng sau đó, tin rằng binh lính và sĩ quan Pháp không để ý gì đến máy quay phim của tôi, tôi bắt đầu hoạt động mạnh dạn hơn. Đây, một viên đại tá Pháp có tuổi đi tới. Tôi đưa máy nhằm quay cận cảnh. Ông ta quay về phía ông kính và vừa đi vừa đưa tay ra hiệu ý muốn nói: “Dừng lại! Hay hóm gì mà quay phim lúc này nữa!” Thế là cả động tác ấy của ông ta tôi cũng thu vào ống kính, ông ta buồn bã quay lưng lại.

Trung tâm Hà Nội là hồ Hoàn Kiếm. Hồ này và cái tháp cổ giữa hồ là kỷ vật lịch sử của nhân dân Việt Nam. Theo truyền thuyết thì vào triều đại nhà Lê, đất nước bị bọn ngoại bang xâm lược chiếm đóng. Một người đánh cá⁽⁶⁷⁾ từ Lam Sơn tên là Lê Lợi đến đã kéo lưới ở hồ này lên được một thanh kiếm. Một con rùa lớn nổi lên mặt hồ. Rùa nói với Lê Lợi rằng: Thanh kiếm này trao cho ông để đuổi bọn xâm lược ra khỏi đất nước thân yêu. Cuộc chiến đấu giải phóng của nhân dân do Lê Lợi lãnh đạo kéo dài 10 năm. Khi bọn xâm lược bị đánh tan và bị đuổi ra khỏi bờ cõi đất nước, Lê Lợi trở về hồ này, trả kiếm vàng cho rùa vàng.

Thậm chí trong màn mưa nặng hạt, hồ vẫn rất đẹp. Đường rộng với những hàng cây cao chạy vòng quanh hồ với tháp rùa. Hôm nay bên hồ thanh vắng là bọn người ngoại bang lại đang bị xua đuổi, lúc này còn lờn lờn phóng trên những chiếc xe Jeep như điên như dại, tận hưởng những giây phút cuối cùng của 80 năm ngự trị ở xứ người.

Ở trung tâm thành phố, đột ngột chúng tôi gặp lại Mukhin và Eshurin. Khoa đề nghị đến thăm Ủy ban Kiểm soát quốc tế. Cuộc thăm viếng này là cần thiết bởi vì chúng tôi được ủy thác bên cạnh Ủy ban như những phóng viên ngoại quốc.

Tòa nhà của Ủy ban nằm bên bờ hồ Hoàn Kiếm. Trước cửa vào có lính gác – lính của quân đội Ấn Độ đội mũ bê-rê có ngù đỏ, vai đeo dây tua, chân đi ghệt. Chúng tôi được ngài Murti, Bí thư điều hành của Ủy ban Kiểm soát quốc tế, một người Ấn Độ cao lớn, đón tiếp một cách nồng hậu. Ông sôi nổi và lịch sự. Ông rất tiếc rằng những cản trở do chính quyền Pháp gây ra đã ghìm chân các nhà điện ảnh Xô Viết một thời gian lâu không cho vào Hà Nội. Ông tỏ vẻ thích thú với vũ ba lê Liên Xô, hân mộ Ulanova và Plisetkaya⁽⁶⁸⁾. Ông đã nghiên cứu lịch sử Việt Nam tại London, đó là đề tài luận án phó tiến sĩ của ông. Ông chúc chúng tôi thành công trong công việc và cam đoan rằng, những tờ “Laisser passer” cho phép chúng tôi quay chụp không có gì ngăn trở. Ông đề nghị gặp bất cứ khó khăn trở ngại gì thì cứ đến tìm ông.

Đêm xuống, đêm cuối cùng! Mưa rào không ngớt. Chúng tôi nghỉ trên ban công khách sạn

Splendide. Nhìn ngắm thành phố, lúc này tiếng âm ầm ầm của những đoàn xe rời Hà Nội bao trùm khắp thành phố. Xe cộ chờ đầy va li, vợ và tình nhân quan lại Bảo Đại và những binh lính của đội quân viễn chinh Pháp thu lu trong chiếc áo mưa ướt át, nối nhau đi theo những đường phố sáng đèn vắng vẻ ra phía cầu qua sông Hồng.

ĐOÀN XE BỌC SẮT RỜI PHỐ DUY TÂN

Mùng 9 tháng 10! Ngày hôm nay sẽ đi vào lịch sử của nhân dân Việt Nam như một trong những ngày tươi sáng nhất. Ngày bọn thực dân ra đi!

Suốt đêm, tôi không ngủ, thảo luận từng chi tiết nhỏ nhất về kế hoạch quay ngày giải phóng thủ đô.

Trước mắt chúng tôi là bản đồ Hà Nội. Mỗi người sẽ quay tại một khu vực. Chúng tôi qui định chính xác giờ phút những cuộc gặp nhau của chúng tôi. Người Pháp bắt đầu ra vào sáu giờ sáng theo giờ Việt Nam, từ tuyến đề ngoài ôm nửa vòng thành phố phía Tây. Ngày mai chỉ có một số tốp nhỏ quân đội Việt Nam vào thành phố, những người này sẽ chiếm lĩnh một số tòa nhà, cơ quan, vị trí chiến lược. Hà Nội chia ra các khu vực, quy định trình tự ra đi theo các giai đoạn của các đơn vị binh lính Pháp và thay thế việc chiếm lĩnh mỗi khu vực ấy là các đơn vị lính gác của Quân đội Nhân dân.

Sáng ra trời u ám, mưa phùn rải rác. Người Pháp tuyên bố tình trạng thiết quân luật. Dân chúng cấm không được ra khỏi nhà, cấm tất cả các loại giao thông hoạt động.

Giấy tờ chính quyền quân sự Pháp trao cho, cho phép chúng tôi một khả năng không hạn chế trong việc đi lại và quay phim ở các khu vực của các đơn vị quân đội của cả hai bên. Tại Hà Nội có rất nhiều phóng viên và các nhà điện ảnh nước ngoài, xe của họ từ sáng sớm đã phóng đi khắp thành phố. Trên đường, hai lần tôi chào hỏi các nhà điện ảnh tôi quen biết trong dịp quay cuộc đàm phán ở Trung Giã. Những chiếc xe sơn trắng của Ủy ban Kiểm soát quốc tế chạy đi chạy lại trên các phố. Trên xe là các sĩ quan Ấn Độ râu ria xồm xoàm, đội khăn đóng, các sĩ quan Canada gầy gầy, các sĩ quan quân đội Ba Lan vui tươi, cặp mắt trong trẻo – các đại diện quân sự của ba nước trung lập nhận trách nhiệm về việc theo dõi thực hiện hiệp định hòa bình.

6 giờ 30 phút sáng. Theo phố Duy Tân⁽⁶⁹⁾, đi từ trung tâm thành phố về phía Nam, xe chúng tôi tới địa điểm gặp gỡ của sĩ quan hai bên. Giữa phố là những chiếc xe mang hai cờ – cờ Việt Nam và cờ Pháp. Các sĩ quan thảo luận các chi tiết cuối cùng của cuộc bàn giao khu vực lớn của thành phố. Đầu đằng kia ngã tư là những chiếc xe chở binh lính Việt Nam. Đầu đằng này - là những chiếc xe bọc sắt chở binh lính “P.M”.

Hai sĩ quan nhìn đồng hồ, 6 giờ 55 phút, viên chỉ huy đoàn xe bọc sắt Pháp nói gì vào máy bộ đàm. Đưa bàn tay đi găng da cầm loa lên, ông ta ra lệnh cho đoàn xe bọc sắt của mình. Tiếng máy rồ lên, đoàn xe chuyển bánh và dần dần tăng tốc độ, căn về phía Bắc.

Qua mấy phút, đúng bảy giờ, đoàn xe chở bộ binh Việt Nam vượt qua ngã tư và lăn bánh theo những chiếc xe bọc sắt. Tiếp theo sau đoàn xe là bộ đội Việt Nam đi thành hàng giữa lòng đường.

Và đến lúc này đã diễn ra một điều kỳ lạ: Phố xá hoang vắng hầu như đang chết đi bỗng nhộn nhịp tung bừng. Tiếng động cơ những chiếc xe bọc sắt ra đi còn chưa lặn, hàng nghìn cờ đỏ đã tung bay trên cửa sổ, cửa ra vào, trên các mái nhà. Và lập tức trên đường phố trở nên chật hẹp bởi những con người hoan hỉ, reo mừng, vỗ tay, nâng bổng trẻ lên trên đầu, vỗ tay, khóc vì sung sướng, ca hát, cười. Chiếc xe các sĩ quan Việt Nam tươi cười và viên thiếu tá Pháp đứng tuổi đầu cúi gục khó khăn lách đi mãi đến trung tâm, bám theo sát những chiếc xe bọc sắt ra đi.

Trong đám người hân hoan niềm hạnh phúc giải phóng, tôi nhìn thấy bộ mặt tự lự của nhà điện ảnh Mỹ. Ông ta đứng cạnh chiếc xe của mình, buông thõng máy quay phim. Ông ta không quay.

Ranh giới tiếp theo của khu vực được vạch trên bản đồ bằng một tuyến màu xanh, bộ đội vượt qua vào lúc tám giờ sáng. Chúng tôi vượt trước, vào 7 giờ 30 và thành phố lại rơi vào tĩnh lặng. Những chiếc xe tăng bò đi trên đường phố không người, ở ngã tư đường là những đội tuần phòng cảnh sát quân đội trang bị súng cối. Những chiếc xe Jeep lao đi. Từng đoàn xe tải chở bộ binh hướng về phía cầu qua sông Hồng.

Các đơn vị lính Maroc hạ trại ở bên hồ Hoàn Kiếm. Bọn sĩ quan vội vã chụp ảnh cho nhau lấy cảnh tháp Rùa.

Một sĩ quan Pháp đội bê-rê đỏ chậm chạp bước đi, tay chấp sau lưng, tư lự nhìn xuống đất. Mệnh lệnh vang lên, binh lính leo lên những chiếc xe tải. Một đoàn xe mới lần đi trên đường phố hoang vắng. Chỉ còn lại đội tuần tra cảnh sát quân sự – 12 người, khuỷu tay, súng tự động đeo vai, mũ sắt đội lệch, quát mắng một cách không ác ý những người dân hé mở cửa sổ để nhìn ra phố.

Tôi quay phim đoàn xe tải. Trên xe là binh lính đội quân Lê dương đội kê-pi trắng. Trên một xe tải, bên trên đồng thùng gỗ kê chiếc ghế bành mềm mại, trên ghế là một hạ sĩ quan Pháp béo mập, vui vẻ. Nhìn thấy người quay phim, anh ta giờ cao chai sâm banh rồi ngửa cổ uống. Binh lính cười vui vẻ, vẫy người quay phim. Họ rời bỏ thành phố mà không phải đánh nhau. Hôm nay, bên cửa sổ Hà Nội, Hà Nội trở về với nhân dân Việt Nam, máu của binh lính Việt Nam đã không bỏ phí. Đó là thắng lợi to lớn hiển nhiên và đầy thuyết phục của các lực lượng hòa bình trên toàn thế giới.

TÊN LÍNH PHÁP CUỐI CÙNG RÚT KHỎI HÀ NỘI

Vào lúc tám giờ, vượt ranh giới khu vực tiếp theo, các đội vệ binh Việt Nam đứng vào chỗ bảo vệ các tòa nhà bằng Đông Dương, Bưu điện chính, dinh Toàn quyền Đông Dương, chiếm lĩnh toàn bộ khu trung tâm và vượt qua phố Mỹ và phố Anh, tiến ra hồ Hoàn Kiếm. Ở khu phố này, chúng tôi cũng thấy sự biến đổi kỳ diệu như ở các vùng ngoại ô. Thác người sôi nổi đổ ra tràn ngập đường phố chỉ mới đây đang hoang vắng, nơi suốt cả dãy nhà chỉ nghe có tiếng chân của lính gác Pháp. Hàng ngàn lá cờ tung bay trên các cửa sổ, mọc lên trên các cột đèn, những băng khẩu hiệu chào Quân đội Nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Lao động Việt Nam, được căng lên ngang đường phố. Những tấm băng với chữ vàng, những lá cờ, những tấm chân dung đó đã được chuẩn bị bao đêm trong những căn nhà người dân Hà Nội cửa đóng then cài, bất chấp cái chết đe dọa họ.

Tất cả mọi người dân đều đổ ra đường. Ở đây, tại trung tâm thành phố, người dân khá giả hơn; qua vẻ bề ngoài và quần áo có thể đoán họ là những thương gia, trí thức, tiểu tư sản và tư sản lớn. Những gương mặt của họ cùng một vẻ hạnh phúc ấy như ở khu thợ thủ công, dân nghèo. Họ cũng nồng nhiệt chào mừng và quây lấy mỗi anh bộ đội, mỗi người chỉ huy Quân đội Nhân dân, ôm hôn, nắm bắt tay. Mọi tầng lớp dân chúng thủ đô không cần một “nghĩ thức” nào cả đã biểu lộ trong cái ngày vĩ đại ấy sự thống nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam.

Chúng tôi thu vào ống kính những người bên cạnh nhà hát thành phố. Tại đây, trên nóc nhà hát, ngày 19 tháng 8 năm 1945, ngày mở đầu cuộc Cách mạng tháng Tám, đã tung bay lá cờ đỏ của nước Cộng hòa và hàng nghìn hàng vạn người đã tràn ngập quảng trường Nhà hát, cất tiếng hát bài hát *Diệt phát xít*. Tác giả bài hát này, nhà thơ trẻ Nguyễn Đình Thi, bấy giờ mới 20 tuổi.

11 giờ 30 phút. Các đội cảnh vệ Việt Nam chiếm lĩnh nhà máy điện, nhà máy nước, tiến vào thành cổ. Dòng xe của người Pháp càng đông hơn trên chiếc cầu nhiều nhịp qua sông Hồng.

16 giờ 30 phút. Bộ đội Việt Nam vượt qua ranh giới khu vực cuối cùng, đến chân cầu và tiến lên cầu.

Tiến sát chừng một bước chân, sau lưng người lính Pháp cuối cùng rời thủ đô Việt Nam, các chiến sĩ Quân đội Nhân dân đi trên cầu và đặt vọng gác ở nhịp cầu thứ tư.

Vào giây phút này, nhà điện ảnh Mai Lộc đã thu vào ống kính một cảnh đầy tính tượng trưng:

Ở cận cảnh là anh lính gác Việt Nam đứng trên cầu, còn đằng sau, xa xa ba người lính Pháp lùi lũi ra đi không ngoái lại. Những tên lính Pháp cuối cùng rời Hà Nội sau 80 năm chiếm đóng. Họ đã rời đi mãi mãi.

Hà Nội tự do! Những người dân hiền lành giờ đây có thể hít thở nhẹ nhàng, tự do ca hát và mỉm cười với hạnh phúc của mình! Cho tới đêm khuya, những đám người nhộn nhịp, tươi vui không rời các quảng trường, đường phố tràn ngập ánh điện trang trí ngày hội.

“HỌ KHÔNG LẤY GÌ LÀM BUỒN PHẢI CHIA TAY VỚI QUỐC TRƯỞNG BẢO ĐẠI”

Sáng ngày 10 tháng 10, Hà Nội long trọng đón chào các đơn vị chủ lực của Quân đội Nhân dân. Từ hai hướng, các đơn vị cơ giới và pháo binh của Đại đoàn 308 quang vinh tiến vào thủ đô.

Mặt trời chói lọi chiếu sáng phố xá và quảng trường Hà Nội, người dân ăn mặc quần áo như trong ngày hội. Trong buổi sáng tuyệt vời này, chẳng có một người nào ngồi ở nhà. Mọi người đều đổ ra đường phố rực rỡ những khẩu hiệu, màu xanh, những bó hoa, dây hoa.

Trung đoàn Thủ đô tiến vào Hà Nội từ phía Tây. Một trận mưa hoa đổ xuống những chiến sĩ của trung đoàn vừa bước chân qua ranh giới thành phố. Trận mưa hoa không ngớt kéo dài suốt đường hành quân của trung đoàn. Hà Nội đã chào đón những người giải phóng của mình bằng những tiếng reo hào hùng, bằng lời ca và những tràng vỗ tay. Những năm tháng áp bức khốc liệt của bọn thực dân, những năm tháng dưới hòng súng tự động, những năm tháng của đấu tranh và niềm tin vào ngày giải phóng đã lùi lại phía sau.

Dẫn đầu trung đoàn là anh hùng Nguyễn Quốc Trị, chỉ huy trung đoàn. Trên đầu anh pháp phới lá cờ trung đoàn đã bạc màu vì mưa gió, khói súng và bụi đường, thùng lỗ chỗ vì mảnh bom đầu đạn, được mang theo năm tám huân chương. Anh bộ đội Trung đoàn Thủ đô chiến đấu ở đâu đi nữa cũng tin tưởng sẽ trở về với những bức tường cổ kính của thủ đô thân yêu. Nhiều cái ôm hôn nồng ấm, nhiều suối lệ mừng vui trên đường phố Hà Nội trong những giờ phút tươi sáng trở về.

Thị đang cùng Mukhin quay phim trên thành cổ, bỗng reo lên, lao từ trên xe xuống lòng đường phố. Một anh chiến sĩ trẻ chạy đến đón anh và hai người ôm chầm lấy nhau. Họ đứng ôm nhau và khóc. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy nước mắt trên gò má của Thị. Họ đã khóc. Họ chiến thắng cuộc chiến bởi vì họ căm thù nó. Tôi cũng không hỏi Thị xem người bạn đó của anh là ai, hai tâm hồn chiến sĩ kết nghĩa anh em ở đâu, trong trận thử lửa nào. Họ đã dừng bước hành quân của đoàn chiến sĩ. Sự nhớ ra, hai người nhìn quanh rồi chia tay, bối rối và sung sướng. Nhân dân vỗ tay hoan hô, những lá cờ pháp phới, phố xá Hà Nội, thành phố đã chiến thắng cái chết, rộn rã tiếng hát ca.

Trong những giờ khắc buổi sớm ấy, chúng tôi, các nhà điện ảnh Xô Viết cũng có nhiều cuộc gặp gỡ mừng vui chớp nhoáng. Bởi vì mỗi cuộc quen biết với những người ở rừng trong thời gian chiến tranh đều kết thúc bằng những lời: “Hẹn gặp lại tại Hà Nội.” Trên các đường phố Hà Nội đông nghịt những người, tung bừng nhộn nhịp, những lời ấy vào ngày 10 tháng 10 đã trở thành hiện thực trên mỗi ngã tư đường. Có người ngồi trên xe vẫy tay – đó là Tố Hữu! Chiếc xe tải chậm chậm lăn bánh, tiếng hát thánh thót vang lên trên đầu người. Trên xe là các cô gái, các chàng trai trong đoàn văn công quân đội. Mơ ước của họ đã thành sự thực. Họ đã mang những khúc hát của mình tới Hà Nội giải phóng.

- *Hello, mixto* Karmen! - Tôi nghe tiếng gọi phía sau lưng.

Anh phóng viên nhiếp ảnh “Laivo” to béo, mang mục kính, nhể nhãi mồ hôi, khi trước ở hội nghị hai bên đã mời tôi đến Hà Nội... Chào hỏi, tôi nói với ông ta:

- Thế là chúng ta đã gặp nhau. Công việc chụp của ông thế nào, đồng nghiệp thân mến?

- Okay! Tài liệu thật giắt gân! Ông thấy mọi chuyện này thú vị chứ? Hóa ra người Việt Nam không lấy gì làm tiếc khi ông Hồ trở về với họ? Hình như họ chẳng lấy làm buồn khi phải chia tay với người Pháp và Quốc trưởng Bảo Đại, ha ha! Ông thấy thế nào, mixto Karmen?

Hẹn sẽ thảo luận kỹ lưỡng câu hỏi này một cách tỉ mỉ vào buổi tối hôm nay tại quầy rượu của khách sạn Metropole, chúng tôi chia tay nhau...

Vào lúc ba giờ chiều, tại một bãi rộng trong thành đã diễn ra nghi lễ trọng thể kéo cờ lên tháp cổ cao 100 mét. Trung đoàn Thủ đô đứng thành hàng ngũ. Vinh dự kéo cờ được trao cho đồng chí Nguyễn Quốc Trị, chỉ huy trung đoàn.

Trong tiếng nhạc quốc thiều, lá cờ đỏ sao vàng từ từ được kéo lên cột cờ trên đỉnh tháp. Chủ tịch Ủy ban Quân quản tiếp quản thủ đô, chỉ huy Đại đoàn 308, tướng Vương Thừa Vĩ đọc thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi nhân dân Hà Nội. Thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa, Chủ tịch chúc mừng người dân Hà Nội nhân ngày giải phóng, kêu gọi người già, thanh niên nam nữ, các cháu nhỏ tích cực tham gia vào sự nghiệp phục hồi và xây dựng thành phố thân yêu, phục hồi sản xuất, giữ gìn trật tự và an ninh, phát triển hoạt động văn hoá.

Lá cờ lụa kiêu hãnh bay phấp phới trên tháp cổ của thành Hà Nội. Từ mọi nơi xa nhất của thành phố vĩnh viễn được tự do đều nhìn thấy lá cờ...

MÁY MÓC ĐƯỢC CHÔN XUỐNG

Màu xanh không tàn héo của các vườn hoa, các đường cây của Hà Nội bùng nở những chùm hoa rực rỡ. Các đại lộ rộng lớn ở trung tâm thành phố và các ngõ phố hẹp ở ngoại ô đều đông người đổ ra. Những cái tên phố phù hợp với công việc của dân cư và tính chất buôn bán. Ở Hà Nội có phố Hàng Bạc, phố Hàng Cá, phố Hàng Muối, phố Hàng Đào, phố Hàng Đồng. Không thấy một tủ kính nhà hàng nào đóng cửa buồng màn. Gần 6.000 cửa hiệu tư nhân lớn và nhỏ đều hoạt động. Cả tám cái chợ cũng đều mở và tất cả các nhà buôn – chủ các cửa hiệu – ngay trong ngày đầu giải phóng đã bắt đầu nhận các đồng tiền của nước Cộng hòa, trước khá lâu thời hạn đổi tiền Đông Dương lấy đồng tiền mới.

Chính phủ nước Cộng hòa khuyến khích việc giao lưu hàng hóa với lãnh thổ đất nước nằm phía Nam dưới vĩ tuyến 17. Các nhà buôn Hà Nội ký kết với Hải Phòng, chuyên chở gỗ, gạo, hàng thủ công mỹ nghệ tới đó. Họ còn trao đổi cả với các công ty Pháp.

Nhà máy điện, nhà máy nước, tàu điện, liên lạc điện tín hoạt động không ngừng.

Vào những ngày đầu sau giải phóng, chúng tôi đã quay những cuộc khai quật đặc biệt ở vùng ngoại ô Hà Nội. Những cỗ máy biến áp điện, máy phát điện, máy nổ, các thiết bị máy móc được chôn sâu xuống đất. Công nhân Hà Nội đã gìn giữ tất cả mọi thứ ấy để chống lại việc chở đi Hải Phòng và Sài Gòn một cách bất hợp pháp, ngược lại với các điều khoản của Hiệp định Genève. Nhiều công nhân đã đem giấu thiết bị ở ngay trung tâm thành phố, ngay trước mũi bọn Pháp, trong hầm các tòa nhà biệt thự sang trọng.

Tại bệnh viện trung tâm, các hộ lý, y tá và các bác sĩ nhận được lệnh của bọn thực dân phải chuyển tất cả các thiết bị đi, đã quyết định bằng bất cứ giá nào cũng phải giữ lại. Đoàn xe vận tải chở đầy các thiết bị y tế, các dụng cụ, máy chiếu tia Ronghen, rời Hà Nội ra đi, nhưng đến một địa điểm hẹn trước lại rẽ sang đường nhánh và tới nơi đồn trú của Quân đội Nhân dân.

Các cơ quan chính phủ, các cơ quan bộ, các tổ chức xã hội, các tòa soạn báo từ vùng rừng núi lục tục trở về thủ đô. Trong đám đông rực rỡ tràn ngập phố xá, khắp nơi đều có thể gặp người mang trang phục bộ đội, lưng đeo ba lô, một nhọc chậm bước đi trên đường phố, đưa mắt nhìn ngắm khung cảnh thị thành mới mẻ xa lạ đối với họ. Cuộc sống trong rừng sâu đã chấm dứt.

BỌN ĐẦU CƠ KHÔNG CÒN VIỆC LÀM

Hà Nội sống như thế nào trong những ngày đầu tiên sau giải phóng.

Tại Ủy ban quân quản, đóng ở dinh Thống đốc trước đây, chúng tôi gặp lại đồng chí Trần Duy Hưng. Các cầu thang gác và hành lang dẫn đến văn phòng của ông đầy người chờ. Người thuộc mọi nghề nghiệp, mọi tầng lớp đi đến Ủy ban xin ý kiến, xin chỉ thị, nộp báo cáo.

Trên bàn đồng chí Hưng, điện thoại réo liên tục. Về mặt ông mệt mỏi, cặp mắt trũng sâu dấu vết những đêm không được ngủ. Ông kể vắn tắt cho nghe về bối cảnh Hà Nội lúc này.

- Chắc hẳn chính các đồng chí cũng đã nhìn thấy. - Ông nói. - Trật tự đã được thiết lập một cách chần chừ như thế nào ngay từ ngày đầu tiên sau giải phóng. Các cán bộ của chúng tôi còn ít kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực quản lý thành phố, tuy nhiên với sự giúp đỡ của dân chúng, họ đã hoàn thành được nhiệm vụ phục hồi cuộc sống thường nhật trong thành phố! Yên ổn và trật tự – đó trước hết là những gì cư dân Hà Nội mong muốn. Mọi người đã từng phải sống trong sự sợ hãi thường xuyên. Hàng ngày diễn ra những cuộc bắt bớ, cướp bóc, trộm cắp, giết người, lục soát, khám xét, bắt lính, bắt phu. Dưới sự kiểm soát của người Pháp, đến tám giờ tối là tất cả các cửa hàng, cửa hiệu, tất cả các công nhà, cửa ra vào và cửa sổ đều đóng im ỉm. Còn bây giờ, tối tối tràn ngập người. Dân chúng hài lòng về trật tự đã được thiết lập trong thành phố sau giải phóng. Sau hai tuần lễ kể từ khi chúng tôi trở về không ghi nhận một vụ giết người, cướp bóc hay phá hoại nào.

Một chi tiết thú vị - bác sĩ Hưng nói - ở Hà Nội trước đây có những tổ chức du côn và trộm cắp, rải rác khắp các khu phố. Các thủ lĩnh, các tổ chức trộm cắp ấy mới đây đã tìm đến tôi, họ tuyên bố: “Chúng tôi muốn được làm việc, vứt bỏ nghề trộm cướp của mình. Nếu xảy ra dù một vụ trộm cắp nhỏ nào, xin cứ nói cho chúng tôi biết, tôi sẽ có biện pháp.” Chuyện trò với họ, tôi chợt nhớ đến việc một cán bộ lãnh đạo than phiền rằng anh bị ăn cắp mất chiếc bút máy. Ngay ngày hôm sau, chiếc bút đã được đưa đến Ủy ban.

Cơ bản chúng tôi đã kết thúc cuộc tiếp quản thành phố. Tất cả các trường tiểu học và trung học phổ thông đều đã bắt đầu năm học mới, bệnh viện lớn đã mở cửa hoạt động. Trường Đại học Tổng hợp cũng bắt đầu khai giảng. Chính phủ đã quyết định tổ chức trường Đại học Nhân dân. Dự kiến sẽ có 1.500 học viên đến học. Tuy nhiên đã có hơn 3.000 đơn xin học do các cán bộ hành chính, cán bộ quân đội, công nhân gửi đến ban tuyển sinh.

Trong thời kỳ còn người Pháp, dân cư bao giờ cũng thiếu nước dùng, phải bỏ tiền ra mua lại. Nhưng đối với các cơ quan của người Pháp, quân đội, bọn tư sản sống ở trung tâm thành phố thì muốn dùng bao nhiêu cũng có bấy nhiêu. Bây giờ, chúng tôi tuyên bố trong các cơ quan quân sự của chúng tôi phải tiết kiệm nước một cách nghiêm ngặt và cung cấp đầy đủ nước cho tất cả các khu phố. Dân chúng vô cùng hân hoan. Bọn đầu cơ, buôn bán lẻ nước hóa ra không còn việc làm nữa.

Công nhân Hà Nội đã đấu tranh anh dũng để giữ lại các thiết bị của các xí nghiệp công nghiệp. Bây giờ tự tay họ lại thiết kế ra những tổ hợp máy mà bọn Pháp đã kịp chở đi. Công việc đó thể hiện tính sáng tạo và sự hy sinh của họ. Hàng ngày chúng tôi nhận được các báo cáo về việc phục hồi sự nghiệp này, về việc ra cỗ máy phức tạp nọ.

BÁC SĨ PHẠM NGỌC THẠCH CÓ TỬ LẠNH ĐIỆN

Bên tòa nhà trường Đại học Tổng hợp, khó lách qua đám thanh niên tụ tập đông trên vỉa hè. Sinh viên đọc thông báo dán trên tường về ngày khai giảng, về việc tiếp nhận học viên mới. Sinh viên đón các giáo sư thân yêu của mình trở về từ rừng sâu.

Trong văn phòng lớn, kê đồ đạc nghiêm chỉnh của hiệu trưởng, chúng tôi gặp giáo sư Hồ Đắc Di, người mà chúng tôi đã quay phim trên giảng đường bằng tre trong rừng sâu Việt Bắc. Không nhận nổi ra ông. Ông mặc bộ quần áo trang nhã. Cổ áo trắng phau, cà vạt, trên ve áo vest ánh lên chiếc huân chương kháng chiến vàng óng.

- Xin mời xem các giảng đường, phòng thí nghiệm của chúng tôi. Các bạn sẽ gặp những người quen ở đó! - Ông nói khi tiễn chúng tôi đi.

Tại một trong những phòng thí nghiệm lớn tràn ngập ánh nắng, chúng tôi trông thấy thân hình cân đối của nhà khoa học trẻ Đặng Văn Ngữ mà chúng tôi đã gặp trong phòng thí nghiệm sản xuất thuốc penicillin từ hạt ngô của anh. Ở đó anh vẫn lịch sự, vẫn chiếc áo choàng làm việc được là phẳng và trắng phau như thế. Thấy chúng tôi, anh bước nhanh ra đón, bắt tay chặt.

- Bây giờ chúng tôi sống thế này đây! Chúng tôi có tất cả những thứ cần thiết cho công việc khoa học! - gương mặt anh rạng ngời nụ cười. - Các anh đã gặp Phạm Ngọc Thạch chưa?! Tôi sẽ đưa các anh đến gặp ông ấy.

Điều đầu tiên tôi thấy trong phòng thí nghiệm của người bạn chúng tôi, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch là một dãy những tủ lạnh chạy điện ngồi lên màu trắng – đây là mơ ước cháy bỏng của nhà khoa học - nhà cách tân trong những năm chiến tranh.

Chúng tôi cố không để lộ sự hiện diện của mình. Ông đang say sưa làm việc cùng nhóm các trợ lý. Thấy chúng tôi, ông tháo đôi găng tay cao su dính máu ra khỏi tay, ôm chặt tôi và Mukhin. Tôi trao cho ông phong thư to vừa nhận hôm qua của viện sĩ Filatov.

Bây giờ, chúng tôi ít khi gặp Khoa. Anh đang có những ngày bận rộn. Hà Nội có rất nhiều rạp chiếu bóng. Những chủ tư nhân của các rạp từ lâu đã quên rồi chuyện bán được nhiều vé. Công chúng chán ngấy những bộ phim Hollywood rạp khuôn về những gã gangster và cao bồi. Hiện giờ các rạp chiếu phim bị quá tải. Người dân xem đi xem lại mấy lần liên những bộ phim của Liên Xô và Trung Quốc.

Khoa gửi điện tín sang Bắc Kinh, khẩn gấp. Anh nói, nếu anh có số phim nhiều gấp chục lần, vẫn chưa chắc có thể làm thỏa mãn nhu cầu thèm khát của người Hà Nội đối với những tác phẩm điện ảnh của Xô Viết và Trung Quốc. Những ngày này, biển quảng cáo các rạp chiếu bóng thông báo về việc chiếu cả hai tập phim *Đô đốc Ushakov*, chiếu phim *Đội cận vệ thanh niên*, *Chị ấy bảo vệ Tổ quốc*, *Chuyện về một người chân chính*, những bộ phim tài liệu *Sông Volga*, và *Việt Nam chiến đấu* – bộ phim được quay bởi các nhà quay phim Trung Quốc hợp tác với các cán bộ điện ảnh Việt Nam.

“NGÔI SAO PHƯƠNG BẮC”

Tổ Hữu mời chúng tôi tham dự cuộc họp của giới trí thức Hà Nội. Hội Văn học nghệ thuật được bố trí tạm thời tại gian phòng của quân y viện của Pháp trước đây trên phố Đồn Thủy⁽⁷⁰⁾. Tại cuộc họp này, lần đầu tiên những người hoạt động văn học nghệ thuật từ rừng trở về gặp gỡ với những người ở lại Hà Nội trong những năm kháng chiến.

Những người ở lại Hà Nội đến dự cuộc họp với cảm giác nặng nề – một giáo sư âm nhạc luống tuổi nói về điều đó – họ cảm thấy rằng, những người từ rừng núi trở về sẽ nhìn họ một cách trịch thượng, trách cứ họ là không có gan đi kháng chiến. Điều đó đã không xảy ra. Cuộc họp âm áp và thân thiện, nó đặt nền móng vững chắc cho cuộc đấu tranh chung trước mắt của các cán bộ ngành nghệ thuật vì hòa bình, vì thống nhất đất nước. Trong phát biểu của những người tham gia kháng chiến, không lần nào vang lên các từ “các anh”, “chúng tôi”. Tất cả những người phát biểu đã nói về trách nhiệm cao cả của các nhà hoạt động nghệ thuật trong cuộc đấu tranh vì một nền nghệ thuật hiện thực dân tộc chân chính.

- Trong những phút giây gặp gỡ hân hoan lần đầu tiên của chúng ta, khó quyết định được tất cả các nhiệm vụ đặt ra trước chúng ta. Dần dần, chúng sẽ trở nên rõ ràng hơn. Kẻ thù đã đầu độc nhận thức của nhiều cán bộ nghệ thuật, làm họ đi lạc hướng. Nhưng chúng ta tin tưởng rằng con đường đúng đắn sẽ được tìm ra. Bằng những bài hát, những bức tranh, ngòi bút của mình, chúng ta sẽ đấu tranh vì hòa bình, đã phá những kẻ thù của hòa bình, kẻ thù của tự do và độc lập. - Một nhà văn nói.

Khoa giới thiệu tôi với nữ diễn viên điện ảnh nổi tiếng Kim Xuân. Cô ấy nhỏ nhắn, giống pho tượng nhỏ bằng sứ mỏng manh. Nhân dân gọi cô ấy là “Ngôi sao phương Bắc”. Cô đóng nhiều phim trong các hãng phim tư nhân Sài Gòn. Trước khi Quân đội Nhân dân tiến vào, Kim Xuân đã chạy khỏi Hà Nội đi đón các đơn vị Quân đội Nhân dân, đến Ủy ban quân chính để tuyên bố rằng cô sẽ ở lại thủ đô.

Kim Xuân mời chúng tôi đến thăm nhà hát, nơi cô diễn các vai chính.

- Ngày mai - cô nói - chúng tôi diễn vở *Những người khốn khổ* của Hugo.

Khó len nổi đến nhà hát. Trong phòng xem nhỏ dự tính cho 600 người, đã tập trung hơn 1.000 khán giả. Mọi người đứng cả ở lối qua lại, hai người ngồi một ghế. Chủ nhà hát, người Pháp, đã đi tăn, mang đi hết phong màn, phục trang, đạo cụ. Các nghệ sĩ đã trở thành những chủ nhân mới.

Đạo diễn Sĩ Tiến kể:

- Chính quyền Pháp suốt một thời gian dài không cho chúng tôi dàn dựng vở kịch của Victor Hugo. Họ nhìn nhận trong đó... “sự tuyên truyền của Việt Minh”. Chúng tôi vô cùng khó khăn mới xin phép được. Tuy nhiên, chúng tôi đã phải chiều theo sở thích của các nhà cầm quyền Pháp, những kẻ đòi hỏi tăng nhiều hơn nữa tính chất giải trí... Vở kịch bắt đầu. Khán giả hau háu theo dõi các diễn biến của câu chuyện. Họ không hề bần khoản khi thấy các nghệ sĩ biểu diễn trong những trang phục hiệp sĩ Tây Ban Nha. Những trang phục này người chủ nhà hát không kịp mang đi. “Tính chất giải trí” mà chính quyền thực dân từng đòi hỏi là ở chỗ, cả vở kịch diễn ra trong tiếng nhạc đệm. Các nghệ sĩ nói chuyện, đau khổ, yêu đương, chết dưới nhạc đệm của nhạc foxtrot và blue vang lên qua những chiếc loa phóng thanh.

Kim Xuân là nghệ sĩ giỏi. Cô có nét mặt linh hoạt, năng khiếu ca hát tuyệt vời. Ở đoạn kịch tính nhất của vở kịch – “tiết mục được chèn vào”: Dưới tiếng nhạc slowfox được đệm bằng guitar Hawaii, mấy cô gái trong trang phục Hollywood nhảy múa trên sân khấu trong phong cách nhà hát kịch hạng hai. Thứ này để làm gì? Với khán giả ngồi trong phòng, điều đó là xa lạ và không cần thiết. Thế nhưng nhà cầm quyền Pháp lại đòi hỏi để tác phẩm bất hủ của Hugo được “làm đẹp” bằng những tiết mục như thế.

Trên các quảng trường của Hà Nội đang diễn ra liên hoan của các đoàn văn công quân đội. Hàng nghìn người Hà Nội bao quanh bậc sân khấu được dựng ở các vườn hoa, trên các quảng trường, các ban công và mái nhà đầy người. Giải phóng Hà Nội cũng đồng nghĩa với giải phóng một nền nghệ thuật dân tộc, nhân dân đích thực mà những tên thực dân đế quốc đã hoài công nỗ lực tiêu diệt, nền nghệ thuật có nguồn gốc sâu xa từ văn hóa Việt Nam cổ xưa. Người dân được nghe lại những bài hát vùng châu thổ, giai điệu của Nam Bộ, của Việt Bắc. Điệu múa sạp với những đống tre, những điệu múa duyên dáng và quyến rũ của các dân tộc thiểu số làm mọi người hết sức phấn khích.

CHUYẾN TÀU HỎA ĐẦU TIÊN

Công việc quay phim đang tiến triển hết tốc độ. Ngày kết thúc cuộc hành trình của chúng tôi đang đến gần. Hiện giờ, chúng tôi cần phải phản ánh nỗ lực của nhân dân đang khôi phục nền kinh tế đất nước bị chiến tranh tàn phá.

Eshurin quay cảnh xây dựng đường sắt Hà Nội - Nam Quan, con đường dưới thời thực dân người Việt tự tay mình phá hủy. Bây giờ con đường rất cần cho việc nối liền lạc với đất nước Trung Hoa vĩ đại, với các nước bạn bè khác. Hàng vạn người đã đến xây dựng con đường. Volodia quay cảnh lắp đặt đường ray thép, cảnh chuẩn bị những thanh tà vẹt trong rừng.

Chúng tôi đi xe ca qua mấy chục kilômét, dọc theo công trường xây dựng đường sắt và thấy ở khu vực nào công việc cũng đều sôi nổi. Hàng nghìn người vác đất trong những chiếc sọt tre để tôn

nền đường, chõ tà vẹt, đường ray trên những xe goòng. Tiếng gõ vang vang sôi nổi của những chiếc búa đập vào đinh tán, những chiếc cầu được khôi phục đón chào chúng tôi.

Và đây là những thành quả lao động anh hùng. Chúng tôi có mặt tại lễ khai thông một cung đoạn đường sắt dài đã hoàn tất. Nhiều nông dân các làng bên cạnh tề tựu về đây. Đứng dọc đường là những người xây dựng với cuốc chim, xẻng trong tay. Hoa và quốc kỳ trang điểm đầu tàu hỏa, trên bệ phía trước của nó là một nhóm người tượng trưng – một lão nông, một chiến sĩ, một công nhân và một cô thôn nữ.

Trong tiếng hò reo phấn khởi, chiếc đầu tàu từ từ chuyển bánh và tăng tốc lao nhanh về phía xa. Có người chạm vào vai tôi. Tôi ngoảnh lại và thấy người quen cũ, anh Nguyễn Văn Tường – thợ xây dựng cầu.

Khuôn mặt anh rạng ngời nụ cười hạnh phúc. Anh nhìn theo sau đoàn tàu lúc ấy đang phóng trên cây cầu lớn bắc qua con sông rộng. Xa rất xa, tận đường chân trời, thấy rõ những dòng người đứng dọc đường sắt. Mọi người giờ xẻng và cuốc chim lên trên đầu, vẩy cờ, ném xuống dưới bánh xe đầu tàu hoa và cờ thơm.

Nguyễn Văn Tường kể với tôi về công việc của mình. Bây giờ anh đang xây và khôi phục những cây cầu trên toàn tuyến quốc lộ. Anh rất xúc động nói về công sức của công nhân xây dựng. Nhiều bạn trẻ tài năng đang tiếp thu các nghề nghiệp mới, đang học tập. Chẳng bao lâu nữa họ sẽ trở thành những chuyên gia.

- Thế anh có định đi học không? - Tôi lặp lại câu hỏi mà tôi đã hỏi nhà xây dựng bẩm sinh tài năng ở Việt Bắc, trong lần gặp nhau đầu tiên.

- Nhất định chứ! Bây giờ nhất định tôi phải học! Nhưng đợi làm xong con đường đã...

Nguyễn Văn Tường nhìn ra xa. Nằm trải dài trước chúng tôi là đồng bằng châu thổ, những cánh đồng lúa đã chín vàng. Trên mảnh đất Việt Nam vươn cao những mầm vàng mùa vụ đầu tiên của hòa bình. Và phía xa, trong cảnh chập chờn nóng bức hiện rõ lên làn khói trắng của đầu tàu đang lao nhanh trên con đường sắt mới.

ĐỒNG TRO TỪ NHỮNG VĂN TỰ NÔ LÊ

Nhà quay phim Hồng Nghi trở về từ Thanh Hóa, nơi anh đã quay cảnh khôi phục công trình thủy lợi Bái Thượng lớn nhất đất nước. Lũ thực dân phá hủy nó năm 1952. Hơn 400 quả bom tấn đã ném xuống đập nước. Tất cả các cửa đập đều bị hủy hoại. Cả khu vực trồng lúa rộng lớn bị thiếu nước.

Hồng Nghi kể về những thước phim anh quay được. Hàng vạn người làm việc để khôi phục lại hệ thống tưới tiêu. Nông dân nhiều làng tình nguyện đến công trường này. Họ gánh đất đá bằng đòn gánh trên vai. Không ô tô, không xe ủi, không máy xúc trên công trường. Xi măng được chở đến trên những chiếc thuyền đánh cá. Đá và gỗ được trâu kéo, chúng được chở trên xe đạp, được vác trên vai.

- Sau mấy tuần nữa, - Hồng Nghi nói - con đập sẽ xây xong. Tôi sẽ lại đi và quay lễ mở đập trọng thể và gửi tư liệu đến Moskva bằng máy bay. Tôi nghĩ là các bạn sẽ nhận được nó trước khi quay xong bộ phim.

Tôi và Mukhin quay cảnh thu hoạch lúa tập thể. Giờ chúng tôi mới thấy tiếc là thiếu máy bay trực thăng! Hay biết bao nếu được lượn trên những cánh đồng, mắt nhìn bao quát đồng bằng châu thổ vàng tươi, thêm màu sắc bởi những lá cờ đỏ thắm! Mọi người thu hoạch mùa màng một cách thủ công – bằng liềm. Lúa chín được gánh về làng, nơi tiến hành việc tuốt lúa tập thể.

Các chiến sĩ Quân đội Nhân dân ra đồng giúp nông dân trong những ngày thu hoạch sôi nổi này. Bàn tay nông dân của người lính quá nhớ lưỡi liềm. Trên bờ ruộng, súng trường súng máy xếp chum vào nhau. Như loạt súng trọng thể chào mừng chiến thắng, vang lên khắp đất nước những tiếng nổ phá tan bê tông đồn bốt đầy thù hận. Phấp phới những lá cờ đỏ thắm trên những khoảnh đất phủ đầy cỏ dại, nơi những thợ cày đang tới.

Mùa hè chiến tranh cuối cùng được ghi dấu bằng những trận thiên tai chưa từng có. Vùng này lũ lụt, vùng khác hạn hán. Nạn đói đe dọa lơ lửng trên hàng triệu người lao động.

- Sẽ không có nạn đói! - Nhân dân nói, nhân dân đã làm chủ số phận mình và thêm nữa, sự đảm bảo là khẩu hiệu của Đảng Lao động Việt Nam: “Ruộng đất cho dân cày!”

Ở các tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, ngay từ năm 1954 đã qua giai đoạn quyết định của cải cách ruộng đất – chia đất của địa chủ, chuyển đất đai của bọn phong kiến thành sở hữu của nông dân. Mukhín và Thi từ những nơi đó trở về. Họ quay những cảnh kịch tính trong việc chia đất của phong kiến. Người dân ra đồng chia đất như đi dự ngày hội vui vẻ. Từ nay và mãi mãi về sau, nó là của họ, mảnh đất của nhân dân, ngọn nguồn của sức mạnh và sự giàu mạnh. Con trâu và cái cày của địa chủ cũng bị tịch thu.

- Không thể không cảm nhận khi nhìn ông lão nông dân nức nở hôn cái mồm ướm của con trâu. - Thi kể.

Thế giới của lao động tự do và công bằng được mở ra trước nông dân làng Đốt, những người đã nhận đất và thổi bay đi theo gió tro bụi của văn tự nợ nần nô lệ.

Sẽ không có nạn đói! Khắp mọi miền đất nước đang truyền tin về công việc cày cấy tập thể trên những mảnh đất hoang, về việc xây dựng những con đập chứa nước lớn nhỏ.

Ở Khu Bốn, nông dân bắt đầu xây dựng hệ thống thủy lợi lớn nhất trên bờ sông Chu, ngày 10 tháng 10, để chào mừng ngày giải phóng Hà Nội, họ đã đổ đợt bê tông đầu tiên. Trong vòng một tháng, họ đã làm xong các khâu đổ bê tông và bây giờ đang hoàn tất công việc xây dựng.

Trên hơn 30.000 mẫu đất bị thực dân biến thành “vùng trắng”, nông dân tỉnh Vĩnh Phúc đã tháo gỡ hết mìn, giải thoát khỏi hàng rào dây thép gai và cây xói. Khắp nơi xuất hiện những hội nông dân làm ăn tập thể, trao đổi giúp đỡ nhau, lập các quỹ thóc và ngô giống.

SẼ CÓ MÁY MÓC, NHÀ MÁY, TRẠM ĐIỆN

Tại Hà Nội, chúng tôi gặp lại người sáng lập ra những nhà máy trong rừng, kĩ sư Trần Đại Nghĩa, bây giờ là Thứ trưởng Bộ Công thương. Ông kể với chúng tôi về những nhiệm vụ cấp thiết của Chính phủ liên quan đến việc chấn hưng nền kinh tế đất nước trong thời gian tới.

- Đất nước chúng tôi - ông nói - là một đất nước nông nghiệp, bị thiệt hại vì chiến tranh, từng chịu đựng những trận thiên tai chưa từng có. Chúng tôi sẽ tập trung chủ yếu vào việc phát triển mạnh mẽ nền nông nghiệp. Để chấn hưng nông nghiệp, nhất thiết phải khôi phục hệ thống thủy lợi, xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ mới. Toàn dân đã bắt tay vào làm việc này.

Về lĩnh vực công nghiệp, phải khôi phục các nhà máy sản xuất hàng hóa cho nhân dân. Cần xây dựng và khôi phục các nhà máy giấy và nhà máy dệt, tạo lập công nghiệp đồ hộp, cây trái và chế biến cá.

Hiện giờ chúng tôi sẽ chưa xây dựng nền công nghiệp nặng - ông nói - cho dù, chúng tôi biết rất rõ rằng công nghiệp nặng là nền tảng của kinh tế đất nước. Nhưng chúng tôi đang khôi phục và xây dựng những xí nghiệp công nghiệp nhẹ. Chúng tôi có crôm, volfram, than đá, sắt, chì, apatit. Đất nước chúng tôi giàu nguồn nước. Sẽ có lúc trên những con sông của chúng tôi sẽ được dựng lên

những con đập của các nhà máy thủy điện. Miền Nam đất nước có nhiều đất trồng cao su, dừa, các đồn điền chè và cà phê. Việt Nam phong phú các loại cây rừng quý. Chúng tôi có những khoáng đất đồng cỏ rộng bát ngát, nơi có thể phát triển chăn nuôi. Đó là tương lai của chúng tôi. Còn bây giờ chúng tôi phải tăng cường sản xuất lúa gạo, loại trừ nạn thiếu hàng tiêu dùng, phát triển lưu thông hàng hóa. Nhân dân Việt Nam tràn đầy quyết tâm thực hiện những nhiệm vụ mà Đảng Lao động, Chính phủ Cộng hòa và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra. Các bạn đã thấy hàng triệu người đang làm việc trên những công trường cần khôi phục với lòng nhiệt tình như thế nào chưa? Chúng tôi thiếu ô tô, máy móc, chúng tôi còn phải xây dựng bằng tay, khai thác than và kim loại bằng tay. Nhưng nhân dân Việt Nam biết chúng tôi không cô độc, bên cạnh chúng tôi có các nước bạn bè. Chúng tôi sẽ có ô tô, sẽ có máy móc, sẽ có nhà máy.

ĐÃ ĐẾN NGÀY CHÚNG TÔI RỜI VIỆT NAM

Quay được gần 40.000 mét phim. Những thước phim khắc họa những sự kiện của chủ nghĩa anh hùng và lòng dũng cảm của một dân tộc trong hai tư cách là chiến binh và người lao động. Chúng tôi sẽ chẳng dễ dàng gì khi phải chia tay với những người bạn!

Thi và Khoa sẽ bay sang Moskva cùng chúng tôi, họ sẽ tham gia lắp ráp và lồng tiếng cho phim. Ngoài ra, Thi còn nhận được lời mời từ Moskva đến tham dự Đại hội nhà văn Xô Viết lần thứ hai. Suốt mấy ngày liền, anh chuẩn bị cho bài phát biểu của mình ở Moskva. Anh cũng mơ ước đến thăm Odessa. Anh muốn sáng tác bản trường ca về cuộc nổi dậy trên những tàu chiến của hạm đội Pháp vào năm 1920 tại hải cảng Odessa.

“HÃY CHUYỂN LỜI CHÀO ĐẾN MOSKVA”

Khi rời Việt Nam, chúng tôi đến buổi gặp gỡ chia tay với đồng chí Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch – dinh thự trước kia của Toàn quyền Đông Dương ở Hà Nội.

Những người lính gác nghiêm trang đã cho xe chúng tôi đi qua công rộng. Lốp xe sệt sệt trên lớp sỏi của con đường đẹp có trồng cây hai bên dẫn đến bậc thềm chính bằng đá cẩm thạch của tòa nhà. Thật trang trọng. Chúng tôi hồi hộp bởi bầu không khí khác thường của buổi tương ngộ lần cuối với vị Chủ tịch, người mà trong thời chiến, chúng tôi đã gặp ở lối mòn trên núi, trong ngôi nhà tre, trong đơn vị quân đội, trong quân y viện dã chiến.

Chúng tôi hồi hộp, hiển nhiên, còn vì cuộc gặp gỡ cuối cùng với đồng chí Hồ Chí Minh cũng đồng nghĩa với việc chia tay với Việt Nam... Nhưng chiếc xe không hiểu tại sao lại đi qua hàng dãy cột cung điện và phóng nhanh dọc các con đường nhỏ có trồng cây hai bên vào tận sâu trong khuôn viên. Chúng tôi đi đâu thế này? Cậu lái xe nhầm lẫn chăng?

Sâu trong khuôn viên râm mát có một ngôi nhà nhỏ. Không ra chòi canh cũng chẳng ra nhà của người làm vườn. Và một lần nữa, như hồi ở trong rừng, trước ngưỡng cửa “Phủ Chủ tịch” bằng tre, đồng chí Hồ Chí Minh, vẫn trong trang phục người nông dân ấy, đôi dép cao su làm bằng lốp ô tô ấy, vẫn với nụ cười đôn hậu ấy, ra đón chúng tôi. Có điều, bây giờ, trên vai có khoác áo budong độn bông của người lính. Đó là vào tháng 12...

Và dường như phía trên chúng tôi không còn bị khuấy động những tháng năm chiến tranh đã xảy ra ở Việt Nam. Vẫn thân thiết và hóm hỉnh như thế, chủ nhân của căn nhà là người mến khách, vẫn rực sáng như thế cặp mắt đôn hậu của Người, và một lần nữa cặp mắt ấy thoáng hiện một nỗi buồn khi Chủ tịch nói về những đau khổ của hàng triệu người dân nơi ấy, ở phía Nam vĩ tuyến 17, nơi đang ngự trị sự khùng bố tàn khốc, nơi đầy rẫy những nhà tù, nơi những tên đế quốc đang làm mọi thứ để phá hoại nền hòa bình đã giành được.

- Cuộc chiến đấu chưa kết thúc. - Người nói. - Nhân dân Nam Bộ chịu nhiều khổ đau đang dõi theo chúng tôi với niềm hy vọng. Họ biết rằng chúng tôi có hàng triệu người bạn trên toàn thế giới – ở Pháp, Liên Xô. Nhân dân Việt Nam tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của mình, tin tưởng rằng

chúng tôi sẽ giành được sự thống nhất của Tổ quốc chúng tôi.

- Hãy chuyển lời chào đến Moskva! – Chủ tịch Hồ Chí Minh nói, đứng ở ngưỡng cửa ngôi nhà nhỏ của mình, dưới bóng mát tán cây khuôn viên của cung điện.

Bây tháng ở Việt Nam! Thời gian trôi nhanh đến mức tôi không kịp nhận ra những ngày cuối cùng của cuộc chiến đã qua, những ngày hòa bình đầu đang đến. Trong tôi không thể nào phai mờ được kỷ niệm về các cuộc gặp gỡ với nhân dân Việt Nam, những trẻ em, bộ đội, du kích, những bộ trưởng, thầy giáo, công nhân, nông dân...

Lần đầu tiên trong đời, tôi đến đất nước này và tôi sẽ yêu mến nó đến trọn đời. Trong giờ phút chia tay, tôi muốn tin rằng mình sẽ trở lại, sẽ thấy một Việt Nam hạnh phúc, thống nhất, không bị chia cắt bởi bất kỳ vĩ tuyến nào.

Tôi bắt tay rồi ôm hôn những con người tôi yêu quý lần cuối. Và khi máy bay lượn một vòng già biệt trên bầu trời Hà Nội, phía trên hình bầu dục xanh lam của hồ Hoàn Kiếm, trái tim tôi như đang muốn nói:

“Tôi sẽ không nói lời vĩnh biệt với Người, Việt Nam thân yêu!”